CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

------ ✻ ------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC, NHỰA XỐP VÀ CÁC LOẠI TẤM CÁCH NHIỆT

Địa điểm thực hiện: Lô CN1(nay là một phần lô M), KCN Tràng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỦ CƠ SỞ
GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Hữu Cùng	Trịnh Huy Hoàng

Hải Phòng, năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT....4
DANH MỤC BẢNG....5
DANH MỤC HÌNH....7
CHƯƠNG I....8
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ....8
1.1. Tên chủ cơ sở....8
1.2. Tên cơ sở....8
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:....9
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:....9
1.3.2. Công nghệ sản xuất....13
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:....27
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:....28
1.4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng:....28
1.4.2. Nhu cầu về điện năng....45
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước....45
1.5. Các thông tin khác có liên quan....48
1.5.1. Vị trí địa lý cơ sở....48
1.5.2. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở....51
1.5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở....51
1.5.4. Hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở trong quá trình hoạt động....64
1.5.5. Phạm vi xin cấp GPMT....64
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG....68
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường....68
2.2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia: 68
2.2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường của thành phố....68
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:....71
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ....72
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải....72

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa....72
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải....73
1.3. Xử lý nước thải....75
1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt....75
1.3.2. Xử lý nước thải sản xuất:....78
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:....83
3.2.1. Hệ thống xử lý bụi lò hơi 15 tấn/h số 1 và số 2....85
3.2.2. HTXL khí thải tại xưởng sản xuất tấm Panel (xưởng sản xuất số 1):....99
3.2.3. Xử lý bụi từ quá trình sản xuất tấm Panel bông khoáng, bông thủy tinh: 103
3.2.4. Xử lý khí thải trong hoạt động nấu ăn....104
3.2.5. Thông gió nhà xưởng....104
3.2.6. Các biện pháp giảm thiểu khác....104
3.2.7. Khí thải từ phương tiện vận chuyển (nguyên vật liệu, sản phẩm và xe chở công nhân)....105
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:....105
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:....110
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung....116
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:....117
3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải....117
3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ....117
3.6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố máy lọc bụi....119
3.6.4. Phương án phòng ngừa sự cố lò hơi....120
3.6.5. Phương án phòng sự cố máy nén khí....121
3.6.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động....121
3.6.7. Biện pháp kiểm soát an toàn sử dụng hóa chất....122
3.6.8. Phòng ngừa, ứng phó sự cố về điện và rò rỉ điện....124
3.6.9. Phòng ngừa ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm tại bếp ăn tập thể....124
3.6.10. Phòng ngừa, ứng phó sự cố bếp gas cho nhà ăn....125
3.6.11. Phòng ngừa, ứng phó với sự cố giao thông....126
3.6.12. Phòng ngừa, ứng phó với sự cố về bệnh tật của công nhân....127
3.6.13. Phòng ngừa, ứng phó rủi ro dịch bệnh....127
3.7. Các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định ĐTM đã được phê duyệt. 127

3.7.1. Các nội dung thay đổi của dự án đầu tư so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.....127
3.7.2. Các nội dung thay đổi khác so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.....136
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....145
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....145
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....146
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....151
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải.....152
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....157
5.1. Kết quả quan trắc định môi trường định kỳ đối với nước thải.....157
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....160
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....167
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....167
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....167
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....168
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....170
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....170
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục.....171
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.....171
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....172
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....173
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....178
PHỤ LỤC.....179
PHỤ LỤC 1.....180
PHỤ LỤC 2.....181

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTCT	Bê tông cốt thép
CATP	Công an thành phố
CTR	Chất thải rắn
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
GXN	Giấy xác nhận
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QĐ	Quyết định
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất trong năm sản xuất ổn định theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư9

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu đầu vào và hóa chất.....28

Bảng 1. 3. Thành phần và tính chất của một số hoá chất sử dụng.....32

Bảng 1.4. Danh mục máy móc thiết bị tại nhà máy.....33

Bảng 1.5. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tối đa của dự án khi hoạt động ổn định....47

Bảng 1.6. Tọa độ khép góc khu đất của cơ sở.....48

Bảng 1.7. Cơ cấu sử dụng đất của nhà máy.....51

Bảng 1.8. Các hạng mục công trình của cơ sở.....52

Bảng 1.9. Danh mục các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Nhà máy đã lắp đặt.....61

Bảng 1.10. Phạm vi của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.....65

Bảng 3.1. Thông số, kỹ thuật hệ thống thu thoát nước mưa 73

Bảng 3. 2. Khối lượng chất thải nguy hại dự kiến của Nhà máy.....111

Bảng 3. 3. Tổng hợp các hạng mục công trình BVMT và sự thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM.....128

Bảng 3.4. Thống kê diện tích các hạng mục công trình so với ĐTM đã phê duyệt....137

Bảng 3.5. Bảng danh mục máy móc, thiết bị thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.....141

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải 146

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí thải xả ra môi trường xung quanh.....147

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí xả ra môi trường lao động.....150

Bảng 4.4. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn.....151

Bảng 4.5. Giá trị tối đa cho phép về mức độ rung.....151

Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2023 157

Bảng 5. 2.Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải đợt 1, đợt 2, đợt 3 năm 2024.159

Bảng 5. 3. Thống kê vị trí điểm quan trắc khí thải.....161

Bảng 5.4. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2023.....161

Bảng 5. 5. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải đợt 1, đợt 2, đợt 3 năm 2024....163

Bảng 5.6. Thống kê vị trí điểm quan trắc không khí làm việc.....165

Bảng 5. 7. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc không khí làm việc năm 2023.....165

Bảng 5.8. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc không khí làm việc đợt 1,2,3 năm 2024.166

Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải 167

Bảng 6. 2. Chương trình quan trắc vận hành thử nghiệm.....169

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất xốp định hình.....13
Hình 1.2. Máy kích nở hạt nhựa.....14
Hình 1.3. Quy trình sản xuất, gia công khuôn mẫu kim loại.....17
Hình 1.4. Quy trình công nghệ sản xuất tấm Panel EPS.....21
Hình 1.5. Quy trình công nghệ sản xuất tấm Panel từ bông khoáng, bông thủy tinh…23
Hình 1.6. Quy trình công nghệ sản xuất tấm Panel PU.....25
Hình 1.7. Mặt bằng bố thiết bị tầng 1 xưởng sản xuất số 1.....37
Hình 1.8. Mặt bằng bố trí thiết bị tầng 2 xưởng sản xuất số 1.....38
Hình 1.9. Mặt bằng bố trí thiết bị tầng 1 xưởng sản xuất số 2.....39
Hình 1.10. Mặt bằng bố trí thiết bị tầng 2 xưởng sản xuất số 2.....40
Hình 1.11. Mặt bằng bố trí thiết bị xưởng sản xuất số 7.....41
Hình 1. 12. Mặt bằng bố trí thiết bị nhà nồi hơi sau khi mở rộng.....42
Hình 1.13. Mặt bằng bố trí thiết bị xưởng cơ khí.....43
Hình 1. 14. Mặt bằng nhà kho.....44
Hình 1. 15. Vị trí khu đất cơ sở.....50
Hình 1.16. Mặt bằng bố trí công trình bảo vệ môi trường.....63

Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại Nhà máy 72

Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.....74
Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom nước thải sản xuất của Nhà máy.....75
Hình 3.4. Mặt bằng bể tự hoại 2 ngăn.....76
Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo của bể tách dầu mỡ.....77
Hình 3.6. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/h số 1.....90
Hình 3. 7. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/h số 2.....94
Hình 3. 8. Hình ảnh tấm lọc Cacbon.....101
Hình 3.9. Hình ảnh ống khói hệ thống xử lý khí thải xưởng sản xuất Panel (xưởng sản xuất số 1).....102
Hình 3.10. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.....106
Hình 3.11. Phân loại và thu gom chất thải công nghiệp tại nguồn.....108
Hình 3.12. Khu lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường số 1.....109
Hình 3.13. Khu lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường số 2.....109
Hình 3.14. Công trình kho lưu chứa chất thải nguy hại.....115
Hình 3. 15. Bố trí kho lưu chứa chất thải nguy hại.....116

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông **Trịnh Huy Hoàng**, Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 0225.8830267; Fax: 0225.8830266;

Email: tanhuyhoangeps@gmail.com

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0200130239, đăng ký lần đầu ngày 13/03/2000 và thay đổi lần thứ 16 ngày 29/12/2023 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5816655511 chứng nhận lần đầu ngày 29/05/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 21/04/2022.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt.

- Địa điểm cơ sở: Lô CN1 (nay là một phần lô M), Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):

+ Giấy phép xây dựng 280/GPXD ngày 21/01/2022 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp

+ Giấy phép xây dựng số 1794/GPXD-BQL ngày 30/7/2018 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp.

+ Giấy phép xây dựng số 1510/GPXD-BQL ngày 25/8/2016 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp.

+ Giấy phép xây dựng 1404/GPXD-BQL ngày 05/08/2016 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp.

+ Giấy phép xây dựng 865/GPXD-BQL ngày 02/07/2013 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3205/QĐ-BQL của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng ngày 05/08/2020 dự án "Mở rộng, nâng công

suất nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt" tại một phần lô M, khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng .

- Quy mô cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng vốn đầu tư: 440.000.000.000 (Bốn trăm bốn mươi tỷ đồng) đồng.

+ Theo điều 9 Luật đầu tư công 2019 và Nghị định 40/2020/NĐ-CP thì dự án thuộc nhóm B;

+ Theo điều 28 Luật BVMT năm 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm II.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Công suất sản xuất của Nhà máy trong năm sản xuất ổn định theo ĐTM như sau:

Bảng 1.1. Công suất trong năm sản xuất ổn định

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất sản xuất
1	Các sản phẩm xốp định hình (Xốp bao bì chèn máy, thiết bị cao cấp; Xốp thùng đông lạnh; Xốp tấm cách nhiệt thông thường)	(tấn/năm)	3.500
2	Tấm panel dán tôn mát mạ màu (làm bằng xốp EPS và xốp PU chống cháy); các loại tấm panel làm vách ngăn nhà; tôn mát	(m^2/năm)	1.350.000
		(tấn/năm)	7.213
Tổng		**Tấn/năm**	**10.713**

Công suất sản xuất hiện tại của Nhà máy như sau:

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất sản xuất	
			Năm 2022	Năm 2023
1	Các sản phẩm xốp định hình (xốp bao bì chèn máy, thiết bị cao cấp; xốp thùng đông lạnh; xốp tấm cách nhiệt thông thường)	(tấn/năm)	2.820	2.679
2	Tấm panel dán tôn mát mạ màu (làm bằng xốp EPS và xốp PU chống cháy); các loại tấm panel làm vách ngăn nhà; tôn mát	(tấn/năm)	1.532	1.091
Tổng		**Tấn/năm**	**4.352**	**3.770**

Công suất sản xuất hiện tại của cơ sở năm 2022 đạt 40,6%, năm 2023 đạt 35,2% so với công suất đã được phê duyệt trong ĐTM. Từ đây cho thấy công suất sản xuất hiện tại vẫn nằm trong công suất đã được phê duyệt trong ĐTM.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm: doanh nghiệp Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc đã đầu tư vào thành phố Hải Phòng và các tỉnh thành lân cận như Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Quảng Ninh, Ninh Bình…

- Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm: Sản phẩm được sản xuất theo ISO 9001:2015

❖ ***Một số hình ảnh của sản phẩm***

Xốp định hình

Thùng xốp

Xốp tấm, xốp khối

Xốp mũ bảo hiểm

Xốp phao bè

Panel EPS

Panel PU

Panel bông khoáng, bông thủy tinh

1.3.2. Công nghệ sản xuất

a. Quy trình sản xuất xốp định hình EPS và EPP

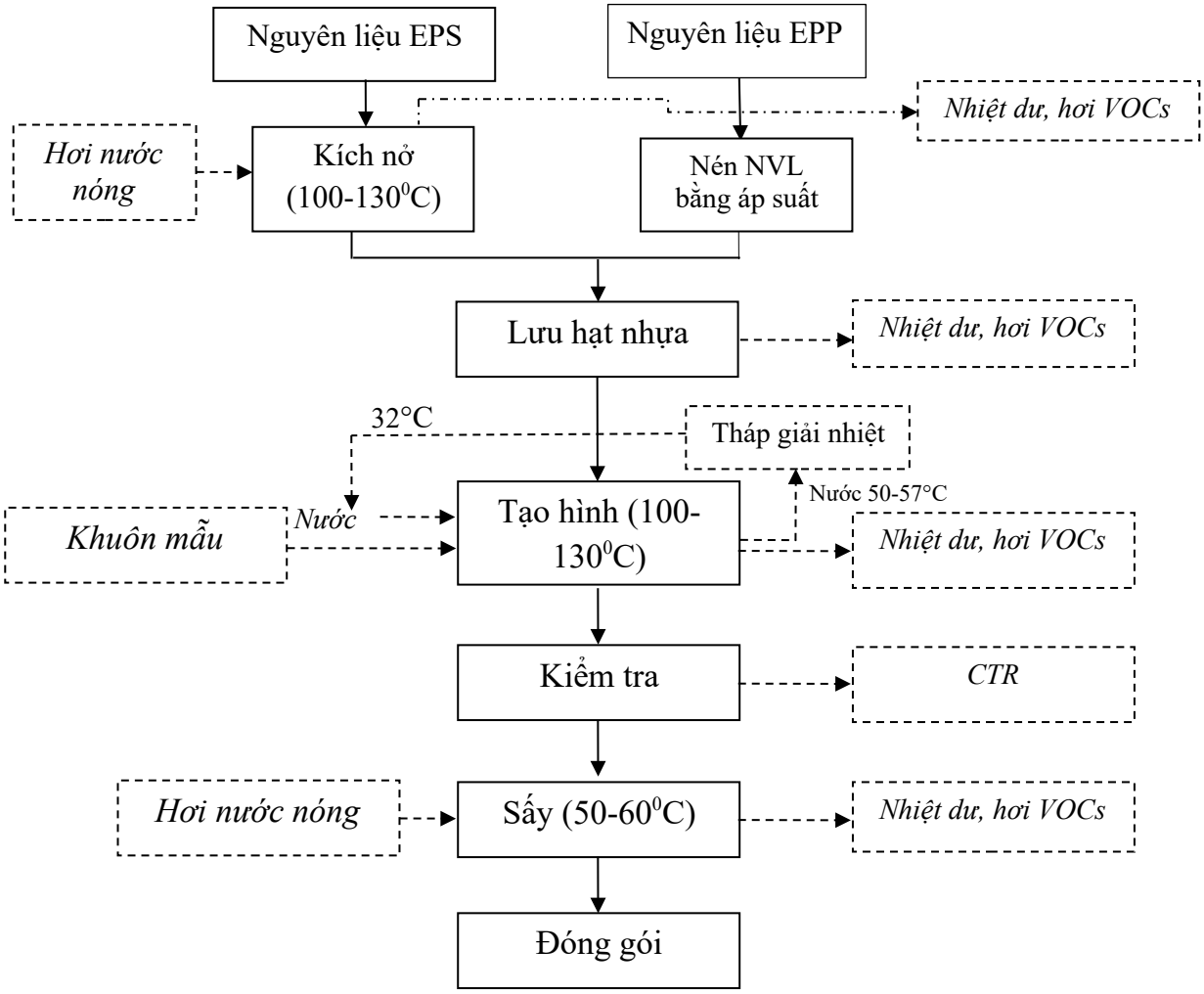

Hình 1.1. Quy trình sản xuất xốp định hình

Thuyết minh quy trình sản xuất:

- Nguyên liệu:

Nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất xốp EPS là hạt nhựa EPS dạng nguyên sinh được nhập khẩu từ nước ngoài. Nhựa EPS có tên đầy đủ là Expanded Polystyrene, chứa chất khí Pentane (C_5H_{12}) là chất khí dễ cháy, được sản xuất dưới dạng hạt hình tròn đường kính ≈ 1mm, màu trắng trong và trọng lượng cực nhẹ. Thành phần của hạt nhựa EPS: gồm 90 – 95% Polystyrene và khoảng 5-10% chất tạo khí như Pentane hay Carbon Dioxide. Sau khi xử lý các hạt EPS nở to và kết dính với nhau.

Nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất xốp EPP là hạt nhựa EPP dạng nguyên sinh được nhập khẩu từ nước ngoài. Nhựa EPP có tên đầy đủ là Expanded Polypropylene, đã được kích nở, được sản xuất dưới dạng hạt đường kính ≈ 1- 4mm tùy

theo tỷ trọng hạt nhựa, có nhiều màu: màu trắng, hồng, xanh, đen và trọng lượng cực nhẹ. Trước khi cần sản xuất các hạt nhựa EPP phải được đưa vào bình nén áp suất

Hạt nhựa sau khi nhập về nhà máy sẽ được kiểm tra chất lượng đầu vào bằng hình thức kiểm tra sắc xuất. Các lô hàng không đạt yêu cầu sẽ được chuyển trả lại đơn vị cung cấp. Sản phẩm đạt yêu cầu được chuyển sang bộ phận sản xuất để kích nở.

- Kích nở:

Hạt nhựa đạt yêu cầu được cân định lượng rồi dẫn qua phễu thả vào bồn khuấy của máy kích nở thông qua đường ống mềm. Tại đây, hạt nhựa EPS được khuấy trộn nhờ mô tơ khuấy và được gia nhiệt đến nhiệt độ 100-130^{0}C. Nhiệt cấp cho quá trình này là nhiệt từ hơi nước được sản xuất từ lò hơi 15 tấn/h (2 lò) chạy bằng nhiên liệu củi, mùn cưa rồi qua thiết bị tăng áp để đạt nhiệt độ yêu cầu. Thời gian kích nở hạt nhựa tùy thuộc vào yêu cầu của từng sản phẩm, thông thường là 2-7 phút. Kết thúc quá trình kích nở, kích thước hạt tăng lên từ 5 ÷ 200 lần.

Hình 1.2. Máy kích nở hạt nhựa

** Hệ thống lò hơi cơ bản bao gồm 3 thành phần:*

+ Bể cấp nước cho lò hơi

+ Lò hơi

+ Bộ phận sử dụng hơi

Nguyên lý hoạt động của lò hơi: Nhiên liệu được đốt cháy trong buồng đốt trên mặt ghi tĩnh. Trong buồng đốt có vòm cuốn bức xạ nhiệt tạo ra những vùng tâm cháy của buồng đốt, nhiên liệu được đốt cháy và gió nóng được dẫn từ đuôi buồng đốt lên phía trên để tận dụng nhiệt của xỉ làm cho than cháy kiệt và đồng thời làm cho xỉ nguội trước khi thải ra ngoài. Lò hơi dùng nhiệt lượng sinh ra của nhiên liệu (củi gỗ, mùn cưa hoặc than cám), biến thành nhiệt năng của hơi nước. Hơi này được cung cấp cho quá trình sản xuất xốp: kích nở, sấy. Định kỳ hằng ngày lò hơi sẽ được xả cặn đáy để đảm bảo hoạt động an toàn.

** Hệ thống làm mềm nước*

Để đảm bảo cho hoạt động của lò hơi, nước cấp vào phải được xử lý đạt yêu cầu. Vì vậy, nhà máy sử dụng 02 thiết bị làm mềm nước với công suất 15 m^3/h và 7,5m^3/h. Hai thiết bị này có cùng nguyên lý hoạt động như sau:

Nước cấp được bơm cấp vào hệ thống, hệ thống gồm 2 cột lọc Cation hoạt động song song, hoàn nguyên luân phiên. Ở chế độ lọc, nước sẽ đi qua cột lọc theo chiều từ trên xuống dưới, nước sau khi tiếp xúc với hạt nhựa Cation sẽ được loại bỏ độ cứng và ra khỏi cột lọc đi vào bồn chứa nước cấp cho lò hơi. Sau một thời gian hoạt động hạt nhựa Cation làm mềm nước sẽ bị trơ, do đó phải hoàn nguyên bằng dung dịch nước muối NaCl.

Hệ thống được thiết kế hoạt động liên tục, luôn luôn cấp nước vào bồn để cấp cho lò hơi: khi 01 cột lọc Cation hoàn nguyên thì cột lọc còn lại sẽ lọc và ngược lại, hệ thống được cài đặt tự động hoàn nguyên. Van điện sẽ mở và đóng theo quá trình cài đặt sẵn cho các cột lọc: trong bồn chứa nước cấp thiếu thì van mở, đẩy nước hoặc cột lọc hoàn nguyên thì van đóng.

Cột lọc có nhiệm vụ làm mềm nước, làm giảm độ cứng của nước, bên trong cột có chứa hạt nhựa Cation. Nước đi qua lớp vật liệu theo chiều từ trên xuống dưới và các Cation Ca^{2+}, Mg^{2+}sẽ bị giữ lại trên bề mặt hạt nhựa dựa trên nguyên lý trao đổi ion. Nguyên lý trao đổi ion ở đây dựa trên tính chất của một số chất không tan hoặc hầu như không tan trong nước nhưng có khả năng trao đổi ion. Khi lọc nước qua lớp vật liệu hạt Na – Catrionit sẽ xảy ra các phản ứng sau:

$2RNa + Ca(HCO_3)_2 \longleftrightarrow R_2Ca + 2NaHCO_3$

$2RNa + Mg(HCO_3)_2 \longleftrightarrow R_2Mg + 2NaHCO_3$

$2RNa + CaCl_2 \longleftrightarrow R_2Ca + 2NaCl$

$2RNa + CaSO_4 \longleftrightarrow R_2Ca + Na_2SO_4$

$2RNa + MgSO_4 \longleftrightarrow R_2Mg + Na_2SO_4$

Ký hiệu R chỉ lõi không hòa tan của hạt nhựa Cation tổng hợp

Nước đi qua lớp hạt nhựa Cation, ngày càng nhiều ion Na^+ trên bề mặt của nó được thay thế bằng ion Ca^{2+}, Mg^{2+} của nước. Cuối cùng, khi tất cả các ion Na^+ trên bề mặt hạt nhựa Cation bị thay thế bằng Ca^{2+} và Mg^{2+}, hạt nhựa Catrionit không còn khả năng trao đổi để tách ion Ca^{2+} và Mg^{2+} khỏi nước nữa. Khi đó để khôi phục lại khả năng trao đổi cation của hạt nhựa, cần tiến hành hoàn nguyên vật liệu lọc bằng dung dịch muối NaCl. Lúc đầu ngâm hạt nhựa Cation vào dung dịch NaCl đậm đặc thì các ion H^+ trên bề mặt hạt nhựa Cation sẽ tham gia vào phản ứng trao đổi với ion Na^+ hòa tan trong dung dịch, kết quả ion Na^+ được thay cho ion H^+trên bề mặt hạt nhựa và Cationit biến thành Na – Catrionit.

Khối lượng vật liệu lọc nước có trong hệ thống làm mềm nước như sau:

+ Thiết bị làm mềm nước công suất 7,5 m^3/h:

- *Sỏi đỡ, cát thạch anh: 100kg.*
- *Hạt nhựa Cation Na^+: 430kg.*

+ Thiết bị làm mềm nước công suất 15 m^3/h:

- *Sỏi đỡ, cát thạch anh: 200kg.*
- *Hạt nhựa Cation Na^+: 860 kg.*

Các vật liệu này được thay thế với tần suất 1 năm/lần.

- Lưu hạt nhựa

Hạt sau khi kích nở có trọng lượng rất nhẹ được vận chuyển vào silo chứa bằng hệ thống đường ống nhựa D20 thông qua quạt đẩy. Các hạt xốp được lưu chứa ở đây trong thời gian 3 ÷ 4h ở nhiệt độ thường để hạt được căng và có độ xốp, đàn hồi.

Silo chứa được thiết kế dạng lưới, khung thép có kích thước (3,0 x 3,0 x 5,0)m; sử dụng xy lanh khí để điều khiển nạp phễu và mở phễu.

Hạt xốp sau khi đạt thời gian nghỉ theo quy định được dẫn vào máy tạo hình bằng đường ống thép mạ kẽm D150 nằm phía dưới đáy của Silo chứa thông qua quạt đẩy.

- Tạo hình

Từ Silo cung cấp, hạt EPS được đẩy vào máy tạo hình sản phẩm đã được lắp ráp khuôn để tạo hình sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Quá trình tạo hình được thực hiện nhiệt độ 200^0C để ép chín sản phẩm (làm cho các hạt EPS kết dính vào nhau). Nhiệt cấp cho quá trình này là hơi nước bão hòa đã được đưa qua thiết bị tăng áp để đạt nhiệt độ yêu cầu. Thời gian ép chặt là 1-3 phút tùy thuộc vào kích thước và yêu cầu chất lượng sản phẩm. Sau đó nước có nhiệt độ khoảng 32-35^0C sẽ được phun trực tiếp vào sản phẩm để làm mát sản phẩm, đồng thời sử dụng áp lực khí nén để đưa sản phẩm ra khỏi khuôn. Nước sau khi làm mát sản phẩm có nhiệt độ khoảng 50-57^0C được dẫn vào tháp làm mát để giải nhiệt nước và tuần hoàn tái sử dụng.

Quy trình sản xuất, gia công khuôn mẫu để phục vụ cho quá trình tạo hình được sản xuất tại Nhà máy. Cụ thể như sau:

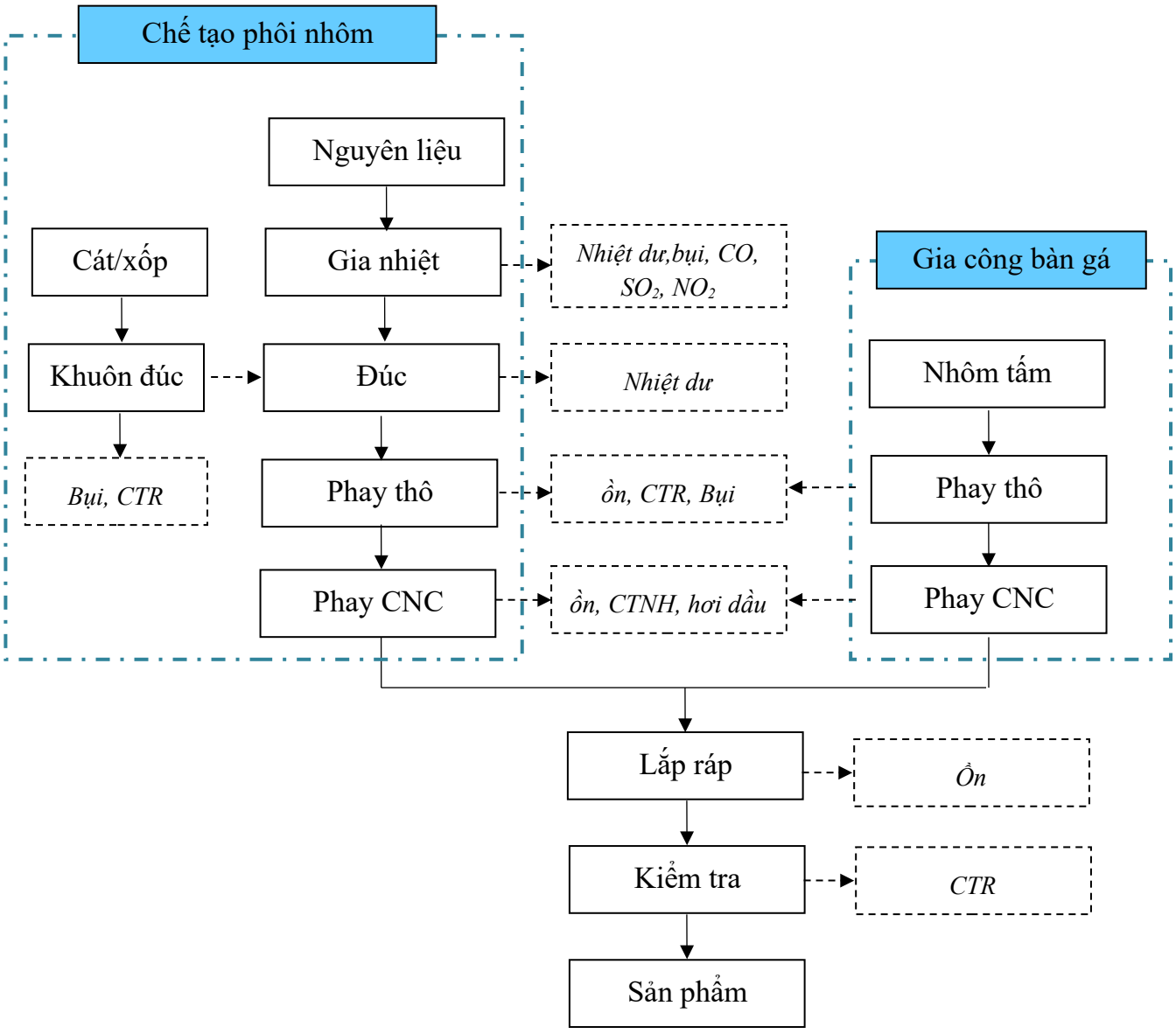

Hình 1.3. Quy trình sản xuất, gia công khuôn mẫu kim loại

Thuyết minh quy trình:

Quy trình sản xuất, gia công khuôn mẫu gồm quy trình chế tạo phôi nhôm, gia công bàn gá và quy trình lắp ráp phôi nhôm với bàn gá. Cụ thể các quy trình như sau:

- Quy trình chế tạo phôi nhôm:

*+ **Nguyên liệu:** Nguyên liệu đầu vào là các thỏi nhôm hoặc nhôm vụn không lẫn thành phần nguy hại và tạp chất. Nguyên liệu đầu vào được kiểm tra thông qua các chứng từ xuất xưởng của đơn vị cung cấp nguyên liệu cung cấp.*

*+ **Gia nhiệt:** Nguyên liệu đạt yêu cầu sẽ được gia nhiệt ở nhiệt độ khoảng 660℃ để làm nóng chảy nhôm bằng lò nấu nhôm bằng điện.*

*+ **Đúc:***

Nhôm nguyên liệu sau khi nóng chảy sẽ được rót thủ công vào khuôn đúc bằng các gầu xúc. Khuôn đúc được chế tạo tại Nhà máy từ cát được mua tại thị trường đã có sẵn các thành phần cát, đất sét theo tỷ lệ thích hợp. Tại Nhà máy không tiến hành phối trộn thêm bất cứ thành phần nào. Khuôn mẫu để làm hộp ruột được chế tạo bằng xốp EPS. Cát sau khi nhập về được trộn thêm nước để tạo độ ẩm và đưa vào khuôn mẫu, hộp ruột để tạo hình cho khuôn.

Sau khi rót, khuôn đúc sẽ được để nguội tự nhiên trong thời gian từ 4-5h. Sau khi nguội, cát bị mất nước sẽ tự tơi ra, do đó có thể lấy vật đúc ra khỏi khuôn một cách dễ dàng. Cát sau khi sử dụng sẽ được sàng lọc để loại bỏ chất bẩn để tái sử dụng. Phôi nhôm sau khi sản xuất được đưa sang công đoạn chế tạo chi tiết.

*+ **Phay thô:** Phôi được phay thô các cạnh để loại bỏ những chi tiết không mong muốn. Trong quá trình phay sử dụng khí nén để làm mát dao cắt. Bavia từ quá trình này không lẫn thành phần nguy hại được tái sử dụng làm nguyên liệu cho quá trình gia nhiệt tạo phôi.*

*+ **Phay CNC:** Tiếp theo, phôi được đưa sang máy phay CNC để gia công các chi tiết theo đúng thiết kế bằng hệ thống điều khiển tự động đã được cài đặt sẵn các thông số kỹ thuật. Quá trình này sử dụng dầu tưới nguội vừa có tác dụng làm mát dao cắt vừa có tác dụng dập bụi trong quá trình CNC. Dầu tưới nguội là dầu pha theo tỷ lệ dầu:nước là 1:15. Phoi kim loại hay bavia thừa phát sinh từ quá trình cắt CNC đi theo dầu thải ra phía sau hệ thống máy. Phoi kim loại lẫn dầu được nhà máy thu gom cùng chất thải nguy hại của Nhà máy. Dầu sau khi tách các phoi thừa sẽ được tuần hoàn lại quy trình sản xuất và bổ sung lượng dầu thiếu hụt, không thải bỏ ra môi trường.*

- Quy trình gia công bàn gá:

*+ **Nguyên liệu:** Nguyên liệu đầu vào là tấm nhôm được nhập về có kích thước 1,5mx6m, độ dày 10-16mm, các tấm nhôm này sẽ được nhà máy kiểm tra chất lượng bằng các chứng từ xuất xưởng do đơn vị cung cấp nguyên liệu cung cấp. Nguyên liệu đạt yêu cầu sẽ được đưa vào khu vực sản xuất.*

*+ **Gia công thô:** các nguyên liệu sẽ được cắt thành các tấm nhỏ có kích thước phù hợp với kích thước của sản phẩm bằng máy cắt Plasma. Nguyên lý cắt plasma dựa trên sự tận dụng nhiệt độ rất cao và tốc độ chuyển động lớn của khí từ miệng phun của đầu cắt plasma để làm nóng chảy và thổi kim loại khỏi rãnh cắt. Khi ứng dụng chế độ thích hợp mép cắt phẳng không sần sùi, để tạo mép cắt vuông góc cần giảm tốc độ cắt. Chất lượng cắt plasma phụ thuộc vào cường độ dòng điện, khí sử dụng, tốc độ cắt và khoảng cách từ vật tới đầu cắt.*

*+ **Gia công CNC:** các tấm thép sau đó được đưa sang máy phay CNC để gia công các chi tiết theo đúng thiết kế bằng hệ thống điều khiển tự động đã được cài đặt sẵn các thông số kỹ thuật. Quá trình này sử dụng dầu tưới nguội vừa có tác dụng làm mát dao cắt vừa có tác dụng dập bụi trong quá trình CNC. Dầu tưới nguội là dầu pha theo tỷ lệ dầu:nước là 1 : 15. Phoi kim loại hay bavia thừa phát sinh từ quá trình cắt CNC đi theo dầu thải ra phía sau hệ thống máy. Sau đó, được nhà máy thu gom như chất thải nguy hại. Dầu sau khi tách các phoi thừa sẽ được tuần hoàn lại quy trình sản xuất và bổ sung lượng dầu thiếu hụt, không thải bỏ ra môi trường.*

- Quy trình lắp ráp chi tiết với bàn gá

*+ **Lắp ráp**: Các chi tiết sau đó sẽ được lắp ráp lại với nhau bằng các bu lông để tạo thành khuôn hoàn chỉnh. Trong quá trình lắp ráp nếu các chi tiết còn chưa ăn khớp với nhau sẽ tiến hành sửa chữa bằng cách gọt, mài để đảm bảo độ kín khít của các chi tiết.*

*+ **Kiểm tra**: Sau khi chế tạo xong, sản phẩm sẽ được kiểm tra về kích thước của sản phẩm. Các sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được chỉnh sửa lại, nếu không chỉnh sửa được sẽ được tái sử dụng làm nguyên liệu cho quá trình gia nhiệt sản xuất phôi. Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang bộ phận sản xuất xốp để sử dụng.*

- Kiểm tra

Sau khi tạo hình xong, các sản phẩm sẽ được công nhân kiểm tra ngoại quan bằng thủ công. Sản phẩm đạt yêu cầu là các sản phẩm không bị gãy; không vỡ, không biến dạng; nét chữ rõ ràng, không thiếu nét, đúng vị trí; biểu tượng rõ ràng, đủ nét, đúng chiều mũi tên, đúng vị trí; bề mặt sản phẩm căng mịn đều; sản phẩm đạt kích thước và trọng lượng yêu cầu.

Sản phẩm không đạt yêu cầu được thu gom, xử lý cùng chất thải rắn thông thường của Nhà máy, sản phẩm đạt yêu cầu được đưa sang công đoạn sấy khô.

- Sấy khô

Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được đưa vào phòng sấy khô ở nhiệt độ 40ºC - 50ºC trong khoảng thời gian từ 1-2h. Nhiệt độ cấp cho phòng sấy được lấy từ nồi hơi của Nhà máy.

Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được đưa vào băng chuyền đóng gói và nhập kho.

Các nguồn thải phát sinh trong công đoạn sản xuất sản phẩm xốp, sản xuất, gia công khuôn là:

- Khí thải: khí Styren và HC từ quá trình kích nở hạt nhựa, lưu hạt nhựa, tạo hình, sấy sản phẩm; hơi dầu từ quá trình phay CNC.

- Bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của nồi hơi, bụi từ quá trình tạo khuôn cát.

- Chất thải rắn: sản phẩm hỏng bị loại khỏi quá trình kiểm tra, tro xỉ từ hoạt động của nồi hơi, vật liệu lọc thải bỏ từ quá trình làm mềm nước; sản phẩm hỏng bị loại khỏi quá trình kiểm tra, bavia nhôm loại bỏ trong quá trình phay thô.

- Nhiệt dư từ quá trình kích nở, tạo hình, sấy và khu vực nhà nồi hơi.

- Chất thải nguy hại: phoi nhôm trong quá trình phay CNC lẫn dầu.

- Tiếng ồn từ quá trình hầu hết các công đoạn sản xuất.

b. Quy trình sản xuất tấm Panel

b.1. Quy trình sản xuất tấm Panel EPS

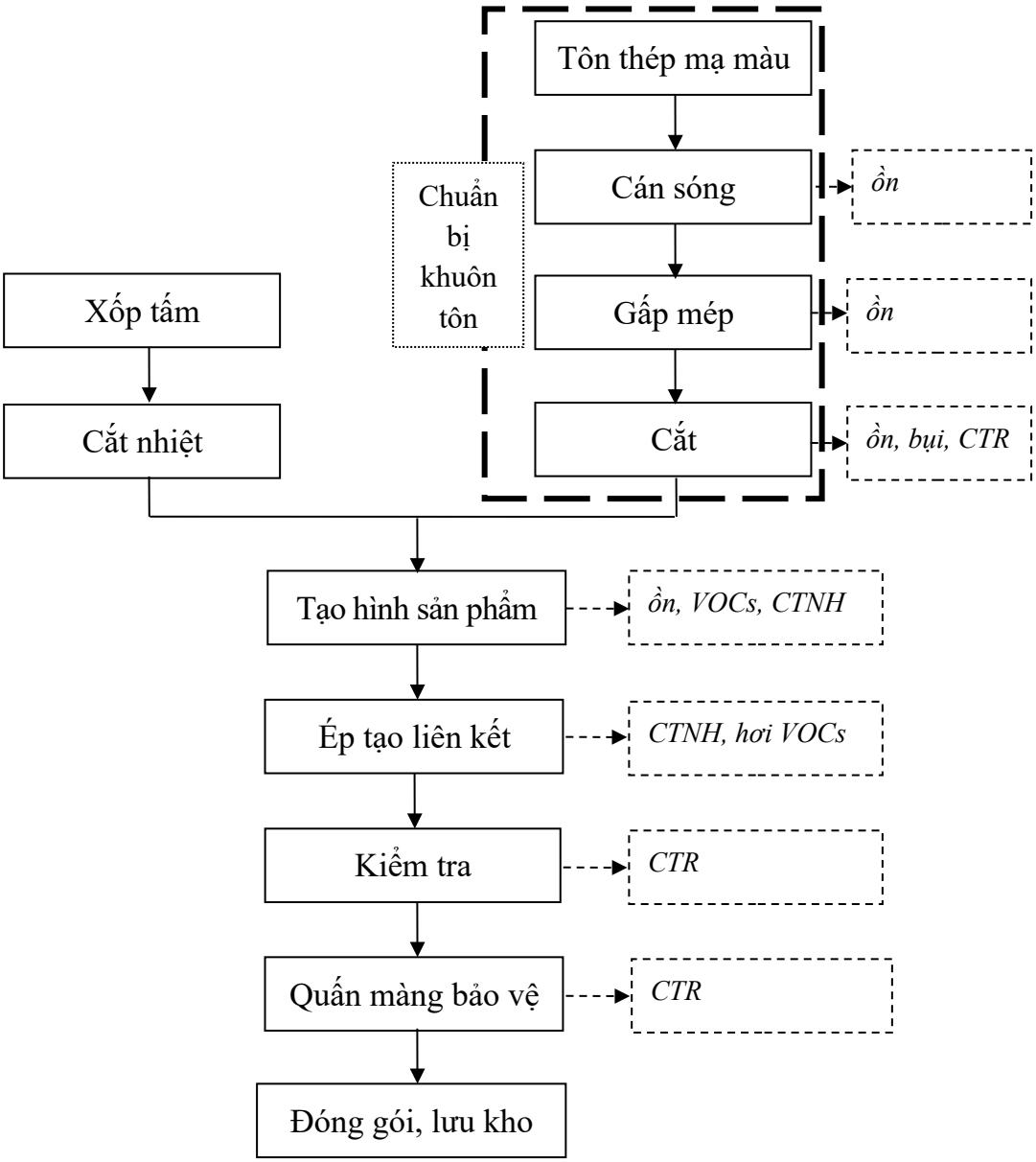

Hình 1.4. Quy trình công nghệ sản xuất tấm Panel EPS

Thuyết minh quy trình:

- Chuẩn bị nguyên liệu:

Nguyên liệu đầu vào của Nhà máy là tấm xốp và tôn mạ màu.

+ Tấm xốp là xốp EPS được sản xuất tại quy trình sản xuất tấm xốp tại Nhà máy có kích thước (dài x rộng x cao) = (4 x 1,2 x 1)m được đưa sang máy cắt để cắt thành tấm có chiều dày 50, 100, 120, 150, 200mm,…; chiều rộng và chiều dài của tấm theo yêu cầu của khách hàng.

+ Tôn mạ màu nhập về nhà máy bởi các nhà cung cấp trong nước. Đây là dạng tôn cuộn có chiều rộng là 1.155mm hoặc 1200mm, dày 0,4mm hoặc 0,45mm. Trước

khi nhập về, tôn sẽ được nhà máy kiểm tra thông qua các chứng từ xuất xưởng. Tôn đạt yêu cầu được nhập về nhà máy. Sau khi nhập về, tôn mạ màu được đưa vào máy cán sóng, tùy theo yêu cầu sản phẩm mà tôn được cán theo hình dạng khác nhau. Sau đó chuyển vào máy gấp mép để chuẩn bị cho công đoạn cắt tôn, tôn được cắt thành các miếng tôn có kích thước khác nhau tùy theo yêu cầu của các đơn hàng và phù hợp với kích thước của tấm xốp EPS đã cắt trước đó.

- Tạo hình sản phẩm:

Sau khi được gấp mép các tấm tôn được dán vào mặt trên và mặt dưới của lớp xốp EPS để tạo hình, chúng được cố định bằng hỗn hợp nhựa PU (là hỗn hợp của Polyol và ISO) theo tỷ lệ thích hợp.

- Ép tạo liên kết:

Sau khi tạo hình, bán thành phẩm được chuyển qua máy ép thủy lực, ép con lăn, gia nhiệt với lực ép khoảng 35-40 tấn trong thời gian 40 - 60 phút để cố định tôn và tấm xốp EPS tạo thành sản phẩm.

- Kiểm tra:

Sản phẩm sau đó được công nhân kiểm tra về kích thước, độ kết dính của sản phẩm, kiểm tra ngoại quan: sản phẩm không bị phồng, tôn không bị xước,… Quá trình kiểm tra được thực hiện bằng phương pháp thủ công. Các sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được công nhân tách tấm tôn ra khỏi xốp để tái sử dụng tôn. Xốp lõi sau khi loại bỏ được xử lý cùng chất thải công nghiệp của Nhà máy. Các sản phẩm đạt yêu cầu được đưa sang công đoạn tiếp theo.

- Quấn màng bảo vệ và lưu kho:

Sản phẩm đạt yêu cầu được quấn lớp màng bảo vệ bằng nilong để bảo quản sản phẩm không bị xước bề mặt rồi được lưu kho chờ xuất hàng.

b.2. Quy trình sản xuất tấm Panel bông khoáng và bông thủy tinh

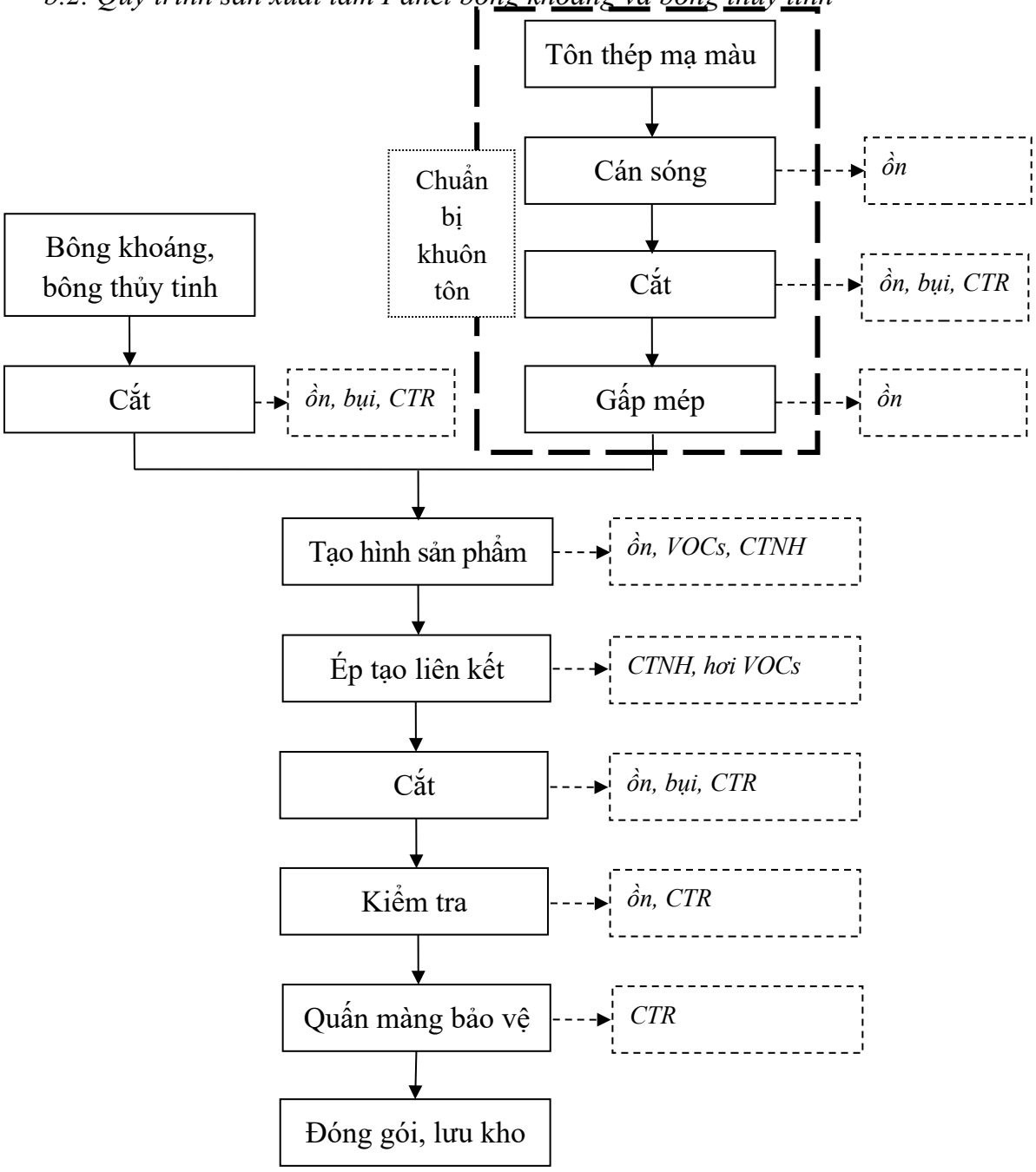

Hình 1.5. Quy trình công nghệ sản xuất tấm Panel từ bông khoáng, bông thủy tinh

Thuyết minh quy trình:

Quy trình sản xuất tấm panel bông khoáng, bông thủy tinh là quá trình sản xuất tự động và liên tục. Các nguyên vật liệu được di chuyển đến các thiết bị sản xuất bằng hệ thống băng chuyền với tốc độ 4 – 5,5m/phút. Cụ thể quy trình sản xuất như sau:

- Chuẩn bị nguyên liệu:

Nguyên liệu đầu vào của Nhà máy là bông khoáng, bông thủy tinh và tôn mạ màu.

+ Bông khoáng, bông thủy tinh được nhập về Nhà máy dưới dạng khối có kích thước (dài x rộng x cao) = (2 x 1,2 x 0,1)m được đưa sang máy cắt để cắt theo chiều ngang của khối để tạo thành tấm có chiều dày 50mm, 75mm hoặc các kích thước khác theo yêu cầu của khách hàng. Tại vị trí dao cắt có bố trí các phễu thu bụi và miệng hút để hút bụi vào thiết bị lọc bụi. Sau mỗi ca làm việc, lượng bụi này sẽ được thu gom vào thùng chứa chung và xử lý cùng chất thải rắn thông thường của Nhà máy.

+ Tôn mạ màu nhập về nhà máy bởi các nhà cung cấp trong nước. Đây là dạng tôn cuộn có chiều rộng là 1.155mm, dày 0,4mm hoặc 0,45mm. Trước khi nhập về, tôn sẽ được nhà máy kiểm tra thông qua các chứng từ xuất xưởng. Tôn đạt yêu cầu được nhập về nhà máy. Sau khi nhập về, tôn mạ màu được đưa vào dây chuyền liên tục bao gồm các công đoạn cán sóng, gấp mép.

- Tạo hình sản phẩm:

Sau khi được gấp mép các tấm tôn được ép vào các tấm bông khoáng, bông thủy tinh đã được cắt trước đó và sử dụng nhựa PU để cố định tôn với lớp lõi. Nhựa PU sử dụng là hỗn của Polyol và ISO theo tỷ lệ thích hợp.

Quy trình trộn nhựa: Nhựa PU từ các phuy chứa được bơm vào thùng chứa có dung tích 1000 lit. Tại thùng chứa có cánh khuấy để đảo trộn nhựa nhằm đảm bảo chất lượng nhựa PU được đồng đều, không bị vón cục. Mỗi loại nhựa PU được đựng trong 1 thùng chứa. Tại mỗi thùng chứa có bơm định lượng để bơm nhựa PU vào đầu phun cao áp để hòa trộn các loại nhựa PU với nhau và phun vào khu vực cần sử dụng.

- Ép tạo liên kết:

Sau khi dán khuôn, bán thành phẩm được chuyển qua hệ thống ép con lăn với lực ép 1-2 tấn, giữa các con lăn có hệ thống đèn gia nhiệt để làm khô dung dịch nhựa PU tăng độ kết dính, bàn ép con lăn có tốc độ 4-5,5m/phút để cố định tôn và tấm bông khoáng, bông thủy tinh để tạo thành sản phẩm.

- Cắt:

Sau khi ép, các sản phẩm sẽ được cắt theo kích thước yêu cầu, thông thường là 4m, 6m,… Tại vị trí dao cắt có bố trí các phễu thu bụi và miệng hút để hút bụi vào thiết bị lọc bụi. Sau mỗi ca làm việc, lượng bụi này sẽ được thu gom vào thùng chứa chung và xử lý cùng chất thải rắn thông thường của Nhà máy.

- Kiểm tra:

Sản phẩm sau đó được công nhân kiểm tra về kích thước, độ kết dính của sản phẩm, kiểm tra ngoại quan: sản phẩm không bị phồng, tôn không bị xước,… Quá trình kiểm tra được thực hiện bằng phương pháp thủ công. Các sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được công nhân tách tấm tôn ra khỏi lõi để tái sử dụng tôn. Bông khoáng, bông thủy

tinh sau khi tách được tái sử dụng cho quá trình sản xuất. Các sản phẩm đạt yêu cầu được đưa sang công đoạn tiếp theo.

- Quấn màng bảo vệ và lưu kho:

Sản phẩm được quấn lớp màng bảo vệ bằng nilong để bảo quản để không bị xước bề mặt rồi được lưu kho chờ xuất hàng.

b.3. Quy trình sản xuất tấm Panel PU

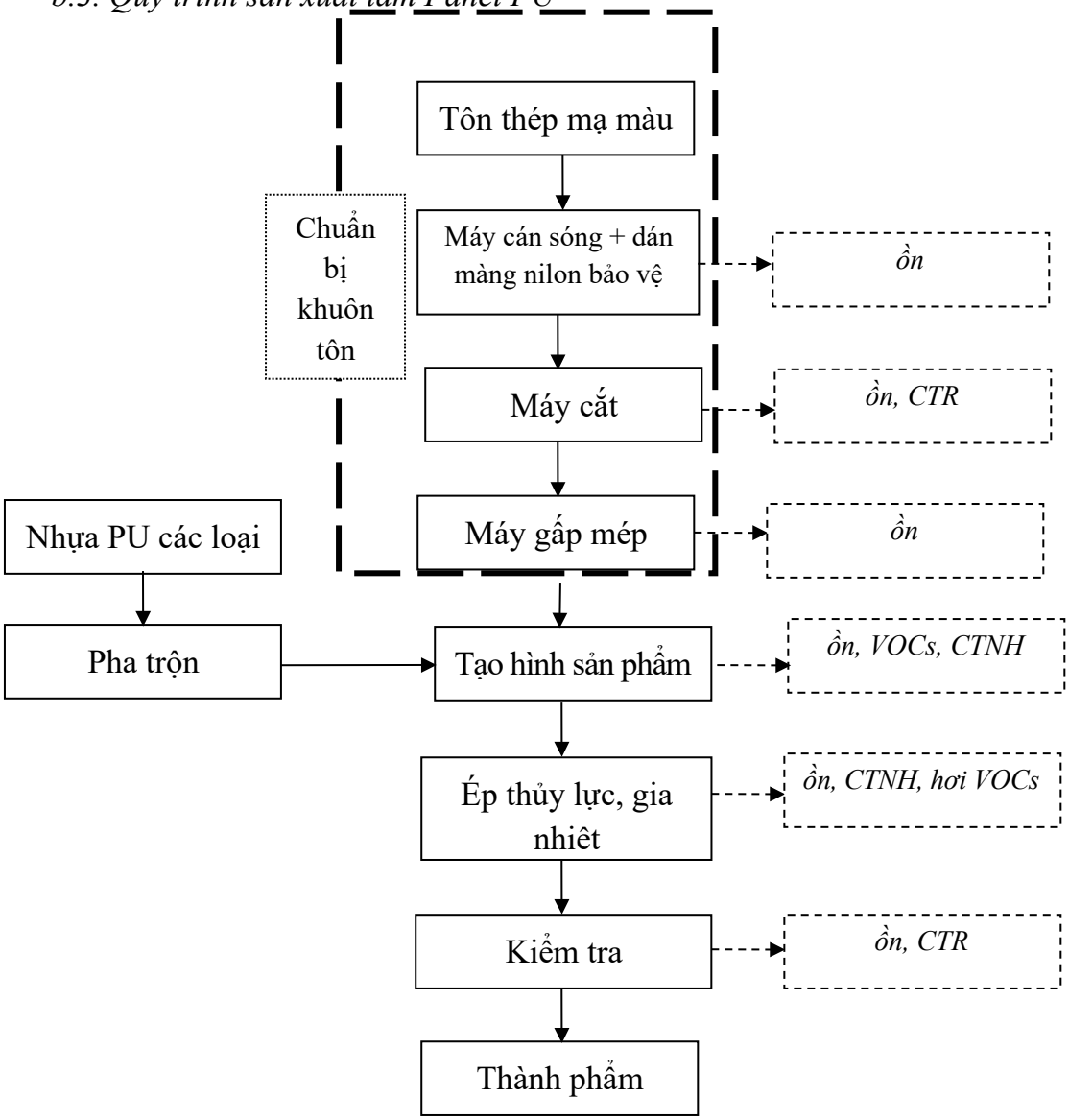

Hình 1.6. Quy trình công nghệ sản xuất tấm Panel PU

Thuyết minh quy trình:

- Chuẩn bị nguyên liệu:

- Chuẩn bị khuôn tôn: Tôn mạ màu nhập về nhà máy bởi các nhà cung cấp trong nước. Đây là dạng tôn cuộn có chiều rộng là 1.155mm hoặc 1200mm, dày 0,4mm hoặc 0,45mm. Trước khi nhập về, tôn sẽ được nhà máy kiểm tra thông qua các chứng từ xuất xưởng. Tôn đạt yêu cầu được nhập về nhà máy. Sau khi nhập về, tôn mạ màu được đưa vào máy cán sóng, tùy theo yêu cầu sản phẩm mà tôn được cán theo hình

dạng khác nhau, trong quá trình cán sóng tôn sẽ được bọc một lớp nilong bảo vệ để chống xước. Sau đó chuyển vào máy cắt, tôn được cắt thành các miếng tôn có kích thước khác nhau tùy theo yêu cầu của các đơn hàng. Các tấm tôn sau đó được cho vào máy gắn mép, tại đây các mép của tấm tôn được gấp lại.

- Pha trộn nhựa PU:

Nhựa được sử dụng để dán khuôn tôn và điền đầy khuôn để tạo lõi cho tấm panel PU là hỗn của nhựa PU Polyol nhựa ISO được pha trộn theo tỷ lệ thích hợp.

Quy trình trộn nhựa: Nhựa từ các phuy chứa được bơm vào thùng chứa có dung tích 1000 lit. Tại thùng chứa có cánh khuấy để đảo trộn nhựa nhằm đảm bảo chất lượng nhựa được đồng đều, không bị vón cục. Mỗi loại nhựa được đựng trong 1 thùng chứa. Tại mỗi thùng chứa có bơm định lượng để bơm nhựa vào đầu phun cao áp để hòa trộn các loại nhựa với nhau và phun vào khung tôn đã được tạo ra từ quá trình gia công tôn.

- Tạo hình sản phẩm

Sau khi được gấp mép các tấm tôn được dán vào khuôn ở giữa là 15- 30 chân chống bằng kim loại, chúng được cố định bằng hỗn hợp nhựa PU.

Trước khi phun nhựa PU đã pha trộn vào khung tôn, Dự án sẽ sử dụng khí nén N_2 để đuổi hết khí O_2 trong khuôn để đảm bảo sản phẩm sau khi chế tạo không bị rỗ khí. Khí nén N_2 được tạo ra từ thiết bị tạo khí N_2.

** Nguyên lý hoạt động của thiết bị tạo khí N_2:*

Thiết bị tạo khí N_2 của Nhà máy hoạt động dựa trên công nghệ PSA: Pressure Swing Absorption - là công nghệ tạo khí Nitơ dạng sàng tách phân tử dưới tác dụng hấp thụ thẩm thấu áp suất cao và chuyển đổi tuần hoàn giữa các cụm cột cacbon hoạt tính.

Hạt Carbon hoạt tính CMS (Carbon Molecular Sieve) được phân bố trong 2 tổ hợp để thực hiện hoạt động luôn phiên, 1 cột làm việc và 1 cột tái sinh.

Tổ hợp hạt CMS

Kích thước hạt CMS thực tế

Khi áp suất khí đủ lớn, các phân tử khí O_2 sẽ đi vào mao quản của CMS nhanh hơn nhiều so với phân tử khí N_2, xảy ra quá trình hấp phụ, các phân tử còn lại có trong dòng khí đi qua CMS

tạo thành một dòng khí giàu khí nén N_2. CMS nhả O_2 khi hệ thống giảm áp. Đó là quá trình tái sinh CMS để chuẩn bị cho một chu trình làm giàu khí nén N_2 tiếp theo.

Sau khi đuổi khí, dung dịch nhựa PU đã pha trộn ở trên sẽ được phun vào khuôn tôn với áp lực và tốc độ nhựa PU phun được cài đặt sẵn phù hợp với từng kích thước sản phẩm để đảm bảo chất lượng sản phẩm là tốt nhất. Tại khu vực bàn ép thủy lực có bố trí miệng hút khí thải dẫn về hệ thống xử lý khí thải khu vực sản xuất tấm Panel.

- Ép thủy lực, gia nhiệt:

Sau khi phun nhựa, bán thành phẩm được chuyển sang công đoạn ép thủy lực với lực ép là 162 tấn trong thời gian 40 - 60 phút hệ thống bàn ép được bố trí gia nhiệt bằng hệ thống ống dầu bên trong để tăng nhiệt độ giúp PU trương nở nhanh và để PU đông cứng lại tạo thành sản phẩm.

- Kiểm tra:

Sản phẩm được công nhân kiểm tra về kích thước, độ kết dính, kiểm tra ngoại quan: sản phẩm không bị phồng, tôn không bị xước,… Quá trình kiểm tra được thực hiện bằng phương pháp thủ công. Các sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được công nhân tách lõi PU ra khỏi tấm tôn. Tấm tôn sau khi tách ra có thể được tái sử dụng (đối với trường hợp khi bóc ra tôn còn phẳng, không bị xước) hoặc được xử lý cùng chất thải thông thường của Nhà máy. Lõi PU sau khi tách ra sẽ được cắt gọt bớt để tái sử dụng cho các sản phẩm panel PU khác. Phần PU cắt gọt được xử lý cùng chất thải thông thường của Nhà máy. Các sản phẩm đạt yêu cầu được vào kho để chuẩn bị giao hàng cho khách.

Các nguồn thải phát sinh trong công đoạn sản xuất tấm Panel là:

- Khí thải: hơi hữu cơ từ quá trình phun nhựa PU vào khung tôn, phun nhựa PU để cố định khung tôn.

- Bụi bông khoáng, bụi thủy tinh từ quá trình cắt xốp, bông khoáng, bông thủy tinh, cắt sản phẩm theo kích thước của khách hàng.

- Chất thải rắn: tôn vụn, lõi xốp, lõi bông khoáng, bông thủy tinh, PU sau khi gọt bỏ,…

- Tiếng ồn từ quá trình hầu hết các công đoạn sản xuất.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của cơ sở bao gồm:

+ Xốp bao bì chèn máy, thiết bị cao cấp

+ Xốp thùng đông lạnh

+ Xốp tấm cách nhiệt thông thường

+ Tấm panel dán tôn mạ màu (làm bằng xốp EPS và xốp PU chống cháy)

+ Các loại tấm Panel làm vách ngăn nhà

+ Tôn mát.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng:

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu đầu vào và hóa chất

STT	Nguyên liệu	Số lượng (tấn/năm)	Nguồn cung cấp	Mục đích sử dụng
I	**Nguyên vật liệu sản xuất các sản phẩm xốp định hình**			
1	Hạt nhựa EPS, EPP	3.626,1	Trung Quốc, Đài Loan	Sản xuất các sản phẩm xốp định hình
TỔNG I		**3.626,1**		
II	**Nguyên vật liệu sản xuất Tấm Panel**			
II.A	**Nguyên vật liệu chính sản xuất Tấm Panel**			
1	Tôn mạ màu	3.181	Việt Nam, Trung Quốc	Sản xuất tấm Panel
2	Xốp tấm	500,5	Dự án	Sản xuất tấm Panel
3	Khóa nhựa	225,1	Việt Nam	Liên kết các tấm Panel lại với nhau
4	Hỗn hợp Polyol trộn sẵn (nhựa PU trắng)	1.674	Hàn Quốc Trung Quốc	Tạo lõi của tấm Panel PU
5	Hỗn hợp ISO trộn sẵn (Nhựa PU đen)	1.760	Trung Quốc, Nhật Bản	Tạo lõi của tấm Panel PU
6	Màng bảo vệ	26,85	Việt Nam	Bảo vệ bề mặt tấm Panel
7	Chân chống	28,6	Việt Nam	Đặt vào giữa 2 tấm tôn
8	Bông khoáng	1,35	Trung Quốc	Sản xuất tấm Panel
9	Bông thủy tinh	36,7	Trung Quốc	Sản xuất tấm Panel
	Tổng chính II	**7.434,10**		

II.B	**Nguyên vật liệu phụ phục vụ sản xuất Tấm Panel**			
1	Chất chống dính	8,4	Đài Loan	Bôi vào khuôn trong sản xuất tấm Panel
2	Nước MC (Methylen chloride)	4,68	Đài Loan Trung Quốc	Nước rửa khuôn trong sản xuất tấm Panel
	Tổng phụ II	**13,8**		
Tổng II		**7.447,18**		
III	**Nguyên vật liệu sản xuất khuôn nhôm**			
III.A	**Nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất khuôn nhôm**			
1	Nhôm các loại (nhôm thỏi+ vanh nhôm + nhôm tròn + khuôn nhôm tái sử dụng)	174,25	Việt Nam	Sản xuất khuôn
2	Bulong, đai ốc	7,85	Việt Nam	Lắp ráp khuôn
	Tổng chính III	**155,1**		
III.B	**Nguyên vật liệu phụ phục vụ sản xuất khuôn nhôm**			
1	Hỗn hợp cát bổ sung	0,5	Việt Nam	Sử dụng trong quá trình đúc khuôn
2	Dầu làm mát	1,95	Việt Nam	Sử dụng trong sản xuất khuôn
3	Khí oxy	5,15	Việt Nam	Sử dụng để cắt hơi
4	Khí CO_2	0,75	Việt Nam	Sử dụng để hàn nhôm
5	Khi Argon	1,55	Việt Nam	Sử dụng để cắt hơi
	Tổng phụ III	**9,9**		
Tổng III		**165,00**		
IV	**Nguyên vật liệu phụ khác**			
1	Củi, gỗ, mùn cưa + than cám	12.930	Việt Nam	Nhiên liệu đốt lò hơi
2	Sỏi đỡ, cát thạch anh	0,3	Việt Nam	Vật liệu lọc nước

3	Hạt trao Catrion Na^+	1,3	Việt Nam	
	Tổng IV	**12.931,6**		
Tổng (I+II+III+IV)		**24.169,88**		

** Tính chất của các nguyên liệu sử dụng:*

- Nhựa EPS:

+ Tên đầy đủ: Expanded Polystyrene, là một loại là tên gọi của loại nhựa Polystyrene có thể giãn nở. Nhựa EPS chứa chất khí Pentan (C_5H_{12}), khí dễ cháy, được sản xuất dưới dạng hạt hình tròn, màu trắng với trọng lượng cực nhẹ.

+ Tính chất:

- Hạt nhựa EPS cực nhẹ với 98% là khí, có độ bền cao và không bị ẩm mốc, không chịu tác động của nhiệt độ và bụi bẩn vì vậy dễ dàng bảo quản trong quá trình lưu kho và sử dụng.
- Hấp thụ xung động và chịu được lực nén tốt, thích hợp sử dụng làm bao bì đựng các vật liệu dễ vỡ, thiết bị điện tử giúp bảo vệ hàng hóa tốt trong quá trình vận chuyển, lưu kho.
- Hạt nhựa EPS có khả năng cách nhiệt và cách âm, cách điện, chống cháy tốt và độ bền cao được trong kiến trúc xây dựng lót hay ốp tường, trần.
- Nhựa EPS tạo nên những sản phẩm đựng thực phẩm tươi sống như thịt, cá, rau củ quả tránh quá trình ngưng tụ để thực phẩm luôn tươi ngon, sạch sẽ.
- Với hạt nhựa EPS sử dụng làm bao bì nhựa có thể thiết kế, sử dụng theo nhu cầu của bạn với đa dạng kích thước khác nhau

+ Ứng dụng: Hạt nhựa EPS được ứng dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống:

- Dùng nhựa EPS để sản xuất mốp xốp dạng khối, dạng tấm cách âm, cách nhiệt trong nhà như tôn Panel, lót tường, trần,…
- Sản xuất bao bì đựng thiết điện tử, điện lạnh, bao bì đựng đồ sành, sứ, thủy tinh, chống va đập mạnh và bảo vệ sản phẩm cực tốt.
- Sản xuất thùng xốp đựng rau, củ quả, thủy hải sản,…

- Bông khoáng:

+ Còn gọi là bông khoáng cách nhiệt hay là len đá.

+ Tính chất: Loại sản phẩm này được sản xuất từ loại đá basalt với quặng xỉ.

+ Ứng dụng: Bông khoáng có tác dụng dùng để cách nhiệt, cách âm vô cùng hiệu quả đặc biệt có khả năng chống cháy nổi trội lên đến nhiệt độ 1.177 độ C.

- Bông thủy tinh:

+ Tính chất: Được làm từ sợi thuỷ tinh tổng hợp chế xuất từ đá, xỉ, đất sét… Thành phần chủ yếu là Aluminum, Siliccat canxi, Oxit kim loại,… không chứa Amiang; có tính năng cách nhiệt, cách âm, cách điện cao, không cháy, mềm mại và có tính đàn hồi tốt.

+ Ứng dụng:

- Bông thủy tinh chủ yếu dùng trong chống nóng mái tôn, chống nóng vách, bảo ôn các lò sấy (lò sấy hoa quả), bảo ôn đường ống nước nóng...
- Bông thủy tinh dùng trong hệ thống thang máy, hộp kỹ thuật, hệ thống điều hòa trung tâm để cách nhiệt và chống cháy lan.
- Bông thủy tinh được sử dụng nhiều nhất trong những địa điểm có yêu cầu cao và đặc biệt về chất lượng âm thanh như phòng thu, rạp hát, hội trường, phòng karaoke...

- Hỗn hợp cát làm khuôn:

+ Thành phần: Hỗn hợp làm khuôn bao gồm: cát và đất sét.

- Cát: là thành phần chủ yếu của hỗn hợp làm khuôn. Thành phần hóa học chủ yếu là SiO_2 (thạch anh), ngoài ra còn có một ít đất sét và tạp chất khác.
- Đất sét: thành phần chủ yếu là cao lanh có công thức là $mAl_2O_3.n SiO_2.qH_2O$. Ngoài ra còn có một số tạp chất khác như $CaCO_3$, Fe_2O_3, Na_2CO_3. Khi lượng nước thích hợp, đất sét dẻo và dính. Khi sấy khô độ bền tăng nhưng giòn, dễ vỡ.

Bảng 1. 3. Thành phần và tính chất của một số hoá chất sử dụng

Tên hoá chất	Thành phần hóa chất	Tỷ lệ (%)	Số CAS	Đặc tính
Hỗn hợp Polyol trộn sẵn (nhựa PU trắng)	Polyether Polyol	70-85%	9003-11-6	- Màu vàng nhạt, nhiệt độ sôi >140; - Tác hại: + Hơi có tính chất gây mê và khi hít ở nồng độ cao hơn giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp có thể gây đau đầu, mệt mỏi, chóng mặt, mất phối hợp và mất ý thức. + Gây kích ứng nhẹ cho da. + Dị ứng cho mắt.
	Cyclopentane	10-13%	287-92-3	
	Amine Catalyst	>1,5%	9894-2	
Desmodur 44 V2 20 L (nhựa PU đen)	D iphenylmethane - dissocyanate	≤100	9016-87-9	- Là dạng lỏng, màu nâu; - Tác hại: + Có hại khi hít phải. + Gây kích ứng cho mắt, hệ hô hấp và da. + Có thể gây ra nhạy cảm khi hít phải và tiếp xúc với da.
Chất chống dính	Naphtha (petroleum), hydrotreated heavy	90-95%	64742-48-9	- Là chất lỏng, màu sữa. - Điểm chớp cháy: >40^{o}C; - Tác hại: tiếp xúc nhiều có thể gây ra khô hay nứt da. Kích ứng nhẹ cho da. Có thể gây kích ứng mắt, mũi, họng và phổi. Có thể gây ức chế hệ thần kinh trung ương
Nước MC (Methylen chloride)	Methylen chloride	99,5%	75-09-2	- Là chất lỏng không màu, mùi tinh dầu. - Tác hại: + Đường mắt: ngứa, biểu hiện có thể là đỏ mắt, đau mắt, bỏng mắt và có thể dẫn đến mù lòa. + Đường thở: kích ứng, có thể xuất hiện các biểu hiện của rối loạn trí óc, choáng váng, mệt mỏi, buồn nôn và nhức đầu. Nguy hiểm hơn có thể ảnh hưởng ảnh hưởng đến tim mạch, hệ thần kinh

				trung ương, gây bất tỉnh và thậm trí là tử vong. + Đường da: kích ứng da, biểu hiện có thể là mẩn đỏ, ngứa, rát. Tiếp xúc lâu có thể bị hấp thụ qua da gây ảnh hưởng đến các tế bào bên trong. + Đường tiêu hóa: kích ứng cổ họng, hệ thống tiêu hóa, biểu hiện có thể gồm đau rát họng, khó thở, buồn nôn, tiêu chảy, tức ngực, gây ra viêm phổi, gan, thận, thậm trí là tử vong.

Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho Nhà máy được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 1.4. Danh mục máy móc thiết bị tại nhà máy

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng theo ĐTM	Số lượng thực tế	Năm sản xuất	Xuất xứ
I	**Máy móc phục vụ sản xuất xốp định hình**					
1	Máy định hình xốp EPS bán tự động	Bộ	03	40	2014 - 2018	Trung Quốc
2	Máy định hình xốp EPS tự động	Bộ	26	53	2015-2019	Trung Quốc
3	Máy định hình xốp EPP tự động	Bộ	0	02	2022	Trung Quốc
4	Máy kích hạt EPS tự động	Bộ	02	02	2017	Trung Quốc
5	Máy kích hạt EPS bán tự động	Bộ	05	05	-	Trung quốc
6	Trung tâm chân không	Bộ	01	03	2018	Trung Quốc
7	Máy định hình xốp EPS tự động kèm trung tâm chân không tổng	Bộ	03	03	2019	Trung Quốc
II	**Máy móc phục vụ sản xuất tấm Pannel**					
1	Máy phun PU	Bộ	01	01	2014	Italy
2	Máy ép khuôn panel	Bộ	01	01	2014	Trong nước

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng theo ĐTM	Số lượng thực tế	Năm sản xuất	Xuất xứ
3	Dây chuyền máy ép panel EPS	Bộ	01	01	2017	Trong nước
4	Dây chuyền ép panel liên tục EPS	Bộ	01	01	2019	Trung quốc
5	Máy ép khuôn panel	Bộ	01	01	2017	Trong nước
6	Máy xả cuộn	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
7	Xả cuộn tự động	Bộ	0	01	2016	Trong nước
8	Máy nâng cuộn	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
9	Máy kẹp cuộn trên dưới	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
10	Máy cán định hình trên dưới	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
11	Máy cắt nguyên liệu	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
12	Máy phun PU	Bộ	01	Bỏ	2018	Trung Quốc
13	Máy cắt sản phẩm	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
14	Máy xếp chồng	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
15	Máy đóng gói	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
16	Bán cổng trục dầm đôi 5 tấn và bộ nâng hít tấm panel có hệ thống tích điện chống rơi	Chiếc	0	01	2017	Trung Quốc
17	Máy sản xuất tấm panel tự động	Bộ	03	03	2019	Trung Quốc
III	**Máy móc thiết bị của xưởng cơ khí**					
1	Máy nén khí trục vít	Cái	01	12	2014	Việt Nam
2	Máy nén khí	Cái	01		2017	Việt Nam
3	Máy nén khí	Cái	01		2017	Việt Nam
4	Máy nén khí V160-7	Cái	01		2017	Việt Nam
5	Máy nén khí	Cái	01		2019	Việt Nam

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng theo ĐTM	Số lượng thực tế	Năm sản xuất	Xuất xứ
6	Máy tiện	Cái	01	02	2015	Việt Nam
7	Máy bào thép	Cái	01	01	2015	Việt Nam
8	Máy phay Enshu	Cái	01	02	2015	Việt Nam
9	Máy tiện CNC	Cái	01	10	2015	Việt Nam
10	Máy phay kim loại CNC	Cái	05		2017	Việt Nam
11	Máy cắt CNC 3D	Cái	01		2017	Trung Quốc
12	Máy cắt khắc CNC	Cái	01		2017	Việt Nam
13	Máy phay CNC trung tâm gia công đứng	Cái	01	01	2017	Trung Quốc
14	Máy hàn bán tự động	Cái	01	08	2017	Việt Nam
15	Máy cắt Plasma	Cái	01	01	2019	Việt Nam
IV	**Máy móc thiết bị khác**					
1	Thân nồi hơi 8 tấn và bình góp hơi	Cái	01	Bỏ	2014	Việt Nam
2	Thân nồi hơi 15 tấn và bình góp hơi	cái	01	02	2018	Việt Nam
3	Trạm biến áp	HT	01	03	2014	Việt Nam
4	Bán cẩu trục 7,5 tấn	Chiếc	01	01	2014	Việt Nam
5	Hệ thống đường chạy cầu trục 7.5T	Chiếc	01	01	2017	Việt Nam
6	Bán cẩu trục 5 tấn	Chiếc	0	02	2019	Việt Nam
7	Bán cẩu trục ≤3 tấn	Chiếc	0	04	2019	Việt Nam
8	Hệ thống đường chạy cầu trục 1T	Chiếc	05	05	2017	Việt Nam
9	Tháp giải nhiệt LPC	Chiếc	01	05	2014	Việt Nam
10	Tháp giải nhiệt	Chiếc	01		2015	Việt Nam
11	Tháp giải nhiệt	Chiếc	02		2018	Việt Nam
12	Bộ lọc bụi nồi hơi 8T/h	Chiếc	01	Bỏ	2014	Việt Nam
13	Bộ lọc bụi nồi hơi 15T/h	Chiếc	01	02	2018	Việt Nam
14	Quạt ly tâm	Chiếc	01	20	2015	Việt Nam
15	Bồn chứa khí nén ≤ 5.000 lít	Chiếc	0	03	2016	Việt Nam

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng theo ĐTM	Số lượng thực tế	Năm sản xuất	Xuất xứ
16	Bồn chứa khí nén ≤ 1.000 lít	Chiếc	0	01	2018	Việt Nam
17	Bồn chứa khí nén 13.000 lít	Chiếc	0	02	2018	Việt Nam
18	Bồn chứa hơi bão hòa 13.000 lít	Chiếc	0	06	2018	Việt Nam
19	Bồn chứa tích áp nước 13.000 lít	Chiếc	0	02	2017	Việt Nam
20	Bình chứa khí nén liệu EPP	Chiếc	0	01	2017	Việt Nam
21	Máy khoan	Chiếc	01	02	2018	Việt Nam
22	Máy ép thủy lực 1100	Chiếc	01	03	2018	Việt Nam
23	Máy tạo khí nito	Chiếc	01	01	2018	Việt Nam
24	Máy đóng gói	Chiếc	01	01	2018	Việt Nam
25	Băng tải chuyển xốp	Chiếc	01	03	2018	Việt Nam
26	Hệ thống làm mềm nước (7,5m^3/h và 15 m^3/h)	HT	02	02	2018	Việt nam

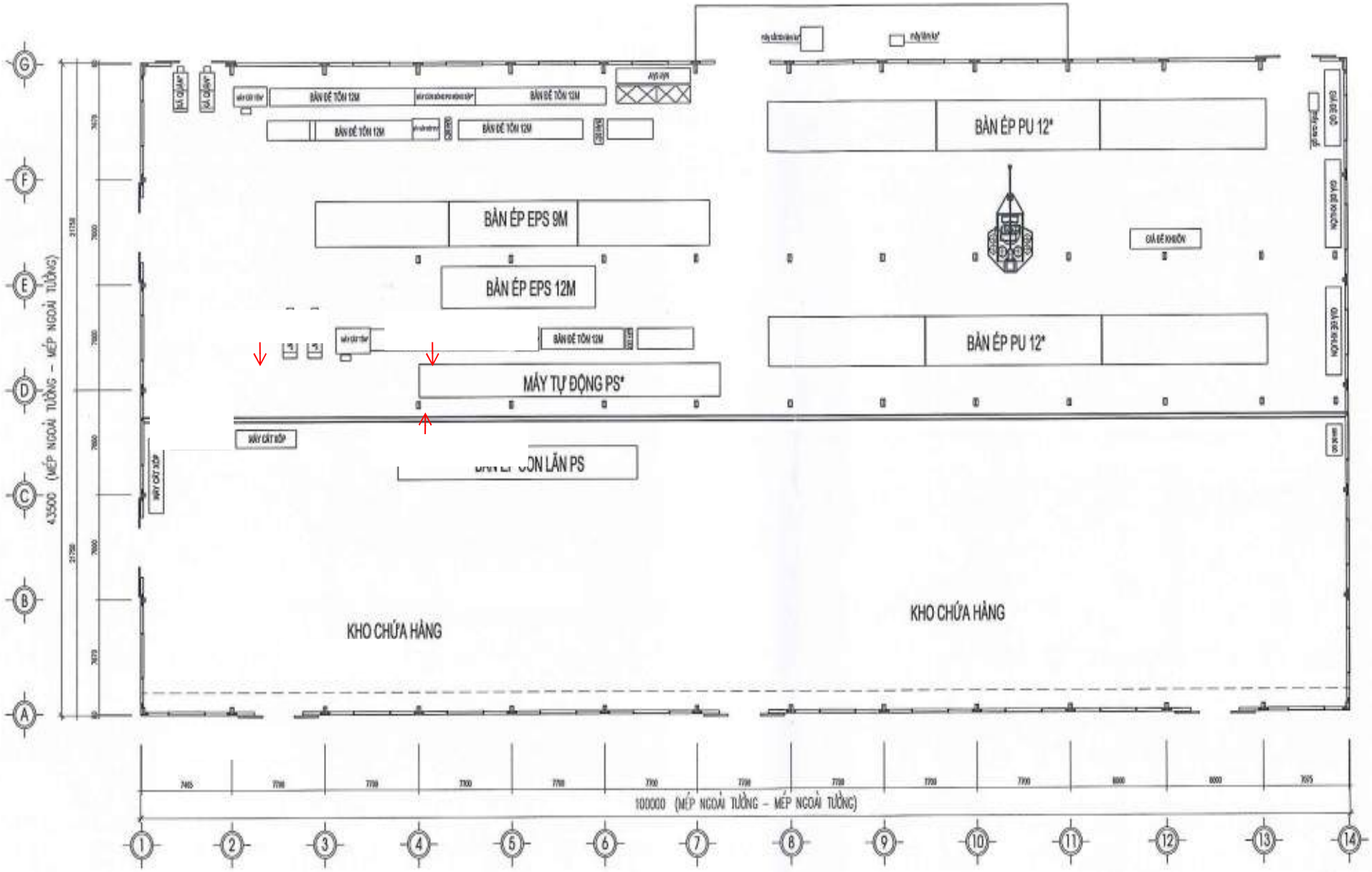
BÀN ÉP PU 12*
BÀN ÉP EPS 9M
BÀN ÉP EPS 12M
BÀN ÉP PU 12*
MÁY TỰ ĐỘNG PS*
KHO CHỨA HÀNG
KHO CHỨA HÀNG
43500 (MÉP NGOÀI TƯỜNG - MÉP NGOÀI TƯỜNG)
100000 (MÉP NGOÀI TƯỜNG - MÉP NGOÀI TƯỜNG)

Hình 1.7. Mặt bằng bố thiết bị tầng 1 xưởng sản xuất số 1

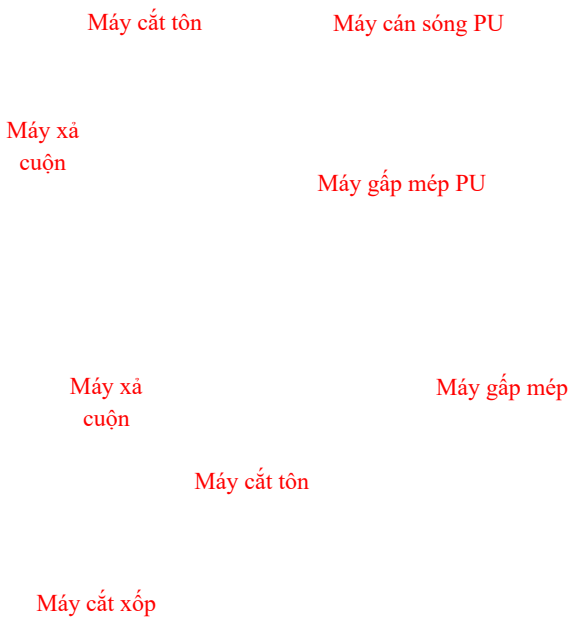

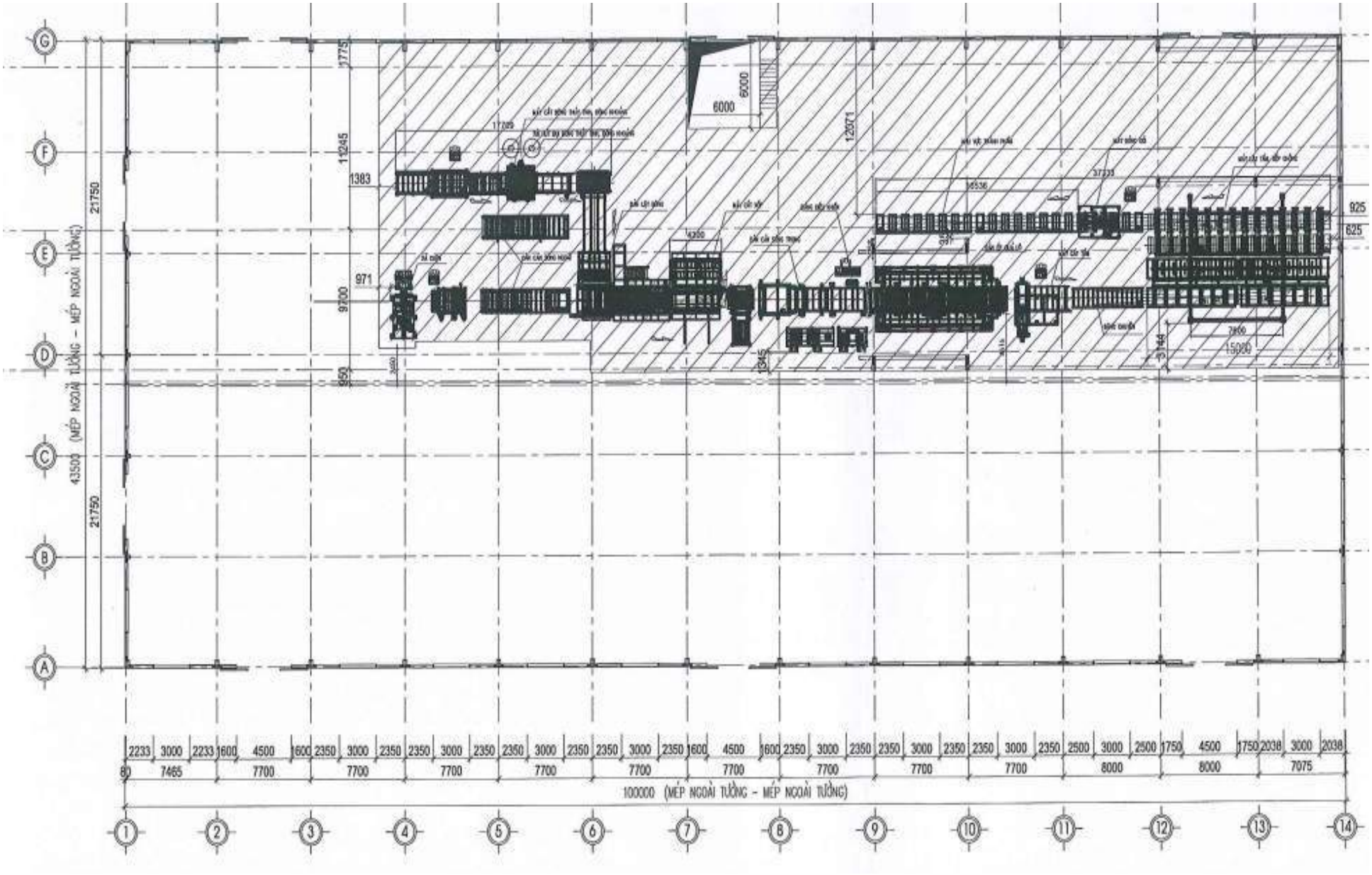

Hình 1.8. Mặt bằng bố trí thiết bị tầng 2 xưởng sản xuất số 1

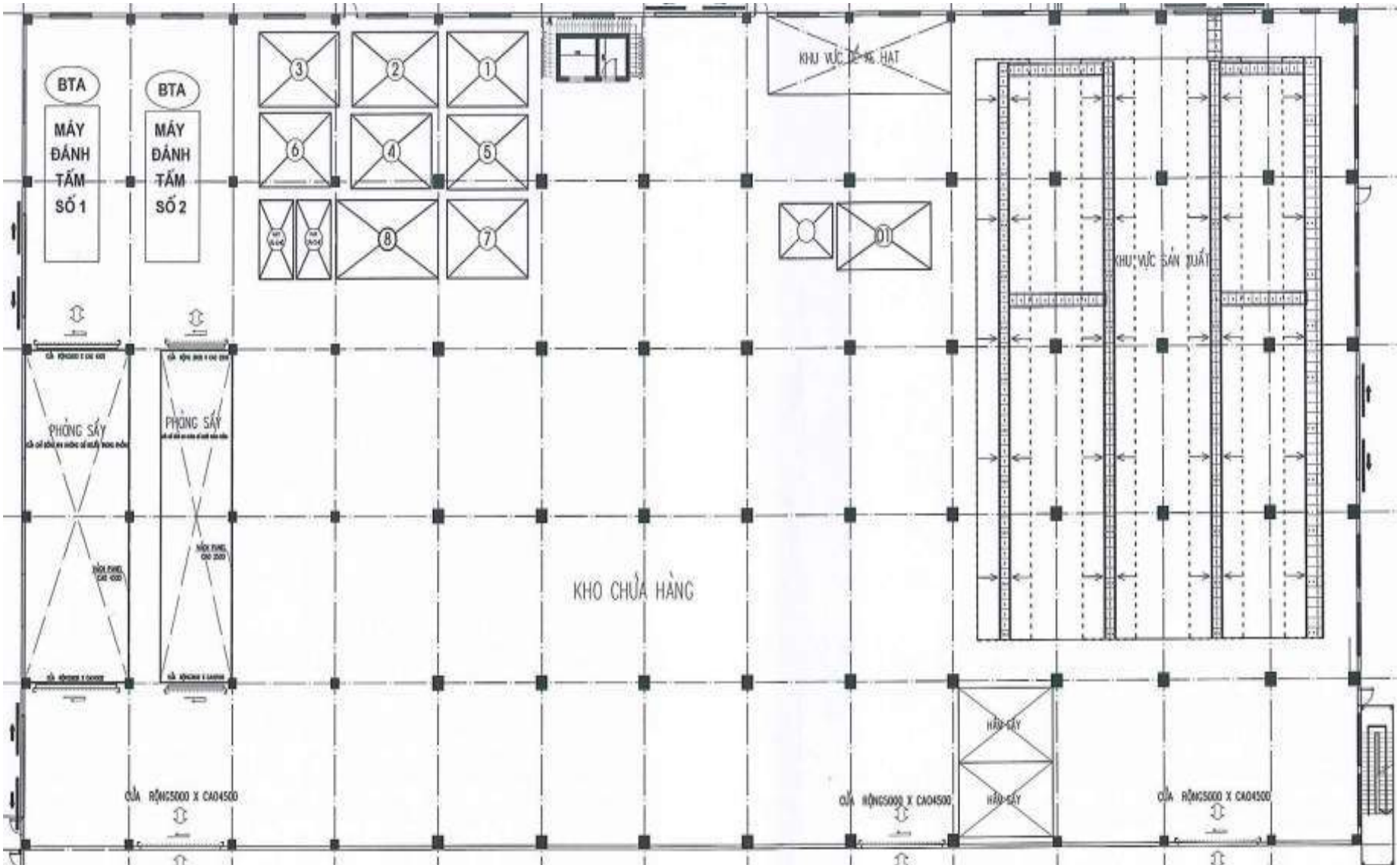

Hình 1.9. Mặt bằng bố trí thiết bị tầng 1 xưởng sản xuất số 2

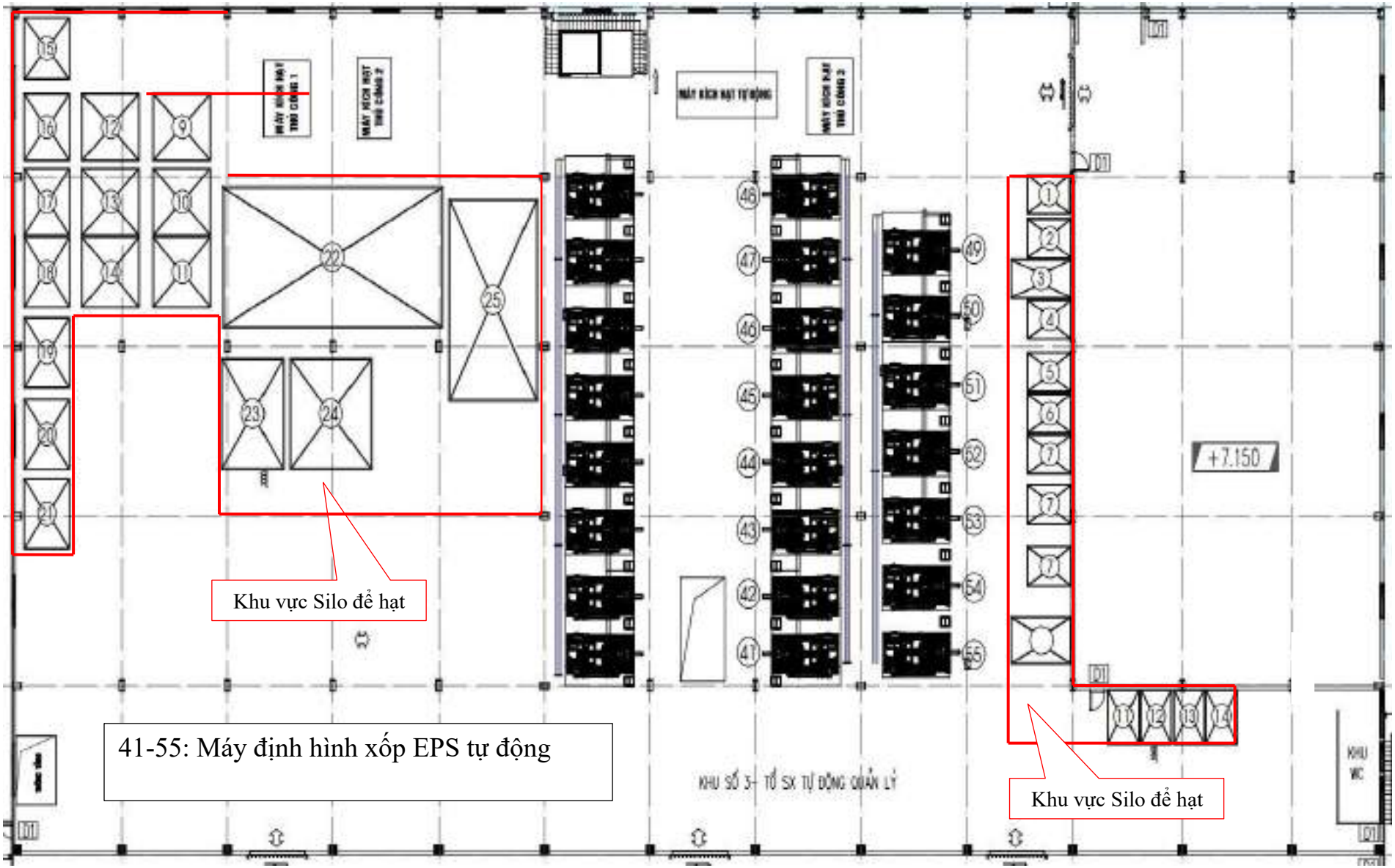

Hình 1.10. Mặt bằng bố trí thiết bị tầng 2 xưởng sản xuất số 2

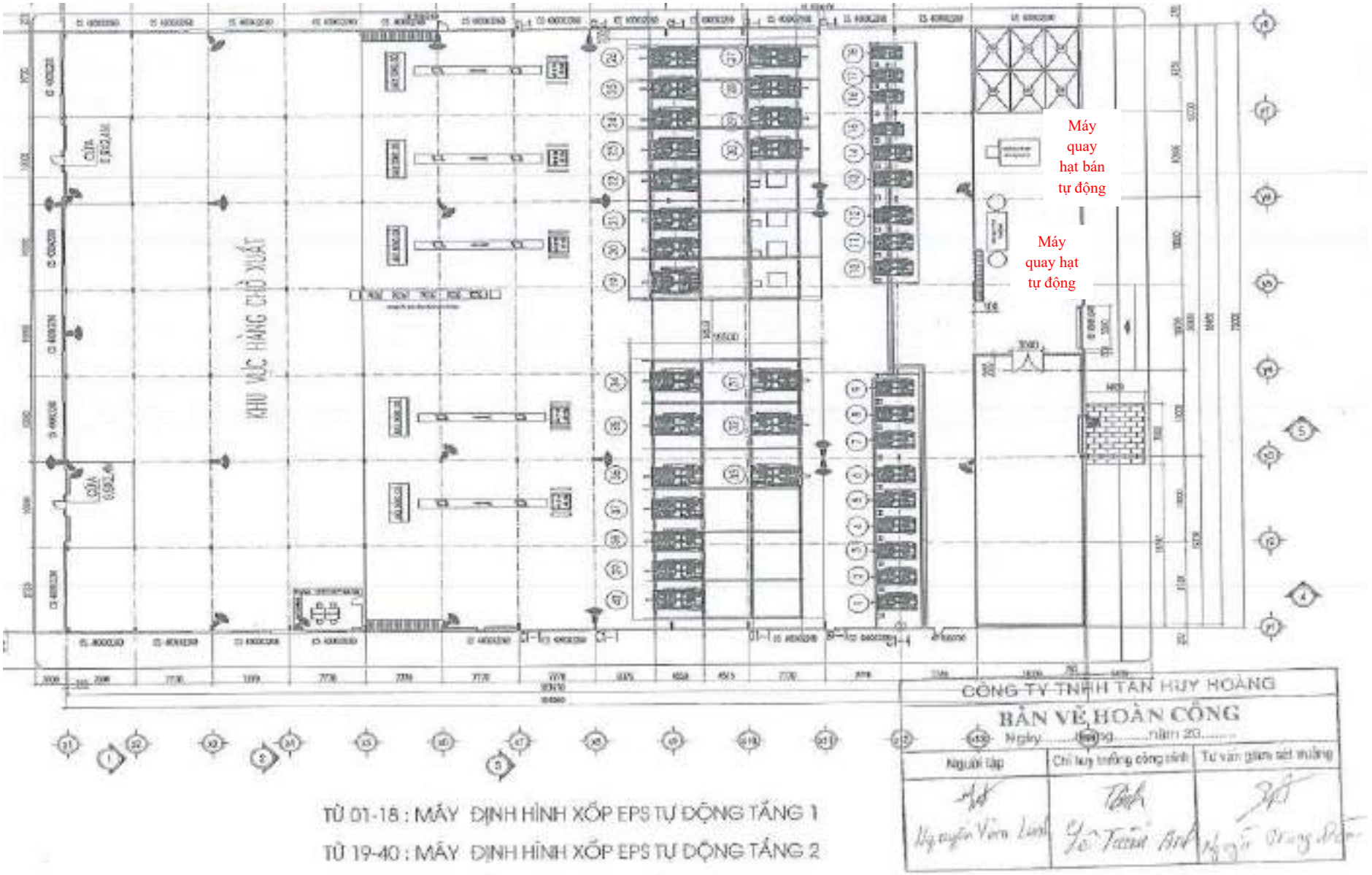

Hình 1.11. Mặt bằng bố trí thiết bị xưởng sản xuất số 7

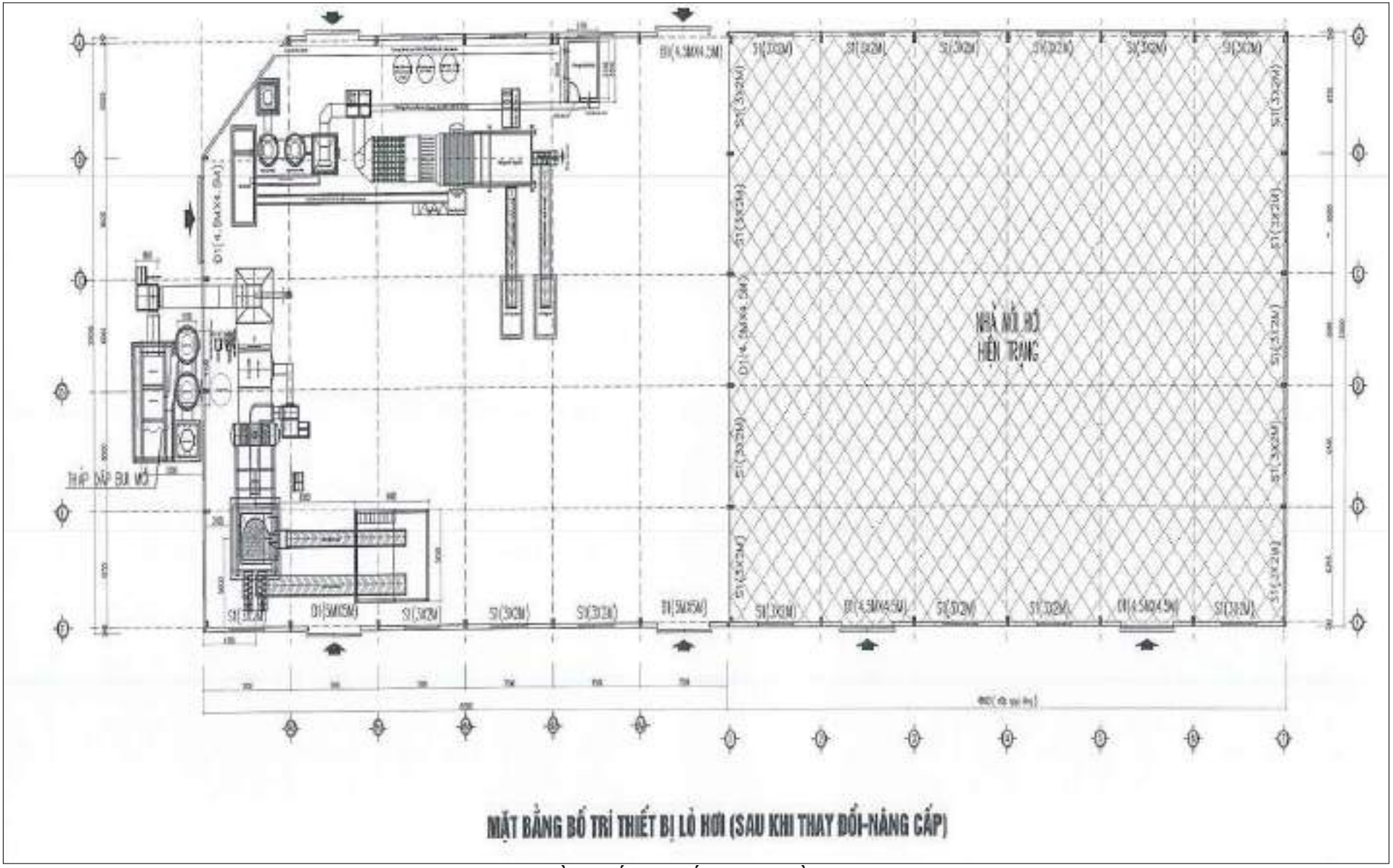

Hình 1. 12. Mặt bằng bố trí thiết bị nhà nồi hơi sau khi mở rộng

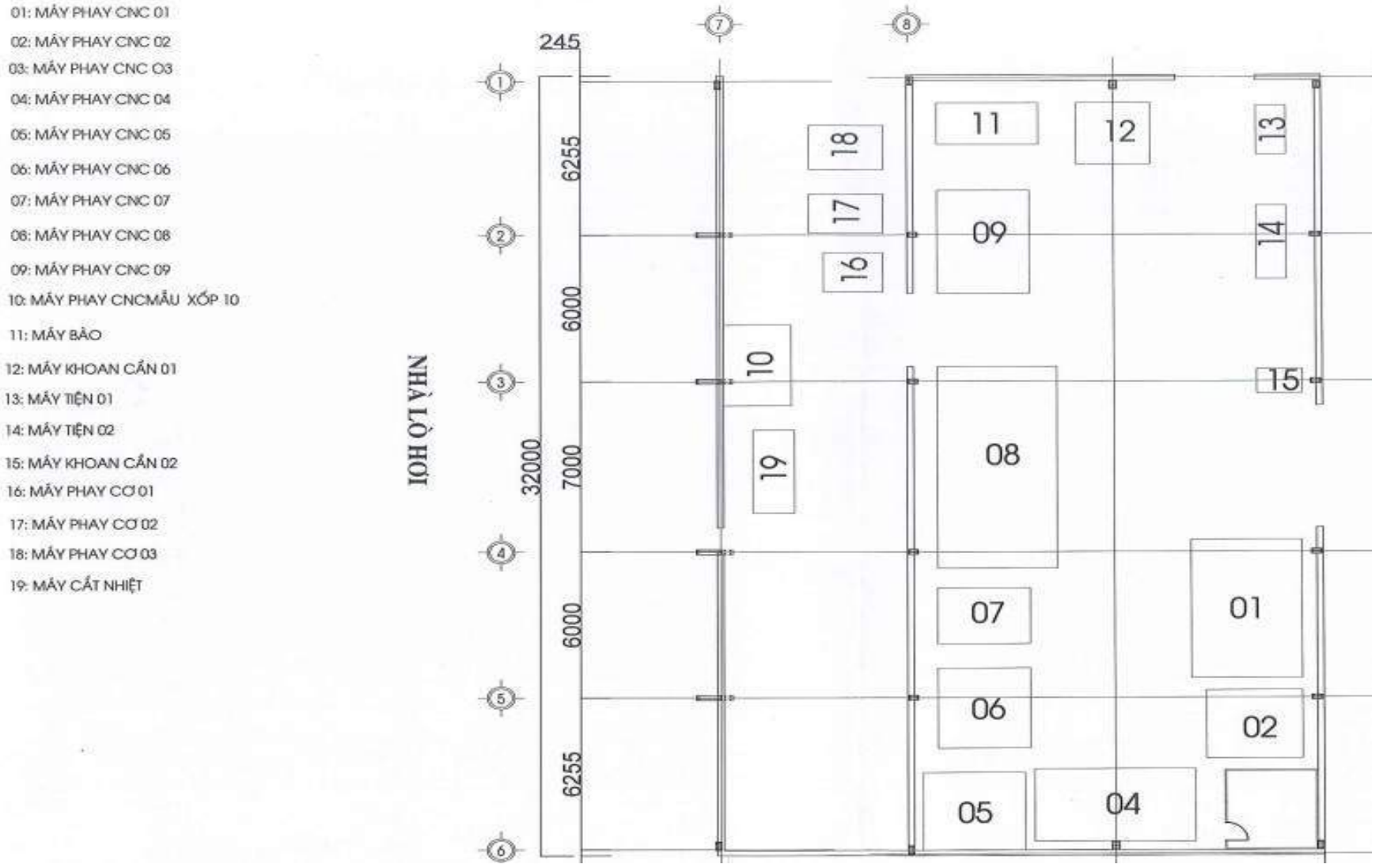

Hình 1.13. Mặt bằng bố trí thiết bị xưởng cơ khí

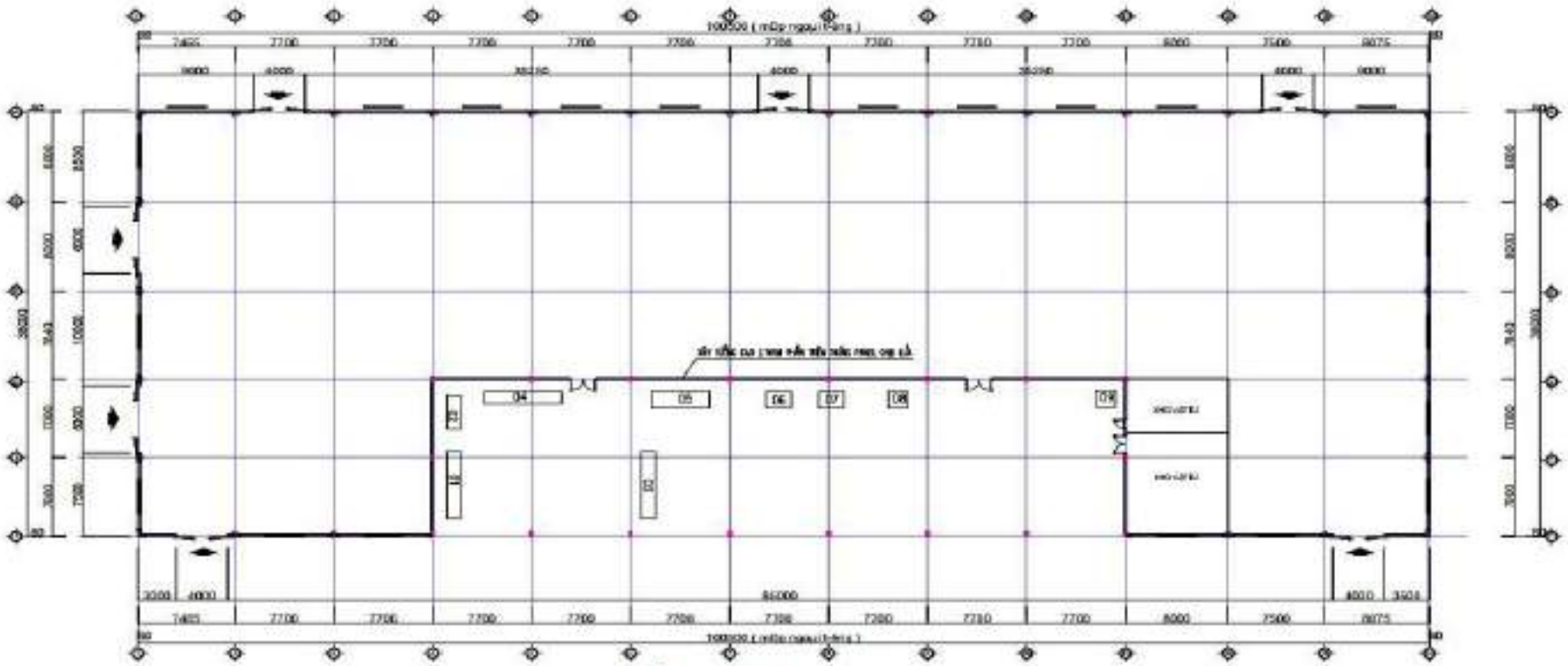

MẶT BẰNG NHÀ KHO

01: MÁY CẮT XỐP 01
02: MÁY CẮT XỐP 02
03: MÁY CẮT XỐP 03
04: MÁY CẮT XỐP 04
05: MÁY CẮT XỐP 05
06: MÁY CẮT XỐP 06
07: MÁY CẮT XỐP 07
08: MÁY CẮT XỐP 08
09: MÁY MAY

Hình 1. 14. Mặt bằng nhà kho

1.4.2. Nhu cầu về điện năng

Nhu cầu tiêu thụ điện chủ yếu là cấp điện cho các máy móc thiết bị trong quá trình sản xuất; điện chiếu sáng và điện làm việc cho khối điều hành quản lý. Điện năng sử dụng trong năm sản xuất ổn định như sau:

STT	Điện năng sử dụng	Đơn vị	Số lượng
1	Điện	kWh/tháng	1.150.000

Khối lượng điện sử dụng năm 2023: 6.960.497 Kwh, trung bình khoảng 580.041 Kwh/tháng.

Khối lượng điện sử dụng thực tế 6 tháng năm 2024 như sau: 4.343.914 Kwh, trung bình khoảng 723.986 Kwh/tháng.

Nguồn cung cấp điện: Hệ thống cấp điện của KCN Tràng Duệ.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nước sạch được sử dụng cho các mục đích sau: nước cấp cho sinh hoạt, nước cấp cho sản xuất (bao gồm nước làm mát và nước cấp cho nồi hơi), nước cấp cho phòng cháy chữa cháy,...

a. Nước cấp cho sinh hoạt:

- Theo Báo cáo ĐTM đã được duyệt:

Số lao động dự kiến tối đa khi nhà máy vào hoạt động ổn định là khoảng 300 người với lượng nước sử dụng tối đa khoảng 70 lít/người/ca (đã bao gồm cả hoạt động nấu ăn) thì khối lượng nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt của nhân viên ước tính là: 300 người x 70 lít/người = 21 m^3/ngày = 546 m^3/tháng **= 6.552** m^3/năm (1 tháng có 26 ngày làm việc).

- Thay đổi so với dự báo lượng nước sử dụng trong báo cáo ĐTM được duyệt:

Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và nhu cầu sử dụng lao động thực tế trong thời gian tới dự báo số lao động sử dụng tối đa khi dự án vào hoạt động ổn định là khoảng 350 người.

Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng, định mức sử dụng nước tối thiểu là 80 lít/người/ngày đêm. Nhà máy có tổ chức hoạt động nấu ăn do vậy định mức sử dụng nước tối đa khoảng 70 lít/người/ca thì khối lượng sử dụng cho hoạt động sinh hoạt của nhân viên ước tính là: 350 người x 70 lít/người = 24,5 m^3/ngày = 637 m^3/tháng **= 7.644** m^3/năm (1 tháng có 26 ngày làm việc).

b. Nước cấp cho sản xuất:

❖ **Theo ĐTM được phê duyệt:**

Nước cấp cho sản xuất bao gồm:

- Nước làm mát (phục vụ quá trình ép định hình xốp):

+ Nước bổ sung cho quá trình làm mát sản phẩm là 1.231,9 m^3/tháng tương đương khoảng khoảng 47,4 m^3/ngày.đêm. Nước cấp cho quá trình làm mát do bị hao hụt (bay hơi, thất thoát) được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài.

- Nước cấp cho lò hơi:

Công ty sử dụng 02 lò hơi công suất 15 tấn/h và 8 tấn/h. Nước cấp cho lò hơi khoảng 7.748 m^3/tháng tương đương 298 m^3/ngày đêm.

Toàn bộ nước cấp cho Nhà máy đều qua thiết bị làm mềm nước. Hiệu suất của hệ thống là 95%.

⇨ Tổng lượng nước Nhà máy sử dụng (sau khi đã làm mềm nước) là: 546 + 1.231,9 + 7.748 = 9.525,9 m^3/tháng.

⇨ Lượng nước cấp cho nhà máy trước khi vào hệ thống làm mềm nước là: 9.525,9/95% = 10.027,3 m^3/tháng

Lượng nước thải bỏ do hệ thống làm mềm nước (là phần nước sử dụng để rửa lọc) là: 10.027,3 – 9.525,9 = 501,4 m^3/tháng.

❖ **Theo thực tế hoạt động:**

Nước cấp cho sản xuất bao gồm:

- Nước làm mát (phục vụ quá trình ép định hình xốp):

+ Nước bổ sung cho quá trình làm mát sản phẩm là 1.231,9 m^3/tháng tương đương khoảng khoảng 47,4 m^3/ngày.đêm. Nước cấp cho quá trình làm mát do bị hao hụt (bay hơi, thất thoát) được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài.

- Nước cấp cho lò hơi:

Công ty sử dụng 02 lò hơi công suất 15 tấn/h. Nước cấp cho lò hơi dự kiến khoảng 7.800 m^3/tháng tương đương 300 m^3/ngày đêm.

Hiện tại, theo thực tế tại Nhà máy chỉ có nước cấp cho lò hơi được qua thiết bị làm mềm nước trước khi cấp cho lò. Hiệu suất thực tế của hệ thống làm mềm là 92%.

⇨ Lượng nước cấp cho lò hơi (sau khi đã làm mềm nước) là: 7.800 m^3/tháng.

⇨ Lượng nước cấp cho lò hơi trước khi vào hệ thống làm mềm nước là: 7.800/92% = 8478,26 m^3/tháng

Lượng nước thải bỏ do hệ thống làm mềm nước cấp cho lò hơi (là phần nước sử dụng để rửa lọc) là: 8478,26– 7.800= 678,26 m^3/tháng ≈ 26 m^3/ngày.

c. Nước dự phòng cho công tác phòng cháy chữa cháy:

Nhà máy sử dụng nguồn nước từ hồ nước mưa có diện tích 2.124,24 m^2 chứa khoảng 4.000 m^3 nước.

Bảng 1.5. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tối đa của dự án khi hoạt động ổn định

STT	Mục đích sử dụng	Đơn vị	Khối lượng
			Lớn nhất
I	**Nước cấp sinh hoạt**	**m^3/ngày**	**24,5**
II	**Nước cấp sản xuất**	**m^3/ngày**	**347,4**
1	Nước làm mát (phục vụ quá trình ép định hình xốp)	m^3/ngày	47,4
2	Nước cấp bổ sung cho lò hơi	m^3/ngày	300
Tổng		**m^3/ngày**	**371,9**

Khối lượng sử dụng nước thực tế tại cơ sở:

Căn cứ hóa đơn nước năm 2023, khối lượng nước sử dụng năm 2023 là 10.255 m^3/năm, tương đương khối lượng nước sử dụng trung bình trong ngày khoảng 32,87 m^3/ngày.

Căn cứ hóa đơn nước 6 tháng năm 2024 khối lượng sử dụng nước của từng tháng cụ thể như sau:

STT	Tháng	Khối lượng (m^3/tháng)
1	Tháng 1	1.503
2	Tháng 2	1.116
3	Tháng 3	1.531
4	Tháng 4	1.548
5	Tháng 5	1.297
6	Tháng 6	1.625
Tổng		**8.620**

Theo bảng tổng hợp trên, khối lượng nước sử dụng lớn nhất là tháng 6/2024 với khối lượng sử dụng 1.625 m^3/tháng, tương đương khối lượng nước sử dụng lớn nhất/ngày khoảng 62,5 m^3/ngày (1 tháng có 26 ngày làm việc).

Đánh giá: Khối lượng nước sử dụng hiện tại của Nhà máy nhỏ hơn khối lượng nước đã dự báo trong báo cáo ĐTM cho thấy hiện tại công suất hoạt động của Nhà máy chưa vượt so với công suất đã dự báo trong ĐTM đã được duyệt.

1.5. Các thông tin khác có liên quan

1.5.1. Vị trí địa lý cơ sở

Cơ sở "Nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt" có vị trí nằm tại Lô CN1 (nay là một phần lô M), Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Tổng diện tích khu đất của cơ sở là 50.168 m^2, Công ty TNHH Tân Huy Hoàng được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT13102 ngày 06/04/2020. Nhà máy có ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Nam : giáp đường nội bộ KCN nằm song song với quốc lộ 10;
- Phía Nam : giáp Trạm biến áp 110KV Tràng Duệ
- Phía Tây Nam : giáp với đường đê Sông Lạch Tray;
- Phía Đông Bắc : giáp với Công ty TNHH Ohsung Vina.
- Phía Tây Bắc : giáp với Trạm XLNTTT KCN Tràng Duệ và các khu đất của KCN .

Tọa độ khép góc khu đất của cơ sở được giới hạn từ 1 đến 10 với tọa độ các điểm như sau:

Bảng 1.6. Tọa độ khép góc khu đất của cơ sở

SỐ HIỆU MỐC (trích từ GCNQSDĐ)	TỌA ĐỘ		KHOẢNG CÁCH (M)
	X (M)	Y (M)	
1	2306982.150	584687.488	200,0
2	2306855.258	584842.090	103,8
3	2306773.410	584778.280	110,5
4	2306683.080	584714.700	102,7
5	2306749.100	584636.020	70,0
6	2306695.540	584591.080	52,7
7	2306729.080	584550.453	10,5
8	2306738.253	584545.265	62,9
9	2306800.399	584535.581	236,9
10	2306982.150	584687.488	

Sơ đồ vị trí của dự án được thể hiện trên hình sau:

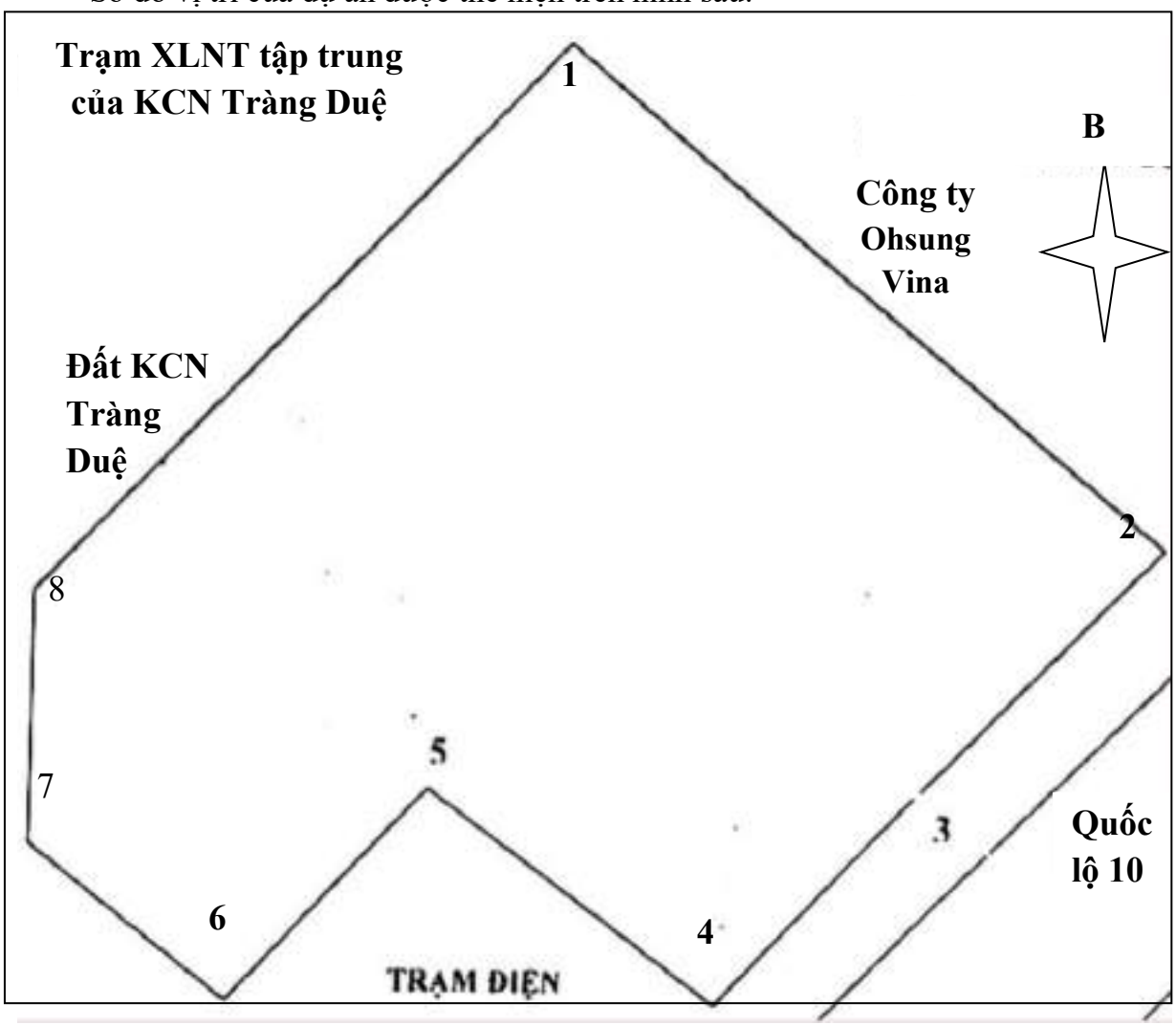

Hình 1.15. Vị trí khu đất cơ sở

1.5.2. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở

Tổng diện tích dự án là 50.168 m^2, Công ty TNHH Tân Huy Hoàng được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT13102 ngày 06/04/2020. Cơ cấu sử dụng đất của dự án được thể hiện như sau:

Bảng 1.7. Cơ cấu sử dụng đất của nhà máy

STT	Hạng mục	Diện tích sử dụng (m^2)		Tỷ lệ (%)	
		Theo ĐTM đã được phê duyệt	Theo thực tế	Theo ĐTM đã được phê duyệt	Theo thực tế
1	Đất xây dựng công trình	30.577,49	29.971,57	60,95	59,74
2	Đất cây xanh	10.033,6	10,033.60	20	20
3	Đất sân đường, giao thông	9.556,91	10.162,88	19,05	20,26
Tổng cộng		**50.168**	**50.168**	**100**	**100**

1.5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở

Bảng 1.8. Các hạng mục công trình của cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Diện tích theo ĐTM (m^2)	Diện tích xây dựng thực tế (m^2)	Ghi chú
A	**Các hạng mục công trình chính**			
1	Xưởng sản xuất số 1	4,422.60	4,528.35	Giữ nguyên hiện trạng
2.1*	Nhà xưởng số 2, kết hợp xưởng sản xuất xốp định hình và kho hạt 2 tầng cũ	3891.6	4.111,56	Đã phá bỏ, diện tích gộp vào xây nhà xưởng số 2 mới
2.2	Xưởng sản xuất số 2	0.00	8,777.70	Xây mới
3	Xưởng sản xuất số 7	7,203.60	7,280.00	Giữ nguyên hiện trạng
B	**Các hạng mục công trình phụ trợ**			
4	Nhà bảo vệ	22.40	32.68	Giữ nguyên hiện trạng
5	Nhà điều hành, văn phòng	327.40	312.32	Giữ nguyên hiện trạng
6	Nhà ăn, nghỉ của công nhân	279.10	327.16	Giữ nguyên hiện trạng
7	Xưởng gia công cơ khí	411.80	455.00	Giữ nguyên hiện trạng
8	Nhà nồi hơi + nhà nồi hơi mở rộng	2,846.80	3,044.89	Giữ nguyên hiện trạng
9	Nhà vệ sinh (02 nhà vệ sinh + tắm công nhân)	39.50	85.99	Giữ nguyên hiện trạng
10	Nhà đặt máy nén khí	31.50	33.74	Giữ nguyên hiện trạng

TT	Hạng mục công trình	Diện tích theo ĐTM (m^2)	Diện tích xây dựng thực tế (m^2)	Ghi chú
11	Khu vực bể chứa nước làm mát cho xưởng sản xuất số 2	459.20	69.03	Giữ nguyên hiện trạng
12	Trạm điện	12.30	11.70	Giữ nguyên hiện trạng
13	Sân thể thao	71.00	71	Giữ nguyên hiện trạng
14	Hồ nước	1,950.00	2,124.24	Giữ nguyên hiện trạng
15	Nhà để xe công nhân	343.20	253.76	Giữ nguyên hiện trạng
16**	Bãi đỗ xe	1,159.10	1,159.10	Giữ nguyên hiện trạng, tính cho diện tích sân đường
17	Nhà bơm cứu hỏa	8.80	8.75	Giữ nguyên hiện trạng
18***	Kho để nhựa lỏng PU và tôn	330.90	330.90	Chưa xây
19***	Nhà để khuôn thủ công	105.00	105.00	Chưa xây
20	Biển quảng cáo	2.60	36.96	Giữ nguyên hiện trạng
21	Mái nối nhà nồi hơi và xưởng gia công cơ khí	212.20	192.00	Giữ nguyên hiện trạng
22	Bãi xe giao hàng có mái che	1,349.20	2,892.14	
23	Đường có mái che	476.20	475.20	
24***	Nhà trưng bày sản phẩm	78.00	66.00	Chưa xây

TT	Hạng mục công trình	Diện tích theo ĐTM (m^2)	Diện tích xây dựng thực tế (m^2)	Ghi chú
25	Kho keo 1 tầng	0	350.00	Xây mới
26	Nhà cầu nối xây 01 tầng	0	26.70	Xây mới, tính cho diện tích sân đường
27	Nhà văn phòng làm thêm	0	61.37	Xây mới
28	Nhà vệ sinh xây mới	0	23.20	Xây mới
29	Chòi hút thuốc	0	10.89	Xây mới
30*	Kho kết hợp bãi soạn hàng	3.819,00	3,966.47	Đã phá bỏ, diện tích gộp vào xây nhà xưởng số 2 mới
31*	Mái nhà che mưa (giữa kho kết hợp bãi soạn và xưởng sản xuất số 2)	650,40	699.7	Đã phá bỏ, diện tích gộp vào xây nhà xưởng số 2 mới
C	**Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường**			
C1	***Công trình lưu trữ chất thải***			
32	Kho chứa rác thải sinh hoạt	6.24	6.24	Giữ nguyên hiện trạng
33	Kho chứa chất thải nguy hại	14.80	14.80	
34	Kho chứa rác thải sản xuất số 1	32.30	32.30	
35	Kho chứa rác thải sản xuất số 2	20.80	20.80	

TT	Hạng mục công trình	Diện tích theo ĐTM (m^2)	Diện tích xây dựng thực tế (m^2)	Ghi chú
C2	***Công trình thu gom, xử lý nước thải***			
36	01 bể tự hoại 2 ngăn nhà vệ sinh công nhân thể tích 48,13 m^3	-	-	Giữ nguyên hiện trạng, xây ngầm
37	01 bể tự hoại 2 ngăn nhà văn phòng thể tích 7,96 m^3	-	-	Giữ nguyên hiện trạng, xây ngầm
38	01 bể tự hoại 2 ngăn nhà vệ sinh xây mới (cạnh hồ nước cứu hỏa) thể tích 7,96 m^3	-	-	Xây mới xây ngầm
39	01 bể tách mỡ 1 m^3	-	-	Giữ nguyên hiện trạng, xây ngầm
Tổng diện tích xây dựng công trình (A+B+C) *(không tính diện tích các hạng mục (*),(**), (***) cho phần diện tích thực tế)*		30,577.54	29,971.57	
D. Diện tích cây xanh		10,033.60	10,033.60	
E. Diện tích sân đường nội bộ		9,556.91	10,162.88	
Tổng (A+B+C+D+E)		**50.168**	**50,168**	

Ghi chú:

(*): Hạng mục công trình hiện tại đã phá bỏ *(số 2.1, 30, 31)* và gộp diện tích xây dựng nhà xưởng số 2 mới.

(**): Hạng mục tính cho diện tích sân đường vì không phải công trình xây dựng *(số 16)*.

(***): Hạng mục công trình chưa xây dựng

A. Hạng mục công trình chính:

1. Nhà xưởng sản xuất số 1

Diện tích: 4.528,35 m^2. Bao gồm 1 tầng và 1 tầng lửng.

- Công năng: sản xuất tấm Panel, chứa nguyên liệu, thành phẩm

- Kết cấu:

+ Kết cấu khung thép tiền chế.

+ Mái lợp tôn mạ màu trong nước dày 0,45 mm, mái dốc.

+ Tường xây gạch chỉ 220 bao che, chiều cao tường dọc 3m.

+ Cửa đi sản xuất bằng sắt bịt tôn, thiết kế đóng mở theo kiểu cửa đẩy puly chạy trên ray, kích thước (5.000 x 5.000), có 8 cửa.

+ Cửa sổ cánh đóng mở kích thước (1.800 x 1.800) tại nhà xưởng các cửa sổ và của đi vào tạo thông gió tự nhiên.

+ Nền lớp trên cùng đổ bê tông đá 1x2 mác 200, dày 200, lớp giữa là đá cấp phối lu chèn chặt dày 300, lớp dưới cùng là cát đen tôn nền, lu đầm chặt K98.

2. Nhà xưởng sản xuất số 2 (xây mới):

Diện tích: 8,777.70 m^2 gồm 2 tầng:

- Công năng: sản xuất sản phẩm xốp định hình EPS, tấm Block EPS, chứa nguyên vật liệu, kích nở nguyên liệu, phòng sấy, kho chứa nguyên vật liệu.

- Kết cấu:

+ Tầng 1: Kết cấu bê tông cốt thép, tường xây 200

+ Tầng 2: Kết cấu khung thép tiền chế

+ Mái lợp tôn mạ màu trong nước dày 0,45 mm, mái dốc.

3. Nhà xưởng sản xuất số 7:

Diện tích: 7,280 m^2. Bao gồm 01 tầng và 01 sàn lửng

- Công năng: chứa nguyên vật liệu, kích nở nguyên vật liệu, kích nở nguyên liệu, sản xuất các sản phẩm xốp định hình EPS, bãi kiểm tra hàng, kho tập kết chờ xuất hàng, kho khuôn mẫu

- Kết cấu:

+ Kết cấu khung thép tiền chế.

+ Mái lợp tôn mạ màu trong nước dày 0,45 mm, mái dốc.

+ Tường xây gạch chỉ 220 bao che, chiều cao tường dọc 0,4m.

+ Cửa đi sản xuất thiết kế đóng mở theo kiểu cửa đẩy puly chạy trên ray, kích thước (5.000 x 5.000).

+ Cửa sổ cánh đóng mở kích thước 1,8m x 1,8m.

+ Nền lớp trên cùng đổ bê tông đá 1x2 mác 200, dày 200, lớp giữa là đá cấp phối lu chèn chặt dày 300, lớp dưới cùng là cát đen tôn nền, lu đầm chặt K98. Trên tường bao xung quanh nhà xưởng có bố trí các cửa sổ và cửa chớp thoáng để thông gió tự nhiên.

B. Hạng mục công trình phụ trợ:

4. Nhà bảo vệ

Diện tích 32,68 m^2, nhà khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây bao che gạch tuynel cao 3,5m 1 tầng.

+ Mái bằng bê tông cốt thép dày 100, đá 1 x 2 mác 200.

+ Cửa khung nhựa lõi thép, cửa sổ kính, sen hoa sắt vuông 12 x 12.

+ Nền đổ bê tông gạch vỡ đà 100, sau đó lát nền bằng gạch LD 300 x 300.

+ Tường sơn nước.

5. Nhà điều hành, văn phòng

Diện tích 312,32 m^2 gồm 2 tầng.

- Công năng:

+ Tầng 1: Phòng kỹ thuật, phòng kế toán, phòng khách, phòng kinh doanh,….

+ Tầng 2: Phòng giám đốc, phòng Phó giám đốc, phòng họp

- Kết cấu: Nhà xây tường gạch, khung bê tông cốt thép

6. Nhà ăn nghỉ công nhân

Diện tích: 327,16 m^2, bao gồm 2 tầng.

- Công năng:

+ Tầng 1: Khu vực phòng ăn, bếp, phòng y tế,…

+ Tầng 2: Có 04 phòng nghỉ công nhân, trong đó 03 phòng nghỉ mỗi phòng diện tích khoảng 36 m^2 và 01 phòng mỗi phòng diện tích khoảng 22 m^2.

- Kết cấu: Nhà xây tường gạch, khung bê tông cốt thép

7. Xưởng gia công cơ khí

Diện tích: 455 m^2, được sử dụng để gia công khuôn kim loại.

+ Kết cấu khung thép tiền chế

+ Mái lợp tôn mạ màu trong nước dày 0,45 mm, mái dốc.

+ Tường xây gạch chỉ 220 bao che, chiều cao tường dọc 3m.

+ Có 02 cửa ra vào, thiết kế đóng mở theo kiểu cửa đẩy puly chạy trên ray, kích thước 4,5m x 5m. Cửa sổ cánh đóng mở kích thước 1,8m x 1,8m.

+ Nền lớp trên cùng đổ bê tông đá 1x2 mác 200, dày 200, lớp giữa là đá cấp phối lu chèn chặt dày 300, lớp dưới cùng là cát đen tôn nền, lu đầm chặt K98.

+ Cửa đi, cửa sổ kính khung nhựa lõi thép, kính trắng dày 5 ly.

8. Nhà nồi hơi + nhà nồi hơi mở rộng

Nồi hơi được đặt tại khu vực riêng, biệt lập với khu vực sản xuất.

- Diện tích: 3.044,89 m^2, được sử dụng để đặt 02 nồi hơi 15 tấn/h, nguyên liệu cho lò hơi củi và mùn cưa, ...

+ Kết cấu khung thép tiền chế.

+ Mái lợp tôn mạ màu trong nước dày 0,45 mm, mái dốc.

+ Tường xây gạch chỉ 220 bao che, chiều cao tường dọc 3m.

+ Có 02 cửa ra vào, thiết kế đóng mở theo kiểu cửa đẩy puly chạy trên ray, kích thước 4,5m x 5m. Cửa sổ cánh đóng mở kích thước1,8m x 1,8m

+ Nền lớp trên cùng đổ bê tông đá 1x2 mác 200, dày 200, lớp giữa là đá cấp phối lu chèn chặt dày 300, lớp dưới cùng là cát đen tôn nền, lu đầm chặt K98.

9. Nhà vệ sinh (02 nhà vệ sinh + tắm công nhân)

Tổng diện tích 85,99 m^2, được thiết kế như sau:

+ Nhà khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây bao che gạch tuynel cao 3,5m 1 tầng.

+ Mái bằng bê tông cốt thép dày 100, đá 1 x 2 mác 200.

+ Cửa khung nhựa lõi thép, cửa sổ kính, sen hoa sắt vuông 12 x 12.

+ Nền đổ bê tông gạch vỡ đà 100, sau đó lát nền bằng gạch LD 300 x 300.

+ Tường sơn nước.

10. Nhà đặt nén khí

Diện tích 33,74 m^2.

+ Kết cấu khung thép tiền chế

+ Mái lợp tôn mạ màu trong nước dày 0,45 mm, mái dốc.

+ Tường xây gạch chỉ 220 bao che, chiều cao tường dọc 3m.Cửa đi sản xuất bằng sắt bịt tôn, thiết kế đóng mở theo kiểu cửa đẩy puly chạy trên ray, kích thước 5mx5m

+ Cửa sổ cánh đóng mở kích thước 1,8mx1,8m

+ Nền lớp trên cùng đổ bê tông đá 1x2 mác 200, dày 200, lớp giữa là đá cấp phối lu chèn chặt dày 300, lớp dưới cùng là cát đen tôn nền, lu đầm chặt K98.

11. Khu vực bể chứa nước làm mát cho xưởng sản xuất số 2.

Diện tích 69,03 m^2 gồm 03 bể

- Công năng: chứa nước làm mát cho xưởng sản xuất số 2

- Kết cấu: Bê tông cốt thép

12. Nhà để xe công nhân

Diện tích: 253,76 m^2

+ Thiết kế khung thép chịu lực, mái tôn chống nóng

+ Nền đổ bê tông, mác 200, dày 100.

13. Nhà bơm cứu hỏa

Diện tích 8,75 m^2.

+ Kết cấu khung thép tiền chế

+ Mái lợp tôn mạ màu trong nước dày 0,45 mm, mái dốc.

+ Tường xây gạch chỉ 220 bao che, chiều cao tường dọc 3m.Cửa đi sản xuất bằng sắt bịt tôn, thiết kế đóng mở theo kiểu cửa đẩy puly chạy trên ray, kích thước 5mx5m

+ Nền lớp trên cùng đổ bê tông đá 1x2 mác 200, dày 200, lớp giữa là đá cấp phối lu chèn chặt dày 300, lớp dưới cùng là cát đen tôn nền, lu đầm chặt K98.

14. Kho keo 1 tầng

- Diện tích: 350 m^2
- Công năng: Chứa keo sử dụng cho sản xuất
- Kết cấu: khung thép, tường xây cao tới mái

15. Nhà văn phòng làm thêm

- Diện tích: 61,37 m^2
- Công năng: Văn phòng
- Kết cấu: Làm bằng tấm Panel

16. Nhà vệ sinh xây thêm:

Tổng diện tích 23,2 m^2, được thiết kế như sau:

+ Nhà khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây bao che gạch tuynel cao 3,5m 1 tầng.

+ Mái bằng bê tông cốt thép dày 100, đá 1 x 2 mác 200.

+ Cửa khung nhựa lõi thép, cửa sổ kính, sen hoa sắt vuông 12 x 12.

+ Nền đổ bê tông gạch vỡ đà 100, sau đó lát nền bằng gạch LD 300 x 300.

+ Tường sơn nước.

17. Chòi hút thuốc

- Diện tích: 10,89 m^2
- Công năng: Hút thuốc giờ giải lao

C. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

C1. Hạng mục kho lưu chứa chất thải:

- Kho chứa chất thải sinh hoạt:

+ Diện tích: 6,24 m^2

+ Kết cấu: Bê tông cốt thép, tường và mái lợp tôn

- Kho chứa chất thải rắn sản xuất:

Gồm 2 kho chứa có tổng diện tích là 51,3m^2. Trong đó:

+ Diện tích kho chứa 1: 30,2 m^2

+ Diện tích kho chứa 2: 20,8 m^2

+ Kết cấu: Khung thép tiền chế, mái lợp tôn mạ màu.

- Kho CTNH:

+ Diện tích: 14,8 m^2

+ Kết cấu: Tường bằng tôn mạ màu, nền BTCT gia cố thêm thép tấm 6mm đảm bảo không bị ngập lụt. Kho CTNH được bố trí trong nhà nồi hơi, có vách ngăn để ngăn khu vực.

C2. Công trình xử lý nước thải:

- Bể tự hoại 2 ngăn (03 bể):

+ Công trình ngầm có tổng thể tích của các bể tự hoại là 64,05 m^3.

+ Bể được xây bằng gạch, tường 220, trát vữa xi măng, chống thấm trong và ngoài bể. Có nắp đậy bằng BTCT phía trên.

- Bể tách mỡ khu nhà ăn (01 bể):

+ Công trình ngầm có thể tích là 1 m^3.

+ Bên ngoài bể được xây bằng gạch, trát vữa xi măng, chống thấm, trong bể kết cấu Inox.

D. Đất cây xanh, cảnh quan

Diện tích đất cây xanh, cảnh quan của cơ sở là 10.033,6 m^2, chiếm 20% diện tích khu đất, đảm bảo quy định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD) tỷ lệ tối thiểu đất giao thông, cây xanh các khu kỹ thuật trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thì tỷ lệ đất cây xanh tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.

E. Sân đường nội bộ của cơ sở

Sân đường nội bộ của cơ sở có tổng diện tích 10,162.88 m^2, thuận tiện cho hoạt động vận chuyển hàng hóa, tiếp cận các xe chữa cháy.

F. Các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Nhà máy đã lắp đặt

Bảng 1.9. Danh mục các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Nhà máy đã lắp đặt

TT	Hạng mục công trình		Các thông số cơ bản	
			Theo ĐTM	Theo thực tế đã lắp đặt
1	Hệ thống thoát nước	Thoát nước mưa mái	Đường ống thoát nước D110	Không thay đổi
		Thoát nước mưa sân, đường	Rãnh thoát nước mặt D300 – D800 bao quanh công trình	Không thay đổi
		Thoát nước thải	Đường ống thoát nước D200	Đường ống thoát nước D300
2	Kho chứa rác sinh hoạt		Diện tích 6,24 m^2	Không thay đổi
3	Kho chứa CTNH		Diện tích là 14,8 m^2	Không thay đổi
4	Khu lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường số 1		Diện tích 32,3 m^2	Không thay đổi
5	Khu lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường số 2		Diện tích 20,8 m^2	Không thay đổi
6	Bể tự hoại 02 ngăn		02 bể với tổng thể tích là 60,29 m^3	03 bể với tổng thể tích là 64,05 m^3
7	Bể tách mỡ khu nhà ăn		01 bể thể tích 1 m^3	Không thay đổi
8	HTXL khí thải lò hơi			
8.1	HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/h (KT1)		01 HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/h, công suất 60.000m^3/h	Không thay đổi
8.2	HTXL khí thải lò hơi 8 tấn/h		01 HTXL khí thải lò hơi 8 tấn, công suất 30.000m^3/h	Đã lắp đặt HTXL khí thải lò hơi 8 tấn/h, công suất 30.000m^3/h (chưa đi vào hoạt động) tuy nhiên để đảm bảo công suất sản xuất và công suất xử lý khí thải chủ cơ sở sẽ thay thế bằng HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/h (KT2) công suất 60.000m^3/h (phần thay đổi được trình bày cụ thể tại chương 3 báo cáo).

TT	Hạng mục công trình	Các thông số cơ bản	
		Theo ĐTM	Theo thực tế đã lắp đặt
9	HTXL khí (xưởng sản xuất tấm Panel)		
9.1	HTXL khí thải xưởng Panel (khu vực bàn ép tấm Panel 9m) (KT3)	01 hệ thống, công suất 11.000 m^3/h	Không thay đổi
9.2	HTXL khí thải xưởng Panel (khu vực bàn ép tấm Panel 12m) (KT4)	01 hệ thống, công suất 12.000 m^3/h	Không thay đổi
9.3	HTXL khí thải xưởng Panel (khu vực bàn ép tấm Panel 39m) (KT5)	01 hệ thống, công suất 25.000 m^3/h	Không thay đổi
10	Thiết bị thu bụi bông khoáng, bông thủy tinh	Gồm 2 thiết bị, công suất 0,5 m^3/h	Không thay đổi

Đánh giá sự thay đổi các hạng mục công trình sẽ được trình bày cụ thể tại chương 3 báo cáo.

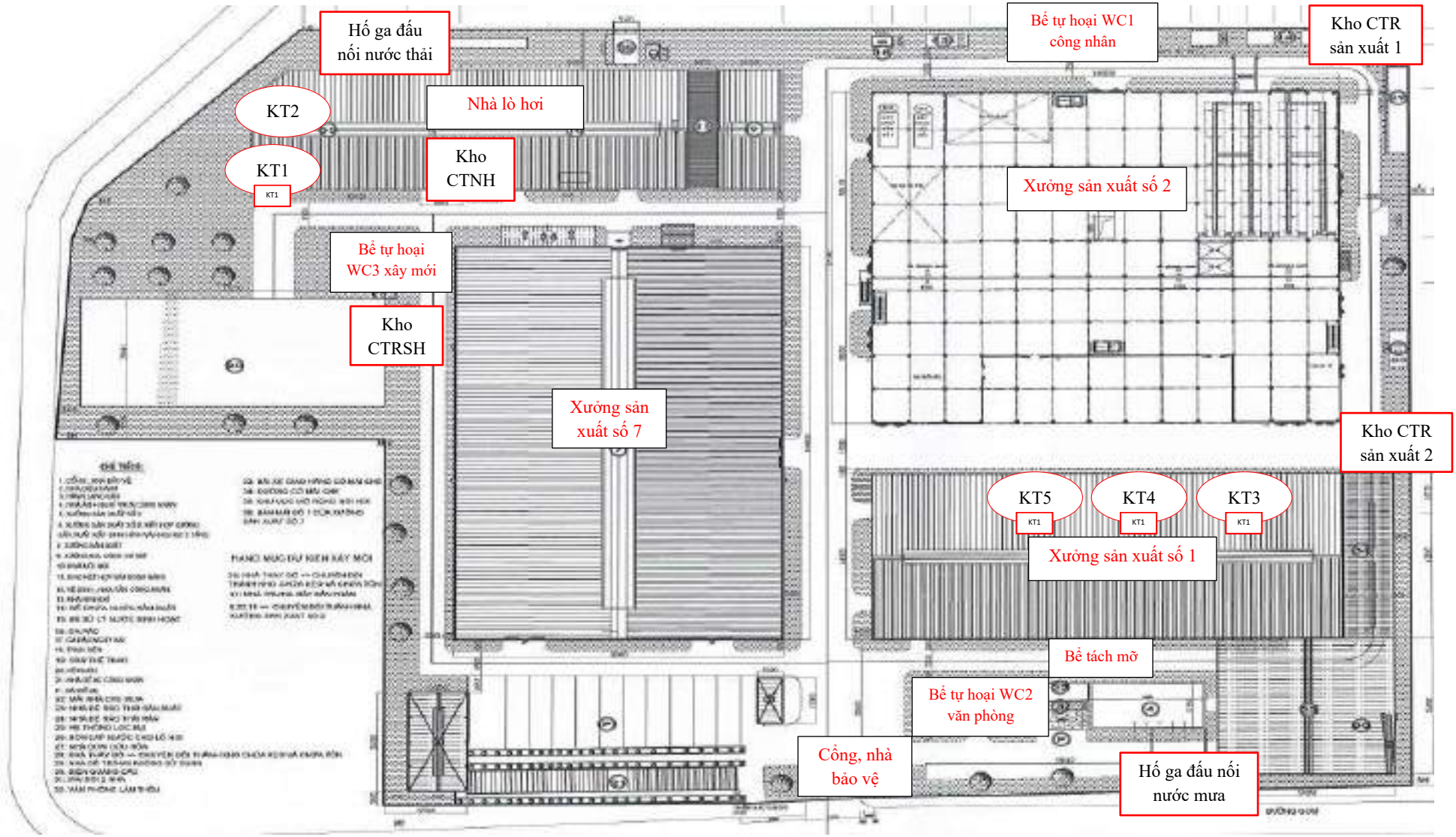

Hình 1.16. Mặt bằng bố trí công trình bảo vệ môi trường

1.5.4. Hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở trong quá trình hoạt động

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng từ khi đi vào hoạt động luôn tuân thủ nghiêm túc thực hiện các quy định trong lĩnh vực bảo vệ môi trường:

- Thực hiện quan trắc chất lượng môi trường định kỳ theo đúng hồ sơ ĐTM đã được phê duyệt

- Công ty được cấp chứng chỉ ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015: Cơ sở phù hợp với tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống quản lý môi trường.

1.5.5. Phạm vi xin cấp GPMT

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường Công ty tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường với phạm vi như sau:

Bảng 1.10. Phạm vi của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Hạng mục xin cấp phép		ĐTM đã được phê duyệt	Nội dung đề xuất cấp GPMT	Ghi chú
I	**Diện tích (m^2)**		50.168	50.168	Không thay đổi
II	**Quy mô các hạng mục công trình**		Bảng 1.8	Bảng 1.8	Điều chỉnh diện tích một số các hạng mục công trình theo giấy phép xây dựng được cấp
III	**Công suất hoạt động**	Các sản phẩm xốp định hình (Xốp bao bì chèn máy, thiết bị cao cấp; Xốp thùng đông lạnh; Xốp tấm cách nhiệt thông thường)	3.500 tấn/năm	3.500 tấn/năm	Không thay đổi
		Tấm panel dán tôn mát mạ màu (làm bằng xốp EPS và xốp PU chống cháy); các loại tấm panel làm vách ngăn nhà; tôn mát	1.350.000 (m^2/năm) tương đương 7.213 (tấn/năm)	1.350.000 (m^2/năm) tương đương 7.213 (tấn/năm)	Không thay đổi
IV	**Công trình bảo vệ môi trường**				
4.1	Hệ thống thoát nước	Thoát nước mưa mái	Đường ống thoát nước D110	Đường ống thoát nước D110	Không thay đổi
		Thoát nước mưa sân, đường	Rãnh thoát nước mặt D300 – D800 bao quanh công trình	Rãnh thoát nước mặt D300 – D800 bao quanh công trình	Không thay đổi

STT	Hạng mục xin cấp phép		ĐTM đã được phê duyệt	Nội dung đề xuất cấp GPMT	Ghi chú
		Thoát nước thải	Đường ống thoát nước D200	Đường ống thoát nước D300	Thay đổi kích thước đường ống thoát nước thải
4.2	Kho chứa rác sinh hoạt		Diện tích 6,24 m^2	Diện tích 6,24 m^2	Không thay đổi
4.3	Kho chứa CTNH		Diện tích 14,8 m^2	Diện tích 14,8 m^2	Không thay đổi
4.4	Khu lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường số 1		Diện tích 32,3 m^2	Diện tích 32,3 m^2	Không thay đổi
4.5	Khu lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường số 2		Diện tích 20,8 m^2	Diện tích 20,8 m^2	Không thay đổi
4.6	Bể tự hoại 02 ngăn		02 bể với tổng thể tích là 60,29 m^3	03 bể với tổng thể tích là 64,05 m^3	Tăng thêm 01 bể tự hoại WC3
4.7	Bể tách mỡ khu nhà ăn		01 bể thể tích 1 m^3	01 bể thể tích 1 m^3	Không thay đổi
4.8	HTXL khí thải lò hơi				
	HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/h (KT1)		01 HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/h, công suất 60.000m^3/h	01 HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/h, công suất 60.000m^3/h	Không thay đổi
	HTXL khí thải lò hơi 8 tấn/h		01 HTXL khí thải lò hơi 8 tấn, công suất 30.000m^3/h	01 HTXL bụi lò hơi 15 tấn/h (KT2) công suất 60.000m^3/h	Công suất lò hơi thay đổi từ nâng công suất từ 8 tấn/h (chưa đi vào hoạt động) lên 15 tấn/h, công

STT	Hạng mục xin cấp phép	ĐTM đã được phê duyệt	Nội dung đề xuất cấp GPMT	Ghi chú
				suất HTXL khí thải lò hơi tăng từ 30.000 m^3/h lên 60.000 m^3/h
4.9	HTXL khí (xưởng sản xuất tấm Panel)			
	HTXL khí thải xưởng Panel (khu vực bàn ép tấm Panel 9m) (KT3)	01 hệ thống, công suất 11.000 m^3/h	01 hệ thống, công suất 11.000 m^3/h	Không thay đổi
	HTXL khí thải xưởng Panel (khu vực bàn ép tấm Panel 12m) (KT4)	01 hệ thống, công suất 12.000 m^3/h	01 hệ thống, công suất 12.000 m^3/h	Không thay đổi
	HTXL khí thải xưởng Panel (khu vực bàn ép tấm Panel 39m) (KT5)	01 hệ thống, công suất 25.000 m^3/h	01 hệ thống, công suất 25.000 m^3/h	Không thay đổi
	Thiết bị thu bụi bông khoáng, bông thủy tinh	Gồm 2 thiết bị, công suất 0,5 m^3/h	Gồm 2 thiết bị, công suất 0,5 m^3/h	Không thay đổi

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2.2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:

- Quyết định 611/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 8/7/2024 Quyết định phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Căn cứ theo điểm a, khoản 3, điều 1. Giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội:

+ Thực hiện phân vùng môi trường thống nhất trên phạm vi toàn quốc để triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thích hợp theo phân vùng môi trường nhằm kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật.

+ Xây dựng lộ trình nâng cấp, cải tạo công nghệ xử lý chất thải đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo phân vùng môi trường; xây dựng lộ trình kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của phân vùng môi trường và khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư.

Dự án nằm trong KCN Tràng Duệ phù hợp với phân vùng môi trường đảm bảo khoảng cách an toàn gần nhất đến khu dân cư là 350m, hoàn toàn phù hợp với nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường của thành phố

- Thành phố Hải Phòng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, huyện An Dương là khu D: Khu vực đô thị mở rộng phía Tây (huyện An Dương) tính chất là trung tâm công nghiệp, dịch vụ logistic, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ cùng duyên hải Bắc Bộ. Từng bước xây dựng huyện An Dương cơ bản đạt các tiêu chí thành lập quận vào năm 2025.

- Căn cứ theo Quyết định phê duyệt quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kì 2021-2030 tầm nhìn 2050 số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 tại phụ lục II phương án phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 kèm theo Quyết định phê duyệt số 1516/QĐ-TTg. Khu công nghiệp Tràng

Duệ 1,2 là một trong 14 Khu công nghiệp đã thành lập với diện tích quy hoạch 389,8 ha.

Như vậy, dự án nằm trong KCN Tràng Duệ phù hợp với quy hoạch của thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn, có năng suất, giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học – công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghiệp biển, công nghiệp điện tử, điện gia dụng,...

- Công văn số 180/TTg - CN, ngày 01/02/2008 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt về việc bổ sung điều chỉnh các KCN thành phố Hải Phòng vào Quy hoạch phát triển tổng thể các khu công nghiệp Việt Nam;

- Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 1/7/2013 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp Hải Phòng đến năm giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Theo đó, Hải Phòng cần ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp như: cơ khí chế tạo, điện tử - điện lạnh - tin học, hóa chất và cao su - nhựa, phân phối điện - nước, sản xuất phân bón, luyện kim, chế biến nông - thủy sản - thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may - da giày…

- Dự án không thuộc danh mục dự án công nghiệp khuyến khích; cũng không thuộc danh mục không khuyến khích đầu tư theo Quyết định 1338/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, không khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**** Phù hợp với quy hoạch chung của KCN Tràng Duệ***

Dự án nằm tại Lô CN1, KCN Tràng Duệ (thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải), xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Tại Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 14/8/2014 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 KCN Tràng Duệ và Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/200 KCN Tràng Duệ (khu A) tại các xã: Lê Lợi, Hồng Phong, Bắc Sơn và An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**** Địa điểm thực hiện dự án tại KCN Tràng Duệ đã có đầy đủ hồ sơ môi trường gồm:***

- Quyết định số 542/QĐ-BTNMT ngày 17/03/2008 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Tràng Duệ – khu A.

- Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 107/GXN-TCMT ngày 24/9/2018 của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Tràng Duệ - Khu A (giai đoạn 1).

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1091/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 3/5/2019. Thời hạn cấp phép 10 năm kể từ ngày giấy phép có hiệu lực.

**** Loại hình đầu tư nằm trong danh mục được phép thu hút đầu tư vào KCN Tràng Duệ:***

Khu công nghiệp Tràng Duệ có tổng diện tích (Khu A) có diện tích 405,07 ha đã đi vào hoạt động từ năm 2010 và hiện nay đã hoàn thành hạ tầng cơ sở theo quy hoạch được duyệt.

Các ngành nghề đã đầu tư và dự kiến đầu tư của KCN Tràng Duệ bao gồm:

+ Nhóm ngành công nghiệp cơ khí - lắp ráp: Ô tô, xe máy, máy công nghiệp, thiết kế.

+ Nhóm ngành công nghiệp điện lạnh – điện tử: sản xuất hàng điện tử, lắp ráp hệ thống thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện lạnh dùng trong công nghiệp chế biến.

+ Nhóm ngành công nghiệp vỏ hộp – bao bì: Sản xuất vỏ đồ hộp thực phẩm, thùng carton, vỏ bao PE, PP.

+ Nhóm ngành công nghiệp gia dụng – thủ công mỹ nghệ: May mặc, dệt sợi, giầy da, đồ chơi, dụng cụ thể thao, bàn ghế nội thất, thủ công mỹ nghệ cao cấp.

+ Nhóm ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản: Thực phẩm, đồ uống, giải khát, thủy hải sản, dịch vụ đồ ăn.

+ Nhóm ngành vật liệu xây dựng: Sản xuất nghiền clinker, gạch lát trang trí, thiết bị vệ sinh, sơn, nhựa, gỗ ván ép xây dựng.

Loại hình đầu tư của dự án là sản xuất linh kiện điện, điện tử thuộc nhóm ngành được phép thu hút đầu tư vào KCN Tràng Duệ.

**** KCN Tràng Duệ đã có đầy đủ hệ thống thu gom và Trạm xử lý nước thải tập trung***

Nước thải phát sinh từ các nhà máy thành viên trong KCN được thu về trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý. Hệ thống thu gom nước thải là hệ thống cống

ngầm tự chảy, xây dựng bằng bê tông cốt thép và đặt dưới lề đường có đường kính từ D300 mm đến D600 mm.

Các loại nước thải bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các nhà máy. Trong đó:

+ Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại, bể tách mỡ

+ Nước thải sản xuất sẽ được thu gom chung với nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung, nước thải sau đó sẽ được xử lý tại trạm XLNT tập trung của KCN.

Khu công nghiệp Tràng Duệ đã hoàn thành nhà máy XLNT giai đoạn I với công suất 4.000 m^3/ngày.đêm và nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II với công suất 4.000 m^3/ngày.đêm. Tổng công suất xử lý của cả hai giai đoạn là 8.000 m^3/ngày.đêm. Hiện tại SHP đã có giấy phép xả thải công suất 8.000m^3/ngày đêm (Số 1091/GP-BTNMT cấp ngày 3/5/2019).

Quy trình công nghệ xử lý nước thải của trạm XLNT KCN Tràng Duệ:

Nước thải → Hố ga thu gom → Bể điều hòa/Bể sục hóa chất → Bể tùy nghi → Bể kỵ khí 1 → Bể kỵ khí 2 → Bể aeroten 1 và 2 → Bể lắng → Hồ sinh học 1 → Hồ sinh học 2 → Hồ xả thải → Sông Lạch Tray.

- Thực hiện quan trắc định kỳ theo đúng cam kết đã được phê duyệt tại báo cáo ĐTM.

- Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với đơn vị có chức năng.

- Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển CTNH với với đơn vị có chức năng.

Như vậy, việc triển khai thực hiện dự án là phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của thành phố Hải Phòng nói chung và quy hoạch của Khu công nghiệp nói riêng.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Ngành sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt được đánh giá thuộc nhóm dự án không thải ra chất thải ở mức nguy hại đến môi trường. Dự án này không thuộc danh mục các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo phụ lục II, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Theo số liệu cung cấp từ SHP thì hiện tại khối lượng nước thải của toàn khu thải ra trung bình khoảng 7.000 m^3/ngày.đêm.

Giai đoạn vận hành, Nhà máy phát sinh nước thải sinh hoạt của 350 người trung bình khoảng 24,5 m^3/ngày. Khi đó, tổng lượng nước thải cần xử lý tại Trạm tập trung của KCN Tràng Duệ là 7024,5 m^3/ngày (vẫn nhỏ hơn công suất thiết kế của Trạm xử

lý) nên khi có thêm hoạt động của dự án, Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN vẫn hoàn toàn đảm bảo.

Nhà máy nằm trong KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là KCN đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hoàn thiện nhằm thu hút các doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của toàn thành phố. Hiện tại, môi trường tại khu vực còn tương đối tốt do mới chỉ tiếp nhận một số các doanh nghiệp đang tiến hành đầu tư.

Trong quá trình hoạt động, nhà máy sẽ nghiêm túc chấp hành các quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường để hạn chế những ảnh hưởng của hoạt động nhà máy đến các thành phần môi trường tự nhiên cũng như môi trường kinh tế - xã hội.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa trên mái:

Nước mưa từ mái nhà được gom vào máng xối và dẫn xuống cống dẫn bằng các ống đứng PVC D110. Nước từ ống đứng đấu nối vào các hố ga trên sân đường bằng ống PVC D110.

- Hệ thống thoát nước mưa tràn mặt:

Nước mưa chảy tràn trên sân được thu gom vào các hố ga qua hệ thống cống thoát nước D300 - D800 bao quanh các công trình trước khi thoát vào hệ thống thoát nước của KCN. Tại miệng cống đặt các song chắn rác bằng thép để giữ lại rác thô kích thước lớn. Đất cát và rác thải không được giữ lại trên song chắn rác một phần được lắng lại ở các cống dẫn, phần cặn còn lại tiếp tục lắng ở các hố ga.

Nước trong ở các hố ga theo hệ thống cống thoát của Nhà máy rồi thoát vào hệ thống thoát nước mặt của KCN Tràng Duệ qua 01 hố ga đấu nối.

Rác giữ lại trên song chắn rác và phần cặn được định kỳ nạo vét đem xử lý cùng rác thải rắn sinh hoạt của Nhà máy.

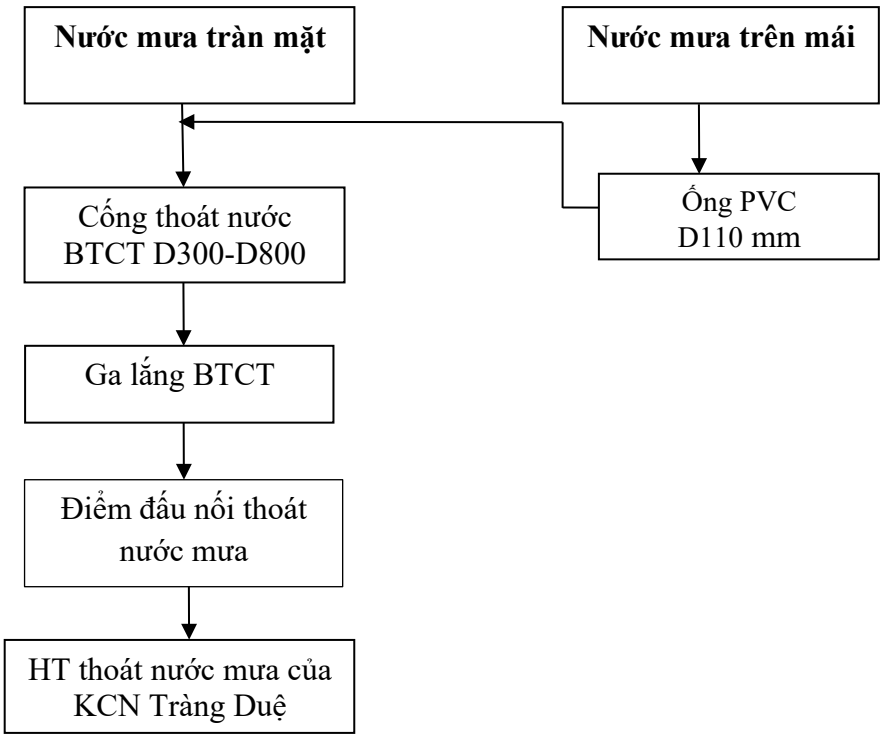

Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại Nhà máy

(Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa được đính kèm trong phần phụ lục của Báo cáo)

Bảng 3.1. Thông số, kỹ thuật hệ thống thu thoát nước mưa

STT	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Kích thước (dài x rộng x sâu)mm
1	Hố ga lắng nước mưa	90 hố	1220x1120x910

Các hố ga được định kỳ nạo vét bùn cặn, tần suất nạo vét hố ga tùy theo tình hình thực tế: vào mùa mưa có thể tăng tần suất nạo vét là 3 tháng/lần, mùa khô nạo vét 6 tháng/1 lần.

Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn của hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất thải nguy hại như dầu mỡ, hóa chất độc hại xâm nhập vào đường thoát nước mưa.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải:

a) Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt:

- **Công trình thu gom nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy khi hoạt động ổn định khoảng **24,5 m^3/ngày.đêm**, bao gồm 2 nguồn chính:

+ Nước thải từ khu vực nhà bếp (khoảng 8,75 m^3/ngày.đêm): được xử lý bằng bể tách mỡ 01 m^3 sau đó theo đường ống D168mm chảy vào đường cống thu gom D300 nhập dòng cùng nước thải từ khu nhà vệ sinh qua hố ga đấu nối chảy vào cống thoát nước chung dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung KCN Tràng Duệ.

+ Nước thải từ các khu vực nhà vệ sinh (khoảng 15,75 m^3/ngày.đêm): được xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại hai ngăn có tổng thể tích 64,05 m^3 sau đó nước thải theo đường ống thu gom D300mm qua hố ga đấu nối chảy vào cống thoát nước chung dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung KCN Tràng Duệ.

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Bể tự hoại khu vệ sinh công nhân WC1 48,13 m^3	Cái	01
2	Bể tự hoại khu vệ sinh nhà văn phòng WC2 7,96 m^3	Cái	01
3	Bể tự hoại khu nhà vệ sinh xây mới WC3 7,96 m^3	Cái	01
3	Bể tách mỡ khu nhà ăn thể tích 1 m^3	Cái	01
4	Hố ga thu nước thải khu nhà vệ sinh công nhân (DxRxC = 0,93x0,93x0,86 m)	Cái	01
5	Hố ga thu khu nhà vệ sinh văn phòng (DxRxC = 0,62x0,62x0,6 m)	Cái	01
6	Hố ga thu nước thải khu nhà vệ sinh xây mới gần	Cái	01

	nhà bơm cứu hỏa (DxRxC = 0,62x0,62x0,6 m)		

- **Công trình thoát nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sau xử lý sơ bộ tự chảy theo đường ống cống D300 chảy ra điểm đấu nối vào đường cống thoát nước chung về trạm xử lý tập trung KCN Tràng Duệ.

Điểm xả nước thải sau xử lý: 01 điểm đấu nối nước thải vào đường cống thoát nước chung về trạm xử lý tập trung KCN Tràng Duệ.

- Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của Nhà máy như sau:

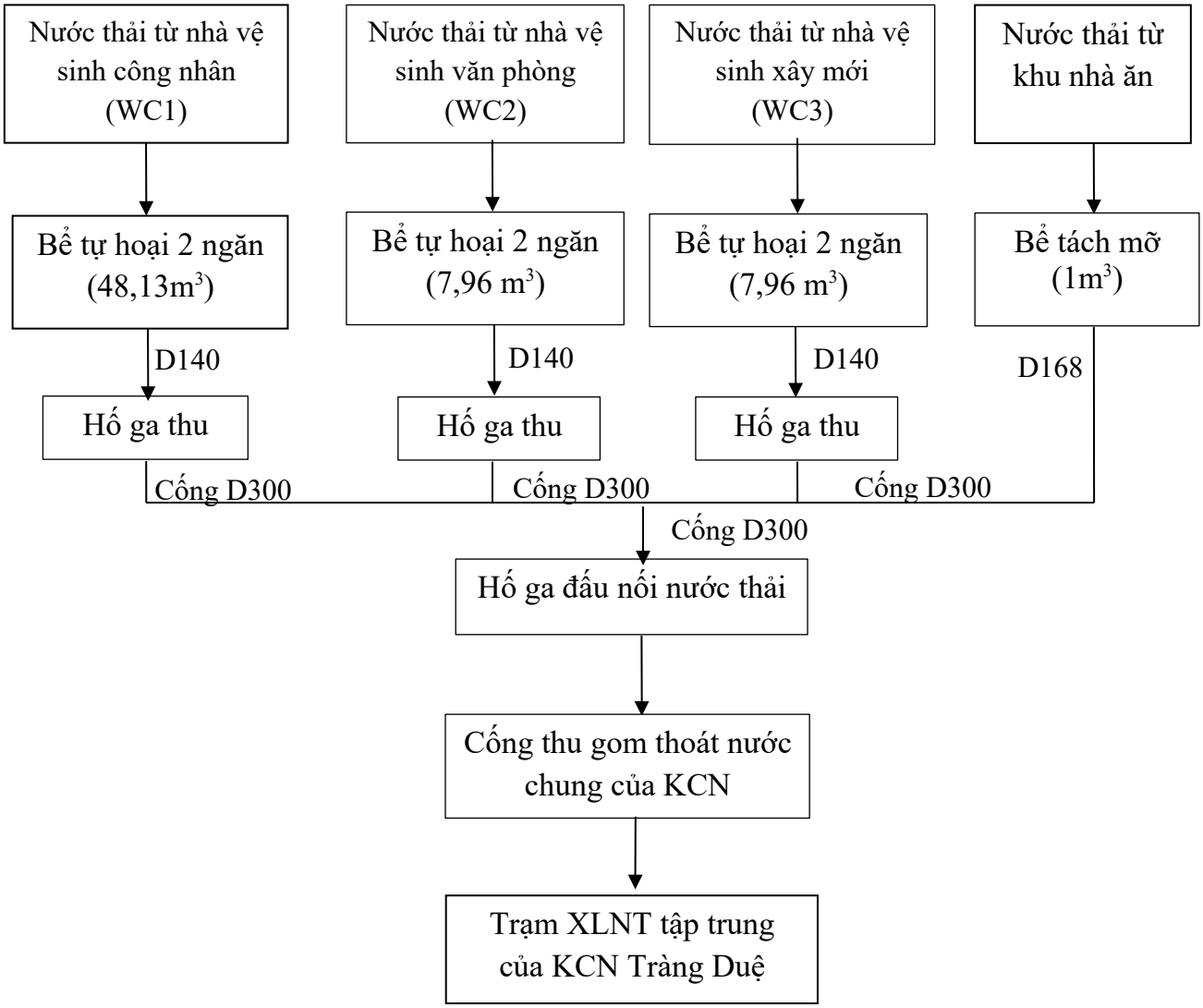

Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

b) Thu gom, thoát nước thải sản xuất:

- **Công trình thu gom nước thải sản xuất:**

Nước thải sản xuất phát sinh tại nhà máy bao gồm 4 nguồn thải chính với lưu lượng của từng nguồn thải như sau:

+ Nước làm mát quá trình sản xuất xốp: tuần hoàn tái sử dụng

+ Nước thải từ hệ thống làm mềm nước (nước hoàn nguyên vật liệu lọc): 678,26 m^3/tháng tương đương 26 m^3/ngày.

+ Nước thải từ quá trình xả cặn lò hơi (chiếm khoảng 10% lượng nước cấp lò hơi): 30 m^3/ngày.

+ Nước thải từ hệ thống lọc nước làm mát (nước hoàn nguyên cột lọc) chiếm 5% tổng lượng nước bổ sung cho nước làm mát: 61,6 m^3/tháng tương đương 2,4 m^3/ngày.

Sơ đồ thu gom nước thải sản xuất như sau:

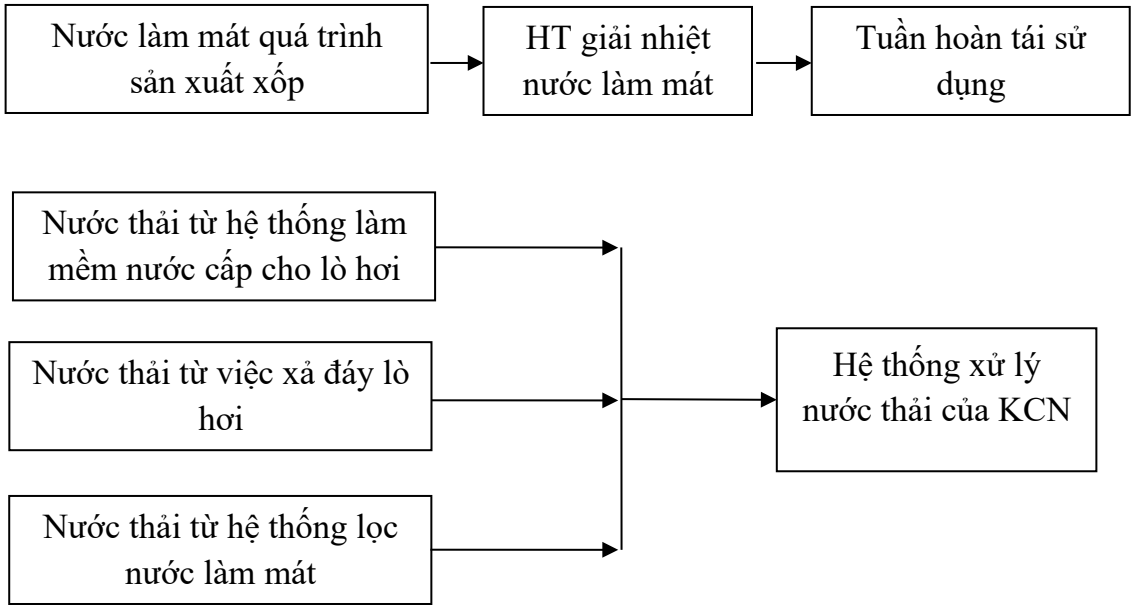

Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom nước thải sản xuất của Nhà máy

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt

- **Đối với nước thải từ khu vực nhà vệ sinh:**

* Bể tự hoại

Thuyết minh

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ trong bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài bảo đảm hiệu suất lắng cao.

Bể tự hoại 2 ngăn có dạng hình chữ nhật. Với thời gian lưu nước 3 ngày, 90% - 92% các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể, qua một thời gian cặn sẽ phân hủy kỵ khí trong ngăn lắng, sau đó nước thải qua ngăn lọc và thoát ra ngoài qua ống dẫn. Trong mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và thông các ống đầu vào, ống đầu ra khi bị nghẹt.

Bùn từ bể tự hoại được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi nơi khác xử lý.

Nước thải sau xử lý sơ bộ chảy về hố ga thu và thoát ra hố ga đấu nối nước thải. Cấu tạo bể tự hoại như sau:

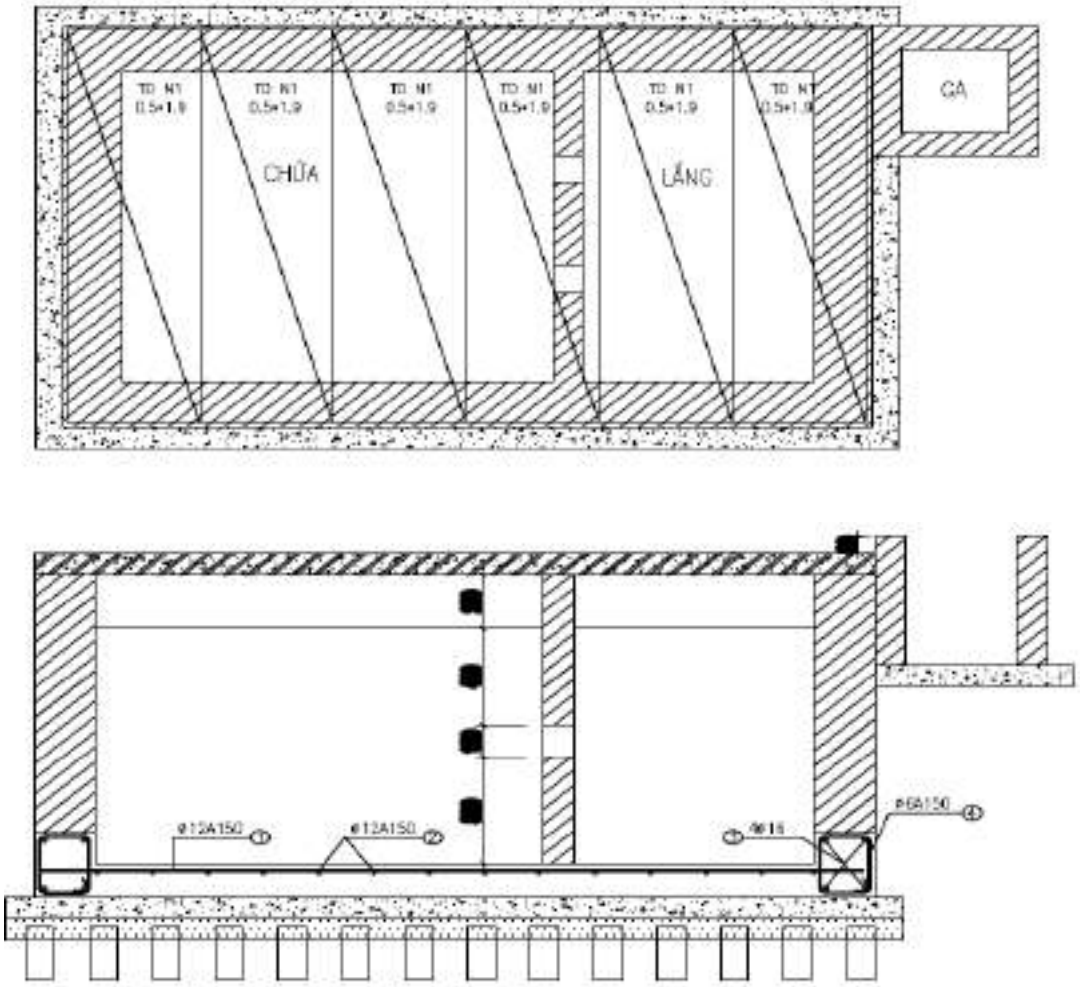

Hình 3.4. Mặt bằng bể tự hoại 2 ngăn

- **Đối với nước thải từ khu nhà ăn:**

*Bể tách mỡ

Bể tách mỡ của dự án có thể tích 1m^3. Nguyên lý hoạt động như sau: Nước thải lẫn dầu mỡ theo đường ống D168mm vào bể, trước tiên nước thải được dẫn qua tấm sàng lọc lỗ với kích thước các lỗ sàng là D10mm, tấm sàng lọc này sẽ giúp giữ lại rác và váng mỡ lẫn trong nước thải. Sau khi nước được lược bỏ rác và váng mỡ bề mặt sẽ tiếp tục chảy sang ngăn thứ 2 của bể qua 4 ống thoát nước D110mm. Cuối cùng nước theo đường ống D168mm chảy vào đường cống D300 nhập dòng cùng nước thải sinh hoạt của nhà vệ sinh và đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN xử lý tiếp.

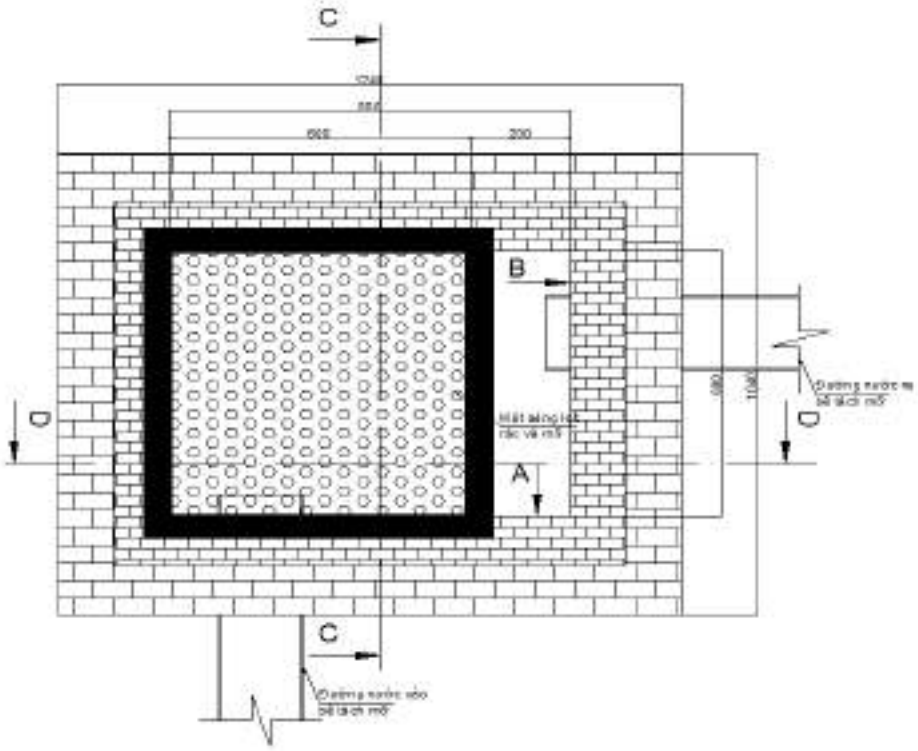

MẶT BẰNG BỂ TÁCH MỠ

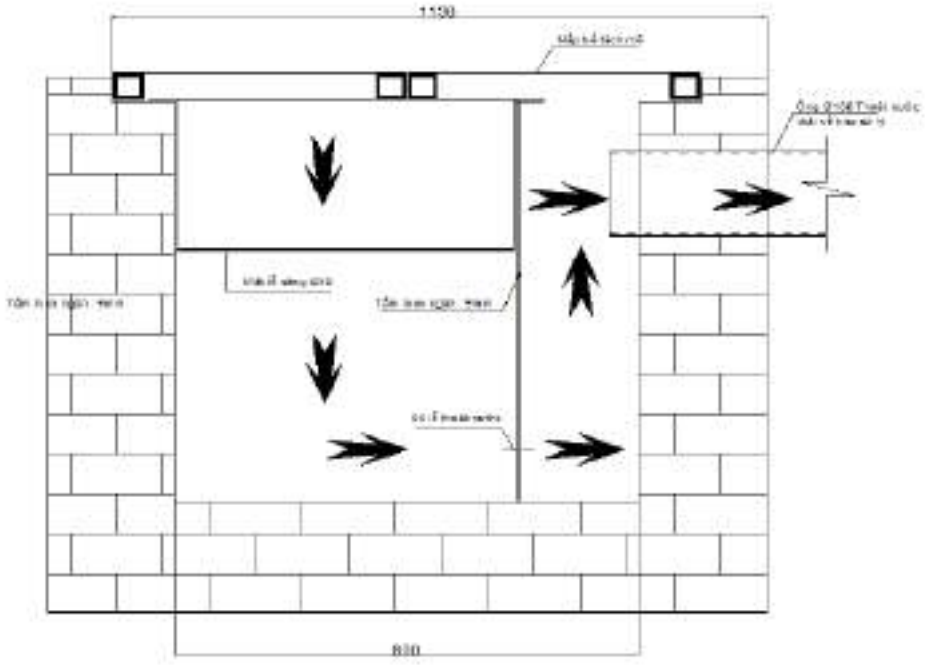

Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo của bể tách dầu mỡ

Thông số công trình xử lý nước thải sơ bộ:

STT	Công trình	Thể tích	Kết cấu
1	Bể tự hoại khu vệ sinh	48,13 m^3	Bể xây gạch đặc vữa xi

	công nhân (WC1)	(6mx3,76mx2m)	măng mác 75, mặt trong, đáy trát vữa xi măng mác 75 dày 20 đánh màu
2	Bể tự hoại khu vệ sinh nhà văn phòng (WC2)	7,96 m^3 (3,04mx1,94mx1,35m)	
3	Bể tự hoại khu nhà vệ sinh xây mới (WC3)	7,96 m^3 (3,04mx1,94mx1,35m)	
3	Bể tách mỡ khu nhà ăn	1m^3 (1,24mx1,04mx0,8m)	Bên ngoài bể xây gạch đặc, bên trong bể kết cấu Inox

- Hóa chất sử dụng: không

- Chế độ vận hành hệ thống: tự động và bằng tay

- Chất lượng nước thải sau xử lý:

Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải đấu nối vào HTXL nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ.

1.3.2. Xử lý nước thải sản xuất:

a. Nước làm mát quá trình sản xuất xốp:

Đơn vị thiết kế, thi công: Công ty cổ phần thiết bị và công nghệ môi trường quốc tế.

Quy trình chung giải nhiệt và lọc nước làm mát của Nhà máy như sau:

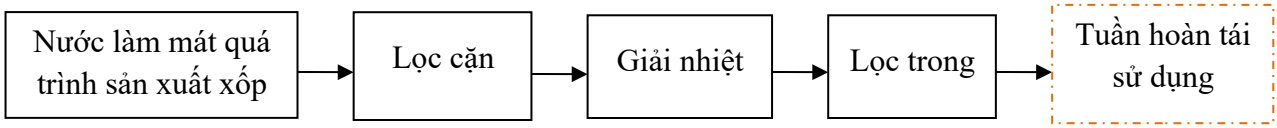

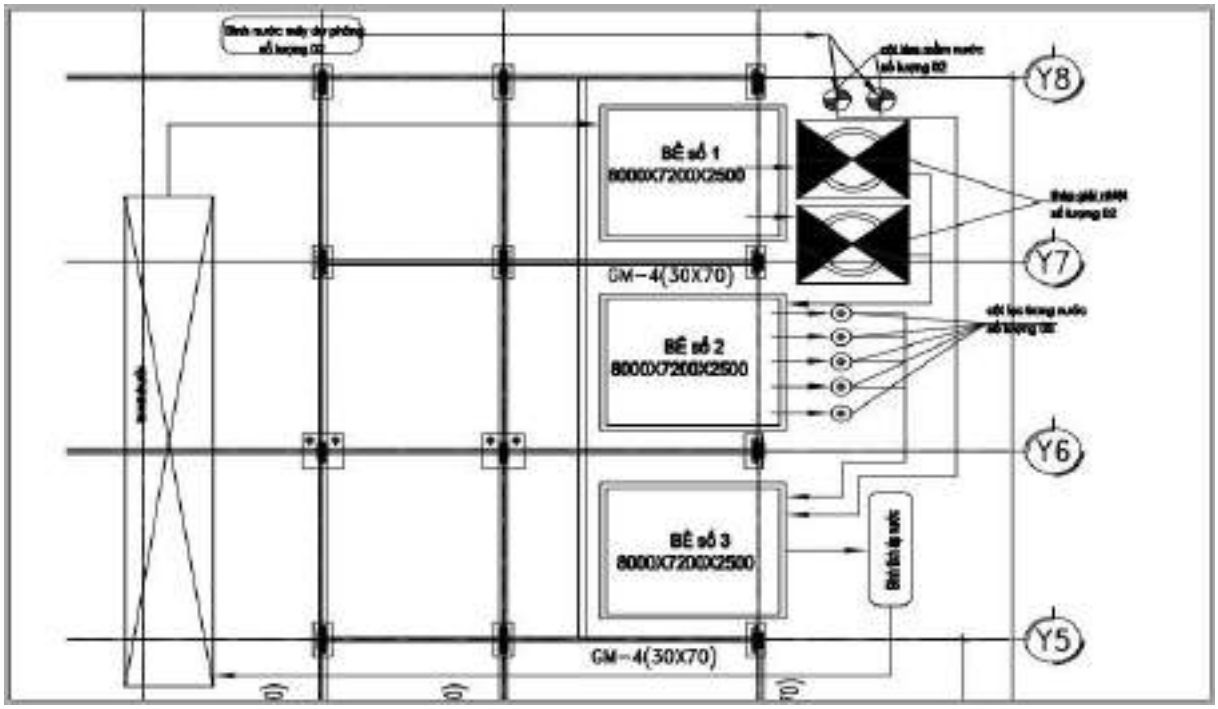

Hình 3.11. Quy trình giải nhiệt và lọc của nước làm mát tại xưởng sản xuất xốp tự động

Nước sau khi làm mát từ quá trình sản xuất xốp có nhiệt độ cao (khoảng 52-57^{0}C) được dẫn vào túi lọc cặn bằng hệ thống đường ống cống chạy trong nhà xưởng. Tại miệng cống có bọc túi bằng lưới để loại bỏ cặn có kích thước lớn như các hạt xốp bị lẫn trong nước. Phần nước sau đó được chứa tại bể số 1. Cặn sau khi lọc được xử lý cùng chất thải rắn thông thường của Nhà máy. Tần suất vệ sinh cặn lọc 2 ngày/lần.

Tại bể nước số 1, nhiệt độ của nước vẫn cao, một phần nước sẽ được bơm dẫn vào lò hơi để sử dụng. Phần nước còn lại sẽ được dẫn sang tháp giải nhiệt để làm mát nước.

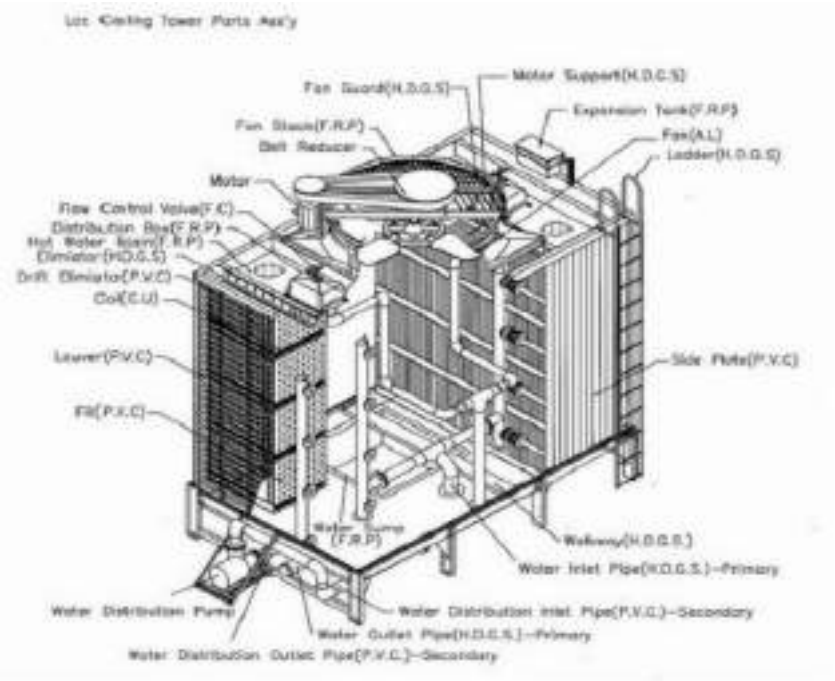

Tháp giải nhiệt là một thiết bị làm mát nước, dựa theo nguyên tắc tạo mưa và làm mát bằng gió. Ban đầu nước nóng được đưa vào hệ thống, được phun thành dạng tia và rơi xuống bề mặt tấm giải nhiệt. Trong khi đó, luồng không khí từ bên ngoài được đưa vào tháp và được đẩy từ dưới lên trên theo chiều thẳng đứng. Lúc này luồng không khí sẽ tiếp xúc trực tiếp với nước nóng, cuốn theo hơi nước nóng lên trên cao và thải ra ngoài tháp. Phần nước còn lại rơi xuống tháp được làm mát đáng kể sau đó được chảy tuần hoàn lại bể chứa bên dưới.

Nhà máy sử dụng 04 tháp giải nhiệt (2 tháp giải nhiệt tại xưởng sản xuất xốp tự động và 2 tháp giải nhiệt tại xưởng sản xuất xốp bán tự động) và không thay đổi so với ĐTM đã phê duyệt, trong đó 03 tháp giải nhiệt model LRC-N 400 và 01 tháp giải nhiệt model LRC-N 150.

Thông số kỹ thuật của tháp giải nhiệt như sau:

Thông số kỹ thuật	Tháp giải nhiệt LRC-N 400	Tháp giải nhiệt LRC-N 150
Số lượng	03 tháp. Trong đó: + 02 tháp giải nhiệt tại xưởng sản xuất xốp tự động + 01 tháp giải nhiệt tại xưởng sản xuất xốp bán tự động	01 tháp giải nhiệt tại xưởng sản xuất xốp bán tự động

Lưu lượng nước (l/s)	5.200	1.950
Chiều rộng tháp (mm)	4.780	2.880
Chiều cao tháp (mm)	4.170	2.155
Lưu lượng không khí (m^3/s/vòng)	2.600	995

Nước sau khi giải nhiệt được có nhiệt độ là 32^0C được dẫn về bể số 2 để chứa. Tại bể số 2, nước được bơm vào cột lọc đa cấp, tại thiết bị lọc đa cấp loại bỏ toàn bộ cặn lơ lửng, huyền phù, tạp chất có kích cỡ >20 micron và làm sạch nước (màu mùi, độ đục). Khi hấp thụ đủ hệ thống được van điều khiển tự động hoàn nguyên tự động để loại bỏ các tạp chất đã được hấp thụ trong lớp vật liệu lọc để trả lại trạng thái như ban đầu. Khi sục rửa hệ thống bơm sục rửa hoạt động, nước để sục rửa là nước máy (nước sạch). Nước sau khi sục rửa có lẫn các tạp chất thông thường không có thành phần nguy hại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

Nhà máy có 02 hệ thống lọc nước làm mát. Trong đó:

+ Hệ thống lọc nước tại xưởng số 7 (xưởng sản xuất xốp tự động) có 5 cột lọc hoạt động luân phiên, trong đó 3 cột làm việc và 2 cột nghỉ. Trong thời gian nghỉ sẽ tiến hành hoàn nguyên vật liệu lọc. Cột lọc được chế tạo bằng Composite kích thước 36x72 inches với bộ phân phối nước ở trên và dưới, có van hoàn nguyên tự động hoàn toàn.

+ Hệ thống lọc nước tại xưởng số 2 (xưởng sản xuất xốp bán tự động) có 2 cột lọc hoạt động luân phiên, trong đó 1 cột làm việc và 1 cột nghỉ. Trong thời gian nghỉ sẽ tiến hành hoàn nguyên vật liệu lọc. Cột lọc được chế tạo bằng Composite kích thước 36x72 inches với bộ phân phối nước ở trên và dưới, có van hoàn nguyên tự động hoàn toàn.

Nước sau khi lọc được dẫn về bể chứa nước số 3 và bơm vào các bình tích áp để tuần hoàn tái sử dụng. Nhà máy chỉ bổ sung lượng nước thiếu hụt mà không thay thế lượng nước này.

Thông số kỹ thuật của hệ thống lọc nước làm mát:

Nhà xưởng số 7 (Xưởng sản xuất xốp tự động)	**Nhà xưởng số 2 (Xưởng sản xuất xốp bán tự động)**
Quy trình tóm tắt: Nước máy→ bể số 3 → bình tích áp → cấp nước làm mát cho sản phẩm → nước sau làm mát →bể số 1 (lọc	***Quy trình tóm tắt:*** Nước máy→bể chứa nước máy→ bể chứa nước sạch → Bình tích áp→ cấp nước làm mát cho sản phẩm → nước sau làm mát →

cặn)→tháp giải nhiệt (02 tháp)→ bể số 2 (05 cột lọc trong nước) → bể nước số 3 →nước tuần hoàn tái sử dụng ***Công trình lọc:*** Bể lọc nước làm mát: Bể số 1: KT: 8mx7,2x2,5m Bể số 2: KT: 8mx7,2x2,5m Bể số 3: KT: 8mx7,2x2,5m Kết cấu bể: Bê tông cốt thép, xây ngầm	bể chứa nước nóng chìm→ tháp giải nhiệt (02 tháp)→Lọc trong nước (02 cột lọc) → bể chứa nước sạch→ nước tuần hoàn tái sử dụng ***Công trình lọc:*** - Bể chứa nước máy. Số lượng: 04 bể + Bể nước máy nổi: KT: 6x8x1,5m (01 bể) + Bể nước chìm: KT: 3x6x1,5m (02 bể) + Bể nước chìm: KT: 3x3x1,5m (01 bể) Kết cấu: Sắt không gỉ - Bể chứa nước sạch sau lọc trong nước (02 bể thông nhau): + Bể nước chìm (nổi 1,5m): KT: 3x7,5x3,8m (01 bể) + Bể nước chìm: KT: 3x6x2,3m (01 bể) Kết cấu: bê tông cốt thép, xây ngầm - Bể chứa nước nóng chìm (chứa nước sau làm mát) + Bể chứa nước nóng chìm: KT: 3x6x2,3m (01 bể) + Bể chứa nước nóng chìm: KT: 3x6x2,3m (01 bể) Kết cấu: bê tông cốt thép, xây ngầm

- Chế độ vận hành: tự động và bằng tay
- Hóa chất sử dụng: không

***b. Nước thải từ hệ thống làm mềm nước*:**

Căn cứ vào nguyên lý hoạt động của hệ thống cho thấy, thực chất đây là quá trình lọc nước dùng vật liệu lọc là sỏi đỡ, cát thạch anh và hạt nhựa Cation để hoàn nguyên vật liệu trao đổi ion. Do đó, thành phần nước thải loại này thường chứa các chất rắn lơ lửng, Cl^- và không có thành phần nguy hại nên được nhập dòng vào cống thải cuối của Nhà máy và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

c. Nước thải từ việc xả đáy lò hơi:

Thành phần quan trọng trong nước ảnh hưởng đến việc tạo thành cặn bám lò hơi là muối Ca và Mg và không có thành phần nguy hại nên được nhập dòng vào cống thải

cuối của Nhà máy và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

d. Nước thải từ quá trình hoàn nguyên hệ thống lọc nước:

Khi quá trình lọc hoàn thành, hệ thống được van điều khiển tự động hoàn nguyên để loại bỏ các tạp chất đã được hấp thụ trong lớp vật liệu lọc để trả lại trạng thái như ban đầu. Khi sục rửa hệ thống bơm sục rửa hoạt động, nước để sục rửa là nước máy (nước sạch). Nước sau khi sục rửa có lẫn các tạp chất thông thường không có thành phần nguy hại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Công trình xử lý bụi, khí thải đã được lắp đặt và dự kiến lặp đặt thay thế tại nhà máy cụ thể như sau:

Bảng 3. 2. Hạng mục công trình xử lý khí thải tại cơ sở

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất (m^3/h)	Hiện trạng	Ghi chú
1	HTXL bụi và khí thải của lò hơi 15 tấn/h số 1 (KT1)	HT	01	60.000	Đã đi vào hoạt động	Không thay đổi so với ĐTM
2	HTXL bụi và khí thải của lò hơi 8 tấn/h	HT	01	30.000	Đã lắp đặt (chưa đi vào hoạt động)	Không thay đổi so với ĐTM
3	HTXL bụi và khí thải của lò hơi 15 tấn/h số 2 (KT2)	HT	01	60.000	Dự kiến lắp đặt	Lò hơi 15 tấn/h mới thay thế lò hơi 8 tấn/h đã lắp đặt
4	HTXL khí thải xưởng Panel (khu vực bàn ép tấm Panel 9m) (KT3)	HT	01	11.000	Đã đi vào hoạt động	Không thay đổi so với ĐTM
5	HTXL khí thải xưởng Panel (khu vực bàn ép tấm Panel 12m) (KT4)	HT	01	12.000	Đã đi vào hoạt động	Không thay đổi so với ĐTM
6	HTXL khí thải xưởng Panel (khu vực bàn ép tấm Panel 39m) (KT5)	HT	01	25.000	Đã đi vào hoạt động	Không thay đổi so với ĐTM
7	Thiết bị thu bụi khu vực sản xuất tấm Panel bông khoáng, bông thủy tinh	HT	02	0,5	Đã đi vào hoạt động	Không thay đổi so với ĐTM

3.2.1. Hệ thống xử lý bụi lò hơi

a. Hệ thống xử lý bụi lò hơi 15 tấn/h số 1

Đơn vị thiết kế, thi công: Công ty TNHH cơ nhiệt điện Hưng Tiến Việt

Công nghệ xử lý: Hấp thụ bằng nước vôi trong, thu bụi bằng Cyclone

Hệ thống xử lý bụi lò hơi 15 tấn/h số 1 đi vào hoạt động ổn định từ năm 2018 và Hệ thống xử lý bụi lò hơi 15 tấn/h số 2 chưa đi vào hoạt động có công nghệ xử lý hoàn toàn giống nhau, tại báo cáo sẽ trình bày cụ thể như sau:

Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý như sau:

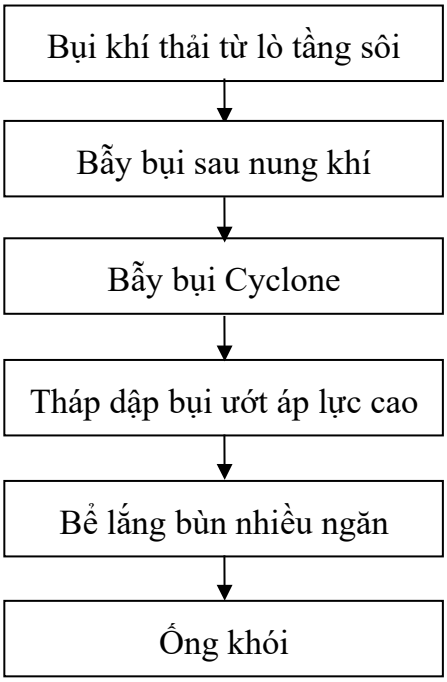

- Thuyết minh quy trình:

Hệ thống thu bụi của lò hơi 15 tấn là hệ thống thu bụi nhiều cấp. Tại vị trí buồng cháy (liền ngay sau buồng đốt tầng sôi và buồng đốt sinh hơi, buồng hồi lưu) cấu tạo có tường ngăn phân luồng lửa tạo tường bẫy bụi dạng khí động năng. Những hạt nhiên liệu cháy chưa hết được quạt gió đẩy lên qua vùng khí động năng sẽ rơi xuống và rơi vào phễu sau đó được thổi ngược trở lại buồng đốt tầng sôi cháy lại, vòng tuần hoàn diễn ra liên tục giúp nhiên liệu cháy kiệt đến 100%.

Tiếp đến dòng khí sẽ được dẫn sang hệ thống lọc bụi kiểu Cyclone chùm. Hệ thống này là một tổ hợp Cyclone đơn gồm 64 modul tách bụi liên tục bằng kim loại. Các modul được thiết kế côn từ trên xuống, bụi tự trôi xuống dưới nhờ chùm các cyclone đơn sử dụng của lực ly tâm để phân ly các hạt bụi. Thiết bị này loại bỏ được đến 95% lượng bụi trong khói thải trước khi ra đến tháp dập bụi sử dụng áp lực nước phun và lắng.

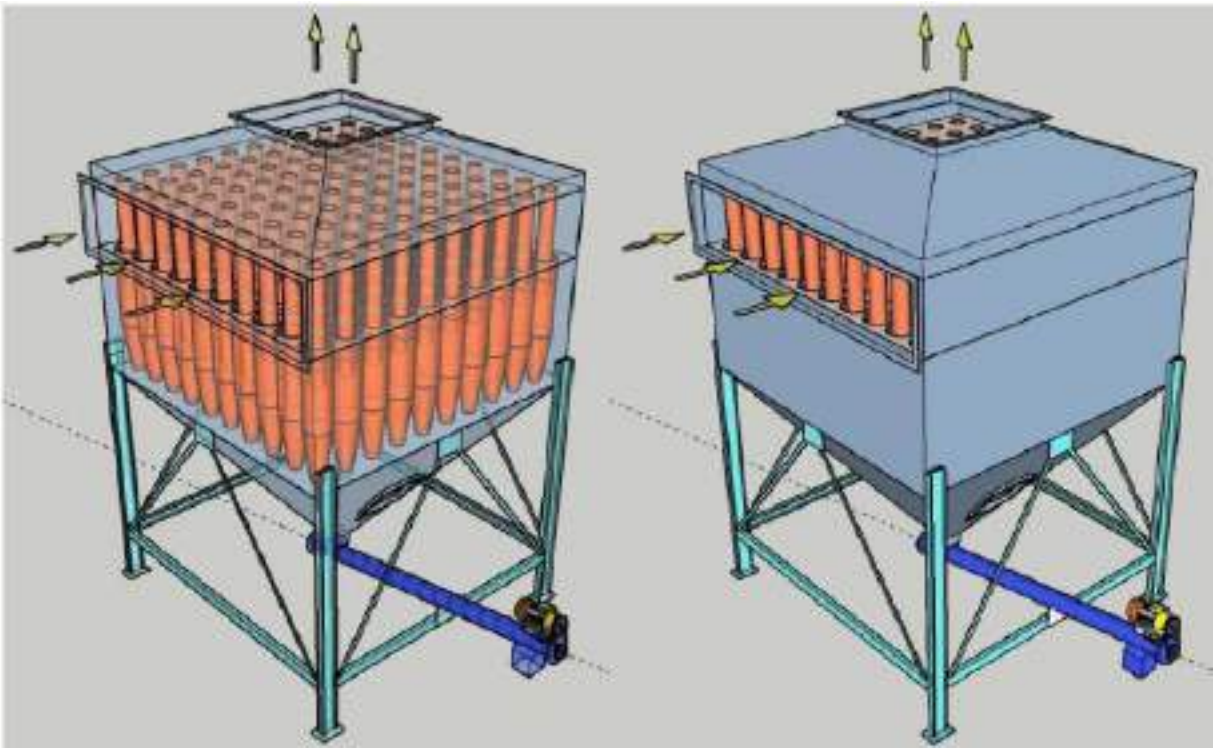

Dòng khí được dẫn sang hệ thống tháp dập bụi ướt. Hệ thống dập bụi ướt bao gồm: Tháp dấp bụi, bể lắng bùn, cụm bơm dập bụi tuần hoàn. Tháp được xây dựng bằng bê tông lõi thép, gạch đặc có chống thấm chiều cao 5m giúp thời gian làm chìm và phun ẩm các hạt bụi nhiều hơn. Khí thải sau khi được tách bụi bằng hệ lọc bụi khô sẽ đi qua quạt hút, quạt hút khí thải bố trí điều khiển tốc độ bằng biến tần. Sau đó các hạt bụi có kích thước > 3-5 µm sẽ đi theo dòng khí vào tháp dập bụi ướt. Tại đây, dung dịch nước vôi trong phun từ trên xuống, dòng khí dẫn từ dưới lên. Khi có tiếp xúc giữa dòng khí thải mang bụi và các giọt dung dịch vôi trong, khí thải sẽ phản ứng với nước vôi trong thành các dạng không độc hại. Đồng thời các hạt bụi, hạt nước bị dòng khí cuốn theo sẽ bị giữ lại và thải ra khỏi thiết bị ở dạng cặn bùn. Dòng không khí sạch sẽ được thoát ra ngoài môi trường. Phương trình phản ứng như sau:

$$SO_2 + Ca(OH)_2 = CaSO_3\downarrow + H_2O$$

Trong điều kiện dư O_2, $CaSO_3$ sẽ chuyển hóa thành $CaSO_4$

$$CaSO_3 + ½\ O_2 = CaSO_4\downarrow$$

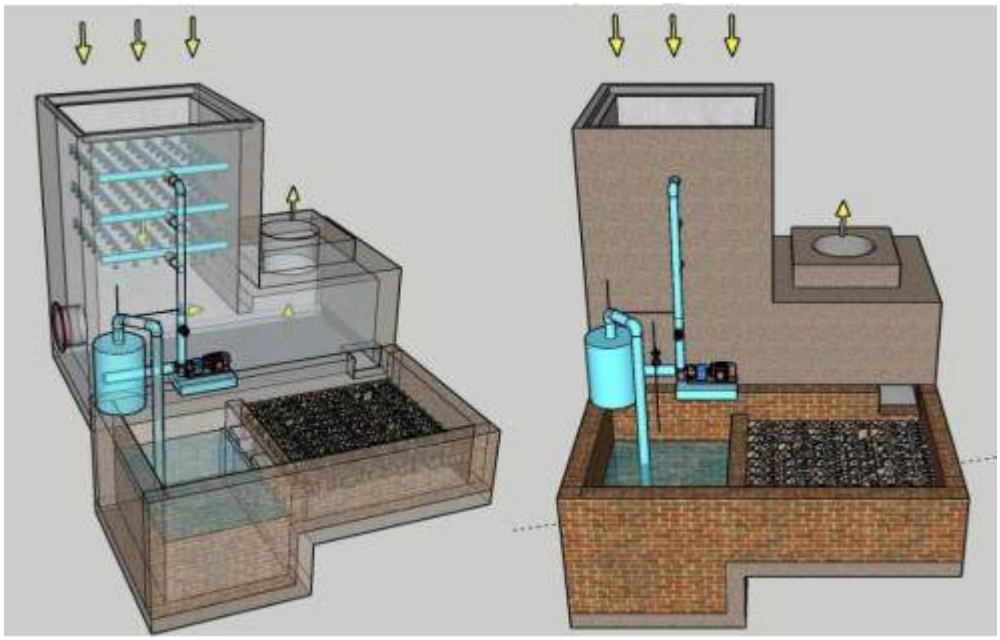

Nước có tạp chất bùn sau khi được làm ướt và dập chìm sẽ chảy vào bể lắng, bể

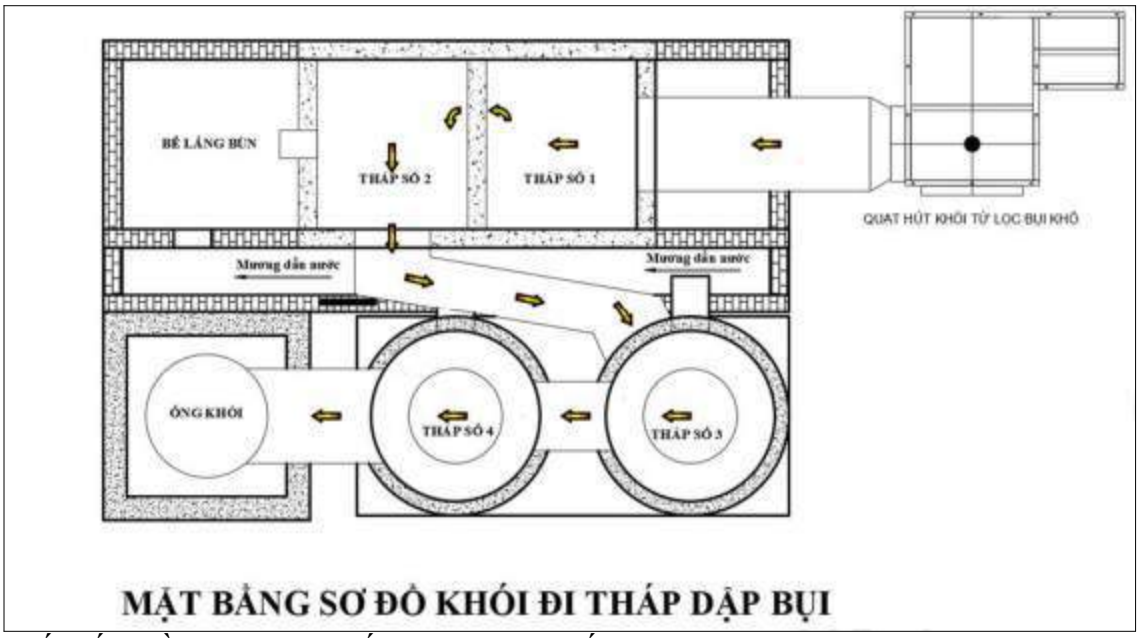

MẶT BẰNG SƠ ĐỒ KHÓI ĐI THÁP DẬP BỤI

thiết kế nhiều ngăn zích zắc có tác dụng lắng bùn cặn. Nước sau khi tách bùn được tái sử dụng qua hệ thống bơm tuần hoàn bơm lên tháp dập bụi. Hàng ngày, Nhà máy sẽ bổ sung phần nước thiếu hụt mà không thay thế lượng nước trên.

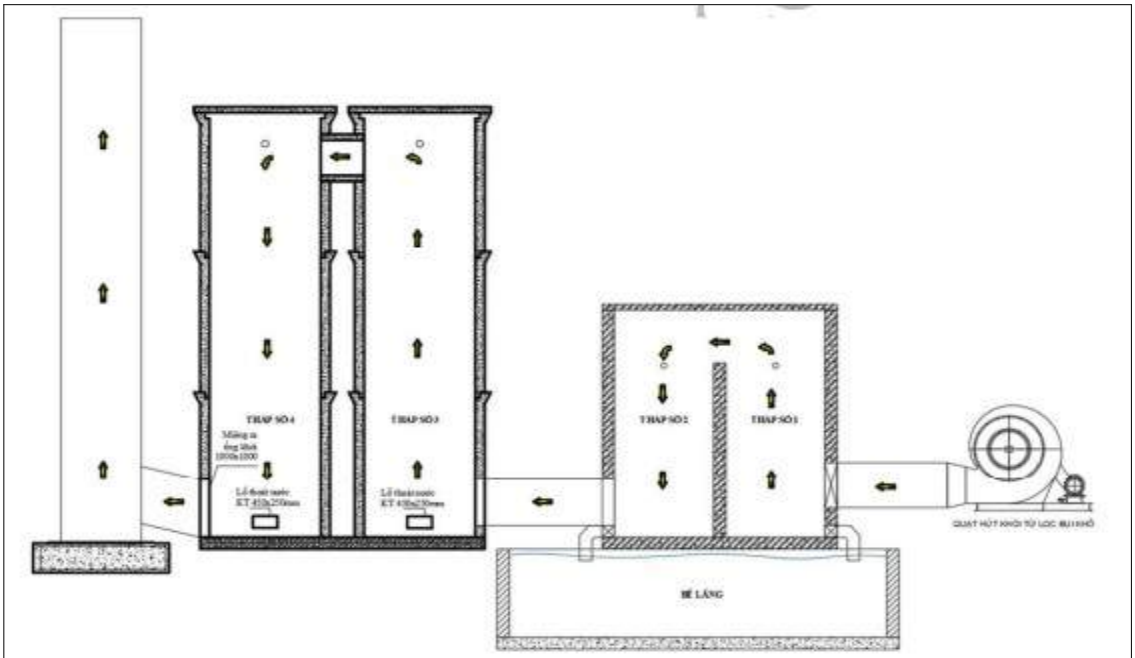

MẶT ĐỨNG SƠ ĐỒ MÔ PHỎNG KHỐI ĐI THÁP DẬP BỤI

Phần cặn của hệ thống không chứa thành phần nguy hại được định kỳ nạo vét 1tuần/lần và xử lý cùng chất thải thông thường của Nhà máy.

Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (C_{max} = C x K_p x K_v = C x 0,9 x 1. Trong đó: C là nồng độ các chất quy định tại mục 2.2 của QCVN 19:2009/BTNMT; K_p: hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp = 0,9 (20.000m^3/h<P≤100.000m^3/h); K_V: hệ số vùng, K_V = 1- Khu công nghiệp) được thoát ra môi trường thông qua ống thoát khí.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống:

Thông số kỹ thuật	Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 15 tấn/h số 1 (KT1)
Công suất quạt hút	Lưu lượng 60.000 m^3/h
Hệ thống lọc bụi kiểu Cyclone chùm	Kích thước: 2.770x2.460x2,034mm
Tháp dập bụi ướt	Kích thước: Đường kính D1.800mm cao 5,800m, lắp 2 tầng
Bơm nước tuần hoàn dập bụi	- Công suất 5,5kW - Số lượng: 2 chiếc
Bể lắng bùn	Kích thước: 5,4x1,4x1m Gồm 4 ngăn
Ống khói	Đường kính D800, cao 7m

- Các loại vật liệu, hóa chất, chất xúc tác sử dụng trong quá trình vận hành

- *Vật liệu:* không có

- *Hóa chất sử dụng:* Dung dịch $Ca(OH)_2$. Khối lượng sử dụng 425 kg/lò/tháng

**** Quy trình vận hành***

- Bước 1: Kiểm tra các thiết bị trước khi vận hành

+ Kiểm tra trạng thái điện nguồn.

+ Kiểm tra có bị hư hỏng bên bên ngoài không và linh kiện có hư hỏng hay biến dạng không.

+ Kiểm tra tình trạng dây điện. (tình trạng vỏ bọc, đứt dây…).

+ Kiểm tra tình trạng của quạt hút, Cyclone, tháp dập bụi, bơm nước.

+ Kiểm tra hoạt động của công tắc.

- Bước 2: Bật công tắc của hệ thống để quạt hút chạy tự động, khi không vận hành thì tắt công tắc để quạt hút ngừng chạy.

- Một vài chú ý khi vận hành:

+ Đọc kỹ hướng dẫn vận hành, hướng dẫn an toàn động cơ, thiết bị điện, thiết bị trước khi vận hành.

+ Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của máy móc thiết bị đảm bảo thiết bị hoạt động ở trạng thái bình thường.

+ Khi có sự cố phải tìm cách khắc phục sự cố kịp thời sau đó báo cho đơn vị cung cấp, lắp đặt.

+ Khi phát sinh vấn đề bất thường thì trước hết là ngắt điện nguồn

+ Không bật tắt chế độ mở/tắt liên tục

Hình 3.6. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/h số 1

b. Hệ thống xử lý bụi – khí thải lò hơi 8 tấn/h (đã lắp đặt nhưng chưa đi vào hoạt động)

Đơn vị thiết kế, thi công: Công ty TNHH cơ nhiệt điện Hưng Tiến Việt

Công nghệ xử lý: Hấp thụ bằng nước vôi trong, thu bụi bằng Cyclone

Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 8 tấn/h như sau:

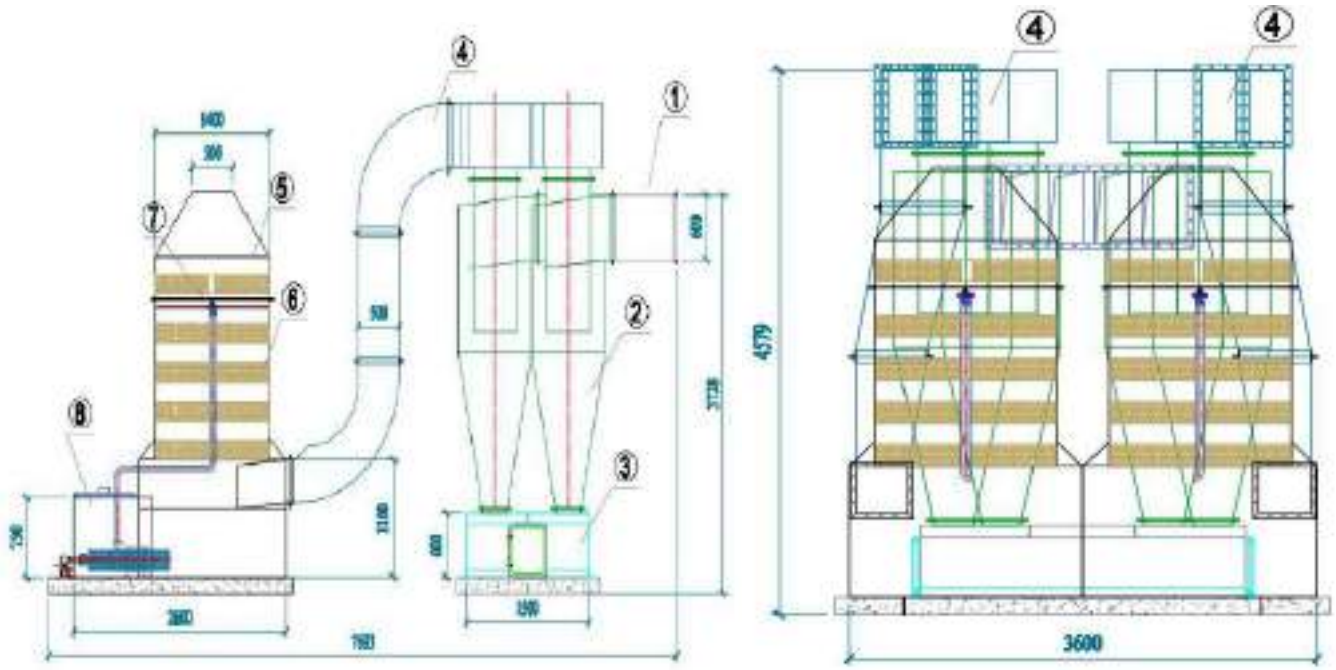

Hình 3. 7. Sơ đồ hệ thống xử lý khi bụi lò hơi 8 tấn/h

Trong đó:

1. Miệng gió vào
2. Cyclone
3. Hộp thu bụi khô
4. Kênh gió vào tháp lọc
5. Tháp lọc bụi ướt
6. Lớp chắn bụi Filling pad
7. Dàn phun mưa tư xoay
8. Bể nước ngoài
9. Bơm nước tuần hoàn
10. Lọc bơm

Trong quá trình đốt nguyên liệu phục vụ lò hơi, không khí lẫn bụi và khí độc được quạt hút hút từ buồng đốt lò hơi đi theo đường ống vào các Cyclone theo phương tiếp tuyến với ống trụ và được cho chuyển động xoáy tròn hướng xuống dưới. Khi dòng khí gặp phiễu sẽ bị đẩy ngược lên và chuyển động xoáy trong ống trụ của thiết bị. Trong quá trình này, dòng khí trong cyclone sẽ chuyển động liên tục và các hạt bụi dưới tác dụng của lực li tâm sẽ va vào thành thiết bị, mất quán tính và rơi xuống dưới đáy của hệ thống. Sau đó các hạt bụi có kích thước > 3-5 µm sẽ đi theo dòng khí vào tháp lọc bụi ướt. Tại đây, dung dịch nước vôi trong từ trên xuống, dòng khí dẫn từ dưới lên. Khi có tiếp xúc giữa dòng khí thải mang bụi và các giọt dung dịch vôi trong khí thải sẽ phản ứng với nước vôi trong thành các dạng không độc hại. Đồng thời các hạt bụi, hạt nước bị dòng khí cuốn theo sẽ bị giữ lại các lớp chắn bụi Filling pad và bị thải ra khỏi thiết bị ở dạng cặn bùn. Dòng không khí sạch sẽ được thoát ra ngoài môi trường. Nhà máy sẽ bổ sung phần nước thiếu hụt mà không thay thế lượng nước trên.

Cặn được tạo thành là cặn $CaSO_3$ và $CaSO_4$ là các dạng không độc hại đối với môi trường. Phương trình phản ứng như sau:

$$SO_2 + Ca(OH)_2 = CaSO_3 \downarrow + H_2O$$

Trong điều kiện dư O_2, $CaSO_3$ sẽ chuyển hóa thành $CaSO_4$

$$CaSO_3 + ½\ O_2 = CaSO_4 \downarrow$$

Phần cặn của hệ thống không chứa thành phần nguy hại được định kỳ nạo vét 1tuần/lần và xử lý cùng chất thải thông thường của Nhà máy.

Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($C_{max} = C \times K_p \times K_v = C \times 1 \times 1$. Trong đó: C là nồng độ các chất quy định tại mục 2.2 của QCVN 19:2009/BTNMT; K_p: hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp = 1; K_V: hệ số vùng, K_V = 1) được thoát ra môi trường thông qua ống thoát khí D400 cao 5m.

Các thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi:

Bảng 3.43. Các thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi lò hơi 8 tấn/h

STT	Tên chi tiết	Kích thước	Số lượng	Vật liệu
1	Miệng gió vào	1.500*600	01	SS400-4t
2	Cyclone	D900	04	SS400-4t
3	Hộp thu bụi khô	1.500*2.500	01	SS400-4t
4	Kênh gió vào tháp lọc	1.500*600	02	SS400
5	Tháp lọc bụi ướt	D1.400/1.800	02	SUS304-2t
6	Lớp chắn bụi Filling pad	D1.400/180	05*2	SUS304-0,2t
7	Dàn phun mưa tư xoay	A50/4A20	02	SUS304
8	Bể nước ngoài	1.000*800	02	SUS304-2t
9	Bơm nước tuần hoàn	280L/phút	02	Teco pump
10	Lọc bơm	D200*700	02	SUS 304

- Các loại vật liệu, hóa chất, chất xúc tác sử dụng trong quá trình vận hành

- *Vật liệu:* không có

- *Hóa chất sử dụng:* Dung dịch $Ca(OH)_2$. Khối lượng sử dụng khoảng 200 kg/lò/tháng

**** Quy trình vận hành***

- Bước 1: Kiểm tra các thiết bị trước khi vận hành

+ Kiểm tra trạng thái điện nguồn.

+ Kiểm tra có bị hư hỏng bên bên ngoài không và linh kiện có hư hỏng hay biến dạng không.

+ Kiểm tra tình trạng dây điện. (tình trạng vỏ bọc, đứt dây…).

+ Kiểm tra tình trạng của quạt hút, Cyclone, tháp dập bụi, bơm nước.

+ Kiểm tra hoạt động của công tắc.

- Bước 2: Bật công tắc của hệ thống để quạt hút chạy tự động, khi không vận hành thì tắt công tắc để quạt hút ngừng chạy.

- Một vài chú ý khi vận hành:

+ Đọc kỹ hướng dẫn vận hành, hướng dẫn an toàn động cơ, thiết bị điện, thiết bị trước khi vận hành.

+ Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của máy móc thiết bị đảm bảo thiết bị hoạt động ở trạng thái bình thường.

+ Khi có sự cố phải tìm cách khắc phục sự cố kịp thời sau đó báo cho đơn vị cung cấp, lắp đặt.

+ Khi phát sinh vấn đề bất thường thì trước hết là ngắt điện nguồn

+ Không bật tắt chế độ mở/tắt liên tục

Hình 3. 8. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 8 tấn/h đã lắp đặt

**** Quy trình vận hành***

- Bước 1: Kiểm tra các thiết bị trước khi vận hành

+ Kiểm tra trạng thái điện nguồn.

+ Kiểm tra có bị hư hỏng bên bên ngoài không và linh kiện có hư hỏng hay biến dạng không.

+ Kiểm tra tình trạng dây điện. (tình trạng vỏ bọc, đứt dây…).

+ Kiểm tra tình trạng của quạt hút, Cyclone, tháp dập bụi, bơm nước.

+ Kiểm tra hoạt động của công tắc.

- Bước 2: Bật công tắc của hệ thống để quạt hút chạy tự động, khi không vận hành thì tắt công tắc để quạt hút ngừng chạy.

- Một vài chú ý khi vận hành:

+ Đọc kỹ hướng dẫn vận hành, hướng dẫn an toàn động cơ, thiết bị điện, thiết bị trước khi vận hành.

+ Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của máy móc thiết bị đảm bảo thiết bị hoạt động ở trạng thái bình thường.

+ Khi có sự cố phải tìm cách khắc phục sự cố kịp thời sau đó báo cho đơn vị cung cấp, lắp đặt.

+ Khi phát sinh vấn đề bất thường thì trước hết là ngắt điện nguồn

+ Không bật tắt chế độ mở/tắt liên tục

b. Hệ thống xử lý bụi lò hơi 15 tấn/h số 2 (dự kiến thay thế lò hơi 8 tấn đã lắp đặt)

Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH cơ nhiệt điện Hưng Tiến Việt

Công nghệ xử lý: Hấp thụ bằng nước vôi trong, thu bụi bằng Cyclone

Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 15 tấn/h số 2 dự kiến lắp đặt thay thế lò hơi 8 tấn/h. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý như sau:

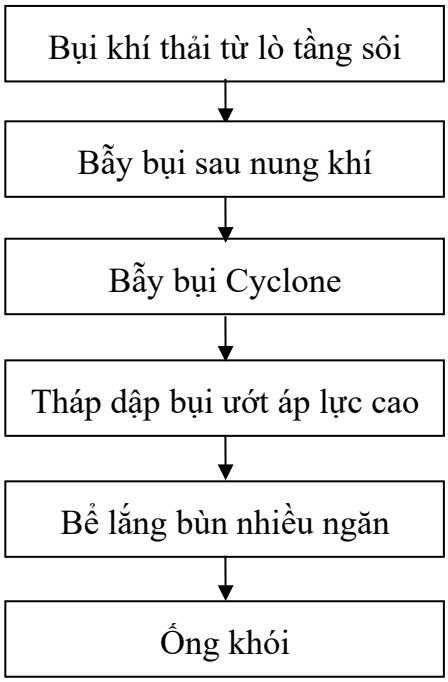

- Thuyết minh quy trình:

Hệ thống thu bụi của lò hơi 15 tấn là hệ thống thu bụi nhiều cấp. Tại vị trí buồng cháy (liền ngay sau buồng đốt tầng sôi và buồng đốt sinh hơi, buồng hồi lưu) cấu tạo có tường ngăn phân luồng lửa tạo tường bẫy bụi dạng khí động năng. Những hạt nhiên liệu cháy chưa hết được quạt gió đẩy lên qua vùng khí động năng sẽ rơi xuống và rơi vào phễu sau đó được thổi ngược trở lại buồng đốt tầng sôi cháy lại, vòng tuần hoàn diễn ra liên tục giúp nhiên liệu cháy kiệt đến 100%.

Tiếp đến dòng khí sẽ được dẫn sang hệ thống lọc bụi kiểu Cyclone chùm. Hệ thống này là một tổ hợp Cyclone đơn gồm 64 modul tách bụi liên tục bằng kim loại. Các modul được thiết kế côn từ trên xuống, bụi tự trôi xuống dưới nhờ chùm các cyclone đơn sử dụng của lực ly tâm để phân ly các hạt bụi. Thiết bị này loại bỏ được đến 95% lượng bụi trong khói thải trước khi ra đến tháp dập bụi sử dụng áp lực nước phun và lắng.

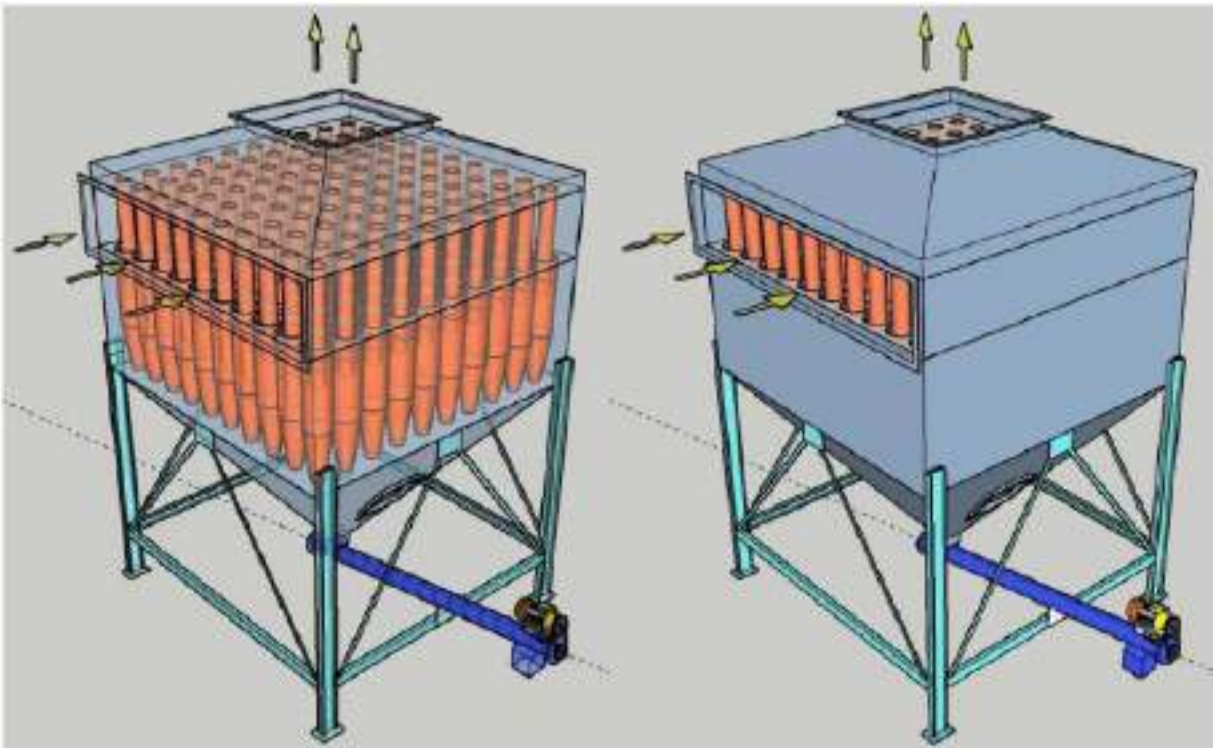

Dòng khí được dẫn sang hệ thống tháp dập bụi ướt. Hệ thống dập bụi ướt bao gồm: Tháp dấp bụi, bể lắng bùn, cụm bơm dập bụi tuần hoàn. Tháp được xây dựng bằng bê tông lõi thép, gạch đặc có chống thấm chiều cao 5m giúp thời gian làm chìm và phun ẩm các hạt bụi nhiều hơn. Khí thải sau khi được tách bụi bằng hệ lọc bụi khô sẽ đi qua quạt hút, quạt hút khí thải bố trí điều khiển tốc độ bằng biến tần. Sau đó các hạt bụi có kích thước > 3-5 µm sẽ đi theo dòng khí vào tháp dập bụi ướt. Tại đây, dung dịch nước vôi trong phun từ trên xuống, dòng khí dẫn từ dưới lên. Khi có tiếp xúc giữa dòng khí thải mang bụi và các giọt dung dịch vôi trong, khí thải sẽ phản ứng với nước vôi trong thành các dạng không độc hại. Đồng thời các hạt bụi, hạt nước bị dòng khí cuốn theo sẽ bị giữ lại và thải ra khỏi thiết bị ở dạng cặn bùn. Dòng không khí sạch sẽ được thoát ra ngoài môi trường. Phương trình phản ứng như sau:

$$SO_2 + Ca(OH)_2 = CaSO_3\downarrow + H_2O$$

Trong điều kiện dư O_2, $CaSO_3$ sẽ chuyển hóa thành $CaSO_4$

$$CaSO_3 + ½\ O_2 = CaSO_4\downarrow$$

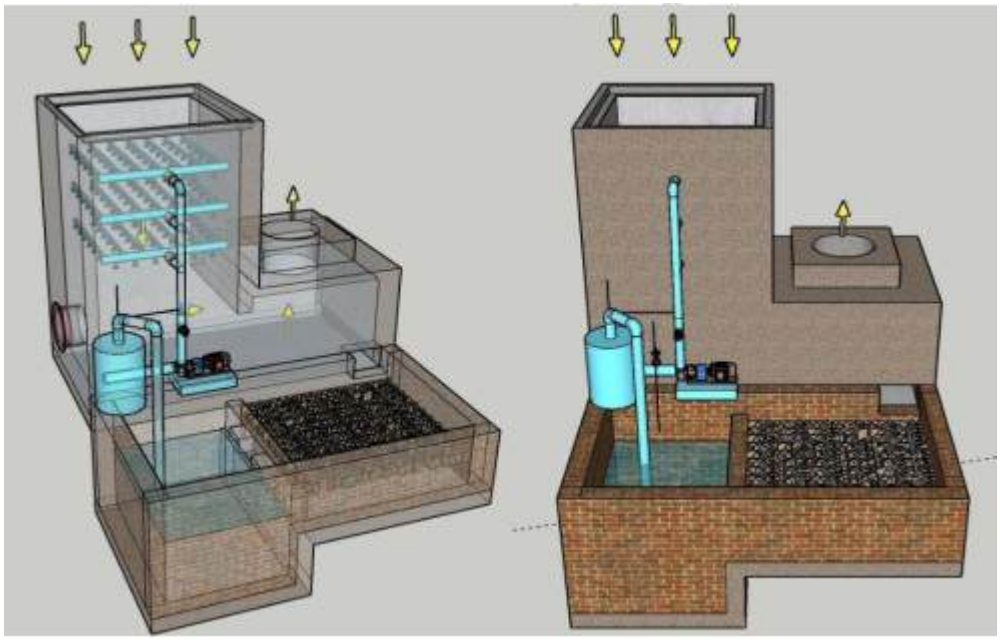

Nước có tạp chất bùn sau khi được làm ướt và dập chìm sẽ chảy vào bể lắng, bể

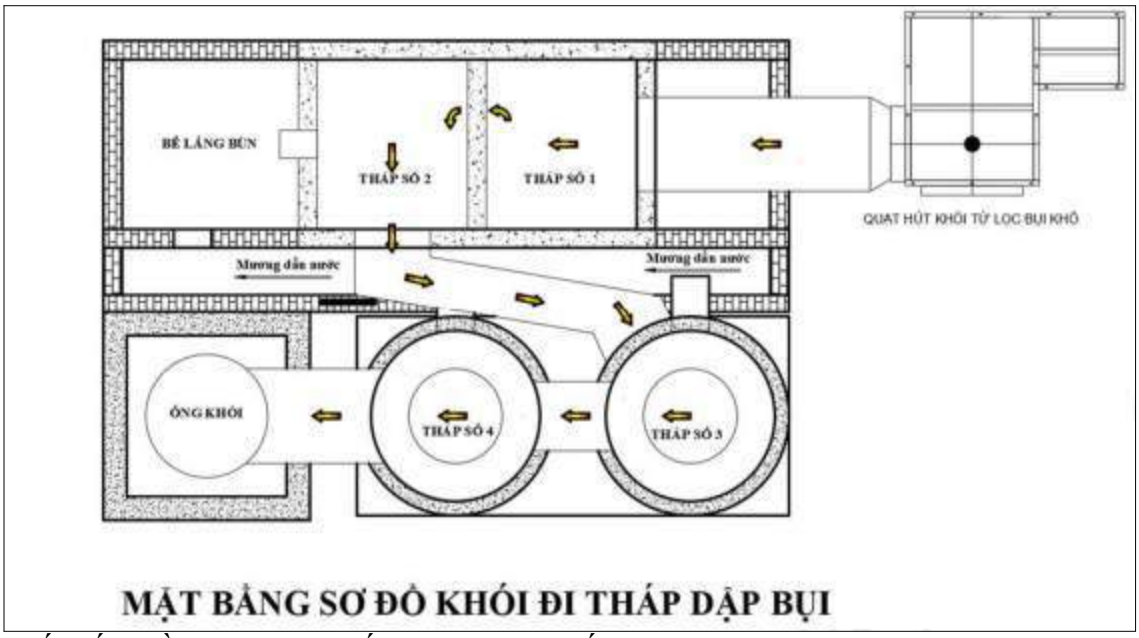

MẶT BẰNG SƠ ĐỒ KHÓI ĐI THÁP DẬP BỤI

thiết kế nhiều ngăn zích zắc có tác dụng lắng bùn cặn. Nước sau khi tách bùn được tái sử dụng qua hệ thống bơm tuần hoàn bơm lên tháp dập bụi. Hàng ngày, Nhà máy sẽ bổ sung phần nước thiếu hụt mà không thay thế lượng nước trên.

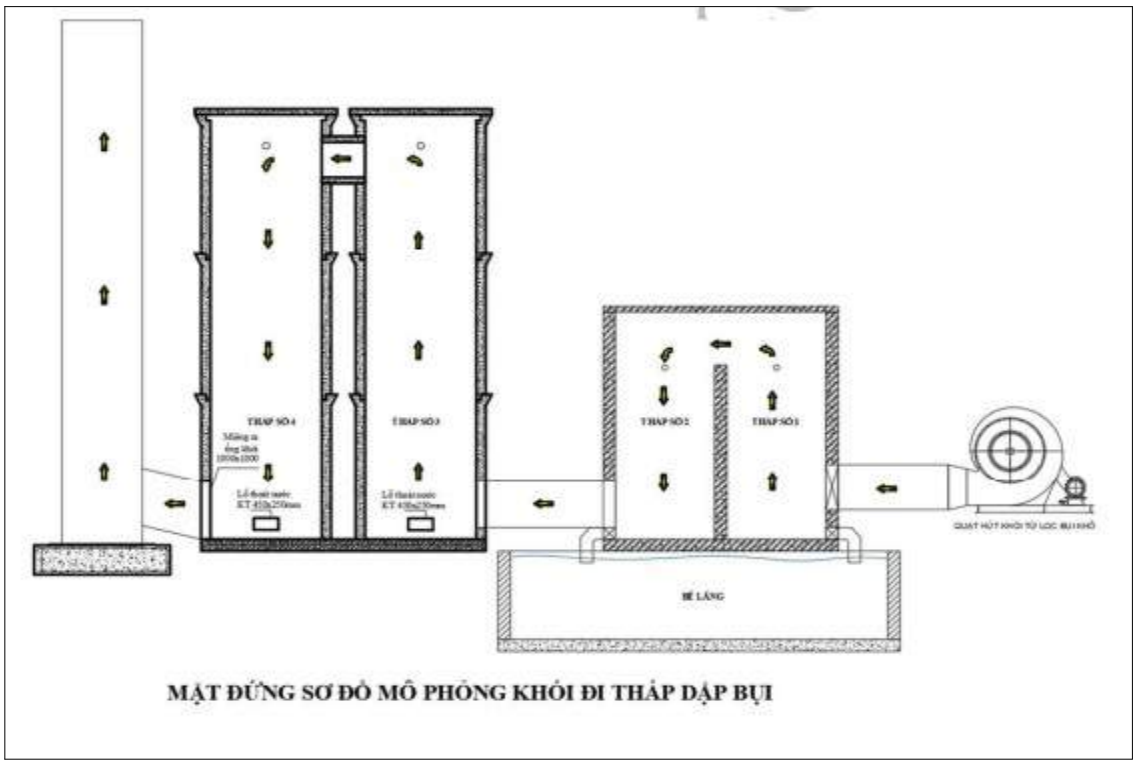

MẶT ĐỨNG SƠ ĐỒ MÔ PHỎNG KHỐI ĐI THÁP DẬP BỤI

Phần cặn của hệ thống không chứa thành phần nguy hại được định kỳ nạo vét 1tuần/lần và xử lý cùng chất thải thông thường của Nhà máy.

Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (C_{max} = C x K_p x K_v = C x 0,9 x 1. Trong đó: C là nồng độ các chất quy định tại mục 2.2 của QCVN 19:2009/BTNMT; K_p: hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp = 0,9 (20.000m^3/h<P≤100.000m^3/h); K_V: hệ số vùng, K_V = 1- Khu công nghiệp) được thoát ra môi trường thông qua ống thoát khí.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống:

Thông số kỹ thuật	HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/h số 2 dự kiến lắp đặt thay thế HTXL khí thải lò 8 tấn/h(KT2)
Công suất quạt hút	Lưu lượng 60.000 m^3/h
Hệ thống lọc bụi kiểu Cyclone chùm	Kích thước: 3.200x2.900x4.700mm
Tháp dập bụi ướt	Kích thước: Đường kính D1.800mm cao 4,9m, lắp 2 tầng
Bơm nước tuần hoàn dập bụi	- Công suất 5,5kW - Số lượng: 2 chiếc
Bể lắng bùn	- Kích thước: 3,65x1,1x0,6m Gồm 2 ngăn
Ống khói	Đường kính D650, cao 18m

- Các loại vật liệu, hóa chất, chất xúc tác sử dụng trong quá trình vận hành

- *Vật liệu:* không có

- *Hóa chất sử dụng:* Dung dịch $Ca(OH)_2$. Khối lượng sử dụng 425 kg/lò/tháng

3.2.2. HTXL khí thải tại xưởng sản xuất tấm Panel (xưởng sản xuất số 1):

Đơn vị thiết kế, thi công: Công ty cổ phần công nghệ điều hòa Sao Việt

Công ty đã lắp đặt 03 hệ thống xử lý khí thải tại xưởng sản xuất tấm Panel bằng màng lọc Cacbon từ năm 2017 và đang vận hành ổn định

Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý như sau:

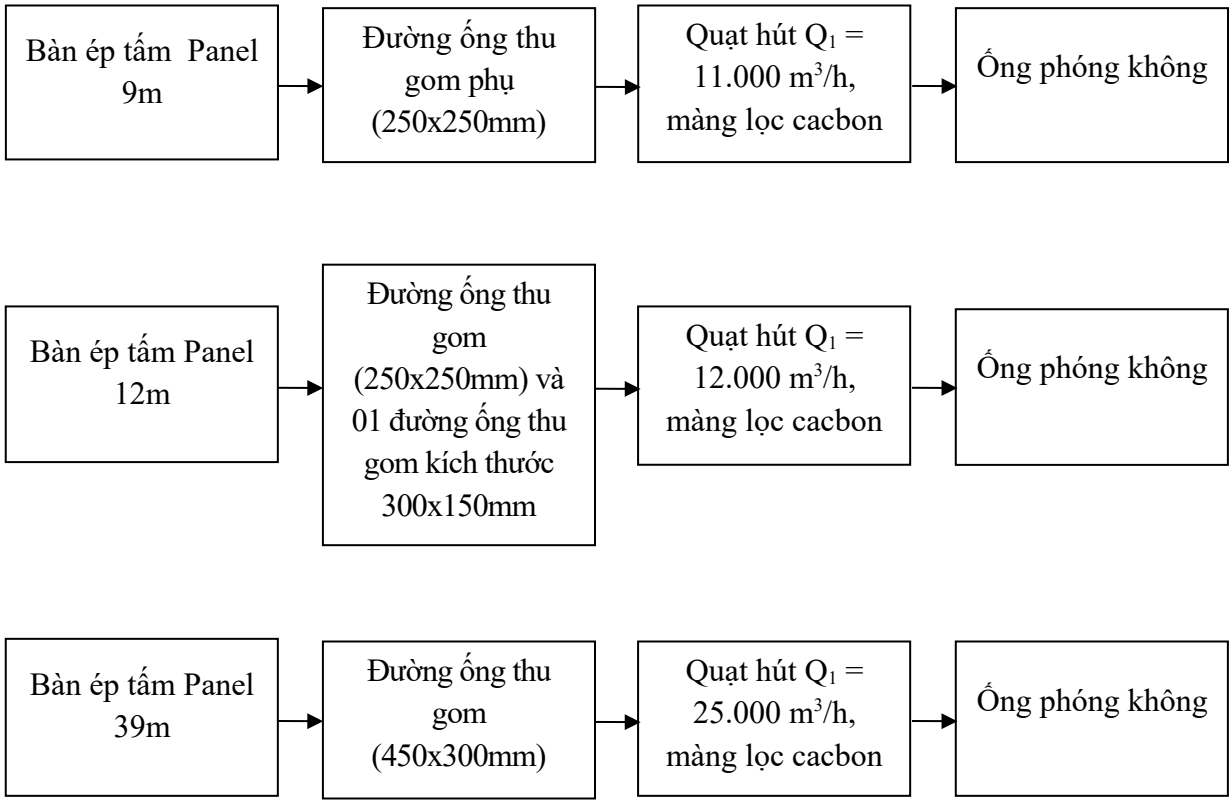

- *Thuyết minh quy trình:*

Tại mỗi máy ép Panel có bố trí hệ thống hút khí được đặt ngay phía dưới của bàn ép. Cụ thể như sau:

+ Hệ thống xử lý khí thải công suất 11.000 m^3/h được bố trí tại bàn ép tấm Panel 9m. Hệ thống bao gồm 6 miệng hút hút khí có kích thước 200x200mm bằng tôn mạ kẽm dẫn khí tới đường thu gom phụ có kích thước 250x250mm rồi dẫn vào đường ống chính kích thước 500x300mm. Khí thải được quạt hút có công suất 11.000 m^3/h dẫn qua màng lọc cacbon, không khí sạch thoát ra môi trường qua ống thoát khí kích thước D450 cao 10m.

+ Hệ thống xử lý khí thải công suất 12.000 m^3/h được bố trí tại bàn ép tấm Panel 12m. Hệ thống bao gồm 7 miệng hút khí có kích thước 200x200mm bằng tôn mạ kẽm dẫn khí vào 6 đường ống thu gom phụ có kích thước 250x250mm và 1 đường ống phụ có kích thước 330x150mm, dẫn khí vào trục đường ống thu gom có kích thước 300x250mm, tất cả 7 đường ống thu gom dẫn khí vào đường ống chính kích thước 650x300mm. Khí thải được quạt hút có công suất 12.000 m^3/h dẫn qua màng lọc cacbon, không khí sạch thoát ra môi trường qua ống thoát khí kích thước D600 cao 10m.

+ Hệ thống xử lý khí thải công suất 25.000 m^3/h được bố trí tại bàn ép tấm Panel 39m. Hệ thống bao gồm 24 miệng hút có kích thước 200x200mm bằng tôn mạ kẽm dẫn khí tới đường thu gom phụ có kích thước 450x300mm rồi dẫn vào đường ống chính kích thước 900x450mm. Khí thải được quạt hút có công suất 25.000 m^3/h dẫn qua màng lọc cacbon, không khí sạch thoát ra môi trường qua ống thoát khí kích thước D600 cao 10m.

Tại màng lọc Cacbon diễn ra quá trình hấp phụ. Do trọng lực phân tử không cân bằng và không bão hòa trên bề mặt lớp màng lọc cacbon, khi bề mặt rắn tiếp xúc với khí, nó có thể thu hút các phân tử khí. Nó được cô đặc và duy trì trên bề mặt rắn và các chất ô nhiễm được hấp phụ. Khí thải sạch theo đường ống dẫn thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí. Khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp=1; Kv=1) được xả ra môi trường.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống:

STT	**Thông số**	**HTXL 11.000 m^3/h (KT3)**	**HTXL 12.000 m^3/h (KT4)**	**HTXL 25.000 m^3/h (KT5)**
1	Số lượng miệng hút	6	7	24
2	Kích thước miệng hút	200x200mm	200x200mm	200x200mm
3	Kích thước đường ống phụ	250x250mm	06 đường ống 250x250mm 01 đường ống 300x150mm	450x300mm
3	Kích thước đường ống chính	500x300	650x300	900x450

5	Vật liệu chế tạo	Tôn mạ kẽm 2 mm	Tôn mạ kẽm 2 mm	Tôn mạ kẽm 2 mm
6	Số lượng màng lọc cacbon (tấm)	1	1	1
7	Khối lượng mỗi tấm lọc cacbon (kg)	1,6	2	2
8	Ống phóng không	D450, cao 10m	D600, cao 10m	D600, cao 10m

- Các loại vật liệu, hóa chất, chất xúc tác sử dụng trong quá trình vận hành

- *Vật liệu:* Tấm lọc Cacbon.

Hình 3. 9. Hình ảnh tấm lọc Cacbon

Số lượng tấm lọc cacbon của 3 hệ thống xử lý khí thải (tấm)	**Khối lượng/1 tấm lọc (kg)**	**Thời gian thay thế tấm lọc (lần/năm)**	**Khối lượng tấm lọc cần thay thế (kg/năm)**
3	1,6-2	2 lần/năm	11,2

- *Hóa chất, chất xúc tác:* không có

Hình 3.10. Hình ảnh ống khói hệ thống xử lý khí thải xưởng sản xuất Panel (xưởng sản xuất số 1)

**** Quy trình vận hành***

- Bước 1: Kiểm tra các thiết bị trước khi vận hành

+ Kiểm tra trạng thái điện nguồn.

+ Kiểm tra có bị hư hỏng bên bên ngoài không và linh kiện có hư hỏng hay biến dạng không.

+ Kiểm tra tình trạng dây điện (tình trạng vỏ bọc, đứt dây…).

+ Kiểm tra tình trạng của quạt hút.

+ Kiểm tra hoạt động của công tắc.

- Bước 2: Bật công tắc của hệ thống để quạt hút chạy tự động, khi không vận hành thì tắt công tắc để quạt hút ngừng chạy.

- Một vài chú ý khi vận hành:

KT3

+ Đọc kỹ hướng dẫn vận hành, hướng dẫn an toàn động cơ, thiết bị điện, thiết bị trước khi vận hành.

+ Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của máy móc thiết bị đảm bảo thiết bị hoạt động ở trạng thái bình thường.

KT4

KT5

+ Khi có sự cố phải tìm cách khắc phục sự cố kịp thời sau đó báo cho đơn vị cung cấp, lắp đặt.

+ Khi phát sinh vấn đề bất thường thì trước hết là ngắt điện nguồn

+ Không bật tắt chế độ mở/tắt liên tục

**** Quy chuẩn áp dụng đối với khí thải sau hệ thống xử lý:***

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp=1; Kv=1).

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

3.2.3. Xử lý bụi từ quá trình sản xuất tấm Panel bông khoáng, bông thủy tinh:

Bụi từ quá trình cắt bông khoáng, bông thủy tinh được thu gom bằng phễu thu bụi đặt ngay phía dưới của bàn cắt. Sau đó bụi theo đường ống mềm kích thước D90mm dẫn về thiết bị thu bụi để tách bụi khỏi dòng khí bằng quạt hút có công suất 0,5m^3/h. Túi vải để chứa bụi được làm bằng vải carton, mắt lưới của túi có kích thước vô cùng nhỏ (300 sợi/10cm) đảm bảo các hạt bụi không thể thoát ra ngoài môi trường.

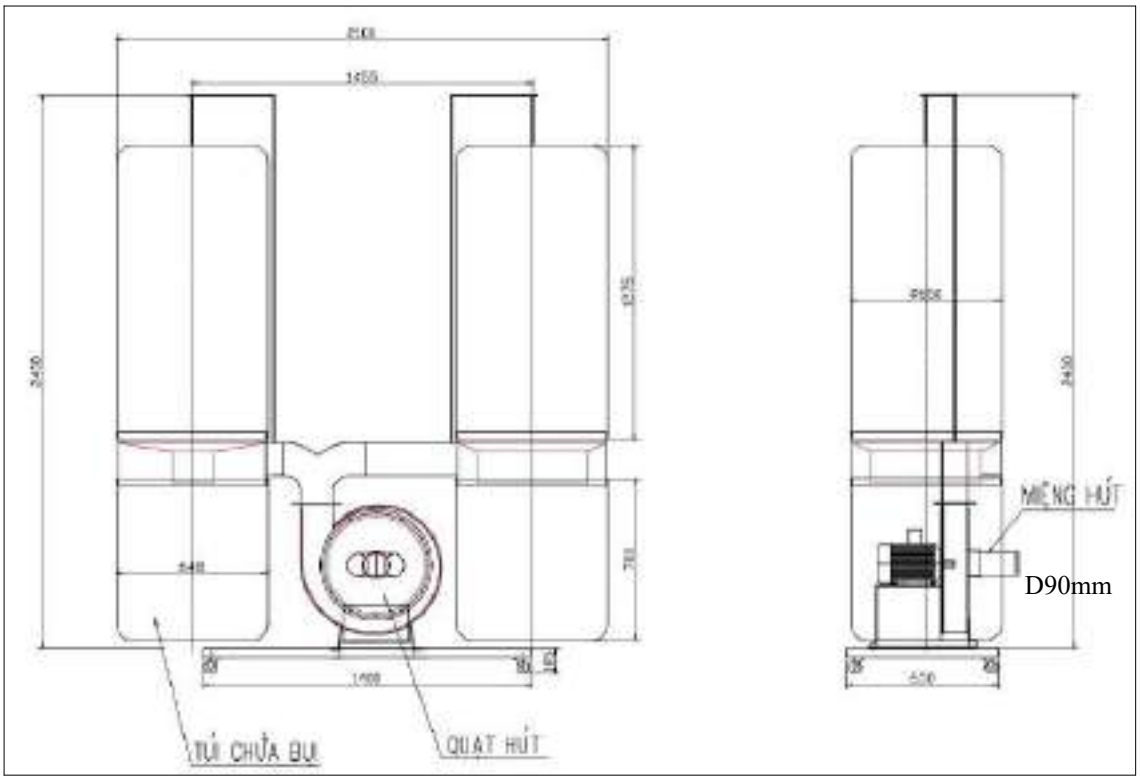

Hình ảnh của thiết bị thu bụi:

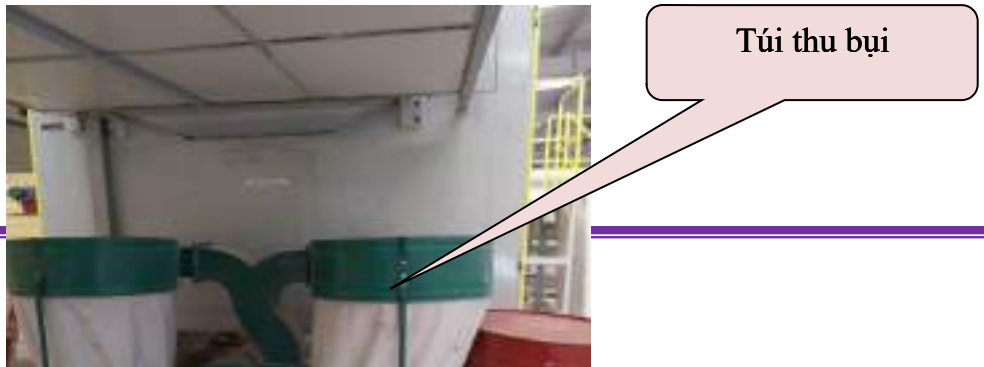

Cuối mỗi ca làm việc, phần bụi thu được sẽ được thu gom vào kho chứa chất thải rắn sản xuất của Nhà máy và xử lý cùng chất thải thông thường của Nhà máy. Trong quá trình thu gom, người lao động được trang bị thiết bị bảo hộ chuyên dụng đảm bảo người lao động không bị tác động từ bụi này. Bụi được thu vào bao chứa, bên trong có 2 lớp nilon, đảm bảo bụi không thất thoát ra môi trường, bao chứa được đóng gói cận thận và nồng 1 lớp bao thứ 2 bên ngoài, đầu bao bao 1 được để ở phần cuối của bao 2, việc làm này để chắc chắn bụi không thể thoát ra ngoài môi trường.

3.2.4. Xử lý khí thải trong hoạt động nấu ăn

Dự án sử dụng khí gas phục vụ hoạt động nấu ăn. Khí gas cháy thường ít phát sinh ra khí độc hại có khả năng gây tác hại đến môi trường, dự án sử dụng lượng gas nhỏ, tác động của khí thải khi đốt gas được dự báo là không đáng kể đến môi trường không khí khu vực. Do vậy, Chủ dự án đã lắp đặt 01 quạt hút mùi tại bếp nấu với công suất 1,5 Kw để đảm bảo môi trường thông thoáng cho khu vực bếp và nhà ăn.

3.2.5. Thông gió nhà xưởng

Thông gió nhà xưởng: nhà máy trang bị hệ thống quạt cây, quạt treo tường, quạt hướng trục để tăng cường khả năng thông gió trong nhà xưởng.

3.2.6. Các biện pháp giảm thiểu khác

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại xưởng sản xuất.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống máy móc, thiết bị và định kỳ bảo dưỡng để đảm bảo hệ thống này luôn trong tình trạng hoạt động tốt và chủ động về kỹ thuật sản xuất.

+ Thực hiện chương trình quan trắc mẫu khí thải tại ống khói theo đúng tần suất cam kết trong hồ sơ môi trường để đánh giá được hiệu quả xử lý của hệ thống.

3.2.7. Khí thải từ phương tiện vận chuyển (nguyên vật liệu, sản phẩm và xe chở công nhân)

+ Trên đường giao thông nội bộ, quy định giảm tốc độ của các phương tiện vận tải, thường xuyên quét sân, đường, tưới nước xung quanh, tạo độ ẩm để giảm lượng bụi vào không khí.

+ Các xe chuyên chở cần đc bảo dưỡng định kỳ. Bố trí các xe chuyên chở vào các thời điểm thích hợp, tránh những giờ cao điểm gây ùn tắc giao thông.

+ Trồng cây xanh bao quanh khuôn viên Công ty vừa có tác dụng tạo bóng mát vừa giảm thiểu bụi, khí thải.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

*** Chất thải rắn sinh hoạt:**

Nguồn phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại khu vực nhà xưởng, văn phòng, khu nhà ăn. Thành phần gồm: vỏ hộp thực phẩm, giấy, túi nilon, thực phẩm thừa, vỏ trái cây, ...

Căn cứ theo thực tế, dự kiến tổng số lao động phát sinh tại Nhà máy trong thời gian tới khoảng 350 người, lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh: khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình 1,3 kg/người/ngày (theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng). Mỗi người làm việc 8 giờ (1 ca) tương ứng khoảng 0,43 kg/người. Dự tính khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất trong ngày là 350 người x 0,43 kg/người/ngày = 150,5 kg/ngày, tương đương 46,96 tấn/năm.

+ Khối lượng rác sinh hoạt thực tế năm 2023 tại Nhà máy: 114 m^3/năm tương đương khoảng 34,2 tấn/năm (khối lượng riêng của rác sinh hoạt là 0,3 tấn/m^3).

+ Khối lượng rác sinh hoạt 6 tháng năm 2024 tại Nhà máy: 54,5 m^3 tương đương khoảng 16,4 tấn (khối lượng riêng của rác sinh hoạt là 0,3 tấn/m^3).

Biện pháp lưu giữ chất thải: Công ty bố trí 12 thùng nhựa loại 20 lít và 15 thùng nhựa loại 60 lít có nắp đậy màu xanh tại khu vực văn phòng, khu vực nhà xưởng, nhà ăn để thuận tiện cho quá trình thu gom và phân loại rác thải ngay tại nguồn:

+ Rác thải từ khu vực nhà ăn, khu văn phòng, nhà xưởng, hành lang: Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn của công ty sẽ được phân loại ngay tại nguồn và được thu gom vào thùng rác 60 lít, sau đó rác thải sẽ được tập kết tại kho chứa rác sinh hoạt để thu gom, vận chuyển hàng ngày.

+ Rác thải từ nhà vệ sinh của người lao động trong nhà máy được thu gom bằng 12 thùng chứa rác chuyên dụng loại 20 lít tại mỗi khu vực phát sinh. Sau đó sẽ được thu gom, tập kết tại kho chứa rác sinh hoạt.

+ Rác sinh hoạt được thu gom từ vị trí phát sinh và đựng trong túi ninong chứa tại kho chứa rác sinh hoạt có diện tích 6,24 m^2. Kết cấu: Bê tông cốt thép có mái che

Xử lý chất thải: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Minh số 47/HĐKTĐM-THH ngày 28/9/2016.

Tần suất thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt: hàng ngày.

Hình 3.11. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt

*** Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình hoạt động của Nhà máy bao gồm: Bao bì (nilong, vỏ bao chứa hạt nhựa EPS), pallet hỏng, thùng catton, dây buộc hàng; xốp vụn, tôn phế liệu; cát thải, tro xỉ từ hoạt động của lò hơi.

Dự kiến chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh theo ĐTM đã được duyệt:

Stt	Loại chất thải	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì (nilong, vỏ bao chứa hạt nhựa EPS, EPP), pallet hỏng, thùng catton, dây buộc hàng	40.664
2	Xốp vụn	126.136
3	Tôn phế liệu	204.209
4	Cát thải từ quá trình tạo khuôn cát lẫn tạp chất	594
5	Tro xỉ từ quá trình đốt lò hơi bằng nhiên liệu củi, mùn cưa	1.126.656
6	Vật liệu lọc của thiết bị làm mềm nước	1590
7	Cặn của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt	31.084

	nhiên liệu củi, mùn cưa	
	Tổng (kg/năm)	**1.530.933**

Do đó, khối lượng CTR công nghiệp dự kiến phát sinh **1.530.933** kg/năm

+ Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thực tế năm 2023 khoảng 25.200 kg/năm.

+ Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thực tế 6 tháng năm 2024 khoảng 46.580,4 kg.

Biện pháp thu gom, quản lý:

- Chất thải rắn sản xuất sẽ được phân loại tại nguồn và đựng vào các túi lưới thù du đặt trong xe gom rác bên ngoài có dán tên chất tại các vị trí phát sinh tại mỗi xưởng sản xuất:

+ Chất thải rắn sản xuất gồm nhựa, giấy, bìa carton, nilon, phế liệu phế phẩm các loại,… được thu gom và chứa vào túi lưới thù du đặt trong xe gom rác có dung tích phù hợp, sau đó tập kết về khu vực lưu giữ chất thải sản xuất

+ Chất thải rắn sản xuất gồm xốp vụn; bụi thu gom từ tháp thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh,... sẽ được thu gom và chứa vào vào túi lưới thù du đặt trong xe gom rác có dung tích phù hợp, sau đó tập kết về khu vực lưu giữ chất thải sản xuất.

+ Tro xỉ từ quá trình đốt lò hơi được thu gom chứa trong các bao và tập kết lưu chứa trong nhà lò hơi, sau đó định kỳ sẽ được đơn vị có chức năng đến vận chuyển và xử lý.

- Cuối ngày, các chất thải này sẽ được thu gom về các kho chứa chất thải rắn sản xuất 1 có diện tích 32,3 m^2 và kho chứa chất thải rắn sản xuất 2 có diện tích 20,8 m^2, tổng diện tích kho chứa là 53,1 m^2. Kết cấu: Khung thép tiền chế, mái lợp tôn mạ màu.

Tuần suất chuyển giao chất thải công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng khoảng 1-2 tuần/lần để đảm bảo khả năng lưu chứa của kho hiện tại.

Xử lý chất thải:

+ Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp số 121/2021/HĐXLCT/PH-THH ngày 20/12/2021 với Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng.

+ Hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường số 01-2023/HĐ/TTP-THH ngày 18/11/2023 với Công ty TNHH Tân Thuận Phong.

+ Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp số 2023/THH-ĐT/RCN ngày 10/10/2023 với Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng.

Hình 3.12. Phân loại và thu gom chất thải công nghiệp tại nguồn

Hình 3.13. Khu lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường số 1

Hình 3.14. Khu lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường số 2

Hình 3. 15. Khu vực lưu chứa tro xỉ trong nhà lò hơi

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sản xuất, hoạt động bảo dưỡng sửa chữa máy móc, thiết bị của khu văn phòng, nhà xưởng sản xuất.

Chất thải nguy hại của Nhà máy gồm: Giẻ lau, găng tay dính dầu; Bóng đèn huỳnh quang thải; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; Bao bì cứng bằng kim loại; Mực in thải có thành phần nguy hại; Bao bì cứng bằng nhựa; Giấy giáp, đá mài, đá cắt thải; xỉ hàn thải; Nhôm phế liệu (dính dầu); Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh; ...

Bảng 3. 3. Khối lượng chất thải nguy hại dự kiến của Nhà máy

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng	
				Khối lượng chất thải nguy hại dự kiến theo ĐTM (kg/năm)	Khối lượng chất thải nguy hại dự kiến điều chỉnh (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	Rắn	18 02 01	120	120
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	6	6
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	70	70
4	Dầu thủy lực	Lỏng	17 01 06	5.100	5100
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	85.850	85.850
6	Mực in thải từ hoạt động văn phòng	Rắn	08 02 01	3	3
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 01	65	65
8	Giấy giáp, đá mài, đá cắt thải	Rắn	07 02 10	40	40
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị)	Rắn	07 04 02	42.5	42,5
10	Nhôm phế liệu dính dầu	Rắn	07 03 11	38.320	38.320
11	Tấm lọc cacbon thải	Rắn	18 02 01	5.616	11,2
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	Rắn	11 06 02	497	497
13	Que hàn thải	Rắn	07 04 01	0	15,4
14	Hỗn hợp cặn nhựa PU lẫn hóa chất MC (Chất kết dính và chất	Rắn	16 01 09	5.460	5.460

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng	
				Khối lượng chất thải nguy hại dự kiến theo ĐTM (kg/năm)	Khối lượng chất thải nguy hại dự kiến điều chỉnh (kg/năm)
	bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác)				
Tổng lượng chất thải nguy hại				**141.189,5**	**135.600,1**

Do đó, khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh sau khi điều chỉnh phù hợp với thực tế **135.600,1** kg/năm.

Theo báo cáo ĐTM khối lượng tấm lọc cacbon thải phát sinh là 5.616 kg/năm nhưng theo số liệu thực tế nhà máy cung cấp, tấm lọc cacbon sử dụng trong xử lý khí thải tại xưởng Panel (xưởng số 1) thực chất cấu tạo chỉ gồm 1 lớp màng lọc vật liệu cacbon, bên ngoài tấm lọc kết cấu khung lưới thép, khối lượng 1 tấm lọc khoảng 1,6-2 kg/tấm. Nhà máy xử dụng 3 tấm lọc cho 3 hệ thống xử lý khí thải với tần suất thay tấm lọc 2 lần/năm, khối lượng tấm lọc cacbon thải phát sinh dự kiến khi hoạt động ổn định là 11,2 kg/năm.

Theo báo cáo ĐTM dự báo chưa có mã CTNH que hàn thải, tuy nhiên thực tế nhà máy có sử dụng que hàn trong cơ khí và sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị tại nhà máy, vì vậy ngoài phát sinh xỉ hàn thải, quá trình này còn phát sinh que hàn thải. Theo số liệu thực tế từ nhà máy cung cấp năm 2023 nhà máy sử dụng 803 kg/năm que hàn, khối lượng que hàn thải phát sinh là 10kg/năm do đó tỷ lệ thải chiếm 1,2% với công suất năm 2023 của nhà máy đạt 35,2%, khi nhà máy hoạt động 100% khối lượng que hàn thải phát sinh khoảng 15,4 kg. Nhà máy đăng ký bổ sung thêm mã chất thải nguy hai này vào danh mục chất thải nguy hại tại nhà máy để giám sát và quản lý theo đúng quy định.

Khối lượng chất thải nguy hại thực tế phát sinh được nhà máy năm 2023, 6 tháng năm 2024 thống kê cụ thể như sau *(hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại đính kèm phụ lục báo cáo)* :

+ Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thực tế năm 2023: 1.491 kg/năm

	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2023 (kg)

1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	18 02 01	**6,0**
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	**5,0**
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	**260,0**
4	Dầu thủy lực	17 01 06	**33,0**
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	**608,0**
6	Mực in thải từ hoạt động văn phòng	08 02 01	**1,5**
7	Bao bì thải bằng nhựa	18 01 01	**99,0**
8	Giấy giáp, đá mài, đá cắt thải	11 08 03	**8,5**
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	07 04 02	**93,0**
10	Nhôm phế liệu dính dầu	07 03 11	**306,0**
11	Tấm lọc carbon thải	18 02 01	**5,0**
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	01 11 04	**25,0**
13	Que hàn thải	07 04 01	**10,0**
14	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	16 01 09	**31,0**
	Tổng số lượng		**1.491,0**

+ Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thực tế 6 tháng năm 2024:

	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng 6 tháng năm 2024 (kg)
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	18 02 01	20
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2,5
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	145
4	Dầu thủy lực	17 01 06	43,5
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	1015
6	Mực in thải từ hoạt động văn phòng	08 02 01	1
7	Bao bì thải bằng nhựa	18 01 01	75

8	Giấy giáp, đá mài, đá cắt thải	11 08 03	5
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	07 04 02	7
10	Nhôm phế liệu dính dầu	07 03 11	100
11	Tấm lọc carbon thải	18 02 01	5
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	01 11 04	2
13	Que hàn thải	07 04 01	9
14	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	16 01 09	168
	Tổng số lượng		**1.598**

- Biện pháp thu gom, quản lý:

Toàn bộ CTNH được quản lý (thu gom, vận chuyển và xử lý) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định quản lý CTNH.

Các biện pháp lưu giữ CTNH tại nhà máy cụ thể như sau:

+ Toàn bộ CTNH được phân loại tại nguồn ngay tại khu vực sản xuất, mỗi loại chất thải nguy hại được chứa trong 1 thùng chứa chuyên dụng loại 20-60 lít/thùng. Không để CTNH lẫn với CTR sinh hoạt và CTR công nghiệp thông thường.

+ CTNH được thu gom, đưa về kho chứa CTNH và lưu giữ riêng biệt trong các thùng phuy chuyên dụng có nắp đậy loại 240 lít/thùng theo từng mã chất thải nguy hại.

+ Nhà máy đã xây dựng 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 14,8 m^2. Kết cấu: Tường bằng tôn mạ màu, nền BTCT gia cố thêm thép tấm 6mm đảm bảo không bị ngập lụt. Kho CTNH được bố trí trong nhà lò hơi, có vách ngăn tường với khu vực nhà lò hơi.

+ Khu vực kho chứa tách riêng với kho chứa CTR sinh hoạt và kho chứa rác thải công nghiệp thông thường. Kho được thiết kế theo đúng quy định và đảm bảo các tiêu chuẩn: Có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lỏng (rãnh và hố thu nước thải nhiễm dầu) phòng cho sự cố khi thùng chứa/bao bì chứa bị rò rỉ, thủng, nứt vỡ.

+ Kho lưu giữ CTNH được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ. Tại khu vực kho chứa CTNH bố trí vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

+ Kho lưu giữ CTNH phải có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Xử lý chất thải:

+ Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 121/2021/HĐXLCT/PH-THH ngày 20/12/2021 với Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại

+ Hợp đồng số 2023/THH-ĐT/CTNH ngày 10/10/2023 với Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng.

Tần suất thu gom, vận chuyển 2-4 tháng/lần (tăng tần suất theo số lượng thực tế chất thải phát sinh)

Hình 3.16. Công trình kho lưu chứa chất thải nguy hại

Hình 3. 17. Bố trí kho lưu chứa chất thải nguy hại

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất chủ yếu từ hoạt động máy móc thiết bị trong nhà máy như quá trình sản xuất xốp, quá trình sản xuất tấm Panel, quá trình sản xuất gia công khuôn. Để hạn chế sự ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung tại

các khu vực này, cơ sở áp dụng một số biện pháp sau:

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ) các chi tiết truyền động của máy móc, thiết bị

- Tạo khoảng cách hợp lý giữa các thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn tiếng ồn cho phép.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở vị trí phát sinh tiếng ồn như nút bịt tai.

- Bố trí thời gian lao động hợp lý cho người lao động nhằm giảm thời gian tiếp xúc với tiếng ồn.

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị sản xuất.

- Công ty đã trồng cây xanh xung quanh tường rào của nhà máy để vừa tạo cảnh quan, bóng mát, vừa có tác dụng làm giảm tác động của bụi, tiếng ồn, độ rung

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

+ Định kỳ nạo vét, vệ sinh công nghiệp đối với hệ thống thoát nước thải

+ Định kỳ kiểm tra đường ống để phát hiện kịp thời các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống

+ Định kỳ thuê hút bể phốt, bể tách mỡ nâng cao hiệu quả xử lý bể phốt, bể tách mỡ

3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- *Biện pháp phòng cháy:*

- Xây dựng và ban hành các nội quy làm việc, bao gồm nội quy ra vào và làm việc tại nhà máy; nội quy sử dụng thiết bị; nội quy về an toàn điện; nội quy về an toàn cháy nổ;

- Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất, nguyên vật liệu theo đúng quy định và theo từng loại riêng biệt. Không sắp xếp chung các loại vật tư, nguyên liệu, hàng hóa mà khi tiếp xúc với nhau có thể tạo phản ứng gây cháy, nổ.

- Bố trí các thiết bị, dây chuyền sản xuất và nguyên liệu có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ tại những khu vực khác nhau. Đảm bảo các khoảng cách an toàn về PCCC.

- Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức PCCC cho cán bộ công nhân viên và kiểm tra đôn đốc mọi người thực hiện nghiêm túc an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bên ngoài.

✓ ***Về hệ thống báo cháy tự động:***

+ Tủ trung tâm báo cháy 32 kênh, đặt tại phòng bảo vệ (nơi có người thường trực 24/24h)

+ Nhà xưởng + kho + nhà để xe + phụ trợ đặt đầu báo cháy khói tia chiếu, đầu báo cháy khói, đầu báo cháy nhiệt. Các cặp đầu báo cháy khói tia chiếu được lắp đặt trên tường, các đầu báo cháy khói và đầu báo cháy nhiệt lắp đặt dưới trần bê tông, trần tôn, trần giả.

+ Khoảng cách giữa các tia chiếu, giữa các đầu báo và khoảng cách từ tia chiếu, đầu báo đến tường đảm bảo theo quy định.

+ Dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: là dây 2x1,5 mm^2, được đi trong ống bảo vệ.

+ Tổ hợp nút ấn báo cháy, chuông, đèn: được lắp đặt trên tường, tâm nút ấn báo cháy cách sàn thao tác khoảng 1,25m.

✓ ***Về hệ thống cấp nước chữa cháy:***

* *Trạm bơm chữa cháy gồm:*

+ 01 máy bơm nước chữa cháy chính động cơ điện có thông số kỹ thuật là P=37kW, H=100, Q=6900 l/min 414 m^3/giờ.

+ 01 máy bơm chữa cháy dự phòng động cơ điện có thông số kỹ thuật là P=37 kW, H=100m, Q=6.900 l/min 414 m^3/giờ.

+ 01 máy bơm nước bù áp động cơ điện, 01 bình tích áp.

+ Các máy bơm chữa cháy có các họng đẩy kết nối vào đường ống cấp nước chữa cháy chung của nhà máy.

* *Nguồn nước phục vụ chữa cháy:*

- Được lấy từ hồ nước có thể tích khoảng 4.000 m^3 của nhà máy.

* *Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước*

- Lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước cho nhà xưởng + kho + nhà để xe + phụ trợ.

- Đường ống cấp nước chính cho hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước là đường ống thép co đường kính D150.

* *Hệ thống chữa cháy trong nhà:*

- Công trình lắp đặt các họng nước chữa cháy vách tường có bố trí 01 cuộn vói D65, 01 lăng D65 đồng bộ đi kèm, đặt trong tủ.

- Các họng nước chữa cháy vách tường được bố trí gần cửa ra vào; nơi dễ thấy, dễ sử dụng.

- Tại vị trí các họng nước chữa cháy có bố trí 01 cuộn vói D65, 01 lăng D65

đồng bộ đi kèm, đặt trong tủ.

- Đường ống cấp nước cho hệ thống họng nước chữa cháy vách tường là đường ống thép có đường kính D100

- Tâm của họng vách tường cách sàn thao tác 1,25 m.

* *Hệ thống chữa cháy ngoài nhà:*

- Công trình lắp đặt 05 họng kép D65 đặt ngoài nhà cùng 01 cuộn vòi D65, 01 lăng D65 đồng bộ đi kèm, đặt trong tủ

- Cách nhỏ hơn 150m, có trụ nước chữa cháy KCN.

* *Phương tiện chữa cháy:* Xách tay.

Biện pháp chữa cháy:

+ Khi phát hiện có sự cố cháy nổ phải báo ngay cho toàn nhà máy biết bằng hệ thống đèn báo, kẻng báo cháy

+ Cắt điện tại khu vực cháy.

+ Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại Nhà máy.

+ Thông báo cho cơ quan PCCC đến chữa cháy.

Công ty đã được Công an thành phố Hải Phòng phê duyệt và cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 305/TD-PCCC với các nội dung:

1. Bậc chịu lửa; Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ (hạng C)

2. Đường giao thông phục vụ chữa cháy; khoảng cách an toàn PCCC

3. Giải pháp thoát nạn; Giải pháp ngăn cháy chống cháy lan;

4. Giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn; Phương án chống sét

5. Giải pháp chống tụ khói (hệ thống hút khói cưỡng bức);

6. Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy bằng nước (hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống chữa cháy trong và ngoài nhà);

7. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và các hệ thống khác có liên quan về PCCC;

8. Đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố; phương tiện chữa cháy xách tay.

Cơ sở hoạt động phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo QCVN 06/2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình

3.6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố máy lọc bụi

+ Đào tạo nhân lực để vận hành, bảo dưỡng máy lọc bụi theo hướng dẫn của nhà cung cấp thiết bị.

+ Vận hành máy lọc bụi theo đúng quy trình kỹ thuật mà nhà cung cấp thiết bị khuyến cáo

+ Định kỳ vệ sinh buồng lọc để đảm bảo quá trình xử lý bụi định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng của các thiết bị xử lý

+ Khi hệ thống quạt hút và xử lý bụi không hoạt động, nhà máy sẽ dừng các hoạt động sản xuất để xử lý kỹ thuật đảm bảo sức khỏe của công nhân.

3.6.4. Phương án phòng ngừa sự cố lò hơi

- Có quy trình vận hành lò hơi được công bố công khai tại nơi làm việc để công nhân làm việc tại bộ phận biết và thi hành.

- Công nhân vận hành nồi hơi phải được cấp chứng chỉ vận hành và nắm vững các kiến thức cơ bản về cấu tạo, nguyên lý hoạt động và nội dung bảo dưỡng của loại lò hơi Công ty đang sử dụng, các thiết bị an toàn và các bộ phận phụ thuộc của nồi hơi; tính chất, thành phần của chất đốt và các sử dụng để đảm bảo an toàn lao động.

- Nắm vững những vấn đề cụ thể trong quy trình thao tác, vận hành thiết bị, và những công việc phải làm khi chuẩn bị đốt lò, bắt đầu đốt lò, điều khiển lò trong quá trình vận hành; những khả năng gây nổ vỡ, hư hỏng để đề phòng; những biện pháp xử lý sự cố thông thường như khi nồi cạn nước hay đầy nước, khi áp suất trong nồi tăng đột ngột, khi có sự biến dạng trên các bộ phận chịu áp lực của lò hơi (mặt sàng hay thân nồi bị phòng, rạn, nứt, mối ghép bị bục nước, xì hơi… v.v…).

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng lò hơi.

- Định kỳ tổ chức tập huấn kỹ thuật vận hành an toàn cho công nhân lò hơi.

Công ty sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp an toàn lò hơi được quy định tại Quyết định số 64/2008/BLĐTBXH về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lao động lò hơi và bình chịu áp lực. Cụ thể như sau:

- Chất lượng nước cấp cho lò hơi phải đảm bảo đúng quy định của người thiết kế, chế tạo nhưng không được thấp hơn TCVN về kỹ thuật an toàn hiện hành cho lò hơi đó. Công ty trang bị hệ thống làm mềm nước trước khi đưa vào lò hơi.

- Người sử dụng lò hơi, bình chịu áp lực phải lập sổ theo dõi quản lý lò hơi, bình chịu áp lực trong đó bắt buộc có các nội dung quản lý như sau: Lịch bảo dưỡng, tu sửa, kiểm tra vận hành, kiểm định,…Tổ chức thực hiện kiểm tra vận hành, kiểm định đúng hạn;

- Không đưa vào vận hành lò hơi đã quá thời hạn kiểm định;

- Định kỳ thuê cơ quan được cấp phép thực hiện việc kiểm định lò hơi nghiêm ngặt và an toàn.

3.6.5. Phương án phòng sự cố máy nén khí

Tổ chức thực hiện kiểm tra vận hành, kiểm định an toàn thiết bị theo quy định của pháp luật; cấm sử dụng thiết bị đã quá thời hạn kiểm định.

- Đặt các bảng tóm tắt quy trình vận hành và xử lý sự cố treo ở vị trí phù hợp sao cho người vận hành dễ thấy, dễ đọc nhưng không làm ảnh hưởng tới việc vận hành;

- Lập sổ theo dõi quản lý thiết bị, trong đó bắt buộc có các nội dung quản lý như: lịch bảo dưỡng, tu sửa, kiểm tra, kiểm định.

- Thực hiện các quy định an toàn lao động khi sử dụng máy nén khí như không kiểm tra máy nén khí trực tiếp bằng ngọn lửa, trang bị găng tay, quần áo, mũ bảo hộ khi vào khu vực đặt máy nén khí…;

- Máy nén khí phải có đầy đủ các bộ phận an toàn như van an toàn, áp kế mới được đưa vào sử dụng.

- Bố trí khu vực đặt máy nén khí hợp lý, cách xa nơi có ngọn lửa, nơi phát sinh tia lửa ít nhất 10m; không để các loại nguyên liệu dễ cháy nổ trong khu vực đặt máy.

3.6.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Để đảm bảo sự an toàn tuyệt đối trong quá trình nhà máy hoạt động Công ty thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn lao động sau:

+ Đối với thiết bị, máy móc: đối với thiết bị máy có khu vực nguy hiểm có trang bị bao che máy móc tránh tiếp xúc giữa công nhân với khu vực nguy hiểm.

+ Đối với con người: Công ty sẽ cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động để bảo vệ con người khi làm việc. Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như mũ bảo hiểm, găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ chống bụi...

+ Đảm bảo môi trường lao động: đảm bảo môi trường lao động như đảm bảo đủ ánh sáng, điều kiện thông thoáng nhà xưởng, giảm thiểu bụi… tránh ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân.

+ Chính sách lao động: chuyển đổi cán bộ công nhân vào những nơi làm việc phù hợp hơn như: chuyển lao động nữ đang thời kì mang thai từ công việc nặng sang công việc nhẹ hơn.

- Các biện pháp phòng, chống và sơ cấp cứu người khi xảy ra tai nạn lao động:

+ Thiết lập tổ y tế túc trực tại cơ sở,

+ Thường xuyên tổ chức diễn tập cho các tình huống sự cố tai nạn lao động.

+ Lưu giữ địa chỉ, điện thoại của tổ chức y tế gần nhất. Các địa chỉ, số điện thoại này cần được bố trí tại nhiều nơi để kịp thời phục vụ khi xảy ra sự cố lao động.

+ Phối hợp với ngành y tế để xây dựng quy trình sơ cấp cứu ban đầu khi xảy ra sự cố tai nạn lao động trong mọi tình huống. Các nhân viên y tế sẽ thường xuyên được tập luyện, diễn tập và đảm bảo thành thạo các quy trình này.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao tay nghề cho công nhân vận hành thiết bị

- Đặt biển báo tại các khu vực nguy hiểm các xưởng sản xuất

3.6.7. Biện pháp kiểm soát an toàn sử dụng hóa chất

- Bảo quản hóa chất ở khu vực khô mát, thoáng gió và theo quy định chi tiết tại các phiếu an toàn hóa chất.

- Giữ thiết bị chứa đựng hóa chất ngay ngắn, đóng kín khi không sử dụng.

- Trong trường hợp làm việc liên tục với hóa chất công nhân phải được trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang, kính mặt, găng tay, quần áo bảo hộ.

- Khi sử dụng hóa chất phải thực hiện ở khu vực có hệ thống thông gió, tránh để rơi vãi ra môi trường.

- Sau khi sử dụng phải vệ sinh sạch tay, miệng, thiết bị bảo vệ và khu vực làm việc.

- Kho hóa chất sẽ được xây dựng theo TCVN 5507-2002 như sau:

+ Các hóa chất được sắp xếp riêng biệt theo tính chất của từng loại.

+ Bên ngoài kho dán biển cảnh báo cấm lửa, cấm hút thuốc theo quy định.

+ Tại các giá lưu trữ hóa chất, dán phiếu an toàn hóa chất theo các loại hóa chất.

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật an toàn hóa chất cho các đối tượng làm việc tiếp xúc với hóa chất.

- Trong trường hợp xảy ra các sự cố ngộ độc hóa chất phải sơ cứu công nhân theo hướng dẫn tại phiếu an toàn hóa chất trước khi chuyển tới các cơ sở y tế, các sự cố và phương pháp sơ cứu tương ứng cụ thể như sau:

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt *(bị văng, dây vào mắt)*: mở to mí mắt và rửa nhẹ nhàng với thật nhiều nước ít nhất 10 phút, nếu thấy đau rát thì chuyển ngay đến bác sĩ chuyên khoa ngay.

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da *(bị dây vào da)*: rửa thật sạch với xà phòng và nước, nếu bị rát da chuyển đến bác sĩ chuyên khoa. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và làm sạch khô trước khi sử dụng lại.

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp *(hít thở phải hóa chất dạng hơi, khí)*: di chuyển ngay tới nơi có không khí trong lành, thoáng mát.

+ Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa *(ăn uống, nuốt nhầm hóa chất)*: uống thật nhiều nước và mau chóng đưa đến bác sĩ.

- Trang bị bảo hộ lao động như quần áo, găng tay, khẩu trang chống độc cho công nhân tiếp xúc với hóa chất.

- Trang bị phương tiện PCCC theo thiết kế PCCC đã được phê duyệt.

- Đồng thời, Chủ đầu tư cũng đề ra các biện pháp giảm thiểu tác động khi sự cố hoá chất xảy ra, cụ thể như sau:

+ Ngừng ngay tất cả các hoạt động sử dụng các loại hóa chất. Nhận diện ngay nguồn hóa chất, dung môi đổ tràn, vị trí và nguyên nhân gây đổ tràn.

+ Thông báo ngay cho người điều phối của Công ty các tình huống khẩn cấp đã được chỉ định. Quản lý sản xuất đóng vai trò như người điều phối tại hiện trường cho đến khi công ty chỉ định người điều phối đến.

+ Kiểm tra thương vong công nhân, hư hại trang thiết bị, máy móc. Đặc biệt kiểm tra khả năng rò rỉ, đổ tràn, cháy nổ có khả năng xảy ra tại nạn lao động để có các biện pháp ứng phó khẩn cấp.

+ Khi tràn đổ, rò rỉ: hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió diện tích tràn đổ hóa chất, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý, thu hồi hóa chất tràn đổ vào thùng chứa chất thải hóa học kín;

+ Đối với lượng hóa chất bị đổ, rỏ rỉ ít: Hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân, cô lập khu vực đổ tràn, rò rỉ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực đổ tràn hóa chất. Sử dụng cát, vật liệu thấm hút để ngăn chặn, tránh không cho hóa chất chảy vào cống rãnh, tiếp xúc với hóa chất khác. Phải lau sạch khu vực bị đổ tràn.

+ Khi đổ tràn, rò rỉ lớn ở diện rộng: hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất. Thu hồi hóa chất tràn đổ và chứa trong thùng chứa chất thải hóa học kín. Sử dụng phương pháp thu hồi không tạo ra bụi hóa chất. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Ngăn ngừa bụi hóa chất và giảm thiểu sự tán xạ bằng nước hoặc phun ẩm.

+ Sơ tán công nhân ra khỏi khu vực xảy ra sự cố hoá chất.

Chủ cơ sở phải đảm bảo thực hiện các biện pháp kiểm soát an toàn sử dụng hóa chất theo QCVN 05:2020/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

3.6.8. Phòng ngừa, ứng phó sự cố về điện và rò rỉ điện

- Lắp đặt những thiết bị đóng, ngắt bảo vệ cho mạch điện trước các sự cố như đoản mạch, ngắn mạch hay quá tải.

- Lắp đặt các thiết bị điện đúng quy định, các máy móc, thiết bị sản xuất được lắp đặt đảm bảo điện kết nối đúng quy cách, tại vị trí đặt chân thiết bị sản xuất sẽ bố trí các tấm cao su cách điện.

- Lên kế hoạch bảo dưỡng, kiểm tra các thiết bị điện định kỳ nhằm nhanh chóng phát hiện các lỗi hỏng trên thiết bị để tiến hành sửa chữa, khắc phục.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại nhà máy như gang tay, giầy, mũ, áo bảo hộ vừa đảm bảo an toàn lao động vừa đảm bảo an toàn sự cố về điện.

- Những thiết bị có khả năng phát nhiệt không đặt gần các đồ vật dễ cháy.

- Khi có sự cố về điện trong quá trình hoạt động phải ngắt toàn bộ cầu dao và báo cho bộ phận an toàn của Nhà máy để kịp thời xử lý.

Chủ cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn điện theo QCVN 01:2020/BCT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.

3.6.9. Phòng ngừa ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm tại bếp ăn tập thể

Biện pháp: Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị chuyên cung cấp về dịch vụ ăn uống đảm bảo:

- Tuyển chọn đầu bếp và nhân sự phục vụ nhà ăn phải có tay nghề.

- Công nhân làm việc tại nhà ăn được học tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm định kỳ 2 năm/lần,…

- Chọn những nhà cung cấp thực phẩm đảm bảo.

- Công ty sử dụng nguyên liệu để chế biến thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh an toàn theo quy định của pháp luật.

- Đơn vị chế biến thực phẩm sẽ thực hiện mọi biện pháp để thực phẩm không bị nhiễm bẩn, nhiễm mầm bệnh có thể lây truyền sang người, động vật, thực vật.

- Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng các thiết bị, dụng cụ có bề mặt tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được chế tạo bằng vật liệu bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng đồ chứa đựng, bao gói, dụng cụ, thiết bị bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn, không gây ô nhiễm thực phẩm.

- Sử dụng nước để chế biến thực phẩm đạt tiêu chuẩn quy định.

- Dùng chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn, chất tiêu độc an toàn không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người và không gây ô nhiễm môi trường.

- Tại khu vực nhà bếp luôn được dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ. Thực phẩm khi mua được chọn những loại tươi, ngon và được cung cấp từ những địa chỉ an toàn, có chất lượng, được chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Quy trình chế biến đảm bảo đúng hướng dẫn của ngành y tế. Đội ngũ nhân viên nhà bếp sẽ luôn được trang bị đầy đủ dụng cụ, bảo hộ khi chế biến thực phẩm và được tham gia đầy đủ các lớp nghiệp vụ về vệ sinh an toàn thực phẩm khi ngành y tế tổ chức.

3.6.10. Phòng ngừa, ứng phó sự cố bếp gas cho nhà ăn

- Ban hành và tổ chức thực hiện quy định an toàn phòng cháy và chữa cháy khu vực bếp gas; Niêm yết nội quy phòng cháy và chữa cháy, quy trình sử dụng và quy trình xử lý khi xảy ra cháy, nổ;

- Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho người lao động làm việc trong khu bếp;

- Thường xuyên kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy khu vực bếp;

- Bố trí nơi đun nấu:

+ Bố trí phòng đặt bình gas riêng biệt với phòng bếp;

+ Phòng đặt bình gas và phòng bếp được xây dựng bằng vật liệu không cháy, có cửa đi, cửa sổ và cửa thông gió; Đặt bình gas cách cửa đi, cửa thông gió, cửa hút khói tối thiểu 1m; cách cửa sổ tối thiểu 0,5m;

+ Bình gas được đặt trên nền nhà bằng phẳng, chắc chắn, có hệ thống giá đỡ chống đổ bình;

+ Mỗi bếp đun chỉ được bố trí tối đa 2 bình gas có dung tích 25 lít. Không để bình gas dự trữ hoặc bình đã sử dụng trong phòng đặt bình gas;

+ Niêm yết nội quy phòng cháy và chữa cháy, quy trình sử dụng bếp gas, quy trình xử lý khi phát hiện gas rò rỉ, quy trình xử lý khi xảy ra cháy.

- Trang bị, lắp đặt bếp:

+ Trang bị bếp đun đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn an toàn phòng cháy và chữa cháy; van xả khí phải tự động đóng trường hợp lửa ở bếp bị tắt, công tắc bếp vẫn mở; dây dẫn gas chắc chắn, đảm bảo kín;

+ Các khớp nối liên kết giữa bếp, dây dẫn, van xả bình gas phải được lắp đúng kỹ thuật, chăc chắn và đảm bảo độ kính chống rò rỉ gas;

+ Dây dẫn gas được lắp đặt ở vị trí tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao, có lớp bảo vệ để chống chuột cắn. Đối với dây dẫn gas của các bếp ăn tập thể phải luồn vào ống cứng, bắt chặt vào tường, không được bắt chồng lên hoặc cắt ngang dây dẫn điện.

- Tăng cường kiểm tra, phát hiện và khắc phục những sơ hở, thiếu sót: Phải thường xuyên kiểm tra chất lượng các bộ phận của bếp gas, nếu phát hiện bộ phận nào không đảm bảo an toàn thì phải yêu cầu cửa hàng cung cấp thiết bị khắc phục ngay;

- Trang bị phương tiện, dụng cụ chữa cháy: Trang bị bình bột chữa cháy, bình khí chữa cháy, chăn sợi và thùng nước chữa cháy;

- Phát hiện và xử lý bình gas khi bị rò rỉ:

+ Phải thường xuyên kiểm tra để phát hiện rò rỉ. Khi phát hiện mùi gas phải nhanh chóng xác định vị trí bị rò rỉ. Dùng nước xà phòng bôi lên những nơi nghi bị rò rĩ để xác định có bị rò rỉ hay không. Tuyệt đối không được dùng ngọn lửa để tìm chỗ rò rỉ;

+ Đánh dấu bình và vị trí bị rỏ rỉ;

+ Phải loại trừ ngay các nguồn lửa, nguồn nhiệt gần khu vực chứa bình gas;

+ Phải mở cửa sổ, cửa ra vào để hơi gas thoát ra ngoài; tuyệt đối không được bật hoặc tắt công tắc điện, công tắc quạt, điều hòa, rút hoặc cắm phích điện vì sẽ tạo tia lửa điện ở trong công tắc, ổ cắm gây nổ khí gas.

+ Bịt chặt chỗ rò rỉ lại và kịp thời di chuyển bình bị rò rỉ ra ngoài, đặt xa nguồn lửa và nơi đông người;

+ Phải thông báo cấm các nguồn lửa, nguồn nhiệt gây cháy;

+ Không được tháo bỏ hoặc sửa van chai đã bị hư hỏng, mà chuyển cho cơ sở nạp để xử lý;

+ Khoanh vùng xếp đặt các bình bị rò rỉ, treo biển cấm người qua lại thông báo ngay sự cố cho cơ sở cung cấp gas.

An toàn khi sử dụng bếp gas phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn khi sử dụng gas theo QCVN 8:2019/BKHCN – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

3.6.11. Phòng ngừa, ứng phó với sự cố giao thông

- Công ty sử dụng xe bus chuyên chở cán bộ nhân viên làm việc tại nhà máy nên khi tuyển lái xe cần xem xét lựa chọn người lái có bằng cấp nghiệp vụ, có đạo đức và cam kết không sử dụng chất kích thích khi lái xe.

- Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa xe chuyển chở để đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển cán bộ công nhân viên.

- Xe chở nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào nhà máy quy định tốc độ <5km

- Cử cán bộ phụ trách phân luồng giao thông khu vực cổng ra vào cơ sở.

3.6.12. Phòng ngừa, ứng phó với sự cố về bệnh tật của công nhân

- Bệnh nghề nghiệp có thể phòng tránh một cách hiệu quả nếu người lao động tuân thủ đúng các nguyên tắc an toàn vệ sinh lao động.

- Các cơ sở làm việc cần trang bị kiến thức, hiểu biết cho người lao động cũng như người sử dụng lao động về các bệnh hô hấp nghề nghiệp và biện pháp dự phòng dưới hình thức thông qua các lớp tập huấn, hội thảo về an toàn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Quản lý nhà máy sẽ tiến hành giám sát, kiểm tra định kì và có biện pháp cải thiện môi trường lao động thường xuyên, tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật bảo hộ lao động như: hệ thống thông gió, hút bụi, dập bụi, hút hơi,... và tăng cường trang bị bảo hộ lao động cá nhân, khẩu trang có hiệu quả.

- Nhà máy tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ công nhân viên trong công ty định kỳ 1 lần/năm.

- Thực hiện chế độ chung bồi dưỡng hiện vật và chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi thích hợp sẽ giúp cho người lao động nhanh phục hồi sức khoẻ, tăng cường sức đề kháng, giúp đào thải các chất độc hại đã xâm nhập vào cơ thể trong quá trình lao động sản xuất.

3.6.13. Phòng ngừa, ứng phó rủi ro dịch bệnh

+ Thường xuyên sử dụng thuốc khử trùng và các biện pháp khử trùng được thực hiện bởi cơ quan có chức năng.

+ Đảm bảo vệ sinh môi trường bên trong cơ sở sản xuất và các khu vực xung quanh.

+ Đeo khẩu trang, sát khuẩn tay thường xuyên

+ Tuân thủ đúng các biện pháp của nhà nước khuyến cáo: đeo khẩu trang, khử khuẩn, không tập trung đông người, giữ khoảng cách và khai báo y tế.

+ Bố trí thuê nhà trọ cho công nhân ngoại tỉnh

3.7. Các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định ĐTM đã được phê duyệt

3.7.1. Các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường

Tóm tắt các hạng mục công trình xử lý chất thải, các công trình bảo vệ môi trường và sự thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt:

Bảng 3. 4. Tổng hợp các hạng mục công trình BVMT và sự thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM

STT	Công trình BVMT	Quy mô/Công suất theo ĐTM	Quy mô/công suất thực tế	Quy trình công nghệ	Ghi chú
I	**Đối với nước thải**				
1	Hệ thống thu gom nức thải	Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 02 bể phốt 2 ngăn có tổng thể tích 60,29 m^3, nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách mỡ thể tích 1 m^3, nước thải sau khi xử lý sơ bộ theo đường ống cống D200 chảy ra hố ga đấu nối và thoát vào hệ thống cống dẫn nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ Số điểm đấu nối nước thải vào KCN Tràng Duệ là 01 điểm	Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 03 bể phốt 2 ngăn có tổng thể tích 64,05 m^3, nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách mỡ thể tích 1 m^3, nước thải sau khi xử lý sơ bộ theo đường ống cống D300 chảy ra hố ga đấu nối và thoát vào hệ thống cống dẫn nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ Số điểm đấu nối nước thải vào KCN Tràng Duệ là 01 điểm	Nước thải sinh hoạt→ xử lý sơ bộ → hệ thống thu gom nước thải của nhà máy → điểm đấu nối nước thải → hệ thống thu gom nước thải chung của KCN	Bảng vẽ hoàn công mặt bằng thoát nước thải đính kèm phụ lục báo cáo

2	Các bể phốt	+ 01 bể phốt nhà vệ sinh công nhân + 01 bể phốt nhà văn phòng Tổng thể tích 2 bể 60,29 m^3	+ 01 bể phốt nhà vệ sinh công nhân + 01 bể phốt nhà văn phòng + 01 bể phốt nhà vệ sinh xây mới Tổng thể tích 64,05 m^3	Nước thải từ nhà vệ sinh → bể phốt → hệ thống thu gom thoát nước thải nhà máy	Số lượng bể phốt tăng thêm 01 bể, tăng thể tích bể phốt từ 60,29 m^3 thành 64,05 m^3
II	**Đối với khí thải**				
1	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	HTXL khí thải lò hơi 8 tấn/h công suất 30.000 m^3/h	Đã lắp đặt HTXL khí thải lò hơi 8 tấn/h, công suất 30.000m^3/h (chưa đi vào hoạt động) tuy nhiên để đảm bảo công suất sản xuất và công suất xử lý khí thải chủ dự án sẽ thay thế bằng HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/h (KT2) công suất 60.000m^3/h sau khi được cấp giấy phép môi trường.	Bụi, khí thải lò hơi phát sinh → Bẫy bụi sau nung khí → Bẫy bụi Cyclone → Quạt hút → Tháp dập bụi ướt → Ống phóng không	Thay đổi Nâng công suất lò hơi 8 tấn/h thành lò hơi 15 tấn/h, tăng công suất quạt hút từ 30.000 m^3/h thành 60.000 m^3/h

Các hạng mục thay đổi của cơ sở không thuộc trường hợp phải đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm a, khoản 4, điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường và quy định chi tiết tại khoản 2 điều 27, nghị định 08/2022/NĐ-CP. Do đó, cơ sở xin được trình bày những thay đổi nêu trên trong báo cáo này và xin tự chịu trách nhiệm trong suốt quá trình hoạt động của mình, đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy định cho phép

**** Đánh giá tác động môi trường từ việc thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM đối với các hạng mục công trình bảo vệ môi trường***

a. Khí thải

Các hạng mục công trình thay đổi so với quyết định ĐTM đã được phê duyệt:

STT	Hạng mục	Theo ĐTM đã phê duyệt	Thực tế đã thực hiện	Dự kiến lắp đặt thay thế
	HTXL bụi của lò hơi 8 tấn/h			
1	Lò hơi	Lò hơi 8 tấn/h	Lò hơi 8 tấn/h	Lò hơi 15 tấn/h
2	Công suất quạt hút	Lưu lượng 30.000 m^3/h	Lưu lượng 30.000 m^3/h	Lưu lượng 60.000 m^3/h
3	ống thoát khí	D400 cao 5m	D400 cao 5m	D650 cao 18m

Cụ thể như sau:

	Theo báo cáo ĐTM đã phê duyệt		**Thực tế đã thực hiện**		**Dự kiến lắp đặt thay thế**	
	Thông số	**Số lượng**	**Thông số**	**Số lượng**	**Thông số**	**Số lượng**
Lò hơi	8 tấn/h	1	8 tấn/h	1	15 tấn/h	1
Công suất quạt hút	Lưu lượng 30.000 m^3/h	1	Lưu lượng 30.000 m^3/h	1	Lưu lượng 60.000 m^3/h	1
Hệ thống lọc bụi	Cyclone đơn		Cyclone đơn		Cyclone chùm	
	Kích thước: D900mm	4	Kích thước: D900mm	4	Kích thước: 3.200mmx2.900mmx4.700mm	1
Tháp dập bụi	Kích thước: D1.400/1.800	2	Kích thước: D1.400/1.800	2	Kích thước: D1.800mm cao 4,9m, lắp 2 tầng	2
Bơm nước tuần hoàn	Lưu lượng: 280L/phút	2	Lưu lượng: 280L/phút	2	Công suất 5,5 kW	2
Ống khói	D400, cao 5m	1	D400, cao 5m	1	D650, cao 18m	1

Hiện tại, cơ sở đã lắp đặt 01 lò hơi 8 tấn/h và chưa đi vào hoạt động (theo ĐTM là lò hơi dự phòng), tuy nhiên qua đánh giá chủ cơ sở nhận thấy công suất lò hơi 8 tấn/h không đủ công suất đáp ứng nhu cầu sản xuất thực tế hiện tại cũng như trong thời gian sắp tới tại Nhà máy. Vì vậy, chủ cơ sở nghiên cứu thay thế lò hơi 8 tấn/h bằng lò 15 tấn/h. Theo đó công suất quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò hơi cũng thay đổi tăng từ 30.000 m^3/h thành 60.000 m^3/h.

Chứng minh HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/h thay thế HTXL khí thải lò hơi 8 tấn/h hoàn toàn đáp ứng nhu cầu xử lý khí thải tại nhà máy, cụ thể như sau:

Nhiên liệu sử dụng cho lò hơi tại cơ sở là củi khô, mùn cưa. Quá trình sử dụng nhiên liệu đốt lò hơi sẽ tạo ra các sản phẩm cháy thoát ra theo khói lò. Tải lượng và nồng độ các chất có trong khói lò được tính toán dựa trên thành phần, lượng tiêu hao và công nghệ đốt nhiên liệu.

Tính toán nồng độ bụi, khí thải do đốt nhiên liệu lò hơi, ta có thể tính toán theo thực tế Nhà máy sử dụng 100% nguyên liệu là củi và mùn cưa (do thành phần của củi và mùn cưa tương tự nhau):

Cụ thể nồng độ bụi, khí thải như sau:

Lượng tiêu nhiên liệu tiêu thụ là 17.050 tấn/năm = 2.277 kg/giờ.

Bảng 3.23. Thành phần của củi và mùn cưa

Thành phần	**Cp(%)**	**Hp(%)**	**Op(%)**	**Np(%)**	**Sp(%)**	**Ap(%)**	**Wp(%)**
Củi và mùn cưa	42,1	3	30,8	0,5	0,05	0,5	23,05
Nhiệt độ khói	150-250^oC						
Nhiệt lượng do nhiên liệu toả ra	Qp = 81*Cp + 246*Hp - 26*(Op-Sp) - 6*Wp = 3.210,3 (kcal/kgNL)						

Cp: Cacbon *Np: Nitơ* *Sp: Lưu huỳnh* *Wp: Độ ẩm*

Hp: Hidro *Op: Oxi* *Ap: Độ tro*

Tham khảo giáo trình Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải của GS.TS Trần Ngọc Chấn, Tập 2, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật Hà Nội, 2002. Lưu lượng khí thải từ lò hơi được tính toán như sau:

TT	Đại lượng tính toán	Đơn vị	Ký hiệu	Công thức tính	Giá trị
1	Lượng không khí khô lý thuyết cần cho quá trình cháy	m^3/kg NL	Vo	Vo = 0.089*Cp + 0.264*Hp - 0.0333(Op-Sp)	3,515
2	Lượng không khí ẩm lý thuyết cần cho quá trình cháy (có d= 17g/kg)	m^3/kg NL	Va	Va = (1+0.0016*d)*Vo	3,611
3	Lượng không khí ẩm thực tế với hệ số thừa không khí α=1,2	m^3/kg NL	Vt	Vt = α*Va	4,333
4	Lưu lượng khí CO (ή= 0,01)	m^3/kg NL	V(CO)	V(CO) = 1.865*10^(-2)*n*Cp	0,008
5	Lưu lượng khí CO_2	m^3/kg NL	V(CO_2)	V(CO_2) =1.853*10^(-2)*(1-n)Cp	0,772
6	Lưu lượng khí NO_2	m^3/kg NL	V (NO_2)	V(NO_2) = M(NOx) / (B * pNOx)	0,001
7	Lưu lượng khí SO_2	m^3/kg NL	V(SO_2)	V(SO_2) = 0.683*10(-2)*Sp	0,0003
8	Lưu lượng hơi nước	m^3/kg NL	V(H_2O)	V(H_2O) = 0.111*Hp+0.0124*Wp+0.0016*d*Vt	0,737
9	Lượng khí N_2 trong SPC	m^3/kg NL	V(N_2)	V(N_2) = 0.8*10^(-2)*Np+0.79*Vt -0.5 V(NOx)	3,426
10	Lượng khí O_2 trong không khí thừa	m^3/kg NL	V(O_2)	V(O_2) = 0.21*(a -1)*Va - V(NOx)	0,302
11	Lưu lượng khí thải	m^3/kg NL	Vspc	Vspc= V(CO) + V(CO_2) + V(SO_2) + V(NO_2) + VH_2O + V(N_2) + V(O_2)	5,247
12	Lượng khói (SPC) ở điều kiện chuẩn	m^3/s	Lc	Lc= (V_{spc}* B)/3600	3,317
13	Lượng khói (SPC) ở điều kiện thực tế T (khói) ^{0}C	m^3/s	Lt	Lt= Lc*(273+$T_{khói}$)/273	5,431

Nồng độ các chất ô nhiễm được tính theo công thức: $C = (M/ L_t)*1.000$ (mg/m^3).

Kết quả tính toán tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khói thải của nhà máy được thể hiện trong bảng sau:

STT	Chất thải	Tải lượng (g/s)	Nồng độ (mg/Nm^3)	QCVN 19:2009/BTNMT Cmax = C x Kp x Kv (mg/Nm^3)
Lượng khói ở điều kiện tiêu chuẩn, Lc = 11.941,5 Nm^3/h.				
Lưu lượng khói thải ở điều kiện thực tế, Lt = 19.552,6 Nm^3/h.				
1	Bụi	1,264	**232,8**	**200**
2	SO_2	0,615	113,2	**500**
3	CO	6,205	**1.142,4**	**1000**
4	NO_x	1,380	254,0	**850**

Ghi chú:

- Nguồn thải có lưu lượng nằm trong khoảng <20.000 m^3/h, K_p = 1

- Cơ sở nằm trong khu công nghiệp nên K_v = 1

- Giới hạn nồng độ C được áp dụng cột B

Qua bảng trên cho thấy nồng độ khí thoát ra từ quá trình cháy nhiên liệu khi chưa có hệ thống xử lý có nồng độ bụi và CO vượt giới hạn cho phép so với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ lần lượt là 1,16 lần và 1,14 lần.

Lưu lượng khói thải: lưu lượng khói thải là 19.552,6 m^3/h Chủ cơ sở đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với công suất quạt hút là 60.000 m^3/h là hoàn toàn hợp lý

Nồng độ khí thải: nồng độ khí thoát ra từ quá trình cháy nhiên liệu khi chưa có hệ thống xử lý có nồng độ bụi và CO vượt giới hạn cho phép so với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ lần lượt là 1,16 lần và 1,14 lần,

Chủ cơ sở đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với bằng cyclon và tháp hấp thụ bằng nước vôi trong, quy trình xử lý đã được trình bày tại mục 3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải là hoàn toàn phù hợp.

Chủ cơ sở cam kết thực hiện chương trình quan trắc mẫu khí thải tại ống khói theo đúng tần suất cam kết trong hồ sơ môi trường để đánh giá được hiệu quả xử lý của hệ thống.

b. Hạng mục công trình xử lý nước thải

Theo ĐTM Nhà máy bố trí 02 bổ phốt tổng thể tích 60,29 m^3. Tuy nhiên theo thực tế nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và nhu cầu sử dụng lao động, số lượng người lao động dự kiến thay đổi tăng lên 350 người, vì vậy nhà máy đã bố trí tăng thêm số lượng 01 nhà vệ sinh với số lượng bể phốt tăng lên 03 bể tổng thể tích 64,05 m^3

Để đánh giá dung tích bể phốt có đảm bảo để xử lý nước thải từ hoạt động vệ sinh của nhà máy, báo cáo dựa trên tính toán như sau:

Thời gian lưu nước tại các công trình bể tự hoại của nhà máy để đảm bảo hiệu quả xử lý của công trình bể tự hoại là 3 ngày. Áp dụng công thức tính toán dung tích bể phốt tại tài liệu Xử lý nước thải của tác giả Hoàng Huệ để tính toán như sau:

$$W=W_1+W_2 = (a \times N \times T)/1000 + (bxNxt)/1.000$$[8]

(*Nguồn tài liệu tham khảo: Hoàng Huệ, Xử lý nước thải, Nhà xuất bản Đại học Xây dựng, Hà Nội, 1996)*.

Trong đó: W_1: thể tích phần lắng của bể (m^3)

W_2: thể tích phần chứa bùn của bể (m^3)

a: Định mức dùng nước/người/ca làm việc (4 lần đi vệ sinh x 6lít/lần giật nước = 24 lít)

b: Tiêu chuẩn cặn lặng, phụ thuộc vào chu kỳ hút cặn, lấy b= 0,1 (lít/ngày) với thời gian hút cặn 06 tháng/lần

N: Lượng người sử dụng (N=350 người). Số lượng người lao động nhà máy là 350 người;

T: Thời gian lưu tối thiểu (T= 3 ngày);

t: Thời gian tích lũy cặn (t=182 tương đương 6 tháng)

W_1 được tính toán là: 24x350x3/1000 = 25,2 m^3

W_1 được tính toán là: 0,1x350x182/1000 = 6,37 m^3

Thay số vào tính toán, ta có dung tích bể phốt cần dùng là:

$W = W_1 + W_2 = 25,2 + 6,37 = 31,57$ m^3

Vậy với dung tích bể tự hoại là 64,05m^3, nước thải qua bể tự hoại sẽ được lưu hơn 3 ngày đảm bảo hiệu quả xử lý đối với công trình bể tự hoại 02 ngăn. Công trình bể tự hoại của nhà máy hiện tại hoàn toàn đáp ứng nhu cầu xử lý.

Như vậy, các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

Chủ cơ sở xin cam kết và tự chịu trách nhiệm về những thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt nếu có vấn đề phát sinh về môi trường, thường xuyên quan trắc định kỳ đúng theo cam kết để theo dõi và kiểm soát chất thải trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.7.2. Các nội dung thay đổi khác so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

- **Các hạng mục công trình cơ sở:**

Bảng 3.5. Thống kê diện tích các hạng mục công trình so với ĐTM đã phê duyệt

TT	Hạng mục công trình	Diện tích theo ĐTM (m^2)	Diện tích xây dựng thực tế (m^2)	Ghi chú
A	**Các hạng mục công trình chính**			
1	Xưởng sản xuất số 1	4,422.60	4,528.35	Giữ nguyên hiện trạng
2.1*	Nhà xưởng số 2, kết hợp xưởng sản xuất xốp định hình và kho hạt 2 tầng cũ	3891.6	4.111,56	Đã phá bỏ, diện tích gộp vào xây nhà xưởng số 2 mới
2.2	Xưởng sản xuất số 2	0.00	8,777.70	Xây mới
3	Xưởng sản xuất số 7	7,203.60	7,280.00	Giữ nguyên hiện trạng
B	**Các hạng mục công trình phụ trợ**			
4	Nhà bảo vệ	22.40	32.68	Giữ nguyên hiện trạng
5	Nhà điều hành, văn phòng	327.40	312.32	Giữ nguyên hiện trạng
6	Nhà ăn, nghỉ của công nhân	279.10	327.16	Giữ nguyên hiện trạng
7	Xưởng gia công cơ khí	411.80	455.00	Giữ nguyên hiện trạng
8	Nhà lò hơi + nhà lò hơi mở rộng	2,846.80	3,044.89	Giữ nguyên hiện trạng
9	Nhà vệ sinh (02 nhà vệ sinh + tắm công nhân)	39.50	85.99	Giữ nguyên hiện trạng
10	Nhà đặt máy nén khí	31.50	33.74	Giữ nguyên hiện trạng

TT	Hạng mục công trình	Diện tích theo ĐTM (m^2)	Diện tích xây dựng thực tế (m^2)	Ghi chú
11	Khu vực bể chứa nước làm mát cho xưởng sản xuất số 2	459.20	69.03	Giữ nguyên hiện trạng
12	Trạm điện	12.30	11.70	Giữ nguyên hiện trạng
13	Sân thể thao	71.00	71	Giữ nguyên hiện trạng
14	Hồ nước	1,950.00	2,124.24	Giữ nguyên hiện trạng
15	Nhà để xe công nhân	343.20	253.76	Giữ nguyên hiện trạng
16**	Bãi đỗ xe	1,159.10	1,159.10	Giữ nguyên hiện trạng, tính cho diện tích sân đường
17	Nhà bơm cứu hỏa	8.80	8.75	Giữ nguyên hiện trạng
18***	Kho để nhựa lỏng PU và tôn	330.90	330.90	Chưa xây
19***	Nhà để khuôn thủ công	105.00	105.00	Chưa xây
20	Biển quảng cáo	2.60	36.96	Giữ nguyên hiện trạng
21	Mái nối nhà lò hơi và xưởng gia công cơ khí	212.20	192.00	Giữ nguyên hiện trạng
22	Bãi xe giao hàng có mái che	1,349.20	2,892.14	
23	Đường có mái che	476.20	475.20	
24***	Nhà trưng bày sản phẩm	78.00	66.00	Chưa xây

TT	Hạng mục công trình	Diện tích theo ĐTM (m^2)	Diện tích xây dựng thực tế (m^2)	Ghi chú
25	Kho keo 1 tầng	0	350.00	Xây mới
26	Nhà cầu nối xây 01 tầng	0	26.70	Xây mới, tính cho diện tích sân đường
27	Nhà văn phòng làm thêm	0	61.37	Xây mới
28	Nhà vệ sinh xây mới	0	23.20	Xây mới
29	Chòi hút thuốc	0	10.89	Xây mới
30*	Kho kết hợp bãi soạn hàng	3.819,00	3,966.47	Đã phá bỏ, diện tích gộp vào xây nhà xưởng số 2 mới
31*	Mái nhà che mưa (giữa kho kết hợp bãi soạn và xưởng sản xuất số 2)	650,40	699.7	Đã phá bỏ, diện tích gộp vào xây nhà xưởng số 2 mới
C	**Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường**			
C1	***Công trình lưu trữ chất thải***			
32	Kho chứa rác thải sinh hoạt	6.24	6.24	Giữ nguyên hiện trạng
33	Kho chứa chất thải nguy hại	14.80	14.80	
34	Kho chứa rác thải sản xuất số 1	32.30	32.30	
35	Kho chứa rác thải sản xuất số 2	20.80	20.80	

TT	Hạng mục công trình	Diện tích theo ĐTM (m^2)	Diện tích xây dựng thực tế (m^2)	Ghi chú
C2	***Công trình thu gom, xử lý nước thải***			
36	01 bể tự hoại 2 ngăn nhà vệ sinh công nhân thể tích 48,13 m^3	-	-	Giữ nguyên hiện trạng, xây ngầm
37	01 bể tự hoại 2 ngăn nhà văn phòng thể tích 7,96 m^3	-	-	Giữ nguyên hiện trạng, xây ngầm
38	01 bể tự hoại 2 ngăn nhà vệ sinh xây mới (cạnh hồ nước cứu hỏa) thể tích 7,96 m^3	-	-	Xây mới xây ngầm
39	01 bể tách mỡ 1 m^3	-	-	Giữ nguyên hiện trạng, xây ngầm
Tổng diện tích xây dựng công trình (A+B+C) *(không tính diện tích các hạng mục (*),(**), (***) cho phần diện tích thực tế)*		30,577.54	29,971.57	
D. Diện tích cây xanh		10,033.60	10,033.60	
E. Diện tích sân đường nội bộ		9,556.91	10,162.88	
Tổng (A+B+C+D+E)		**50.168**	**50,168**	

Ghi chú:

(*): Hạng mục công trình hiện tại đã phá bỏ *(số 2.1, 30, 31)* và gộp diện tích xây dựng nhà xưởng số 2 mới.

(**): Hạng mục tính cho diện tích sân đường vì không phải công trình xây dựng *(số 16)*.

(***): Hạng mục công trình chưa xây dựng

- **Đánh giá về các hạng mục thay đổi so với ĐTM được phê duyệt:**

Các hạng mục thay đổi của cơ sở không thuộc trường hợp phải đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm a, khoản 4, điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường và quy định chi tiết tại khoản 2 điều 27, nghị định 08/2022/NĐ-CP. Do đó, chủ cơ sở xin được trình bày những thay đổi nêu trên trong báo cáo này và xin tự chịu trách nhiệm trong suốt quá trình hoạt động của mình, đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy định cho phép.

- **Thay đổi về máy móc, thiết bị sản xuất:**

Bảng 3.6. Bảng danh mục máy móc, thiết bị thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng theo ĐTM	Số lượng thực tế	Năm sản xuất	Xuất xứ
I	**Máy móc phục vụ sản xuất xốp định hình**					
1	Máy định hình xốp EPS bán tự động	Bộ	03	40	2014 - 2018	Trung Quốc
2	Máy định hình xốp EPS tự động	Bộ	26	53	2015-2019	Trung Quốc
3	Máy định hình xốp EPP tự động	Bộ	0	02	2022	Trung Quốc
4	Máy kích hạt EPS tự động	Bộ	02	02	2017	Trung Quốc
5	Máy kích hạt EPS bán tự động	Bộ	05	05	-	Trung quốc
6	Trung tâm chân không	Bộ	01	03	2018	Trung Quốc
7	Máy định hình xốp EPS tự động kèm trung tâm chân không tổng	Bộ	03	03	2019	Trung Quốc
II	**Máy móc phục vụ sản xuất tấm Pannel**					
1	Máy phun PU	Bộ	01	01	2014	Italy
2	Máy ép khuôn panel	Bộ	01	01	2014	Trong nước
3	Dây chuyền máy ép panel EPS	Bộ	01	01	2017	Trong nước
4	Dây chuyền ép panel liên tục EPS	Bộ	01	01	2019	Trung quốc

5	Máy ép khuôn panel	Bộ	01	01	2017	Trong nước
6	Máy xả cuộn	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
7	Xả cuộn tự động	Bộ	0	01	2016	Trong nước
8	Máy nâng cuộn	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
9	Máy kẹp cuộn trên dưới	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
10	Máy cán định hình trên dưới	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
11	Máy cắt nguyên liệu	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
12	Máy phun PU	Bộ	01	Bỏ	2018	Trung Quốc
13	Máy cắt sản phẩm	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
14	Máy xếp chồng	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
15	Máy đóng gói	Bộ	01	01	2018	Trung Quốc
16	Bán cổng trục dầm đôi 5 tấn và bộ nâng hít tấm panel có hệ thống tích điện chống rơi	Chiếc	0	01	2017	Trung Quốc
17	Máy sản xuất tấm panel tự động	Bộ	03	03	2019	Trung Quốc
III	**Máy móc thiết bị của xưởng cơ khí**					
1	Máy nén khí trục vít	Cái	01	12	2014	Việt Nam
2	Máy nén khí	Cái	01		2017	Việt Nam
3	Máy nén khí	Cái	01		2017	Việt Nam
4	Máy nén khí V160-7	Cái	01		2017	Việt Nam
5	Máy nén khí	Cái	01		2019	Việt Nam
6	Máy tiện	Cái	01	02	2015	Việt Nam

7	Máy bào thép	Cái	01	01	2015	Việt Nam
8	Máy phay Enshu	Cái	01	02	2015	Việt Nam
9	Máy tiện CNC	Cái	01	10	2015	Việt Nam
10	Máy phay kim loại CNC	Cái	05		2017	Việt Nam
11	Máy cắt CNC 3D	Cái	01		2017	Trung Quốc
12	Máy cắt khắc CNC	Cái	01		2017	Việt Nam
13	Máy phay CNC trung tâm gia công đứng	Cái	01	01	2017	Trung Quốc
14	Máy hàn bán tự động	Cái	01	08	2017	Việt Nam
15	Máy cắt Plasma	Cái	01	01	2019	Việt Nam
IV	**Máy móc thiết bị khác**					
1	Thân nồi hơi 8 tấn và bình góp hơi	Cái	01	Bỏ	2014	Việt Nam
2	Thân nồi hơi 15 tấn và bình góp hơi	cái	01	02	2018	Việt Nam
3	Trạm biến áp	HT	01	03	2014	Việt Nam
4	Bán cẩu trục 7,5 tấn	Chiếc	01	01	2014	Việt Nam
5	Hệ thống đường chạy cầu trục 7.5T	Chiếc	01	01	2017	Việt Nam
6	Bán cẩu trục 5 tấn	Chiếc	0	02	2019	Việt Nam
7	Bán cẩu trục ≤3 tấn	Chiếc	0	04	2019	Việt Nam
8	Hệ thống đường chạy cầu trục 1T	Chiếc	05	05	2017	Việt Nam
9	Tháp giải nhiệt LPC	Chiếc	01	05	2014	Việt Nam
10	Tháp giải nhiệt	Chiếc	01		2015	Việt Nam
11	Tháp giải nhiệt	Chiếc	02		2018	Việt Nam

12	Bộ lọc bụi nồi hơi 8T/h	Chiếc	01	Bỏ	2014	Việt Nam
13	Bộ lọc bụi nồi hơi 15T/h	Chiếc	01	02	2018	Việt Nam
14	Quạt ly tâm	Chiếc	01	20	2015	Việt Nam
15	Bồn chứa khí nén ≤ 5.000 lít	Chiếc	0	03	2016	Việt Nam
16	Bồn chứa khí nén ≤ 1.000 lít	Chiếc	0	01	2018	Việt Nam
17	Bồn chứa khí nén 13.000 lít	Chiếc	0	02	2018	Việt Nam
18	Bồn chứa hơi bão hòa 13.000 lít	Chiếc	0	06	2018	Việt Nam
19	Bồn chứa tích áp nước 13.000 lít	Chiếc	0	02	2017	Việt Nam
20	Bình chứa khí nén liệu EPP	Chiếc	0	01	2017	Việt Nam
21	Máy khoan	Chiếc	01	02	2018	Việt Nam
22	Máy ép thủy lực 1100	Chiếc	01	03	2018	Việt Nam
23	Máy tạo khí nito	Chiếc	01	01	2018	Việt Nam
24	Máy đóng gói	Chiếc	01	01	2018	Việt Nam
25	Băng tải chuyển xốp	Chiếc	01	03	2018	Việt Nam
26	Hệ thống làm mềm nước (7,5m^3/h và 15 m^3/h)	HT	02	02	2018	Việt Nam

+ Việc bổ sung một số máy móc thiết bị sẽ không làm tăng công suất của nhà máy, không làm thay đổi đến nội dung trong giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp do tiền vốn mua máy móc thiết bị vẫn nằm trong số tiền mà công ty đăng ký đầu tư trong GCN đầu tư do đó Công ty không phải điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư theo khoản 2, điều 41 của Luật đầu tư 2020.

+ Việc bổ sung máy móc thiết bị này cũng không làm thay đổi công nghệ xử lý chất thải của cơ sở có khả năng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do trong ĐTM nhà máy cũ đã được đánh giá ở hạng mục này.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

A. Nội dung cấp phép xả nước thải

Nước thải phát sinh từ cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải từ hệ thống làm mềm nước, nước thải từ việc xả đáy lò hơi, nước thải từ hệ thống lọc nước làm mát (hoàn nguyên vật liệu lọc). Toàn bộ nước thải của nhà máy được đấu nối vào hệ thống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ. Cơ sở không xả nước thải ra môi trường. Do đó, nước thải của cơ sở không thuộc đối tượng xin cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 29/HĐTD-2708/2017 ngày 27/08/2017 với Công ty CP Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng để đấu nối nước thải của Nhà máy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ *(hợp đồng đính kèm phụ lục báo cáo).*

B.Các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với nước thải như sau:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh và khu nhà ăn.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ hệ thống làm mềm nước cấp nước cho lò hơi (nước hoàn nguyên vật liệu lọc).

+ Nguồn số 03: Nước thải từ việc xả đáy lò hơi

+ Nguồn số 04: Nước thải từ hệ thống lọc nước làm mát (hoàn nguyên vật liệu lọc).

- Thành phần:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, nhà ăn: TSS, các chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, chất vô cơ, Amoni, BOD5, Coliform,..

+ Nước thải từ hệ thống làm mềm nước (nước hoàn nguyên vật liệu lọc): ion Ca^{2+}, Mg^{2+}, Na^{+}

+ Nước thải từ việc xả đáy lò hơi: TSS

+ Nước thải hệ thống lọc nước làm mát (hoàn nguyên vật liệu lọc): TSS

Do đó đặc trưng nguồn thải gồm các thông số: pH, BOD5, TSS, Amoni,...

- Lưu lượng đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN: 82,9 m^3/ngày

+ Nước thải sinh hoạt: 24,5 m^3/ngày đêm

+ Nước thải từ hệ thống làm mềm nước cấp nước cho lò hơi (nước hoàn nguyên vật liệu lọc): 26 m^3/ngày

+ Nước thải từ quá trình xả đáy lò hơi: 30 m^3/ngày.

+ Nước thải từ hệ thống lọc nước làm mát (nước hoàn nguyên cột lọc): 2,4 m^3/ngày.

- Dòng nước thải :

Cơ sở có 01 dòng nước thải được đấu nối chung vào hệ thống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Nước thải sau xử lý của nhà máy phải đảm bảo đạt giới hạn cho phép của KCN Tràng Duệ

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	GHCP của KCN Tràng Duệ
1	pH	-	5-9
2	TDS	mg/l	-
3	BOD_5	mg/l	200
4	TSS	mg/l	250
5	Sunfua	mg/l	2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	30
7	COD	mg/l	450
8	Cl^-	mg/l	1200
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	-
10	Tổng N	mg/l	60
11	Tổng P	mg/l	8
12	Coliform	mg/l	-

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: tại hố ga cuối đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Tràng Duệ. Tọa độ điểm xả nước thải: X(m)= 2306803; Y(m)= 584542 *(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^0 45'$ múi chiếu 3^0).*

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

A. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ quá trình cháy nhiên liệu của lò hơi 15 tấn/h số 1;
- Nguồn số 02: Khí thải từ quá trình cháy nhiên liệu của lò hơi 15 tấn/h số 2;
- Nguồn số 03: Khí thải từ quá trình sản xuất tấm Panel 9m;
- Nguồn số 04: Khí thải từ quá trình sản xuất tấm Panel 12m;
- Nguồn số 05: Khí thải từ quá trình sản xuất tấm Panel 39m;

2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

+ Nguồn số 01: 60.000 m^3/h

+ Nguồn số 02: 60.000 m^3/h

+ Nguồn số 03 : 11.000 m^3/h

+ Nguồn số 04 : 12.000 m^3/h

+ Nguồn số 05 : 25.000 m^3/h

Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 168.000 m^3/h

3. Dòng khí thải :

Cơ sở có 5 dòng khí thải được xả ra môi trường xung quanh.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí thải xả ra môi trường xung quanh

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, kp=0,9; kv=1)
	Dòng khí thải số 01: Mẫu khí thải sau hệ thống xử lý bụi của lò hơi 15 tấn/h số 1 Tọa độ: X(m)= 2306774; Y(m)=584564		
1	Lưu lượng	m^3/h	-
2	Bụi	mg/Nm^3	180
3	CO	mg/Nm^3	900
4	SO2	mg/Nm^3	450
5	NO2	mg/Nm^3	765

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, kp=0,9; kv=1)
	Dòng khí thải số 02: Mẫu khí thải sau hệ thống xử lý bụi của lò hơi 15 tấn/h số 2 Tọa độ: X(m)=2306792, Y(m)=584551		
1	Lưu lượng	m^3/h	-
2	Bụi	mg/Nm^3	180
3	CO	mg/Nm^3	900
4	SO2	mg/Nm^3	450
5	NO2	mg/Nm^3	765

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, kp=1; kv=1)	QCVN 20:2009/BTNMT
	Dòng khí thải số 03: Mẫu khí thải sau hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 9m Tọa độ: X(m)=2306842, Y(m)=584727			
1	Lưu lượng	m^3/h	-	-
2	Bụi	mg/Nm^3	200	-
3	HC (n-hexan)	mg/Nm^3	-	450
4	Benzen	mg/Nm^3	-	5

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, kp=1; kv=1)	QCVN 20:2009/BTNMT
	Dòng khí thải số 04: Mẫu khí thải sau hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 12m Tọa độ: X(m)=2306876, Y(m)=584754			
1	Lưu lượng	m^3/h	-	-
2	Bụi	mg/Nm^3	200	-
3	HC (n-hexan)	mg/Nm^3	-	450
4	Benzen	mg/Nm^3	-	5

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, kp=1; kv=1)	QCVN 20:2009/BTNMT
	Dòng khí thải số 05: Mẫu khí thải sau hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 39m Tọa độ: X(m)=2306887, Y(m)=584762			
1	Lưu lượng	m^3/h	-	-
2	Bụi	mg/Nm^3	200	-
3	HC (n-hexan)	mg/Nm^3	-	450
4	Benzen	mg/Nm^3	-	5

Ghi chú:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống thu gom khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi 15 tấn/h số 01
- Nguồn số 02: Khí thải từ lò hơi 15 tấn/h số 02
- Nguồn số 03: Khí thải từ khu vực sản xuất tấm Panel 9m
- Nguồn số 04: Khí thải từ khu vực sản xuất tấm Panel 12m
- Nguồn số 05: Khí thải từ khu vực sản xuất tấm Panel 39m

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- **Hệ thống số 1**: Bụi, khí thải lò hơi số 1 → Bẫy bụi sau nung khí → Bẫy bụi Cyclone → Quạt hút → Tháp dập bụi ướt → Ống phóng không (KT1)

- **Hệ thống số 2**: Bụi, khí thải lò hơi số 2 → Bẫy bụi sau nung khí → Bẫy bụi Cyclone → Quạt hút → Tháp dập bụi ướt → Ống phóng không (KT2)

- **Hệ thống số 3**: Bàn ép tấm Panel 9m → Đường ống thu gom khí thải → Quạt hút → Ống phóng không (KT3)

- **Hệ thống số 4**: Bàn ép tấm Panel 12m → Đường ống thu gom khí thải → Quạt hút → Ống phóng không (KT4)

- **Hệ thống số 5**: Bàn ép tấm Panel 39m → Đường ống thu gom khí thải → Quạt hút → Ống phóng không (KT5)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống thu gom khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với nguồn thải trong môi trường lao động

Bụi từ quá trình cắt bông khoáng, bông thủy tinh được thu gom bằng phễu thu bụi đặt ngay phía dưới của bàn cắt. Sau đó bụi theo đường ống mềm kích thước D90 dẫn về thiết bị thu bụi để tách bụi khỏi dòng khí bằng quạt hút có công suất 0,5m^3/h được xả vào môi trường làm việc, không xả khí thải ra môi trường ngoài sẽ không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Để đảm bảo môi trường làm việc và sức khỏe cho công nhân tại nhà máy, chủ cơ sở cam kết định kỳ hàng năm quan trắc môi trường lao động theo đúng quy định của Luật an toàn, vệ sinh lao động.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm cụ thể như sau:

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí xả ra môi trường lao động

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 02:2019/BYT
	Dòng khí số 01: Mẫu không khí khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh		
1	Bụi silic	mg/m^3	0,3
2	Bụi PM 2.5	mg/m^3	4,0

Ghi chú:

QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

A. Nội dung cấp phép về tiêng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

STT	Nguồn phát sinh	Tên nguồn	Tọa độ
1	Nguồn số 1	Khu vực sản xuất sản phẩm xốp	X(m)= 2306925; Y(m)=584680
2	Nguồn số 2	Khu vực sản xuất tấm Panel	X(m) = 2306852; Y(m)=584751
3	Nguồn số 3	Khu vực đặt máy nén khí	X(m) = 2306885; Y(m)=584626
4	Nguồn số 4	Khu vực xưởng cơ khí chế tạo	X(m) = 2306804; Y(m)=584628

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$ múi chiếu 3^0)

- Giá trị giới hạn về tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn quy định theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Đối với tiếng ồn:

Bảng 4.4. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

+ Đối với độ rung:

Bảng 4.5. Giá trị tối đa cho phép về mức độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

A. Quản lý chất thải

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

+ Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp: khoảng **1.530.933** kg/năm thành phần chủ yếu gồm bao bì (nilong, vỏ bao chứa hạt nhựa EPS, EPP), pallet hỏng, thùng catton, dây buộc hàng; xốp vụn, tôn phế liệu; cát thải, tro xỉ từ hoạt động của lò hơi.

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: khoảng **46,96** tấn/năm thành phần gồm: túi nilon, thực phẩm thừa, vỏ trái cây,…

+ Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại: khoảng **135.600,1** kg/năm, bao gồm chủng loại như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng chất thải nguy hại dự kiến điều chỉnh (kg/năm
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	Rắn	18 02 01	120
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	6
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	70
4	Dầu thủy lực	Lỏng	17 01 06	5100
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	85850
6	Mực in thải từ hoạt động văn	Rắn	08 02 01	3

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng chất thải nguy hại dự kiến điều chỉnh (kg/năm
	phòng			
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 01	65
8	Giấy giáp, đá mài, đá cắt thải	Rắn	07 02 10	40
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị)	Rắn	07 04 02	42,5
10	Nhôm phế liệu dính dầu	Rắn	07 03 11	38.320
11	Tấm lọc cacbon thải	Rắn	18 02 01	11,2
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	Rắn	11 06 02	497
13	Que hàn thải	Rắn	07 04 01	15,4
14	Hỗn hợp cặn nhựa PU lẫn hóa chất MC (Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác)	Rắn	16 01 09	5.460
Tổng lượng chất thải nguy hại				**135.600,1**

2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa chất thải:

+ Chất thải nguy hại được thu gom, đưa về kho chứa CTNH và lưu giữ riêng biệt trong các thùng phuy chuyên dụng có nắp đậy loại 240 lít/thùng theo từng mã chất thải nguy hại

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích kho: 01 kho lưu chứa, diện tích 14,8 m^2.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho được thiết kế theo đúng quy định và đảm bảo các tiêu chuẩn: Có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lỏng (rãnh và hố thu nước thải nhiễm dầu) phòng cho sự cố khi thùng chứa/bao bì chứa bị rò rỉ, thủng, nứt vỡ. Kho lưu giữ CTNH được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ. Tại khu vực kho chứa CTNH bố

trí vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng. Kho lưu giữ CTNH phải có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Phương án quản lý: chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng 2-4 tháng/lần (tăng tần suất theo số lượng thực tế chất thải phát sinh).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp

- Thiết bị lưu chứa chất thải: Các chất thải rắn sản xuất sẽ được phân loại tại nguồn và đựng vào các túi lưới thù du đặt trong xe gom rác tại các vị trí phát sinh tại mỗi xưởng sản xuất

- Kho lưu chứa chất thải:

+ Diện tích: 02 kho lưu chứa, kho chứa chất thải rắn sản xuất 1 có diện tích 32,3 m^2 và kho chứa chất thải rắn sản xuất 2 có diện tích 20,8 m^2, tổng diện tích kho chứa là 53,1 m^2

+ Thiết kế, cấu tạo: Khung thép tiền chế, mái lợp tôn mạ màu. Kho có bố trí bình bột chữa cháy cầm tay. Kho đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

+ Tần suất chuyển giao: 1-2 tuần/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa chất thải: thùng nhựa chứa rác thải sinh hoạt loại 20-60 lít/thùng có nắp đậy. Thiết bị lưu giữ chất thải đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

- Kho lưu chứa chất thải:

+ Diện tích: 01 kho chứa, diện tích: 6,24 m^2

+ Thiết kế, cấu tạo: Bê tông cốt thép, tường và mái lợp tôn

+ Tần suất chuyển giao: Hàng ngày

B. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố

- Đối với sự cố cháy nổ: Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống PCCC theo đúng quy định. Trường hợp sự cố cháy nổ vượt quá khả năng ứng phó tại chỗ: sẽ điện thoại cấp báo về tình hình và diễn biến của sự cố đến Phòng Cảnh sát PCCC và đồng thời xin sự trợ giúp nhằm chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ kịp thời. Khi đó, các cán bộ, công

nhân viên của cơ sở sẽ tích cực phối hợp và tuân thủ theo mệnh lệnh của Ban chỉ huy PCCC và cứu nạn cứu hộ của Phòng Cảnh sát PCCC &CNCH.

- Đối với sự cố tai nạn lao động: Ban hành các quy định và quy trình về an toàn lao động cho các công đoạn vận hành máy móc thiết bị... và yêu cầu mọi người phải thực hiện nghiêm các quy định này. Trong trường hợp sự cố xảy ra, gọi cấp cứu để đưa người bị nạn đi cấp cứu tại các cơ sở y tế kịp thời.

- Đối với sự cố thiên tai: Chủ cơ sở tiến hành lập kế hoạch chi tiết phòng chống bão, lốc và các sự cố thiên tai trong giai đoạn hoạt động của cơ sở. Trang bị kiến thức về ứng cứu sự cố bão lụt, sét và các sự cố thiên tai khác cho các cán bộ, công nhân. Không tổ chức tiếp nhận hàng trong thời gian có bão. Trong trường hợp xảy ra sự cố thiên tai (bão gây tốc mái, sập nhà, mưa tràn vào khu vực chứa nguyên vật liệu, hóa chất), cơ sở sẽ chuyển hóa chất sang vị trí an toàn, trong trường hợp hóa chất phát tán ngoài phạm vi cơ sở sẽ sử dụng cát, phao quây hiện có để ngăn chặn hóa chất thất thoát ra ngoài môi trường. Trường hợp có mưa lớn sẽ sử dụng các máy bơm dự phòng để đảm bảo thoát nước cho khu vực.

- Đối với sự cố nước thải:

+ Định kỳ nạo vét, vệ sinh công nghiệp đối với hệ thống thoát nước thải

+ Định kỳ kiểm tra đường ống để phát hiện kịp thời các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống

+ Định kỳ thuê hút bể phốt, bể tách mỡ nâng cao hiệu quả xử lý bể phốt, bể tách mỡ

- Đối với sự cố HTXL khí thải: Trong trường hợp hệ thống thu gom khí thải gặp sự cố, Chủ cơ sở sẽ cho tạm dừng các hoạt động làm phát sinh khí thải để sửa chữa, khắc phục. Các chuyền sản xuất chỉ hoạt động lại khi hệ thống thu gom khí thải đã được sửa chữa xong.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối với sự cố chất thải:

+ Bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại có rãnh thu gom chất thải lỏng/khay thu chất thải lỏng theo đúng quy định.

+ Bố trí các thiết bị phòng ngừa sự cố tại kho chất thải gồm vật liệu hấp phụ, các thiết bị PCCC tại kho.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi

trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc định môi trường định kỳ đối với nước thải

- Tần suất quan trắc: 4 lần/năm.

- Vị trí điểm quan trắc: điểm xả trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Tràng Duệ.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tràng Duệ.

Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2023

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	TC KCN Tràng Duệ
	Đợt 1: 26/03/2023			
1	pH	mg/l	7,3	***5 - 9***
2	TDS	mg/l	315	**-**
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	27	***250***
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5)	mg/l	7,7	***200***
5	Nhu cầu oxi hóa học COD	mg/l	18	***450***
6	Amoni (NH4+_N)(a)	mg/l	0,13	***30***
7	Tổng Nitơ(a)	mg/l	< 3	***60***
8	Tổng Phospho(a)	mg/l	0,21	***8***
9	Clorua (Cl-)(a)	mg/l	28,2	***1.200***
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	< 0,3	**-**
11	Coliform	MPN/100ml	2.800	**-**
	Đợt 2: 28/06/2023			
1	pH	mg/l	7,1	***5 - 9***
2	TDS	mg/l	110	**-**
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	8	***250***
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5)	mg/l	32,9	***200***
5	Nhu cầu oxi hóa học COD	mg/l	64	***450***
6	Amoni (NH4+_N)(a)	mg/l	4,42	***30***
7	Tổng Nitơ(a)	mg/l	10,31	***60***
8	Tổng Phospho(a)	mg/l	0,2	***8***
9	Clorua (Cl-)(a)	mg/l	36,6	***1.200***

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	TC KCN Tràng Duệ
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	< 0,3	**-**
11	Coliform	MPN/100ml	3.500	**-**
	Đợt 3: 26/09/2023			
1	pH	mg/l	7,2	***5 - 9***
2	TDS	mg/l	318	**-**
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (a)	mg/l	24	***250***
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5) (a)	mg/l	7,4	***200***
5	Nhu cầu oxi hóa học COD	mg/l	16	***450***
6	Amoni (NH_4^+_N)(a)	mg/l	0,12	***30***
7	Tổng Nitơ(a)	mg/l	< 3	***60***
8	Tổng Phospho(a)	mg/l	0,15	***8***
9	Clorua (Cl^-)(a)	mg/l	28,4	***1.200***
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	< 0,3	**-**
11	Coliform	MPN/100ml	2.100	**-**
	Đợt 4: 19/12/2023			
1	pH	mg/l	6,9	**5 - 9**
2	TDS	mg/l	144	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (a)	mg/l	22	**200**
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)(a)	mg/l	8,2	**100**
5	Nhu cầu oxi hóa học COD	mg/l	14,4	**400**
6	Amoni (NH_4^+_N)(a)	mg/l	0,07	**12**
7	Tổng Nitơ(a)	mg/l	< 3	**60**
8	Tổng Phospho(a)	mg/l	0,01	**8**
9	Clorua (Cl^-)(a)	mg/l	54,2	**1.200**
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	0,4	-
11	Coliform	MPN/100ml	1.100	**7.500**

Bảng 5. 2.Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải đợt 1, đợt 2, đợt 3 năm 2024

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	TC KCN Tràng Duệ
	Đợt 1: 02/04/2024			
1	pH	mg/l	6,9	***5 - 9***
2	TDS	mg/l	230	**-**
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	52	***250***
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5)	mg/l	45	***200***
5	Nhu cầu oxi hóa học COD	mg/l	86	***450***
6	Amoni (NH4+_N)(a)	mg/l	7	***30***
7	Tổng Nitơ(a)	mg/l	20	***60***
8	Tổng Phospho(a)	mg/l	4,32	***8***
9	Clorua (Cl-)(a)	mg/l	224	***1.200***
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	3,6	**-**
11	Coliform	MPN/100ml	3.300	**-**
	Đợt 2: 22/06/2024			
1	pH	mg/l	7,0	***5 - 9***
2	TDS	mg/l	334	**-**
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	49	***250***
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5)	mg/l	30	***200***
5	Nhu cầu oxi hóa học COD	mg/l	63	***450***
6	Amoni (NH4+_N)(a)	mg/l	5	***30***
7	Tổng Nitơ(a)	mg/l	13	***60***
8	Tổng Phospho(a)	mg/l	1,86	***8***
9	Clorua (Cl-)(a)	mg/l	31	***1.200***
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	2,7	**-**
11	Coliform	MPN/100ml	2.000	**-**
	Đợt 3: 16/09/2024			
1	pH	mg/l	7,3	***5 - 9***
2	TDS	mg/l	368	**-**
3	TSS	mg/l	53	***250***
4	BOD5	mg/l	19	***200***

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	TC KCN Tràng Duệ
5	COD	mg/l	66	***450***
6	Amoni	mg/l	7	***30***
7	Tổng N	mg/l	15	***60***
8	Tổng P	mg/l	2,25	***8***
9	Clorua	mg/l	75	***1.200***
10	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	3,2	**-**
11	Coliform	MPN/100ml	3.300	**-**

Nhận xét:

Quá trình lấy mẫu tại thời điểm hoạt động của Công ty diễn ra bình thường. Căn cứ vào kết quả quan trắc và phân tích môi trường nước thải tại hố ga cuối của các đợt quan trắc Công ty cho thấy: Nồng độ các chỉ tiêu phân tích trong nước thải của Công ty trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp đều nằm trong giới hạn cho phép của tiêu chuẩn khu công nghiệp Tràng Duệ.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

a. Khí thải:

- Tần suất quan trắc: 4 lần/năm.

- Vị trí các điểm quan trắc:

+ KT1: Khí thải tại ông thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel;

+ KT2: Khí thải tại ông thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel;

+ KT3: Khí thải tại ông thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel;

+ KT4: Khí thải tại ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h;

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 04 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN):

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

+ [(1)] QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ .

Bảng 5. 3. Thống kê vị trí điểm quan trắc khí thải

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc
1	Khí thải tại ông thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	KT1	26/03/2023 28/06/2023 26/09/2023 19/12/2023 02/04/2024 22/06/2024 16/09/2024
2	Khí thải tại ông thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	KT2	
3	Khí thải tại ông thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	KT3	
4	Khí thải tại ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h	KT4	

Bảng 5.4. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT (cột B)
			KT1	KT2	KT3	KT4	
I	**Đợt 1: 26/03/2023**						
1	Lưu lượng	^0C	8.785	8.792	8.690	8.776	**-**
2	Bụi tổng	m^3/h	58,5	55,9	53,9	67,8	***200***
3	Benzen	mg/Nm^3	<0,0005	<0,0005	<0,0005	-	***5(1)***
4	Hidrocacbon (n-hexan)	mg/Nm^3	<0,0003	<0,0003	<0,0003	-	***450(1)***
5	SO_2	mg/Nm^3	-	-	-	< 4,43	***500***
6	NO_x, (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	-	-	-	5,37	***850***
7	CO	mg/Nm^3	-	-	-	405,1	***1.000***
II	**Đợt 2: 28/06/2023**						
1	Lưu lượng	^0C	8.767	8.545	8.703	8.419	**-**
2	Bụi tổng	m^3/h	50	45	47	48	***200***
3	Benzen	mg/Nm^3	<0,0005	<0,0005	<0,0005	-	***5(1)***

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT
			KT1	KT2	KT3	KT4	
4	Hidrocacbon (n-hexan)	mg/Nm^3	<0,0003	<0,0003	<0,0003	-	***450***$^{(1)}$
5	SO_2	mg/Nm^3	-	-	-	< 2,62	***500***
6	NO_x, (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	-	-	-	233,74	***850***
7	CO	mg/Nm^3	-	-	-	154,28	***1.000***
III	**Đợt 3: 26/09/2023**						
1	Lưu lượng	^0C	8.874	8.897	8.882	8.888	**-**
2	Bụi tổng	m^3/h	59,1	56,2	54,2	69,2	***200***
3	Benzen	mg/Nm^3	<0,0005	<0,0005	<0,0005	-	***5***$^{(1)}$
4	Hidrocacbon (n-hexan)	mg/Nm^3	<0,0005	<0,0005	<0,0005	-	***450***$^{(1)}$
5	SO_2	mg/Nm^3	-	-	-	4,48	***500***
6	NO_x, (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	-	-	-	5,24	***850***
7	CO	mg/Nm^3	-	-	-	402,42	***1.000***
IV	**Đợt 4: 19/12/2023**						
1	Lưu lượng	^0C	8.871	8.894	8.885	8.892	**-**
2	Bụi tổng	m^3/h	59,9	53,6	52,7	55,1	***200***
3	Benzen	mg/Nm^3	<0,0005	<0,0005	<0,0005	-	***5***$^{(1)}$
4	Hidrocacbon (n-hexan)	mg/Nm^3	<0,0003	<0,0003	<0,0003	-	***450***$^{(1)}$
5	SO_2	mg/Nm^3	-	-	-	<2,62	***500***
6	NO_x, (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	-	-	-	<1,88	***850***
7	CO	mg/Nm^3	-	-	-	327,1	***1.000***

Bảng 5.5. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải đợt 1, đợt 2, đợt 3 năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT (cột B)
			KT1	KT2	KT3	KT4	
I	**Đợt 1: 02/04/2024**						
1	Lưu lượng	^0C	9.130	11.013	13.523	8.733	**-**
2	Bụi tổng	m^3/h	69	73	67	96	***200***
3	Benzen	mg/Nm^3	KPH	KPH	KPH	-	***5(1)***
4	Hidrocacbon (n-hexan)	mg/Nm^3	KPH	KPH	KPH	-	***450(1)***
5	SO_2	mg/Nm^3	-	-	-	309,16	***500***
6	NO_x, (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	-	-	-	329	***850***
7	CO	mg/Nm^3	-	-	-	285	***1.000***
II	**Đợt 2: 22/06/2024**						
1	Lưu lượng	^0C	10.369	10.977	11.002	9.076	**-**
2	Bụi tổng	m^3/h	65	76	69	66	***200***
3	Benzen	mg/Nm^3	KPH	KPH	KPH	-	***5(1)***
4	Hidrocacbon (n-hexan)	mg/Nm^3	KPH	KPH	KPH	-	***450(1)***
5	SO_2	mg/Nm^3	-	-	-	243,66	***500***
6	NO_x, (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	-	-	-	275,73	***850***
7	CO	mg/Nm^3	-	-	-	256,5	***1.000***
III	**Đợt 3: 16/09/2024**						
1	Lưu lượng	^0C	9.163	11.066	13.766	8.786	**-**
2	Bụi tổng	m^3/h	62	80	76	65	***200***
3	Benzen	mg/Nm^3	KPH	KPH	KPH	-	***5(1)***

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT
			KT1	KT2	KT3	KT4	
4	Hidrocacbon (n-hexan)	*mg/Nm^3*	KPH	KPH	KPH	-	***450***$^{(1)}$
5	SO_2	*mg/Nm^3*	-	-	-	213,97	***500***
6	NO_x, (tính theo NO_2)	*mg/Nm^3*	-	-	-	252,30	***850***
7	CO	*mg/Nm^3*	-	-	-	244,72	***1.000***

*** Nhận xét:**

Quá trình lấy mẫu tại thời điểm hoạt động của Công ty diễn ra bình thường. Theo bảng kết quả phân tích trên cho thấy: Nồng độ các chất ô nhiễm không khí đo tại ống khói của cơ sở cả hai đợt đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ .

b. Không khí làm việc:

- Tần suất quan trắc: 4 lần/năm.

- Vị trí các điểm quan trắc:

+ KLV1: Không khí khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN):

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

Bảng 5.6. Thống kê vị trí điểm quan trắc không khí làm việc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc
1	Không khí khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh	KLV1	26/03/2023 28/06/2023 26/09/2023 19/12/2023 02/04/2024 22/06/2024 16/09/2024

Bảng 5. 7. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc không khí làm việc năm 2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT
			KLV1	
I	**Ngày 26/03/2023**			
1	Bụi hô hấp	mg/m^3	0,045	4
2	Bụi Silic	mg/m^3	<0,005	-
	Ngày 28/06/2023			
1	Bụi hô hấp	mg/m^3	0,054	4
2	Bụi Silic	mg/m^3	0,0417	-
II	**Ngày 26/09/2023**			
1	Bụi hô hấp	mg/m^3	0,02	4
2	Bụi Silic	mg/m^3	0,005	-
III	**Ngày 19/12/2023**			
1	Bụi hô hấp	mg/m^3	0,085	4
2	Bụi Silic	mg/m^3	<0,005	-

Bảng 5.8. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc không khí làm việc đợt 1,2,3 năm 2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT
			KLV1	
I	**Ngày 02/04/2024**			
1	Bụi hô hấp	*mg/m³*	KPH	4
2	Bụi Silic	*mg/m³*	KPH	-
	Ngày 22/06/2024			
1	Bụi hô hấp	*mg/m³*	0,26	4
2	Bụi Silic	*mg/m³*	KPH	-
	Ngày 16/09/2024			
1	Bụi hô hấp	*mg/m³*	0,18	4
2	Bụi Silic	*mg/m³*	KPH	-

Nhận xét:

Quá trình lấy mẫu tại thời điểm hoạt động của Công ty diễn ra bình thường. Căn cứ vào bảng kết quả phân tích môi trường không khí khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh của Công ty cho thấy kết quả phân tích nồng độ các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT.

Từ các kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước thải, khí thải, không khí môi trường làm việc năm 2023, đợt 1,2,3 năm 2024 cho thấy chất lượng môi trường của Nhà máy rất tốt, chủ cơ sở tuân thủ nghiêm chỉnh các cam kết giám sát môi trường theo ĐTM đã được phê duyệt, có thể thấy rằng Công ty rất quan tâm chất lượng môi trường tại Nhà máy trước khi xả thải ra môi trường xung quanh.

Hàng năm Công ty tuân thủ việc lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường đầy đủ.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các tấm cách nhiệt thuộc trường hợp dự án đầu tư được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường. Công trình xử lý chất thải của dự án bao gồm 05 hệ thống xử lý khí thải tổng công suất 168.000 m^3/h và các công trình xử lý nước thải. Theo quy định tại khoản Điều 46 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, phải thực hiện vận hành các công trình xử lý chất thải, sau khi được cấp giấy môi trường phải thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án.

Như vậy 05 công trình xử lý khí thải và các công trình xử lý nước thải của cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Công ty dự kiến sẽ bắt đầu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải ngay sau khi được Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy phép môi trường. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến là 06 tháng.

Dự kiến kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải được thực hiện như sau:

Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

TT	Tên công trình xử lý chất thải	Thời gian VHTN dự kiến	Công suất dự kiến đạt được
1	03 bể tự hoại 2 ngăn tổng thể tích 64,05 m^3; 01 bể tách mỡ tổng thể tích 1 m^3	2025	>50%
2	Hệ thống xử lý bụi của lò hơi 15 tấn/h số 2	2025	> 50%
3	Hệ thống xử lý bụi của lò hơi 15 tấn/h số 1.	2025	> 50%
4	Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 9m	2025	> 50%
5	Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 12m	2025	> 50%
6	Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 39m	2025	> 50%

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a) Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu, đo đạc và phân tích mẫu nước thải

Căn cứ theo quy định tại Khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở được thực hiện như sau:

- ***Nước thải***

- Việc lấy mẫu nước thải để đo đạc, phân tích, đánh giá sự phù hợp của công trình xử lý nước thải bảo đảm phù hợp với TCVN 5999:1995 (ISO 5667-10:1992) về chất lượng nước - lấy mẫu và hướng dẫn lấy mẫu nước thải.

- Tần suất lấy mẫu:

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải sơ bộ (thời gian 3 ngày): Tiến hành lấy 03 mẫu đơn nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải sơ bộ trong 3 ngày liên tiếp; Tần suất: 1 ngày/lần.

- ***Khí thải:***

- Tần suất lấy mẫu:

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải (thời gian 3 ngày): Tiến hành lấy 03 mẫu đơn đầu ra của công trình xử lý khí thải trong 3 ngày liên tiếp; Tần suất: 1 ngày/lần.

- Thông số quan trắc:

+ Hệ thống xử lý bụi của lò hơi 15 tấn/h số 1: Lưu lượng, bụi, CO, SO2, NO2

+ Hệ thống xử lý bụi của lò hơi 15 tấn/h số 2: Lưu lượng, bụi, CO, SO2, NO2

+ Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 9m: Lưu lượng, bụi, HC (n-hexan), benzen

+ Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 12m: Lưu lượng, bụi, HC (n-hexan), benzen

+ Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 39m: Lưu lượng, bụi, HC (n-hexan), benzen

- Thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải, khí thải :

Giai đoạn vận hành ổn định của công trình: tháng 1-tháng 6/2025

Bảng 6. 2. Chương trình quan trắc vận hành thử nghiệm

STT	Hạng mục công trình	Vị trí lấy mẫu	Giai đoạn, tần suất lấy mẫu	Thông số	Tiêu chuẩn so sánh
I	**Nước thải**				
1	03 bể tự hoại tổng thể tích 64,05 m^3 01 bể tách dầu mỡ thể tích 1 m^3	Nước thải sau xử lý tại hố ga cuối đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN	Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý (thời gian 3 ngày): lấy 03 mẫu đơn nước thải đầu ra (Tần suất: 1 ngày/lần)	pH, TDS, BOD5, COD, TSS, Amoni, Sunfua, Tổng N, Tổng P, Cl^-, Dầu mỡ ĐTV, Coliform	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Tràng Duệ
II	**Khí thải**				
1	Hệ thống xử lý bụi của lò hơi 15 tấn/h số 1 công suất 60.000 m^3/h (KT1)	Khí thải sau xử lý tại ống thoát khí	Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý (thời gian 3 ngày): lấy 03 mẫu đơn nước thải đầu ra (Tần suất: 1 ngày/lần)	Lưu lượng, bụi, CO, SO2, NO2	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, kp=0,9; kv=1
2	Hệ thống xử lý bụi của lò hơi 15 tấn/h số 2 công suất 60.000 m^3/h (KT2)			Lưu lượng, bụi, CO, SO2, NO2	
3	Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 9m công suất 11.000 m^3/h (KT3)			Lưu lượng, bụi, HC (n-hexan), benzen	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, kp=1; kv=1) QCVN 20:2009/BTNMT
4	Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 12m công suất 12.000 m^3/h (KT4)			Lưu lượng, bụi, HC (n-hexan), benzen	
5	Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 39m công suất 25.000 m^3/h (KT5)			Lưu lượng, bụi, HC (n-hexan), benzen	

b) Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc phân tích môi trường để thực hiện kế hoạch lấy mẫu, phân tích trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

- Tên đơn vị: Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường (CEC)

- Địa chỉ liên hệ: Phòng 405, số 85 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng hạ, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Trung tâm tư vấn và truyền thông môi tường có chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của Nghị định 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017 như sau:

+ Giấy Chứng nhận VIMCERTS 208 kèm theo Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 20/9/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

+ Giấy Chứng nhận VILAS 1330 ngày 21/08/2020 Công nhận Phòng nghiên cứu chất lượng môi trường – Trung Tâm tư vấn và truyền thông môi trường đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 lĩnh vực hóa của Văn phòng Công nhận Chất lượng – Bộ Khoa học và Công nghệ cho Phòng Quan trắc và Thông tin môi trường.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Đối với nước thải:

Theo khoản 2 điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 chủ Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ

- Đối với bụi, khí thải công nghiệp:

Theo khoản 3, điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Thông số	Quy chuẩn	Tần suất
1	Hệ thống xử lý bụi của lò hơi 15 tấn/h số 1 (KT1)	Lưu lượng, bụi, CO, SO2, NO2	QCVN 19:2009/BTNMT (k_p=0,9; k_v=1)	3 tháng/lần
2	Hệ thống xử lý bụi của lò hơi 15 tấn/h số 2 (KT2)	Lưu lượng, bụi, CO, SO2, NO2	QCVN 19:2009/BTNMT (k_p=0,9; k_v=1)	
3	Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 9m (KT3)	Lưu lượng, bụi, HC (n-hexan), benzen	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, kp=1; kv=1) QCVN 20:2009/BTNMT	
4	Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 12m (KT4)	Lưu lượng, bụi, HC (n-hexan), benzen	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, kp=1; kv=1) QCVN 20:2009/BTNMT	
5	Hệ thống xử lý khí thải sản xuất tấm Panel 39m (KT5)	Lưu lượng, bụi, HC (n-hexan), benzen	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, kp=1; kv=1) QCVN 20:2009/BTNMT	

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Quan trắc nước thải: Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

Quan trắc khí thải: Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Chủ cơ sở đề xuất chương trình quan trắc định kỳ như sau:

- Đối với nước thải:

+ Vị trí: Nước thải sau xử lý tại hố gom cuối cùng trước khi thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN.

+ Thông số giám sát: pH, TDS, TSS, BOD_5, COD, Amoni, Sunfua, Tổng N, Tổng P, Cl^-, Dầu mỡ động thực vật, Coliform.

+ Quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào KCN Tràng Duệ.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Theo Quyết định 24/2021/QĐ-UBND ngày 01/9/2021: Quyết định quy định giá dịch vụ hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm gần nhất, Công ty TNHH Tân Huy Hoàng có 01 đoàn kiểm tra về việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường vào ngày 12/10/2023; 01 đoàn thanh tra của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 6/11/2024, cụ thể nội dung từng đợt kiểm tra, thanh tra như sau:

1. Đoàn kiểm tra thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì theo quyết định số 365/QĐ-STN&MT ngày 04/10/2023, tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường đối với cơ sở vào ngày 12/10/2023.

❖ **Ý kiến nhận xét của đoàn kiểm tra:**

Công ty có báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Công ty đã bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và đã ký hợp đồng thu gom xử lý chất thải, quan trắc môi trường định kỳ đầy đủ và hàng năm có gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường về cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

❖ **Đoàn Kiểm tra yêu cầu Công ty:**

- Hoàn thiện lại báo cáo theo đề cương hướng dẫn của Đoàn kiểm tra, báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua chi cục Bảo vệ môi trường, địa chỉ số 22 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng) trước ngày 19/10/2023 để tổng hợp.

- Khẩn trương lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

- Tăng cường vệ sinh môi trường công nghiệp, thường xuyên nạo vét hệ thống thu gom nước mưa tràn mặt đảm bảo vệ sinh công nghiệp; Lưu ý giảm thiểu tối đa tác động của khí thải phát sinh từ hoạt động khởi động không làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực; lưu giữ các khuôn bằng sắt vào khu vực nhà xưởng đảm bảo hạn chế tối đa nguy cơ ô nhiễm nước mưa tràn mặt.

- Tăng cường trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh đạt 20% tổng diện tích của cơ sở.

- Nghiêm túc chấp hành đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, các nội dung theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn, phân loại chất thải sinh hoạt theo đúng quy định; lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm phải gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ **Biện pháp khắc phục:**

- Đã hoàn thiện lại báo cáo kiểm tra theo đề cương hướng dẫn trước ngày trước ngày 19/10/2023 theo đề cương hướng dẫn của Đoàn kiểm tra, báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua chi cục Bảo vệ môi trường, địa chỉ số 22 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng).

- Cơ sở đang kết hợp với đơn vị tư vấn lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Ngày 25/10/2023, Công ty đã ký hợp đồng số 25.10/2023/HATECH với Công ty CP Công nghệ Môi trường Hải Phòng để hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường theo đúng quy định. Ngày 09/8/2024, Công ty đã nộp hồ sơ trực tuyến xin cấp Giấy phép môi trường trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng (có Phiếu tiếp nhận mã hồ sơ: 000.00.19.H24- 240809-0820 và đã nộp 10.000.000 tiền lệ phí thẩm định)

- Tăng cường vệ sinh môi trường công nghiệp, thường xuyên nạo vét hệ thống thu gom nước mưa tràn mặt đảm bảo vệ sinh công nghiệp; Lưu ý giảm thiểu tối đa tác động của khí thải phát sinh từ hoạt động khởi động không làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực; lưu giữ các khuôn bằng sắt vào khu vực nhà xưởng đảm bảo hạn chế tối đa nguy cơ ô nhiễm nước mưa tràn mặt.

+ Công ty thường xuyên nạo vét hệ thống thu gom nước mưa tràn mặt với tần suất 6 tháng/lần đảm bảo vệ sinh môi trường

+ Giảm thiểu tối đa tác động của khí thải phát sinh: Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý khí thải đảm bảo khí thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

+ Công ty lưu giữ nguyên liệu, chất thải đúng nơi quy định đảm bảo hạn chế tối đa nguy cơ ô nhiễm nước mưa tràn mặt

- Tăng cường trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh đạt 20% tổng diện tích của cơ sở

Diện tích đất cây xanh, cảnh quan của cơ sở là 10.033,6 m, đạt 20% diện tích khu đất, đảm bảo quy định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD)

- Nghiêm túc chấp hành đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, các nội dung theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; quản lý chất thải nguy

hại, chất thải rắn, phân loại chất thải sinh hoạt theo đúng quy định; lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm phải gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

+ Công ty quan trắc định kỳ đúng tần suất quy định trong ĐTM 3 tháng/lần

+ Quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn, phân loại chất thải sinh hoạt theo đúng quy định:

Đối với chất thải sinh hoạt: Biện pháp lưu giữ chất thải: Công ty bố trí 12 thùng nhựa loại 20 lít và 15 thùng nhựa loại 60 lít có nắp đậy màu xanh tại khu vực văn phòng, khu vực nhà xưởng, nhà ăn để thuận tiện cho quá trình thu gom và phân loại rác thải ngay tại nguồn. Công ty TNHH Tân Huy Hoàng đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Minh số 47/HĐKTĐM-THH ngày 28/9/2016.

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: Công ty đã bố trí kho cơ bản đảm bảo quy định để lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường;

- ✓ Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp số 121/2021/HĐXLCT/PH-THH ngày 20/12/2021 với Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng.
- ✓ Hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường số 01-2023/HĐ/TTP-THH ngày 18/11/2023 với Công ty TNHH Tân Thuận Phong.
- ✓ Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp số 2023/THH-ĐT/RCN ngày 10/10/2023 với Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng.

Đối với chất thải nguy hại: Công ty có bố trí khu vực lưu giữ CTNH; có mái che, mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thẩm thấu, chống tràn, có thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định, có biển báo khu vực lưu giữ CTNH, có bố trí các thùng chứa CTNH có nắp đậy, có cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp bị rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với các loại CTNH được lưu giữ theo quy định.

- ✓ Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 121/2021/HĐXLCT/PH-THH ngày 20/12/2021 với Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
- ✓ Hợp đồng số 2023/THH-ĐT/CTNH ngày 10/10/2023 với Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng

+ Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm phải gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định:

Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/1 theo đúng quy định

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Công ty cam kết luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

2. Đoàn thanh tra của Sở Tài nguyên và môi trường ngày 6/11/2024:

❖ **Ý kiến nhận xét của đoàn thanh tra:**

Căn cứ Văn bản số 4407/BQL-TNMT ngày 02/10/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng; tại văn bản đề nghị Sở Tài nguyên và mỗi trường xem xét, xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Tân Huy Hoàng (địa chỉ tại Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng).

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng được Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất các loại sản phẩm tử Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt" theo Quyết định số 3205/QĐ-BQL ngày 5/8/2020.

Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 thì không còn thủ tục vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường. Ngày 25/10/2023, Công ty đã ký hợp đồng số 25.10/2023/HATECH với Công ty CP Công nghệ Môi trường Hải Phòng để hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường theo đúng quy định. Ngày 09/8/2024, Công ty đã nộp hồ sơ trực tuyến xin cấp Giấy phép môi trường trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng (có Phiếu tiếp nhận mã hồ sơ: 000.00.19.H24- 240809-0820 và đã nộp 10.000.000 tiền lệ phí thẩm định).

Như vậy, Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định (trường hợp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh).

Trên cơ sở hồ sơ tài liệu và báo cáo giải trình kèm của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng và ý kiến của các thành viên tham dự, hội nghị thống nhất nội dung sau: Lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Tân Huy Hoàng về hành vi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định (trường hợp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh).

Ngày 11/11/2024, Sở Tài nguyên và môi trường ra quyết định xử phạt hành chính số 39/QĐ-XPHC đối với Công ty TNHH Tân Huy Hoàng: hình thức xử phạt: phạt tiền, mức phạt tiền 25 triệu đồng; hình thức phạt bổ sung: không

❖ **Biện pháp khắc phục:**

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng đã nộp phạt vi phạm hành chính bảo vệ môi trường ngày 12/11/2024 với tổng số tiền là 25.000.000 (Hai mươi năm triệu đồng) *(Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước đính kèm phụ lục báo cáo)*

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng cam kết:

1. Những thông tin, số liệu, tài liệu nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trong quá trình sản xuất, chúng tôi cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh tại cơ sở đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

2.1. Về thu gom và xử lý nước thải, thoát nước mưa

- Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở đạt tiêu chuẩn nước thải KCN Tràng Duệ trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ.

- Cam kết thực hiện các biện pháp quản lý, đảm bảo việc tiêu thoát nước mưa. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước.

2.2. Về thu gom, quản lý chất thải rắn thông thường và CTNH

- Cam kết thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm đến cùng đối với chất thải được chuyển giao ra khỏi phạm vi nhà máy.

2.3. Về thu gom, xử lý bụi, khí thải

Cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải đảm bảo điều kiện lao động cho công nhân. Định kỳ quan trắc môi trường lao động nhằm kiểm soát quá trình xả thải ra môi trường lao động, cam kết khắc phục nếu không đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân.

Công ty cam kết thực hiện thêm các phương án xử lý phù hợp và báo cáo Ban quản lý khu kinh tế khi quan trắc môi trường lao động, quan trắc khí thải vượt quy chuẩn cho phép.

2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Cam kết tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; đảm bảo các điều kiện về an toàn, vệ sinh, môi trường.

- Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải,....

- Công ty cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

1. Giấy đăng ký kinh doanh

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

4. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM

5. Hợp đồng xử lý nước thải

6. Hợp đồng hóa đơn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt năm 2023, 6 tháng năm 2024

7. Hợp đồng, biên bản bàn giao,hóa đơn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2023, 6 tháng năm 2024

8. Hợp đồng, biên bản bàn giao, chứng từ, hóa đơn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại năm 2023, 6 tháng năm 2024

9. Giấy phép xây dựng

10. Giấy chứng nhận thẩm duyệt P CCC, biên bản kiểm tra và nghiệm thu PCCC

11. Hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý khí thải

12. Hóa đơn sử dụng nước cấp

13. Phiếu kết quả quan trắc định kỳ năm 2023, đợt 1, đợt 2, đợt 3 tháng năm 2024

14. Sơ đồ vị trí lấy mẫu

15. Giấy chứng nhận ISO

16. Biên bản kiểm tra, thanh tra trong 2 năm gần nhất

PHỤ LỤC 2

1. Bản vẽ hoàn công mặt bằng tổng thể

2. Bản vẽ hoàn công mặt bằng thoát nước mưa

3. Bản vẽ hoàn công mặt bằng thoát nước thải

4. Bản vẽ hoàn công mặt bằng bố trí thiết bị nhà xưởng

5. Bản vẽ hoàn công kho chứa chất thải nguy hại

6. Bản vẽ hoàn công mặt bằng kho chứa CTR công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt

7. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải

8. Bản vẽ hoàn công bể phốt

9. Bản vẽ hoàn công bể tách mỡ

10. Bản vẽ hoàn công hố ga thoát nước thải, nước mưa

PHỤ LỤC 1

1. Giấy đăng ký kinh doanh

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

4. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM

5. Hợp đồng xử lý nước thải

6. Hợp đồng hóa đơn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt năm 2023, 6 tháng năm 2024

7. Hợp đồng, biên bản bàn giao,hóa đơn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2023, 6 tháng năm 2024

8. Hợp đồng, biên bản bàn giao, chứng từ, hóa đơn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại năm 2023, 6 tháng năm 2024

9. Giấy phép xây dựng

10. Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC, biên bản kiểm tra và nghiệm thu PCCC

11. Hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý khí thải

12. Hóa đơn sử dụng nước cấp

13. Phiếu kết quả quan trắc định kỳ năm 2023, đợt 1, đợt 2, đợt 3 tháng năm 2024

14. Sơ đồ vị trí lấy mẫu

15. Giấy chứng nhận ISO

16. Biên bản kiểm tra, thanh tra trong 2 năm gần nhất

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0200383712

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 03 năm 2000

Đăng ký thay đổi lần thứ: 16, ngày 29 tháng 12 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: *0225.8830267/8830268/8830269* Fax: *0225.8830266*

Email: *tanhuyhoangeps@gmail.com* Website: *tanhuyhoang.com*

3. Vốn điều lệ : 285.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm tám mươi lăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRỊNH NGỌC ĐẠI	Việt Nam	Số 15 khu Monaco 4 Vinhomes, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	74.100.000.000	26,000	031062000220	

2	TRỊNH NGỌC THẢO	Việt Nam	Số 15 Monaco 04 Vinhomes, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	71.250.000.000	25,000	N1991744	
3	TRỊNH HUY HOÀNG	Việt Nam	Số 15 khu Monaco 04 Khu đô thị Vinhomes Imperia, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	71.250.000.000	25,000	031091010888	
4	PHẠM THỊ PHƯƠNG	Việt Nam	Số 15 Monaco 04 Vinhomes, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	68.400.000.000	24,000	031165018229	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRỊNH HUY HOÀNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *19/11/1991* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *031091010888*

Ngày cấp: *07/04/2023* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 15 khu Monaco 04 Khu đô thị Vinhomes Imperia, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 15 khu Monaco 04 Khu đô thị Vinhomes Imperia, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phạm Đình Phúc

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5816655511

Chứng nhận lần đầu: Ngày 29 tháng 5 năm 2013
Chứng nhận thay đổi lần thứ 02: Ngày 21 tháng 4 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Khu công nghiệp Tràng Duệ - Giai đoạn I, huyện An Dương;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 5816655511 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 29/5/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 11/10/2019;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư do Công ty TNHH Tân Huy Hoàng nộp ngày 25/3/2022,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTICS, NHỰA XỐP VÀ CÁC LOẠI TẤM CÁCH NHIỆT; Giấy chứng nhận đầu tư số 5816655511 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 29/5/2013; chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 11/10/2019; được đăng ký điều chỉnh tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên số 0200383712 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng, đăng ký lần đầu ngày 13/3/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21/8/2017.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: ông Trịnh Huy Hoàng Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 19/11/1991 Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: 031573796 Ngày cấp: 17/02/2006

Nơi cấp: Công an thành phố Hải Phòng;

Địa chỉ thường trú: Tổ 89, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: số 11 lô BS1, Khu đô thị PG, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại 0225.8830267 Email: tanhuyhoangeps@gmail.com

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTICS, NHỰA XỐP VÀ CÁC LOẠI TẤM CÁCH NHIỆT

2. Mục tiêu dự án: Xây dựng nhà máy tiêu chuẩn sản xuất các loại sản phẩm từ plastics, nhựa xốp EPS, EPP làm bao bì chèn máy móc thiết bị điện tử cao cấp và các loại tấm cách nhiệt PU, PIR, EPS... nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc đang, đã đầu

tư vào thành phố Hải Phòng và các tỉnh thành lân cận như Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Quảng Ninh, Ninh Bình...

3. Quy mô dự án:

- Xốp bao bì chèn máy, thiết bị cao cấp : 1.000 tấn/năm;
- Xốp thùng đông lạnh : 500 tấn/năm;
- Xốp tấm cách nhiệt thông thường : 2.000 tấn/năm;
- Tấm panel dán tôn mạ màu (làm bằng xốp EPS và xốp PU chống cháy) : 450.000 m^2/năm;
- Các loại tấm Panel làm vách ngăn nhà : 450.000 m^2/năm;
- Tôn mát : 450.000 m^2/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN1 (nay là một phần Lô M), Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 50.168 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 440.000.000.000 (Bốn trăm bốn mươi tỷ) đồng. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 97.000.000.000 (Chín mươi bảy tỷ) đồng, chiếm tỷ lệ 21,6% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

Tên nhà đầu tư	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG	97.000.000.000	21,6	Tiền mặt	Đã được nhà đầu tư góp đủ vốn vào tháng 05/2013.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 44 (bốn mươi bốn) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 29/5/2013.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Giai đoạn 1: đã đi vào hoạt động chính thức từ tháng 03/2014
- Giai đoạn 2: đã đi vào hoạt động chính thức từ tháng 04/2018
- Giai đoạn 3: đã đi vào hoạt động chính thức từ tháng 12/2018
- Giai đoạn 4: dự kiến xây dựng hoàn thành vào tháng 12/2022, sản xuất thử nghiệm vào tháng 12/2022, sản xuất chính thức vào tháng 02/2023.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Các pháp luật khác có liên quan.

2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

+ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

+ Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

+ Các pháp luật khác có liên quan

Điều 3: Các quy định đối với Công ty TNHH Tân Huy Hoàng khi thực hiện dự án

1. Chấp hành quy định về lĩnh vực đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Dự án đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế nội dung dự án đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 5816655511 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 29/5/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 11/10/2019.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản cấp cho Công ty TNHH Tân Huy Hoàng Việt Nam, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- Lưu: VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Chu Đức Anh

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: tờ bản đồ số:

b) Địa chỉ: Lô CN1 (nay là một phần của lô M), Khu Công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng,

c) Diện tích: 50.168,0 m² *(Bằng chữ: Năm mươi nghìn, một trăm sáu mươi tám mét vuông),*

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,

đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp,

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 13/02/2057,

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Công trình xây dựng khác:

ĐÃ ĐƯỢC XÁC NHẬN
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 14 -05- 2020
Số: 17X Quyển số: 02
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG AN BÌNH

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn (m²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà bảo vệ (1)	22,4	22,4	Riêng	-/-	-/-
Nhà điều hành (2)	291,2	873,6	Riêng	-/-	-/-
Nhà ăn nghỉ công nhân (3)	146,6	908,0	Riêng	-/-	-/-
Nhà xưởng sản xuất số 1 (4)	4.422,0	4.422,0	Riêng	-/-	-/-
Nhà xưởng sản xuất số 2 kết hợp xưởng sản xuất xốp định hình và kho hạt 2 tầng (5)	3.727,5 192,0	3.727,5 384,0	Riêng	-/-	-/-
Nhà xưởng số 07 (6)	7.280,0	9.420,2	Riêng	-/-	-/-
Nhà xưởng gia công cơ khí (7)	448,0	448,0	Riêng	-/-	-/-
Nhà nồi hơi (8)	1.568,0	1.568,0	Riêng	-/-	-/-
Nhà kho kết hợp bãi soạn hàng có mái che (9)	3.819,0	3.819,0	Riêng	-/-	-/-
Nhà văn phòng làm thêm (10)	59,0	59,0	Riêng	-/-	-/-
Nhà nồi hơi mở rộng (11)	1.414,7	1.414,7	Riêng	-/-	-/-

3. Ghi chú:

Số hiệu thửa đất chưa được xác định theo bản đồ địa chính.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2020

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG AN BÌNH
CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Văn Doành

Trần Văn Phương

Số vào sổ cấp GCN: CT13102

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tỷ lệ: 1/3000

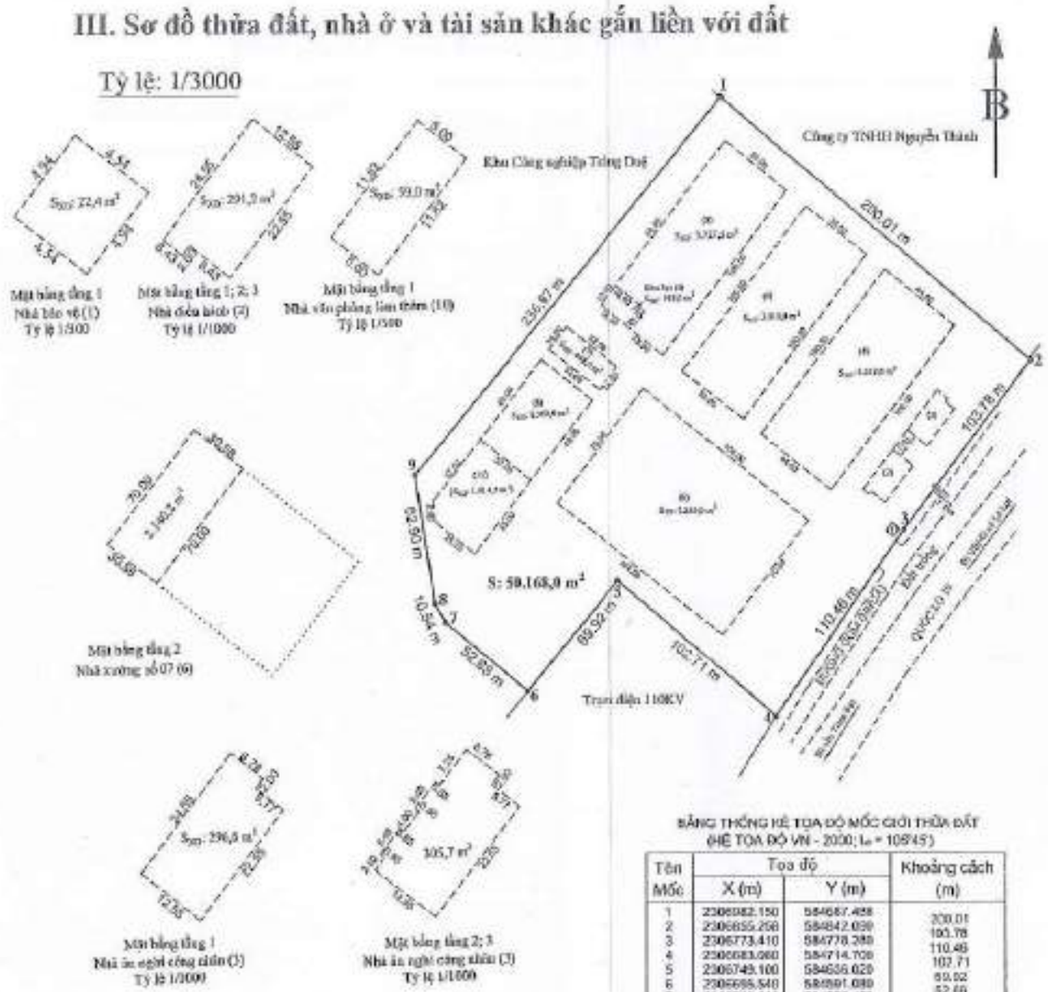

BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC GIỚI THỬA ĐẤT
(HỆ TỌA ĐỘ VN - 2000; l_0 = 105°45')

Tên Mốc	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	Khoảng cách (m)
1	2306982.150	584987.468	200.01
2	2306855.256	584842.039	193.78
3	2306773.410	584778.388	110.46
4	2306683.060	584714.709	102.71
5	2306749.100	584656.020	69.52
6	2306695.540	584591.080	52.69
7	2306729.060	584550.453	10.54
8	2306738.253	584545.265	62.90
9	2306680.398	584533.551	236.97
1	2306982.150	584987.468	

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

V. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

1161120000211

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0200383712 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 13/3/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21/8/2017.
Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1, Khu Công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

CT 504809

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Số hiệu thửa đất: **Số tờ bản đồ:**

Số phát hành GCN: CT 504809 **Số vào sổ cấp GCN: CT13102**

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 11/5/2020 Nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 20/9/2013 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 316962 ngày 07/02/2013: "Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất thuê hình thành trong tương lai tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiến An" có thay đổi do tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai nay đã hình thành và được chứng nhận quyền sở hữu tại Giấy chứng nhận này, theo hồ sơ số 000211.TC.003./.	PHÓ GIÁM ĐỐC Phạm Xuân Phòng

TRANG SỐ 01

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 206 /QĐ-BQL	*Hải Phòng, ngày 05 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt" tại một phần lô M, khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH Tân Huy Hoàng làm chủ đầu tư

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3471/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt" tại Thông báo kết quả thẩm định số 2761/BQL-TNMT ngày 08/7/2020;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ plastic, nhựa xốp và các loại

tấm cách nhiệt" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 0520/CV-THH ngày 27/07/2020 của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại một phần lô M, khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, chấp thuận vận hành thử nghiệm và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

3. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh văn phòng, Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Giám đốc Công ty TNHH Tân Huy Hoàng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP;
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND: huyện An Dương, xã Lê Lợi;
- Như Điều 4;
- Các Phòng: TNMT (02), QHXD, VP Đại diện;
- Cổng TTĐT;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

Phạm Văn Mợi

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA "DỰ ÁN MỞ RỘNG, NÂNG CÔNG SUẤT NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC, NHỰA XỐP VÀ CÁC LOẠI TẤM CÁCH NHIỆT"

(Kèm theo Quyết định số 3205 /QĐ-BQL ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Thông tin về dự án

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

- Địa điểm: Lô CN1 (nay là một phần lô M), khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Diện tích nhà xưởng: 50.168 m^2.

- Mục đích: sản xuất các loại sản phẩm từ plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt.

- Quy mô, công suất: 10.713 tấn/năm (Các sản phẩm xốp định hình: 3.500 tấn/năm; Tấm panel, tôn mát: 7.213 tấn/năm, tương đương 1.350.000 m^2/năm).

- Công nghệ sản xuất của dự án:

+ ***Quy trình sản xuất xốp:*** Nguyên liệu → Trộn → Kích nở → Lưu hạt nhựa → Tạo hình → Kiểm tra → Sấy → Đóng gói, lưu kho.

* Quy trình phụ chế tạo khuôn mẫu (phục vụ cho quá trình tạo hình sản phẩm tại Nhà máy):

Chế tạo phôi nhôm (Gia nhiệt, đúc, phay)
Gia công bàn gá nhôm (Cắt, phay)
→ Tinh chỉnh → Lắp ráp → Kiểm tra → Thành phẩm khuôn

+ ***Quy trình sản xuất panel, tôn nhựa mát:***

* Quy trình phụ sản xuất khuôn tôn: Tôn thép mạ màu → Cán sóng → Cắt → Gấp mép → Bán thành phẩm khuôn tôn.

* Quy trình sản xuất tấm Panel EPS:

Bán thành phẩm khuôn tôn
Xốp tấm → Cắt
→ Tạo hình → Ép thủy lực → Kiểm tra → Quấn màng bảo vệ → Thành phẩm lưu kho

* Quy trình sản xuất tấm Panel bông khoáng và bông thủy tinh:

Bán thành phẩm khuôn tôn
Bông khoáng, bông thủy tinh → Cắt → Tạo hình → Ép thủy lực → Kiểm tra → Quấn màng bảo vệ → Thành phẩm lưu kho

* Quy trình sản xuất tấm Panel PU:

Bán thành phẩm khuôn tôn
Nhựa PU các loại → pha trộn → Tạo hình → Ép thủy lực → Kiểm tra → Quấn màng bảo vệ → Thành phẩm lưu kho

- Các hạng mục, công trình chính của dự án:

TT	Hạng mục công trình	Diện tích hiện tại (m^2)	Diện tích sau khi cải tạo (m^2)	Chênh lệch: tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
1	Nhà bảo vệ	22,4	22,4	0	Giữ nguyên hiện trạng
2	Nhà điều hành, văn phòng	327,4	327,4	0	
3	Nhà ăn, nghỉ của công nhân	279,1	279,1	0	
4	Xưởng sản xuất số 1	4.422,6	4.422,6	0	
5	Xưởng sản xuất số 2	3.891,6	3.891,6	0	
6	Xưởng sản xuất số 3	7.203,6	7.203,6	0	
7	Xưởng gia công cơ khí	411,8	411,8	0	
8	Nhà nồi hơi	2.846,8	2.846,8	0	
9	Kho kết hợp bãi soạn hàng	3.819,0	3.819,0	0	
10	Nhà vệ sinh	39,5	39,5	0	
11	Nhà đặt máy nén khí	31,5	31,5	0	
12	Khu vực bể chứa nước làm mát cho xưởng sản xuất số 2	459,2	459,2	0	
13	Kho chứa rác thải sinh hoạt	6,24	6,24	0	
14	Kho chứa chất thải nguy hại	14,8	14,8	0	
15	Trạm điện	12,3	12,3	0	
16	Sân thể thao	71,0	71,0	0	
17	Hồ nước	1.950,0	1.950,0	0	
18	Nhà để xe công nhân	343,2	343,2	0	

19	Bãi đỗ xe	1.159,1	1.159,1	0	
20	Mái nhà che mưa (giữa kho kết hợp bãi soạn và xưởng sản xuất số 2)	650,4	650,4	0	
21	Kho chứa rác thải sản xuất số 1	32,3	32,3	0	
22	Kho chứa rác thải sản xuất số 2	20,8	20,8	0	
23	Nhà bơm cứu hỏa	8,8	8,8	0	
24	Kho để nhựa lỏng PU và tôn	0	330,9	+330,9	Xây mới
25	Nhà để khuôn thủ công	105	105	0	Giữ nguyên hiện trạng
26	Chân biển quảng cáo	2,55	2,55	0	
27	Mái nối nhà nồi hơi và xưởng gia công cơ khí	212,2	212,2	0	
28	Bãi xe giao hàng có mái che	1.349,2	1.349,2	0	
29	Đường có mái che	476,2	476,2	0	
30	Nhà trưng bày	0	78,0	+78,0	Xây mới
Diện tích cây xanh		10.033,6	10.033,6	0	Giữ nguyên hiện trạng
Diện tích sân đường nội bộ		9.965,81	9.556,91	-408,9	Lấy diện tích sân đường để xây dựng nhà để nhựa PU và tôn; nhà trưng bày sản phẩm
Tổng		**50.168**	**50.168**	-	

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt, nhà ăn:

Thành phần, tính chất: Chất rắn lơ lửng, chất rắn hòa tan, Amoni, Nitrat, dầu mỡ, Coliform…

- Nước mưa chảy tràn:

Thành phần, tính chất: Chất rắn lơ lửng, chất rắn hòa tan…

- Nước thải sản xuất:

+ Nước làm mát trong quá trình sản xuất xốp: tuần hoàn tái sử dụng;

+ Nước thải từ việc xả đáy lò hơi: Chất rắn lơ lửng;

+ Nước thải từ hệ thống làm mềm nước: Ion Ca^{2+}, Mg^{2+}, Na^{2+};

+ Nước thải từ hệ thống lọc nước làm mát; Chất rắn lơ lửng;

+ Nước sạch đường ống dẫn PU từ máy trộn vào khuôn: Hóa chất Methylen chloride lẫn nhựa:

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Hoạt động sản xuất:

+ Hoạt động lò hơi: Bụi, SO_2, CO, NO_x;

+ Quá trình sản xuất sản phẩm xốp: VOCs;

+ Quá trình sản xuất tấm Panel: Bụi xốp, bụi kim loại, VOCs, bụi Silic, bụi $PM_{2.5}$,

+ Quá trình sản xuất, gia công khuôn mẫu kim loại: Bụi, hơi dầu.

- Hoạt động giao thông của cán bộ nhân viên, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: Bụi, SO_2, NO_x, CO.

- Hoạt động nấu ăn: Mùi, nhiệt dư.

2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thành phần: Bao bì (nilong, vỏ bao chứa hạt nhựa EPS); pallet hỏng; thùng catton; dây buộc hàng; xốp vụn; tôn phế liệu; cát thải; tro xỉ từ hoạt động của lò hơi; vật liệu lọc của thiết bị làm mềm nước; cặn của hệ thống xử lý khí thải lò hơi (không bao gồm nhôm phế liệu (dính dầu); bụi thu gom từ tháp thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh).

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại gồm:

- Thành phần: Giẻ lau, găng tay dính dầu; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì cứng bằng kim loại; mực in thải có thành phần nguy hại; bao bì cứng bằng nhựa; giấy giáp; xỉ hàn thải; nhôm phế liệu (dính dầu); bụi thu gom từ tháp thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh; hỗn hợp cặn nhựa PU và nước Methylen chloride thải...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải sinh hoạt gồm:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và các hoạt động văn phòng của nhà máy. Thành phần bao gồm giấy vụn, vỏ đồ hộp, túi nilon, thức ăn, thực phẩm thừa, vỏ đựng hoa quả thừa, vỏ rau củ quả...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a. Hệ thống thoát nước mưa:

- Số lượng: 01 hệ thống

- Hệ thống gồm đường ống thoát nước D110, đường cống bê tông D300mm – D800mm kết hợp các ga lắng cặn, thu gom toàn bộ nước mưa tràn mặt và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa tràn mặt của Khu công nghiệp Tràng Duệ.

- Công nghệ: Xử lý bằng phương pháp cơ học.

- Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thoát mặt của Khu công nghiệp Tràng Duệ.

b. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt:

- Số lượng và quy mô: 02 bể tự hoại 2 ngăn, tổng thể tích 60,29 m^3, 01 bể tách dầu mỡ thể tích 01 m^3.

- Quy trình:

+ Nước thải từ nhà ăn: nước thải được dẫn qua thùng tách mỡ, sau đó về hố ga thử cấp của công ty, rồi chảy về hệ thống xử lý nước thải thải tập trung của Khu công nghiệp Tràng Duệ.

+ Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh: nước thải được thu vào hệ thống bể phốt 2 ngăn để xử lý sơ bộ trước khi nhập dòng cùng nước thải từ nhà bếp qua cống PVC D200 để về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tràng Duệ.

- Nguồn tiếp nhận: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tràng Duệ.

c. Hệ thống thu gom và xử lý nước làm mát:

- Số lượng hệ thống giải nhiệt: 04 tháp giải nhiệt.

- Công suất: 03 tháp lưu lượng nước 5.200 l/s, 01 tháp lưu lượng nước 1.950 l/s

- Nước sau khi làm mát từ quá trình sản xuất xốp có nhiệt độ cao (khoảng 52-570C) được dẫn vào túi lọc cặn bằng hệ thống đường ống cống chạy trong nhà xưởng. Tại miệng cống có bọc túi bằng lưới để loại bỏ cặn có kích thước lớn như các hạt xốp bị lẫn trong nước. Cặn sau khi lọc được xử lý cùng chất thải thông thường của Nhà máy. Một phần sẽ được bơm dẫn vào nồi hơi để sử dụng. Phần nước còn lại sẽ được dẫn sang tháp giải nhiệt để làm mát nước, nước làm mát tuần hoàn tái sử dụng.

d. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải từ hệ thống làm mềm nước, nước thải từ việc xả đáy lò hơi, nước thải từ quá trình hoàn nguyên hệ thống lọc nước:

Nước thải sau khi thay thế định kỳ được nhập dòng vào cống thải cuối của Nhà máy và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tràng Duệ để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nguồn tiếp nhận: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tràng Duệ.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải.

3.2.1. Giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất:

a. Xử lý bụi, khí thải lò hơi 15 tấn/h:

- Số lượng: 01 hệ thống xử lý khí thải, 01 ống thoát khí D800 cao 7m.

- Công suất: 60.000 m^3/h .

- Công nghệ: Hấp thụ bằng nước vôi trong, thu bụi bằng Cyclone.

- Quy trình: khí thải sẽ được dẫn sang hệ thống lọc bụi kiểu Cyclone chùm. Dòng khí sau đó được dẫn sang hệ thống tháp dập bụi. Khí thải sau khi được tách bụi bằng hệ lọc bụi khô sẽ đi qua quạt hút để sang hệ thống thu bụi ướt và xử lý khí. Nước sử dụng để phun áp lực là nước vôi trong. Khí thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp được thoát ra môi trường thông qua ống thoát khí D800 cao 7m.

b. Xử lý bụi, khí thải lò hơi 8 tấn/h:

- Số lượng: 01 hệ thống xử lý khí thải, 01 ống thoát khí D400 cao 5m.

- Công suất: 30.000 m^3/h .

- Công nghệ: Hấp thụ bằng nước vôi trong, thu bụi bằng Cyclone.

- Quy trình: Khí thải được xử lý bụi tại các Cyclone sau đó vào tháp lọc bụi ướt. Tại đây, dung dịch nước vôi trong từ trên xuống, dòng khí dẫn từ dưới lên. Khí thải mang bụi tiếp xúc vôi trong sẽ được xử lý. Các hạt bụi, cặn bị dòng khí cuốn theo sẽ bị giữ lại các lớp chắn bụi và được thải ra khỏi thiết bị ở dạng cặn bùn. Dòng không khí sạch sẽ được thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí D400 cao 5m.

c. Xử lý bụi, khí thải phát sinh từ xưởng sản xuất tấm Panel:

- Số lượng: 03 hệ thống xử lý khí thải đặt tại các bàn ép tấm Panel

- Công suất:

+ Hệ thống tại bàn ép tấm Panel 9m: 11.000 m^3/h.

+ Hệ thống tại bàn ép tấm Panel 12m: 12.000 m^3/h.

+ Hệ thống tại bàn ép tấm Panel 39m: 25.000 m^3/h.

- Công nghệ: Hấp phụ cơ học bằng than hoạt tính.

- Quy trình: Hệ thống xử lý khí thải tại bàn ép tấm Panel 9m bao gồm 6 miệng hút khí có kích thước 200 x 200mm bằng tôn mạ kẽm dẫn khí tới đường thu gom phụ có kích thước 250 x 250mm rồi dẫn vào đường ống chính kích thước 500 x 300mm. Hệ thống xử lý khí thải tại bàn ép tấm Panel 12m bao gồm 7 miệng hút khí có kích thước 200 x 200mm bằng tôn mạ kẽm dẫn khí tới đường thu gom phụ có kích thước 250 x 250mm rồi dẫn vào đường ống chính kích thước 650 x 300mm. Hệ thống xử lý khí thải tại bàn ép tấm Panel 39m bao gồm 24 miệng hút khí có kích thước 200 x 200mm bằng tôn mạ kẽm dẫn khí tới đường thu gom phụ có kích thước 450 x300mm rồi dẫn vào đường ống chính

kích thước 900 x 450mm. Khí thải được xử lý bằng màng lọc cacbon, không khí sạch thoát ra môi trường qua 03 ống thoát khí cao 10m.

d. Xử lý bụi từ quá trình sản xuất tấm Panel bông khoáng, bông thủy tinh:

- Số lượng: 02 thiết bị xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải.

- Công suất: 0,5m^3/h.

- Công nghệ: Cơ học.

- Quy trình: Bụi từ quá trình cắt bông khoáng, bông thủy tinh được thu gom bằng phễu thu bụi đặt ngay phía dưới của bàn cắt. Sau đó bụi theo đường ống mềm kích thước D90 dẫn về thiết bị thu bụi để tách bụi khỏi dòng khí bằng quạt hút có công suất 0,5m3/h. Túi vải để chứa bụi được làm bằng vải carton, mắt lưới của túi có kích thước vô cùng nhỏ đảm bảo các hạt bụi không thể thoát ra ngoài môi trường.

e. Xử lý khí thải trong hoạt động nấu ăn:

- Số lượng: 01 quạt hút mùi.

- Công suất quạt: 1,5 Kw.

g. Thông gió nhà xưởng:

Nhà máy trang bị hệ thống quạt cây, quạt treo tường, quạt hướng trục để tăng cường khả năng thông gió trong nhà xưởng.

3.2.2. Giảm thiểu tác động của bụi và khí thải do hoạt động giao thông, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm:

- Trên đường giao thông nội bộ, quy định giảm tốc độ của các phương tiện vận tải, thường xuyên quét sân, đường, tưới nước xung quanh tạo độ ẩm để giảm lượng bụi vào không khí.

- Các xe chuyên chở cần phải bảo dưỡng định kỳ. Bố trí các xe chuyên chở vào các thời điểm thích hợp, tránh những giờ cao điểm gây ùn tắc giao thông.

- Trồng cây xanh bao quanh khuôn viên Công ty vừa có tác dụng tạo bóng mát vừa giảm thiểu bụi, khí thải.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Số lượng: 02 kho.

- Quy mô: 1 kho diện tích 32,3 m^2, 01 kho diện tích 20,8 m^2, tổng diện tích kho chứa: 53,1 m^2.

- Quy cách: Các chất thải rắn sản xuất sẽ được phân loại tại nguồn và đựng vào các thùng chứa rác thải tại các vị trí phát sinh tại mỗi khu vực sản xuất. Cuối ngày, các chất thải này sẽ được thu gom về khu vực lưu trữ chất thải, sau đó thuê đơn vị có chức năng xử lý. Đối với chất thải rắn là sản phẩm lỗi phát sinh trong quá trình sản xuất sẽ được thu gom và bán lại cho đơn vị tái chế có nhu

cầu.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

- Số lượng: 01 kho.

- Quy mô: 14,8 m^2.

- Quy cách: Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy đựng nước lẫn dầu, thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy. Đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định. Chủ dự án có trách nhiệm thuê đơn vị có chức năng xử lý CTNH theo đúng quy định.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt

- Số lượng: 01 kho.

- Quy mô: 6,24 m^2.

- Quy cách: Nhà máy bố trí các thùng rác nhựa đặt tại khu vực văn phòng, khu nhà vệ sinh để thu gom rác thải từ hoạt động văn phòng. Rác thải được đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt vào cuối ngày.

3.6. Giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư

- Lập nội quy cụ thể đối với các phương tiện giao thông ra vào Nhà máy.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo đúng quy định nhà cung cấp.

- Công nhân lao động sẽ được trang bị bảo hộ lao động như giày, thiết bị deo tai giảm ồn. Chỉ hoạt động các máy móc, thiết bị đúng công suất thiết kế.

- Thường xuyên cho công nhân đi kiểm tra máy móc, thiết bị để kịp thời phát hiện hỏng hóc và tiến hành sửa chữa.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Trang bị đủ bảo hộ lao động, thiết bị và công cụ lao động phù hợp cho công nhân; Thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao tay nghề cho công nhân vận hành thiết bị; Đặt biển báo tại các khu vực nguy hiểm các xưởng sản xuất.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý PCCC để được hướng dẫn, tập huấn về phòng cháy chữa cháy. Đào tạo, hướng dẫn và tập huấn cho toàn thể cán bộ cán bộ nhân viên của Dự án về khả năng xử lý nhanh các tình huống tai nạn và xử dụng thuần thục trang thiết bị cứu hỏa, cứu hộ. Thẩm định về PCCC theo quy định.

- Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu quy phạm phòng chống cháy nổ. Quy định các khu vực cấm lửa và các khu vực dễ gây cháy.

- Lập kế hoạch chi tiết phòng chống bão, lốc và các sự cố thiên tai trong giai đoạn hoạt động của Nhà máy, ứng phó sự cố công trình bảo vệ môi trường.

- Thực hiện khai báo hóa chất, xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định. Tổ chức tập huấn kỹ thuật an toàn hóa chất cho các đối tượng làm việc tiếp xúc với hóa chất.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

TT	Hạng mục công trình		Các thông số cơ bản	Số lượng
1	Hệ thống thoát nước	Thoát nước mưa mái	- Đường ống thoát nước D110	01
		Thoát nước mưa sân, đường	- Rãnh thoát nước mặt D300 – D800 bao quanh các công trình	01
		Thoát nước thải	- Đường ống thoát nước D200	01
2	Kho chứa rác sinh hoạt		Diện tích 6,24 m^2	01
3	Kho chứa CTNH		Diện tích là 14,8 m^2	01
4	Kho chứa rác thải sản xuất số 1		Diện tích 32,3 m^2	01
5	Kho chứa rác thải sản xuất số 2		Diện tích 20,8 m^2	01
6	Bể tự hoại 02 ngăn		Tổng thể tích là 60,29 m^3	02
7	HTXL bụi lò hơi 8 tấn/h (lò dự phòng)		Công suất 30.000m^3/h	01
8	HTXL bụi lò hơi 15 tấn/h		Công suất 60.000 m^3/h	01
9	HTXL khí (xưởng sản xuất tấm Panel)		Công suất 11.000 m^3/h, 12.000 m^3/h và 25.000 m^3/h.	03
10	Thiết bị thu bụi bông khoáng, bông thủy tinh		Công suất 0,5m^3/h	02

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị và giai đoạn vận hành dự án theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định khác của pháp luật.

5.2. Chương trình giám sát môi trường (vận hành chính thức):

Stt	Vị trí giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Tần suất quan trắc	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng

I	**Không khí làm việc (01 vị trí)**			
1.1	Khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh	Bụi silic, bụi pM 2.5	3 tháng/lần	QCVN 02:2019/BYT
II	**Khí thải (04 vị trí)**			
2.1	Ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Lưu lượng, bụi, HC, Benzen	3 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT
2.2	Ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Lưu lượng, bụi, HC, Benzen		
2.3	Ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Lưu lượng, bụi, HC, Benzen		
2.4	Ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h	Lưu lượng, bụi, CO, SO_2, NO_x		
2.5	Ống thoát khí lò hơi 8 tấn/h	Lưu lượng, bụi, CO, SO_2, NO_x		
III	**Môi trường nước (01 vị trí)**			
3.1	Mẫu nước tại cống thải cuối của Nhà máy	pH, BOD_5, COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, dầu mỡ động thực vật, coliform, Cl, TDS.	3 tháng/lần	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của KCN Trảng Dụ
IV	**Giám sát thu gom chất thải rắn**			
4.1	Khu vực lưu trữ chất thải rắn của Nhà máy	Số lượng, thành phần chất thải rắn	Hàng ngày	Nghị định 38/2015/NĐ-CP
V	**Giám sát thu gom CTNH**			
5.1	Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại của Nhà máy	Số lượng, thành phần chất thải nguy hại	Hàng ngày	Nghị định 38/2015/NĐ-CP Thông tư 36/2015/TT-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

---***---

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 29 /HĐTD –27/8/2017

- *Căn cứ vào Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015,*
- *Căn cứ vào Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017,*
- *Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam,*
- *Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải,*
- *Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/04/2015 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải,*
- *Căn cứ QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp,*
- *Căn cứ nhu cầu của hai bên.*

Hôm nay, ngày 27 tháng 8 năm 2017 , chúng tôi gồm có:

BÊN A(Chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

- Đại diện : Ông **TRỊNH HUY HOÀNG** Chức vụ: Giám Đốc
- Địa chỉ : Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, HP
- Mã số thuế : 0200383712
- Số điện thoại : 0225.8830.268
- Tài khoản : 114000009773 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Lê Chân - HP
  : 116000106838 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Kiến An - HP

BÊN B (Đơn vị xử lý): CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG

- Đại diện : Ông **BÙI THẾ LONG** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, H.An Dương, Tp. Hải Phòng, VN
- Điện thoại : 0225. 2248698 Fax: 0225 358 9263
- Mã số thuế : 0200681370
- Tài khoản (VNĐ): 100001888888 tại Ngân hàng tmcp Quốc Dân, CN Hải Phòng.

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau:

NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 1: ĐIỂM ĐẤU NỐI

- Bên A đồng ý thuê bến B xử lý nước thải với các vị trí điểm xả thải sau:
- Vị trí điểm xả thải: Vị trí điểm xả thải căn cứ trên hồ sơ bản vẽ xin đấu nối của bên A đã được bên B phê duyệt.

ĐIỀU 2 : KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI

- Khối lượng nước thải được xác định căn cứ vào chỉ số đồng hồ đo nước thải của Bên A.
- Hàng tháng, Bên B sẽ chốt chỉ số đồng hồ đo nước thải vào ngày 27 (có thể sớm muộn 1 ngày do thời tiết). Bên A có trách nhiệm bố trí nhân sự ký nhận vào biên bản chốt số đồng hồ đo nước thải.

ĐIỀU 3 : CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

- Nước thải xả vào hệ thống thu gom của nhà máy xử lý nước thải tập trung tuân thủ theo quy định của đơn vị quản lý và vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung.
- Tiêu chuẩn chất lượng nước thải của bên A thải ra để bên B xử lý có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm không vượt quá giá trị quy định trong phụ lục đính kèm theo hợp đồng. Nếu nồng độ các chất ô nhiễm vượt tiêu chuẩn theo phụ lục hợp đồng, Bên A phải có biện pháp xử lý nước thải sơ bộ đạt tiêu chuẩn mới được xả vào hệ thống thoát nước thải chung của bên B.
- Tiêu chuẩn chất lượng nước thải sau khi được bên B xử lý phải đạt tiêu chuẩn loại A theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra nguồn tiếp nhận bên ngoài khu công nghiệp.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A.

- Bên A phải thông báo đúng khối lượng và thành phần nước thải, phải đảm bảo nước thải được xử lý cục bộ có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm không vượt quá giá trị quy định trong phụ lục kèm theo hợp đồng. Bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước bên B và cơ quan bảo vệ môi trường về thành phần nước thải của mình.
- Phải có hệ thống để lọc và tách các chất thải rắn có kích thước lớn hơn 5mm, dầu mỡ trước đấu vào của hệ thống cống thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (Hệ thống lọc tách phải được Bên B kiểm tra nghiệm thu trước khi đấu nối).
- Bên A không được phép xả nước thải ra bất kỳ vị trí nào khác ngoài vị trí mà hai bên đã thống nhất đấu nối vào hệ thống cống thu gom nước thải tập trung KCN theo điều 1 (nếu có phát sinh thêm điểm xả thải mới bên A phải báo cho bên B để hai bên tiến hành khảo sát và lập phụ lục hợp đồng bổ sung).
- Chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng kỳ hạn toàn bộ chi phí xử lý nước thải cho bên B.

- Cử nhân viên có đủ trách nhiệm và quyền hạn cùng với nhân viên B ký xác nhận chỉ số lưu lượng nước thải hàng tháng để làm căn cứ tính chi phí xử lý nước thải.
- Chịu trách nhiệm chi phí đầu tư lắp đặt hố ga ban đầu.
- Trường hợp bên A chuyển giao lô đất hoặc một phần lô đất, nhà máy cho đơn vị khác thì phải làm thủ tục chuyển giao hợp đồng xử lý nước thải và khách hàng sử dụng tiếp theo phải ký lại hợp đồng xử lý nước thải mới. Trong thời gian chưa làm thủ tục đăng ký sử dụng thì khách hàng sử dụng tiếp theo vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán chi phí xử lý nước thải và thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng trước đã ký kết.
- Khi bên B hoặc các đơn vị khác phát hiện lượng nước thải bên A xả thải vào hệ thống thu gom lớn hơn lượng nước do bên A kê khai đăng ký thì Bên A phải trả chi phí xử lý nước thải phát sinh kể từ ngày hai bên ký hợp đồng dịch vụ và thực hiện việc đấu nối của Bên A vào hệ thống thu gom đến ngày phát hiện vi phạm. (Bên B sẽ lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đã có kiểm định dưới sự chứng kiến của hai bên để giám sát và xác định khối lượng nước nhiều hơn khi có nghi ngờ, và kết quả này sẽ làm căn cứ tính mức chịu phạt, chi phí lắp đặt đồng hồ sẽ do bên A chịu).

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B.

ARTICLE 5: RESPONSIBILITIES OF PARTY B.

- Bên B chỉ tiếp nhận xử lý nước xả thải của Bên A đã qua xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của bên B. Trong quá trình tiếp nhận, xử lý nước thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả ra môi trường.
- Bên B phải xuất hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài Chính cho bên A.
- Bên B chịu trách nhiệm không để gián đoạn khâu xử lý nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp (ngoại trừ các nguyên nhân khách quan như thiên tai, lũ lụt, khối lượng nước thải tiếp nhận vào hệ thống xử lý tập trung tăng lên đột ngột không được báo trước v.v...).
- Nếu phát hiện bên A xả nước thải ngoài những vị trí như đã thỏa thuận trong điều 1 của hợp đồng kinh tế, hoặc Bên A xả nước thải có chứa thành phần nguy hại, chất thải rắn, dầu, mỡ, chất thải dạng keo, bùn thải.... gây tắc nghẽn đường ống thu gom nước thải thì bên B có quyền khóa mọi đường ống tại vị trí xả thải của bên A và lập biên bản làm căn cứ báo cáo lên cơ quan có chức năng để xử phạt. Trong trường hợp này Bên A phải có trách nhiệm tiến hành sửa chữa, khôi phục hiện trạng đường ống thoát nước thải của Bên B trong thời gian 01 ngày kể từ khi Bên B có văn bản yêu cầu đối với Bên A. Chi phí sửa chữa đường ống về hiện trạng ban đầu và khắc phục sự cố, đền bù thiệt hại cho các doanh nghiệp thứ cấp khác bị ảnh hưởng bởi sự cố do Bên A gây ra sẽ do bên A chịu toàn bộ.
- Bên B có quyền khóa vị trí đấu nối nước thải mà 2 bên đã thỏa thuận theo điều 1 và không tiếp nhận nước thải của bên A nếu bên A chậm thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ chi

phí xử lý nước thải đúng thời hạn. Chi phí sửa chữa đường ống để đấu nối trở lại sau khi bên A thanh toán đầy đủ chi phí xử lý nước thải cho bên B sẽ do bên A chịu toàn bộ.

- Chịu trách nhiệm quản lý, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống đường ống thu gom nước thải từ sau hố ga của bên A đến khu xử lý nước thải tập trung và vận hành trạm bơm nước thải trung chuyển.
- Hỗ trợ trong việc đấu nối nước thải của bên A vào hệ thống xử lý nước thải của bên B.
- Ký kết các biên bản liên quan đến việc lấy mẫu nước phân tích, biên bản xác nhận khối lượng nước thải và các khiếu nại của bên A.
- Giám sát việc vận hành Trạm xử lý nước thải KCN Trảng Dọ theo đúng quy trình đã được phê duyệt.
- Bên B có quyền từ chối tiếp nhận nước thải của Bên A nếu các thông số trong nước thải của Bên A (so với phụ lục hợp đồng) cao hơn vượt khả năng xử lý của hệ thống nước thải của Bên B.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC THANH TOÁN CỦA HỢP ĐỒNG

- Bên A sẽ thanh toán toàn bộ chi phí xử lý nước thải cho bên B kể từ ngày 27/8/2017

ĐIỀU 7: ĐƠN GIÁ XỬ LÝ, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Nếu nồng độ ô nhiễm của nước thải nằm trong giới hạn cho phép của phụ lục hợp đồng đính kèm thì đơn giá thanh toán là: 9.000 VNĐ/m^3.
- Nếu nồng độ ô nhiễm có COD > 400 mg/l thì đơn giá được xác định như sau:
  + Đơn giá xử lý là 9.000 VNĐ/m^3 × K (tham khảo Thông tư 02/2015-TT-BXD)
- Hệ số K và đơn giá được xác định như sau:

STT	*Hàm lượng COD (mg/l)*	*Hệ số K*	*Đơn giá (VNĐ/m^3)*
1	401 – 450	1,2	10.800
2	451 – 500	1,5	13.500
3	501 – 550	2,0	18.000
4	551 – 600	2,5	22.500
5	601 – 800	3,5	31.500
6	> 800	4,5	40.500

- Đơn giá này chưa bao gồm 10% thuế GTGT và đã bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Nghị định số 25/2013/NĐ-CP về phí BVMT đối với nước thải của Chính phủ ban hành và thông tư liên tịch số 63/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/05/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định 25.

- **Thời gian thanh toán:** Sau khi Bên B gửi thông báo khối lượng nước thải (ngày 28, có thể sớm hơn hoặc muộn hơn 1 ngày) thì bên A thanh toán chi phí xử lý nước thải hàng tháng cho bên B chậm nhất ngày 10 hàng tháng, hóa đơn GTGT sẽ được bên B gửi cho bên A sau 3 ngày kể từ ngày gửi thông báo.

Phương thức thanh toán: Thanh toán theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng dưới đây:

- Pháp nhân thụ hưởng : Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn Hải Phòng
- Số tài khoản (VNĐ) : 100001888888
- Tên ngân hàng : Ngân hàng TMCP Quốc Dân - chi nhánh Hải Phòng

Trong trường hợp Bên B thay đổi tài khoản thụ hưởng, Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên A trước thời hạn thanh toán.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG.

- Bên B có thể lấy mẫu đột xuất bất kỳ thời gian nào mẫu nước thải đầu ra của bên A (nhưng không được vượt quá 03 lần trong 1 tháng) để giám sát chất lượng nước thải của Bên A.
- Nếu chất lượng nước thải của Bên A vượt các thông số theo phụ lục hợp đồng thì Bên A phải trả chi phí phân tích mẫu nước thải, ngược lại nếu chất lượng nước thải có các thông số không vượt phụ lục hợp đồng thì bên B sẽ trả chi phí này.
- Nếu chất lượng nước thải của Bên A 3 lần liên tiếp có một trong các thông số vượt tiêu chuẩn theo phụ lục hợp đồng thì Bên B có quyền không tiếp nhận nước thải của Bên A và Bên A phải có biện pháp xử lý nước thải sơ bộ đạt tiêu chuẩn theo phụ lục trước khi xả ra hệ thống thu gom chung của khu công nghiệp.
- Khi tiến hành lấy mẫu có sự chứng kiến của cả bên A và bên B. Mẫu sau khi lấy được cả hai bên cùng niêm phong và phải có biên bản lấy mẫu được hai bên cùng ký xác nhận. Nếu 1 trong hai bên cố tình không ký vào biên bản lấy mẫu thì mẫu nước thải được lấy vẫn có giá trị pháp lý như được hai bên cùng ký tên.
- Mỗi lần lấy 03 (ba) mẫu nước thải ở cùng một vị trí. Mỗi bên lưu 1 (một) mẫu nước thải để kiểm tra đối chứng. 01 (một) mẫu nước thải được hai bên cùng đem đi gửi mẫu ở đơn vị phân tích có chức năng.
- Mẫu sau khi được lấy xong sẽ được gửi đi phân tích ngay tại thời điểm. Trường hợp thời gian lấy mẫu vào buổi tối hoặc trùng vào thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ không thể gửi mẫu phân tích ngay tại thời điểm đó thì mỗi bên sẽ lưu mẫu nước thải cho đến ngày làm việc gần nhất thì hai bên sẽ đối chiếu kiểm tra niêm phong của các mẫu nước thải và cùng gửi mẫu phân tích như trên.
- Sau khi có tất cả các kết quả phân tích trong 1 tháng thì sẽ chọn kết quả phân tích có độ ô nhiễm cao nhất làm căn cứ để xác định chi phí xử lý nước thải trong tháng đó.
- Nếu trong thành phần nước thải của bên A có các hợp chất chứa thành phần nguy hại vượt ngưỡng quy định của QCVN 07:2009/BTNMT làm ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường hoặc phá hủy hệ thống xử lý của bên B thì bên A phải chịu trách nhiệm bồi hoàn những thiệt hại do bên A gây ra và chịu mọi mức phạt mà cơ quan quản lý môi trường đã phạt bên B.
- Trường hợp đồng hồ nước thải bị hư hỏng hoặc gặp sự cố dẫn đến thủy kế không phản ánh được lượng nước thải của bên A, chỉ số nước thải được tính sẽ là số trung bình trong 3 kỳ liền trước kề

từ ngày phát hiện thủy kế hư, sau khi khấu trừ những ngày không sản xuất trong kỳ mà bên A chứng minh được

- Trường hợp bên A chậm thanh toán và vi phạm Điều 7 của Hợp đồng này thì bên A sẽ chịu lãi suất trả chậm là 1,5%/tháng trên tổng giá trị hóa đơn tính từ ngày chậm trả.
- Tùy thuộc vào biến động thị trường về chi phí vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, nhân công phục vụ cho việc xử lý nước thải và các quy định về quản lý môi trường làm tăng chi phí xử lý thì bên B có quyền điều chỉnh tăng đơn giá xử lý nước thải với tần suất 2 năm/lần. Trường hợp có sự thay đổi đơn giá xử lý nước thải, bên B phải được sự chấp thuận của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng về đơn giá mới áp dụng cho KCN Tràng Duệ và có trách nhiệm thông báo trước 30 ngày cho bên A về việc điều chỉnh đơn giá chi phí xử lý.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào làm sai, bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường các khoản tổn thất do bên đó gây ra.
- Không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng, nếu có thay đổi nhỏ trong các điều khoản của hợp đồng thì phải báo trước 07 (bảy) ngày để hai bên bàn bạc cùng nhau giải quyết. Nếu cần sẽ làm thêm phụ lục kèm theo hợp đồng.
- Mọi sửa đổi hoặc bổ sung hợp đồng này đều phải lập thành văn bản có xác nhận của hai bên mới có giá trị.
- Khi có xảy ra tranh chấp mà hai bên không thỏa thuận được thì sẽ đưa lên Tòa Án Kinh Tế thành phố Hải Phòng phân xử. Mọi chi phí do Bên thua chịu. Quyết định của Tòa án là quyết định ràng buộc hai bên.
- Hợp đồng này đã được hai bên kiểm tra, đồng ý ký và được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (ba) bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
Trịnh Huy Hoàng	Bùi Thế Long

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm (C) trong nước thải của các nhà máy khi xả vào hệ thống thu gom chung của KCN Trảng Dụe:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị Cmax
1	Nhiệt độ	°C	45
2	Màu	Pt/Co	170
3	pH	-	5 – 9
4	BOD_5 (20°C)	mg/l	100
5	COD	mg/l	400
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
7	Asen	mg/l	0,5
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,02
9	Chì	mg/l	1
10	Cadimi	mg/l	0,5
11	Crom (VI)	mg/l	0,5
12	Crom (III)	mg/l	2
13	Đồng	mg/l	5
14	Kẽm	mg/l	5
15	Niken	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	5
17	Sắt	mg/l	10
18	Tổng xianua	mg/l	0,3
19	Tổng phenol	mg/l	1
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	15
21	Sunfua	mg/l	1
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
24	Tổng nitơ	mg/l	60
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	8
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	1200
27	Clo dư	mg/l	4
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu-cơ	mg/l	0,2
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1,5
30	Tổng PCB/ Total PCB	mg/l	0,02
31	Coliform	vi khuẩn/100 ml	7500
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN – HẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 52 /PLHĐ-SHP.THH/2023	*Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2023*

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Đính kèm Hợp đồng xử lý nước thải số 29/HĐTD - 2708/2017)

- *Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/11/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;*
- *Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;*
- *Căn cứ Nghị định số 80/2014/NQ-CP được Chính phủ ban hành ngày 6/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015;*
- *Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/04/2015 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*
- *Căn cứ QCVN 40:2011/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;*
- *Căn cứ Hợp đồng xử lý nước thải số 29/HĐTD - 2708/2017 ký ngày 27/8/2017 giữa Công ty TNHH Tân Huy Hoàng và Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng ("**Hợp đồng xử lý nước thải số 29**");*
- *Căn cứ Phụ lục Hợp đồng đính kèm Hợp đồng xử lý nước thải số 29 ký ngày 27/8/2017 quy định giá trị giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm (C) trong nước thải của các nhà máy vào hệ thống thu gom chung của KCN Tràng Duệ ("**Phụ lục Hợp đồng đính kèm ngày 27/8/2017**").*

Hôm nay, ngày 10 tháng 4 năm 2023 , chúng tôi gồm có:

BÊN A (Chủ nguồn thải): **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**

Đại diện : Ông Trịnh Ngọc Đại Chức vụ: Tổng giám đốc

Trụ sở : Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế : 0200383712

BÊN B (Đơn vị xử lý) : **CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG**

Đại diện : Ông Vũ Thanh Dương Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc thường trực

(Theo Giấy ủy quyền số 1809/2019/UQ-SHP ngày 18/09/2019)

Địa chỉ : KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, H.An Dương, Tp. Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại : 0225. 2248698 Fax: 0225 358 9263

Mã số thuế : 0200681370

Tài khoản (VNĐ): 100001888888 tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân, CN Hải Phòng.

Xét rằng:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, do lạm phát tăng cao, các chi phí vận hành Nhà máy xử lý nước thải ("XLNT") của Bên B (như tiền điện; lương nhân công; sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị...) cũng tăng lên rất lớn nên việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng với đơn giá XLNT như hiện nay mà không có sự thay đổi, điều chỉnh sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho Bên B.

Thêm vào đó, có một số nội dung quy định trong **Hợp đồng xử lý nước thải số 29 và Phụ lục Hợp đồng đính kèm ngày 27/8/2017** không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành nên cần phải sửa đổi, điều chỉnh.

Vì vậy, Bên A và Bên B cùng đồng ý ký kết Phụ lục hợp đồng XLNT này với các điều khoản cụ thể, như sau:

Điều 1: Điều chỉnh đơn giá XLNT quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.

- **Nội dung cũ:**

Nếu nồng độ ô nhiễm của nước thải nằm trong giới hạn cho phép của phụ lục đính kèm thì đơn giá thanh toán là **9.000 VNĐ/m^3.**

Nếu nồng độ ô nhiễm có COD > 400 mg/l thì đơn giá được xác định như sau: Đơn giá xử lý là **9.000 VNĐ/m^3 x K** (tham khảo Thông tư 02/2015-TT-BXD)

Hệ số K và đơn giá được xác định như sau:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K	Đơn giá (VNĐ/m^3)
1	401 – 450	1,2	10.800
2	451 – 500	1,5	13.500
3	501 – 550	2,0	18.000
4	551 – 600	2,5	22.500
5	601 – 800	3,5	31.500
6	>800	4,5	40.500

Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT và đã bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Nghị định số 25/2013/NĐ-CP về phí BVMT đối với nước thải của

Chính phủ ban hành và thông tư liên tịch số 63/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/05/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định 25.

- **Nội dung mới sau khi điều chỉnh:**

+ Nếu nồng độ ô nhiễm của nước thải nằm trong giới hạn cho phép của Phụ lục Hợp đồng đính kèm ngày 27/8/2017 và Phụ lục này thì đơn giá thanh toán được áp dụng theo lộ trình như sau:

STT	Thời gian áp dụng đơn giá		Đơn giá xử lý nước thải (VNĐ/m^3 – chưa VAT)
	Từ	Đến	
1	4/2023	3/2025	11.000
2	4/2025	3/2027	13.000
3	4/2027 về sau (2027 – 2029; 2029 – 2031…)		Điều chỉnh tăng đơn giá xử lý nước thải với tần suất 2 năm/lần, mỗi lần điều chỉnh phải đăng ký với Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng (Hezа)

Việc điều chỉnh đơn giá XLNT sẽ được Bên B thông báo trước 30 ngày cho bên A. Hai bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh đơn giá XLNT làm căn cứ thực hiện.

+ Nếu nồng độ ô nhiễm có COD > 450 mg/l thì đơn giá được xác định như sau: Đơn giá xử lý tại thời điểm phát hiện nồng độ ô nhiễm có COD > 450 mg/l nhân với hệ số K (Tham khảo Thông tư 13/2018/TT-BXD).Trong đó hệ số K được Bên B xác định theo tiêu chí của Khu công nghiệp Tràng Duệ, cụ thể như sau:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K
1	451 – 500	1,5
2	501 – 550	2,0
3	551 – 600	2,5
4	601 – 800	3,5
5	>800	4,5

Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT và đã bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của Chính phủ ban hành ngày 05/05/2020.

Điều 2: Chấm dứt hiệu lực đoạn 11 Điều 8 Hợp đồng.

- **Nội dung bị chấm dứt (đoạn 11 Điều 8 Hợp đồng):**

Tùy thuộc vào biến động thị trường về chi phí vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, nhân công phục vụ cho việc XLNT và các quy định về quản lý môi trường làm tăng chi phí xử lý thì bên B có quyền điều chỉnh tăng đơn giá XLNT với tần suất 2 năm/lần. Trường hợp có sự thay đổi đơn giá XLNT, bên B phải được sự chấp thuận của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về đơn giá mới áp dụng cho Khu công nghiệp Tràng

Duệ và có trách nhiệm thông báo trước 30 ngày cho bên A về việc điều chỉnh đơn giá chi phí xử lý.

Điều 3: Sửa đổi, hủy bỏ một số thông số chất ô nhiễm quy định trong Phụ lục Hợp đồng đính kèm ngày 27/8/2017.

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị Cmax hiện tại	Giá trị Cmax sau điều chỉnh
4	BOD_5 (20^0C)	mg/l	100	200
5	COD	mg/l	400	450
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200	250
21	Sunfua	mg/l	1	2
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	30
31	Coliform	Bacteria/vi khuẩn/100ml	7.500	Loại bỏ, không giám sát

Điều 4: Điều khoản thi hành.

- Các điều khoản khác trong **Hợp đồng xử lý nước thải số 29/HĐTD - 2708/2017** và **Phụ lục Hợp đồng đính kèm Hợp đồng xử lý nước thải số 29 ký ngày 27/8/2017** không được đề cập trong Phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải này sẽ không thay đổi và vẫn được giữ nguyên giá trị pháp lý.
- Phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời Hợp đồng xử lý nước thải số 29/HĐTD - 2708/2017 ký ngày 27/8/2017 đã kí giữa hai bên.
- Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **26/4/2023**, được in thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG	**CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN – HẢI PHÒNG**
M.S.D.N: 0200363... CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG	CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-HẢI PHÒNG
TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trịnh Ngọc Đại	Vũ Thanh Dương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số:47/HĐKTĐM-THH
(V/v : Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/06/2005 được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 và căn cứ vào Quyết định số 45/2005/QH ngày 14/06/2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/ được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

Hôm nay, ngày 28 tháng 9 năm 2016, tại văn phòng Công ty Cổ Phần Thương mại xây dựng và môi trường Đại Minh chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Địa chỉ: Lô CN1 - Khu công nghiệp Tràng Duệ - Xã Lê Lợi - Huyện An Dương - Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 031.8830267 - 883269 Fax: 031.8830266

Mã số thuế: 0200383712

Số tài khoản: 102010000208981 Tại ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Lê Chân - Hải Phòng.

Đại diện : Ông **Trịnh Huy Hoàng** Chức vụ: **Giám đốc**

Bên B: C.TY CP TM XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH (Bên thu gom)

Địa chỉ: Xóm3, thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP Hải Phòng

Điện thoại: 031.8630686 Fax :

Mã số thuế: 0201289670

Số tài khoản: 2102201004127 Tại ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn - Chi nhánh Huyện An Dương.

Đại diện Ông : **Tô Văn Sau** Chức vụ : **Giám đốc**

Hai bên đi đến thống nhất ký kết hợp đồng thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt với những điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung, và giá trị hợp đồng

Bên A đồng ý thuê bên B thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với đơn giá như sau: 2.000.000đ

(Số tiền bằng chữ: Hai triệu đồng chẵn)

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT 10%

- Đơn giá trên được tính cho lượng rác thu gom không lớn hơn $7m^3$ / tháng.

Trong trường hợp khối lượng rác lớn hơn $7m^3$ thì đơn giá sẽ được tính 330.000đ/ m^3 kể từ m^3 thứ 8 trở đi.

Điều 2: Trách nhiệm và quyền hạn của các bên

a) Trách nhiệm của bên A:

- Bên A có trách nhiệm tập kết rác thải sinh hoạt của Bên A vào một hố rác của Bên A đúng thời gian và địa điểm hoặc thu gom rác vào xe đựng rác do bên B cho mượn)

- Địa điểm giao rác (hố rác) của Bên A phải đảm bảo thuận lợi cho các phương tiện thu gom của Bên B ra vào được.

- Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B đúng như cam kết trong hợp đồng.

- Rác giao đảm bảo là rác thải sinh hoạt. Không bao gồm rác thải độc hại, rác thải công nghiệp …

- Bên A không chịu trách nhiệm về số rác và nơi đổ rác mà Bên B chuyển đi.

b)Trách nhiệm của bên B:

- Trước khi vào thu gom rác phải đảm bảo đưa xe trống vào địa điểm tập kết rác của bên A.

- Thu gom sạch và đúng ngày giờ - đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Trong quá trình thu gom và vận chuyển rác, phải đảm bảo và không ảnh hưởng tới quá trình hoạt động kinh doanh của Bên A.

- Xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho Bên A vào ngày 20 hàng tháng.

- Bên B không chịu trách nhiệm về số rác thải không đúng như trong cam kết của hợp đồng này.

Điều 3: Phương pháp, thời gian thu gom và vận chuyển rác.

Địa điểm thu gom : Tại địa chỉ trên hợp đồng của Bên A

Thời gian thu gom : Vào thứ 3 và thứ 6 hàng tuần, thời gian này có thể linh động nhưng không được ít hơn 2 buổi / 1 tuần.

Phương pháp thu gom: Trên phương tiện của Bên B

Điều 4: Hình thức thanh toán

- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B vào ngày 5 của tháng kế tiếp sau khi nhận được hoá đơn tài chính. Nếu ngày đó vào ngày nghỉ, thì ngày thanh toán sẽ được chuyển lên trước 01 ngày.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Điều 5: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, bên nào đơn phương thay đổi hoặc đình chỉ việc thực hiện hợp đồng sẽ bị phạt 10% giá trị của hợp đồng.

- Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra hai bên không tự giải quyết được thì sự việc sẽ được đưa ra Tòa án TP. Hải Phòng. Phán quyết của Tòa án có giá trị cuối cùng bắt buộc hai bên phải thực hiện, mọi chi phí liên quan do bên sai chịu.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và sau đó, hợp đồng sẽ được tự động gia hạn trong thời gian kế tiếp của mỗi năm tiếp theo, trừ khi một trong hai bên có sự thay đổi phải có trách nhiệm thông báo cho bên kia bằng văn bản trước 30 ngày.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Tô Văn Sau	Trịnh Huy Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyên), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Ngày 30 tháng 12 năm 2023

Số: 00000255

Mã CQT: 002FF5BFB25BD14A78BFD49A8D1FB74BFE

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 12				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,50	330.000	825.000
			Cộng tiền hàng:		**2.825.000**
Thuế suất GTGT:		**8 %** Tiền thuế GTGT:			226.000
			Tổng tiền thanh toán:		**3.051.000**
Số tiền viết bằng chữ: ***Ba triệu không trăm năm mươi mốt nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 30/12/2023

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: **PNTNFRKZJV8**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyến), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 21302201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Ngày 30 tháng 11 năm 2023

Số: 00000233

Mã CQT: 00E12A809B1CDF4284AD831CC36A2F4344

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 11				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	3,50	330.000	1.155.000
			Cộng tiền hàng:		3.155.000
Thuế suất GTGT:		8 %	Tiền thuế GTGT:		252.400
			Tổng tiền thanh toán:		3.407.400
Số tiền viết bằng chữ: *Ba triệu bốn trăm linh bảy nghìn bốn trăm đồng chẵn.*					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 30/11/2023

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: QNTXHZD58VD

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyên), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Ngày 31 tháng 10 năm 2023

Số: **00000213**

Mã CQT: 00BA00F1B9A09B4F6395BEA396A4152324

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 10				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	6,00	330.000	1.980.000
				Cộng tiền hàng:	**3.980.000**
Thuế suất GTGT:				8 %; Tiền thuế GTGT:	**318.400**
				Tổng tiền thanh toán:	**4.298.400**
Số tiền viết bằng chữ: *Bốn triệu hai trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng chẵn.*					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Ký ngày: 31/10/2023

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: **E6IPCKM86M5**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyến), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Ngày 29 tháng 09 năm 2023

Số: 00000190

Mã CQT: 00F29B90422F464515BE1E69A7B92C9B61

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 09				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,00	330.000	660.000
		Cộng tiền hàng:			2.660.000
Thuế suất GTGT:		8 % Tiền thuế GTGT:			212.800
		Tổng tiền thanh toán:			2.872.800
Số tiền viết bằng chữ: *Hai triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng chẵn.*					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 29/09/2023

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: W8T9TRW604G

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyến), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Ngày 30 tháng 08 năm 2023

Số: **00000171**

Mã CQT: 00B7C840B193514B9E80843FA6544FD981

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 08				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,00	330.000	660.000
Cộng tiền hàng:					**2.660.000**
Thuế suất GTGT:		8 % Tiền thuế GTGT:			**212.800**
Tổng tiền thanh toán:					**2.872.800**
Số tiền viết bằng chữ: ***Hai triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 30/08/2023

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: **A6TQIP26JR9**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyến), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Số: 00000148

Ngày 29 tháng 07 năm 2023

Mã CQT: 00AA425F4ED02A40408C6C22B0CBDADD2F

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 07				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,50	330.000	825.000
			Cộng tiền hàng:		2.825.000
Thuế suất GTGT:		8 %	Tiền thuế GTGT:		226.000
			Tổng tiền thanh toán:		3.051.000

Số tiền viết bằng chữ: ***Ba triệu không trăm năm mươi mốt nghìn đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 29/07/2023

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: M6T3UJNDKDL

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meinvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyên), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Số: **00000125**

Mã CQT: 0064A0DAC379924A038538EEA365733D29

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 06				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,50	330.000	825.000
Cộng tiền hàng:					**2.825.000**
Thuế suất GTGT:		10 % Tiền thuế GTGT:			**282.500**
Tổng tiền thanh toán:					**3.107.500**
Số tiền viết bằng chữ: ***Ba triệu một trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 30/06/2023

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: K6TQS245EZJ

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyên), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Số: 00000107

Ngày 30 tháng 05 năm 2023

Mã CQT: 007D66BDFA3A384F94A6BAD2A841F70330

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 05				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,00	330.000	660.000
			Cộng tiền hàng:		2.660.000
Thuế suất GTGT:		10 %	Tiền thuế GTGT:		266.000
			Tổng tiền thanh toán:		2.926.000

Số tiền viết bằng chữ: *Hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 30/05/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyến), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Số: 00000086

Ngày 28 tháng 04 năm 2023

Mã CQT: 007D8BBD7E216247D7AC70F104EC9801BE

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 04				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,00	330.000	660.000
			Cộng tiền hàng:		**2.660.000**
Thuế suất GTGT:		10 %	Tiền thuế GTGT:		**266.000**
			Tổng tiền thanh toán:		**2.926.000**

Số tiền viết bằng chữ: ***Hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 28/04/2023

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: QNTLHQ_DD47

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meinvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyên), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Số: 00000063

Mã CQT: 00A5AD1028C7984C9590447F9C7AFB17A3

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 03				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,50	330.000	825.000
			Cộng tiền hàng:		2.825.000
Thuế suất GTGT:		10 %	Tiền thuế GTGT:		282.500
			Tổng tiền thanh toán:		3.107.500
Số tiền viết bằng chữ: *Ba triệu một trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng chẵn.*					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 31/03/2023

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: **9ZT2CXPQR15**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyến), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

Số: **00000042**

Mã CQT: 007009182B317648088003C37F971C25E2

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 02				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	0,50	330.000	165.000
			Cộng tiền hàng:		**2.165.000**
Thuế suất GTGT:		10 %	Tiền thuế GTGT:		**216.500**
			Tổng tiền thanh toán:		**2.381.500**
Số tiền viết bằng chữ: ***Hai triệu ba trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 28/02/2023

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: **2QTZTBMQN2Z**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyến), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TDM

Ngày 31 tháng 01 năm 2023

Số: **00000021**

Mã CQT: 005C501D4D01B54B87BAED39E53C77085F

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 01				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,00	330.000	660.000
			Cộng tiền hàng:		2.660.000
Thuế suất GTGT:		10%	Tiền thuế GTGT:		266.000
			Tổng tiền thanh toán:		2.926.000
Số tiền viết bằng chữ: *Hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn.*					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: **VWTWIEPX1RD**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyến), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 1102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C24TDM

Ngày 28 tháng 06 năm 2024

Số: 00000124

Mã CQT: 003186CAB030E1492384374DF34E301110

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 06				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	1,50	330.000	495.000
			Cộng tiền hàng:		2.495.000
Thuế suất GTGT:		8 %	Tiền thuế GTGT:		199.600
			Tổng tiền thanh toán:		2.694.600
Số tiền viết bằng chữ: *Hai triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm đồng chẵn.*					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 28/06/2024

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: 59CDS6EN4198

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyên), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C24TDM

Ngày 30 tháng 05 năm 2024

Số: 00000102

Mã CQT: 00D40B11B8A712426DB1202E3B41E3DC27

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 05				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,50	330.000	825.000
		Cộng tiền hàng:			2.825.000
Thuế suất GTGT:		8 % Tiền thuế GTGT:			226.000
		Tổng tiền thanh toán:			3.051.000

Số tiền viết bằng chữ: *Ba triệu không trăm năm mươi mốt nghìn đồng chẵn.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 30/05/2024

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: 11CJF8K_Q_55

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyên), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C24TDM

Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Số: **00000080**

Mã CQT: 005DAAEFE62C1A410DBC03EABAC33DAE05

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 04				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,00	330.000	660.000
			Cộng tiền hàng:		**2.660.000**
Thuế suất GTGT:			8 % Tiền thuế GTGT:		**212.800**
			Tổng tiền thanh toán:		**2.872.800**

Số tiền viết bằng chữ: ***Hai triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 26/04/2024

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: _8C3HGRQVBKL

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyến), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C24TDM

Ngày 31 tháng 03 năm 2024

Số: **00000060**

Mã CQT: 004364AEABDBAD4E6CAFAD8EC4DA7EF037

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 03				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,00	330.000	660.000
			Cộng tiền hàng:		**2.660.000**
Thuế suất GTGT:		**8 %**	Tiền thuế GTGT:		**212.800**
			Tổng tiền thanh toán:		**2.872.800**

Số tiền viết bằng chữ: ***Hai triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 31/03/2024

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: **PQCBCDD75137**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyến), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C24TDM

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Số: 00000038

Mã CQT: 00917251A99F8E42E0B31B0B3455F9EF1A

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 02				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,00	330.000	660.000
			Cộng tiền hàng:		2.660.000
Thuế suất GTGT:		8 %	Tiền thuế GTGT:		212.800
			Tổng tiền thanh toán:		2.872.800
Số tiền viết bằng chữ: *Hai triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng chẵn.*					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 29/02/2024

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: 9PCWTL6A0V9

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH

Mã số thuế: 0201289670

Địa chỉ: Xóm 3 (tại nhà bà Đồng Thị Xuyến), thôn Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt

Số tài khoản: 2102201004127 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện An Dương Bắc Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C24TDM

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

Số: 00000019

Mã CQT: 00821A8BF289AF4042BC7C4A60F3AED486

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế: 0200383712

Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thu gom vận chuyển rác thải tháng 01				
1	Phần quy định: 7m3	tháng	1,00	2.000.000	2.000.000
2	Phần phát sinh	m3	2,50	330.000	825.000
Cộng tiền hàng:					2.825.000
Thuế suất GTGT:		8 % Tiền thuế GTGT:			226.000
Tổng tiền thanh toán:					3.051.000
Số tiền viết bằng chữ: *Ba triệu không trăm năm mươi mốt nghìn đồng chẵn.*					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI MINH
Ký ngày: 30/01/2024

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: 11C713XD19M

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
***

HỢP ĐỒNG

V/v: Vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường

Số: 01-2023/HĐ/TTP-THH

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự Số:91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 1 tháng 1 năm 2017;

- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường Số:72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2022;

- Căn cứ vào Nghị định Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;

- Căn cứ Thông tư Số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;

- Căn cứ vào Giấy phép Môi trường Số: 191/GPMT-BTNMT được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Tân Thuận Phong ngày 15/06/2023;

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng và khả năng của Công ty TNHH Tân Thuận Phong,

Hôm nay, ngày 18 tháng 11 năm 2023, chúng tôi gồm có:

I - BÊN A: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Đại diện: Bà **PHẠM THỊ PHƯƠNG** - Chức danh: Phó Giám đốc

Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại : 0225.8830267 - 8830268 - Fax: 0225.8830266

Mã số thuế: 0200383712

Số TK: 114000009773 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Lê Chân - HP

116000106838 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Kiến An - HP

II - BÊN B: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG

Đại diện:Ông **BÙI VĂN BÌNH** Chức danh : Giám đốc

Địa chỉ: Km số 8 đường quốc lộ 5, Thôn Lương Quán, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng .

Điện thoại : 02253.589.152 Fax: 02253.770.425

Mã số thuế: 0200429212 ,

Số tài khoản: 103 100 000 8866 - Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Nam Hải Phòng.

Sau khi bàn bạc hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường với những nội dung sau:

Điều 1. Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau

- Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện việc Vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A. Các loại chất thải cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Phương pháp xử lý
1	Chất thải công nghiệp	Rắn	Phân loại: Thiêu đốt bằng lò đốt; tro xỉ hóa rắn hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp
2	Tro xỉ từ quá trình đốt nồi hơi	Rắn	Phân loại; Hóa rắn

- Vận chuyển và xử lý các loại chất thải trên tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về Bảo vệ Môi trường của Việt Nam.

Điều 2. Địa điểm, thời gian giao nhận, số lượng, phương tiện vận chuyển

2.1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ của Công ty TNHH Tấn Huy Hoàng (Bên A) có địa chỉ tại Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

2.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại Nhà máy xử lý chất thải của Công ty TNHH Tân Thuận Phong - Lô CN4, KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

2.3. Thời gian giao nhận: Được thực hiện khi có sự yêu cầu của Bên A và sau khi Bên B bố trí được nhân lực.

2.4. Số lượng hàng hóa: Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của chủ nguồn thải nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho Bên B.

2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người cho hàng lên xe.

Điều 3. Đơn giá vận chuyển - xử lý và thể thức thanh toán

3.1. Đơn giá vận chuyển - xử lý chất thải:

* Đơn giá vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp được thể hiện cụ thể như sau:

Stt	Tên chất thải công nghiệp	Số lượng	Đơn giá xử lý (Vnđ/m3)
1	Chất thải công nghiệp	01 M^3	550.000đ/m^3
2	Tro xỉ từ quá trình đốt lò hơi	Kg	1.800đ/kg

- Khối lượng quy đổi: 1m3 Chất thải công nghiệp = khoảng 20 kg, khối lượng chính xác sẽ căn cứ theo cân điện tử tại Bên B

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

3.2. Phương thức thanh toán

- Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận và tổng hợp khối lượng chất thải giao nhận của từng chuyến để làm cơ sở cho việc thanh toán.

- Thanh toán bằng chuyển khoản trong 15 ngày sau khi bên A nhận được đầy đủ các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

Điều 4. Trách nhiệm của các bên

4.1. Trách nhiệm của bên A

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải, bên A phải thông báo cho bên B trước 72h để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của chủ Xử lý chất thải vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển phù hợp.

- Hỗ trợ xe nâng hàng giúp bên B bốc chất thải lên xe (nếu là hàng nặng, cồng kềnh).

- Chuyển giao chất thải cho bên B theo Thông tư Số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung của Hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B.

- Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan chức năng về quá trình thực hiện quản lý chất thải theo quy định của Nhà nước. (Nếu cần)

4.2 Trách nhiệm của bên B

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho Bên A thời gian đến nhận chất thải.

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào cơ quan, nội quy phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh môi trường khi làm việc tại địa bàn của bên A.

- Lập và xác nhận biên bản theo Quy định tại Thông tư Số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý chất thải.

- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với chất thải của bên A.

- Gửi cho bên A giấy phép hoạt động Xử lý chất thải (Bản công chứng có giá trị) để bên A giải trình khi có sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về Môi trường tại địa phương. (nếu cần)

- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

Điều 5. Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,.... Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì:

+ Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách để tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.

Điều 6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

- Hai bên tham gia tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Mọi sự thay đổi bổ sung các điều khoản đều phải được sự nhất trí của hai bên và được lập thành văn bản mới có giá trị.

- Trong quá trình thực hiện hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại với Tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp và các thiệt hại kinh tế liên quan do bên có lỗi chịu.

Điều 7. Hiệu lực của Hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 18/11/2023 đến hết ngày 17/11/2024. Hết thời hạn Hợp đồng nếu hai bên không có thông báo gì thì Hợp đồng tự động gia hạn từng năm một.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
PHÓ GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Phương	Bùi Văn Bình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

=====***=====

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

(Số: 2023/THH-ĐT/RCN)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022;

- Căn cứ nghị định số 08/2022/NĐ-Cp của Chính phủ ngày hiệu lực 10/01/2022;

- Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường hiệu lực 10/01/2022;

- Căn cứ Giấy phép Xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3.041.VX của Bộ Tài nguyên và môi trường cấp cho Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng ngày 28 tháng 02 năm 2022;

- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2023, tại Công ty TNHH Tân Huy Hoàng, Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Đại diện : Bà PHẠM THỊ PHƯƠNG - Chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ : Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng

Điện thoại : 0225.8830267 Fax: 0225.8830266

Mã số thuế : 0200383712

Số TK : 114000009773 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Lê Chân, Hải Phòng.

: 116000106838 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Kiến An, Hải Phòng.

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

Đại diện là : Ông DOÀN NGỌC HÙNG Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại : 0225.3701184 Fax: 0225.3956954

Mã số thuế : 0200504396

Số tài khoản : 3310548 001 tại Ngân hàng Indovinabank- CN Hải Phòng

Cùng nhau thoả thuận ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường không chứa thành phần nguy hại với các điều khoản sau:

Điều 1: Phạm vi thực hiện hợp đồng:

- Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ và bên A đồng ý sử dụng dịch vụ của bên B cho việc vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường không chứa thành phần nguy hại thải ra từ quá trình hoạt động của bên A.

Điều 2: Đơn giá vận chuyển, xử lý và phương thức thanh toán:

2.1 Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải:

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ/m^3)
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại (Mút, xốp thải)	M^3	1.000.000

- Nếu tổng khối lượng chất thải giao nhận trong mỗi lần xử lý từ 20 m^3 trở lên thì hai bên sẽ áp dụng đơn giá trên.

- Nếu tổng khối lượng chất thải giao nhận trong mỗi lần xử lý dưới 20 m^3 thì ngoài phí tính dựa trên khối lượng thực tế giao nhận và đơn giá vận chuyển, xử lý ở trên, Bên A phải trả cho Bên B một khoản phụ phí cho lần vận chuyển đó là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).*

- Đơn giá trên chưa bao gồm VAT.

2.2 Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo tài khoản đã ghi trong hợp đồng.

- Có xác nhận khối lượng của hai bên khi thực hiện và có biên bản tổng hợp khối lượng.

- Thời hạn thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B chậm nhất 30 ngày sau khi nhận được chứng từ hoá đơn thanh toán đúng và phù hợp với quy định của luật tài chính hiện hành.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của bên A

3.1. Bên A có các quyền sau:

- Yêu cầu bên B đưa phương tiện vận chuyển đến địa điểm tập kết, lưu giữ chất thải của bên B vào thời gian theo yêu cầu của bên B để vận chuyển chất thải công nghiệp thông thường.

3.2. Bên A có các nghĩa vụ sau:

- Bên A có trách nhiệm hỗ trợ bên B đưa những bao đựng chất thải nặng (nếu có) lên xe của bên B.

- Thanh toán tiền hỗ trợ dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Chứa các chất thải vào các dụng cụ chứa đựng hợp vệ sinh.

- Trường hợp khối lượng chất thải cần vận chuyển có phát sinh lớn thì bên A phải thông báo trước cho bên B ít nhất 03 ngày để bên B có phương án hỗ trợ.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của bên B

4.1. Bên B có các quyền sau:

- Yêu cầu bên A chứa đựng, tập kết chất thải đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

- Yêu cầu bên A khắc phục các trở ngại để bên B thực hiện công việc vận chuyển chất thải công nghiệp thông thường được nhanh chóng, thuận lợi.

4.2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Đảm bảo hỗ trợ dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường cho bên A.

Về thời gian: Theo yêu cầu của bên A, nhưng bên A phải đảm bảo báo cho bên B trước 48h để bên B bố trí phương tiện vận chuyển và nhân lực

Địa điểm tại: Địa điểm quy định của bên A- Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng.

- Cùng bên A xác định khối lượng chất thải cần vận chuyển.

- Khi ngừng cung cấp dịch vụ vì lý do sự cố, phải thông báo cho bên A trong vòng 24 giờ bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác. Khi khắc phục sự cố xong phải tiếp tục việc cung cấp dịch vụ theo nội dung hợp đồng.

- Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên A về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp dịch vụ môi trường đã được thoả thuận tại hợp đồng này và theo các quy định hiện hành.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 5: Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng và các quy định hiện hành về công tác quản lý chất thải của Nhà nước và Thành phố.

- Nếu bên nào vi phạm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường mọi tổn thất do bên đó gây ra. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác, tương trợ lẫn nhau. Trường hợp không thương lượng được thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại toà án Kinh tế thuộc tòa án nhân dân Hải Phòng. Phán quyết của toà án kinh tế là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực thi. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh do bên vi phạm hợp đồng chịu.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến ngày 31/12/2024.

- Trong quá trình thực hiện hai bên thực hiện đủ các nghĩa vụ, không có khiếu nại Hợp đồng được tự động thanh lý.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG
PHÓ GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Phương	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
=====oOo=====

HỢP ĐỒNG

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTCN&RSH)
Số: 121/2021/HĐXLCT/PH-THH

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;

- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23/06/2014 hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015.

- Căn cứ nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/04/2015 và thông tư 36/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 quy định về quản lý chất thải và phế liệu.

- Căn cứ thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Căn cứ Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 12/10/2020, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2021, chúng tôi gồm có:

I - <u>BÊN A:</u> CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Địa chỉ : Lô CN1, Khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại : 0225 8830267 - 8830268 - Fax: 0225 8830266

Mã số thuế : 0200383712

Tài khoản : 116000106838 Tại NH TMCP Công thương VN - CN Kiến An - Hải Phòng.
:114000009773 Tại NH TMCP Công thương VN - CN Lê Chân - Hải Phòng.

Đại diện : Ông **TRỊNH HUY HOÀNG** - Chức vụ: **Giám đốc**

II - <u>BÊN B:</u> CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG

Địa chỉ : 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại : 0225.6508999 - Fax: 0225.3282309

Mã số thuế : 0200867992

Tài khoản số: 020 0101 016 0203 Mở tại ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Hải Phòng

Đại diện : **Ông NGUYỄN HOÀI SƠN** - Chức vụ: **Phó giám đốc**

(Theo giấy ủy quyền số: 03/UQ-PH/ ngày 01/12/2021)

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc:

1.1. Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động kinh doanh của bên A, mà bên B có khả năng xử lý.

1.2. Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý tiêu huỷ các chất thải có trong danh mục của bên A và phù hợp với giấy phép của bên B để tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, tần suất thu gom và phương tiện vận chuyển:

2.1. Địa điểm giao nhận chất thải tại kho lưu giữ chất thải Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ : Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại nhà máy xử lý chất thải Minh Tân thuộc Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

2.3. Thời gian giao nhận: Theo khối lượng đã được xác định và thỏa thuận giữa bên A và bên B.

Sau khi thu gom, 2 bên sẽ lập biên bản bàn giao chất thải để làm cơ sở thanh toán.

2.4. Tần suất thu gom : Theo yêu cầu của bên A và thông báo trước cho bên B 24 giờ trước khi thu gom.

2.5. Phương tiện vận chuyển và bốc xếp: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp công nhân để đưa chất thải lên xe.

Điều 3: Đơn giá và Phương thức thanh toán

3.1 Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý được tính theo như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	ĐVT	Đơn giá
I	**Danh mục chất thải nguy hại**				
1	Mực in thải	Rắn	08 02 01	Kg	**3.000**
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	**3.500**
3	Chất kết dính, chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	08 03 01	Kg	**3.500**
4	Tấm lọc carbon thải	Rắn	18 02 01	Kg	**3.500**
5	Que hàn thải	Rắn	07 04 01	Kg	**2.000**
6	Giấy ráp, đá mài, đá cắt thải	Rắn	07 02 10	Kg	**2.000**
7	Xỉ hàn thải (quá trình bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị)	Rắn	07 04 02	Kg	**2.500**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	ĐVT	Đơn giá
I	**Danh mục chất thải nguy hại**				
8	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	Rắn	11 06 02	Kg	**2.000**
9	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Kg	**2.500**
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	Kg	**2.000**
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	Kg	**2.000**
12	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Kg	**2.500**
13	Dầu thủy lực thải	Lỏng	17 01 06	Kg	**2.500**
14	Nhôm dính dầu	Rắn	07 03 11	Kg	**2.500**
II	**Danh mục chất thải công thường thông thường**				
1	Chất thải công nghiệp thông thường, xỉ than	Rắn	-	Kg	**1.700**
2	Xốp bìa đen	Rắn	-	M3	**260.000**
III	**Danh mục rác sinh hoạt**				
1	Chất thải sinh hoạt	Rắn	-	Khoán/ 1 tháng	**5.000.000**

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10 %.
- Đơn giá được áp dụng không điều chỉnh trong thời gian hợp đồng có hiệu lực.

3.2 Phương thức thanh toán, loại hợp đồng

- Loại hợp đồng nguyên tắc.
- Hai bên sẽ lập biên bản xác nhận, lập chứng từ CTNH, CTCN&RSH để làm cơ sở cho việc thanh toán và quản lý CTNH, CTCN&RSH.
- Bên A thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho bên B sau khi thực hiện việc thu gom vận chuyển xử lý chất thải, trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được những chứng từ thanh toán hợp lệ từ bên B bao gồm:
  + Biên bản xác nhận khối lượng chất thải phát sinh có chữ ký của hai bên.
  + Biên bản nghiệm thu bàn giao có chữ ký của hai bên
  + Chứng từ CTNH, CTCN theo quy định của pháp luật hiện hành
  + Hóa đơn tài chính hợp lệ 100% giá trị thanh toán tương ứng.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các bên.

4.1. Quyền và nghĩa vụ Bên A

- Thông báo kế hoạch và thời gian bàn giao rác thải cho bên B trước 24 giờ để bên B bố trí người, phương tiện thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Tạo điều kiện thuận lợi nhất để bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Cử cán bộ, nhân viên phối hợp để giải quyết các vướng mắc trong suốt quá trình thực hiện.

- Thanh toán cho bên B theo đúng Điều 3 của Hợp đồng này.

- Bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về những chất thải của Công ty mình mà không bàn giao cho bên B xử lý.

- Bên A có quyền dừng việc thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng này trong các trường hợp sau:

- Do cơ cấu và nhu cầu của Bên A tại từng giai đoạn sản xuất.
- Bên B tiết lộ thông tin cho bên thứ 3 mà không được sự đồng ý của bên A gây ảnh hưởng đến lợi ích và uy tín của bên A;
- Người và phương tiện của bên B vào thu gom và vận chuyển rác thải không tuân thủ nội quy, quy định của bên A gây mất an ninh trật tự, an toàn, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của bên A.
- Bên A phát hiện ra nhân viên của bên B trộm cắp tài sản và gian lận trong khi làm việc tại bên A

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.

- Bố trí nhân lực, phương tiện vận chuyển và xử lý rác thải theo đúng quy định của pháp luật;

- Đảm bảo tiếp nhận, vận chuyển rác thải đúng chủng loại, đúng khối lượng, từ sau khi rời khỏi địa điểm của bên A;

- Cung cấp các hồ sơ pháp lý cho bên A.

- Phối hợp với bên A trong việc cung cấp các hồ sơ pháp lý, thông tin liên quan khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

- Tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về Bảo vệ môi trường khi đã vận chuyển rác thải ra khỏi cổng của bên A;

- Tự chịu trách nhiệm về Bảo hiểm, an toàn lao động, vệ sinh lao động và các chế độ, chính sách khác theo quy định Pháp luật hiện hành đối với con người, phương tiện, tài sản của mình trong quá trình thực hiện công việc tại bên A.Trong khi làm việc tại bên A, nếu do lỗi của bên B làm phương hại đến con người, tài sản, phương tiện của bên A hay bên thứ ba thì bên B phải bồi thường giá trị thiệt hại theo giá thị trường hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền;

- Xuất hóa đơn GTGT cho Bên A theo quy định hiện hành.

Điều 5: Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng.

- Nếu Bên nào đơn phương hủy bỏ Hợp đồng làm thiệt hại đến quyền lợi kinh tế của Bên kia thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai Bên cố gắng cùng nhau bàn bạc các biện pháp giải quyết trên tinh thần hòa giải, có thiện chí và hợp tác. Nếu vẫn không thống nhất cách giải

quyết thì hai Bên sẽ đưa vụ việc ra Tòa án Kinh tế thành phố Hải Phòng, toàn bộ chi phí xét xử do Bên thua chịu.

- Quyết định của Tòa án sẽ mang tính chung thẩm và có giá trị ràng buộc các Bên thi hành. Trong thời gian Tòa án thụ lý và chưa đưa ra phán quyết, các Bên vẫn phải tiếp tục thi hành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo qui định của Hợp đồng này.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng.

6.1.Hợp đồng này có hiệu lực pháp lý kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021 đến ngày 19 tháng 12 năm 2022.

6.2.Nếu không có văn bản thông báo chấm dứt hợp đồng, yêu cầu thay đổi nội dung hợp đồng từ các bên thì hợp đồng này sẽ tự động gia hạn cho từng năm tiếp theo

6.3.Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
GIÁM ĐỐC	PHÓ GIÁM ĐỐC
Trịnh Huy Hoàng	Nguyễn Hoài Sơn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày 27 tháng 02 năm 2023

Ký hiệu:1C23TYY
Số: 230

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
Mã số thuế: 0200867992
Địa chỉ: Số 49 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
Mã số thuế : 0200383712
Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản
Đơn vị tiền tệ: VND Tỷ giá:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT		Tổng tiền thanh toán
						Thuế suất	Tiền thuế	
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=6+8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường (xốp bia ôm) theo Biên bản nghiệm thu số: 0102/2023/HBNTKL xác nhận ngày 27/02/2023	m³	38	260.000	9.880.000	10%	988.000	10.868.000

Tổng hợp	Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền thanh toán
Tổng tiền không chịu thuế:	KCT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	0%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	5%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	10%	9.880.000	988.000	10.868.000
Tổng tiền không tính thuế:	KKKNT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	KHAC			
Tổng cộng:		9.880.000	988.000	10.868.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
Ký ngày: 27-02-2023

Mã của cơ quan thuế: 003E5716D5C582458B980C922C87D33D82
Trang tra cứu: http://0200867992hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: M6v3O8W1031136738150307
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

TỈNH/THÀNH PHỐ **HẢI PHÒNG**	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG** Số:.....

1. **Bên giao** (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

2. **Bên nhận** (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**

Địa chỉ văn phòng: Số 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.3282.309

Địa chỉ cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.6507.999

3. **Khối lượng:** CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		
2	Chất thải phải xử lý	38 $<m^3>$	
3	Tổng khối lượng	38 $<m^3>$	

4.Số hiệu phương tiện: 15H - 029.56 Họ tên lái xe : MR. TRUNG

5. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2023 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Thị Minh Tâm	*Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Hoàng Công Anh

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày 29 tháng 03 năm 2023

Ký hiệu: 1C23TYY
Số: 404

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**
Mã số thuế: **0200867992**
Địa chỉ: **Số 49 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**
Mã số thuế: **0200383712**
Địa chỉ: **Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản**
Đơn vị tiền tệ: **VND** Tỷ giá:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT		Tổng tiền thanh toán
						Thuế suất	Tiền thuế	
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=6+8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường (xốp bìa đen) theo Biên bản nghiệm thu số: 0103/2023/BBNTKL xác nhận ngày 29/03/2023	m^3	32	260.000	8.320.000	10%	832.000	9.152.000

Tổng hợp	Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền thanh toán
Tổng tiền không chịu thuế:	KCT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	0%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	5%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	10%	**8.320.000**	**832.000**	**9.152.000**
Tổng tiền không tính thuế:	KKKNT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	KHAC			
Tổng cộng:		**8.320.000**	**832.000**	**9.152.000**

Số tiền viết bằng chữ: **Chín triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng.**

Người mua hàng **Người bán hàng**

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
Ký ngày: 29-03-2023

Mã của cơ quan thuế: **0091AB2C2B19FA43BBBB035E687066AADF**
Trang tra cứu: http://0200867992hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: b6b3S8W1057001678784481jRQE
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

TỈNH/THÀNH PHỐ **HẢI PHÒNG**	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG** Số:.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**

Địa chỉ văn phòng: Số 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.3282.309

Địa chỉ cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.6507.999

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		
2	Chất thải phải xử lý	32 m^3	
3	Tổng khối lượng	32 m^3	

4. Số hiệu phương tiện: 15H - 04110 Họ tên lái xe : MR Tuyên

5. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 10 tháng 2 năm 2023 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Vũ Hồng Sinh	*Hải Phòng, ngày 10 tháng 2 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Đinh Thế Dũng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày 27 tháng 04 năm 2023

Ký hiệu: 1C23TYY

Số: 585

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**
Mã số thuế: **0200867992**
Địa chỉ: **Số 49 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**
Mã số thuế : **0200383712**
Địa chỉ: **Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản**
Đơn vị tiền tệ: **VND** Tỷ giá:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT		Tổng tiền thanh toán
						Thuế suất	Tiền thuế	
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=6+8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường (xếp bìa đen) theo Biên bản nghiệm thu số: 0104/2023/BBNTKL/PH-THH xác nhận ngày 26/04/2023	m^3	32	260.000	8.320.000	10%	832.000	9.152.000

Tổng hợp	Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền thanh toán
Tổng tiền không chịu thuế:	KCT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	0%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	5%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	10%	**8.320.000**	**832.000**	**9.152.000**
Tổng tiền không tính thuế:	KKKNT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	KHAC			
Tổng cộng:		**8.320.000**	**832.000**	**9.152.000**

Số tiền viết bằng chữ: **Chín triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng.**

Người mua hàng **Người bán hàng**

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
Ký ngày: 27-04-2023

Mã của cơ quan thuế: **00C53A1C33F7D34F00A4DADFA20CB461A1**
Trang tra cứu: http://0200867992hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: L6X3G8W108198911725622911hiCm
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG** Số:.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**

Địa chỉ văn phòng: Số 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.3282.309

Địa chỉ cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.6507.999

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		
2	Chất thải phải xử lý	32 m3	
3	Tổng khối lượng		

4. Số hiệu phương tiện: 15H-04110 Họ tên lái xe : MR Tuyến

5. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2023 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Vũ Hồng Sinh	*Hải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Đinh Thế Dũng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày 29 tháng 05 năm 2023

Ký hiệu:1C23TYY

Số: 787

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHỦ HƯNG**
Mã số thuế: **0200867992**
Địa chỉ: **Số 49 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**
Mã số thuế : **0200383712**
Địa chỉ: **Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản**
Đơn vị tiền tệ: **VND** Tỷ giá:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT		Tổng tiền thanh toán
						Thuế suất	Tiền thuế	
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=6+8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường theo Biên bản nghiệm thu số: 0105/2023/BBNTKL xác nhận ngày 29/05/2023	m^3	32	260.000	8.320.000	10%	832.000	9.152.000

Tổng hợp	Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền thanh toán
Tổng tiền không chịu thuế:	KCT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	0%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	5%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	10%	**8.320.000**	**832.000**	**9.152.000**
Tổng tiền không tính thuế:	KKKNT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	KHAC			
Tổng cộng:		**8.320.000**	**832.000**	**9.152.000**

Số tiền viết bằng chữ: **Chín triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng.**

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHỦ HƯNG
Ký ngày: 29-05-2023

Mã của cơ quan thuế:**00C103E4FD06894BBC9DBBC5B6C7461550**
Tra cứu tại: http://0200867992hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: A6b3G8W200909582915783816gTwd
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải/chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Địa chỉ văn phòng: LÔ CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

Địa chỉ cơ sở: LÔ CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG

Địa chỉ văn phòng: Số 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.3282.309

Địa chỉ cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.6507.999

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		
2	Chất thải phải xử lý	32 m3	
3	Tổng khối lượng		

4.Số hiệu phương tiện: 15H-04110 Họ tên lái xe : MR Tuyến

5. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 17 tháng 5 năm 2023 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Nguyễn Thị Hoài Vân	*Hải Phòng, ngày 17 tháng 5 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Đinh Thế Duy

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu:1C23TYY
Số: 958

Ngày 26 tháng 06 năm 2023

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**
Mã số thuế: **0200867992**
Địa chỉ: **Số 49 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**
Mã số thuế : **0200383712**
Địa chỉ: **Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản**
Đơn vị tiền tệ: **VND** Tỷ giá:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT		Tổng tiền thanh toán
						Thuế suất	Tiền thuế	
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=6+8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường theo Biên bản nghiệm thu số: 0106/2023/BBNTKL xác nhận ngày 26/06/2023	m^3	32	260.000	8.320.000	10%	832.000	9.152.000

Tổng hợp	Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền thanh toán
Tổng tiền không chịu thuế:	KCT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	0%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	5%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	10%	**8.320.000**	**832.000**	**9.152.000**
Tổng tiền không tính thuế:	KKKNT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	KHAC			
Tổng cộng:		**8.320.000**	**832.000**	**9.152.000**

Số tiền viết bằng chữ: **Chín triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng.**

Người mua hàng **Người bán hàng**

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
Ký ngày: 26-06-2023

Mã của cơ quan thuế:**00EFFC97F8EF8B45DA9CD8F0CA519E3DE9**
Trang tra cứu: https://0200867992hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: J6L3z8W203376145451122012tji
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
Số 49 Đinh Tiên Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
MST: 0200857992

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**

Địa chỉ văn phòng: Số 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.3282.309

Địa chỉ cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.6507.999

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		
2	Chất thải phải xử lý	32 m^3	
3	Tổng khối lượng		

4. Số hiệu phương tiện: 15H-04110 Họ tên lái xe: Mr Tuyên

5. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2023	*Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2023*
Bên giao	Bên nhận
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Nguyễn Thị Thoại Vân	Nguyễn Đức Anh

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày 27 tháng 07 năm 2023

Ký hiệu: 1C23TYY

Số: 1244

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
Mã số thuế: 0200867992
Địa chỉ: Số 49 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
Mã số thuế: 0200383712
Địa chỉ: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản
Đơn vị tiền tệ: VND Tỷ giá:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT		Tổng tiền thanh toán
						Thuế suất	Tiền thuế	
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=6+8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường theo Biên bản nghiệm thu số: 0107/2023/BBNTKL xác nhận ngày 27/07/2023	m³	42	260.000	8.320.000	8%	665.600	8.985.600

Tổng hợp	Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền thanh toán
Tổng tiền không chịu thuế:	KCT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	0%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	5%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	8%	**8.320.000**	**665.600**	**8.985.600**
Tổng tiền chịu thuế suất:	10%			
Tổng tiền không tính thuế:	KKKNT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	KHAC			
Tổng cộng:		**8.320.000**	**665.600**	**8.985.600**

Số tiền viết bằng chữ: **Tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm đồng.**

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
Ký ngày: 27-07-2023

Mã của cơ quan thuế: **00DA671287D1634F28AC658980E6BBE278**
Trang tra cứu: http://0200867992hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: C6R3I8W2060648147925211
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
Số 49 Đình Tiên Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
MST: 0200867992

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**

Địa chỉ văn phòng: Số 49 Đình Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.3282.309

Địa chỉ cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.6507.999

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg) m^3	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		
2	Chất thải phải xử lý	32 m^3	
3	Tổng khối lượng	32 m^3	

4. Số hiệu phương tiện: 15H-04110 Họ tên lái xe: Vũ Văn Tuyến

5. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 1 tháng 7 năm 2023 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Nguyễn Thị Hoài Thu	*Hải Phòng, ngày 1 tháng 7 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Vũ Văn Tuyến

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày 28 tháng 08 năm 2023

Ký hiệu:1C23TYY

Số: 1411

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHỦ HƯNG**
Mã số thuế: **0200867992**
Địa chỉ: **Số 49 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**
Mã số thuế: **0200383712**
Địa chỉ: **Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản**
Đơn vị tiền tệ: VND Tỷ giá:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT		Tổng tiền thanh toán
						Thuế suất	Tiền thuế	
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=6+8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường theo Biên bản nghiệm thu số: 0108/2023/BBNTKL xác nhận ngày 28/08/2023	m³	32	260.000	8.320.000	8%	665.600	8.985.600

Tổng hợp	Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền thanh toán
Tổng tiền không chịu thuế:	KCT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	0%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	5%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	8%	**8.320.000**	**665.600**	**8.985.600**
Tổng tiền chịu thuế suất:	10%			
Tổng tiền không tính thuế:	KKKNT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	KHAC			
Tổng cộng:		**8.320.000**	**665.600**	**8.985.600**

Số tiền viết bằng chữ: **Tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm đồng.**

Người mua hàng **Người bán hàng**

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHỦ HƯNG
Ký ngày: 28-08-2023

Mã của cơ quan thuế: **00E03F4581149F4237A5C1CB205C42C465**
Trang tra cứu: http://0200867992tcl.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: f6n3i8W208E360188919365IREgD
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
Số 49 Đinh Tiên Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
MST: 0200867992

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:.....

1. **Bên giao** (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

2. **Bên nhận** (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**

Địa chỉ văn phòng: Số 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.3282.309

Địa chỉ cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.6507.999

3. **Khối lượng:** CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg) m^3	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		
2	Chất thải phải xử lý	32 m^3	
3	Tổng khối lượng	32 m^3	

4.Số hiệu phương tiện: 15H-04110 Họ tên lái xe : Vũ Văn Tuyến

5. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 1 tháng 9 năm 2023	*Hải Phòng, ngày 1 tháng 9 năm 2023*
Bên giao	**Bên nhận**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Nguyễn Thị Hoài Thu	Vũ Văn Tuyến

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu: 1C23TYY

Số: 1577

Ngày 27 tháng 09 năm 2023

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**

Mã số thuế: **0200867992**

Địa chỉ: **Số 49 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**

Mã số thuế: **0200383712**

Địa chỉ: **Lô CN1, khu Công nghiệp Trăng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản**

Đơn vị tiền tệ: **VND** Tỷ giá:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT		Tổng tiền thanh toán
						Thuế suất	Tiền thuế	
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=6+8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường theo Biên bản nghiệm thu số: 0109/2023/BBNTKL xác nhận ngày 27/09/2023	tấn	38	260.000	9.880.000	8%	790.400	10.670.400

Tổng hợp	Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền thanh toán
Tổng tiền không chịu thuế:	KCT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	0%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	5%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	8%	**9.880.000**	**790.400**	**10.670.400**
Tổng tiền chịu thuế suất:	10%			
Tổng tiền không tính thuế:	KKKNT			
Tổng tiền chịu thuế suất:	KHAC			
Tổng cộng:		**9.880.000**	**790.400**	**10.670.400**

Số tiền viết bằng chữ: **Mười triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng.**

Người mua hàng **Người bán hàng**

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG

Ký ngày: 27-09-2023

Mã của cơ quan thuế: **008CC2E891259C4032BAC13628A3C3C73E**

Trang tra cứu: http://0200867992hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: S6b3i8W301417942579410412ELH

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

TÍN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
Số 49 Đinh Tiên Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
MST: 0200[illegible]

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:.....

1. Bên giao (chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG**

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT: 0225.8830.268

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**

Địa chỉ văn phòng: Số 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.3282.309

Địa chỉ cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.6507.999

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)	38 m^3	
2	Chất thải phải xử lý		
3	Tổng khối lượng	38 m^3	

4.Số hiệu phương tiện: 15Z-26602 Họ tên lái xe: Vũ Đức Nghĩa

5. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 4 tháng 9 năm 2023 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Nguyễn Thị Hoài Vân	*Hải Phòng, ngày 4 tháng 9 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Vũ Đức Nghĩa

Đơn vị khởi, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800 1260

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

Mã số thuế *(Tax code)*: 0200504396
Địa chỉ *(Address)*: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: Fax :
Số tài khoản *(AC No)*: 3310548001 tại Ngân hàng Indovinabank - Hải Phòng
Số tài khoản 02 *(AC No)*: 0031000230875 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Hải Phòng
Số tài khoản 03 *(AC No)*: 32310008895889 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 27 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TDT
Số *(No)*: 00003116

Mã của cơ quan thuế: 00B79DCBEF9A1144BEB009125641F4881F8

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại ngày 11/10/2023 (Mùn, xốp thải)	M3	75	1.000.000	75.000.000

	Cộng tiền hàng *(Total amount)*: **75.000.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **8%**	**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*: **6.000.000**
	Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*: **81.000.000**

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Tám mươi mốt triệu đồng*

NGƯỜI MUA HÀNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Signature Valid
Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ-BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN
Ký ngày: 27/10/2023 11:56:02

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
(Signature, stamp and full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG
Ký ngày: 27/10/2023 11:55:56

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200504396-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 10519100IC23TDT3116781428

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO** **CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG** Số:.....

1.Bên giao: Công ty TNHH TÂN HUY HOÀNG
Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP. Hải Phòng.....ĐT: 0225.8830267
Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP. Hải Phòng.....ĐT: 0225.8830267

2.Bên nhận: Công ty TNHH PTTM & SX Đại Thắng
Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184
Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184

3.Khối lượng: 2 xe (15C-25260 + 15L-15798)

TT	Các loại chất thải phải xử lý	Khối lượng (m^3)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại (Mút, xốp thải)	35	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 11 tháng 10 năm 2023	Hải Phòng, ngày 11 tháng 10 năm 2023
BÊN GIAO *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Nguyễn Thị Hoài Vân	**BÊN NHẬN** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Mai Mè Thị Mai.

Đơn vị xuất, in/lập và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Tài chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800 1260

TAN THUAN PHONG CO.,LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)
Ngày (date) 25 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TTP
Số *(No.)*: 00000453

Mã của cơ quan thuế: 005698AAED19084DB0B486E77FFDF22A18

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG**
Mã số thuế *(Tax code)*: 6300429212
Địa chỉ *(Address)*: Km số 8 đường quốc lộ 5, thôn Lương Quán, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: 02253589152 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:
Ngân hàng *(Bank name)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200183712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1 Khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
	Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải:				
1	Rác công nghiệp thông thường (Xốp, bọt xốp, rác)	kg	1.500	27.500	41.250.000

Cộng tiền hàng *(Total amount)*: **41.250.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8% Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*: **3.300.000**
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*: **44.550.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Bốn mươi bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.*

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Signature Valid
Ký bởi:
Ký ngày:

NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
(Signature, stamp and full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
Ký ngày: 25/12/2023 15:44:47

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200429212-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 0200429212-CB889CCF-1AF1-4C57-9070-6D1B056E9B19

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 01/2023/TTP- THH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty TNHH Tân Huy Hoàng

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam — ĐT: 02253.883.0267

Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam — ĐT: 02253.883.0267

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, xử lý): Công ty TNHH Tân Thuận Phong

Địa chỉ văn phòng: Km8, Quốc lộ 5, thôn Lương Quán, xã Nam Sơn, huyện An Dương, TP Hải Phòng — ĐT: 0225 3589.152

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN4, KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng — ĐT: 0225 3589.152

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp thông thường	75 m^3 = 1500 kg	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
	Tổng khối lượng	1500	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2023

Bên giao *(Ký, ghi họ tên)*

Nguyễn Khắc Hoàn Vân

Phạm Văn Vinh

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2023

Bên nhận *(Ký, ghi họ tên)*

Tống Văn Thanh

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800 1260

TAN THUAN PHONG CO.,LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)
Ngày (date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTP
Số *(No)*: 00000001

Mã của cơ quan thuế: 00D5C5916D076F415AB46C6EDABDA76C19

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG**
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200429212
Địa chỉ *(Address)*: Km số 8 đường quốc lộ 5, thôn Lương Quán, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Số điện thoại *(Tel)*: 02253589152 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:
Ngân hàng *(Bank name)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1 Khu Công nghiệp Trăng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
	Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải:				
1	Rác công nghiệp thông thường (Xốp, hạt xốp, rác)	kg	500	27.500	13.750.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	13.750.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	1.100.000
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	14.850.000

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Mười bốn triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Signature Valid
Ký bởi:
Ký ngày:

NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
(Signature, stamp and full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
Ký ngày: 06/01/2024 11:14:04

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200429212-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 0200429212.83DBBF6F-7523-4440-8BAB-BC795A3D0D5D

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 02/2023/TTP- THH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty TNHH Tân Huy Hoàng

Địa chỉ văn phòng: Lô CN4, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam — ĐT: 02253.883.0267

Địa chỉ cơ sở: Lô CN4, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam — ĐT: 02253.883.0267

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, xử lý): Công ty TNHH Tân Thuận Phong

Địa chỉ văn phòng: Km8, Quốc lộ 5, thôn Lương Quán, xã Nam Sơn, huyện An Dương, TP Hải Phòng — ĐT: 0225 3589.152

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN4, KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng — ĐT: 0225 3589.152

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp thông thường	Số lượng rác : đơn vị tính	
2		Sữa khử	
3		1	
4		Biển số xe : 15C - 442 - 32.	
5		Tổng = 25 khối (m^3) = 500 kg	
6			
7			
8			
9			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 27 tháng 12 năm 2023

Bên giao *(Ký, ghi họ tên)*

Nguyễn Thị Hoài Vân

Hải Phòng, ngày 27 tháng 12 năm 2023

Bên nhận *(Ký, ghi họ tên)*

Kế

Đặng Phi Kế

BV TP

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800 1260

TAN THUAN PHONG CO., LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)
Ngày (date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTP
Số *(No)*: 00000002

Mã của cơ quan thuế: 00020300845FF14CCE9C57168E422178DD

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG**
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200429212
Địa chỉ *(Address)*: Km số 8 đường quốc lộ 5, thôn Lương Quán, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Số điện thoại *(Tel)*: 02253589152 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:
Ngân hàng *(Bank name)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1 Khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
	Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải				
1	Tro xỉ từ quá trình đốt lò hơi	kg	23.200	1.800	41.760.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	41.760.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	3.340.800
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	45.100.800

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Bốn mươi lăm triệu một trăm ngàn tám trăm đồng chẵn.

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Signature Valid
Ký bởi:
Ký ngày:

NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
(Signature, stamp and full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
Ký ngày: 06/01/2024 11:34:27

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200429212-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 0200429212.0F671B80-8182-4987-A58B-F3CC5D6307E7

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 03/2023/TTP- THH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty TNHH Tân Huy Hoàng

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam — ĐT: 02253.883.0267

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam — ĐT: 02253.883.0267

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, xử lý): Công ty TNHH Tân Thuận Phong

Địa chỉ văn phòng: Km8, Quốc lộ 5, thôn Lương Quán, xã Nam Sơn, huyện An Dương, TP Hải Phòng — ĐT: 0225 3589.152

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN4, KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng — ĐT: 0225 3589.152

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp thông thường: Tro xỉ từ quá trình đốt nồi hơi	23.200	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2023

Bên giao *(Ký, ghi họ tên)*

Trần Thị Minh Hằng

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2023

Bên nhận *(Ký, ghi họ tên)*

Đặng Thị Tuyết Mai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

- Căn cứ vào Hợp đồng Số: ..... ký ngày.....tháng.....năm.....
giữa.....Công ty Tân Huy Hoàng.....và Công ty TNHH Tân Thuận Phong;
Hôm nay, vào hồi 8 ngày 27 tháng 06 năm 2024, tại Công ty Tân Huy Hoàng...,
chúng tôi gồm có:

BÊN A: Công ty Tân Huy Hoàng
1..... Chức vụ:.....
2.....Chức vụ:.....

BÊN B: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
1.....Trần Gia Thế.....Chức vụ:.....Lái xe - 15C-052.36...
2.....Chức vụ:.....

Để đảm bảo việc quản lý chất thải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hai bên cùng thống nhất xác nhận về khối lượng chất thải giao nhận như sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bùn CN		Khối	10	
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					

Chúng tôi cùng thống nhất số lượng kê khai ở trên và ký vào Biên bản để làm cơ sở cho việc quản lý chất thải và thanh toán định kỳ vào hàng tháng theo điều khoản thanh toán trong Hợp đồng.

Biên bản kết thúc vào hồi 12 giờ 00 ngày 27 tháng 06 năm 2024.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY.....Tân Huy Hoàng.....
1.....
2.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
1.....Trần Gia Thế.....
2.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

- Căn cứ vào Hợp đồng Số: ký ngày 11 tháng 6 năm 24
giữa Cty Tân Thuy Hoàng và Công ty TNHH Tân Thuận Phong;
Hôm nay, vào hồi 8 ngày 11 tháng 06 năm 202.., tại Công Ty Tân Thuy Hoàng,
chúng tôi gồm có:

BÊN A: Công Ty Tân Thuy Hoàng
1..... Chức vụ:.....
2..... Chức vụ:.....

BÊN B: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
1..... Chức vụ:.....
2..... Chức vụ:.....

Để đảm bảo việc quản lý chất thải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hai bên cùng thống nhất xác nhận về khối lượng chất thải giao nhận như sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Rác CN		Khối	20	
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					

Chúng tôi cùng thống nhất số lượng kê khai ở trên và ký vào Biên bản để làm cơ sở cho việc quản lý chất thải và thanh toán định kỳ vào hàng tháng theo điều khoản thanh toán trong Hợp đồng.

Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 ngày 11 tháng 06 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY Tân Thuy Hoàng
1.....
2.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
1.....
2.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

- Căn cứ vào Hợp đồng Số: ..... ký ngày 8...tháng 6...năm 24
giữa Cty Tân Huy Hoàng và Công ty TNHH Tân Thuận Phong;
Hôm nay, vào hồi 8h ngày 08 tháng 06 năm 2024, tại Công Ty Tân Huy Hoàng,
chúng tôi gồm có:

BÊN A: Công Ty Tân Huy Hoàng
1.....Chức vụ:.....
2.....Chức vụ:.....

BÊN B: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
1. Trần Gia Thi Chức vụ: Lái xe 15C-052.36
2.....Chức vụ:.....

Để đảm bảo việc quản lý chất thải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hai bên cùng thống nhất xác nhận về khối lượng chất thải giao nhận như sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Rác thải CN		Khối	10	
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					

Chúng tôi cùng thống nhất số lượng kê khai ở trên và ký vào Biên bản để làm cơ sở cho việc quản lý chất thải và thanh toán định kỳ vào hàng tháng theo điều khoản thanh toán trong Hợp đồng.

Biên bản kết thúc vào hồi 10... giờ 00 ngày 08 tháng 06 năm 2024.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY Tân Huy Hoàng
1.....
2.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
1. Trần Gia Thi
2.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

- Căn cứ vào Hợp đồng Số ký ngày 03 tháng 05 năm 2024
giữa Cty Bàn Thuy Hoàng và Công ty TNHH Tân Thuận Phong;

Hôm nay, vào hồi 10h ngày 03 tháng 05 năm 2024, tại ,
chúng tôi gồm có:

BÊN A: Cty Bàn Thuy Hoàng

1 Chức vụ:

2 Chức vụ:

BÊN B: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG

1 Nguyễn Quang Tính Chức vụ: Lái xe 15C-17373

2 Chức vụ:

Để đảm bảo việc quản lý chất thải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hai bên cùng thống nhất xác nhận về khối lượng chất thải giao nhận như sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Rác thải CN		Khối	20	
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					

Chúng tôi cùng thống nhất số lượng kê khai ở trên và ký vào Biên bản để làm cơ sở cho việc quản lý chất thải và thanh toán định kỳ vào hàng tháng theo điều khoản thanh toán trong Hợp đồng.

Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 10 ngày 03 tháng 05 năm 2024...

ĐẠI DIỆN CÔNG TY Bàn Thuy Hoàng

1

2 Nguyễn Thị Hoài Vân

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG

1 Nguyễn Quang Tính

2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Căn cứ vào Hợp đồng Số: Ty Cần Huy Hoàng ký ngày 26 tháng 03 năm 2024
giữa Ty Cần Huy Hoàng và Công ty TNHH Tân Thuận Phong;
Hôm nay, vào hồi 10 ngày 26 tháng 03 năm 2024, tại .....,
chúng tôi gồm có:

BÊN A: Nguyễn Thị Hoài Vân
1..... Chức vụ:.....
2..... Chức vụ:.....

BÊN B: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
1. Đào phái kế Chức vụ: Lái xe (15C-542-32)
2..... Chức vụ:.....

Để đảm bảo việc quản lý chất thải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hai bên cùng thống nhất xác nhận về khối lượng chất thải giao nhận như sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Rác công nghiệp		Khối	20	
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					

Chúng tôi cùng thống nhất số lượng kê khai ở trên và ký vào Biên bản để làm cơ sở cho việc quản lý chất thải và thanh toán định kỳ vào hàng tháng theo điều khoản thanh toán trong Hợp đồng.

Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 00 ngày 26 tháng 03 năm 2024.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY Cần Huy Hoàng
1.....
2.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
1. Lái xe Đào phái kế
2.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Căn cứ vào Hợp đồng Số: ký ngày.....tháng.....năm.....
giữa.....và Công ty TNHH Tân Thuận Phong;
Hôm nay, vào hồi 14 ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại.....,
chúng tôi gồm có:

BÊN A: .....
1. Bùi Thị Thu Hoàng Chức vụ: .....
2. Nguyễn Thị Thu Hoài Chức vụ: NV

BÊN B: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
1. Nguyễn Quang Tính Chức vụ: Lái xe 15C-05067
2. Chức vụ:.....

Để đảm bảo việc quản lý chất thải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hai bên cùng thống nhất xác nhận về khối lượng chất thải giao nhận như sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Rác CN		m³	20	
2			Khối		
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					

Chúng tôi cùng thống nhất số lượng kê khai ở trên và ký vào Biên bản để làm cơ sở cho việc quản lý chất thải và thanh toán định kỳ vào hàng tháng theo điều khoản thanh toán trong Hợp đồng.

Biên bản kết thúc vào hồi 15 giờ 00 ngày 05 tháng 12 năm 2024.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY Bùi Thu Hoàng
1. .....
2. Nguyễn Thị Thu Hoài Văn

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
1. Nguyễn Quang Tính
2. .....

Đơn vị tiếp, truyền tải cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), điện thoại: 1800 1260

TAN THUAN PHONG CO.,LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)
Ngày (date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTP
Số *(No)*: 00000001

Mã của cơ quan thuế: 00D5C5916D076F415AB46C6EDABDA76C49

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200429212
Địa chỉ *(Address)*: Km số 8 đường quốc lộ 5, thôn Lương Quán, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: 02253589152 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:
Ngân hàng *(Bank name)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: Công ty TNHH Tàu Huy Hoàng
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1 Khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
	Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải:				
1	Rác công nghiệp thông thường (Xếp, bọt xốp, rác)	kg	500	27.500	13.750.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	13.750.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	1.100.000
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	14.850.000

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Mười bốn triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*	CƠ QUAN THUẾ	NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	*(Signature, stamp)*	*(Signature, stamp and full name)*
	Signature Valid Ký bởi: Ký ngày:	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG Ký ngày: 06/01/2024 11:14:04

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200429212-tt78.vnpt-invoice.com.vn/; Mã tra cứu: 020042921283DBBF6F-7523-4440-8BA8-BC795A3D0D5D

Đơn vị in ấn, phát hành và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800.1260

TAN THUAN PHONG CO.,LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)
Ngày (date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTP
Số *(No)*: 00000002

Mã của cơ quan thuế: 00020300845FF14CCE9C57168E42217BDD

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG**
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200429212
Địa chỉ *(Address)*: Km số 8 đường quốc lộ 5, thôn Lương Quán, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: 02253589153 Fax:
Số tài khoản *(A/C No)*:
Ngân hàng *(Bank name)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1 Khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(A/C No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
	Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải				
1	Tro xỉ từ quá trình đốt lò hơi	kg	23.200	1.800	41.760.000

Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**41.760.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **8%** **Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**3.340.800**
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	**45.100.800**

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Bốn mươi lăm triệu một trăm ngàn tám trăm đồng chẵn.

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Signature Valid
Ký bởi:
Ký ngày:

NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
(Signature, stamp and full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
Ký ngày: 06/01/2024 11:14:27

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200429212-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 0200429212:0E671BE0-8182-49D7-A58B-F3CC5D6307E7

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800 1260

TAN THUAN PHONG CO.,LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)
Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTP
Số *(No)*: 00000109

Mã của cơ quan thuế: 003A4A2D9CED5C46A3BB74FEE6CA434689

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG**
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200429212
Địa chỉ *(Address)*: Km số 8 đường quốc lộ 5, thôn Lương Quán, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Số điện thoại *(Tel)*: 02253589153 **Fax:**
Số tài khoản *(AC No)*:
Ngân hàng *(Bank name)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1 Khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
	Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải:				
1	Rác công nghiệp thông thường (Xốp, bọt xốp, rác)	kg	400	27.500	11.000.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**11.000.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8%**			**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**880.000**
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	**11.880.000**

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười một triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn.*

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*	CƠ QUAN THUẾ	NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	*(Signature, stamp)*	*(Signature, stamp and full name)*
	Signature Valid Ký bởi: Ký ngày:	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG Ký ngày: 26/03/2024 14:37:34

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200429212-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 020042921 2.5B7675BB-A5F9-4276-B888-8E1872D95D1

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800 1260

TAN THUAN PHONG CO.,LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)
Ngày (date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTP
Số *(No)*: 00000202

Mã của cơ quan thuế: 00C49DD1B2A6374581BB695D3C4A28FFBA

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG**
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200429212
Địa chỉ *(Address)*: Km số 8 đường quốc lộ 5, thôn Lương Quán, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Số điện thoại *(Tel)*: 02253589152 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:
Ngân hàng *(Bank name)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1 Khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
	Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải:				
1	Rác công nghiệp thông thường (Xốp, bọt xốp, rác)	kg	436,4	27.500	12.001.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	12.001.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	960.080
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	12.961.080

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười hai triệu chín trăm sáu mươi mốt ngàn không trăm tám mươi đồng chẵn.*

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Signature Valid
Ký bởi:
Ký ngày:

NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
(Signature, stamp and full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
Ký ngày: 02/05/2024 14:39:24

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200429213-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 0200429212.85F0AB9F-36A8-4EB9-A400-0961996240

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800 1260

TAN THUAN PHONG CO.,LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)
Ngày (date) 10 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTP
Số *(No)*: 00000224

Mã của cơ quan thuế: 001AF60B1B1B274A364AF3AD7281B21A15

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG**
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200429212
Địa chỉ *(Address)*: Km số 8 đường quốc lộ 5, thôn Lương Quán, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: 02253580152 Fax:
Số tài khoản *(A/C No)*:
Ngân hàng *(Bank name)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1 Khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(A/C No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
	Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải				
1	Rác công nghiệp thông thường (Xốp, bọt xốp, tóc)	kg	364	27.500	10.010.000

Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**10.010.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8% **Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**800.800**
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	**10.810.800**

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười triệu tám trăm mười ngàn tám trăm đồng chẵn.*

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Signature Valid
Ký bởi:
Ký ngày:

NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
(Signature, stamp and full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
Ký ngày: 10/05/2024 10:46:57

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200429212-tt78.vnpt-invoice.com.vn; Mã tra cứu: 0200429212-6B159148-7CB5-4578-ADC1-A1CFFF94F758

Đơn vị nhận, hỗ trợ cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800 1260

TAN THUAN PHONG CO.,LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)
Ngày (date) 20 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTP
Số *(No)*: 00000334

Mã của cơ quan thuế: 00C997D552FBCF41B19F3C07E38BD0ED0F

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200429212
Địa chỉ *(Address)*: Km số 8 đường quốc lộ 5, thôn Lương Quán, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Số điện thoại *(Tel)*: 02253589152 Fax:
Số tài khoản *(A/C No)*:
Ngân hàng *(Bank name)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1 Khu Công nghiệp Trăng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(A/C No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
	Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải				
1	Rác công nghiệp thông thường (Xốp, bọt xốp, rác)	kg	600	27.500	16.500.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	16.500.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	1.320.000
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	17.820.000
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Mười bảy triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.					

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Signature Valid
Ký bởi:
Ký ngày:

NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
(Signature, stamp and full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
Ký ngày: 20/06/2024 15:48:55

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200429212-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 0200429212.5BFB1691-E117-4F3B-B5C6-17F69B94495A

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

TAN THUAN PHONG CO.,LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)
Ngày (date) 11 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTP
Số *(No)*: 00000407

Mã của cơ quan thuế: 00698538A109B84EC88C97EA443A27CF42

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG**
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200429212
Địa chỉ *(Address)*: Km số 8 đường quốc lộ 5, thôn Lương Quán, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Số điện thoại *(Tel)*: 02253589152 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:
Ngân hàng *(Bank name)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1 Khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
	Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải:				
1	Rác công nghiệp thông thường (Xốp, bọt xốp, rác)	kg	200	27.500	5.500.000
2	Tro xỉ từ quá trình đốt lò hơi	kg	20.880	1.800	37.584.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	43.084.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	3.446.720
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	46.530.720
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Bốn mươi sáu triệu năm trăm ba mươi ngàn bảy trăm hai mươi đồng chẵn.					

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Signature Valid
Ký bởi:
Ký ngày:

NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
(Signature, stamp and full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG
Ký ngày: 11/07/2024 09:18:35

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200429212-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 0200429212-FB4CA98C-FD04-4A1E-9878-ED2C67EBBA19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
oOo

HỢP ĐỒNG

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTCN&RSH)
Số:121/2021/HĐXLCT/PH-THH

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH113 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;

- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23/06/2014 hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015.

- Căn cứ nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/04/2015 và thông tư 36/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 quy định về quản lý chất thải và phế liệu.

- Căn cứ thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Căn cứ Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 12/10/2020, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2021, chúng tôi gồm có:

I - <u>BÊN A:</u> CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Địa chỉ : Lô CN1, Khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại : 0225 8830267 - 8830268 - Fax: 0225 8830266

Mã số thuế: 0200383712

Tài khoản : 116000106838 Tại NH TMCP Công thương VN - CN Kiến An - Hải Phòng.

:114000009773 Tại NH TMCP Công thương VN - CN Lê Chân - Hải Phòng.

Đại diện : Ông **TRỊNH HUY HOÀNG** - Chức vụ: **Giám đốc**

II - <u>BÊN B:</u> CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG

Địa chỉ : 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại : 0225.6508999 - Fax: 0225.3282309

Mã số thuế: 0200867992

Tài khoản số: 020 0101 016 0203 Mở tại ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Hải Phòng

Đại diện : **Ông NGUYỄN HOÀI SƠN** - Chức vụ: **Phó giám đốc**

(Theo giấy ủy quyền số: 03/UQ-PH/ ngày 01/12/2021)

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc:

1.1. Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động kinh doanh của bên A, mà bên B có khả năng xử lý.

1.2. Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý tiêu huỷ các chất thải có trong danh mục của bên A và phù hợp với giấy phép của bên B để tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, tần suất thu gom và phương tiện vận chuyển:

2.1. Địa điểm giao nhận chất thải tại kho lưu giữ chất thải Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ : Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại nhà máy xử lý chất thải Minh Tân thuộc Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

2.3. Thời gian giao nhận: Theo khối lượng đã được xác định và thỏa thuận giữa bên A và bên B.

Sau khi thu gom, 2 bên sẽ lập biên bản bàn giao chất thải để làm cơ sở thanh toán.

2.4. Tần suất thu gom : Theo yêu cầu của bên A và thông báo trước cho bên B 24 giờ trước khi thu gom.

2.5. Phương tiện vận chuyển và bốc xếp: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp công nhân để đưa chất thải lên xe.

Điều 3: Đơn giá và Phương thức thanh toán

3.1 Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý được tính theo như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	ĐVT	Đơn giá
I	**Danh mục chất thải nguy hại**				
1	Mực in thải	Rắn	08 02 01	Kg	**3.000**
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	**3.500**
3	Chất kết dính, chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	08 03 01	Kg	**3.500**
4	Tấm lọc carbon thải	Rắn	18 02 01	Kg	**3.500**
5	Que hàn thải	Rắn	07 04 01	Kg	**2.000**
6	Giấy ráp, đá mài, đá cắt thải	Rắn	07 02 10	Kg	**2.000**
7	Xỉ hàn thải (quá trình bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị)	Rắn	07 04 02	Kg	**2.500**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	ĐVT	Đơn giá
I	**Danh mục chất thải nguy hại**				
8	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	Rắn	11 06 02	Kg	**2.000**
9	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Kg	**2.500**
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	Kg	**2.000**
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	Kg	**2.000**
12	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Kg	**2.500**
13	Dầu thủy lực thải	Lỏng	17 01 06	Kg	**2.500**
14	Nhôm dính dầu	Rắn	07 03 11	Kg	**2.500**
II	**Danh mục chất thải công thường thông thường**				
1	Chất thải công nghiệp thông thường, xỉ than	Rắn	-	Kg	**1.700**
2	Xốp bìa đen	Rắn	-	M3	**260.000**
III	**Danh mục rác sinh hoạt**				
1	Chất thải sinh hoạt	Rắn	-	Khoán/ 1 tháng	**5.000.000**

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10 %.
- Đơn giá được áp dụng không điều chỉnh trong thời gian hợp đồng có hiệu lực.

3.2 Phương thức thanh toán, loại hợp đồng

- Loại hợp đồng nguyên tắc.
- Hai bên sẽ lập biên bản xác nhận, lập chứng từ CTNH, CTCN&RSH để làm cơ sở cho việc thanh toán và quản lý CTNH, CTCN&RSH.
- Bên A thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho bên B sau khi thực hiện việc thu gom vận chuyển xử lý chất thải, trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được những chứng từ thanh toán hợp lệ từ bên B bao gồm:
  + Biên bản xác nhận khối lượng chất thải phát sinh có chữ ký của hai bên.
  + Biên bản nghiệm thu bàn giao có chữ ký của hai bên
  + Chứng từ CTNH, CTCN theo quy định của pháp luật hiện hành
  + Hóa đơn tài chính hợp lệ 100% giá trị thanh toán tương ứng.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các bên.

4.1. Quyền và nghĩa vụ Bên A

- Thông báo kế hoạch và thời gian bàn giao rác thải cho bên B trước 24 giờ để bên B bố trí người, phương tiện thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Tạo điều kiện thuận lợi nhất để bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Cử cán bộ, nhân viên phối hợp để giải quyết các vướng mắc trong suốt quá trình thực hiện.

- Thanh toán cho bên B theo đúng Điều 3 của Hợp đồng này.

- Bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về những chất thải của Công ty mình mà không bàn giao cho bên B xử lý.

- Bên A có quyền dừng việc thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng này trong các trường hợp sau:

- Do cơ cấu và nhu cầu của Bên A tại từng giai đoạn sản xuất.
- Bên B tiết lộ thông tin cho bên thứ 3 mà không được sự đồng ý của bên A gây ảnh hưởng đến lợi ích và uy tín của bên A;
- Người và phương tiện của bên B vào thu gom và vận chuyển rác thải không tuân thủ nội quy, quy định của bên A gây mất an ninh trật tự, an toàn, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của bên A.
- Bên A phát hiện ra nhân viên của bên B trộm cắp tài sản và gian lận trong khi làm việc tại bên A

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Bố trí nhân lực, phương tiện vận chuyển và xử lý rác thải theo đúng quy định của pháp luật;

- Đảm bảo tiếp nhận, vận chuyển rác thải đúng chủng loại, đúng khối lượng, từ sau khi rời khỏi địa điểm của bên A;

- Cung cấp các hồ sơ pháp lý cho bên A.

- Phối hợp với bên A trong việc cung cấp các hồ sơ pháp lý, thông tin liên quan khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

- Tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về Bảo vệ môi trường khi đã vận chuyển rác thải ra khỏi cổng của bên A;

- Tự chịu trách nhiệm về Bảo hiểm, an toàn lao động, vệ sinh lao động và các chế độ, chính sách khác theo quy định Pháp luật hiện hành đối với con người, phương tiện, tài sản của mình trong quá trình thực hiện công việc tại bên A.Trong khi làm việc tại bên A, nếu do lỗi của bên B làm phương hại đến con người, tài sản, phương tiện của bên A hay bên thứ ba thì bên B phải bồi thường giá trị thiệt hại theo giá thị trường hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền;

- Xuất hóa đơn GTGT cho Bên A theo quy định hiện hành.

Điều 5: Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng.

- Nếu Bên nào đơn phương hủy bỏ Hợp đồng làm thiệt hại đến quyền lợi kinh tế của Bên kia thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai Bên cố gắng cùng nhau bàn bạc các biện pháp giải quyết trên tinh thần hòa giải, có thiện chí và hợp tác. Nếu vẫn không thống nhất cách giải

quyết thì hai Bên sẽ đưa vụ việc ra Tòa án Kinh tế thành phố Hải Phòng, toàn bộ chi phí xét xử do Bên thua chịu.

- Quyết định của Tòa án sẽ mang tính chung thẩm và có giá trị ràng buộc các Bên thi hành. Trong thời gian Tòa án thụ lý và chưa đưa ra phán quyết, các Bên vẫn phải tiếp tục thi hành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo qui định của Hợp đồng này.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng.

6.1.Hợp đồng này có hiệu lực pháp lý kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021 đến ngày 19 tháng 12 năm 2022.

6.2.Nếu không có văn bản thông báo chấm dứt hợp đồng, yêu cầu thay đổi nội dung hợp đồng từ các bên thì hợp đồng này sẽ tự động gia hạn cho từng năm tiếp theo

6.3.Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG
GIÁM ĐỐC	PHÓ GIÁM ĐỐC
Trịnh Huy Hoàng	Nguyễn Hoài Sơn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

=======***=======

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

(Số: 2023/THH-DT/CTNH)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022;

- Căn cứ nghị định số 08/2022/NĐ-Cp của Chính phủ ngày hiệu lực 10/01/2022;

- Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường hiệu lực 10/01/2022;

- Căn cứ Giấy phép Xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3.041.VX của Bộ Tài nguyên và môi trường cấp cho Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng ngày 28 tháng 02 năm 2022;

- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2023 tại Công ty TNHH Tân Huy Hoàng, Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Đại diện : Bà PHẠM THỊ PHƯƠNG Chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ : Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng

Điện thoại : 0225.8830267 Fax: 0225.8830266

Mã số thuế : 0200383712

Số TK : 114000009773 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Lê Chân, Hải Phòng.

: 116000106838 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Kiến An, Hải Phòng.

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

Đại diện là : Ông ĐOÀN NGỌC HÙNG Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại : 0225.3701184 Fax: 0225.3956954

Mã số thuế : 0200504396

Số tài khoản : 3310548001 tại Ngân hàng Indovinabank-Chi nhánh Hải Phòng.

Cùng nhau thoả thuận ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với các điều khoản sau:

Điều 1: Phạm vi thực hiện hợp đồng

- Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ và bên A đồng ý sử dụng dịch vụ của bên B cho việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại thải ra từ quá trình hoạt động của bên A.

Điều 2: Đơn giá vận chuyển, xử lý và phương thức thanh toán

2.1. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ/Kg)
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	18 02 01	Kg	5.500
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	6.000
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg	4.000
4	Dầu thủy lực	17 01 06	Kg	4.000
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	5.000
6	Mực in thải từ hoạt động văn phòng	08 02 01	Kg	5.500
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 01	Kg	5.000
8	Giấy giáp, đá mài, đá cắt thải	07 02 10	Kg	5.500
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị)	07 04 02	Kg	5.500
10	Nhôm phế liệu dính dầu	07 03 11	Kg	4.500
11	Tấm lọc cacbon thải	18 02 01	Kg	5.500
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	11 06 02	Kg	6.500
13	Que hàn thải	07 04 01	Kg	5.500
14	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 03 01	Kg	6.000

- Nếu tổng khối lượng chất thải trong mỗi lần giao nhận từ 1.500 Kg trở lên thì hai bên sẽ áp dụng biểu giá trên.

- Nếu tổng khối lượng chất thải giao nhận trong lần xử lý đó dưới 1.500 Kg thì ngoài phí tính dựa trên khối lượng thực tế giao nhận và đơn giá vận chuyển, xử lý ở trên, Bên A phải trả cho Bên B một khoản phụ phí cho lần vận chuyển đó là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).*

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT

2.2 Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo tài khoản đã ghi trong hợp đồng.

- Có xác nhận khối lượng của hai bên khi thực hiện và có biên bản tổng hợp khối lượng.

- Thời hạn thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B chậm nhất 30 ngày sau khi nhận được chứng từ hoá đơn thanh toán đúng và phù hợp với quy định của luật tài chính hiện hành.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của bên A

3.1. Bên A có các quyền sau:

- Yêu cầu bên B đưa phương tiện vận chuyển đến địa điểm tập kết, lưu giữ chất thải của bên A vào thời gian theo yêu cầu của bên A để vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

3.2. Bên A có các nghĩa vụ sau:

- Bên A có trách nhiệm hỗ trợ bên B đưa những bao đựng chất thải nặng (nếu có) lên xe của bên B.

- Cùng bên B xác định khối lượng chất thải được vận chuyển và xử lý làm cơ sở cho việc thanh toán.

- Thanh toán tiền dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Chứa các chất thải vào các dụng cụ chứa đựng hợp vệ sinh.

- Trường hợp khối lượng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại có phát sinh lớn thì bên A phải thông báo trước cho bên B ít nhất 03 ngày để bên B có phương án hỗ trợ.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của bên B

4.1. Bên B có các quyền sau:

- Yêu cầu bên A chứa đựng, tập kết chất thải đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

- Yêu cầu bên A khắc phục các trở ngại để bên B thực hiện công việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại được nhanh chóng, thuận lợi.

4.2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Đảm bảo dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại cho bên A.

Về thời gian: *Theo yêu cầu của bên A*

Địa điểm tại: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Hải Phòng

- Cùng bên A xác định khối lượng chất thải được vận chuyển và xử lý làm cơ sở cho việc thanh toán.

- Xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A.

- Khi ngừng cung cấp dịch vụ vì lý do sự cố, phải thông báo cho bên A trong vòng 24 giờ bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác.

Điều 5: Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng và các quy định hiện hành về công tác quản lý chất thải của Nhà nước và Thành phố.

- Nếu bên nào vi phạm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường mọi tổn thất do bên đó gây ra. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác, tương trợ lẫn nhau. Trường hợp không thương lượng được thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại toà án Kinh tế thuộc tòa án nhân dân Hải Phòng. Phán quyết của toà án kinh tế là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực thi. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh do bên vi phạm hợp đồng chịu.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến ngày 31/12/2024.

- Trong quá trình thực hiện hai bên thực hiện đủ các nghĩa vụ, không có khiếu nại Hợp đồng được tự động thanh lý.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Phương	Đoàn Ngọc Hùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
------***------

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
VIỆC CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Căn cứ hợp đồng ký giữa Công ty TNHH Tân Huy Hoàng và Công ty TNHH PTTM & SX Đại Thắng số 02/ THH-ĐT/CTNH ngày 10 tháng 10 năm 2023.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên giao: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Ông (Bà): Trần Thị Minh Tâm - Chức vụ: Phó Giám đốc

2. Đại diện bên nhận: Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thắng
Ông (Bà): Phạm Thanh Mai - Chức vụ: Nhân viên môi trường

Cùng bàn giao số lượng chất thải theo nội dung sau:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*		
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	x			18 02 01	3
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	2
3	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	150
4	Dầu thủy lực		x		17 01 06	18
5	Mực in từ hoạt động văn phòng	x			08 02 01	0,5
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	455
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	53
8	Giấy ráp, đá mài, đá cắt thải	x			07 03 10	4,5
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị)	x			07 04 02	53
10	Nhôm phế liệu dính dầu	x			07 03 11	238
11	Tấm lọc cacbon thải	x			18 02 01	5
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	x			11 06 02	5
13	Que hàn thải	x			07 04 01	5
14	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác		x		08 03 01	15

Được vận chuyển bằng 01 xe ô tô biển kiểm soát : 16L-9064

Và đưa ra khỏi Công ty TNHH Tân Huy Hoàng để vận chuyển đến địa điểm xử lý của Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thắng.

Việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong vận chuyển chất thải sau khi ra khỏi Công ty TNHH Tân Huy Hoàng thuộc trách nhiệm của công ty TNHH PTTM&SX Đại Thắng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản.

Các bên ký xác nhận biên bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO	**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**
Trần Thị Minh Tâm	Mai
	PHẠM THANH MAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
------***------

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
VIỆC CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Căn cứ hợp đồng ký giữa Công ty TNHH Tân Huy Hoàng và Công ty TNHH PTTM & SX Đại Thắng số 03/2023/THH-ĐT/CTNH ngày 10 tháng 10 năm 2023.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên giao: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Ông (Bà): Trần Thị Minh Tâm - Chức vụ: Phó Giám đốc

2. Đại diện bên nhận: Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thắng
Ông (Bà): Phạm Thanh Mai - Chức vụ: Nhân viên môi trường

Cùng bàn giao số lượng chất thải theo nội dung sau:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*		
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	x			18 02 01	3
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	2
3	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	150
4	Dầu thủy lực		x		17 01 06	18
5	Mực in từ hoạt động văn phòng	x			08 02 01	0,5
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	455
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	53
8	Giấy ráp, đá mài, đá cắt thải	x			07 03 10	4,5
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị)	x			07 04 02	53
10	Nhôm phế liệu dính dầu	x			07 03 11	238
11	Tấm lọc cacbon thải	x			18 02 01	5
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	x			11 06 02	5
13	Que hàn thải	x			07 04 01	5
14	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác		x		08 03 01	15

Được vận chuyển bằng 01 xe ô tô biển kiểm soát : 16L-9064

Và đưa ra khỏi Công ty TNHH Tân Huy Hoàng để vận chuyển đến địa điểm xử lý của Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thắng.

Việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong vận chuyển chất thải sau khi ra khỏi Công ty TNHH Tân Huy Hoàng thuộc trách nhiệm của công ty TNHH PTTM&SX Đại Thắng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản.

Các bên ký xác nhận biên bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO	ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
Trần Thị Minh Tâm	PHẠM THANH MAI

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 02/2023/150/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG ..... Số GPMT: 150/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ..... ĐT: 0225.3701184

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô CN04, khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ..... ĐT: 0225.3701184

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG ..... Mã số QLCTNH: 31.000232.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Xã Lộ Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng ..... ĐT: 0225.8830267

Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Xã Lộ Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng ..... ĐT: 0225.8830266

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)[1]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	X			18 02 01	3	TD
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	2	Phá dỡ, HR
3	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		X		17 02 03	150	TD
4	Dầu thủy lực		X		17 01 06	18	TD
5	Mực in từ hoạt động văn phòng	X			08 02 01	0,5	TD
6	Bao bì công thải bằng kim loại	X			18 01 02	455	TD
7	Bao bì công thải bằng nhựa	X			18 01 03	53	TD
8	Giấy rập, đá mài, đá cắt thải	X			07 03 10	4,5	HR
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị)	X			07 04 02	53	HR
10	Nhôm phế liệu dính dầu	X			07 03 11	238	Tẩy rửa, TC
11	Tấm lọc cacbon thải	X			18 02 01	5	TD
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	X			11 06 02	5	TD, HR
13	Que hàn thải	X			07 04 01	5	TD, HR
14	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác		X		08 03 01	15	TD

[1] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) ..... Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 16L-9064

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Thanh Mai ..... Ký: ..... Ngày: 25/12/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Huy Hoàng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp nêu ở mục 4

Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Hùng

[2] Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Đơn vị phát hành, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800 1260

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

Mã số thuế *(Tax code)*: 0200504396
Địa chỉ *(Address)*: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: Fax :
Số tài khoản 01*(AC No)*: 3310548001 tại Ngân hàng Indovinabank - Hải Phòng
Số tài khoản 02 *(AC No)*: 0331000230875 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Hải Phòng
Số tài khoản 03 *(AC No)*: 3238895889 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 29 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TDT
Số *(No)*: 00004041

Mã của cơ quan thuế: 00FF599D871DFB4EF095EC83657499A801

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:
Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Giẻ lau, găng tay dính dầu thải)	Kg	3	5.500	16.500
2	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Bóng đèn huỳnh quang thải)	Kg	2	6.000	12.000
3	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Dầu động cơ, hộp số và hỗn hợp tổng hợp thải)	Kg	150	4.000	600.000
4	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Dầu thủy lực)	Kg	18	4.000	72.000
5	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Bao bì cứng thải bằng kim loại)	Kg	455	5.000	2.275.000
6	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Mực in thải từ hoạt động văn phòng)	Kg	0,5	5.500	2.750
7	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Bao bì cứng thải bằng nhựa)	Kg	53	5.000	265.000
8	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Giẻ lau, đá mài, đá cắt thải)	Kg	4,5	5.500	24.750
9	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị))	Kg	53	5.500	291.500
10	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Nhôm phế liệu đính dầu)	Kg	238	4.500	1.071.000
11	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Tấm lọc cacbon thải)	Kg	5	5.500	27.500
12	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh)	Kg	5	6.500	32.500
13	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Que hàn thải)	Kg	5	5.500	27.500
14	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 25/12/2023 (Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác)	Kg	15	6.000	90.000

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800.1260

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

Mã số thuế *(Tax code)*: 0200504396
Địa chỉ *(Address)*: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: Fax :
Số tài khoản 01 *(AC No)*: 3310548001 tại Ngân hàng Indovinabank - Hải Phòng
Số tài khoản 02 *(AC No)*: 0031000230875 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Hải Phòng
Số tài khoản 03 *(AC No)*: 3238899889 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 29 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TDT
Số *(No)*: 00004041

Mã của cơ quan thuế: 09FF599D871DFB4EF095EC83657499AB01

Tiếp theo trang trước - Trang 2/2

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:
Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5

	Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	4.808.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	384.640
	Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	5.192.640

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Năm triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng

NGƯỜI MUA HÀNG	CƠ QUAN THUẾ	NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	*(Signature, stamp)*	*(Signature, stamp and full name)*
	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ-BỘ TÀI CHÍNH,L=HÀ NỘI,C=VN Ký ngày: 29/12/2023 15:44:59	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG Ký ngày: 29/12/2023 15:44:55

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200504396-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 10519100 1C23TDT4041276574

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
------***------

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
VIỆC CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Căn cứ hợp đồng ký giữa Công ty TNHH Tân Huy Hoàng và Công ty TNHH PTTM & SX Đại Thắng số 2023/THH-ĐT/CTNH ngày 10 tháng 10 năm 2023.

Hôm nay, ngày 11 tháng 10 năm 2023, tại Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên giao: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Ông (Bà): Trần Thị Minh Tâm - Chức vụ: PGĐ

2. Đại diện bên nhận: Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thắng
Ông (Bà): Phạm Thanh Mai - Chức vụ: Nhân viên môi trường

Cùng bàn giao số lượng chất thải theo nội dung sau:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*		
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	x			18 02 01	3
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	3
3	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	100
4	Dầu thủy lực		x		17 01 06	15
5	Mực in từ hoạt động văn phòng	x			08 02 01	1
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	153
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	41
8	Giấy ráp, đá mài, đá cắt thải	x			07 03 10	4
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị)	x			07 04 02	40
10	Nhôm phế liệu dính dầu	x			07 03 11	68
11	Tấm lọc cacbon thải	x			18 02 01	
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	x			11 06 02	20
13	Que hàn thải	x			07 04 01	5
14	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác		x		08 03 01	16

Được vận chuyển bằng 01 xe ô tô biển kiểm soát :

Và đưa ra khỏi Công ty TNHH Tân Huy Hoàng để vận chuyển đến địa điểm xử lý của Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thắng.

Việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong vận chuyển chất thải sau khi ra khỏi Công ty TNHH Tân Huy Hoàng thuộc trách nhiệm của công ty TNHH PTTM&SX Đại Thắng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản.

Các bên ký xác nhận biên bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO	ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
Trần Thị Minh Tâm	Nguyễn Thị Hạnh

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../2023/1-2-3.041.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG ..... Mã số QLCTNH: 1-2-3.041.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ..... ĐT: 0225.3701184

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô CN04, khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ..... ĐT: 0225.3701184

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG ..... Mã số QLCTNH: 31.000232.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP Hải Phòng ..... ĐT: 0225.8830267

Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP Hải Phòng ..... ĐT: 0225.8830266

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	X			18 02 01	3	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	3	Phá rỡ, HR
3	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		X		17 02 03	210	TĐ
4	Dầu thủy lực		X		17 01 06	15	TĐ
5	Mực in từ hoạt động văn phòng	X			08 02 01	1	TĐ
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02	153	TĐ
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	46	TĐ
8	Giấy ráp, đá mài, đá cắt thải	X			07 03 10	4	HR
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị)	X			07 04 02	40	HR
10	Nhôm phế liệu dính dầu	X			07 03 11	68	Tẩy rửa, TC
11	Tấm lọc cacbon thải	X			18 02 01		TĐ
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	X			11 06 02	20	TĐ, HR
13	Que hàn thải	X			07 04 01	5	TĐ, HR
14	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác		X		08 03 01	16	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) ..... Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Thanh Mai ..... Ký: ..... Ngày: 11/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hải Phòng, ngày 11 tháng 10 năm 2023

M.S.D.N: 0200383714 CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG CÔNG TY TNHH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Ngọc Đại

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2023

M.S.D.K.K.D: 0200504396 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG LÊ CHÂN - TP. HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Hùng

*Liên số: 1☑ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Đơn vị cung cấp, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 18001260

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

Mã số thuế *(Tax code)*: 0200504396
Địa chỉ *(Address)*: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: Fax :
Số tài khoản 01 *(AC No)*: 3310548001 tại Ngân hàng Indovinabank - Hải Phòng
Số tài khoản 02 *(AC No)*: 0031000230875 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Hải Phòng
Số tài khoản 03 *(AC No)*: 1238899889 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 27 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1C23TDT
Số (No): 00003117

Mã cấu cơ quan thuế: 69F88DFAA85FID46DC8149C29419065F2C

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:
Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Giẻ lau, găng tay dính dầu thải)	Kg	3	5.500	16.500
2	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Bóng đèn huỳnh quang thải)	Kg	3	6.000	18.000
3	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải)	Kg	110	4.000	440.000
4	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Dầu thủy lực)	Kg	15	4.000	60.000
5	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Bao bì cứng thải bằng kim loại)	Kg	153	5.000	765.000
6	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Mực in thải từ hoạt động văn phòng)	Kg	1	5.500	5.500
7	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Bao bì cứng thải bằng nhựa)	Kg	46	5.000	230.000
8	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Giẻ giấy, đồ mũi, đồ cất thải)	Kg	4	5.500	22.000
9	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị))	Kg	40	5.500	220.000
10	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Nhũm phế liệu dính dầu)	Kg	68	4.500	306.000
11	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khe vực cắt khối bằng khoáng, bông thủy tinh)	Kg	20	6.500	130.000
12	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Que hàn thải)	Kg	5	5.500	27.500
13	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 11/10/2023 (Chất kết dính và chất bị kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác)	Kg	16	6.000	96.000

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800.1260

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

Mã số thuế *(Tax code)*: 0200504396
Địa chỉ *(Address)*: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: Fax :
Số tài khoản 01 *(AC No)*: 3310548001 tại Ngân hàng Indovinabank - Hải Phòng
Số tài khoản 02 *(AC No)*: 0131000230875 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Hải Phòng
Số tài khoản 03 *(AC No)*: 3238899889 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 27 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TDT
Số *(No)*: 00003117

Mã của cơ quan thuế: 00F80DFAA85F1D46DC8149C29619065F2C

Tiếp theo trang trước - Trang 2/2

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:
Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5

Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	2,336,500
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8% — Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	186,920
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	2,523,420

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Hai triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi đồng*

NGƯỜI MUA HÀNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)
(Signature, stamp)

Signature Valid
Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 27/10/2023 11:56:42

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
(Signature, stamp and full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG
Ký ngày: 27/10/2023 11:56:28

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200504396-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 10519180IC23TDT3117192972

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
------***------

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
VIỆC CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Căn cứ hợp đồng ký giữa Công ty TNHH Tân Huy Hoàng và Công ty TNHH PTTM & SX Đại Thắng số 2025/THH-ĐT/CTNH ngày 10 tháng 10 năm 2023.

Hôm nay, ngày 26 tháng 06 năm 2024, tại Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên giao: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng

Ông (Bà): ..Trần Văn Minh Tâm Chức vụ: Phó Giám đốc.....

2. Đại diện bên nhận: Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thắng

Ông (Bà): Phạm Thanh Mai - Chức vụ: Nhân viên môi trường

Cùng bàn giao số lượng chất thải theo nội dung sau:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*		
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	x			18 02 01	20
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	2,5
3	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	145
4	Dầu thủy lực		x		17 01 06	43,5
5	Mực in từ hoạt động văn phòng	x			08 02 01	1
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	1.015
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	75
8	Giấy ráp, đá mài, đá cắt thải	x			07 03 10	5
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị)	x			07 04 02	7
10	Nhôm phế liệu dính dầu	x			07 03 11	100
11	Tấm lọc cacbon thải	x			18 02 01	5
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	x			11 06 02	2
13	Que hàn thải	x			07 04 01	9
14	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác		x		08 03 01	168

Được vận chuyển bằng 01 xe ô tô biển kiểm soát : 15C-25389

Và đưa ra khỏi Công ty TNHH Tân Huy Hoàng để vận chuyển đến địa điểm xử lý của Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thắng.

Việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong vận chuyển chất thải sau khi ra khỏi Công ty TNHH Tân Huy Hoàng thuộc trách nhiệm của công ty TNHH PTTM&SX Đại Thắng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản.

Các bên ký xác nhận biên bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO	ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
PHÓ GIÁM ĐỐC	Mai
Trần Chí Minh Tâm	PHẠM THANH MAI

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800 1260

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

Mã số thuế *(Tax code)*: 0200504396
Địa chỉ *(Address)*: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: 022537011184 Fax :
Số tài khoản 01*(AC No)*: 3310548001 tại Ngân hàng Indovinabank - Hải Phòng
Số tài khoản 02 *(AC No)*: 0031000230875 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Hải Phòng
Số tài khoản 03 *(AC No)*: 3238899889 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 05 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TDT
Số *(No)*: 00002324

Mã của cơ quan thuế: 00405722 2B0673446497C49A9A204DF827

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:
Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Giẻ lau, găng tay dính dầu thải)	Kg	20	5.500	110.000
2	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Bóng đèn huỳnh quang thải)	Kg	2,5	6.000	15.000
3	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải)	Kg	145	4.000	580.000
4	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Dầu thủy lực)	Kg	43,5	4.000	174.000
5	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Bao bì cứng thải bằng kim loại)	Kg	1.015	5.000	5.075.000
6	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Mực in thải từ hoạt động văn phòng)	Kg	1	5.500	5.500
7	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Bao bì cứng thải bằng nhựa)	Kg	75	5.000	375.000
8	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Giẻ giáp, đá mài, đá cắt thải)	Kg	5	5.500	27.500
9	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị))	Kg	7	5.500	38.500
10	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Nhôm phế liệu dính dầu)	Kg	100	4.500	450.000
11	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Tấm lọc cacbon thải)	Kg	5	5.500	27.500
12	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh)	Kg	2	6.500	13.000
13	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Que hàn thải)	Kg	9	5.500	49.500
14	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ngày 26/06/2024 (Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác)	Kg	168	6.000	1.008.000

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800 1260

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

Mã số thuế *(Tax code)*: 0200504396

Địa chỉ *(Address)*: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Số điện thoại *(Tel)*: 02253701184 Fax :

Số tài khoản 01 *(AC No)*: 3310548001 tại Ngân hàng Indovinabank - Hải Phòng

Số tài khoản 02 *(AC No)*: 0031000230875 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Hải Phòng

Số tài khoản 03 *(AC No)*: 3238899889 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 05 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TDT

Số *(No)*: 00002324

Mã của cơ quan thuế: 00405722B0073446497C49A9A204DF827

Tiếp theo trang trước - Trang 2/2

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:

Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Mã số thuế *(Tax code)*: 0200383712

Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, khu Công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản

Ngân hàng *(Bank name)*:

Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	7.948.500
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	635.880
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	8.584.380
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Tám triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi đồng*					

NGƯỜI MUA HÀNG	CƠ QUAN THUẾ	NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, ghi rõ họ, tên) *(Signature, full name)*	*(Ký, đóng dấu)* *(Signature, stamp)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)* *(Signature, stamp and full name)*
	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ-BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN Ký ngày: 05/07/2024 13:51:38	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG Ký ngày: 05/07/2024 12:53:24

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại website: https://0200504396-tt78.vnpt-invoice.com.vn. Mã tra cứu: 105191001C24TDT2324837000

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 01/2024/450/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG ..... Số GPMT: 450/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ..... ĐT: 0225.3701184

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô CN04, khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ..... ĐT: 0225.3701184

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG ..... Mã số QLCTNH: 31.000232.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng ..... ĐT: 0225.6830267

Địa chỉ cơ sở: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP Hải Phòng ..... ĐT: 0225.6830266

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	X			18 02 01	20	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	2,5	Phá rỗ, HR
3	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		X		17 02 03	145	TĐ
4	Dầu thủy lực		X		17 01 06	43,5	TĐ
5	Mực in từ hoạt động văn phòng	X			08 02 01	1	TĐ
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02	1.015	TĐ
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	75	TĐ
8	Giẻ rắp, đá mài, đá cắt thải	X			07 03 10	5	HR
9	Xỉ hàn thải (trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị)	X			07 04 02	7	HR
10	Nhôm phế liệu dính dầu	X			07 03 11	100	Tẩy rửa, TC
11	Tấm lọc cacbon thải	X			18 02 01	5	TĐ
12	Bụi thu gom từ thiết bị thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh	X			11 06 02	2	TĐ, HR
13	Que hàn thải	X			07 04 01	9	TĐ, HR
14	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác		X		08 03 01	168	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); CH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) , Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-25389

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Thanh Mai ..... Ký: ..... Ngày: 26/06/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2024

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Huy Hoàng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Phòng, ngày 7 tháng 7 năm 2024

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Hùng

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

21 Jan 2022 at 15:37:00
Quốc Lộ 10
Thành Phố
Hải Phòng
Việt Nam
Khu Công Nghiệp Trang Duê - Trang Due
Industries Zone

Kính gửi: Công ty TNHH

Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng (Ban Quản lý) nhận được Tờ
03-TTR-THH ngày 17/12/2021 của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng đề nghị
Hồ sơ các nghiệm cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án "Nhà máy sản xuất các
phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt - Nhà xưởng sản xuất
19, Lô CN1, Khu công nghiệp Trăng Duệ, huyện An Dương do Công ty TNHH

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KKT HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2022

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 280/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Địa chỉ liên hệ: Lô CN1 Khu công nghiệp Trăng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc Dự án: "Nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt - Nhà xưởng sản xuất số 2",

- Tổng số công trình: 01.
- Do: Công ty CP xây lắp Hải Long lập hồ sơ thiết kế tháng 12/2021
- Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Ông Vũ Văn Chính, Lê Xuân Hiếu.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty CP xây dựng quốc tế Thuận Phát.
- Chủ trì thẩm tra thiết kế: Ông Đoàn Thanh Hải.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Lô CN1, Khu công nghiệp Trăng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

+ Cốt nền xây dựng công trình: Theo quy hoạch được duyệt.

+ Mật độ xây dựng dự án: 59,93 %; Hệ số sử dụng đất: 0,79.

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo quy hoạch được duyệt.

+ Màu sắc công trình (nếu có): Phù hợp với chức năng và loại công trình.

+ Chiều sâu công trình (tính từ cốt 0,00 đối với công trình có tầng hầm): Không.

+ Tên công trình: Nhà xưởng sản xuất số 2; Diện tích xây dựng tầng 1: 8777,7m^2; Tổng diện tích sàn: 17.555,4m^2; Chiều cao công trình:21,52m; Số tầng: 02 tầng.

3. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Các công trình giai đoạn 1+2+3+4.

4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số số CT504809 (số vào sổ cấp GCN: CT13102) do Sở TN&MT cấp cho Công ty TNHH Tân Huy Hoàng ngày 06/4/2020.

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các PTB;
- Lưu: QH&XD, VP.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Chu Đức Anh

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KKT HẢI PHÒNG

Số: 4427/GPXD-BQL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 10 năm 2020

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
- Địa chỉ liên hệ: Lô CN1 (nay là một phần lô M), Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. Được phép xây dựng các công trình:
- Tổng số công trình: 03
- Theo thiết kế có ký hiệu:
- Do Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và ứng dụng công nghệ Xây dựng thiết kế.
- Gồm các nội dung sau:
+ Vị trí xây dựng: Lô CN1 (nay là một phần lô M), Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
+ Cốt nền xây dựng công trình: ≥ +4,5 m (Cao độ Hải đồ).
+ Mật độ xây dựng: 55,48 %; Hệ số sử dụng đất: 0,63 lần.
+ Chỉ giới đường đỏ: Trùng với chỉ giới thuê đất, giao đất.
+ Chỉ giới xây dựng: Theo quy hoạch được duyệt.
+ Màu sắc công trình: Phù hợp với chức năng và loại công trình.
+ Diện tích xây dựng, Tổng diện tích sàn, Chiều cao tầng 1, Chiều cao công trình, số tầng của từng hạng mục công trình: Theo phụ lục đính kèm.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 316962 (số vào sổ cấp GCN: CT 836) do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 07/02/2013 cho Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công.

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 04 QUYỂN SỐ: 01/2020
02 -11- 2020
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ

TRƯỞNG BAN

Phạm Văn Mợi

PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐÔNG ANH

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, P. QH&XD.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép xây dựng số 4427/GPXD-BQL ngày 22 tháng 10 năm 2020)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Địa chỉ: Lô CN1 (nay là một phần lô M), Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. Được phép xây dựng các công trình:

TT	Hạng mục công trình	DTXD (m2)	TDTS (m2)	Số tầng	CCT1 (m)	CCCT (m)
1	Nhà trưng bày sản phẩm	66	66	01		6,65
2	Nhà vệ sinh	23,2	23,2	01		3,6
3	Chòi hút thuốc	10,89	10,89	01		3,4

Ghi chú: Diện tích xây dựng (DTXD), Tổng diện tích sàn (TDTS), Chiều cao tầng 1 (CCT1), Chiều cao công trình (CCCT).

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1794/GPXD-BQL

Hải Phòng, ngày 30 tháng 7 năm 2018

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.
- Địa chỉ: Lô CN1 (nay là 1 phần lô M), Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt.
- Tổng số công trình: 04.
- Theo thiết kế do Công ty Cổ phần Xây lắp Hải Long lập.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Xây dựng quốc tế Thuận Phát.
- Đơn vị thẩm định: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.
- Gồm các nội dung sau:
+ Vị trí xây dựng: Lô CN1 (nay là 1 phần lô M), Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
+ Cốt nền xây dựng công trình: ≥+4,50 m (Cao độ Hải đồ).
+ Mật độ xây dựng: 58,31%. Hệ số sử dụng đất: 0,66 lần.
+ Chỉ giới đường đỏ: Trùng với chỉ giới thuê đất, giao đất.
+ Chỉ giới xây dựng: Lùi tối thiểu 3 m so với chỉ giới đường đỏ.
+ Màu sắc công trình: Phù hợp với chức năng và loại công trình.
+ Diện tích xây dựng, Tổng diện tích sàn, Chiều cao tầng 1, Chiều cao công trình, Số tầng của từng hạng mục công trình: Theo phụ lục đính kèm.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất BM316962 (số vào sổ cấp GCN: CT836) do Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng cấp ngày 07/02/2013 cho Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công:

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên, thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
04 -01- 2019
SỐ: 26 QUYỂN SỐ: 01
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG QUANG TRUNG

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP, QHXD.

PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐÔNG ANH

Phạm Văn Mợi

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép Xây dựng số 1794 /GPXD-BQL ngày 30 / 7 /2018)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

- Địa chỉ: Lô CN1 (nay là 1 phần lô M), Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

TT	Hạng mục công trình	DTXD (m2)	TDTS (m2)	Số tầng	CCT1 (m)	CCCT (m)
1	Khu vực giao hàng có mái che	2.892,14	2.892,14		01	11,07
2	Mái che số 1 của Nhà xưởng số 1 (Đường có mái che).	475,20	475,20			8,90
3	Nhà nồi hơi mở rộng	1.452,39	1.452,39		01	17,69
4	Bán mái số 1 của xưởng sản xuất số 7	130,59	130,59			6,00

Ghi chú: Diện tích xây dựng (DTXD), Tổng diện tích sàn (TDTS), Chiều cao tầng 1 (CCT1), Chiều cao công trình (CCCT).

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1510/GPXD-BQL

Hải Phòng, ngày 25 tháng 8 năm 2016

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

- Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình: Biển quảng cáo.

(Thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt)

- Theo thiết kế do Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và ứng dụng công nghệ Xây dựng lập.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Xây dựng Quốc tế Thuận Phát.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

+ Diện tích: 50.168 m2.

+ Cốt nền xây dựng công trình: ≥ +4,5 m (Cao độ Hải đồ).

+ Mật độ xây dựng: 59,82 %; Hệ số sử dụng đất: 0,66 lần.

+ Chỉ giới đường đỏ: Trùng với chỉ giới thuê đất, giao đất.

+ Chỉ giới xây dựng: Lùi tối thiểu 3m so với chỉ giới đường đỏ.

+ Màu sắc công trình: Phù hợp với chức năng và loại công trình.

+ Chiều sâu công trình (đối với công trình có tầng hầm).

+ Diện tích xây dựng; Tổng diện tích sàn; Chiều cao tầng 1; Chiều cao công trình; Số tầng: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 316962 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 07/02/2013.

4. Ghi nhận các công trình [illegible]:

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
02 - 09 - 2016
SỐ: 1 QUYỂN SỐ: 1
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG QUANG TRUNG

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, QHXD.

PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐÔNG ANH

Đỗ Trung Thoại

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

6. Thực hiện phê duyệt nội dung sản phẩm quảng cáo theo quy định.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép Xây dựng số 1510/GPXD-BQL ngày 25/8/2016)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

- Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

TT	Hạng mục công trình	DTXD (m2)	TDTS (m2)	Số tầng	CCT1 (m)	CCCT (m)
1	Biển quảng cáo	36,96	36,96			21,35

Ghi chú: Diện tích xây dựng (DTXD), Tổng diện tích sàn (TDTS), Chiều cao tầng 1 (CCT1), Chiều cao công trình (CCCT).

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1404/GPXD-BQL

Hải Phòng, ngày 05 tháng 8 năm 2016

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

- Địa chỉ: Số 129/143 đường Trường Chinh, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

(Thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt)

- Theo thiết kế do Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và ứng dụng công nghệ Xây dựng; Công ty Cổ phần Xây lắp Hải Long lập.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Xây dựng Quốc tế Thuận Phát.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

+ Diện tích: 50.168 m2.

+ Cốt nền xây dựng công trình: ≥ +4,5 m (Cao độ Hải đồ).

+ Mật độ xây dựng: 59,75 %; Hệ số sử dụng đất: 0,66 lần.

+ Chỉ giới đường đỏ: Trùng với chỉ giới thuê đất, giao đất.

+ Chỉ giới xây dựng: Lùi tối thiểu 3m so với chỉ giới đường đỏ.

+ Màu sắc công trình: Phù hợp với chức năng và loại công trình.

+ Chiều sâu công trình (đối với công trình có tầng hầm).

+ Diện tích xây dựng; Tổng diện tích sàn; Chiều cao tầng 1; Chiều cao công trình; Số tầng: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 316962 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 07/02/2013.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công:

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 4391 Quyển số: 02 /2016-SCT/BS

Người ký chứng thực

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Phạm Văn Dương

TRƯỞNG BAN
Đỗ Trung Thoại

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, QHXD.

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép Xây dựng số 1404/GPXD-BQL ngày 05/8/2016)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

- Địa chỉ: Số 129/143 đường Trường Chinh, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

TT	Hạng mục công trình	DTXD (m2)	TDTS (m2)	Số tầng	CCT1 (m)	CCCT (m)
1	Nhà xưởng số 07	7.280	9.964,2	02	5,0	16,8
2	Nhà văn phòng làm thêm	61,37	61,37	01		2,97
3	Nhà để khuôn thủ công	105	105	01		2,5
4	Nhà để bơm cứu hỏa	8,75	8,75	01		2,5
5	Ga rác nguy hại	14,88	14,88	01		2,5
6	Nhà để rác thải sản xuất	32,3	32,3	01		2,5
7	Nhà để rác thải rắn	20,8	20,8	01		2,5
8	Mái nối hai nhà để sắt thép	192	192			14,45
9	Mái cầu nối che mưa gian 7,7 m	105,79	105,79			5,7
10	Mái cầu nối che mưa gian 8 m	109,44	109,44			5,7
11	Mái cầu nối che mưa gian 6 m	85,12	85,12			5,7

Ghi chú: Diện tích xây dựng (DTXD), Tổng diện tích sàn (TDTS), Chiều cao tầng 1 (CCT1), Chiều cao công trình (CCCT).

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 865 /GPXD-BQL

Hải Phòng, ngày 02 tháng 7 năm 2013

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Địa chỉ: Số 129/143 đường Trường Chinh, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt.

- Tổng số công trình chính: 21. - Theo thiết kế có ký hiệu:

Do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và ứng dụng công nghệ xây dựng lập.

(Chi tiết các hạng mục công trình theo phụ lục đính kèm)

- Trên lô đất CN1 Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Diện tích:50.168 m2.

- Cốt nền xây dựng công trình: ≥+4,50 m (cao độ Hải đồ).
- Chỉ giới đường đỏ: Trùng với chỉ giới giao đất.
- Chỉ giới xây dựng: Lùi tối thiểu 3 m so với chỉ giới đường đỏ.
- Mật độ xây dựng: 43,98%. - Hệ số sử dụng đất: 0,46.
- Màu sắc công trình: Phù hợp với chức năng và loại công trình.
- Các nội dung khác:

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 316962 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng cấp ngày 07/02/2013

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công:

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

16 -11- 2017

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận: Số chứng thực 4537 Quyển số 02.../2013-SCT/BS
- Như trên;
- Lưu VP, QHXD.

Người ký chứng thực

Phạm Thuyên

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Tân Dương

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép Xây dựng số 866 /GPXD-BQL ngày 02/ 7/2013
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Địa chỉ: Số 129/143 đường Trường Chinh, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt.

- Trên lô đất CN1 Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
- Tổng số công trình chính: 21.

TT	Tên hạng mục	DTXD (m2)	Số tầng	TDTS (m2)	CCT1	CCCT
1	Nhà xưởng sản xuất số 1	4.528,35	1	4528,35		15,66
2	Nhà xưởng sản xuất số 2 kết hợp xưởng sản xuất xốp định hình và kho hạt 2 tầng.	4.111,56	1	4325,07		15,25
3	Nhà xưởng sản xuất (Xưởng gia công phôi thép)	2.697,88	1	2697,88		14,90
4	Xưởng gia công (Xưởng sản xuất tôn mạ màu)	3.116,71	1	3116,71		15,57
5	Nhà xưởng gia công cơ khí	455,00	1	455,00		14,45
6	Nhà nồi hơi	1.592,50	1	1592,50		14,45
7	Nhà kho kết hợp bãi soạn hàng có mái che	3.966,47	1	3966,47		14,90
8	Nhà điều hành	312,32	3	906,14	3,50	10,80
9	Nhà ăn nghỉ công nhân	327,16	3	706,61	3,50	10,80
10	Hành lang cầu	26,70	1	26,70		3,50
11	Nhà bảo vệ	32,68	1	32,68		3,57
12	02 Nhà vệ sinh + tắm công nhân (42,99 m2/ nhà)	85,99	1	85,99		3,80
13	Nhà để máy nén khí	33,74	1	33,74		5,15
14	03 Bể chứa nước sản xuất (bể ngầm) (23,01 m2/ bể)	69,03		69,03		
15	Hệ thống bể xử lý nước sinh hoạt (bể ngầm)	50,36		50,36		
16	Ga rác	106,56	1	106,56		2,00
17	Ga rác nguy hại	90,76	1	90,76		4,34
18	Trạm điện	11,70	1	11,70		3,00
19	Nhà để xe công nhân	253,76	1	253,76		3,23
20	Tường rào, cổng (788,11 md)	197,03		197,03		2,30
21	Hồ nước (2.124,24 m2), xây bờ kè 197,2 md					

Ghi chú: Diện tích xây dựng (DTXD), Tổng diện tích sàn (TDTS), Chiều cao tầng 1 (CCT1), Chiều cao công trình (CCCT).

CÔNG AN TP. HẢI PHÒNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 179 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do -Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (PCCC);

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 322/TD-PCCC ngày 24/11/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về phòng cháy và chữa cháy ghi ngày 12/6/2022 của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. Thông tin về nội dung điều chỉnh thiết kế của công trình.

Công trình: Nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các tấm cách nhiệt (Nhà xưởng sản xuất số 2).

Địa điểm xây dựng: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, TP. Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Đơn vị tư vấn thiết kế:

- Công ty cổ phần xây lắp Hải Long.
- Công ty cổ phần thiết bị PCCC Bình Dương.

Nội dung điều chỉnh thiết kế:

- Điều chỉnh thiết kế Nhà xưởng sản xuất số 2 xây 02 tầng, diện tích 8.777m^2. Cụ thể:

+ Thang ngoài nhà tại trục (D-F; 14) dịch chuyển sang trục (F-G; 14).

+ Thang ngoài nhà tại trục (K; 12-14) dịch chuyển sang trục (K; 10-11).

+ Thang trong nhà thay đổi từ loại thang có buồng thang thành thang để hở.

+ Bỏ thang trong nhà tại trục (F-G; 7-8), thang ngoài nhà tại trục (K; 4-6)

+ Tầng 1: Bỏ cửa cuốn tại trục (F; 1-2), trục (F; 7-8), trục (F;11-12).

+ Tầng 2: Bỏ cửa cuốn, cửa bản lề tại trục (F; 1-3), trục (F; 6-7) trục (F; 8-9).

+ Bổ sung khu vực cẩu máy tại trục (G-H; 7-8).

+ Cửa FCD1, FCD2 thay thế từ loại cửa cuốn chống cháy EI60 thành cửa cuốn chống cháy E60 kết hợp màn ngăn cháy Drencher.

+ Cửa FCD3 thay thế từ loại cửa cuốn chống cháy EI45 thành cửa cuốn chống cháy E45 kết hợp màn ngăn cháy Drencher.

QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo văn bản thẩm duyệt điều chỉnh thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 113/TD-PCCC ngày 24../6../2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	**QUY MÔ CÔNG TRÌNH**	
	- **Hạng mục hiện trạng trong khuôn viên khu đất (đã được thẩm duyệt về PCCC):** Nhà điều hành 02 tầng, 308m^2; Nhà ăn nghỉ công nhân 02 tầng, 308m^2; Xưởng sản xuất số 1: 01 tầng, 4350m^2; Xưởng sản xuất số 2 kết hợp xưởng sản xuất xốp định hình và kho hạt 2 tầng (Xưởng 1 tầng, 3737,82m^2, kho hạt 02 tầng, 162,82m^2; Xưởng sản xuất (số 7 trên TMB) 01 tầng, 7.940m^2; Xưởng gia công cơ khí 01 tầng, 512m^2; Nhà nồi hơi 01 tầng, 1.536m^2; Kho kết hợp bãi soạn hàng 01 tầng, 3.850m^2; Nhà nén khí 01 tầng, 31,5m^2; Nhà để xe công nhân 01 tầng, 364,8m^2; Khu vực mở rộng nồi hơi, 01 tầng, 1.363m^2; Nhà để khuôn thủ công 01 tầng, 100m^2; Nhà kho chứa keo và chứa tôn 01 tầng, 317,2m^2; Nhà trưng bày sản phẩm 01 tầng, 66m^2; Nhà văn phòng xây 01 tầng, 60m^2; Nhà cầu nối xây 01 tầng 21,6m^2; Kho keo 01 tầng, diện tích 350m^2 và các hạng mục phụ trợ (02 Nhà để rác thải, 02 nhà vệ sinh, nhà tắm công nhân, nhà bảo vệ, nhà hút thuốc, sân, đường nội bộ, bãi giao hàng và đường có mái che, hồ nước, trạm điện, trạm bơm cứu hỏa, 02 bể nước). - **Hạng mục phá bỏ:** Xưởng sản xuất số 2 kết hợp xưởng sản xuất xốp định hình và kho hạt; Kho kết hợp bãi soạn hàng. - Công ty có tính chất hoạt động sản xuất các loại sản phẩm từ plastic, nhựa xốp và các tấm cách nhiệt.	
	- **Hạng mục điều chỉnh thiết kế:** Nhà xưởng sản xuất số 2 xây 02 tầng 8.777m^2.	Thẩm duyệt
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ**	
1	Bố trí công năng và Hạng nguy hiểm cháy nổ (Hạng C): Tính chất hoạt động.	
2	Bậc chịu lửa: Nhà xưởng sản xuất số 2 (Giữ nguyên theo thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC, nhà có bậc II chịu lửa): KT-01 đến KT-06.	
3	Đường giao thông cho xe chữa cháy: TMB-02.	
4	Khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy: TMB-02.	
5	Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan: KT-01; KT-02; KT-08; KT-09; MN:01; MN:02.	
6	Giải pháp chống tụ khói: HK:01 đến HK:04.	
7	Giải pháp thoát nạn: KT-10 đến KT-15; KT-18 đến KT-22.	
8	Giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn: KT-05; KT-06.	
9	Phương án chống sét: CS-01 đến CS-03.	
10	Hệ thống báo cháy tự động: BC:01 đến BC:04.	
11	Hệ thống chữa cháy bằng nước (hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống chữa cháy trong nhà và ngoài nhà): CC:01 đến CC:03; CC-01 đến CC-06B; TMB-CC.	
12	Giải pháp cấp điện cho hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về phòng cháy và chữa cháy: KT-23; MN:02.	
13	Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: EXSC:01 đến EXSC:04.	
14	Phương tiện chữa cháy xách tay; CC:01 đến CC:02.	
15	Các tài liệu liên quan: - Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 322/TD-PCCC ngày 24/11/2021 do Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với công trình Nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các tấm cách nhiệt (Nhà xưởng sản xuất số 2). - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CT13102 ngày 06/4/2020 của Sở Tài nguyên và môi trường cấp cho Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PCCC TP HẢI PHÒNG

Số: 51 /CSPCCC-HDCĐPC

V/v nghiệm thu về PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 7 năm 2014

Kính gửi: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng

Căn cứ công văn số 04/CV ngày 12/6/2014 của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng gửi Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng về việc đề nghị nghiệm thu về PCCC.

Căn cứ hồ sơ hoàn công do Chủ đầu tư chuẩn bị và Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do Phòng Hướng dẫn, chỉ đạo về phòng cháy - Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng lập ngày 11/7/2014 đối với công trình.

Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng đồng ý nghiệm thu về PCCC:

- Công trình: Nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp ESP, EPP và các tấm kim loại cách nhiệt. (gồm các nhà : Nhà điều hành 02 tầng, nhà ăn nghỉ công nhân 02 tầng, nhà xưởng sản xuất số 1, kho kết hợp với bãi soạn hàng, xưởng sản xuất số 2 kết hợp với sản xuất xốp định hình và kho hạt, xưởng gia công cơ khí và nhà nồi hơi)
- Địa điểm xây dựng: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. (địa chỉ cũ: Quốc lộ 10, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng)
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Các hạng mục nghiệm thu về PCCC gồm:

1. Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ (hạng C); Bậc chịu lửa;
2. Khoảng cách an toàn PCCC; Các giải pháp ngăn cháy chống cháy lan;
3. Giao thông phục vụ chữa cháy; Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
4. Sơ đồ nguyên lý từ tủ điện tổng đến các tủ điện; Máy bơm chữa cháy, tủ điện các nhà xưởng sản xuất, lò hơi, nhà văn phòng và nhà ăn, nhà nghỉ công nhân, chiếu sáng ngoài nhà;
5. Hệ thống chống sét;
6. Hệ thống thông gió (thông gió tự nhiên bằng cửa sổ và cửa ra vào);
7. Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cấp nước chữa cháy;

Yêu cầu:

1. Chủ đầu tư (Công ty TNHH Tân Huy Hoàng) phải lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước cho công trình xong trước ngày 31/12/2015 theo đúng công văn số 1414/CV-THH ngày 22/4/2014 của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng gửi Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng và tổ chức nghiệm thu về PCCC theo quy định.
2. Các cửa thoát nạn của nhà xưởng sản xuất, kho hiện là cửa đẩy ngang. Yêu cầu các cửa phải luôn mở khi có người làm việc bên trong.
3. Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các điểm kiến nghị trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC của Phòng Hướng dẫn, chỉ đạo về phòng cháy - Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng lập ngày 11/7/2014 đối với công trình.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HDCĐPC(TD).

GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Lê Quốc Trấn

CẢNH SÁT PCCC TP HẢI PHÒNG
PHÒNG HƯỚNG DẪN, CHỈ ĐẠO VỀ PHÒNG CHÁY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu PC11
Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2014/TT-BCA ngày 12/3/2014

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 7 năm 2014 tại: Công trình Nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp ESP, EPP và các tấm kim loại cách nhiệt.

Địa chỉ : Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. (địa chỉ cũ: Quốc lộ 10, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng)

Chúng tôi gồm:

- Ông Hoàng Văn Khoa; Chức vụ: Phó Trưởng phòng; Cấp bậc: Trung tá.
- Ông Lê Công Hoạt; Chức vụ: Đội trưởng; Cấp bậc: Thiếu tá.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Đối với: Nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp ESP, EPP và các tấm kim loại cách nhiệt.
- Địa chỉ : Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. (địa chỉ cũ: Quốc lộ 10, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng)
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Đại diện là:

1. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.
- Ông Trịnh Ngọc Đại; Chức vụ: Giám đốc.
- Ông Nguyễn Văn Thông; Chức vụ: Phó Giám đốc

2. Đơn vị thi công (hạng mục xây dựng): Công ty TNHH đầu tư Huyền Trang.
- Ông Nguyễn Văn Nam; Chức vụ: Giám đốc;

3. Đơn vị thi công (hạng mục kết cấu thép): Công ty cổ phần xây lắp Hải Long.
- Ông Phạm Anh Tiến; Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Ông Bùi Trung Sơn; Chức vụ: Phó Phòng kế hoạch.

4. Đơn vị thi công (hạng mục hệ thống điện): Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp 388.
- Bà Phạm Thị Thu Trang; Chức vụ: Phó Giám đốc.

5. Đơn vị thi công (thi công hệ thống chống sét, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, phương tiện chữa cháy xách tay và đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn): Công ty TNHH lắp đặt thiết bị PCCC Nam Phát.
- Ông Nguyễn Văn Nam; Chức vụ: Giám đốc.
- Ông Lê Văn Tuấn; Chức vụ: Cán bộ.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Căn cứ hồ sơ tiến hành nghiệm thu:

1. Hồ sơ thiết kế công trình Công trình Nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp ESP, EPP và các tấm kim loại cách nhiệt do Công ty TNHH Tân Huy Hoàng làm Chủ đầu tư, Địa điểm xây dựng: Quốc lộ 10, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã được Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng thẩm duyệt về PCCC số 49/TD-PCCC ngày 31/5/2013, với các nội dung được thẩm duyệt gồm:

+ Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ;

+ Khoảng cách an toàn PCCC; Các giải pháp ngăn cháy chốn cháy lan;

+ Giao thông phục vụ chữa cháy;

+ Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;

+ Sơ đồ nguyên lý từ tủ điện đến các tủ điện; Máy bơm chữa cháy, tủ điện các nhà xưởng sản xuất, lò hơi, nhà văn phòng và nhà ăn, nhà nghỉ công nhân, chiếu sáng ngoài nhà;

+ Hệ thống chống sét;

+ Hệ thống thông gió tự nhiên (thông gió tự nhiên bằng cửa sổ và cửa ra vào);

+ Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cấp nước chữa cháy;

+ Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước cho kho chứa hàng và xưởng sản xuất xốp định hình , kho hạt 02 tầng.

2. Thông số kỹ thuật (Catalog) của thiết bị báo cháy, chữa cháy lắp đặt tại công trình.

3. Bản vẽ hoàn công, Biên bản nghiệm thu nội bộ về xây dựng, hệ thống điện, hệ thống chống sét, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, phương tiện chữa cháy xách tay, đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn giữa Chủ đầu tư và đơn vị thi công.

4. Giấy Chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 455/GCNKĐ-TT2 ngày 22/4/2014 của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật PCCC thuộc Trường Đại học PCCC.

5. Kết quả kiểm tra thu lôi tiếp địa số No: 14.04.15.01/TN ngày 15/4/2014 của Trung tâm thí nghiệm và khảo sát xây dựng Bạch Đằng thuộc Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng.

6. Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000069 ngày 39/5/2013 của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng.

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên ngày 15/5/2014.

8. Công văn số 2514/CV ngày 10/7/2014 của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng gửi Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng giải trình về thay đổi địa chỉ của công ty.

9. Công văn số 1414/CV-THH ngày 22/4/2014 của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng gửi Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng về việc thi công lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động xong trước ngày 31/12/2015.

10. Hướng dẫn sử dụng hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy.

II. Kiểm tra thực tế tại hiện trường:

1. Giao thông phục vụ chữa cháy.

- Xung quanh nhà xưởng có đường giao thông nội bộ rộng khoảng 8m, xe chữa cháy hoạt động thuận tiện.

2. Về kiến trúc xây dựng:

- Khoảng cách giữa các nhà và công trình là 12m đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

- Công trình Nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp ESP, EPP và các tấm kim loại cách nhiệt gồm các khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng như sau :

2.1. Nhà điều hành.

- Có diện tích mặt bằng xây dựng 288m^2, nhà xây tường gạch, khung bê tông cốt thép, xây cao 02 tầng, có 01 cầu thang bộ lên xuống. Tại các tầng nhà được bố trí như sau :

+ Tầng 1 : Phòng kỹ thuật , phòng kế toán, phòng khách, phòng kinh doanh,...

+ Tầng 2 : Phòng Giám đốc, phòng Phó Giám đốc, phòng họp,

2.2. Nhà ăn nghỉ của công nhân.

- Có diện tích mặt bằng xây dựng 264m^2, nhà xây tường gạch, khung bê tông cốt thép, có 01 cầu thang bộ lên xuống. Tại các tầng nhà được bố trí như sau :

+ Tầng 1 : Khu vực phòng ăn, bếp, phòng y tế,..

+ Tầng 2 : Có 04 phòng nghỉ công nhân, trong đó 03 phòng có diện tích mỗi phòng khoảng 36m^2 và 01 phòng, mỗi phòng có diện tích khoảng 22m^2.

2.3. Nhà xưởng sản xuất số 1 (nhà xưởng sản xuất tấm Panel chống cháy).

- Có diện tích mặt bằng xây dựng 4.350m^2 (43,5m x 100m), được xây dựng khung thép, mái tôn, có 08 cửa ra vào kích thước 4,5m x 4,5m là loại cửa đẩy ngang trên đường ray.

- Tường của các nhà xưởng được xây dựng cao khoảng 2m, phía trên thưng tôn.

- Tại nhà xưởng có các cửa sổ và cửa đi tạo thông gió tự nhiên.

2.4. Kho kết hợp với bãi soạn hàng.

- Có diện tích mặt bằng xây dựng 3.077,16m^2 (24,34m x 100m + 22,865m x 14m + 23,075m x 14m), được xây dựng khung thép, mái tôn, có 09 cửa ra vào trong đó có 07 cửa kích thước 4,5m x 4,5m là loại cửa đẩy ngang trên đường ray và 02 cửa kích thước 2m x 2,5m là loại cửa bản lề.

- Tường của các nhà xưởng được xây dựng cao khoảng 2m, phía trên thưng tôn.

- Tại nhà xưởng có các cửa sổ và cửa đi tạo thông gió tự nhiên.

2.5. Xưởng sản xuất số 2 kết hợp với sản xuất xốp định hình và kho hạt.

- Có diện tích mặt bằng xây dựng 3.884m^2 (38,84m x 100m), được xây dựng khung thép, mái tôn, có 09 cửa ra vào kích thước 4,5m x 4,5m là loại cửa đẩy ngang trên đường ray. Nhà xưởng này được chia làm các khu vực như sau :

+ Khu vực bố trí máy móc sản xuất, khu vực chế bến hạt nhựa và khu vực đỗ hạt xốp định hình.

+ Khu vực chế biến hạt nhựa và đỗ hạt xốp định hình.

- Tường của các nhà xưởng được xây dựng cao khoảng 2m, phía trên thưng tôn.

- Tại nhà xưởng có các cửa sổ và cửa đi tạo thông gió tự nhiên.

2.6. Xưởng gia công cơ khí, Nhà nồi hơi.

- Xưởng gia công cơ khi có kích thước 15,84m x 31,84m được xây dựng khung thép, mái tôn, tường bao gạch cao khoảng 2m phía trên tường bao gạch là tôn bao xung quanh cao đến mái. Có 02 cửa ra vào kích thước mỗi cửa là 4,5m x 5m.

- Nhà nồi hơi có kích thước 47,51m x 31,84m được xây dựng khung thép, mái tôn, tường bao gạch cao khoảng 2m phía trên tường bao gạch là tôn bao xung quanh cao đến mái. Có 02 cửa ra vào kích thước mỗi cửa là 4,5m x 5m.

- Khoảng cách giữa nhà gia công cơ khí với Nhà nồi hơi khoảng 8m

2.7. Các công trình phụ trợ.

- Các công trình phụ trợ gồm: Phòng điện, nhà trạm bơm, khu vệ sinh,...

3. Đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn:

- Trên tường của nhà xưởng và hành lang của văn phòng được lắp đặt các đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn.

4. Sơ đồ nguyên lý điện: *(Hệ thống điện có hồ sơ hoàn công kèm theo)*

- Nguồn cấp điện của nhà máy được cấp từ nguồn điện của thành phố đến máy biến áp. Từ máy biến áp được cấp điện đến tủ điện tổng và từ tủ điện tổng được cấp đến các tủ điện nhánh phục vụ sản xuất, tủ điện chiếu sáng và tủ điện cấp cho máy bơm chữa cháy.

5. Hệ thống chống sét: *(Có hồ sơ hoàn công hệ thống chống sét)*

- Phía trên mái nhà xưởng lắp đặt 01 kim thu sét tia tiên đạo Liva Lap – AX210 với bán kính bảo vệ 113m, độ cao của kim thu sét với mái nhà xưởng khoảng 5m, dây dẫn sét bằng đồng có tiết diện D70mm^2;

- Quan sát bằng mắt thường thấy các mối nối giữa cáp đồng với kim thu sét và cọc tiếp địa chắc chắn.

- Có bản vẽ hoàn công kèm theo.

6. Hệ thống báo cháy tự động:

- Trung tâm báo cháy 30 kênh được lắp đặt tại phòng bảo vệ, ở độ cao khoảng 1,25m, có nối đất an toàn cho trung tâm báo cháy.

- Lắp đặt nút ấn báo cháy, chuông, đèn ở độ cao khoảng 1,5m, khoảng cách giữa các nút ấn báo cháy nhỏ hơn 50m.

- Khu vực nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn ca tầng được lắp đặt đầu báo cháy khói.

- Các đầu báo cháy được lắp đặt đảm bảo theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt.

- Dây dẫn tính hiệu được luồn trong ống gien nhựa chống cháy.

7. Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường:

- Họng nước chữa cháy được kết nối từ đường ống chính của nhà máy đi xung quanh nhà xưởng.

- Các họng nước chữa cháy được lắp đặt trên tường tại vị trí thuận tiện, là loại họng nước chữa cháy D51, ở độ cao 1,25m.

+ Khu vực nhà xưởng lắp đặt các họng nước chữa cháy, tại vị trí các họng được trang bị các lăng, vòi đồng bộ.

+ Khu vực nhà văn phòng 2 tầng, nhà ăn ca và nhà nghỉ công nhân lắp đặt mỗi tầng 01 họng nước chữa cháy, tại vị trí các họng được trang bị các lăng, vòi đồng bộ.

- Trạm bơm chữa cháy gồm:

+ 01 máy bơm nước chữa cháy chính động cơ điện có thông số kỹ thuật là: P = 37kw; H = 100m, Q = 6900l/min (414)m^3/giờ.

+ 01 máy bơm nước chữa cháy dự phòng động cơ điện có thông số kỹ thuật là: P = 37kw; H = 100m, Q = 6900l/min (414)m^3/giờ.

+ 01 máy bơm nước bù áp động cơ điện, 01 bình tích áp.

+ Các máy bơm chữa cháy có các họng đẩy kết nối vào đường ống cấp nước chữa cháy chung của nhà máy.

- Hồ nước có thể tích khoảng 4000m^3.

8. Cấp nước chữa cháy ngoài nhà:

- Bên trong công trình có hồ nước thể tích khoảng 4.000m^3 xe chữa cháy lấy nước thuận tiện.

9. Phương tiện chữa cháy xách tay:

- Tại công trình được trang bị các phương tiện chữa cháy:

+ Bình bột loại 4kg ABC: 122 bình.

+ Bình khí CO_2 loại 3kg: 61 bình.

Các bình chữa cháy còn mới, chưa sử dụng.

III. Tiến hành thử nghiệm và kết quả nghiệm thu:

1. Hệ thống báo cháy tự động:

Thử nghiệm hoạt động thiết bị ở 2 chế độ:

1.1. Chế độ thường trực:

- Kiểm tra tín hiệu báo sự cố (đứt dây, chập mạch, báo nguồn) của tủ trung tâm.

- Chế độ thường trực của các đầu báo cháy, nút ấn, chuông.

1.2. Chế độ báo cháy:

- Tạo đám cháy giả bằng khói tại các vị trí lắp đặt đầu báo cháy;

* Nhận xét sau thử nghiệm:

- Các đầu báo cháy: Thời gian nhận và truyền tín hiệu báo cháy từ các vị trí thử nghiệm về tủ trung tâm khoảng 6 giây, đạt yêu cầu.

- Các nút ấn, chuông báo cháy: Tín hiệu báo động nhanh, rõ và đạt yêu cầu.

2. Hệ thống cấp nước chữa cháy.

2.1. Kiểm tra thiết bị chữa cháy bằng nước.

- Kiểm tra sự hoạt động của máy bơm chữa cháy động cơ điện, các thiết bị liên kết, các họng nước chữa cháy vách tường trong chế độ thường trực.

2.2. Kiểm tra, thử nghiệm hoạt động của các thiết bị trong chế độ chữa cháy:

- Vận hành máy bơm chữa cháy.

+ Hoạt động của máy bơm khi có tải (*bơm và xả nước qua các họng nước chữa cháy vách tường).*

- Áp lực đồng hồ trong trạm bơm khi sử dụng > 5KG/cm^2.

2.3. Hệ thống họng cấp nước chữa cháy vách tường:

- Vận hành máy bơm chữa cháy;

- Vòi chữa cháy, lăng phun chữa cháy;

- Tầm phun xa của tia nước đặc > 6m;

2.4. Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà:

- Tại Hồ nước có thể tích 4.000m^3 có vị trí lấy nước cho xe chữa cháy (đường giao thông nội bộ trong công trình tiếp giáp với hồ nước)

* Nhận xét sau thử nghiệm:

- Khả năng sẵn sàng hoạt động của máy bơm chữa cháy, các thiết bị lắp đặt trong chế độ thường trực chữa cháy đảm bảo.

3. Hệ thống điện: Có bản vẽ hoàn công kèm theo.

- Ngắt và bật cầu dao của từng hệ thống: Quan sát thấy hệ thống được ngắt, bật theo đúng sơ đồ phân nhánh.

4. Hệ thống chống sét: Có hồ sơ hoàn công kèm theo.

- Có Kết quả kiểm tra thu lôi tiếp địa số No: 14.04.15.01/TN ngày 15/4/2014 của Trung tâm thí nghiệm và khảo sát xây dựng Bạch Đằng thuộc Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng với kết luận Đạt yêu cầu.

5. Phương tiện chữa cháy di động:

- Thử phun bình chữa cháy vào đám cháy có diện tích $1m^2$ (kích thước 1mx1m) thấy đám cháy được dập tắt hoàn toàn sau thời gian khoảng 05 giây.

6. Hệ thống biển chỉ dẫn thoát nạn và đèn chiếu sáng sự cố:

- Khi ngắt nguồn điện lưới cấp cho các đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn thấy trong đèn tự khởi động để chiếu sáng từ nguồn điện ắc quy trong đèn.

IV. Kết luận:

1. Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ: hạng C

2. Bậc chịu lửa: Đảm bảo theo thiết kế;

3. Khoảng cách an toàn PCCC; Các giải pháp ngăn cháy chốn cháy lan: Đảm bảo theo thiết kế.

4. Giao thông phục vụ chữa cháy: Đạt yêu cầu;

5. Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: Đạt yêu cầu;

6. Sơ đồ nguyên lý từ tủ điện đến các tủ điện; Máy bơm chữa cháy, tủ điện các nhà xưởng sản xuất, lò hơi, nhà văn phòng và nhà ăn, nhà nghỉ công nhân, chiếu sáng ngoài nhà: Đạt yêu cầu;

7. Hệ thống chống sét: Đạt yêu cầu;

8. Hệ thống thông gió tự nhiên (thông gió tự nhiên bằng cửa sổ và cửa ra vào) : Đạt yêu cầu;

9. Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cấp nước chữa cháy: Đạt yêu cầu;

V. Kiến nghị:

1. Đơn vị thi công phải hướng dẫn và bàn giao quy trình vận hành, sử dụng cho Chủ đầu tư sử dụng các phương tiện PCCC đã trang bị.

2. Đơn vị sử dụng phải thực hiện đúng quy định về bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng hệ thống PCCC theo quy định.

- Các cửa thoát nạn của nhà xưởng sản xuất, kho hiện là cửa đẩy ngang. Yêu cầu các cửa phải luôn mở khi có người làm việc bên trong.

3. Chủ đầu tư (Công ty TNHH Tân Huy Hoàng) phải lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước xong trước ngày 31/12/2015 theo đúng công văn số 1414/CV-THH ngày 22/4/2014 của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng gửi Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng và tổ chức nghiệm thu về PCCC theo quy định.

4. Cơ sở (Công ty TNHH Tân Huy Hoàng) phải lập hồ sơ theo dõi công tác phòng cháy chữa cháy, ban hành nội quy PCCC phù hợp với thực tế tại cơ sở, xây dựng phương án chữa cháy, tổ chức thực tập phương án chữa cháy theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

5. Cơ sở (Công ty TNHH Tân Huy Hoàng) phải tổ chức huấn luyện cho cán bộ nhân viên, đội PCCC cơ sở theo quy định tại Thông tư số 11/2044/TT-BCA của Bộ Công an.

Biên bản lập xong hồi 17 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 08 trang, lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị ngang nhau, đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và ký tên dưới đây./.

Đại diện
Chủ đầu tư

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN HUY HOÀNG

GIÁM ĐỐC
Trịnh Ngọc Đại

Đại diện
Đoàn kiểm tra

Trung tá **Hoàng Văn Khoa**

Đại diện
Công ty TNHH đầu tư Huyền Trang

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ HUYỀN TRANG

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Nam

Đại diện
Công ty cổ phần xây lắp Hải Long

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẢI LONG

TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM ANH TIẾN

Đại diện
Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp 388

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP 388

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu Trang

Đại diện
Công ty TNHH lắp đặt thiết bị PCCC Nam Phát

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Nam

Mẫu PC1
Ban hành theo Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31-3-2004

BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PCCC TP HẢI PHÒNG

Số: 49 /TD-PCCC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 290513/CV-THH ngày 29/5/2013 của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Người đại diện là ông/bà: Trịnh Ngọc Đại Chức danh: Giám đốc.

SỞ CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CHỨNG NHẬN

Công trình: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC, NHỰA XỐP EPS, EPP VÀ CÁC TẤM KIM LOẠI CÁCH NHIỆT**

Địa điểm: Quốc lộ 10, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.
Đơn vị thiết kế: - Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và ứng dụng công nghệ xây dựng
- Công TNHH lắp đặt thiết bị PCCC Nam Phát.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

1. Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ
2. Khoảng cách an toàn PCCC; Các giải pháp ngăn cháy chống cháy lan;
3. Giao thông phục vụ chữa cháy;
4. Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn;
5. Sơ đồ nguyên lý từ tủ điện tổng đến các tủ điện: Máy bơm chữa cháy, tủ điện các nhà xưởng sản xuất, lò hơi, nhà văn phòng và nhà ăn, nhà nghỉ công nhân, chiếu sáng ngoài nhà;
6. Hệ thống chống sét;
7. Hệ thống thông gió tự nhiên (thông gió tự nhiên bằng cửa sổ, cửa ra vào);
8. Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cấp nước chữa cháy;
9. Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler cho kho chứa hàng và xưởng sản xuất xốp định hình, kho hạt 02 tầng.
10. Phương tiện chữa cháy xách tay.

Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

1. Các cửa phải luôn mở khi có người làm việc bên trong;
2. Phải có biện pháp đảm bảo an toàn về phòng cháy chữa cháy trong quá trình thi công công trình;
3. Công trình phải được Sở cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào hoạt động.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 5 năm 2013

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Phạm Viết Dũng

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- Giám đốc Sở; (để báo cáo)
- Lưu: HĐPCTTD.

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1.	Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ.	Hồ sơ thiết kế	
2.	Bậc chịu lửa	Hồ sơ thiết kế	
3.	Giao thông phục vụ cho chữa cháy.	QH-01	
4.	Các giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Khoảng cách an toàn PCCC	QH-01, KT-00	
5.	Lối thoát nạn.		
	- Nhà văn phòng 02 tầng	KT-01, 02, 03, 11, 12 từ C-01 đến C-05	
	- Nhà ăn, nhà nghỉ công nhân (02 tầng)	KT-01, 02, 11, 12 C-01, 02, 03	
	- Nhà xưởng sản xuất số 1 (sản xuất tấm Panel chống cháy)	KC-01, 03, 04, 13	
	- Kho kết hợp bãi soạn hàng có mái che.	KC-01, 03, 04, 14	
	- Xưởng sản xuất số 2, kết hợp sản xuất xốp định hình và kho hạt 02 tầng	KC-02, 04, 05, 17	
	- Xưởng gia công cơ khí + nồi hơi	KC-01, 03, 04, 14	
	- Xưởng sản xuất (gia công phôi thép)	KC-01, 03, 04, 11	
	- Xưởng gia công (sản xuất tôn mạ màu)	KC-01, 04, 05, 11	
6.	Đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn.	từ Đ-01 đến Đ-11	
7.	Sơ đồ nguyên lý từ tủ điện tổng đến các tủ điện: Máy bơm chữa cháy, tủ điện các nhà xưởng sản xuất, lò hơi, nhà văn phòng và nhà ăn, nhà nghỉ công nhân, chiếu sáng ngoài nhà;	Đ-01, 04, 05, 06	
8.	Hệ thống chống sét	từ CS-01 đến CS-05	
9.	Hệ thống thông gió (thông gió tự nhiên bằng cửa sổ, cửa ra vào).		
	- Nhà văn phòng 02 tầng	KT-01, 02, 03,, 04, 05, 11, 12 từ C-01 đến C-05	
	- Nhà ăn, nhà nghỉ công nhân (02 tầng)	KT-01, 02, 11, 12 C-01, 02, 03	
	- Nhà xưởng sản xuất số 1 (sản xuất tấm Panel chống cháy)	KC-01, 03, 04, 13	
	- Kho kết hợp bãi soạn hàng có mái che.	KC-01, 03, 04, 14	
	- Xưởng sản xuất số 2, kết hợp sản xuất xốp định hình và kho hạt 02 tầng	KC-02, 04, 05, 17	
	- Xưởng gia công cơ khí + nồi hơi	KC-01, 03, 04, 14	
	- Xưởng sản xuất (gia công phôi thép)	KC-01, 03, 04, 11	
	- Xưởng gia công (sản xuất tôn mạ màu)	KC-01, 04, 05, 11	
10.	Hệ thống báo cháy tự động.	từ BC-01 đến BC-19, TBBC-01	
11.	Hệ thống cấp nước chữa cháy.	từ CN-01 đến CN-17, TBCC-01	
12.	Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước.	CN-01, 03, 04, 10, 11, 12, 13, 14. TBCC	
13.	Phương tiện chữa cháy xách tay.	từ B-01 đến B-11	
14.	Thuyết minh thiết kế		
	Ghi chú - Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và ứng dụng công nghệ xây dựng thiết kế mục: 1, 2, 3, 4, 5, 7. - Công ty TNHH lắp đặt thiết bị PCCC Nam Phát thiết kế mục: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và thuyết minh thiết kế.		

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PCCC T.P HẢI PHÒNG

Số: 821 /CSPCCC-HDPC

V/v xin phép xây dựng thêm cầu nối che mưa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 5 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 32/CVĐN ghi ngày 06/5/2015 của chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân Huy Hoàng về việc "xin phép xây dựng thêm phần cầu nối che mưa" tại nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic; Địa điểm: khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Công văn kèm theo các bản vẽ đã được thẩm duyệt về PCCC và các bản vẽ dự kiến xin phép bổ sung.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và đối chiếu với các quy chuẩn, tiêu chuẩn Nhà nước về PCCC hiện hành, Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận về PCCC đối với việc bổ sung một số hạng mục theo như các nội dung đã đề nghị và được thể hiện trên bản vẽ tổng mặt bằng. Cụ thể:

- Xây dựng mái cầu nối che mưa giữa nhà xưởng số 6 với nhà xưởng số 11; nhà xưởng số 11 với nhà xưởng số 5.
- Làm mái nối giữa nhà xưởng số 9 và nhà xưởng số 10 để sắt thép.
- Xây dựng nhà để rác thải rắn, nhà để rác thải sản xuất.
- Bổ sung hệ thống lọc bụi, bồn cấp nước cho lò hơi.
- Xây dựng nhà bơm cứu hỏa, nhà thay đồ, mái để khuôn thủ công.
- Lắp, dựng biển quảng cáo.

2. Yêu cầu:

- Phải có giải pháp đảm bảo an toàn PCCC trong quá trình thi công công trình.
- Khu vực mái cầu nối che mưa giữa nhà xưởng số 6 với nhà xưởng số 11; nhà xưởng số 11 với nhà xưởng số 5 chỉ phục vụ cho xe khi xuất nhập hàng, không bố trí hàng hóa, dây chuyền sản xuất và các chất cháy.
- Mái nối giữa nhà xưởng số 9 và nhà xưởng số 10 chỉ bố trí để sắt thép.
- Nếu bố trí các thiết bị điện tại các khu vực bổ sung này thì phải có các thiết bị bảo vệ chống ngắn mạch, quá tải theo quy định.

Vậy Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng thông báo để Chủ đầu tư biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HDPC (TD).

GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Lê Quốc Trân

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT
LÔ 42B1.5 BÀU VÀNG 6, P. HÒA KHÁNH BẮC,
Q. LIÊN CHIỂU, TP. ĐÀ NẴNG

HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH LÒ HƠI 15T

Mã hiệu nồi hơi: HTV-THH 15.000-10-Ts2021

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

Địa chỉ: Lô 42B1.5 Bàu Vàng 6, P.Hoà Khánh Bắc, Q.Liên Chiểu, Tp.Đà Nẵng.

ĐƠN VỊ MUA HƠI: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Địa chỉ: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, X.Lê Lợi, H.An Dương, Tp.Hải Phòng

Địa chỉ lắp đặt: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, X.Lê Lợi, H.An Dương, Tp.Hải Phòng.

HẢI PHÒNG, THÁNG …./20….

HUNG TIEN VIET CO.,LTD

Chương I: VỀ TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN

HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN LÒ HƠI 15T HTV-THH

Tủ điện tích hợp 03 chế độ: MAN, S-AUTO VÀ AUTO

I. Chế độ MAN: Các thiết bị động cơ vận hành độc lập, không có chức năng liên động hệ thống, không có chế độ bảo vệ mức nước, bảo vệ quá áp. Người vận hành (NVH) bật, tắt các động cơ, điều chỉnh tốc độ động cơ bởi chiết áp.

❖ ***Cảnh báo:*** *Ở chế độ này không chịu ràng buộc bởi một bảo vệ nào. NVH phải theo dõi các thông số của lò để điều chỉnh cho phù hợp, tránh xảy ra các sự cố về lò.*

CÁC BƯỚC CHỈ DẪN VẬN HÀNH

1. Vặn công tắc vận hành về vị trí M, lúc này, đèn vận hành MAN sẽ sáng màu xanh.

Hình 1: Vặn công tắc vận hành về vị trí M

2. Để khởi động động cơ,bật công tắc chuyển mạch sang vị trí man , khi động cơ đang chạy, đèn RUN sáng xanh.

Hình 2: Đèn động cơ chạy thì sáng xanh

3. Để dừng động cơ, bật công tắc chuyển mạch về vị trí O.

4. Đèn FAULT hiển thị báo lỗi của động cơ.

5. Nút SPEED sử dụng để vặn chiết áp điều chỉnh tốc độ của các động cơ có sử dụng biến tần.

II. Chế độ S-AUTO

Chế độ S-Auto, còn gọi là chế độ bán tự động, cho phép người vận hành (NVH) chạy lò với các bảo vệ áp, người vận hành có thể tuỳ ý thay đổi tốc độ, bật tắt các động cơ (trừ quạt hút).

Nguyên lý:

+ Khi khởi động hệ thống, hệ thống bơm sẽ hoạt động cùng lúc với lò (xem ở trang 7)

+ Quạt hút sẽ được khởi động trước, sau 1 quãng thời gian ,các động cơ khác được chạy.

+ Nếu mực nước ballon thấp nhưng phải lớn hơn mức cạn dừng lò bơm sẽ bắt đầu bơm; khi mực nước đầy đến mức dừng bơm (mức làm việc) sẽ dừng. Nếu mực nước trong ballon cạn sâu thì hệ thống sẽ tự dừng.

+ Nếu mực nước ballon thấp ở mức thiếu nước, còi sẽ kêu.

+ Nếu mức nước ballon thấp ở mức cạn dừng lò bơm sẽ không thể chạy tự động mà phải chuyển qua chế độ chạy tay để cấp nước cho ballon (phải kiểm tra an toàn đường ống rồi mới được cấp nước trở lại).

+ Hệ thống sẽ được tạm ngưng khi đạt đủ áp, và tự khởi động lại khi áp tới ngưỡng thấp. 2 thông số này được cài đặt và có thể thay đổi giá trị nhập trên màn hình HMI.

Vận hành:

+ Để vận hành chế độ S-Auto, vặn Switch vận hành qua S và nhấn CHẠY, sau khi nhấn chạy lò, đèn CHẠY sẽ sáng xanh.

+ Vặn Switch động cơ qua A, lúc này điều chỉnh tốc độ động cơ bằng chiết áp SPEED, theo dõi thông số tốc độ hiện tại của động cơ trên màn hình HMI.

+ Trên màn hình HMI, nhấn CÀI ĐẶT và đặt thông số vào mục Áp lực đặt S-AUTO.

Hình 3: Vặn Switch vận hành qua S

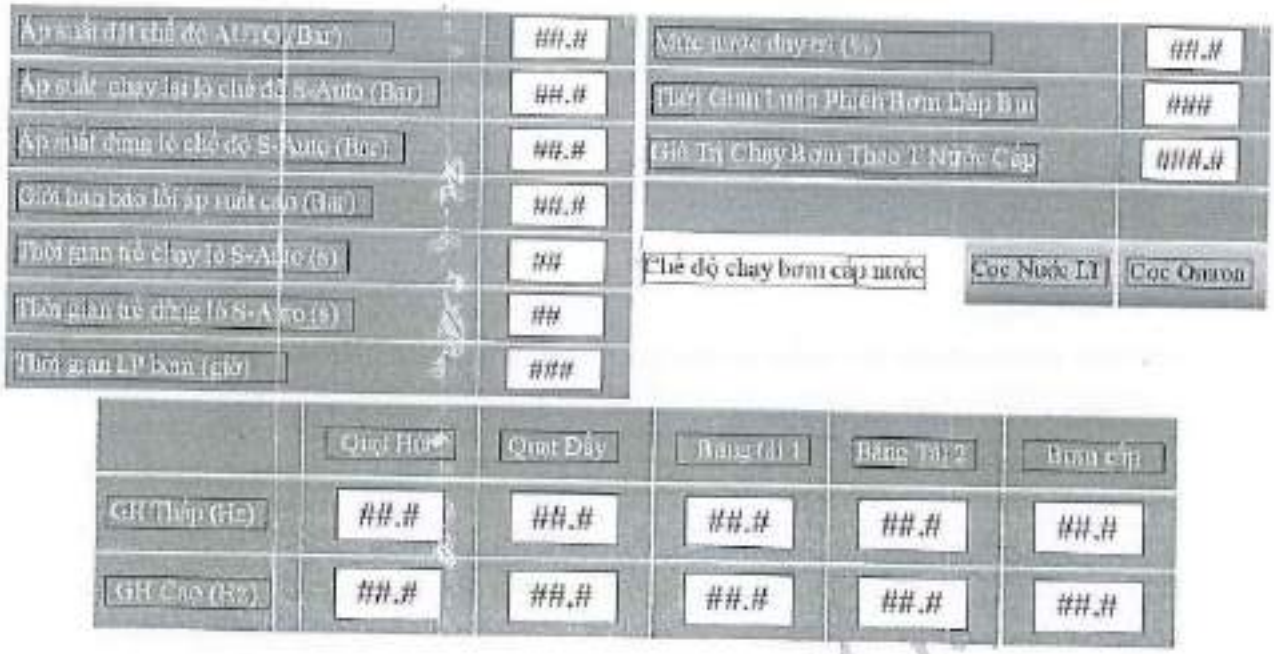

+Áp suất dừng lò ở chế độ S-Auto: Ngưỡng áp suất cao tạm ngưng lò.

+ Áp suất chạy lại lò ở chế độ S-Auto: Ngưỡng áp suất thấp lò hoạt động trở lại.

+ Khi muốn dừng một động cơ bất kỳ để kiểm tra lỗi hoặc dừng để xử lý 1 số việc ta chuyển công tắc ở từng vị trí sang O. Khi này động cơ sẽ dừng và cách ly ra khỏi hệ thống.

+Giới hạn báo lỗi áp cao dừng lò: Thông số an toàn, khi áp đạt ngưỡng này, hệ thống dừng hoàn toàn, còi báo động sẽ kêu lên.

+ Giới hạn cao (hz): giá trị tần số cài đặt lớn nhất cho biến tần chạy

+ Giới hạn thấp (hz): giá trị tần số cài đặt nhỏ nhất cho biến tần chạy

+ Mức nước DT: ngưỡng nước cài đặt duy trì bơm

HUNG TIEN VIET CO

III. Chế độ AUTO

Chế độ Auto là chế độ tự động hoàn toàn, người vận hành (NVH) chỉ cần nhập các thông số ban đầu, hệ thống sẽ tự động thay đổi tốc độ các động cơ để duy trì áp suất ở ngưỡng gần với giá trị mong muốn nhất.

Nguyên lý:

+ Khi khởi động hệ thống, hệ thống bơm sẽ hoạt động cùng lúc với lò (xem ở trang 7)

+ Các động cơ sẽ khởi động ngay cùng hệ thống, dựa vào thông số áp suất mong muốn được nhập trên màn hình, và thông số áp suất tại thời điểm đó, để tự động thay đổi tốc độ các động cơ, giúp duy trì áp suất ở gần với giá trị mong muốn nhất.

Vận hành:

+ Để vận hành chế độ Auto, vặn Switch vận hành qua A và nhấn CHẠY, sau khi nhấn CHẠY, đèn CHẠY sẽ sáng xanh.

Hình 5: Vặn Switch vận hành qua A

Áp suất đặt chế độ AUTO (Bar)	##.#	Mức nước thấp tr. (%)	##.#
Áp suất chạy lại lò chế độ S-Auto (Bar)	##.#	Thời Gian Luân Phiên Bơm Dập Bụi	###
Áp suất dừng lò chế độ S- Auto (Bar)	##.#	Giá Trị Chạy Bơm Theo T.Nước Cấp	###.#
Giới hạn trên tốc độ áp suất cao (Hz)	##.#		
Thời gian trễ chạy lò S-Auto (s)	##	Chế độ chạy bơm cấp nước	Coc Nước LT / Coc Onron
Thời gian trễ dừng lò S-Auto (s)	##		
Thời gian LP bơm (giờ)	###		

	Quạt Hút	Quạt Đẩy	Băng tải 1	Băng tải 2	Bơm cấp
GH Thấp (Hz)	##.#	##.#	##.#	##.#	##.#
GH Cao (Hz)	##.#	##.#	##.#	##.#	##.#

Hình 6: Cài đặt chung

+ Vặn Switch động cơ qua A,

+ Thường thì người vận hành cần chạy S-Auto để lấy thông số tốt nhất để đáp ứng áp suất mong muốn, dựa vào thông số đang chạy của S-Auto để nhập vào màn hình.

+ Ở thông số mỗi động cơ, có 2 mức cao và mức thấp để hiệu chỉnh các giá trị chạy lò.

+ Áp suất cài: áp suất mong muốn lò đạt được.

1. Vận hành bơm

Ở chế độ S-Auto và Auto, bơm được chia làm 2 chế độ vận hành. Chế độ Auto, S-Auto.

Trực tiếp tác động trên hmi để có thể chọn chế độ làm việc (nhấn giữ 1s)

Chế độ chạy bơm cấp nước | Cọc Nước LT | Cọc Omron

+ Chế độ 1: Chạy theo cọc Omron

+ Chế độ 2: Chạy theo cọc Liên tục

+ Bơm tự động thay đổi tốc độ để duy trì mức nước 73% Balon

+ Bơm sử dụng tín hiệu cọc nước liên tục để làm việc, khi số liệu cọc báo về có vấn đề, hệ thống tự chuyển đổi qua cọc nước Omron để hoạt động.

+ Hệ thống bơm cấp có gắn công tắc dòng chảy sau 30s khi chạy bơm mà không phát hiện có dòng chảy trong ống dẫn thì sẽ báo lỗi và còi kêu

+ Vận hành:

+ Ở chế độ Auto, S-Auto, vặn Switch động có qua A, lúc này, bộ điều chỉnh sẽ tự động điều khiển bơm.

+ 2 bơm được vận hành luân phiên nhau, thời gian luân phiên được nhập ở Cài đặt.

❖ *Lưu ý: Khuyến khích đảm bảo mức nước trên 65% trước khi vận hành các chế độ S-Auto và Auto.*

2. Đối với các sự cố (Lỗi)

Hệ thống báo lỗi hoạt động trong các chế độ Auto và S-Auto, giúp hệ thống hạn chế các sự cố về lò.

Có 2 cấp báo vệ chính:

+ Cấp cảnh báo: hệ thống có 1 còi, còi dùng để phát thông báo khi cảm biến mức nước liên tục bị hỏng, Mức nước xuống đến ngưỡng cạn sớm.

+ Cấp sự cố dừng lò: khi gặp các sự cố gây nguy hiểm, hệ thống dừng khẩn cấp, còi hú lớn sẽ phát tín hiệu thông báo. Bao gồm lỗi động cơ, áp cao dừng lò, …

Thông báo khi có lỗi:

+ Lỗi về động cơ, đèn FAULT màu vàng của động cơ tương ứng sẽ sáng lên.

HUNG TIEN VIET CO.,LTD

Ở động cơ sử dụng contactor, nhấn reset rơle nhiệt để reset lỗi.

+ Lỗi cao áp dừng lò: khi áp cao quá ngưỡng được cài đặt ở HMI, hệ thống sẽ dừng khẩn cấp và còi hú lớn phát tín hiệu thông báo. HMI sẽ thống kê lại các lỗi đã gặp, và trạng thái đã sửa lỗi, thời gian sửa lỗi của hệ thống,

Vận hành:

+ Khi hệ thống báo lỗi sự cố, còi hú lớn sẽ phát tín hiệu thông báo, để tắt, nhấn vào nút RESET.

Lưu ý: *Hệ thống sau khi phát sinh lỗi, người vận hành phải xác định nguyên nhân và xử lí nguyên nhân gây ra lỗi đó. Sau khi đã xử lý xong lỗi. Bật nguồn điều khiển lại và cài đặt các thông số trong mục Cài Đặt ở HMI để hệ thống kiểm tra còn lỗi nữa không. Nếu hệ thống báo có chỉ số bình thường thì lúc này lò có thể hoạt động lại bình thường.*

HUNGTIENVIET.CO.,LTD

Chương II: VỀ QUY TRÌNH VẬN HÀNH LÒ HƠI VÀ QUY TẮC VẬN HÀNH BẢO TRÌ THIẾT BỊ

I. QUY TRÌNH VẬN HÀNH LÒ HƠI

1. Trước khi vận hành lò hơi

- Kiểm tra mực nước trong bể chứa nước cấp của lò hơi phải đảm bảo đủ nước ở mức nước dầy và hệ thống cấp nước vào bể phải đảm bảo lưu lượng nước bằng hoặc lớn hơn công suất tiêu thụ nước của lò hơi

- Kiểm tra mức nước trong balon hơi phải đủ ở mức nước làm việc (mức nước làm việc của lò hơi bằng hoặc thấp hơn tâm Balon hơi 50~100mm (nhìn bằng mắt thường hoặc qua hệ thống kính thủy đèn Led, mực nước này được thiết kế tùy theo thiết kế lò của mỗi Nhà máy).

- Kiểm tra toàn bộ hệ thống van cấp nước phải được đặt ở vị trí mở 95~99%.

- Hệ thống nước xử lý bụi trong bể phải ở mức vừa đến mức của ống xả tràn.

- Các van chặn của đồng hồ theo dõi áp suất và cảm biến áp suất trên cụm đồng hồ phải ở vị trí mở.

- Đảm bảo niêm chì của van an toàn không bị cạy mở hoặc làm biến dạng so với lúc đầu của nhà chế tạo bàn giao, cần gạt của van an toàn phải hoạt độngbình thường, bằng cách nâng nhẹ theo hướng thẳng lên trên để kiểm tra , nếu cần gạt nhấc lên nặng dần theo khẩu độ thì đảm bảo van đang hoạt động tốt, trong trường hợp lò đang có áp sẽ cảm nhận rất rõ thao tác này.

- Chuẩn bị trước khi nhóm lò:

+ Bảo hộ lao động gồm có: đồ bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang.

+ Các dụng cụ phục vụ đốt lò: Cào, xẻng, xả beng, đồ nghề cờ lê mỏ lết, van mở khóa van.

+ Vật liệu đốt lò: Than cám Indo, mùn cưa, củi, …, khối lượng đủ để vận hành ít nhất 1 ca.

+ Làm vệ sinh buồng đốt, kiểm tra các lỗ của ống phun đảm bảo không bị tắc.

+ Thử đơn động từng động cơ (Chú ý: thử đơn động từng động cơ chỉ được phép thử các thiết bị động cơ sau khi nút điều khiển chế độ đã được chuyển về Man - chế độ bằng tay).

- Nhóm lò (ở trạng thái lò hơi ban đầu chưa có nhiệt):

+ Chạy quạt Hút chế độ nhỏ (khoảng 5–10hz) đủ để gió hút lửa không bị dương ngược ra cửa để tiến hành cấp mùn cưa hoặc củi, giấy mồi, hoặc củi tưới dầu (tuyệt đối không được dùng xăng để nhóm lò).

+ Khi lò đã cháy đều ta cấp nhiên liệu vào lò qua hệ thống băng tải hoặc xúc bằng xẻng đưa vào cửa lò sau đó đóng cửa lò để tránh lửa phun trào ngược ra ngoài cửa lò. (nên cấp nhiên liệu vào lò vừa đủ cháy để không bị dồn đống gây khói thải đen và khó cháy cho lò đốt trong giai đoạn lò đốt chưa đủ đạt độ nóng)

+ Ta nên kiểm soát nhiệt độ lò đốt ở mức 600 - 850 °C.

***Chú ý:** Để lò hoạt động được đảm bảo, yêu cầu mức nước trong lò phải nằm ở phạm vi cho phép, thông số này kiểm tra trên màn hình HMI hiển thị trên tủ điện và qua hệ thống camera quan sát cụm kính thủy sang, qua nút đèn tín hiệu. mỗi ca vận hành phải kiểm tra mực nước trong kính thủy lò hơi và hệ thống cụm ống thủy 2~3 lần , đối chiếu các thiết bị liên quan để phát hiện sự bất thường của mực nước trong lò hơi (nếu có).

2. Khi vận hành lò hơi

- Khi vận hành bình thường người vận hành luôn có mặt theo dõi để điều khiển thông số của lò hơi và có nhiệm vụ kiểm tra, các thông số trong quá trình vận hành lò.

- Trong quá trình hoạt động ta thường xuyên kiểm tra bơm nước cấp cho lò đảm bảo hoạt động tốt.

- Xả các cụm van xả đáy định kỳ 4~5 lần/ ca. Cách thức xả đáy theo quy trình sau:

+ Bước 1: Luôn Mở van tay xoay hay còn gọi là van cầu đến 95% độ mở của van.

+ Bước 2: Mở van tay gạt khoảng 2/5 độ mở của van.

+ Bước 3: Mở hết 100% cửa mở của van tay gạt trong khoảng 5 giây thì đóng lại.

+ Bước 4: Đóng van tay gạt hoàn toàn và không cần đóng van chặn (van cầu hơi)

- Lặp lại 2–3 lần cho 01 lần xả đáy.

* **Chú ý:** Quy trình này được áp dụng cho cả hệ thống xả đáy cụm ống, kính thủy của lò hơi (trong trường hợp xả đáy cụm ống thủy mà bị báo lỗi cạn nước dừng lò thì chuyển nút chế độ vận hành về Man sau đó bật ngay sang chế độ S ~Auto hoặc Auto hệ thống sẽ trở lại hoạt động bình thường, nếu xả đáy cụm ống thủy nhiều dẫn đến báo cạn nước dừng lò là hệ thống cấp nước bảo vệ cạn nước đang làm việc chính xác theo thiết kế Công nghệ của tủ điện điều khiển).

- Chạy vít tải tro để xả tro trong phễu, không để bụi đầy trong phễu chứa, không làm tắc nghẽn vít thải tro. Các phễu xả tro bằng cửa đốt trọng thì chỉnh đối trọng cho phù hợp với lượng tro xả ra, trong quá trình vận hành lò cần phải kiểm tra thường xuyên xem phễu có bị tắc không.

- Bơm tuần hoàn cấp nước dập bụi cho Cyclone ướt, kiểm tra và bổ sung nước trong bể thu bụi ướt, thông rửa kính thủy, bôi trơn các ổ trục, vòng bi, dây curoa.

- Đặt biệt kiểm tra áp lực đẩy của quạt gió C1 nhằm mục đích thông thoáng mặt bếp phun gió, kiểm xả xỉ tro tại buồng đốt và vệ sinh mặt buồng đốt bằng áp lực của gió cấp 1 tạo độ thông thoáng cho nhiên liệu cháy, tránh hư hỏng bếp phun do quá nhiệt.

- Quy trình xử lý tro xỉ lắng đọng lại buồng đốt làm yếu gió thổi, cháy không tốt sau một thời gian vận hành sản xuất hơi ta sẽ xử lý như sau:

1. Trước khi mở cửa đánh lò, hay cào xỉ. Để tránh hiện tượng đương lửa ra cửa gây nguy hiểm cho người vận hành, Cần thực hiện theo các bước sau:

+ Chuyển chế độ vận hành từ Auto sang S-Auto.

+ Vặn chiết áp giảm tần số quạt đẩy thấp hơn so với thông số quạt đang chạy khoảng 10hz

+ Mở từ từ cửa buồng đốt ra, tránh người sang 1 bên cửa, và đánh xỉ nhẹ nhàng.

+ Sau khi đánh xỉ xong thì đóng cửa lại rồi chuyển về chế độ Auto.

2. Mở cửa bên phải (lò có 2 cửa) dùng cào chuyên dụng thép chống cháy đưa sâu vào trong buồng đốt thả cào, kéo nhẹ tay tới lui và sau đó cào lớp xỉ ra gần cửa lò. Lớp xỉ cào ra đang có nhiệt nên ta ko đưa ra ngay mà để ủ cửa lò cho cháy kiệt. Mỗi lần đánh lò chỉ đánh 1 bên cửa và khoảng 1h sau đánh bên còn lại. Cũng quy trình như vậy ta thực hiện thao tác cửa bên trái.

3. Sau khoảng 1~2h (tùy thuộc vào than nhiều tro cát mà đánh lò nhiều hay ít thời gian) ta mở cửa lò bên phải. Cào nhẹ lớp tro xỉ ngay cửa đã cháy kiệt do được ủ từ lần cào đánh

trước đó ra ngoài, sau đó đánh cào nhẹ lớp xỉ tro mới trong lò đang cháy ra ủ ngoài cửa. Ta có thể ủ tại cửa lò nhiều lần đánh lò mà không cần cào xả ra khỏi lò ngay. Mục đích là để tạo lớp tường chắn gió lạnh từ cửa lò vào. Chỉ cào tro ra khỏi cửa lò khi tro đã kiệt và nguội đen. Tương tự cửa bên trái cũng như vậy.

Chú ý:

+ Không sử dụng nước làm nguội tro ngay khi cào ra, tro bụi phát tán lên môi trường, hám hỏng vỏ lò và có nguy cơ bị bỏng hơi nước.

3. Dừng lò

- Dừng lò nóng: Quá trình này xảy ra khi thiết bị xung quanh lò hơi bị hỏng hóc cần ngừng ngay để khắc phục cần ngừng ngay để sửa chữa. Phương pháp thực hiện: ngừng cung cấp than, ngắt quạt gió cấp I, tắt quạt gió thổi liêuk quạt oxy, quạt tang áp sau đó giảm quạt hút về 10–15Hz hoặc ngừng hẳn. Nếu các bộ phận bị hỏng liên quan đến phần chịu áp lực thì ta phải xả van xả nhanh để giảm áp rồi tiến hành sửa chữa (Trong trường hợp này không được xả đáy lò, nếu xả đáy sẽ cạn nước trong lò và bơm đã bị ngắt nguồn không hoạt động, nguy hiểm vì lò cạn nước).

- Dừng lò nguội: Khi nhà máy ngưng sản xuất. Ta tiến hành dừng lò như sau: Ngừng cung cấp than, để lò hoạt động bình thường khi nhiệt độ lớp vật liệu sôi dưới 300°C ta ngừng quạt đẩy, quạt hút. Bơm nước cấp vẫn chạy ở chế độ tự động bình thường.

II. QUY TẮC VẬN HÀNH BẢO TRÌ THIẾT BỊ

1. Băng tải cấp liệu

- Băng tải chạy một thời gian (khoảng 1 tuần) sẽ bị giãn dài, có thể bị giãn không đều do làm việc trong môi trường nhiệt cao hay ẩm ướt ta cần có chế độ bảo dưỡng như căn chỉnh lại độ đồng đều, bôi trơn bộ xích truyền động, các con lăn, trục lăn, … vệ sinh hố chứa nhiên liệu, lâu ngày nhiên liệu rơi vải xuống hố chứa vào trục lăn chỉnh gây lệch hay giãn không đều su băng tải, tránh rơi vãi nhiên liệu đốt xuống hệ thống băng tải.

- Bảo trì định kì: 01 tuần 01 lần (Thường vào ngày chủ nhật dừng lò).

2. Bơm nước cấp:

- Đối với hệ bơm ly tâm nhiều tầng cánh các hỏng hóc thường gặp như: bơm nước bị rò khí đầu hút bơm không lên nước, xì nước qua trục hay thân bơm, tiếng kêu lớn bất thường.

- Khắc phục: kiểm tra đường ống cấp nước cho bơm tuyệt đối kín, sau bơm phải có hệ thống van 1 chiều bảo vệ bơm nước được gắn giữa bơm và cách ly áp với lò hơi, tránh hiện tượng nước đi ngược từ lò hơi về bơm giảm áp hóa hơi tạo khí trong bơm nước, khi bơm hoạt động lại không ổn định hay không lên nước.

- Bơm nước bị xì hở ở tâm trục hay thân bơm nguyên nhân do xecmang bị hỏng, roong amiang bị rách cần thay mới hay sửa chữa.

- Bơm chạy nghe tiếng kêu bất thường nguyên nhân cọ sát giữa phần động và phần tĩnh của bơm, do động cơ bị hỏng bạc hay rơ trục đọc...

- Trong trường hợp vận hành lò hơi khi chúng ta để bơm bị E, xì hở,hiện tượng bơm vẫn chạy nhưng không cấp đủ nước hoặc không có nước vào cho lò hơi, tạo ra hiện tượng cạn nước trong lò hơi, nếu mức nước trong lò hơi cạn dưới mức an toàn cho phép sẽ sảy ra hiện tượng ngắt toàn bộ hệ thống mạch điện điều khiển, tương tự như hiện tượng thiếu nước trong thùng nước mềm nói trên.

- Vệ sinh Y lọc rác trước bơm định kỳ 1 tuần 2 đến 3 lần để loại bỏ rác bẩn tạp chất có trong nước, tránh tắc ống dẫn cấp nước của bơm

3. Phễu hồi lưu:

- Thường xuyên theo dõi tro hồi lưu qua kính thăm lửa trong ca vận hành. Nếu không thấy lửa thì khả năng phễu hồi lưu bị tắc. Mở cửa xả tro để xử lý, hoặc chờ dừng lò xử lý. Chú ý tro ở đây là tro nóng.

- Phễu hồi lưu là phễu hay bị tắc nghẽn. Nguyên nhân tắc phễu là do có vật cản lớn rơi vào hoặc do nhiên liệu đốt bị ướt dẫn đến bám dính kết xỉ. Cần vệ sinh định kì: 1 tuần/1 lần (Thường vào ngày chủ nhật dừng lò). Mở tất cả các cửa vệ sinh để kiểm tra bên trong phễu.

4. Bộ hâm nước, bộ sấy khí:

- Phải thường xuyên xả tro trong phễu. Chỉnh van đối trọng sao cho phù hợp lượng tro xả ra. Mở cửa vệ sinh kiểm tra, vệ sinh tro đọng trong dàn ống, kiểm tra tro đọng trong phễu. Nếu có tro đọng phải vệ sinh sạch sẽ. Định kì 1 tháng 1 lần kiểm tra vệ sinh.

5. Bộ lọc bụi khô:

- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh phễu chứa tro dưới Bộ lọc bụi khô.

- Vít tải xỉ bị tắc nghẽn. Nguyên nhân các hiện tượng trên là do vật liệu qua van xoay quá nhiều, có vật cản lớn rơi vào van xoay hay nhiên liệu đốt bị ướt bám dính vào van xoay cản trở sự làm việc bình thường và tác động đến rơle nhiệt. Phải thường xuyên kiểm tra đảm bảo van xoay làm việc đúng nguyên tắc.

- Bảo trì định kì: 1 tuần/1 lần (Thường vào ngày chủ nhật dừng lò). Bơm dầu mỡ cho các ổ bi, xích truyền động của vít tro. Mở cửa kiểm tra trong phễu xả tro, vệ sinh sạch sẽ.

6. Bộ thu bụi ướt:

- Trong khói lò hơi có các thành phần cần quan tâm như: bụi, các khí SO_2, CO_2, ... để xử lý bụi đạt yêu cầu trước khi thải khói ra môi trường ta dùng hệ dập bụi và bể nước lắng bụi. Trong quá trình vận hành ta thường xuyên kiểm tra cấp lượng nước đủ cho bể lắng, luôn giữ mức nước trong bể đủ lớn để bộ thu bụi làm việc hiệu quả. Nên cấp vôi cục hoặc vôi bột với hàm lượng 5% ~7% khối lượng nước trong bể lắng để khử các mùi trong khí khói thải và làm trong nhanh nguồn nước tuần hoàn.

- Vệ sinh định kì: 1 tháng/1 lần. Mở cửa vệ sinh kiểm tra bên trong tháp dập bụi và bên ống khói, các đường ống dẫn. Kiểm tra tình trạng đọng tro tắc nghẽn, kiểm tra các giàn phun nước dập bụi, vệ sinh sạch sẽ, thông thoáng.

- Vệ sinh bể lắng bùn định kỳ 1 tuần/1 lần. Bơm hút bùn vào Túi lọc. Hoặc đợi lắng đọng bùn, bơm nước ra, rồi xúc bùn vệ sinh bằng thủ công.

7. Các van hơi hay van nước:

- Các van làm việc lâu ngày thường hay bị xì hở tại các ti van hay xì hở ở các bích van. Nguyên nhân chính lò hơi dừng lâu ngày giãn nở không điều giữa kim loại và các amiang làm kín gây nên. Cần thay thế amiang hay xiếc lại các oulon bích nối. Đối với các van hơi xì hở lớn, liên quan đến bộ phận chịu áp lực cần dừng lò hơi, giảm áp suất khóa chặn và sửa chữa.

8. Cụm ống thủy:

- Cụm ống thủy luôn được thông rửa thường xuyên theo ca vận hành hàng ngày, mỗi ca phải kiểm tra xả đáy hệ thống ống thủy sáng ống thủy tối 2-3 lần, cụm kính có đèn Led luôn được đảm bảo thông suốt không bị tắc nghẽn, kiểm tra các van trên cụm ống thủy. Tránh

hiện tượng xỉ hở mạnh trong quá trình vận hành lò hơi, quá trình bảo dưỡng sửa chữa phải được nghi chép cẩn thận rõ ràng trong nhật ký vận hành bão dưỡng lò hơi.

Hệ thống thiết bị cọc Omron điều khiển bơm làm việc mức On/Off phải vệ sinh đánh rỉ bám mỗi tuần hoặc mỗi khi dừng lò bảo trì

Hệ thống bộ cảm biến mức nước liên tục điều khiển bơm cấp nước cấp nước vào lò qua biến tần duy trì mức nước ổn định, phải kiểm tra thông rửa xả cặn thường xuyên trong ca vận hành, và tháo rửa kiểm tra khi lò dừng bảo trì, chú ý đây là thiết bị điện tử nên khi tháo rắp chú ý chiều quay của phão điện từ bên trong ống và hệ thống điện nguồn 24V bảo Led bên ngoài.

9. Vít thải tro xỉ, vít tải liệu:

- Các sự cố như rơle nhiệt, động cơ van xoay tác động, tắt nghẽn van xoay.

Nguyên nhân các hiện tượng trên là do vật liệu qua van xoay quá nhiều, có vật cản lớn rơi vào van xoay hay nhiên liệu đốt bị ướt bám dính vào van xoay cản trở sự làm việc bình thường và tác động đến rơle nhiệt. Phải thường xuyên kiểm tra dầu mỡ bôi trơn, đảm bảo van xoay làm việc đúng nguyên tắc. Định kỳ 1 tuần 1 lần (Thường vào ngày chủ nhật dừng lò).

10. Buồng đốt gạch:

- Trong quá trình đốt cần hạn chế để dương (phụt lửa) lò ra ngoài cửa buồng đốt. Làm cháy cửa, mất thẩm mỹ và hỏng cửa. Nếu dừng lò, cần vệ sinh dưới buồng gió cấp 1, tránh việc tro rơi xuống gây tắc đường gió thổi.

- Nếu lò vừa mới dừng, cấm tuyệt đối dội nước vào buồng đốt, mà phải để buồng đốt nguội từ từ, Vệ sinh sạch các đầu nấm và tro đọng trên tường gạch. Định kỳ 1 tuần/1 lần (Thường vào ngày chủ nhật dừng lò).

Vệ sinh buồng đốt nhiên liệu bằng cách đục tháo các nham thạch bám vào thành lò đốt và các bép phun gió, Kiểm tra tường lò nếu thấy xê dịch nứt vỡ phải cho bảo trì xây lại tránh đổ cháy vỏ lò khi vận hành cấp hơi

11. Hệ thống quạt:

- Quạt chạy lâu ngày sẽ bị giãn dây curoa, hụt dầu gối. Cần kiểm tra thường xuyên. Nếu nghe tiếng kêu lạ thì cần dừng ngay để kiểm tra. Luôn có 1-2 bộ dây curoa dự phòng.

- Bảo trì định kỳ: 1 tháng 1 lần. Kiểm tra dây curoa nếu bị chùng thì tăng lại vừa đủ, đổ dầu gối quá mắt dầu khoảng 1cm.

Kiểm trì dầu làm mát và bôi trơn gối quạt, dầu trong gối phải gần ngập mắt thăm dầu trên gối quạt, sử dụng dầu W50 làm mát gối và bôi trơn bi đảm bảo vận hành. Không đóng nút xả khí trên đỉnh gối vì khi quạt làm việc sẽ sinh nhiệt sẽ dẫn đến áp suất dương làm phá zoang hai đầu gối bi cháy dầu.

12. Phòng điều khiển:

- Phòng điều khiển yêu cầu phải có điều hòa để làm mát tủ điện và vệ sinh công nghiệp định kỳ

- Sử dụng khí nén có hơi khí khô để xịt vệ sinh thiết bị trong tủ, tránh bụi bẩn bám dính làm thoát nhiệt kém, hư hỏng thiết bị. Định kì 1 tháng 3~5 lần.

13. Hệ thống cấp hóa chất định lượng:

- Trong suốt quá trình vận hành sản xuất hơi, Lò hơi phải bổ sung 1 lượng hóa chất cấp định lượng theo bơm nước cấp vào lò hơi để đảm bảo ống và thân lò không bị đóng bám măng cáu cặn gây tiêu hao nhiên liệu và ăn mòn ống.

Chương III: NHỮNG SỰ CỐ CÓ THỂ XẢY RA VÀ CÁCH XỬ LÝ

Để đảm bảo an toàn cho người và thiết bị, đối với nồi hơi tầng sôi ngoài việc xử lý các sự cố thông thường như các loại nồi hơi khác, người thợ vận hành cần nắm chắc cấu tạo, nguyên lý hoạt động của nồi hơi để kịp thời xử lý những sự cố khác đặc trưng cho nồi hơi tầng sôi.

Sau đây là một số sự cố thường xảy ra trong quá trình nồi hơi hoạt động, nguyên nhân và cách xử lý:

1. Cạn nước nghiêm trọng:

a) Hiện tượng:

- Ống thủy đèn Led, toàn bộ đèn chuyển qua màu đỏ. Hoặc kính thủy lá lật chuyển qua hết màu trắng.

- Ống thủy sáng không còn nước mà chỉ còn một màu sáng ống ánh khi quan sát.

- Mở van thấp nhất của ống thủy tối không có nước chảy ra mà chỉ có hơi phụt ra.

- Áp suất tăng nhanh, van an toàn tác động liên tục.

- Nhiệt độ trong lò đốt nhiên liệu tang cao

- Nhiệt độ nước trong balon hơi tang cao

- Toàn bộ thân vỏ nồi hơi nóng hơn mức bình thường.

b) Nguyên nhân:

- Công nhân vận hành không theo dõi ống thủy để cấp nước thêm kịp thời.

- Van xả đáy không kín.

- Khả năng vận hành sai chế độ (Chế độ Man. chế độ Thủ công)

- Bơm cấp nước hỏng, bơm vẫn chạy nhưng nước không vào được nồi hơi.

- Hệ thống ống cấp nước bị tắc hoặc bồn chứa nước trung gian không đủ nước, bơm không có tác dụng.

c) Cách xử lý:

- Nhấn nút Dừng khẩn cấp (Eme...)

- Hạ nhiệt độ lò đốt nhanh nhất có thể bằng cào hoặc mở cửa (không được sử dụng nước trong lúc này)

- Tiến hành thông rửa ống thủy.

- Nếu thấy nước lấp ló chêm ống thủy, sáng thì nồi hơi chưa cạn nước tới mức nghiêm trọng. Trường hợp này tiến hành nhả nút Eme....(nút dừng khẩn cấp) bật bơm ở chế độ Man cấp nước bổ sung phân đoạn kết hợp với việc xả đáy phân đoạn, Khi mực nước trở lại vị trí trung gian của ống thủy sáng, chuyển nút nhấn của tủ và bơm về chế độ Auto hoặc S~Auto cho nồi hơi trở lại hoạt động.

- Khi tiến hành thông rửa ống thủy mà không thấy nước trong ống thủy, mở nhanh van thấp nhất của ống thủy tối cũng chỉ thấy hơi phụt ra thì nồi hơi bị cạn nước nghiêm trọng. Trong trường hợp này cấm tuyệt đối cấp nước bổ sung, công nhân vận hành cần nhanh chóng thao tác ngừng máy sự cố như sau:

+ Dừng lò khẩn cấp qua nút Eme...

+ Cào lượng nhiên liệu còn trong buồng đốt ra ngoài, hoặc đổ cát vào để dập nhiệt.

Sau khi ngừng lò có sự cố, cần để thời gian cho nồi hơi nguội từ từ. Khi áp suất giảm dưới mức làm việc bình thường, cần kiểm tra các bộ phận liên quan, đặc biệt các bề mặt tiếp nhiệt, sau đó tiến hành xử lý như trường hợp trên.

HƯNG TIẾN VIỆT CO.,LTD

- Khi xác định van xả đáy không kín, nước chảy mạnh qua đường xả đáy hoặc van một chiều không kín, đường cấp nước (từ bơm tới nồi hơi) nóng quá mức bình thường, phải tiến hành ngừng hoạt động. Xử lý giống trường hợp cạn nước nghiêm trọng.

2. Đầy nước quá mức:

a) Hiện tượng:

- Ống thủy đèn Led, toàn bộ đèn chuyển qua màu xanh. Hoặc kính thủy lá lật chuyển qua hết màu đỏ.

- Nước ngập ống thủy và nghe thấy tiếng va đập thủy lực bên trong nồi hơi.

- Áp suất hơi giảm, hơi nước cấp bên tiêu thụ lẫn nhiều nước ngưng.

b) Nguyên nhân:

- Hệ thống cọc Omron và cảm biến mức nước liên tụ bị lỗi, không ngắt dừng bơm.

- Cường độ đốt cao, bên sử dụng ít hoặc ngưng sử dụng hơi. Trong trường hợp này mức nước trung bình của ống thủy có thể vượt quá mức cho phép cao nhất.

c) Cách xử lý:

- Thông rửa ống thủy, giảm bớt cường độ đốt, xả đáy để mức nước trở lại bình thường.

- Mở vệ sinh các đầu cảm biến cọc Omron.

- Xả nước trên đường cấp hơi, sau đó cho nồi hơi hoạt động trở lại.

3. Ống thủy báo mực nước ảo:

a) Hiện tượng:

- Mực nước trong ống thủy đứng yên, không giao động lên xuống.

- Kính thủy sáng và kính thủy đèn Led báo hai mức nước khác nhau.

b) Nguyên nhân:

- Trong các ca vận hành, công nhân không thực hiện thông rửa ống thủy.

- Ống thủy bị tắc sau khi thông rửa.

c) Cách xử lý:

* Tiến hành thông rửa ống thủy, sau khi thông, mức nước trong ống thủy phải đao động. Căn cứ vào mức nước này, ta biết nồi hơi đang trong tình trạng nào để xử lý tiếp, theo từng trường hợp cụ thể.

d) Đặc biệt chú ý:

* Mỗi ca vận hành cần thông rửa ống thủy đầu ca và giữa ca như quy định trong quy trình vận hành.

* Mực nước giả tạo trong ống thủy nếu không được phát hiện kịp thời sẽ dẫn đến các sự cố đầy nước quá mức hoặc cạn nước nghiêm trọng, nếu không kịp thời xử lý sẽ dẫn đến hậu quả vỡ nồi hơi.

4. Áp suất tăng quá mức cho phép:

a) Hiện tượng:

- Van an toàn tác động liên tục, đồng hồ áp lực chỉ trị số cao hơn áp suất làm việc bình thường.

b) Nguyên nhân:

- Nơi tiêu thụ hơi ngừng việc lấy hơi mà không báo cho bên cung cấp biết.

- Van an toàn không tác động hoặc tác động không kịp thời, tác động không hết công suất do kẹt.

- Cường độ đốt tăng quá mức bình thường.

- Bên tiêu thụ ngừng việc lấy hơi, trong khi bên cung cấp vẫn hoạt động.

c) Cách xử lý:

- Giảm cường độ đốt, cần thiết sẽ cho dừng lò khẩn cấp.

- Mở van xả khí hoặc mở cưỡng chế van an toàn (kéo van an toàn bằng tay)

- Xả đáy gián đoạn kết hợp với cấp nước bổ sung.

5. Phồng, nổ ống của phần trao đổi nhiệt:

a) Hiện tượng:

- Nhìn qua cửa kiểm tra vào buồng đốt thấy bộ phận của diện tích tiếp nhiệt bị phồng.

- Hoặc nghe thấy tiếng nổ ống sinh hơi (ống lò, ống lửa) bên trong lò, hơi nước thoát ra ống khói, áp suất tụt nhanh.

b) Nguyên nhân:

- Trong các đợt định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng, không làm vệ sinh sạch cáu cặn, bẩn trên bề mặt kim loại của phần bị đốt nóng.

- Không phát hiện được các chỗ yếu cục bộ do ăn mòn để xử lý trước.

- Chất lượng nước cấp không bảo đảm.

- Nồi hơi trong tình trạng cạn nước nghiêm trọng.

c) Cách xử lý:

- Tiến hành thao tác ngừng lò sự cố.

- Khi nồi hơi có chỗ phồng thì nhanh chóng hạ áp suất bằng cách mở van xả khí và cưỡng chế mở van an toàn.

- Để nguội nồi, tiến hành kiểm tra và sửa chữa chỗ phồng.

6. Nổ vỡ ống thủy sáng

a) Hiện tượng:

- Vỡ ống thủy tinh, nước và hơi bốc ra mũ mặt.

b) Nguyên nhân:

- Lắp ống thủy tinh đồng tâm nên ống thủy tinh bị nứt tế vi.

- Do nước lạnh bắn vào hoặc do vật cứng va vào.

c) Cách xử lý:

- Đóng van khóa ra thiết bị để thay kính mới.

- Không có kính thủy tinh dự trữ thì hệ thống lò hơi vẫn hoạt động bình thường vì còn hệ thống thiết bị điện hiển thị mức trong HMI báo mức nước an toàn

7. Áp kế bị hỏng hoặc không chính xác

a) Hiện tượng:

- Mặt kính bị vỡ.

- Khi kiểm tra áp kế, lúc ngắt kim không trở về vị trí số 0 mà lệch với vị trí "0" trị số lớn hơn ½ trị số cho phép.

- Hơi và nước tràn đầy mặt kính.

b) Nguyên nhân:

- Không kiểm định đồng hồ hằng năm.

- Do tác dụng của ngoại lực.

c) Cách xử lý:

- Trong trường hợp mặt kính vỡ, nhưng áp kế vẫn hoạt động tốt cho phép làm việc đến hết ca.

- Các trường hợp khác phải thay áp kế mới.

8. Van an toàn hỏng

a) Hiện tượng:

- Đóng không kín khi áp suất chưa cao quá mức cho phép.

- Vượt quá áp suất cho phép mà vẫn không làm việc.

b) Nguyên nhân:

- Bề mặt tiếp xúc của van bị mòn không đều, bị vênh.

- Kẹt cứng lò xo hoặc các bộ phận cơ khí.

c) Cách xử lý:

HUNG TIEN VIET CO.,LTD

- Phải ngừng hoạt động của lò để thay thế hoặc sửa chữa xong việc phải báo cho Thanh Tra ATLĐ kiểm tra và kẹp chì lại.

- Trường hợp van an toàn không đóng kín và lượng hơi thoát ra không nhiều, cho phép vận hành đến hết ca, sao đó ngừng lò để sửa chữa. Trường hợp sụt lỡ nhiều phải ngừng ngay lại, chờ nguội và sửa chữa kịp thời.

9. Quạt bị hỏng

a) Hiện tượng:

- Đóng điện nhưng động cơ không chạy.

- Quạt làm việc nhưng không có gió.

- Có tiếng va đập trong thân quạt, hoặc có tiếng kêu lớn ở gối bi.

b) Nguyên nhân:

- Điện vào động cơ thiếu pha, hoặc biến tần bị lỗi.

- Đường dẫn khói bị thủng, tắc.

- Cánh quạt bị hỏng, bị biến dạng.

- Vỡ ổ bi gối

c) Cách xử lý:

- Báo thợ điện kiểm tra xử lý.

- Kiểm tra hệ thống dẫn khói.

- Kiểm tra cánh quạt, vỏ quạt, kiểm tra dầu trong gối bi, kiểm tra cáp điện có chập chạm do sinh nhiệt hoặc lâu ngày....

- Trường hợp không xử lý được thì cần dừng lò để tiến hành khắc phục sửa chữa.

10. Sụp lở tường lò trong buồng đốt

- Nếu sụt cục bộ có thể vận hành hết ca sau đó ngừng lò sửa chữa. Trường hợp sụt lở nhiều phải ngừng lò ngay lại, chờ lò nguội và sửa chữa kịp thời.

11. Xì các van hơi, van nước

- Khi các van có hiện tượng bị xì nước, hoặc xì hơi. Cần giảm áp suất lại về mức cho phép, rồi mới tiến hành khóa xiết các van. Nếu vẫn bị xì, thì cần dừng lò, tìm nguyên nhân và khắc phục, thay thế.

12. Cường độ đốt giảm

a) Nguyên nhân:

- Thiếu gió cung cấp cho sự cháy.

- Nghẹt đường thoát khói.

HUNGTIENVIET.CO.,LTD

- Bết nắm lò hơi

b) Cách xử lý:

- Cấp thêm không khí cho buồng đốt.

- Dừng lò và cho Vệ sinh lò đốt

- Tăng lưu lượng hút khói tangw lượng đẩy quạt đẩy, (chú ý chạy quạt hồi lưu thấp nhất để tránh loạn gió lò đốt và tạo lượng khói lò lớn khiến quạt hút làm việc quá tải, gây tôn nhiên liệu và điện

- Điều chỉnh tỷ lệ nhiên liệu đốt cho phù hợp.

13. Đường thoát khói nghẹt

- Vệ sinh định kỳ hâm nước, ống lửa, buồng lửa, buồng khói, đường thoát khói.

- Trong trường hợp bị tắc nghẹt, phải ngừng lò và ..m vệ sinh.

*** **CHÚ Ý**

1- Mọi sự cố xảy ra và cách xử lý sự cố phải ghi chép đầy đủ vào sổ giao ca, báo cho cán bộ quản lý nhà lò, quản đốc phân xưởng. Nhà máy phải lập đoàn thanh tra xác định nguyên nhân để ra biện pháp khắc phục

2- Các sự cố có ảnh hưởng tới độ bền của nồi hơi phải ghi vào lý lịch nồi hơi: nguyên nhân, cách xử lý, sau đó tiến hành kiểm tra lại độ bền của nồi hơi, có sự chứng kiến của thanh tra ATLĐ.

3- Đối với các sự cố gây tai nạn lao động, làm chết người và hư hỏng tài sản, phải tiến hành các bước theo đúng quy định tại Chương XV - Quy phạm QPVN 23 - 81 về an toàn lao động đối với thiết bị chịu áp lực và nồi hơi do Nhà nước ban hành.

Tài liệu chỉ có giá trị đào tạo lưu hành chuyển giao kỹ thuật của Cty TNHH Cơ Nhiệt điện Hưng Tiến Việt trên thiết bị độc lập do Cty TNHH Cơ Nhiệt Điện Hưng Tiến Việt lắp đặt chế tạo.

Mọi sao chép cho các thiết bị khác Công ty chúng tôi không chịu trách nhiệm về pháp lý Quy chuẩn 7704:2007 TCVN. Quy chuẩn thiết bị Áp lực của Việt Nam.

Tài liệu sẽ có sự thay đổi nhưng không cần thông báo trước.

Mọi thắc mắc xin liên hệ:

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

Địa chỉ văn phòng: 179 Phan Văn Đạt, P.Hòa Khánh Bắc, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng.

Địa chỉ NM CN1 ĐN: Lô K Đường số 04, Khu công nghiệp Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng.

Website: hungtienviet.com

Email: ctyhungtienviet@gmail.com

Hotline: 0903.553.996 - 0921.77.68.68 (Mr.Hòa)

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

GIÁM ĐỐC

PHẠM THANH HOÀ

HUNGTIENVIET CO.,LTD

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800 1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 27 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TSG
Số *(No)*: 00000350

Mã của cơ quan thuế: 009A258A66A18B45B812C6DAC816E39998

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200681370**
Địa chỉ *(Address)*: Khu công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: 0936725625 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: **Công ty TNHH Tân Huy Hoàng**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200383712**
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng, VN
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước sử dụng trong khu công nghiệp từ ngày 25/12/2023-25/01/2024	m3	1.503	21.500	32.314.500

Cộng tiền hàng *(Total amount)*: **32.314.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **5%** **Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*: **1.615.725**
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*: **33.930.225**
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Ba mươi ba triệu chín trăm ba mươi nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng ./.*

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*	CƠ QUAN THUẾ	NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN Ký ngày: 27/01/2024 12:46:24	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG Ký ngày: 27/01/2024 12:46:16

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn tại website: https://hpgcpcongnghiepnghp-tt78.vnpt-invoice.com.vn/. Mã tra cứu: 132161

Đơn vị phát hành, truyền tải cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 18001260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 26 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TSG
Số *(No)*: 00000589

Mã của cơ quan thuế: 00B9AC982603F443C3BACD4800360911DF3

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200681370**
Địa chỉ *(Address)*: Khu công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: 0936725625 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: **Công ty TNHH Tân Huy Hoàng**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200383712**
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng, VN
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước sử dụng trong khu công nghiệp từ ngày 25/01/2024-26/02/2024	m3	1,116	21.500	23.994.000

Cộng tiền hàng *(Total amount)*: **23.994.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 5% Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*: **1.199.700**
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*: **25.193.700**

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm đồng ./.*

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*	CƠ QUAN THUẾ	NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=[illegible],C=VN Ký ngày: 26/02/2024 16:26:12	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG Ký ngày: 26/02/2024 16:25:50

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại website: https://hpgcpcongnghiepsghp-tt78.vnpt-invoice.com.vn/. Mã tra cứu: 133898

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800.1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TSG
Số *(No)*: 00000907

Mã của cơ quan thuế: 903A9280DCB8F94BA1895EB1BD4B05BB3E

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200681370**
Địa chỉ *(Address)*: Khu công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: 0936725625 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: **Công ty TNHH Tân Huy Hoàng**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200383712**
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng, VN
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước sử dụng trong khu công nghiệp từ ngày 26/02/2024-25/03/2024	m3	1,531	21.500	32.916.500

Cộng tiền hàng *(Total amount)*: **32.916.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 5% **Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*: **1.645.825**
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*: **34.562.325**

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Ba mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng ./.*

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*	CƠ QUAN THUẾ	NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=HÀ NỘI,C=VN Ký ngày: 26/03/2024 10:16:07	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG Ký ngày: 26/03/2024 10:15:59

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại website: https://hgycpcongnghiepsghp-tt78.vnpt-invoice.com.vn/. Mã tra cứu: 135919

Đơn vị nhận, truyền từ cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 18091260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 25 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TSC
Số *(No)*: 00001474

Mã của cơ quan thuế: 0002FF3CF76894486SB5ED11E2F8E2C362

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200681370**
Địa chỉ *(Address)*: Khu công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: 0936725625 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: **Công ty TNHH Tân Huy Hoàng**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200383712**
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP Hải Phòng, VN
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước sử dụng trong khu công nghiệp từ ngày 25/03/2024-25/04/2024	m3	1.548	21.500	33.282.000

Cộng tiền hàng *(Total amount)*: **33.282.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 5% **Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*: **1.664.100**
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*: **34.946.100**

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Ba mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm đồng ./.*

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)

Signature Valid
Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=HÀ NỘI,C=VN
Ký ngày: 25/04/2024 16:30:34

NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
(Signature, stamp and full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG
Ký ngày: 25/04/2024 16:30:34

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại website: https://hpg.pcongnghiepsghp-tt78.vnpt-invoice.com.vn/. Mã tra cứu: 139464

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Hotline: 18001260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 25 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TSG
Số *(No)*: 00002014

Mã của cơ quan thuế: 00F76BDA05A3A949E7ADA84E7C37863245

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200681370**
Địa chỉ *(Address)*: Khu công nghiệp Trảng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: 0936725625 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: **Công ty TNHH Tân Huy Hoàng**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200383712**
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, Khu công nghiệp Trảng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng, VN
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước sử dụng trong khu công nghiệp từ ngày 25/04/2024-24/05/2024	m3	1,297	21.500	27.885.500

Cộng tiền hàng *(Total amount)*: **27.885.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **5%** **Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*: **1.394.275**
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*: **29.279.775**
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng ./.*

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*	CƠ QUAN THUẾ	NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,C=VN Ký ngày: 25/05/2024 11:09:46	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG Ký ngày: 25/05/2024 11:09:25

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại website: https://hpgcpcongnghiepsghp-tt78.vnpt-invoice.com.vn/. Mã tra cứu: 142125

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800 1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 26 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TSG
Số *(No)*: 00002496

Mã của cơ quan thuế: 005A757493D3474F479DA3941FA431CFC4

Tên đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200681370**
Địa chỉ *(Address)*: Khu công nghiệp Tràng Duệ, Xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại *(Tel)*: 0936725625 Fax:
Số tài khoản *(AC No)*:

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị mua hàng *(Company's name)*: **Công ty TNHH Tân Huy Hoàng**
Mã số thuế *(Tax code)*: **0200383712**
Địa chỉ *(Address)*: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP Hải Phòng, VN
Số tài khoản *(AC No)*: Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản
Ngân hàng *(Bank name)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước sử dụng trong khu công nghiệp từ ngày 24/05/2024-25/06/2024	m3	1.625	21.500	34.937.500

Cộng tiền hàng *(Total amount)*: 34.937.500
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 5% **Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*: 1.746.875
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*: 36.684.375

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: *Ba mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng ./.*

NGƯỜI MUA HÀNG *(Buyer)*	CƠ QUAN THUẾ	NGƯỜI BÁN HÀNG *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=HÀ NỘI,C=VN Ký ngày: 26/06/2024 16:39:55	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - HẢI PHÒNG Ký ngày: 26/06/2024 16:39:33

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại website: https://hoadonnghiepsaigon-tt78.vnpt-invoice.com.vn/. Mã tra cứu: 144714

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
*ĐT: (84-24) 3237 3901 Http://www.cecvn.org

VIMCERTS 208

BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi .... giờ .... phút, ngày ..2..tháng ..4..năm 2024
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại: .....
.....Công ty TNHH Tân Hưng Thường.....
Địa chỉ: .....
Địa điểm lấy mẫu: Lô CN01 KCN Tường Phú, Xã Hoàng Hoa Thám, Văn Giang, Hưng Yên
Các bên tham gia bao gồm:
1. Đại diện: .....Công ty TNHH Tân Hưng Thường.....
Đại diện: Ông (bà).....Trần Thế Minh.....Chức vụ: .....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ: .....
2. Đại diện: .....Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Môi trường Xanh.....
Đại diện: Ông (bà).....Đặng Thị Liên Chi.....Chức vụ: NV.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ: .....
3. Đại diện: .....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ: .....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ: .....
4. Đại diện đơn vị quan trắc: Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường
Đại diện: Ông (bà)..Lê Tiến Hưng.....Chức vụ: NV.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ: .....
Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:
5. Tình trạng hoạt động của cơ sở:
.....Bình thường.....
6. Điều kiện khí hậu trong quá trình đo đạc, lấy mẫu:
.....Trời mưa.....
7. Nội dung đo đạc và lấy mẫu:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
1.	K1	Khí thải lò hơi cấp hơi Nhiệt Điện Hưng Thịnh		
2.	K11	Ống khói lò số 2 hơi nhiệt dầu, Sản xuất tấm Panel	1506842 584723	
3.	K12	Ống khói lò số 2 hơi nhiệt dầu Sản xuất tấm Panel	1506836 584754	
4.	K13	Ống khói lò số 3 hơi nhiệt dầu Sản xuất tấm Panel	1506877 584760	

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Trụ sở chính: Phòng 405 tầu nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đất phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.cetc.org.vn

VIMCERT 208

5.	KT	Khói thải lò cây khuấy của nhà máy	1506805 584542	
6.	KT4	Khí thải ống thoát khí lò hơi đốt than	2306786 584552	
7.				
8.				
9.				
10.				
11.				
12.				

Việc lấy mẫu, bảo quản thực hiện theo đúng các TCVN tương ứng và có sự giám sát của các bên liên quan

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào ....giờ....phút, ngày 21/10/2024.. và kết thúc vào ....giờ....phút, ngày 21/10/2024

Đại diện đơn vị: .....
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị: .....
(ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mai Trâm

G Trần Hằng

Đại diện đơn vị: .....
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị: .....
(ký, ghi rõ họ tên)

Đặng T. K. Chi

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.cecu.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.2194/12.04.2024

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ NHÂN HÒA**
Địa chỉ : Số 8b/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Không khí làm việc
Thời gian lấy mẫu : 02/04/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 02/04/2024 – 12/04/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
				KI	Tiếp xúc ngắn
1	Bụi $PM_{2.5}$	AS/NZS 3580.9.6:2003	mg/m^3	KPH (MDL=0,001)	-
2	Bụi Silic	TQKT	mg/m^3	KPH (MDL=7)	-

- *Vị trí lấy mẫu:*
- *KI:* Không khí khu vực cất bông khoáng, bông thủy tinh .
- *QCVN 03:2019/BYT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Cầu hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.2195/12.04.2024

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ NHÂN HÒA**
Địa chỉ : Số 8b/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, Khu công nghiệp Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 02/04/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 02/04/2024 - 12/04/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT1	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	9.130	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm^3	69	*200*
3	Benzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,02)	5[1]
4	n-Octane	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,12)	-

- ***Vị trí lấy mẫu:***
- ***KT1***: Khí thải tại ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel.
Tọa độ: X: 2306842, Y: 584727
- ***QCVN 19:2009/BTNMT***: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- ***Cột B***: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- [1]***QCVN 20:2009/BTNMT***: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa – Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
DT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.cecvi.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.2196/12.04.2024

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ NHÂN HÒA**
Địa chỉ : Số 8b/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, Khu công nghiệp Trăng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 02/04/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 02/04/2024 - 12/04/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT2	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	11.013	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm^3	73	200
3	Benzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,02)	50
4	n-Octane	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,12)	-

- *Vị trí lấy mẫu:*
- *KT2*: Khí thải tại ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Pancl.

Tọa độ: X: 2306876, Y: 584754

- *QCVN 19:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- *Cột B*: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- *(1)QCVN 20:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa – Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
DT : (84-24) 3237 3961 Http: Iwww.cecn.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.2197/12.04.2024

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ NHÂN HÒA**
Địa chỉ : Số 8b/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 02/04/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 02/04/2024 - 12/04/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT3	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	13.523	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm^3	67	*200*
3	Benzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,02)	5[1]
4	n-Octane	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,12)	-

- *Vị trí lấy mẫu:*
- *KT3*: Khí thải tại ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel.
Tọa độ: X: 2306887, Y: 584762
- *QCVN 19:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- *Cột B*: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- [1]*QCVN 20:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giới mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (04-24) 3237 3961 Http: //www.ceco.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.2198/12.04.2024

Khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ NHÂN HÒA
Địa chỉ : Số 8b/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 02/04/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 02/04/2024 - 12/04/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT4	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	8.733	-
2	SO_2	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm^3	309,16	*500*
3	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm^3	285	*1.000*
4	NO_x (tính theo NO_2)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm^3	329,00	*850*
5	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm^3	96	*200*

- *Vị trí lấy mẫu:*
- *KT4*: Khí thải tại ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h.
Tọa độ: X: 2306786, Y: 584552
- *QCVN 19:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- *Cột B*: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ – Q. Đống Đa – TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: http://www.cec.org.vn

VILAS 1330

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ N.2199/12.04.2024

Khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ NHÂN HÒA
Địa chỉ : Số 8b/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 02/04/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 02/04/2024 - 12/04/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Tràng Duệ
				NT	Giá trị Cmax
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	*5 ÷ 9*
2	TDS	CEC.QTMT.N-08	*mg/L*	230	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)[a]	TCVN 6625:2000	*mg/L*	52	*250*
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)[a]	TCVN 6001-1:2008	*mg/L*	45	*200*
5	Nhu cầu oxi hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	*mg/L*	86	*450*
6	Amoni (NH_4^+_N)[a]	TCVN 5988-1995	*mg/L*	7	*30*
7	Tổng Nitơ[a]	TCVN 6638:2000	*mg/L*	20	*60*
8	Tổng Phospho[a]	TCVN 6202:2008	*mg/L*	4,32	*8*
9	Clorua (Cl^-)[a]	TCVN 6194:1996	*mg/L*	224	*1.200*
10	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	*mg/L*	3,6	-
11	Coliform	SMEWW 9221B:2017	*MPN/ 100 mL*	$3,3 \times 10^3$	-

- ***Vị trí lấy mẫu:***
- ***NT***: Mẫu nước tại cống thải cuối của Nhà máy.
Tọa độ: X: 2306803, Y: 584542
- ***Tiêu chuẩn KCN Tràng Duệ***: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Tràng Duệ.
- [a]: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

VIMCERT 208

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ – Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.cecm.vn

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG

BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi 7.. giờ 30.. phút, ngày 22 tháng 06 năm 2024

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng

Địa chỉ: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng

Các bên tham gia bao gồm:

1. Đại diện: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng

Đại diện: Ông (bà)....Phạm Văn Vinh.....Chức vụ: .....

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ: .....

2. Đại diện: .....

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ: .....

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ: .....

3. Đại diện: .....

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ: .....

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ: .....

4. Đại diện đơn vị quan trắc: Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường

Đại diện: Ông (bà)...Lê Trần Hưng.....Chức vụ: .....

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ: .....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

5. Tình trạng hoạt động của cơ sở:

Hoạt động bình thường

6. Điều kiện khí hậu trong quá trình đo đạc, lấy mẫu:

Trời mát

7. Nội dung đo đạc và lấy mẫu:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
1.	KT1	Khí thải tại ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	2306842 584727	
2.	KT2	Khí thải tại ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	2306836 584754	
3.	KT3	Khí thải tại ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	2306887 584762	

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Cầu lộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn
VIMCERT 208

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
4.	KT4	Khí thải tại ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h	2306790 584554	
5.	KLV1	Không khí khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh		
6.	NT	Nước thải tại hố ga cuối đấu nối với KCN Tràng Duệ của dự án	2306803 584542	

Việc lấy mẫu, bảo quản thực hiện theo đúng các TCVN tương ứng và có sự giám sát của các bên liên quan

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào 8 giờ 30 phút, ngày 22/6/2024 và kết thúc vào 17 giờ 00 phút, ngày 22/6/2024

Đại diện đơn vị: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
(ký, ghi rõ họ tên)
Phạm Văn Vinh

Đại diện đơn vị: Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường
(ký, ghi rõ họ tên)
Lê Văn Thắng

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòn nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nộ
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceco.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.3868/04.07.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 22/06/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 22/06/2024 - 04/07/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT4	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	9.076	-
2	SO_2	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm^3	243,66	*500*
3	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm^3	256,5	*1.000*
4	NO_x (tính theo NO_2)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm^3	275,73	*850*
5	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm^3	66	*200*

- ***Vị trí lấy mẫu:***
- ***KT4***: Khí thải tại ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h.
Tọa độ: X= 2306790, Y= 584554
- ***QCVN 19:2009/BTNMT***: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- ***Cột B***: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.cecn.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ K.3864/04.07.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc
Thời gian lấy mẫu : 22/06/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 22/06/2024 - 04/07/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả KLV1	QCVN 02:2019/BYT
1	Bụi hô hấp	CEC.DN.KLV.03	mg/m^3	0,26	*4*
2	Nồng độ Silic tự do trong bụi toàn phần	TQKT	mg/m^3	KPH (MDL=0,02)	*0,3*

- *Vị trí lấy mẫu:*
- *KLV1*: Không khí khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh.
- *QCVN 02:2019/BYT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.3865/04.07.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 22/06/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 22/06/2024 - 04/07/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT1	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	10.369	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm^3	65	*200*
3	Benzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,02)	$5^{(1)}$
4	Hydrocacbon (n-Hexan)	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,13)	$450^{(1)}$

- Vị trí lấy mẫu:
- KT1: Khí thải tại ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel.
Tọa độ: X= 2306842, Y= 584727
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- (1)QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.3866/04.07.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 22/06/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 22/06/2024 - 04/07/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT2	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	10.977	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm^3	76	*200*
3	Benzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,02)	*5*[(1)]
4	Hydrocacbon (n-Hexan)	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,13)	*450*[(1)]

- *Vị trí lấy mẫu:*
- *KT2*: Khí thải tại ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel.
Tọa độ: X= 2306876, Y= 584754
- *QCVN 19:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- *Cột B*: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- *[(1)]QCVN 20:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.3867/04.07.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Trảng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 22/06/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 22/06/2024 - 04/07/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT3	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	11.002	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm^3	69	*200*
3	Benzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,02)	*5*[(1)]
4	Hydrocacbon (n-Hexan)	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,13)	*450*[(1)]

- ***Vị trí lấy mẫu:***
- ***KT3***: Khí thải tại ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel.
Tọa độ: X= 2306887, Y= 584762
- ***QCVN 19:2009/BTNMT***: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- ***Cột B***: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- *[(1)]QCVN 20:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kiên Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.cecvn.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_N.3869/04.07.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Trảng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 22/06/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 22/06/2024 - 04/07/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Trảng Duệ
				NT	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	*5 ÷ 9*
2	TDS	CEC.QTMT.N-08	*mg/L*	334	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)[a]	TCVN 6625:2000	*mg/L*	49	*250*
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)[a]	TCVN 6001-1:2008	*mg/L*	30	*200*
5	Nhu cầu oxi hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	*mg/L*	63	*450*
6	Amoni (NH_4^+_N)[a]	TCVN 5988-1995	*mg/L*	5	*30*
7	Tổng Nitơ[a]	TCVN 6638:2000	*mg/L*	13	*60*
8	Tổng Phospho[a]	TCVN 6202:2008	*mg/L*	1,86	*8*
9	Clorua (Cl^-)[a]	TCVN 6194:1996	*mg/L*	31	*1.200*
10	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	*mg/L*	2,7	-
11	Coliform	SMEWW 9221B:2017	*MPN/ 100mL*	$2x10^3$	-

- *Vị trí lấy mẫu:*
- *NT*: Nước thải tại hố ga cuối đấu nối với KCN Trảng Duệ của dự án.
Tọa độ: X= 2306803, Y= 584542
- *Tiêu chuẩn KCN Trảng Duệ*: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Trảng Duệ.
- [a]: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 83 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ VPGD: Cửa hộ 06,T15, Khu nhà ở Đất phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.cecvn.org.vn

VIMCERT 208

BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU HIỆN TRƯỜNG

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 9 năm 2024
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Địa chỉ: Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Địa điểm lấy mẫu: .....
Các bên tham gia bao gồm:

1. Đại diện: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng
Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ: NV
Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ: .....
2. Đại diện: .....
Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ: .....
Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ: .....
3. Đại diện: .....
Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ: .....
Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ: .....
4. Đại diện đơn vị quan trắc: Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường
Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ: NV.QT
Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ: NVQT
Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

5. Tình trạng hoạt động của cơ sở:
.....

6. Điều kiện khí hậu trong quá trình đo đạc, lấy mẫu:
.....

7. Nội dung đo đạc và lấy mẫu:

Stt	Kí hiệu mẫu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Thông số thực hiện	Ghi chú
1.	KT1	Khí thải tại ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Q 306892 589727	Lưu lượng, Bụi tổng, Benzen, HC (n-hexan)	
2.	KT2	Khí thải tại ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	2306926 589754	Lưu lượng, Bụi tổng, Benzen, HC (n-hexan)	
3.	KT3	Khí thải tại ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	2306817 589742	Lưu lượng, Bụi tổng, Benzen, HC (n-hexan)	
4.	KT4	Khí thải tại ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h	2306790 589554	Lưu lượng, bụi tổng, SO2, NO2, CO	

5.	KLV1	Không khí khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh		Bụi silic, Bụi hô hấp	
6.	NT	Nước thải tại hố ga cuối đấu nối với KCN Trảng Dụe của dự án	2 3 7 6 8 3 5 8 9 5 9 2	pH, TDS, TSS, COD, BOD5, Amoni, T-N, T-P, Dầu mỡ ĐTV, Clorua, Coliform	

Phương pháp quan trắc, bảo quản mẫu: (xem phụ lục)

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào 8 giờ 00 phút, và kết thúc vào 15 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 9 năm 2020

Biên bản được thành lập 02 bản mỗi bên giữ 01 bản.

Đại diện đơn vị:	**Đại diện đơn vị:** .....
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên)*
Nguyễn Văn Chí	Hoàng Văn Thiều
Đại diện đơn vị:	**Đại diện đơn vị:** .....
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên)*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.cecc.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.5698/30.09.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc
Thời gian lấy mẫu : 16/09/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 16/09/2024 - 30/09/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
				KLV1	Tiếp xúc ngắn
1	Bụi hô hấp	CEC.DN.KLV.03	mg/m^3	0,18	$4^{(1)}$
2	Bụi Silic	TQKT 2015	mg/m^3	KPH (MDL=7)	-

- *Vị trí lấy mẫu:*
- ***KLV1***: Không khí khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh.
- ***QCVN 03:2019/BYT***: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- ***(1)QCVN 02:2019/BYT***: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.5699/30.09.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 16/09/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 16/09/2024 - 30/09/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT1	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	9.163	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm^3	62	*200*
3	Benzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,02)	*5*[3]
4	n-Hexane	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,13)	*450*[3]

- *Vị trí lấy mẫu:*
- *KT1*: Khí thải tại ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel.
Tọa độ: X= 2306842, Y= 584727
- *QCVN 19:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- *Cột B*: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- [3]*QCVN 20:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kiên Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.5700/30.09.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 16/09/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 16/09/2024 - 30/09/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT2	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	11.066	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm^3	80	*200*
3	Benzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,02)	*5*[(1)]
4	n-Hexane	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,13)	*450*[(1)]

- ***Vị trí lấy mẫu:***
- ***KT2***: Khí thải tại ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel.
Tọa độ: X= 2306876, Y= 584754
- ***QCVN 19:2009/BTNMT***: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- ***Cột B***: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- [(1)]***QCVN 20:2009/BTNMT***: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN **TL. GIÁM ĐỐC**

Chu Thị Chi

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.5701/30.09.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 16/09/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 16/09/2024 - 30/09/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT3	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	13.766	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm^3	76	200
3	Benzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,02)	5[1]
4	n-Hexene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm^3	KPH (MDL=0,13)	450[1]

- *Vị trí lấy mẫu:*
- *KT3*: Khí thải tại ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel.
Tọa độ: X= 2306887, Y= 584762
- *QCVN 19:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- *Cột B*: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- *[1]QCVN 20:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: thww.cecu.org.m

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.5702/30.09.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 16/09/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 16/09/2024 - 30/09/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT4	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	8.786	-
2	Lưu huỳnh dioxit (SO_2)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm^3	213,97	***500***
3	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm^3	244,72	***1.000***
4	Nitơ oxit (NO_x), (tính theo NO_2)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm^3	252,30	***850***
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm^3	65	***200***

- *Vị trí lấy mẫu:*
- *KT4*: Khí thải tại ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h.
Tọa độ: X= 2306790, Y= 584554
- *QCVN 19:2009/BTNMT*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- *Cột B*: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceea.org.vn

VILAS 1330

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_N.5703/30.09.2024

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG**
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Tân Huy Hoàng - Lô CN1, KCN Trăng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 16/09/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 16/09/2024 - 30/09/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn
				NT	KCN Trăng Duệ
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,3	*5 ÷ 9*
2	TDS	CEC.QTMT.N-08	*mg/L*	368	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(a)	TCVN 6625:2000	*mg/L*	53	*250*
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)*	TCVN 6001-1:2008	*mg/L*	19	*200*
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	*mg/L*	66	*450*
6	Amoni (NH_4^+ tính theo N)(a)	TCVN 5988-1995	*mg/L*	7	*30*
7	Tổng Nitơ(a)	TCVN 6638:2000	*mg/L*	15	*60*
8	Tổng Phospho(a)	TCVN 6202:2008	*mg/L*	2,25	*8*
9	Clorua (Cl^-)(a)	TCVN 6194:1996	*mg/L*	75	*1.200*
10	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	*mg/L*	3,2	-
11	Coliform*	SMEWW 9221B:2017	*MPN/ 100 mL*	$3,3x10^3$	-

- *Vị trí lấy mẫu:*
- *NT*: Nước thải tại hố ga cuối đấu nối với KCN Trăng Duệ của dự án.
Tọa độ: X= 2306803, Y= 584542
- *Tiêu chuẩn KCN Trăng Duệ*: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Trăng Duệ.
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;
- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288);

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

ETOHI
VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn Vlat 1.0559 - Vincerts 306

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Số: 23.4579

Hôm nay, ngày 19 tháng 12 năm 2023
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường:
Tên Cơ Sở/Công ty: Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ: Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng Địa chỉ: Lô M (lô C5-1 cũ), khu công nghiệp Tràng Duệ (thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải), xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU:

Đại diện: Ông (bà).....Phạm Văn Vinh.....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

2. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU: VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

Đại diện: Ông (bà).....Lê Công Việt Anh.....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Nguyễn Đức Diện.....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ YÊU CẦU LẤY MẪU:

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

4. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THAM GIA PHỐI HỢP:

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường như sau:

I. Số lượng các loại mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
Nước thải				
Lượng mẫu :.....				
1	NT01	Mẫu nước tại cống thải cuối của Nhà máy	BOD_5 (20°C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Dầu mỡ động thực vật, Amoni (NH_4^+) (tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Photpho (Tính	

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
			theo P), Clorua (Cl^-), pH, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Coliform	
Không khí môi trường lao động				
Lượng mẫu :.....				
1	KLV01	Khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh	Bụi Silic, Bụi hô hấp(PM 2.5)	
Khí thải				
Lượng mẫu :.....				
1	KT01	Ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, Lưu lượng, Hydrocacbon (n-Hexane)	
2	KT02	Ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, Lưu lượng, Hydrocacbon (n-Hexane)	
3	KT03	Ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, Lưu lượng, Hydrocacbon (n-Hexane)	
4	KT04	Ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h	Bụi tổng, Lưu huỳnh đioxit (SO_2), Nitơ oxit (NO_x) (tính theo NO_2), Cacbon monoxit (CO), Lưu lượng	

II. Hiện trạng sản xuất của cơ sở trong quá trình lấy mẫu:

.....

Quá trình tiến hành lấy mẫu đúng theo TCVN. Mẫu được bảo quản và vận chuyển về phòng phân tích môi trường (vimcerts 306) trong ngày để phân tích.

III. Lưu mẫu *(đối với mẫu nước và mẫu đất):*

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không ? □ Có □ Không

***Ghi chú**: Sau 05 ngày kể từ khi cơ sở nhận được kết quả phân tích mà không có ý kiến phản hồi về Công ty thì mẫu lưu sẽ được hủy.*

Biên bản được thành lập 04 bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở 01 bản, giao cho đơn vị giám sát 01 bản (nếu có đơn vị giám sát), Viện Y học Lao động và Công nghệ Môi trường lưu 02 bản.

Thời gian bắt đầu làm việc, ... giờ ..... phút
Kết thúc, ... giờ.... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....

Đại diện đơn vị lấy mẫu *(ký và ghi rõ họ tên)*	**Đại diện đơn vị yêu cầu lấy mẫu** *(ký và ghi rõ họ tên)*	**Đại diện cơ sở được lấy mẫu** *(ký và ghi rõ họ tên)*
Nguyễn Thị Dung		Phạm Văn Vinh

Đại diện đơn vị tham gia phối hợp
(ký và ghi rõ họ tên)

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vincerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KI615/2023/PKQ/23.4579

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng Địa chỉ: Lô M (lô C5-1 cũ), khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Ngày quan trắc	19/12/2023
Thời gian thử nghiệm	19/12/2023 - 27/12/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả 231219. KI.001	QCVN 02:2019/ BYT
1	Bụi hô hấp	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,085	4,0
2	Bụi Silic	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	<0,005	8,0

Ghi chú:

- QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- 231219.KI.001 - KLV01: Khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh (2306881; 584755).

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2023

PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Ks. Đỗ Đăng Đức

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017: 10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06853/2023/PKQ/23.4579

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng Địa chỉ: Lô M (lô C5-1 cũ), khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Nước thải
Ngày quan trắc	19/12/2023
Thời gian thử nghiệm	19/12/2023 - 27/12/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả 231219. NT.001	TCSS
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	5 ÷ 9
2	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8,2	200
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	14,4	450
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	22	250
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	PPNB 01	144	-
6	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	54,2	1.200
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,4	-
8	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,07	30
9	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	<3	60
10	Tổng Photpho (Tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,01	8
11	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	1.100	10.000

Ghi chú:

- TCSS: Tiêu chuẩn KCN Tràng Duệ.
- (-): Không quy định;
- 231219.NT.001 - NT01: Mẫu nước tại cống thải cuối của Nhà máy (2306806; 584543).

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **06855/2023/PKQ/23.4579**

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng Địa chỉ: Lô M (lô C5-1 cũ), khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Khí thải
Ngày quan trắc	19/12/2023
Thời gian thử nghiệm	19/12/2023 - 27/12/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT
				231219. KT.001	231219. KT.002	231219. KT.003	231219. KT.004	Cột B
1	Hydrocacbon (n-Hexane)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0003	<0,0003	<0,0003	-	450[1]
2	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 02	8.871	8.894	8.885	8.892	-
3	Bụi tổng	mg/Nm^3	US EPA Method 05	59,9	53,6	52,7	55,1	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)	mg/Nm^3	PPNB 06	-	-	-	<2,62	500
5	Nitơ oxit (NO_x) (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	PPNB 06	-	-	-	<1,88	850
6	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm^3	PPNB 06	-	-	-	327,1	1.000
7	Benzene	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0005	<0,0005	<0,0005	-	5[2]

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- (1) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ ;
- (2) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (-): Không quy định;
- 231219.KT.001 - KT01: Ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (2306880; 584755);
- 231219.KT.002 - KT02: Ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (2306868; 584738);
- 231219.KT.003 - KT03: Ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (2306845; 584721);
- 231219.KT.004 - KT04: Ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h (2306771; 584565).

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn Vlat 1.0559 - Vinacerts 306

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Số: 23.3106

Hôm nay, ngày 26 tháng 09 năm 2023
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường:
Tên Cơ Sở/Công ty: Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ: Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU:

Đại diện: Ông (bà) Trần Thái Minh Tuấn .....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

2. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU: VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

Đại diện: Ông (bà) Lê Minh Quý .....Chức vụ: NV.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ YÊU CẦU LẤY MẪU:

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

4. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THAM GIA PHỐI HỢP:

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường như sau:

I. Số lượng các loại mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
Nước thải **Lượng mẫu :** 1				
1	NT	Mẫu nước tại cống thải cuối của Nhà máy	BOD_5 (20°C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Dầu mỡ động thực vật, Amoni (NH_4^+) (tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Photpho (Tính theo	20°51'7,1" 106°33'53,6"

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
			P), Clorua (Cl^-), pH, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Coliform	
Không khí môi trường lao động				
Lượng mẫu : 09				
1	KLV1	Nhà bảo vệ	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
2	KLV2	Văn phòng làm việc	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
3	KLV3	Khu vực máy phun keo PU tầng 1	Benzen, Toluen, Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
4	KLV4	Khu vực máy trộn keo tầng 1	Benzen, Toluen, Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
5	KLV5	Khu vực ép tấm Panel tầng 1	Benzen, Toluen, Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
6	KLV6	Khu tổ hợp ép tấm Panel tầng 2	Benzen, Toluen, Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
7	KLV7	Khu vực chế biến thành phẩm	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần	

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
			(TSP) - HT	
8	KLV8	Khu vực máy ép thành phẩm (khu vực sản xuất bán tự động)	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
9	KLV9	Khu vực máy sản xuất sản phẩm (khu vực sản xuất tự động)	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
10	KLV10	Khu vực máy kích nở hạt	Benzen, Toluen, Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
11	KLV11	Khu vực máy tiện	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
12	KLV12	Khu vực máy phay CNC	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
13	KLV13	Khu vực máy bào	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
14	KLV14	Khu vực máy cắt CNC	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
15	KLV15	Máy sản xuất sản phẩm tự động tầng 1	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
16	KLV16	Máy sản xuất sản phẩm tự động tầng 2	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
17	KLV17	Khu vực làm sạch, đóng gói sản phẩm	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
18	KLV18	Khu vực nồi hơi	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Cacbon monoxit (CO), Ánh sáng, Nitơ đioxit (NO_2), Sunfua đioxit (SO_2), Độ rung	
19	KLV19	Khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh	Bụi Silic, Bụi hô hấp(PM 2.5)	23°06'29" 105°47'69"
Khí thải				
Lượng mẫu :...6.....				
1	KT1	Ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, n-Hexane, Lưu lượng	20°51'10.4" 106°33'59.1"
2	KT2	Ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, n-Hexane, Lưu lượng	20°51'9.9" 106°33'58.6"
3	KT3	Ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, n-Hexane, Lưu lượng	20°51'09.2" 106°33'58"
4	KT4	Ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h	Bụi tổng, Lưu huỳnh đioxit (SO_2), Cacbon monoxit (CO), Nitơ oxit (NO_x), (tính theo NO_2), Lưu lượng	20°51'8.4" 106°33'58.7"

II. Hiện trạng sản xuất của cơ sở trong quá trình lấy mẫu:

.....

Quá trình tiến hành lấy mẫu đúng theo TCVN. Mẫu được bảo quản và vận chuyển về phòng phân tích môi trường (vimcerts 306) trong ngày để phân tích.

III. Lưu mẫu *(đối với mẫu nước và mẫu đất):*

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không ? □ Có □ Không

<u>Ghi chú</u>: Sau 05 ngày kể từ khi cơ sở nhận được kết quả phân tích mà không có ý kiến phản hồi về Công ty thì mẫu lưu sẽ được hủy.

Biên bản được thành lập 04 bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở 01 bản, giao cho đơn vị giám sát 01 bản (nếu có đơn vị giám sát), Viện Y học Lao động và Công nghệ Môi trường lưu 02 bản.

Thời gian bắt đầu làm việc, 8.. giờ 10.. phút
Kết thúc, 15. giờ 0 phút, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Đại diện đơn vị lấy mẫu	**Đại diện đơn vị yêu cầu lấy mẫu**	**Đại diện cơ sở được lấy mẫu**
(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*	*(ký và ghi rõ họ tên)*
Lê Minh Quý		Trần Thị Minh Tâm

Đại diện đơn vị tham gia phối hợp
(ký và ghi rõ họ tên)

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04760/2023/PKQ/23.3106

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Khí thải
Ngày quan trắc	26/09/2023
Thời gian thử nghiệm	26/09/2023 - 05/10/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT
				230926.KT.017	230926.KT.018	230926.KT.019	230926.KT.021	
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 02	8.874	8.897	8.882	8.888	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	US EPA Method 05	59,1	56,2	54,2	69,2	200
3	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)	mg/Nm^3	PPNB 06	-	-	-	4,48	500
4	Nitơ oxit (NO_x), (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	PPNB 06	-	-	-	5,24	850
5	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm^3	PPNB 06	-	-	-	402,42	1.000
6	Benzene	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0005	<0,0005	<0,0005	-	5[1]
7	n-Hexane	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0003	<0,0003	<0,0003	-	450[1]

Ghi chú:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (1) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (-): Không quy định;
- 230926.KT.017 - KT1: Ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (20°51'10,4" (584764); 106°33'59,1" (2306871));
- 230926.KT.018 - KT2: Ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (20°51'9,9" (584750); 106°33'58,6" (2306867));
- 230926.KT.019 - KT3: Ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (20°51'9,2" (584732); 106°33'58" (2306846));
- 230926.KT.021 - KT4: Ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h (20°51'7,4" (584550); 106°33'51,7" (2306783)).

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG
TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vincerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KI418/2023/PKQ/23.3106

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Ngày quan trắc	26/09/2023
Thời gian thử nghiệm	26/09/2023 - 05/10/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 02: 2019/BYT
				230926.KI .023	Giá trị cho phép
1	Bụi hô hấp(PM 2.5)	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,02	4,0
2	Bụi Silic	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	<0,005	0,3

Ghi chú:

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- 230926.KI.023 - KLV19: Khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh (2306871; 584764).

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Đức Trung

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vincerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04755/2023/PKQ/23.3106

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Nước thải
Ngày quan trắc	26/09/2023
Thời gian thử nghiệm	26/09/2023 - 05/10/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả 230926.NT.006	TCSS(1)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	5 ÷ 9
2	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7,4	200
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	16	450
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	24	250
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	PPNB 01	318	-
6	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	28,4	1200
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,3	-
8	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,12	30
9	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	<3	60
10	Tổng Photpho (Tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,15	8
11	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.100	-

Ghi chú:

- (1) Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải của các nhà máy khi xả vào hệ thống thu gom chung của KCN Tràng Duệ.
- (-): Không quy định;
- 230926.NT.006 - NT: Mẫu nước tại cống thải cuối của Nhà máy (20°51'7,4" (2306804); 106°33'53,6"(584601)).

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Đức Trung

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KI245.1/2023/PKQ/23.1907

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Ngày quan trắc	28/06/2023
Thời gian thử nghiệm	28/06/2023 - 08/07/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả 230628. KI.050	QCVN 02:2019/ BYT
1	Bụi hô hấp	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,054	4,0
2	Bụi Silic	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,0417	-

Ghi chú:

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- 230628.KI.050: Khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

ETOHI

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vincerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02894/2023/PKQ/23.1907

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Nước thải
Ngày quan trắc	28/06/2023
Thời gian thử nghiệm	28/06/2023 - 08/07/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả 230628. NT.008	TCKCN Tràng Duệ
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	5 ÷ 9
2	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	32,9	200
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	64	450
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	8	250
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	PPNB 01	110	-
6	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	36,6	1.200
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,3	-
8	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,42	30
9	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	10,31	60
10	Tổng Photpho (Tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,2	8
11	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	3.500	-

Ghi chú:

- TC KCN Tràng Duệ: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Tràng Duệ;
- (-): Không quy định;
- 230628.NT.008: Mẫu nước tại cống thải cuối của Nhà máy (2306794.1; 584603.8).

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

ETOHI

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **02896b/2023/PKQ/23.1907**

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Khí thải
Ngày quan trắc	28/06/2023
Thời gian thử nghiệm	28/06/2023 - 08/07/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				230628.KT.014	Cột B
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 02	8.419	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	US EPA Method 05	48	200
3	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)	mg/Nm^3	PPNB 06	< 2,62	500
4	Nitơ oxit (NO_x) (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	PPNB 06	233,74	850
5	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm^3	PPNB 06	154,28	1.000

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (-): Không quy định;
- 230628.KT.014: Ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h (2306769.4; 584549.3).

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: CL6-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02896a/2023/PKQ/23.1907

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Khí thải
Ngày quan trắc	28/06/2023
Thời gian thử nghiệm	28/06/2023 - 08/07/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT
				230628.KT.011	230628.KT.012	230628.KT.013	Cột B
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 02	8.767	8.545	8.703	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	US EPA Method 05	50	45	47	200
3	Benzene	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,0005	< 0,0005	< 0,0005	5[1]
4	n-Hexane	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,0003	< 0,0003	< 0,0003	450[1]

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- [1] QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (-): Không quy định;
- 230628.KT.011: Ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (2306888,7; 584758,4);
- 230628.KT.012: Ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (2306872,0; 584748,8);
- 230628.KT.013: Ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (2306841,2; 584722,0);

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866292688 Email: info@etohi.vn Vlat 1.0559 - Vimcerts 306

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Số: 23.1907

Hôm nay, ngày 28 tháng 06 năm 2023
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường:
Tên Cơ Sở/Công ty: Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ: Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU:

Đại diện: Ông (bà)....Hoàng Văn Hiếu.....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

2. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU: VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

Đại diện: Ông (bà)...Lê Mai Quý.....Chức vụ:.....NV.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ YÊU CẦU LẤY MẪU:

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

4. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THAM GIA PHỐI HỢP:

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....
Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường như sau:

I. Số lượng các loại mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
Không khí xung quanh **Lượng mẫu :.....**				
1	Khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh	Khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh	Bụi $PM_{2,5}$, Bụi silic	2°0'8.81"N 105°47'7.2"E
Nước thải **Lượng mẫu :.....**				
1	Mẫu nước tại cống thải cuối	Mẫu nước tại cống thải cuối của Nhà máy	BOD_5 (20°C), COD, Tổng chất rắn lơ	

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
	của Nhà máy		lửng (TSS), Dầu mỡ động thực vật, Amoni (NH_4^+) (tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Photpho (Tính theo P), Clorua (Cl^-), pH, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Coliform	2506744.1 584605.8
Khí thải				
Lượng mẫu :.....				
1	Ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, n-Hexane, Lưu lượng	2306888.7 584758.0
2	Ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, n-Hexane, Lưu lượng	2306872.0 584748.8
3	Ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, n-Hexane, Lưu lượng	2306841.2 584722.0
4	Ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h	Ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h	Bụi tổng, Lưu huỳnh đioxit (SO_2), Nitơ oxit (NO_x) (tính theo NO_2), Cacbon monoxit (CO), Lưu lượng	2306769.4 584549.3

II. Hiện trạng sản xuất của cơ sở trong quá trình lấy mẫu:

.....

Quá trình tiến hành lấy mẫu đúng theo TCVN. Mẫu được bảo quản và vận chuyển về phòng phân tích môi trường (vimcerts 306) trong ngày để phân tích.

III. Lưu mẫu *(đối với mẫu nước và mẫu đất):*

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không ? □ Có □ Không

***Ghi chú**: Sau 05 ngày kể từ khi cơ sở nhận được kết quả phân tích mà không có ý kiến phản hồi về Công ty thì mẫu lưu sẽ được hủy.*

Biên bản được thành lập 04 bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở 01 bản, giao cho đơn vị giám sát 01 bản (nếu có đơn vị giám sát), Viện Y học Lao động và Công nghệ Môi trường lưu 02 bản.

Thời gian bắt đầu làm việc, 8... giờ 20 phút
Kết thúc, 15 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 05 năm 2023

Đại diện đơn vị lấy mẫu	**Đại diện đơn vị yêu cầu lấy mẫu**	**Đại diện cơ sở được lấy mẫu**
(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*	*(ký và ghi rõ họ tên)*
		Hoàng văn Hiền
	Đại diện đơn vị tham gia phối hợp	
	(ký và ghi rõ họ tên)	

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01305/2023/PKQ/23.1206

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Khí thải
Ngày quan trắc	26/03/2023
Thời gian thử nghiệm	26/03/2023 - 05/04/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT
				230326.KT.010	230326.KT.011	230326.KT.012	230326.KT.013	
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 02	8.785	8.792	8.690	8.776	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	US EPA Method 05	58,5	55,9	53,9	67,8	200
3	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)	mg/Nm^3	PPNB 06	-	-	-	4,43	500
4	Nitơ oxit (NO_x), (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	PPNB 06	-	-	-	5,37	850
5	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm^3	PPNB 06	-	-	-	405,1	1.000
6	Benzene	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0005	<0,0005	<0,0005	-	5[1]
7	n-Hexane	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0003	<0,0003	<0,0003	-	450[1]

Ghi chú:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (1) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (-): Không quy định;
- 230326.KT.010 - KT1: Ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (20°51'0,4" (584764); 106°33'55,1" (2306871));
- 230326.KT.011 - KT2: Ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (20°51'9,9" (584750); 106°33'58,6" (2306867));
- 230326.KT.012 - KT3: Ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel (20°51'9,2" (584732); 106°33'58" (2306846));
- 230326.KT.013 - KT4: Ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h (20°51'7,4" (584550); 106°33'51,7" (2306783)).

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hòa

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG
TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày: Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01567/2023/PKQ/23.1206

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Nước thải
Ngày quan trắc	26/03/2023
Thời gian thử nghiệm	26/03/2023 - 05/04/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả 230326. NT.004	TCSS(1)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	5 ÷ 9
2	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7,7	200
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	18	450
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	27	250
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	PPNB 01	315	-
6	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	28,2	1200
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,3	-
8	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,13	30
9	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	<3	60
10	Tổng Photpho (Tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,21	8
11	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	2.800	-

Ghi chú:

- (1) Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải của các nhà máy khi xả vào hệ thống thu gom chung của KCN Trảng Duệ.
- (-): Không quy định;
- 230326.NT.004 - NT: Mẫu nước tại cống thải cuối của Nhà máy (20°51'7,4" (2306804); 106°33'53,6" (584601)).

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, lưu mẫu và tên Khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0886992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vinacerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

số: KH19/2023/PKQ/23.1206

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa
Địa chỉ	Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Ngày quan trắc	26/03/2023
Thời gian thử nghiệm	26/03/2023 - 05/04/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT
				230326.KT.015	Giá trị cho phép
1	Bụi hô hấp(PM 2.5)	mg/m³	QCVN 02:2019/BYT	0,45	4,0
2	Bụi Silic	mg/m³	QCVN 02:2019/BYT	<0,006	0,3

Ghi chú:
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- 230326.KT.015 - KLV19: Khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh (2306871; 584764).

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG
TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận theo chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

BIÊN BẢN LẤY MẪU

số: 23.1206

Hôm nay, ngày 26 tháng 03 năm 2023

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường:

Tên Cơ Sở/Công ty: Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ Nhân Hòa

Địa chỉ: Số 8B/67/97 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Địa chỉ: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU:

Đại diện: Ông (bà) Trần Thái Minh Tâm ..... Chức vụ: .....

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

2. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU: VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

Đại diện: Ông (bà) Lê Minh Quý ..... Chức vụ: NV .....

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ YÊU CẦU LẤY MẪU:

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

4. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THAM GIA PHỐI HỢP:

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường như sau:

I. Số lượng các loại mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
Nước thải				
Lượng mẫu : 1				
1	NT	Mẫu nước tại cống thải cuối của Nhà máy	BOD_5 (20°C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Dầu mỡ động thực vật, Amoni (NH_4^+) (tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Photpho (Tính theo	20°51'7,4" 106°33'53,6"

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
			P), Clorua (Cl⁻), pH, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Coliform	
Không khí môi trường lao động				
Lượng mẫu : 09				
1	KLV1	Nhà bảo vệ	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
2	KLV2	Văn phòng làm việc	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
3	KLV3	Khu vực máy phun keo PU tầng 1	Benzen, Toluen, Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
4	KLV4	Khu vực máy trộn keo tầng 1	Benzen, Toluen, Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
5	KLV5	Khu vực ép tấm Panel tầng 1	Benzen, Toluen, Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
6	KLV6	Khu tổ hợp ép tấm Panel tầng 2	Benzen, Toluen, Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
7	KLV7	Khu vực chế biến thành phẩm	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần	

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
			(TSP) - HT	
8	KLV8	Khu vực máy ép thành phẩm (khu vực sản xuất bán tự động)	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
9	KLV9	Khu vực máy sản xuất sản phẩm (khu vực sản xuất tự động)	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
10	KLV10	Khu vực máy kích nở hạt	Benzen, Toluen, Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung	
11	KLV11	Khu vực máy tiện	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
12	KLV12	Khu vực máy phay CNC	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
13	KLV13	Khu vực máy bào	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
14	KLV14	Khu vực máy cắt CNC	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
15	KLV15	Máy sản xuất sản phẩm tự động tầng 1	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
16	KLV16	Máy sản xuất sản phẩm tự động tầng 2	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
17	KLV17	Khu vực làm sạch, đóng gói sản phẩm	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Độ rung, Bụi toàn phần (TSP) - HT	
18	KLV18	Khu vực nồi hơi	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Cacbon monoxit (CO), Ánh sáng, Nitơ dioxit (NO_2), Sunfua đioxit (SO_2), Độ rung	
19	KLV19	Khu vực cắt bông khoáng, bông thủy tinh	Bụi Silic, Bụi hô hấp(PM 2.5)	23°06'71 58'47"29.

Khí thải

Lượng mẫu : ...6.....

1	KT1	Ống thoát khí số 1 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, n-Hexane, Lưu lượng	20°51'10.4" 106°33'59.1"
2	KT2	Ống thoát khí số 2 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, n-Hexane, Lưu lượng	20°51'9.9" 106°33'58.6"
3	KT3	Ống thoát khí số 3 tại nhà xưởng sản xuất tấm Panel	Bụi tổng, Benzene, n-Hexane, Lưu lượng	20°51'09.2" 106°33'58"
4	KT4	Ống thoát khí lò hơi 15 tấn/h	Bụi tổng, Lưu huỳnh đioxit (SO_2), Cacbon monoxit (CO), Nitơ oxit (NO_x), (tính theo NO_2), Lưu lượng	20°51'7.4" 106°33'51.7"

II. Hiện trạng sản xuất của cơ sở trong quá trình lấy mẫu:

.....

Quá trình tiến hành lấy mẫu đúng theo TCVN. Mẫu được bảo quản và vận chuyển về phòng phân tích môi trường (vimcerts 306) trong ngày để phân tích.

III. Lưu mẫu *(đối với mẫu nước và mẫu đất):*

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không ? □ Có □ Không

Ghi chú: Sau 05 ngày kể từ khi cơ sở nhận được kết quả phân tích mà không có ý kiến phản hồi về Công ty thì mẫu lưu sẽ được hủy.

Biên bản được thành lập 04 bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở 01 bản, giao cho đơn vị giám sát 01 bản (nếu có đơn vị giám sát), Viện Y học Lao động và Công nghệ Môi trường lưu 02 bản.

Thời gian bắt đầu làm việc, 8 giờ 10 phút
Kết thúc, 15 giờ 10 phút, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Đại diện đơn vị lấy mẫu	**Đại diện đơn vị yêu cầu lấy mẫu**	**Đại diện cơ sở được lấy mẫu**
(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*	*(ký và ghi rõ họ tên)*
Lê Minh Quý		Trần Thị Minh Thắm

Đại diện đơn vị tham gia phối hợp
(ký và ghi rõ họ tên)

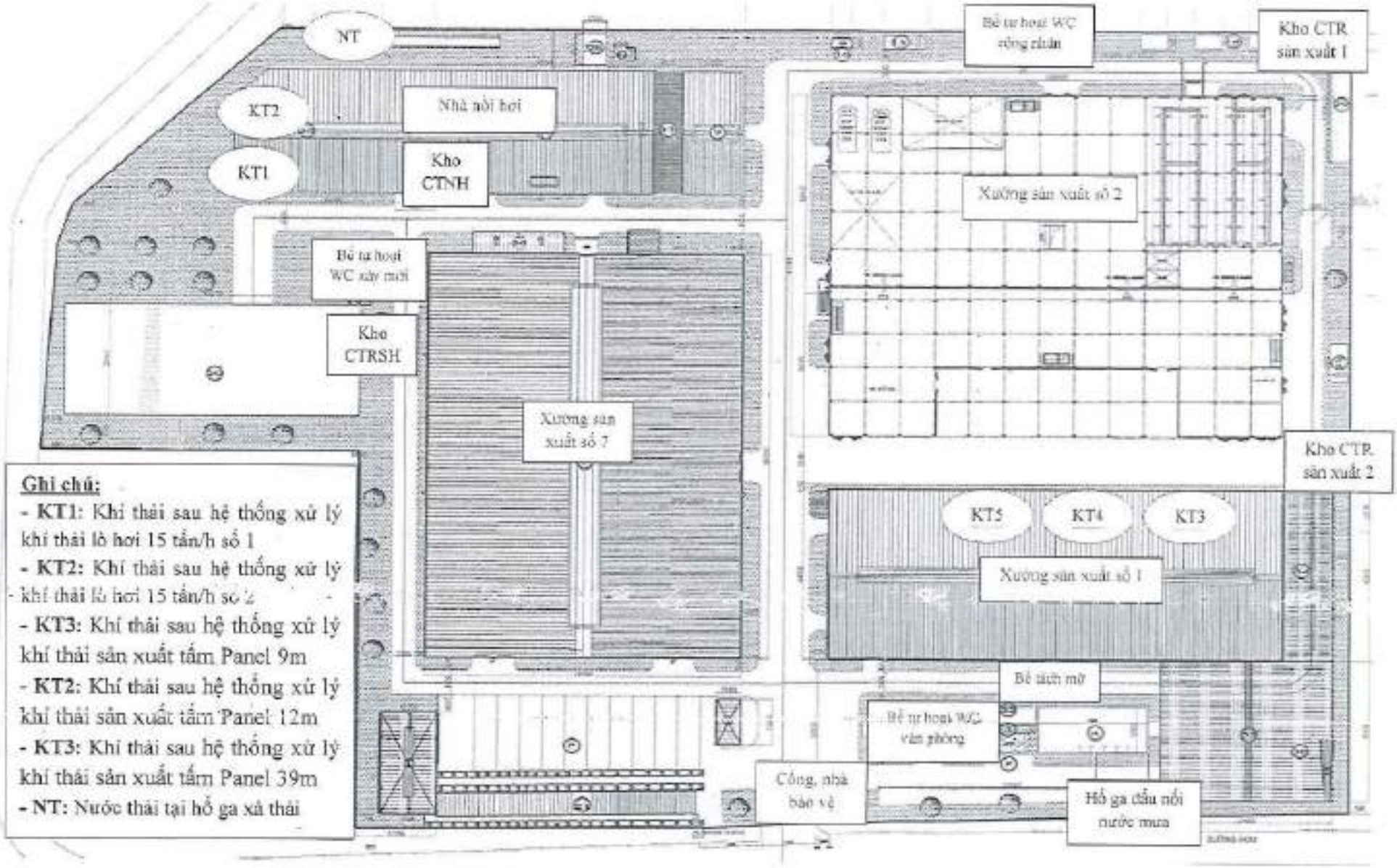

Sơ đồ vị trí lấy mẫu môi trường

BVQA

CHỨNG NHẬN

Trao cho

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Lô CN 1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Tổ chức chứng nhận quốc tế BVQA chứng nhận Hệ thống quản lý của tổ chức trên đã được đánh giá và xác nhận tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn Hệ thống quản lý chi tiết dưới đây

TIÊU CHUẨN

ISO 14001:2015

LĨNH VỰC CUNG CẤP

Sản xuất và cung cấp:
- Xốp định hình, xốp khối, xốp hạt
- Tấm panel EPS, PU, bông khoáng và bông thuỷ tinh

Phê duyệt lần đầu ngày: **22-04-2016**
Ngày hết hạn gần đây/ngày bắt đầu chu kỳ chứng nhận này: **22-04-2022**
Ngày đánh giá chứng nhận lại: **14-05-2022**
Với điều kiện tiếp tục vận hành Hệ thống quản lý mà Tổ chức đã thiết lập theo các yêu cầu của tiêu chuẩn trên, và chịu sự giám sát định kỳ của BVQA.

Chứng chỉ này có hiệu lực đến: **22-04-2025**

Để kiểm tra hiệu lực của chứng chỉ này, hãy vào website www.bvqa.org

Số hiệu chứng nhận: **2016-EMS-1432**

Chứng chỉ này thuộc sở hữu của BVQA và phải được trả lại khi có yêu cầu

ISO 14001:2015 CERTIFIED

BVQA CERTIFICATION JSC
SYSTEM CERTIFICATION
GLOBALLY ACCREDITED

Hà Nội, 25-05-2022

Giám đốc cơ quan chứng nhận
TM BVQA Vietnam

BVQA Certification, Head Office: No. 19 Chua Tao Street, Phu Hoai Ward, Ha Ba Trung District, Hanoi, Vietnam: Tel: +84-24-36400734; Fax: +84-24-36400733

CHỨNG NHẬN

Trao cho

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

Lô CN 1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, Lê Lợi, An Dương, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Tổ chức chứng nhận quốc tế BVQA chứng nhận Hệ thống quản lý của tổ chức trên đã được đánh giá và xác nhận tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn Hệ thống quản lý chi tiết dưới đây

TIÊU CHUẨN

ISO 9001:2015

LĨNH VỰC CUNG CẤP

Sản xuất và cung cấp:
- Xốp định hình, xốp khối, xốp hạt
- Tấm panel EPS, PU, bông khoáng và bông thuỷ tinh

Phê duyệt lần đầu ngày: **22-04-2016**

Ngày hết hạn gần đây/ngày bắt đầu chu kỳ chứng nhận này: **22-04-2022**

Ngày đánh giá chứng nhận lại: **14-05-2022**

Với điều kiện tiếp tục vận hành Hệ thống quản lý mà Tổ chức đã thiết lập theo các yêu cầu của tiêu chuẩn trên, và chịu sự giám sát định kỳ của BVQA.

Chứng chỉ này có hiệu lực đến: **22-04-2025**

Để kiểm tra hiệu lực của chứng chỉ này, hãy vào website www.bvqa.org

Số hiệu chứng nhận: **2016-QMS-1432**

Chứng chỉ này thuộc sở hữu của BVQA và phải được trả lại khi có yêu cầu

BVQA CERTIFICATION JSC
SYSTEM CERTIFICATION
GLOBALLY ACCREDITED

ISO 9001:2015 CERTIFIED

MEng Oliver Henry
Giám đốc cơ quan chứng nhận
TM BVQA Vietnam

Hà Nội, 25-05-2022

BVQA Certification, Head Office: No. 23 Chua Van Street, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam, Tel.: +84-24-36610938, Fax: +84-24-36610935
; Fax: +84-24-36610935

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐOÀN KIỂM TRA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 365/QĐ-STN&MT NGÀY 04/10/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

Thực hiện Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2023.

Thực hiện Quyết định số 365/QĐ-STN&MT ngày 4/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường tại 05 cơ sở trên địa bàn huyện An Dương.

Hôm nay, hồi 08 giờ 30 phút, ngày 12/10/2023, Đoàn Kiểm tra tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Tân Huy Hoàng tại Lô CN1, KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

I. THÀNH PHẦN

1. Đoàn kiểm tra:

- Ông Nguyễn Quang Lợi - Chi cục trưởng, Chi cục Bảo vệ môi trường, Phó trưởng đoàn được ông Phạm Văn Thuấn, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng đoàn ủy quyền;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Chuyên viên Chi cục BVMT;
- Bà Đỗ Thị Minh Hương - Chuyên viên Chi cục BVMT;
- Ông Nguyễn Tiến Tùng - Trung tâm quan trắc môi trường;
- Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Công an thành phố;
- Ông Nguyễn Việt Anh, Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng;
- Đại diện Ủy ban nhân dân huyện An Dương, Thanh tra Sở TN&MT, Phòng Quản lý chất thải rắn: có mời nhưng vắng mặt;

2. Cơ sở được kiểm tra: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng (sau đây gọi tắt là Công ty).

- Ông Trịnh Ngọc Đại, Tổng Giám đốc;
- Bà Trần Thị Minh Tâm, Phó Giám đốc.

II. NỘI DUNG

Đoàn kiểm tra giới thiệu thành phần, công bố quyết định kiểm tra, nêu mục đích nội dung của buổi làm việc và tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Tân Huy Hoàng tại Lô CN1, KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, theo quy định.

Công ty nhất trí với nội dung và kế hoạch kiểm tra của Đoàn, đồng thời báo cáo tóm tắt việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường (có Báo cáo số 0523/BC-THH ngày 09/10/2023 gửi Đoàn Kiểm tra). Kết quả kiểm tra như sau:

1. Khái quát chung:

- Công ty TNHH Tân Huy Hoàng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0200383712, đăng ký lần đầu ngày 13/3/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03/12/2022.

- Ban Quản lý Khu kinh tế đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5816655511, chứng nhận lần đầu ngày 29/5/2013, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 2 ngày 21/4/2022, cho phép Công ty TNHH Tân Huy Hoàng đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastics, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt với quy mô: 1.000 tấn xốp bao bì chèn máy, thiết bị cao cấp/năm, 500 tấn xốp thùng đông lạnh/năm, 2.000 tấn xốp tấm cách nhiệt thông thường/năm, 450.000m^2 tấm panel dán tôn mạ màu (làm bằng xốp EPS và xốp PU chống cháy)/năm, 450.000m^2 các loại tấm panel làm vách ngăn nhà/năm, 450.000m^2 tôn mát/năm tại Lô CN1 (nay là một phần Lô M), KCN Tràng Duệ, huyện An Dương.

- Ngành nghề hoạt động: sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm xốp bao bì, xốp thùng đông lạnh, xốp tấm cách nhiệt EPS; sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm tấm Panel cách nhiệt PU, EPS...

- Thời gian đi vào hoạt động: tháng 8 năm 2014.

- Tổng số cán bộ, công nhân viên làm việc tại doanh nghiệp đến tháng 09/2023: 283 người.

- Diện tích sử dụng đất: 50.168,0m^2 (Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT13102 ngày 6/4/2020 chứng nhận Công ty TNHH Tân Huy Hoàng được sử dụng 50.168,0m^2 tại Lô CN1 (nay là một phần của Lô M), KCN Tràng Duệ, huyện An Dương với mục đích sử dụng đất khu công nghiệp, thời hạn sử dụng đến ngày 13/02/2057.

- Công suất, sản phẩm thực tế (số liệu tổng hợp năm 2022):

+ Các sản phẩm xốp định hình (xốp bao bì chèn máy móc thiết bị, xốp thùng đông lạnh, xốp tấm cách nhiệt thông thường) = 2.864 tấn/ năm.

+ Tấm Panel dán tôn mát mạ màu (làm bằng xốp EPS, xốp PU); các loại tấm Panel làm vách ngăn nhà; tôn mát = 147.645 (m2/ năm).

- Quy trình hoạt động:

+ Các loại sản phẩm xốp bao bì, xốp thùng đông lạnh, xốp tấm cách nhiệt: hạt nhựa EPS → kích nở phơi hạt → máy định hình hấp chín → sản phẩm → sấy → KCS → đóng gói → nhập kho.

+ Nguyên liệu tôn thép mạ màu → cán sóng, gấp mép → dán vào xốp đã phết keo, phun xốp PU → cán ép sấy → sản phẩm → KCS → nhập kho.

- Nguyên liệu, hóa chất sử dụng: nhựa lỏng PU: 382 tấn/ năm, hạt nhựa EPS: 2.864 tấn/ năm

- Nhiên liệu: dăm gỗ, mùn cưa, than cám: 12.798 tấn/ năm.

- Lượng nước sử dụng trung bình/tháng: khoảng 31.467m^3/năm (số liệu tổng hợp năm 2022).

- Lượng điện sử dụng trung bình/tháng: 7.665.085kWh (số liệu tổng hợp năm 2022).

2. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường:

2.1. Hồ sơ về môi trường

- Quyết định số 3203/QĐ-BQL ngày 5/8/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt tại một phần Lô M, KCN Tràng Duệ do Công ty TNHH Tân Huy Hoàng làm Chủ đầu tư, theo đó: (1) quy mô, công suất: 10.713 tấn/năm (các sản phẩm xốp định hình: 3.500 tấn/năm, tấm panel, tôn mát 7.213 tấn/năm tương đương 1.350.000m^2/năm); (2) quy trình sản xuất: sản xuất xốp; sản xuất panel, tôn nhựa mát; sản xuất tấm panel bông khoáng và bông thủy tinh; sản xuất tấm Panel PU; (3) các hạng mục công trình: nhà điều hành, văn phòng, 3 nhà xưởng sản xuất số 1, 2, 3, xưởng gia công cơ khí, kho kết hợp bãi soạn hàng, nhà nồi hơi, nhà đặt máy nén khí, nhà ăn, nhà nhỉ của công nhân, khu vực bể chứa nước làm mát cho xưởng sản xuất số 2, kho để nhựa lỏng PU và tôn, nhà để khuôn thủ công, nhà trưng bày...

- Công ty đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 29/HĐTD - 2708/2017 ngày 27/8/2017 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng.

2.2. Các công trình bảo vệ môi trường

- Về nước thải

+ Nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng 3.554 m^3/năm (số liệu tổng hợp năm 2022) chủ yếu là nước thải vệ sinh, nước nhà ăn... Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các bồn cầu được thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại + nước thải nhà ăn sau thu gom, tách mỡ tại bể tách mỡ + nước thải sinh hoạt khác → hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Tràng Duệ.

+ Nước thải công nghiệp:

Nước thải từ hoạt động của hệ thống làm mềm nước, nước thải từ việc xả đáy lò hơi, nước thải từ quá trình hoàn nguyên hệ thống lọc nước sau thay thế định kỳ với khối lượng khoảng 3 - 4 m^3/tháng, sau đó chảy vào cống thải cuối của Nhà máy và vào hệ thống thoát nước thải của KCN Tràng Duệ.

Nước sau làm mát từ quá trình sản xuất xốp có nhiệt độ cao với khối lượng khoảng 27.913 m^3/tháng sau đó chảy vào hệ thống đường ống có bọc túi lọc cặn tại miệng ống → tháp giải nhiệt → tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động của nồi hơi.

+ Nước mưa tràn mặt: Công ty có hệ thống thu gom nước mưa tràn mặt, có qua các ga lắng cặn, song chắn rác đấu nối vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN.

- Về khí thải, bụi và tiếng ồn:

+ Bụi, khí thải lò hơi, công suất 15 tấn/h thu gom, xử lý tại 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải ứng dụng biện pháp thông gió cưỡng bức bằng quạt hút kết hợp biện pháp tách bụi bằng Cyclone và hấp thụ xử lý khí thải bằng nước vôi trước khi xả thải ra ngoài môi trường qua 01 ống thải.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của bàn ép tấm Panel 9m với công suất: 11.000 m^3/h; bàn ép tấm Panel 12m với công suất: 12.000 m^3/h; bàn ép tấm Panel 39m thu gom với công suất: 25.000 m^3/h, xử lý tại 03 hệ thống thu gom, xử lý khí thải ứng dụng biện pháp thông gió cưỡng bức bằng quạt hút kết hợp biện pháp hấp phụ xử lý khí thải bằng màng lọc carbon trước khi xả thải ra ngoài môi trường qua 03 ống thải.

+ Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất tấm Panel bông khoáng, bông thủy tinh thu gom, xử lý tại 02 thiết bị thu gom, xử lý bụi túi vải.

- Quy chuẩn áp dụng: Chất lượng không khí trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Về chất thải rắn

+ Chất thải rắn sinh hoạt: chủ yếu là giấy vụn, vỏ đồ hộp, túi nilon, thực phẩm thừa, vỏ đựng hoa quả thừa, vỏ rau củ quả... với khối lượng khoảng 0,5m^3- 8 m^3/tháng. Công ty có thu gom lưu chứa vào các thùng và bố trí kho lưu giữ có diện tích khoảng 6m^2 và ký các Hợp đồng kinh tế số 47/HĐKTĐTM-THH ngày 28/9/2016 với Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Minh để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động gia hạn các năm tiếp theo).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: chủ yếu là bao bì (nilong, vỏ bao chứa hạt nhựa EPS), pallet hỏng, thùng carton, dây buộc hàng, xốp vụn, tôn phế liệu, cát thải, tro xỉ từ hoạt động của lò hơi, vật liệu lọc của thiết bị làm mềm nước, cặn của hệ thống xử lý khí thải lò hơi... khối lượng khoảng 3.086 kg/tháng và 30 - 32m^3/tháng phát sinh từ công đoạn vệ sinh tấm Panel cách nhiệt, vệ sinh các sản phẩm xốp EPS, bụi thu từ lò hơi. Công ty thu gom, lưu chứa tại 02 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích khoảng 32m^2 và 20m^2 và ký các Hợp đồng số 01/THH-AĐ/HĐXL CTTT ngày 10/6/2021 với Công ty TNHH Dịch vụ môi trường Anh Đăng để thu gom, vận chuyển, xử lý rác công nghiệp thông thường (rác công nghiệp, xốp phế liệu EPS, xỉ than phát sinh từ quá trình đốt lò hơi) (Hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký); Hợp đồng số 121/2021/HĐXLCT/PH-TNH ngày 20/12/2021 với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường, xỉ than, xốp bìa đen, sinh hoạt, nguy hại (Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 20/12/2021 đến hết ngày 19/12/2022) (Riêng sản phẩm lỗi phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom và bán lại cho đơn vị có chức năng tái chế); Hợp đồng số 2023/THH-ĐT/RCN ngày 10/10/2023 với Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng để vận chuyển và xử lý.

- Chất thải nguy hại: chủ yếu là giẻ lau, găng tay dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, bao bì cứng thải bằng kim loại, mực in thải có thành phần nguy hại, bao bì cứng bằng nhựa, giấy giáp, xỉ

hàn thải, nhôm phế liệu dính dầu, bụi thu gom từ tháp thu bụi khu vực cắt khối bông khoáng, bông thủy tinh, hỗn hợp cặn nhựa PU và nước Methylen Chloride thải... với khối lượng khoảng 3.731kg/năm, Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ, có thiết bị chứa, có dán mã, biển cảnh báo, chất hấp phụ (theo Biên bản bàn giao CTNH ngày 13/6/2022, 22/12/2022 với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng) đến 5.238kg (theo biên bản xác nhận chuyển giao CTNH ngày 08/02/2021 với Công ty TNHH Phát triển và Thương mại sản xuất Đại Thắng; Hóa đơn giá trị gia tăng xử lý CTNH ngày 3/11/2021 của Công ty TNHH Dịch vụ môi trường Anh Đăng; Biên bản bàn giao CTNH với Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng – Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân ngày 31/12/2021).

Công ty đã bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích khoảng 14m^2 có thiết bị chứa chất thải, đã dán mã, có bố trí biển cảnh báo, dấu hiệu cảnh báo và ký các Hợp đồng số 01/THH-AĐ/HDDXLCTNH ngày 10/6/2021 với Công ty TNHH Dịch vụ môi trường Anh Đăng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại; Hợp đồng số 121/2021/HĐXLCT/PH-TNH ngày 20/12/2021 với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường, xỉ than, xốp bìa đen, sinh hoạt, nguy hại; Hợp đồng số 2023/THH-ĐT/CTNH ngày 10/10/2023 với Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng để vận chuyển và xử lý.

- Giám sát môi trường:

+ Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường Công ty phải thực hiện quan trắc môi trường đối với nước thải, khí thải 03 tháng/lần. Thực tế Công ty đã thực hiện quan trắc môi trường đầy đủ, đúng tần suất, vị trí, kết quả quan trắc đạt quy chuẩn cho phép.

+ Công ty đã lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2021, 2022 về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Biện pháp ứng phó sự cố môi trường

Công ty đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, hàng năm đã tổ chức diễn tập và tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Nhận xét:

Công ty có báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Công ty đã bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và đã ký hợp đồng thu gom xử lý chất thải, quan trắc môi trường định kỳ đầy đủ và hàng năm có gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường về cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

4. Đoàn Kiểm tra yêu cầu Công ty

- Hoàn thiện lại báo cáo theo đề cương hướng dẫn của Đoàn kiểm tra, báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua chi cục Bảo vệ môi trường, địa chỉ số 22 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng) trước **ngày 19/10/2023** để tổng hợp.

- Khẩn trương lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

- Tăng cường vệ sinh môi trường công nghiệp, thường xuyên nạo vét hệ thống thu gom nước mưa tràn mặt đảm bảo vệ sinh công nghiệp; Lưu ý giảm thiểu tối đa tác động của khí thải phát sinh từ hoạt động khởi động không làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực; lưu giữ các khuôn bằng sắt vào khu vực nhà xưởng đảm bảo hạn chế tối đa nguy cơ ô nhiễm nước mưa tràn mặt.

- Tăng cường trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh đạt 20% tổng diện tích của Dự án.

- Nghiêm túc chấp hành đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, các nội dung theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn, phân loại chất thải sinh hoạt theo đúng quy định; lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm phải gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Ý kiến của Công ty

Công ty nhất trí với nội dung nhận xét của Đoàn kiểm tra.

Biên bản được lập thành 03 bản, cơ sở giữ 01 bản, kết thúc lúc 17 giờ 30 cùng ngày, được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên./.

CHỦ CƠ SỞ	TM. ĐOÀN KIỂM TRA	NGƯỜI GHI BIÊN BẢN
CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG TỔNG GIÁM ĐỐC		
Trịnh Ngọc Dạ	Nguyễn Quang Lợi	Nguyễn T.Thanh Hương

CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TRA

Nguyễn Thái Thy

Nguyễn Thị Thuỳ Dương

Vũ Văn Anh

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THANH TRA

Số: 96 /BB-LV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 06/11/2024, tại phòng họp Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường số 275 Lạch Tray, Ngô Quyền.

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

- Bà Cao Thị Lan Anh, Phó Chánh Thanh tra Sở;
- Ông Trần Quốc Toản, thanh tra viên;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương, thanh tra viên;

2. Người chứng kiến:

- Bà Nguyễn Thị Thu Trang- chuyên viên, Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Ông Phạm Hồng Minh, Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;
- Ông Hà Trung Đức, chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Dương.

3. Tổ chức bị thiệt hại: không

4. Tổ chức có liên quan trực tiếp đến vụ việc:

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0200383712; ngày cấp 13/3/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 29/12/2023; nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Huy Hoàng.

Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam Chức vụ : Tổng Giám đốc

Người được uỷ quyền: Bà Trần Thị Minh Tâm, Phó Giám đốc Công ty TNHH Tân Huy Hoàng theo Giấy Ủy quyền số 0824/CV-UQTHH của Tổng Giám đốc.

Tiến hành lập biên bản làm việc đối với Công ty TNHH Tân Huy Hoàng có liên quan trực tiếp đến vụ việc:

1. Thời gian xảy ra vụ việc: năm 2024

2. Địa điểm xảy ra vụ việc: Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

3. Diễn biến vụ việc:

Căn cứ Văn bản số 4407/BQL-TNMT ngày 02/10/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng; tại văn bản đề nghị Sở Tài nguyên và môi trường xem xét, xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Tân Huy Hoàng (địa chỉ tại Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng).

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng được Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt" theo Quyết định số 3205/QĐ-BQL ngày 5/8/2020.

Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 thì không còn thủ tục vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường. Ngày 25/10/2023, Công ty đã ký hợp đồng số 25.10/2023/HATECH với Công ty CP Công nghệ Môi trường Hải Phòng để hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường theo đúng quy định. Ngày 09/8/2024, Công ty đã nộp hồ sơ trực tuyến xin cấp Giấy phép môi trường trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng (có Phiếu tiếp nhận mã hồ sơ: 000.00.19.H24-240809-0820 và đã nộp 10.000.000 tiền lệ phí thẩm định).

Như vậy, Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định (trường hợp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh).

4. Hiện trường: không

5. Thiệt hại: không

6. Ý kiến trình bày của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại: không

7. Lời khai của đại diện Công ty TNHH Tân Huy Hoàng có liên quan trực tiếp đến vụ việc:

Năm 2022, do sự thay đổi về Luật Bảo vệ môi trường; ngày 25/10/2023, Công ty TNHH Tân Huy Hoàng đã ký kết Hợp đồng dịch vụ khoa học kỹ thuật "V/v tư vấn lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường" số 25.10/2023/HATECH với Công ty CP Công nghệ và Môi trường Hải Phòng để sớm hoàn thiện các thủ tục về môi trường. Đến ngày 09/08/2024, Công ty TNHH Tân Huy Hoàng đã tiến hành nộp hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường vào Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.

8. Ý kiến của người chứng kiến:

Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường – Ban QLKKT Hải Phòng, Phòng TNMT huyện An Dương và Chi cục bảo vệ môi trường: Thống nhất hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng là "nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định (trường hợp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh)".

9. Các biện pháp xử lý và ngăn chặn hậu quả do sự việc gây ra: Không.

10. Tang vật, phương tiện có liên quan đến vụ việc:

- Văn bản số 4407/BQL-TNMT ngày 02/10/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.
- Quyết định số 3205/QĐ-BQL ngày 5/8/2020 của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt".
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất các loại sản phẩm từ Plastic, nhựa xốp và các loại tấm cách nhiệt".

- Công văn số 3829/CV-THH ngày 28/10/2024 về việc xin hoãn thời gian họp xem xét việc chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT.

- Công văn số 4024/CV-THH ngày 31/10/2024 về việc giải trình hồ sơ môi trường.

Trên cơ sở hồ sơ tài liệu và báo cáo giải trình kèm của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng và ý kiến của các thành viên tham dự, hội nghị thống nhất nội dung sau:

Lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Tân Huy Hoàng về hành vi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định (trường hợp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh).

Biên bản lập xong vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày gồm 03 trang, được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho Công ty TNHH Tân Huy Hoàng 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ./.

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG	**KT. CHÁNH THANH TRA** **PHÓ CHÁNH THANH TRA**
Trần Thị Minh Tâm	Cao Thị Lan Anh
PHÒNG TNMT - BAN QL KHU KINH TẾ HP	**PHÒNG TNMT H.AN DƯƠNG**
Hà Trung Kế	Phạm Hồng Minh Hà Trung Kế
ĐD CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**
Nguyễn Thị Thu Trang	

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 39 /QĐ-XPHC

Hải Phòng, ngày 11 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính

CHÁNH THANH TRA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 45/2022/NĐ-CP ngày 7/7/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 97/BB-VPHC ngày 06/11/2024 do Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường lập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0200383712; ngày cấp 13/3/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 29/12/2023; nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Huy Hoàng. Giới tính: nam

Quốc tịch: Việt Nam Chức vụ : Tổng Giám đốc

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm chính: nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định.

3. Quy định tại: điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 7/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Mức phạt tiền: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn).

b) Hình thức phạt bổ sung: không.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả: không

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Trịnh Huy Hoàng là người đại diện cho Công ty TNHH Tân Huy Hoàng để chấp hành.

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Tân Huy Hoàng không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng nộp tiền vào tài khoản số 7111, mã số ĐVQHNS: 1048998, Chương 426, tiểu mục 4261 của Sở Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hải Phòng. Địa điểm nộp phạt tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Sau khi chấp hành nộp tiền phạt, Công ty TNHH Tân Huy Hoàng phải gửi chứng từ về Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, địa chỉ: số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Công ty TNHH Tân Huy Hoàng có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước thành phố để theo dõi, tổng hợp tiền phạt.

3. Gửi cho Ủy ban nhân dân huyện An Dương, Uỷ ban nhân dân xã Lê Lợi, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ.

CHÁNH THANH TRA

Đỗ Bá Tuyên

Quyết định này đã giao trực tiếp cho Ông Trịnh Huy Hoàng bị xử phạt vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 11/11/2024

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Minh Châm

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 97 /BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
Về lĩnh vực bảo vệ môi trường

Hôm nay, hồi 10 giờ 30 phút, ngày 06/11/2024 tại Sở Tài nguyên và Môi trường, số 275 đường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Lý do lập biên bản tại Thanh tra Sở: trên cơ sở nội dung đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tại Văn bản số 4407/BQL-TNMT ngày 02/10/2024 về tình hình chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Tân Huy Hoàng. Trong đó đề nghị Sở Tài nguyên và môi trường xem xét, xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Tân Huy Hoàng; Biên bản làm việc số 96/BB-LV ngày 06/11/2024 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 45/2022/NĐ-CP ngày 7/7/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường.

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

- Bà Cao Thị Lan Anh, Phó Chánh Thanh tra Sở;
- Ông Trần Quốc Toản, thanh tra viên;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương, thanh tra viên;

2. Với sự chứng kiến của:

- Bà Nguyễn Thị Thu Trang- chuyên viên, Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Ông Phạm Hồng Minh, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;
- Ông Hà Trung Đức, chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường huyện An Dương.

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty TNHH Tân Huy Hoàng.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1, Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0200383712; ngày cấp 13/3/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 29/12/2023; nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Huy Hoàng. Giới tính: nam

Quốc tịch: Việt Nam Chức vụ : Tổng Giám đốc

Người được uỷ quyền: Bà Trần Thị Minh Tâm, Phó Giám đốc Công ty TNHH Tân Huy Hoàng theo Giấy Ủy quyền số 0824/CV-UQTHH của Tổng Giám đốc.

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định (trường hợp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh).

3. Quy định tại: điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường.

4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại: Không

5. Ý kiến trình bày của đại diện tổ chức vi phạm: Nhất trí với nội dung biên bản vi phạm hành chính do Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường lập và chấp hành nghiêm quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

6. Ý kiến của người chứng kiến: Nhất trí với nội dung biên bản vi phạm hành chính của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường lập và yêu cầu Công ty TNHH Tân Huy Hoàng chấp hành nghiêm quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

7. Ý kiến giải trình của tổ chức/cá nhân bị thiệt hại: Không

8. Chúng tôi đã yêu cầu Công ty TNHH Tân Huy Hoàng chấm dứt ngay hành vi vi phạm, không để trường hợp tương tự xảy ra.

9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng: không

Biên bản lập xong vào hồi 11giờ 00 cùng ngày, biên bản gồm 02 trang được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho Công ty TNHH Tân Huy Hoàng 01 bản và 01 bản lưu hồ sơ xử lý tại Thanh tra Sở.

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG	**KT. CHÁNH THANH TRA** **PHÓ CHÁNH THANH TRA**
Trần Thị Minh Tâm	Cao Thị Lan Anh
PHÒNG TNMT **BAN QL KHU KINH TẾ HP**	**PHÒNG TNMT H.AN DƯƠNG**
Phạm Hồng Mạnh	Hà Trung Phú
ĐD CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**
Nguyễn Thị Thu Trang	Mỹ Thị Thanh Thủy

Biên bản đã giao trực tiếp cho Bà Trần Thị Minh Tâm, Phó Giám đốc Công ty TNHH Tân Huy Hoàng 01 bản vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 06/11/2024.

NGƯỜI NHẬN BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Minh Tâm

Mẫu số: 02
Ký hiệu: C1-02/NS

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☑
Loại tiền: VND ☑ USD ☐ Khác:

Mã hiệu: HP16012424
Số: 0337295
Số tham chiếu:

Người nộp thuế: CTY TNHH TAN HUY HOANG Mã số thuế: 0200383712
Địa chỉ: LO CN 1, KCN TRANG DUE, XA LE LOI, HUYEN AN DUONG, HAI PHONG
Người nộp thay:
Địa chỉ:
Đề nghị NH/KBNN: 16998 - VIETINBANK CN KIEN AN - HOI SO Trích TK số: 116000106838 hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
TK thu NSNN ☑ TK tạm thu ☐ TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT ☐
Vào tài khoản của KBNN: 3170L001-KBNN TP Hai Phong Tỉnh, TP: TP. HAI PHONG
Mở tại NH ủy nhiệm thu: 31201001-VietinBank CN Ngo Quyen
Nộp theo văn bản của CQ có thẩm quyền:
Kiểm toán NN ☐ Thanh tra TC ☐
Thanh tra CP ☐ CQ có thẩm quyền khác ☐
Tên cơ quan quản lý thu: 3048998-So tai nguyen va moi truong

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/NH phối hợp thu/KBNN ghi		
STT	Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID)	Kỳ thuế/Ngày QĐ/TB	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Mã ĐBHC
1	TK:39 QĐ/TB:39	KT:00/CN/2024 Ng.QĐ:11/11/2024	Phat vi pham hanh chinh ve bao ve moi truong		25,000,000VND	426	4261	304HH-Quan Ngo Quyen-TP HAI PHONG
			Tổng cộng		25,000,000VND			

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN
Mã CQ thu: 3048998-So tai nguyen va moi truong Nợ TK: 116000106838
Có TK: 7111

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN
Ngày 12 tháng 11 năm 2024
Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng

NGÂN HÀNG/KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 12 tháng 11 năm 2024
Giao dịch viên Kiểm soát viên

vtb_efastmb

Phần ngân hàng ghi:
Số tham chiếu:169N2480JEHI7A6Y 453 304HH-Quan Ngo Quyen-TP HAI PHONG 16998-CN KIEN AN - HOI SO
vtb_efastmb vtb_efastmb 12/11/2024 Thu Ngan sach Nha nuoc
DR 116000106838 CTY TNHH TAN HUY HOANG VND 25,000,000 1 1
Phí Ngân hàng: 0VND VAT:10.00% 0VND T_PHI: 0VND

PHỤ LỤC 2

1. Bản vẽ hoàn công mặt bằng tổng thể

2. Bản vẽ hoàn công mặt bằng thoát nước mưa

3. Bản vẽ hoàn công mặt bằng thoát nước thải

4. Bản vẽ hoàn công mặt bằng bố trí thiết bị nhà xưởng

5. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải

6. Bản vẽ hoàn công bể phốt

7. Bản vẽ hoàn công bể tách mỡ

8. Bản vẽ hoàn công hố ga thoát nước thải, nước mưa

9. Bản vẽ hoàn công kho chứa chất thải nguy hại

10. Bản vẽ hoàn công mặt bằng kho chứa CTR công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt

TỶ LỆ : 1/500

KÝ HIỆU:

- CÔNG TRÌNH
- THẢM CỎ
- MẶT NƯỚC
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH

GHI THÊM:

1. CỔNG, HÀNG RÀO
2. TRẠM BIẾN ÁP
3. PHÒNG BẢO VỆ
4. SÂN ĐỖ + NHÀ CHỜ CÔNG NHÂN
5. VƯỜN CÂY XANH ĐỆM
6. KHU SẢN XUẤT SỐ 2, KẾT HỢP VĂN PHÒNG 3 TẦNG VÀ NHÀ Ở CÔNG NHÂN 2 TẦNG
7. ĐƯỜNG GIAO THÔNG SỐ 1
8. ĐƯỜNG GIAO THÔNG SỐ 2
9. NHÀ ĐỂ XE
10. KHO VẬT LIỆU TỔNG HỢP
11. VỆ SINH, NHÀ TẮM CÔNG NHÂN
12. NHÀ ĐỂ XE
13. BỂ CHỨA NƯỚC SẢN XUẤT
14. BỂ XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT
15. KHO CHỨA ĐỒ THÀNH PHẨM
16. TRẠM ĐIỆN
17. SÂN THỂ THAO
18. HỒ NƯỚC
19. NHÀ ĐỂ XE CÔNG NHÂN
20. SÂN ĐỖ XE
21. NHÀ HÀNH CHÍNH
22. KHO CHỨA NGUYÊN VẬT LIỆU SẢN XUẤT SỐ 1
23. KHO CHỨA NGUYÊN VẬT LIỆU SẢN XUẤT SỐ 2
24. HỆ THỐNG LỌC BỤI
25. BỒN CẤP NƯỚC CHO LÒ HƠI
26. NHÀ ĐỂ XE TRONG KHO KẾT HỢP VĂN PHÒNG 3 TẦNG
27. NHÀ ĐỂ XE TRONG KHO KẾT HỢP VĂN PHÒNG 3 TẦNG
28. NHÀ THAY ĐỒ + CHUYỂN ĐỔI PHÂN KHO CHỨA BAO VÀ CHỨA TẤM
29. NHÀ ĐỂ XE TRONG KHO KẾT HỢP VĂN PHÒNG 3 TẦNG
30. BIỂN QUẢNG CÁO
31. SÂN ĐỖ XE TRONG KHO KẾT HỢP VĂN PHÒNG 3 TẦNG
32. VĂN PHÒNG LÀNG THÔN
33. SÂN ĐỖ XE TRONG KHO KẾT HỢP VĂN PHÒNG 3 TẦNG
34. ĐƯỜNG CÔNG VỤ
35. KHU VỰC ĐỂ RÁC THẢI
36. SÂN ĐỖ XE TRONG KHO KẾT HỢP VĂN PHÒNG 3 TẦNG
37. CHỐT KIỂM SOÁT
38. KHO CHỨA 1 TẦNG

HẠNG MỤC DỰ KIẾN XÂY MỚI

28. NHÀ THAY ĐỒ + CHUYỂN ĐỔI PHÂN KHO CHỨA BAO VÀ CHỨA TẤM
32. NHÀ TRUNG BÀY SẢN PHẨM
G.32.1 = CHUYỂN ĐỔI THÀNH NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT SỐ 2

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Nguyễn Trọng Thơm

TỔNG MẶT BẰNG

NOTE:

NO	DATE	DESCRIPTION	APPROVAL
4			
3			
2			
1		HIỆU CHỈNH	

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

NHÀ THẨM ĐỊNH: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MIỀN TRUNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG

TỔNG GIÁM ĐỐC: PHẠM TỒN DŨNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: VÕ VĂN CHÍNH

THỂ HIỆN: VÕ XUÂN THUYẾT

KIỂM TRA: PHAN VĂN HƯNG

HẠNG MỤC: TỔNG MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ: TỔNG MẶT BẰNG

TỶ LỆ SCALE	
NGÀY PHÁT HÀNH DATE	2021
SỐ HIỆU DRAWING NO	TMB -02

TỔNG MẶT BẰNG MÁI

TỶ LỆ : 1/500

KÝ HIỆU:

- CÔNG TRÌNH
- THẢM CỎ
- MẶT NƯỚC
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH

CHÚ THÍCH:

1. CỔNG , NHÀ BẢO VỆ
2. NHÀ ĐIỀU HÀNH
3. NHÀ ĂN + KHU VỰC GIẢI KHÁT
4. NHÀ ĐỂ XE + KHU VỰC GIẢI KHÁT
5. XƯỞNG SẢN XUẤT SỐ 1
6. XƯỞNG SẢN XUẤT SỐ 2 , KẾT HỢP XƯỞNG SẢN XUẤT SỐ 1 VÀ KHU VỰC GIẢI KHÁT
7. XƯỞNG SẢN XUẤT SỐ 3
8. XƯỞNG SẢN CÔNG CỤ MỚI
9. NHÀ VỆ SINH
10. NHÀ KẾT HỢP NHÀ ĂN VÀ XƯỞNG
11. VỆ SINH , NHÀ TẮM CÔNG NHÂN
12. NHÀ ĐỂ XE
13. BỂ CHỨA NƯỚC SẢN XUẤT
14. BỂ XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT
15. KHO CHỨA HÀNG THÀNH PHẨM
16. KHO CHỨA HÀNG THÀNH PHẨM
17. CẦN THỂ TRANG
18. CỔNG RÀO
19. NHÀ VỆ SINH NAM
20. NHÀ VỆ SINH CHO NỮ
21. KHO CHỨA HÀNG THÀNH SẢN XUẤT SỐ 1
22. KHO CHỨA HÀNG THÀNH SẢN XUẤT SỐ 2
23. HỆ THỐNG LỌC BỤI
24. BỂ CẤP NƯỚC CHO LÒ HƠI
25. NHÀ ĐỂ CỦI HÒA
26. NHÀ THAY ĐỒ >> CHUYỂN ĐỔI THÀNH KHO CHỨA HÀNG VÀ CHỨA TỔI
27. NHÀ CÂN THÔNG KHÔNG SỬ DỤNG
28. BIỂN QUẢNG CÁO
29. NHÀ HỘI NHÀ MÁY HỘI VỀ XƯỞNG SẢN CÔNG CỤ MỚI
30. VĂN PHÒNG LÀM VIỆC
31. BỂ NƯỚC GIAO ĐỨNG CHỮA CHÁY
32. ĐƯỜNG CỨU HỘ CHỮA CHÁY
33. KHU VỰC MỞ RỘNG NHÀ HỘI
34. ĐÌNH HÀN SỐ 1 CỦA XƯỞNG SẢN XUẤT SỐ 2
35. CHỢI HỌP THƯỜNG
36. KHO KEO 4 TẦNG

HẠNG MỤC DỰ KIẾN XÂY MỚI

28. NHÀ THAY ĐỒ >> CHUYỂN ĐỔI THÀNH KHO CHỨA KEO VÀ CHỨA TỔI
31. NHÀ TRƯNG BÀY SẢN PHẨM
6.33. TI >> 2 NHÀ ĐỂ CỦI HÒA THÀNH KHO CHỨA HÀNG THÀNH PHẨM XƯỞNG SẢN XUẤT SỐ 2

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG.

Ngày ... tháng ... năm 20...

Người Lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Nguyễn Trung Hiếu

NOTE:	
ISSUED FOR	REVISION
4	
3	
2	
1	
NO. DATE	DESCRIPTION / APPROVAL
TÊN DỰ ÁN / PROJECT NAME	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỐT LÕI VÁN KHUÔN NHỰA TỔ PLASTIC / NHỰA XỐP VÀ CÁC VẬT LIỆU CÁCH NHIỆT	
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER	CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
NHÀ THẦU XÂY DỰNG / CONTRACTOR	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẢI LONG
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN COMPANY	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẢI LONG
TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL MANAGER	PHẠM TIẾN ĐỒNG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / PROJECT MANAGER	VŨ VĂN CHÍNH
THIẾT KẾ / DESIGN BY	VŨ XUÂN THUYẾT
KIỂM TRA / CHECKED BY	PHẠM VĂN HƯNG
HẠNG MỤC / ITEM	TỔNG MẶT BẰNG
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	TỔNG MẶT BẰNG MÁI
TỶ LỆ / SCALE	
NGÀY HOÀN THÀNH / DATE	2021
SỐ HIỆU / DRAWING NO.	TMB -03

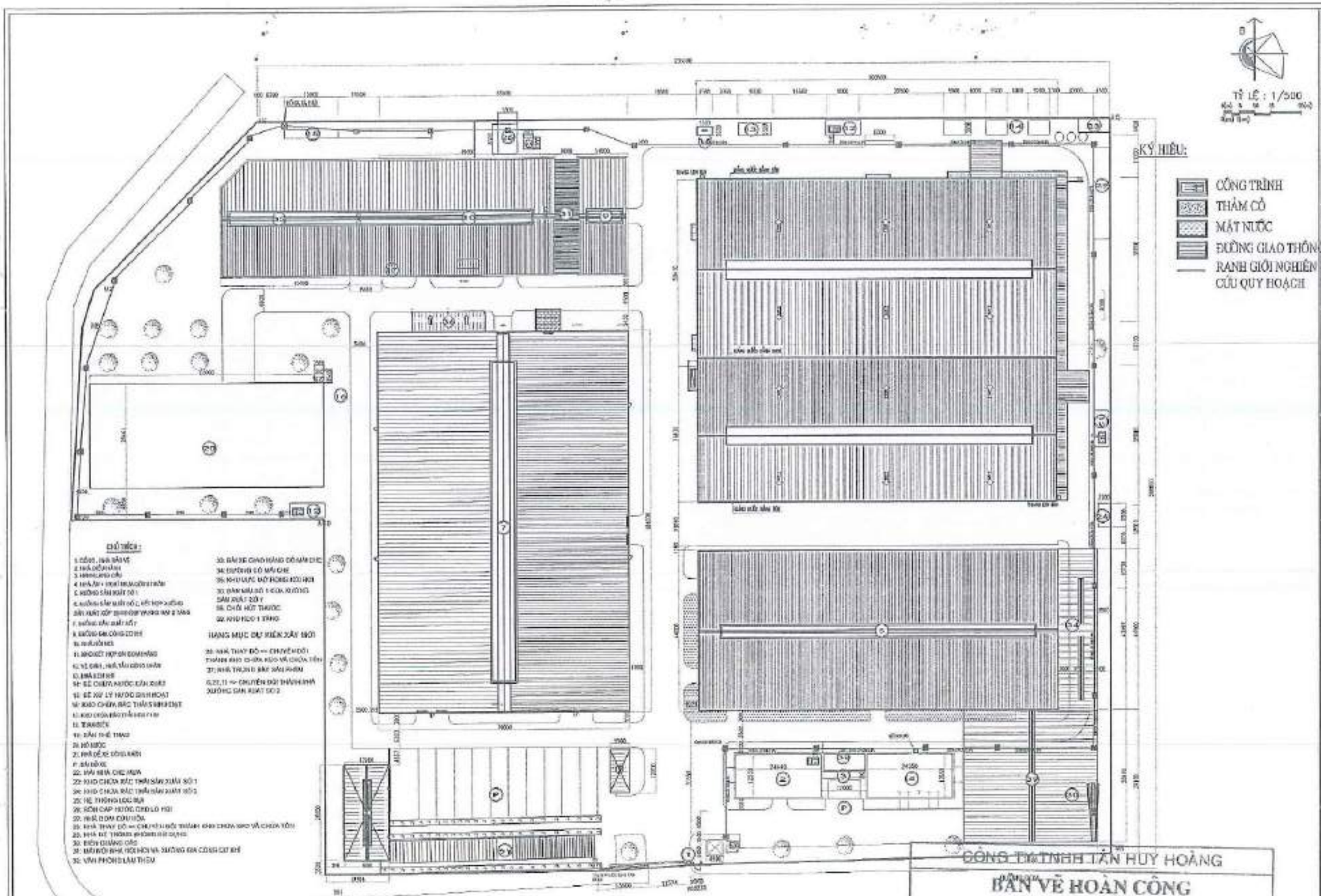

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Nguyễn Trung Kiên

HIỆU CHỈNH	REVISION
4	
3	
2	
1	
SỐ NO	NGÀY DATE
NỘI DUNG DESCRIPTION	DUYỆT THUẬN APPROVAL

TÊN DỰ ÁN / PROJECT NAME

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CẤU KIỆN BÊ TÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC, CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC, CỌC BÊ TÔNG LY TÂM DỰ ỨNG LỰC, CỌC BÊ TÔNG LY TÂM DỰ ỨNG LỰC ỨNG SUẤT TRƯỚ

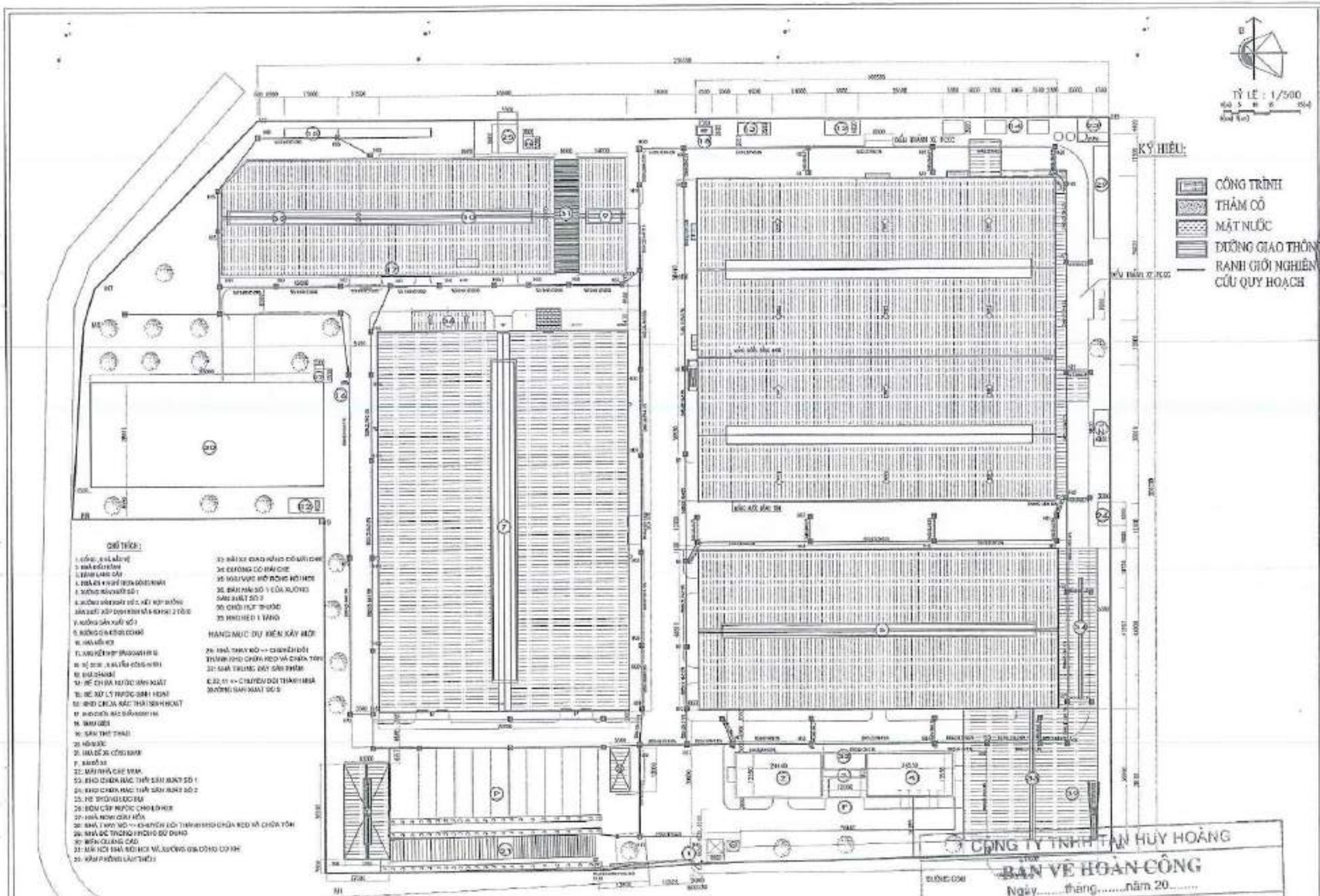

CÔNG TY TNHH TÂN HUỲ HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Nguyễn Trung Đức

CÔNG TY TNHH TÂN HUỲ HOÀNG

PHẠM TIẾN CÔNG

VÕ VĂN CHÍNH

VÕ XUÂN THUYẾT

PHẠM VĂN HƯNG

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC NGOÀI NHÀ

TỶ LỆ / SCALE	
NGÀY THỰC HIỆN / DATE	2021
KÝ HIỆU / DRAWING NO	TNHB - 03

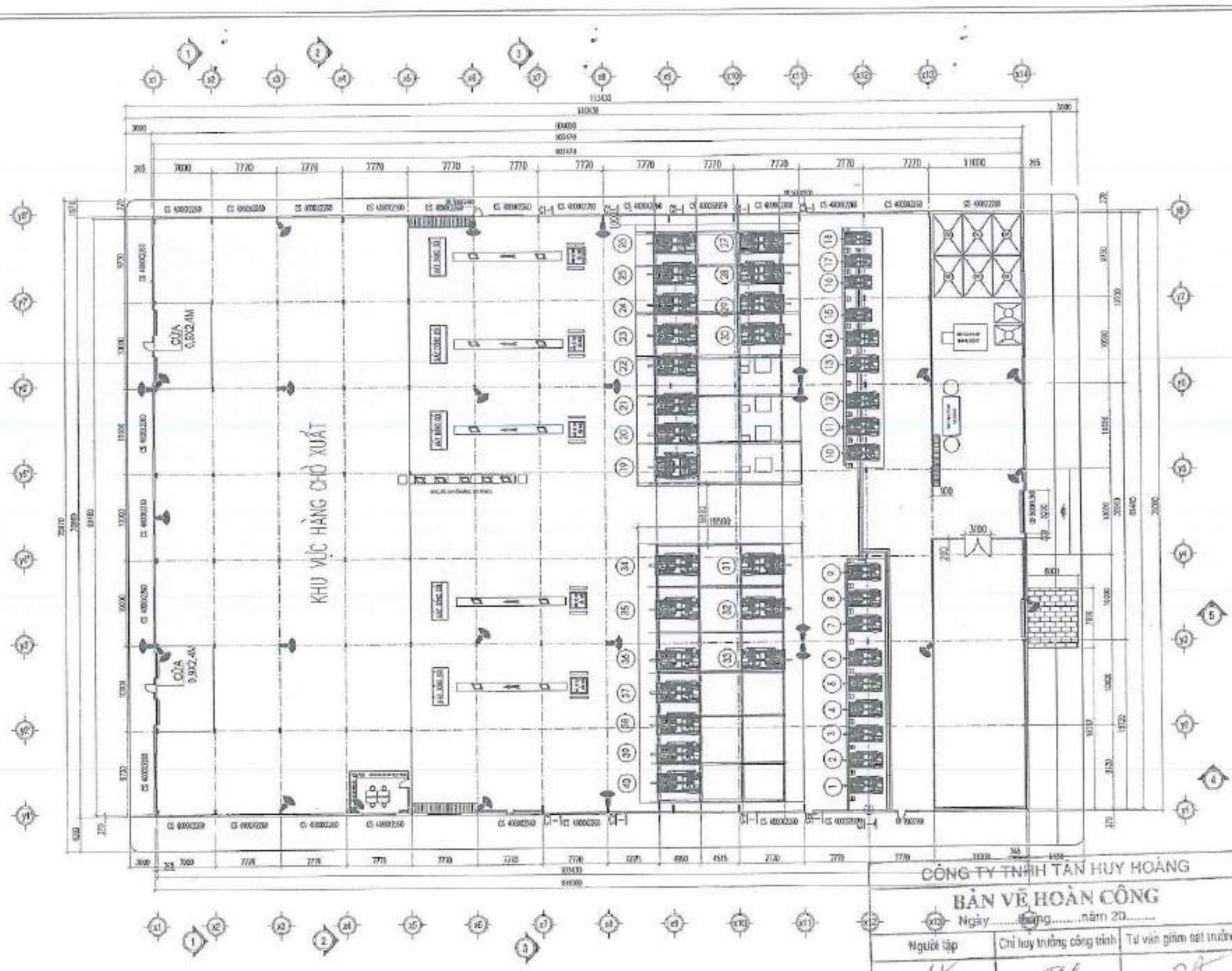

TỪ 01-18 : MÁY ĐỊNH HÌNH XỐP EPS TỰ ĐỘNG TẦNG 1

TỪ 19-40 : MÁY ĐỊNH HÌNH XỐP EPS TỰ ĐỘNG TẦNG 2

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Ngô Trung Đức

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC, NHỰA XỐP VÀ CÁC LOẠI TẤM CÁCH NHIỆT

CÔNG TY TNHH

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BUILDING DESIGN CONSULTANT CENTER

LÊ XUÂN HIẾU

ĐẶNG BÌNH TUẤN

PHẠM VĂN HƯNG

NHÀ XƯỞNG SỐ 02

MẶT BẰNG TẦNG 1

2016.03

KT-01

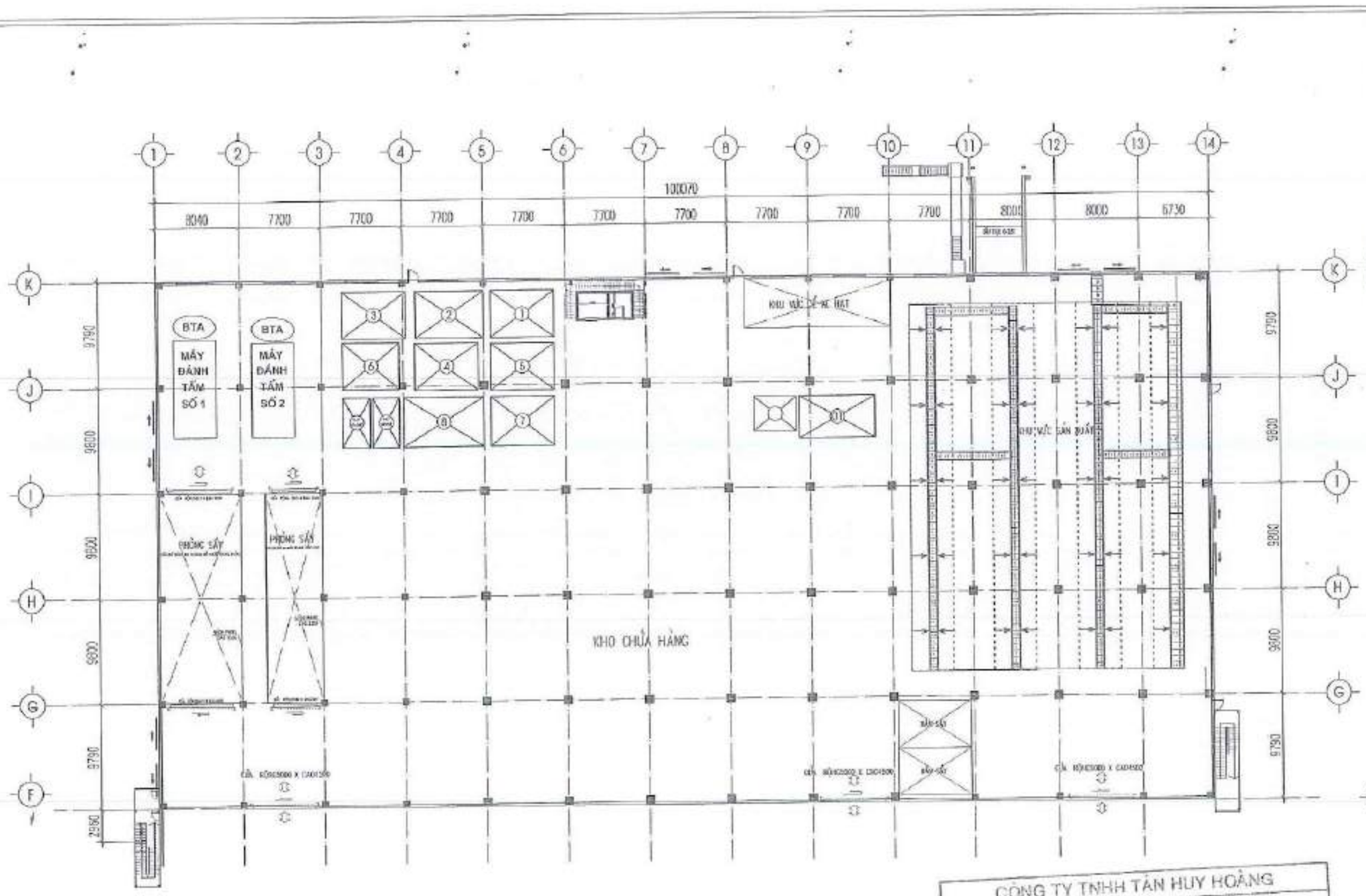

BỐ TRÍ THIẾT BỊ TẦNG 1

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Lạch	Lê Tuấn Anh	Ngô Phương Thảo

NOTE :

NO.	DATE	DESCRIPTION	APPROVAL
4			
3			
2			
1			

TÊN DỰ ÁN / PROJECT NAME

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC MÀNG XỐP VÀ CÁC TẤM CÁCH NHIỆT

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

NHÀ THẦU CHÍNH / CONTRACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÀU XANH

CÔNG TY THIẾT KẾ / DESIGN COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÀU XANH

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL MANAGER

PHẠM TIẾN ĐỒNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / PROJECT MANAGER

VŨ VĂN CHÍNH

THỰC HIỆN / DESIGNED BY

VŨ XUÂN THUYẾT

KIỂM TRA / CHECKED BY

PHAN VĂN HƯNG

HẠNG MỤC / ITEM

XƯỞNG SẢN XUẤT SỐ 02

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

TỶ LỆ / SCALE	
NGÀY PHÁT HÀNH / DATE	2021
KÝ HIỆU / DRAWING NO.	

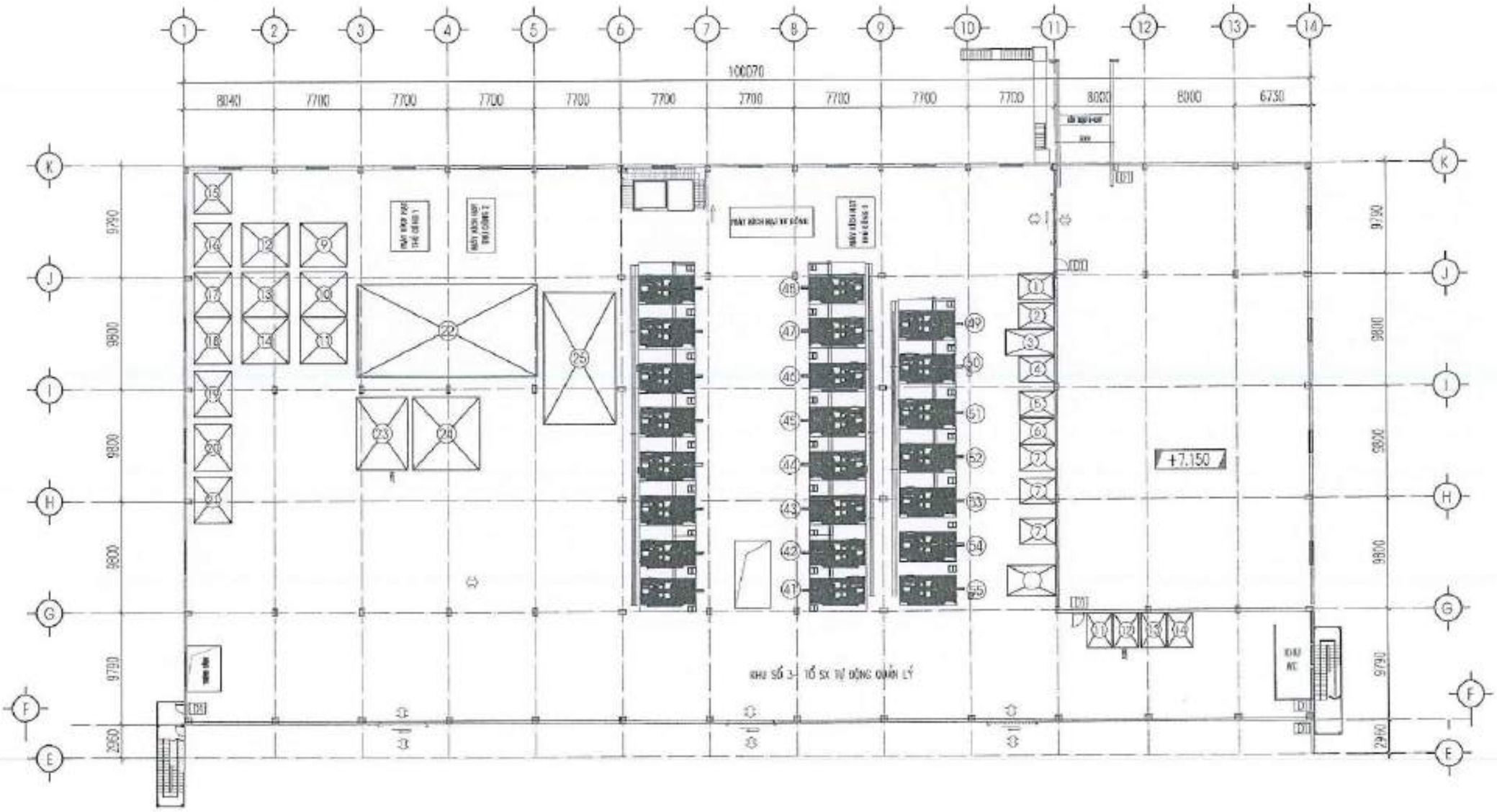

MÁY SỐ 41 –55: MÁY ĐỊNH HÌNH XỐP EPS TỰ ĐỘNG

NOTE :			
SỬA ĐỔI			REVISION
4			
3			
2			
1			
SỐ NO	NGÀY DATE	NỘI DUNG DESCRIPTION	CHẤP THUẬN APPROVAL

TÊN DỰ ÁN — PROJECT NAME

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC MINKA,GỖP VÀ CÁC TẤM CACHONNEST

CHỦ ĐẦU TƯ — OWNER

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

NHÀ THẦU CHÍNH — CONTRACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẢI LONG

CÔNG TY THIẾT KẾ — DESIGN COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẢI LONG

TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TỔNG GIÁM ĐỐC — GENERAL MANAGER

PHẠM TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ — PROJECT MANAGER

VÕ VĂN CHÍNH

THỂ HIỆN — DESIGN BY

VÕ XUÂN THUYẾT

KIỂM TRA — CHECKED BY

PHẠM VĂN HƯNG

HẠNG MỤC — ITEM

XƯỞNG SẢN XUẤT SỐ 02

TÊN BẢN VẼ — DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	
NGÀY PHÁT HÀNH DATE	2021
KÝ HIỆU DRAWING NO	

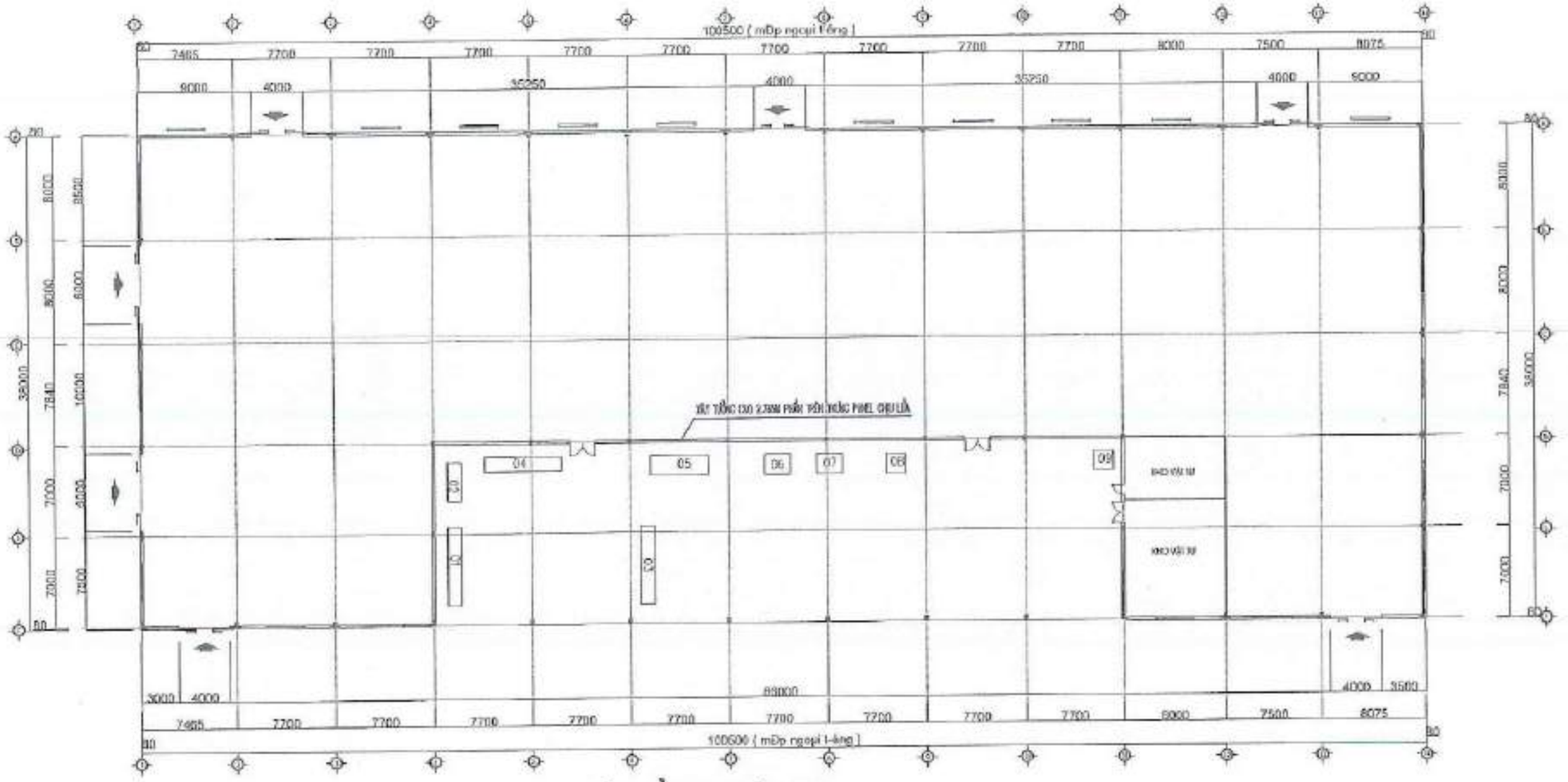

MẶT BẰNG NHÀ KHO

01: MÁY CẮT XỐP 01

02: MÁY CẮT XỐP 02

03: MÁY CẮT XỐP 03

04: MÁY CẮT XỐP 04

05: MÁY CẮT XỐP 05

06: MÁY CẮT XỐP 06

07: MÁY CẮT XỐP 07

08: MÁY CẮT XỐP 08

09: MÁY MAY

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Nguyễn Tùng Dương

NGÀY:	SỬA ĐỔI
A —/—/ 2013	
B —/—/ 2013	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ & ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

GIAMDOC

CHUTRI

THIETKE

VE

GIUKT

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MATBANG

TỶ LỆ - SCALE	SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO
SCALE 1/300	
KIỂM TRA - PAINTER	
PAINTER	
NGÀY GIAO - ISSUE DATE	HS-TK03
16/04/2013	

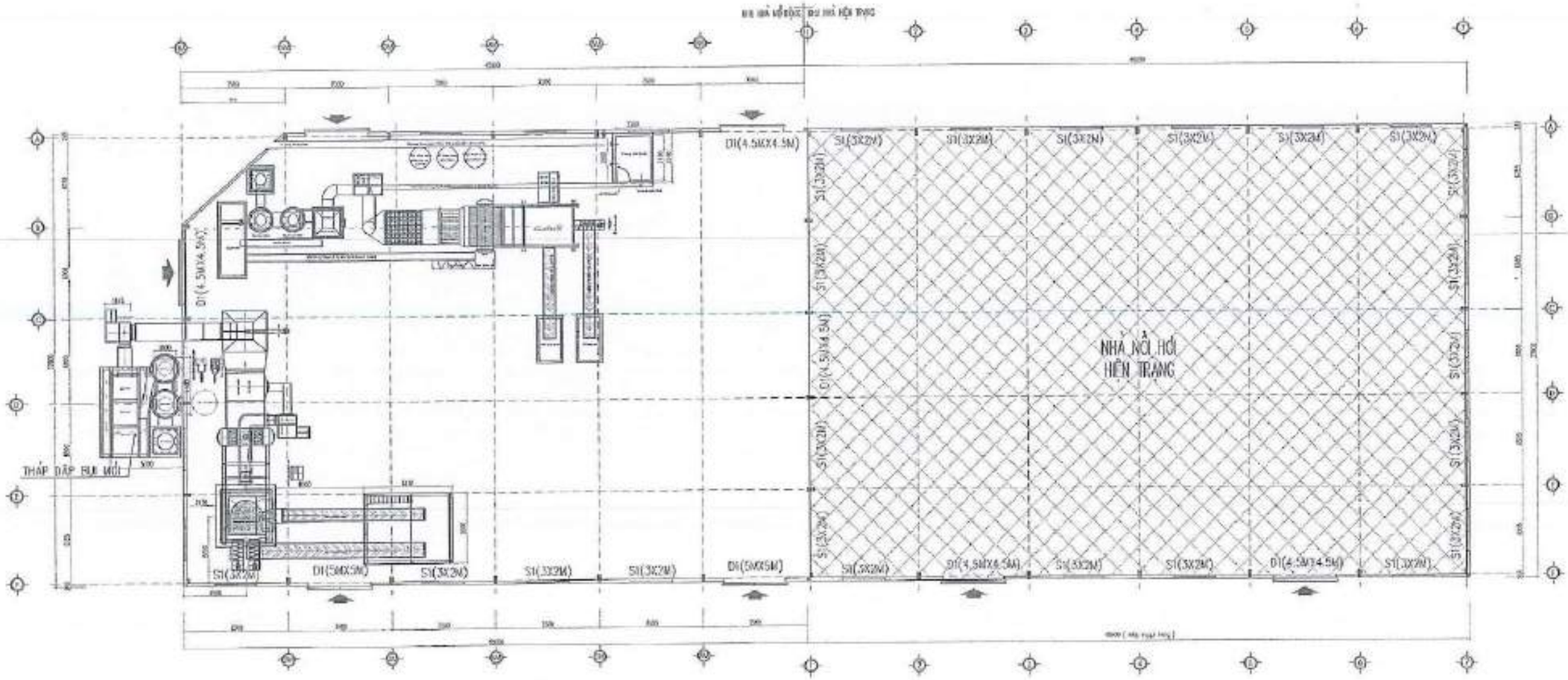

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ LÒ HƠI (SAU KHI THAY ĐỔI-NÂNG CẤP)

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Ngô Văn Đạt

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

CTY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT Hung Tien Viet Mechanic Thermal Electricity Co., Ltd			
CN	Họ & tên.	Ký tên.	Ngày
T.kế	Phạm Thanh Hòn		03/2024
Vẽ	Lê Quang Thành		
K.tra	Phạm Thanh Hòn		
G.đốc	Phạm Thanh Hòn	Tỷ lệ: 1/100	

TỔNG MẶT BẰNG BỐ TRÍ LÒ HƠI

01: MÁY PHAY CNC 01
02: MÁY PHAY CNC 02
03: MÁY PHAY CNC 03
04: MÁY PHAY CNC 04
05: MÁY PHAY CNC 05
06: MÁY PHAY CNC 06
07: MÁY PHAY CNC 07
08: MÁY PHAY CNC 08
09: MÁY PHAY CNC 09
10: MÁY PHAY CNCMẪU XỐP 10
11: MÁY BÀO
12: MÁY KHOAN CẦN 01
13: MÁY TIỆN 01
14: MÁY TIỆN 02
15: MÁY KHOAN CẦN 02
16: MÁY PHAY CƠ 01
17: MÁY PHAY CƠ 02
18: MÁY PHAY CƠ 03
19: MÁY CẮT NHIỆT

NHÀ LỚ HƠI

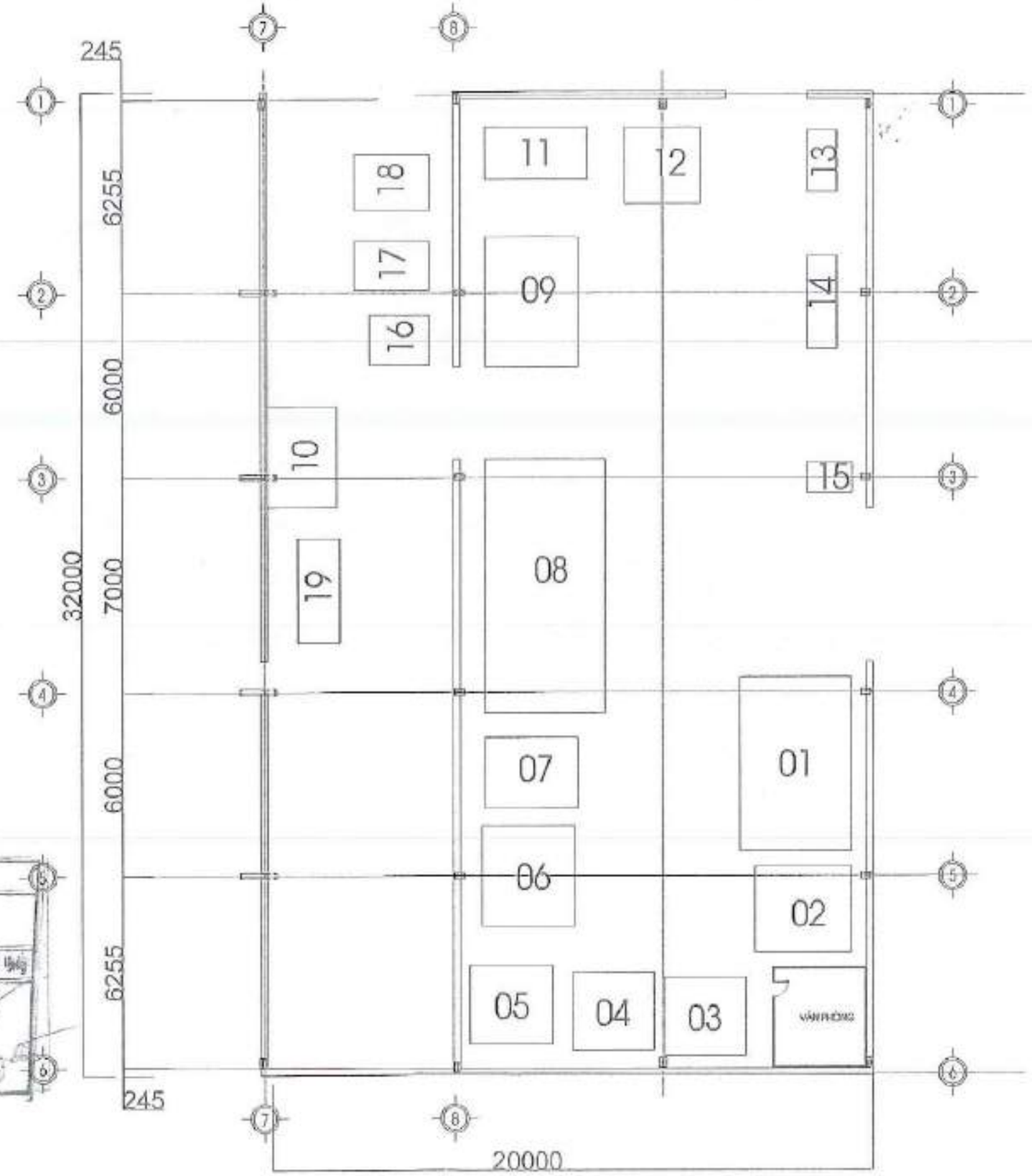

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chủ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát thi công
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	

NGÀY: | SỬA ĐỔI
A
B

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

deco ARCHITECT & ENGINEERING
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ & ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY XƯỞNG CƠ KHÍ

KT01

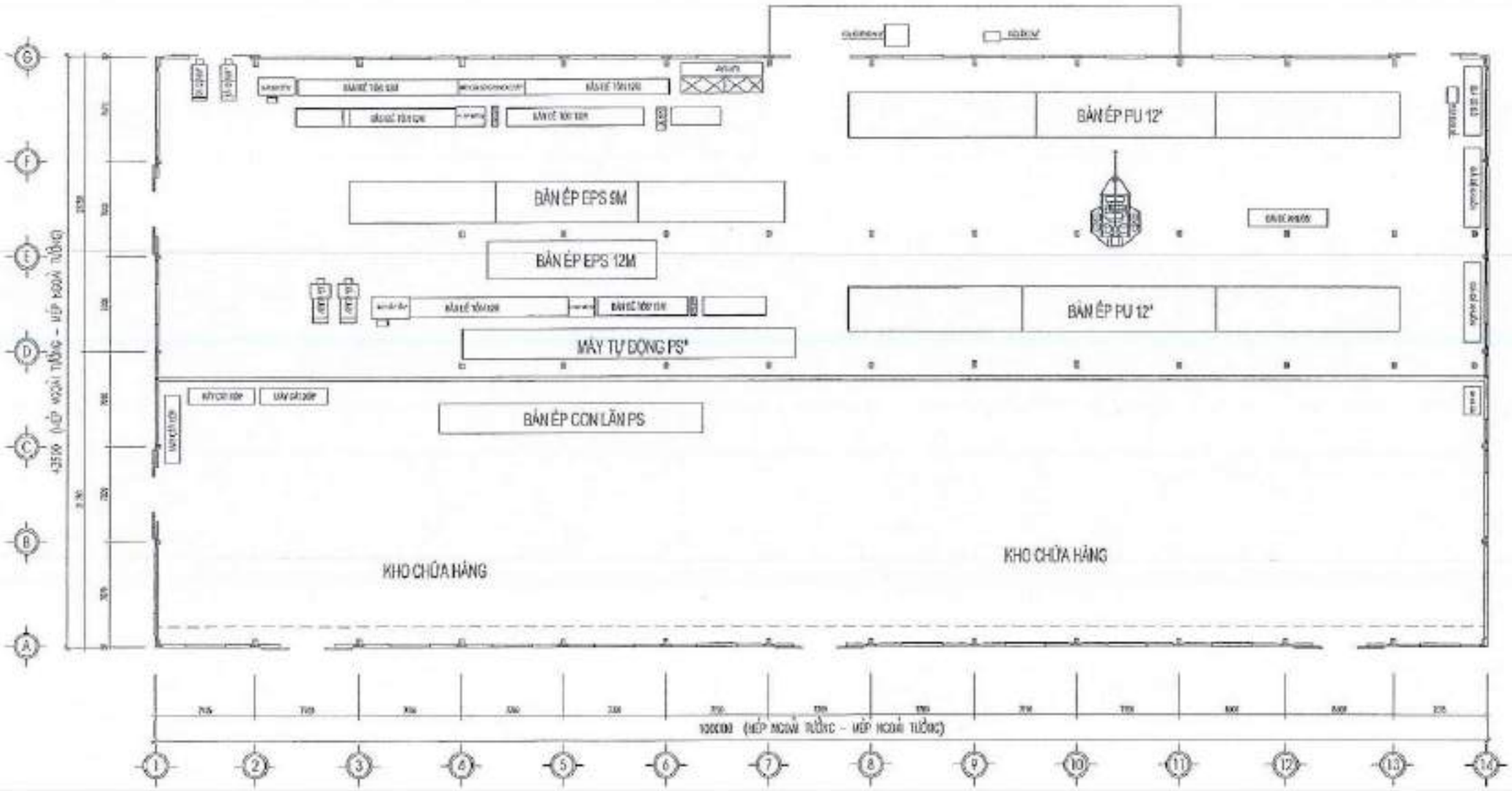

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Nguyễn Văn Bình

BỐ TRÍ THIẾT BỊ XƯỞNG PANEL

TÂN HUY HOÀNG

NGÀY : THIẾT KẾ	
NGÀY : SỬA ĐỔI	
TỶ LỆ - SCALE: 1:1	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO: AV1
TỜ SỐ - PAGE NO: 01	
NGÀY HOÀN THÀNH - COMPLETION DATE:	KÝ HIỆU:

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Nguyễn Trọng [illegible]

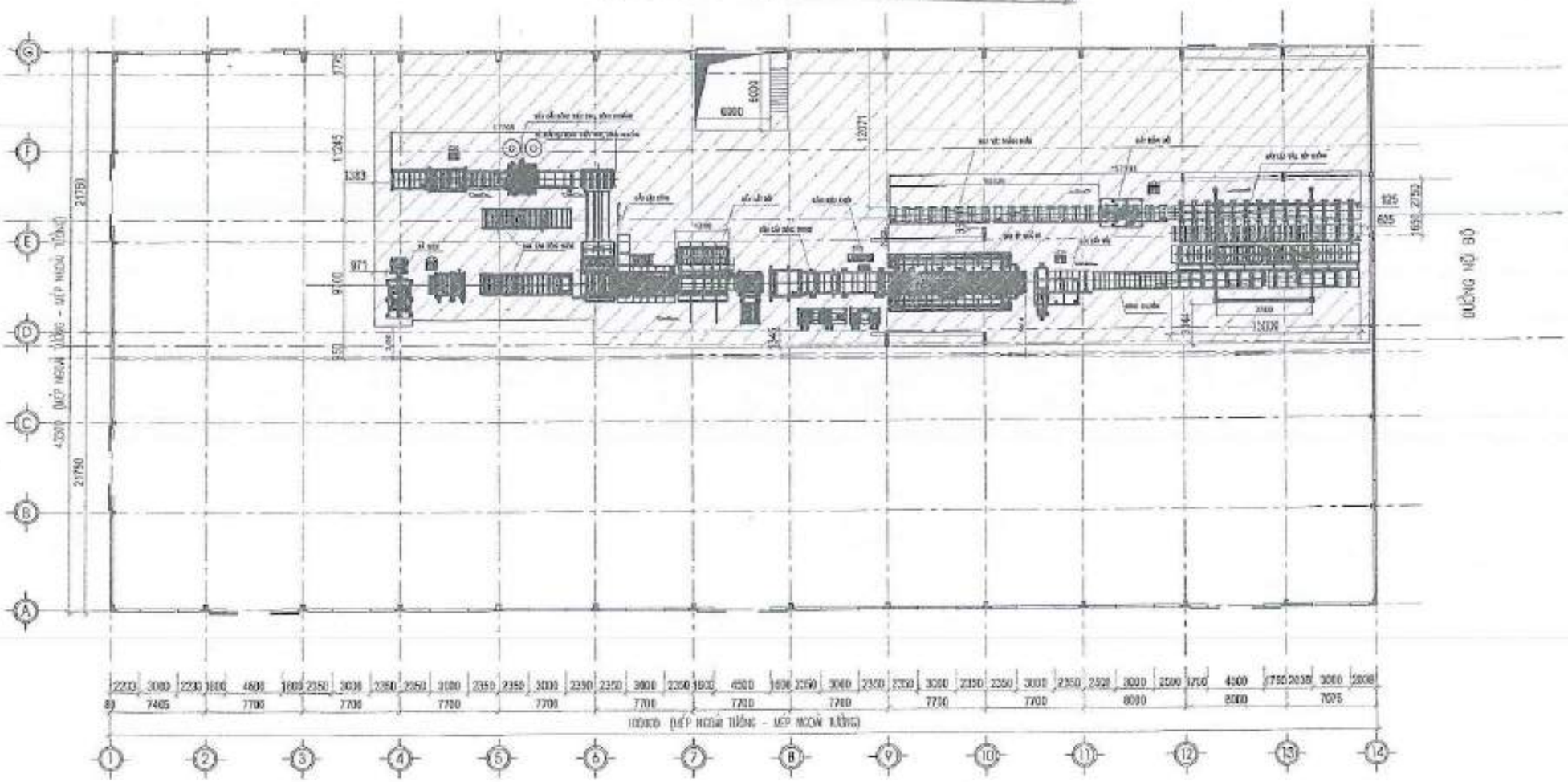

BỐ TRÍ MÁY TỰ ĐỘNG TẦNG 2

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG

ĐỊA CHỈ - ADDRESS

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNER

NGUYỄN VĂN LINH

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BỐ TRÍ THIẾT BỊ XƯỞNG PANEL

NGÀY THIẾT KẾ	
NGÀY CHỈNH SỬA	../../...
TỶ LỆ - SCALE	SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO
1/1	AV1
GIAI ĐOẠN - PHASE	
AV	
NGÀY GIAO - DATE	

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

Hung Tien Viet Mechanic Thermal Electricity Co., Ltd

BẢN VẼ HOÀN CÔNG CHẾ TẠO LÒ 15 TẤN SỐ 1

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

ĐỊA CHỈ LẮP ĐẶT: LÔ CN1, KCN TRÀNG DUỆ, X.LÊ LỢI, H.AN DƯƠNG, TP.HẢI PHÒNG

MÃ HIỆU: HTV-THH 15.000 Ts2018

Hưng Tiến Việt: 2018

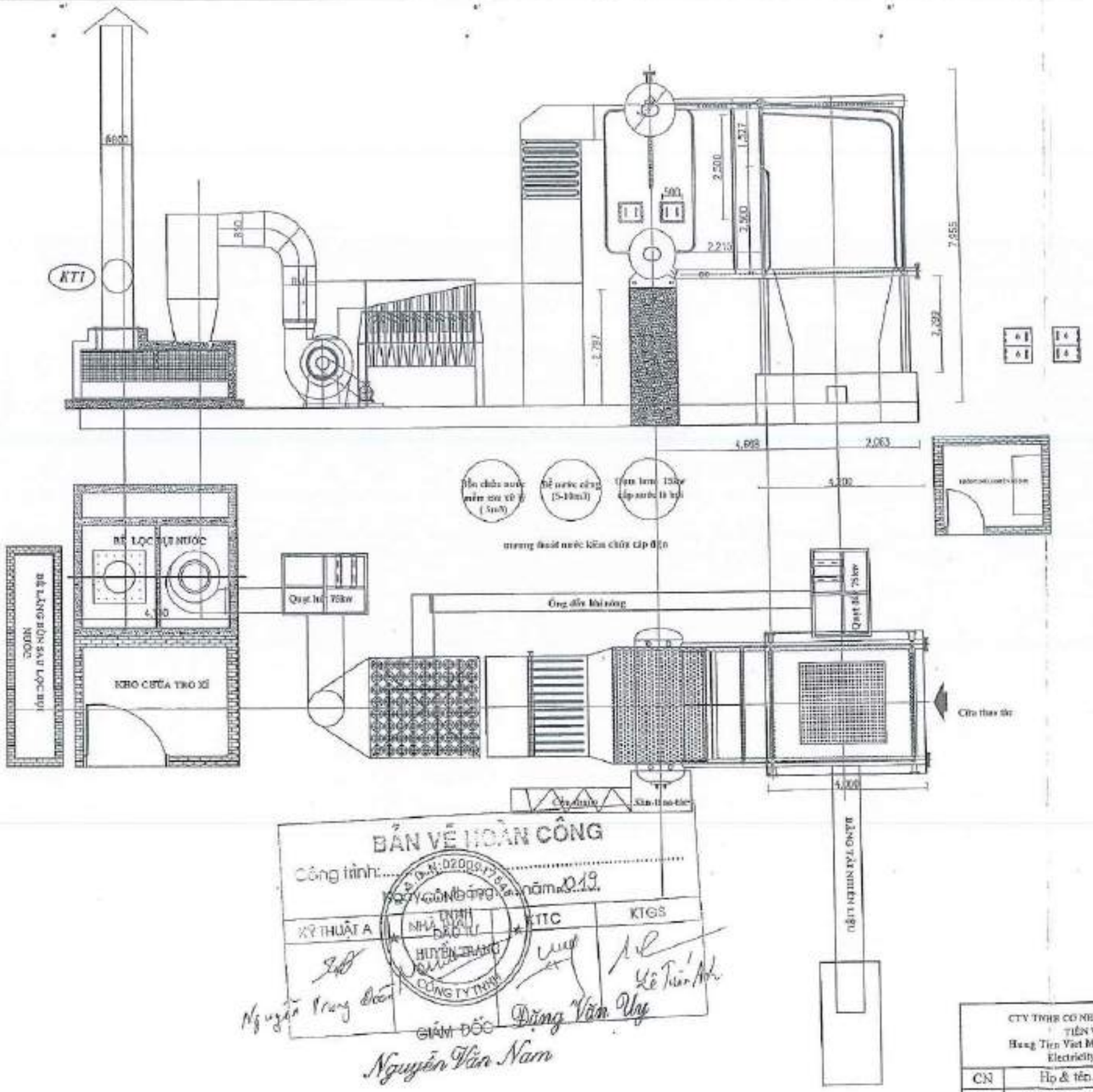

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Công trình:.....

Hoàng ... năm 2019

XÝ THUẬT A	KTTC	KTGS
Nguyễn Trung Đức	Lê Tiến Anh	

GIÁM ĐỐC Đặng Văn Uy

Nguyễn Văn Nam

CTY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT Hung Tien Viet Mechanic Thermal Electricity Co., Ltd				CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
CN	Họ & tên.	Ký tên.	Ngày	MẶT CHIẾU BỐ TRÍ THIẾT BỊ NỒI 15 TẤN HTV - THH 15.000NTx2018
T.kế	Phạm Thanh Hóa		01/2018	
Vẽ	Lê Quang Thành			
K.tra	Phạm Thanh Hóa			
G.đốc.	Phạm Thanh Hóa	Tỷ lệ: 1/100		HTV-THH 15.000NTx2018

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu)	(Chức vụ, ký, đóng dấu)	(Chức vụ, ký, đóng dấu)
	HƯNG TIẾN VIỆT	
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC	
Phạm Thanh Kha	Phạm Thanh Kha	

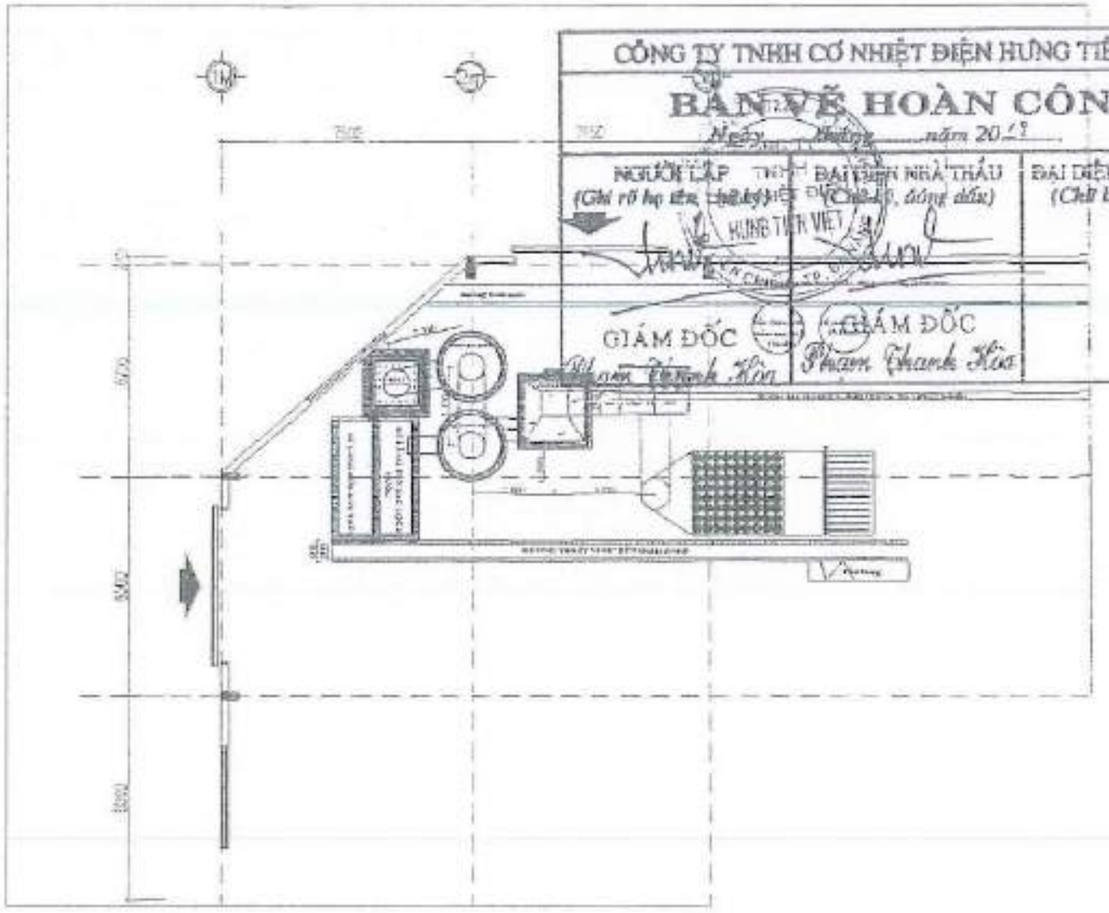

HỒ SƠ THIẾT KẾ		ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH KHA	THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH KHA	TỶ LỆ	MẶT BẰNG HỆ ĐẤT BÙA

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 20..

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký)	(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký)	(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký)

GIÁM ĐỐC

Phạm Thanh Hà

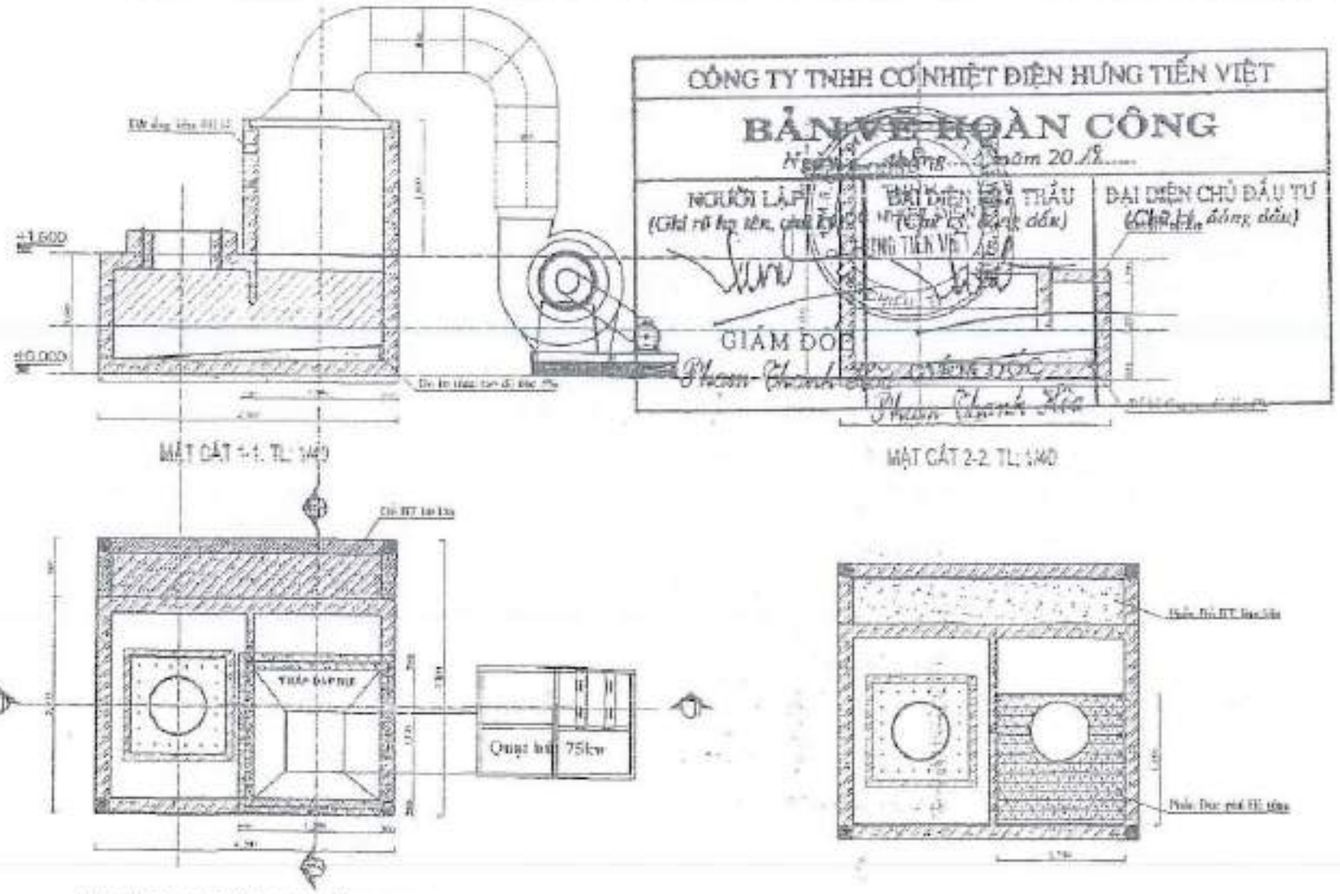

MẶT CẮT 1-1. TL: 1/40

MẶT CẮT 2-2. TL: 1/40

MẶT CẮT NGANG BỂ THU BỤI ƯỚT TL: 1/40

HỒ SƠ THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT	CÔNG TY TNHH TÀI HUY HOÀNG					CHI TIẾT CẤU TẠO BỂ DẬP BỤI	

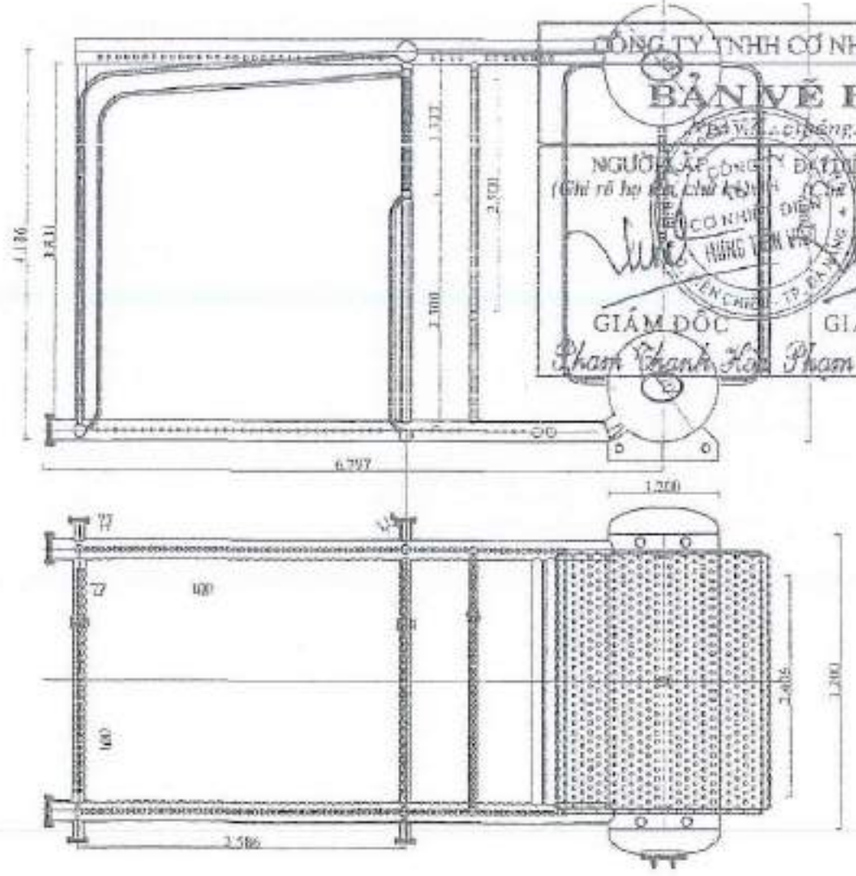

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Bắt đầu thi công: ..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU (Chữ ký, đóng dấu)	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ (Chữ ký, đóng dấu)
	CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT	
	GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
	Phạm Thanh Hải	Phạm Thanh Hải

HỒ SƠ THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG					CHI TIẾT CHẾ TẠO HỆ SINH HƠI	
				KS. PHẠM THANH HẢI	KS. PHẠM THANH HẢI	KS. PHẠM THANH HẢI	KS. ĐẶNG ĐỨC		

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 27 tháng ..... năm 2021

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Chữ ký, đóng dấu)	(Chữ ký, đóng dấu)	(Chữ ký, đóng dấu)
	GIÁM ĐỐC	
	Phạm Thanh Hòa	

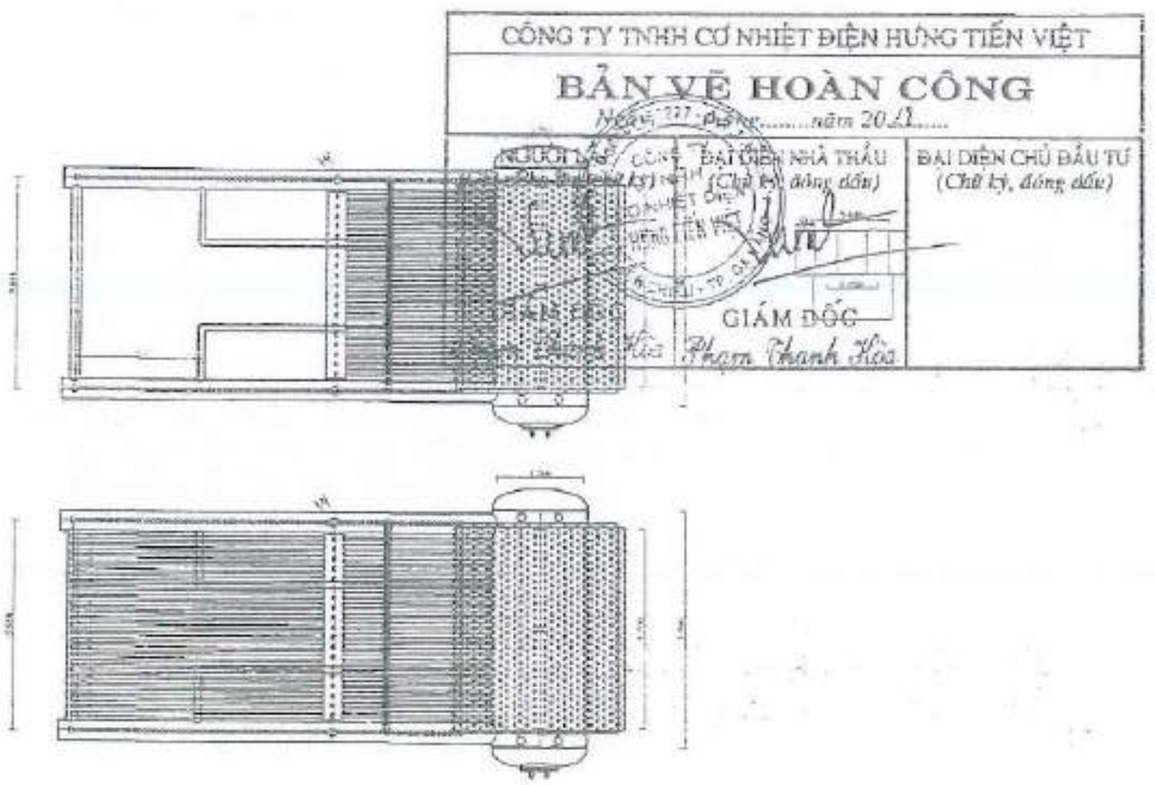

HỒ SƠ THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT						CHI TIẾT VÁCH NGĂN BUỒNG ĐỐT	
				KS. PHẠM THANH HÒA	KS. PHẠM THANH HÒA	KS. PHẠM THANH HÒA			

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ghi rõ họ tên, chữ ký)	(Chữ ký, đóng dấu)	(Chữ ký, đóng dấu)
	GIÁM ĐỐC Phạm Thanh Hòa	GIÁM ĐỐC Phạm Thanh Hòa

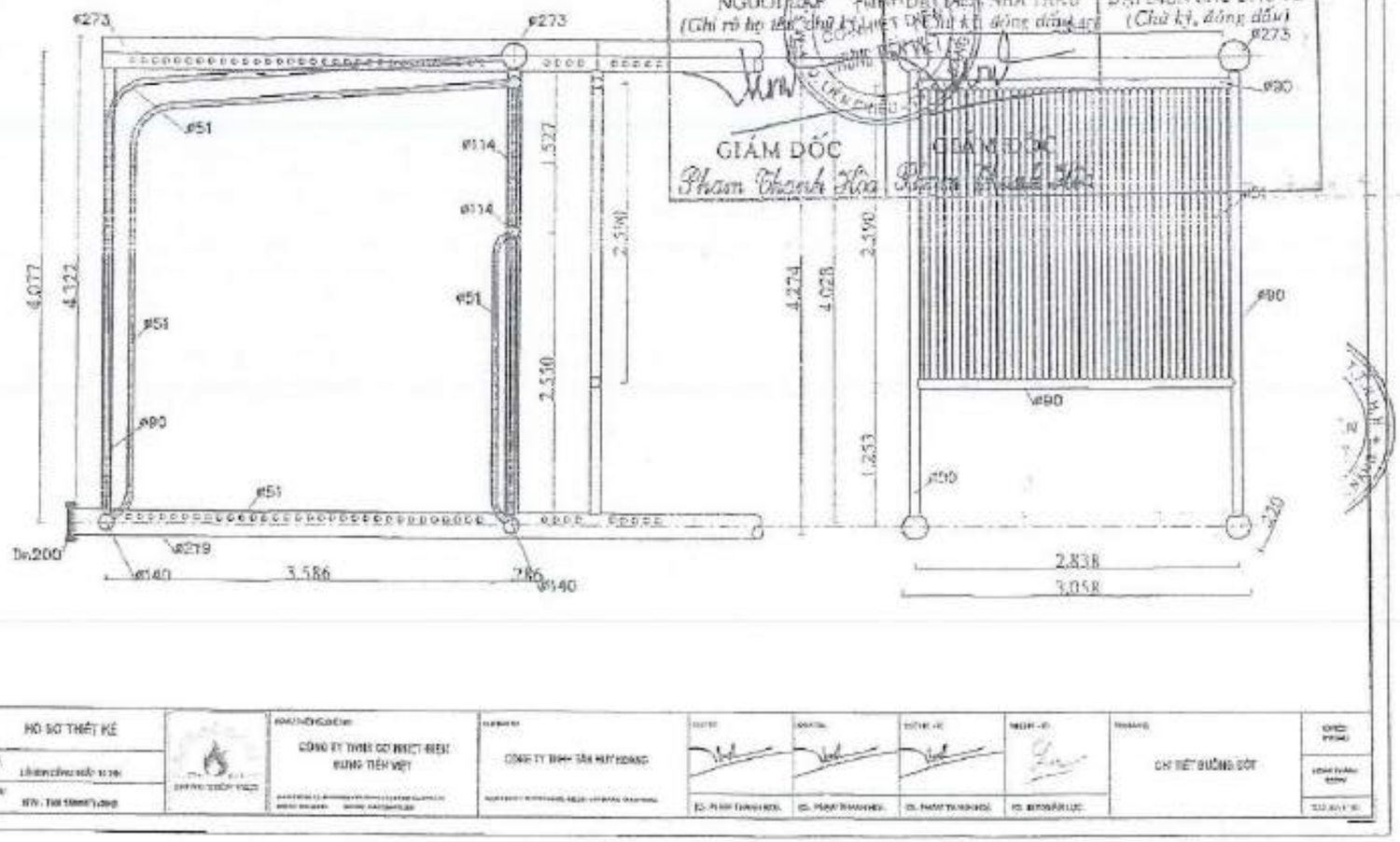

HỒ SƠ THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT	CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG					CHI TIẾT BUỒNG SỐT	

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 2021

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu)	(Chữ ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thanh Hòa	Phạm Thanh Hòa

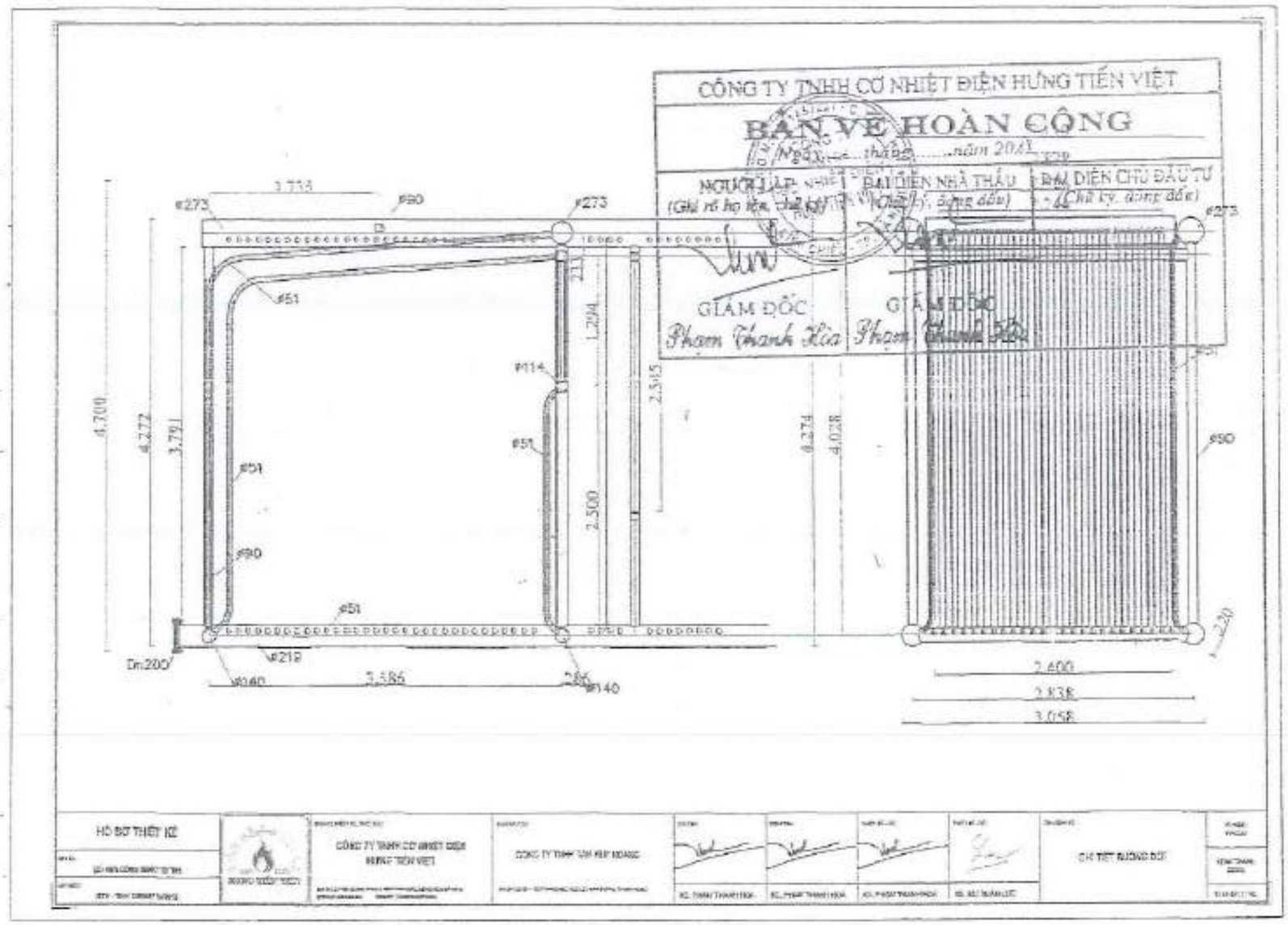

HỒ SƠ THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG					CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG	

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Hưng Yên, ngày 20 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THẨM TRA	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Chữ ký, họ tên, chức vụ)	(Chữ ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)	(Chữ ký, đóng dấu)
		GIÁM ĐỐC Phạm Thanh Hòa

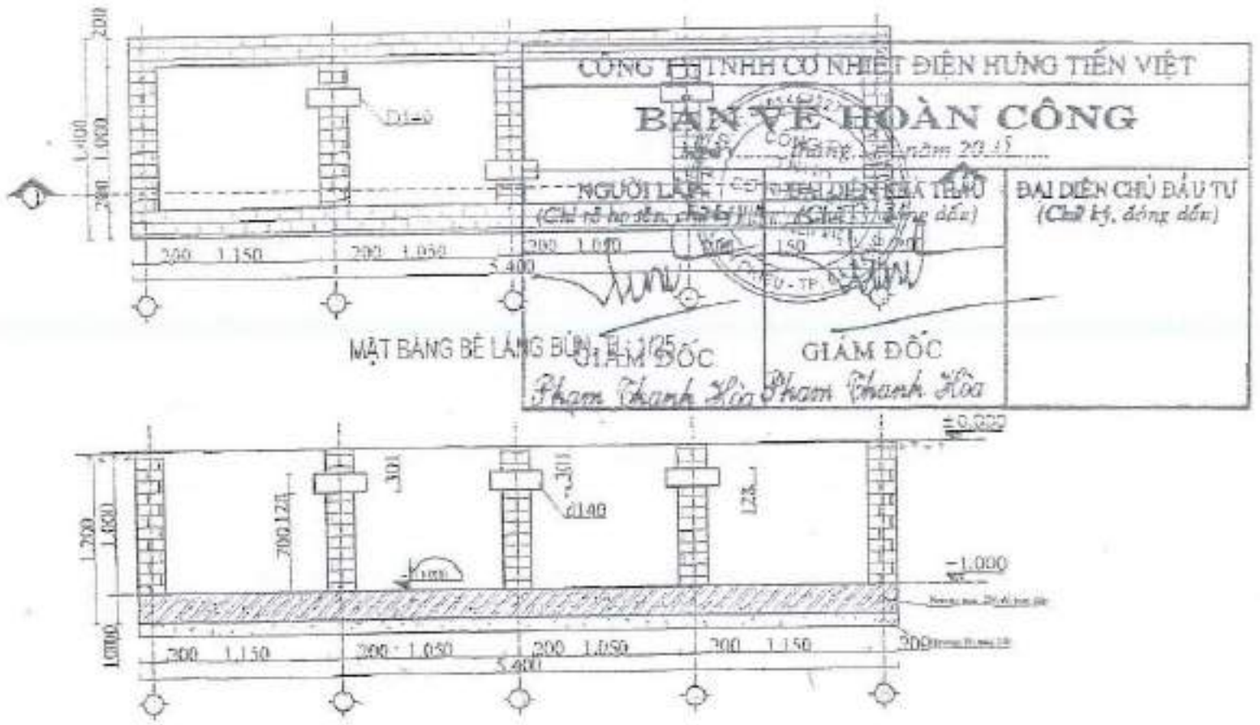

MẶT CẮT 1-1. TL: 1/25

GHI CHÚ

- BỂ LẮNG BÙN XÂY GẠCH MĂNG ĐÁCH TRÉT VỮA XI MĂNG
- CÁC HOÀN THIỆN KHÁC THEO ĐÚNG QUY TRÌNH VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
- SỬ DỤNG VỮA XI MĂNG MÁC 150, ĐÁ DĂM 1x2 CHO BỂ LẮNG BÙN
- KHÁC VỚI CÁC YÊU CẦU TRÊN THEO THIẾT KẾ ĐÃ DUYỆT

R2 ĐÁY BỂ LẮNG

- LỚP HOÀN THIỆN
- LỚP CHỐNG THẤM
- LỚP BÊTÔNG ĐÁ 10x20, M250, DÀY 300
- LỚP BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 4x6, M75, DÀY 100
- ĐẤT TỰ NHIÊN

HỒ SƠ THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT	CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG					CHI TIẾT XÂY DỰNG BỂ LẮNG BÙN	

CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGƯỜI LẬP

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Hòa

GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Hòa

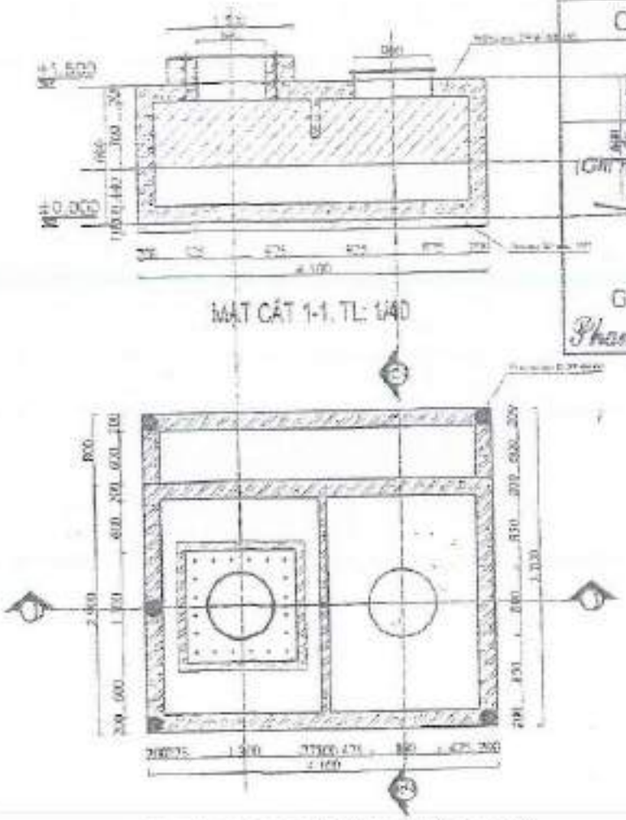

MẶT CẮT 1-1, TL: 1/40

MẶT CẮT 2-2, TL: 1/40

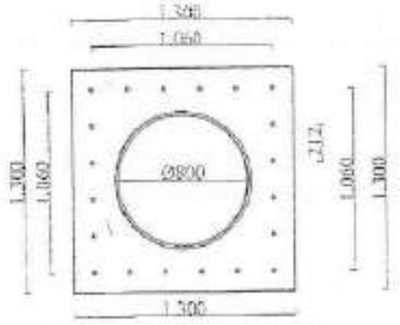

CHI TIẾT TẤM ĐỆM ĐẶT DƯỚI LƯỚI THÉP VỈ BÊ TÔNG
TL: 1/20 (TÍNH & CUNG CẤP BỞI THIẾT BỊ)

MẶT CẮT NGANG BỂ THU BỤI ƯỚT TL: 1/40

HỒ SƠ THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN HƯNG TIẾN VIỆT	CÔNG TY TNHH TÂN KỶ HOÀNG				CHI TIẾT BỂ THU BỤI ƯỚT	

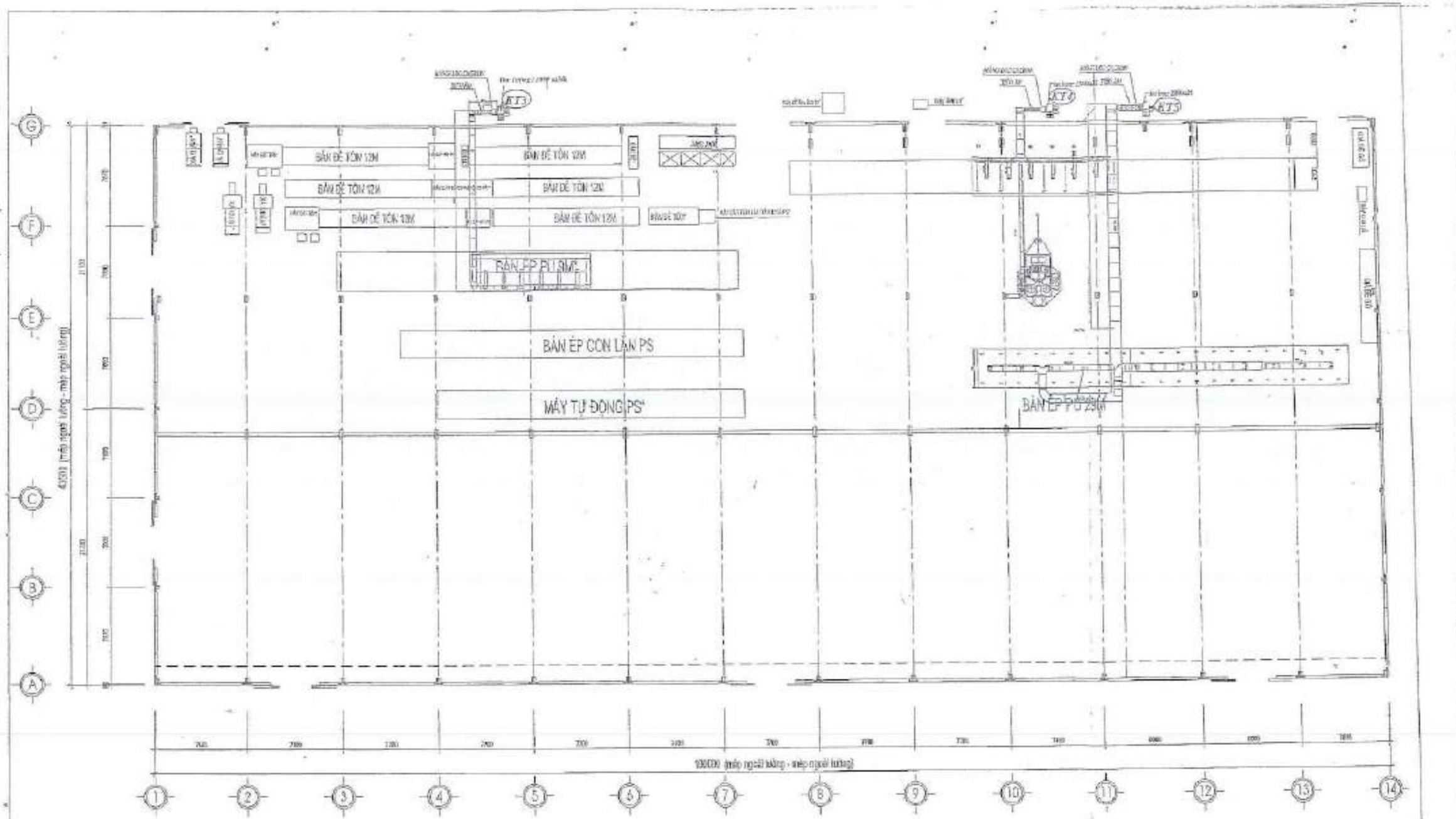

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG ĐỊA CHỈ: CỤM CN-TTCN THÀNH ĐỨC-MK DƯƠNG-BP		HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI XƯỞNG SẢN XUẤT PANEL	VẬT LIỆU: SUS304 SỐ LƯỢNG: 01
CHỦ ĐẦU TƯ:	NGUYỄN TRUNG KHẢN	ĐỊA ĐIỂM:	NGÀY HOÀN THÀNH: 30/03/2020
NGƯỜI THI CÔNG:		BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI XƯỞNG SẢN XUẤT PANEL	SỐ BẢN VẼ: 2001/KHT

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 20...

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Trần Trọng Tuấn

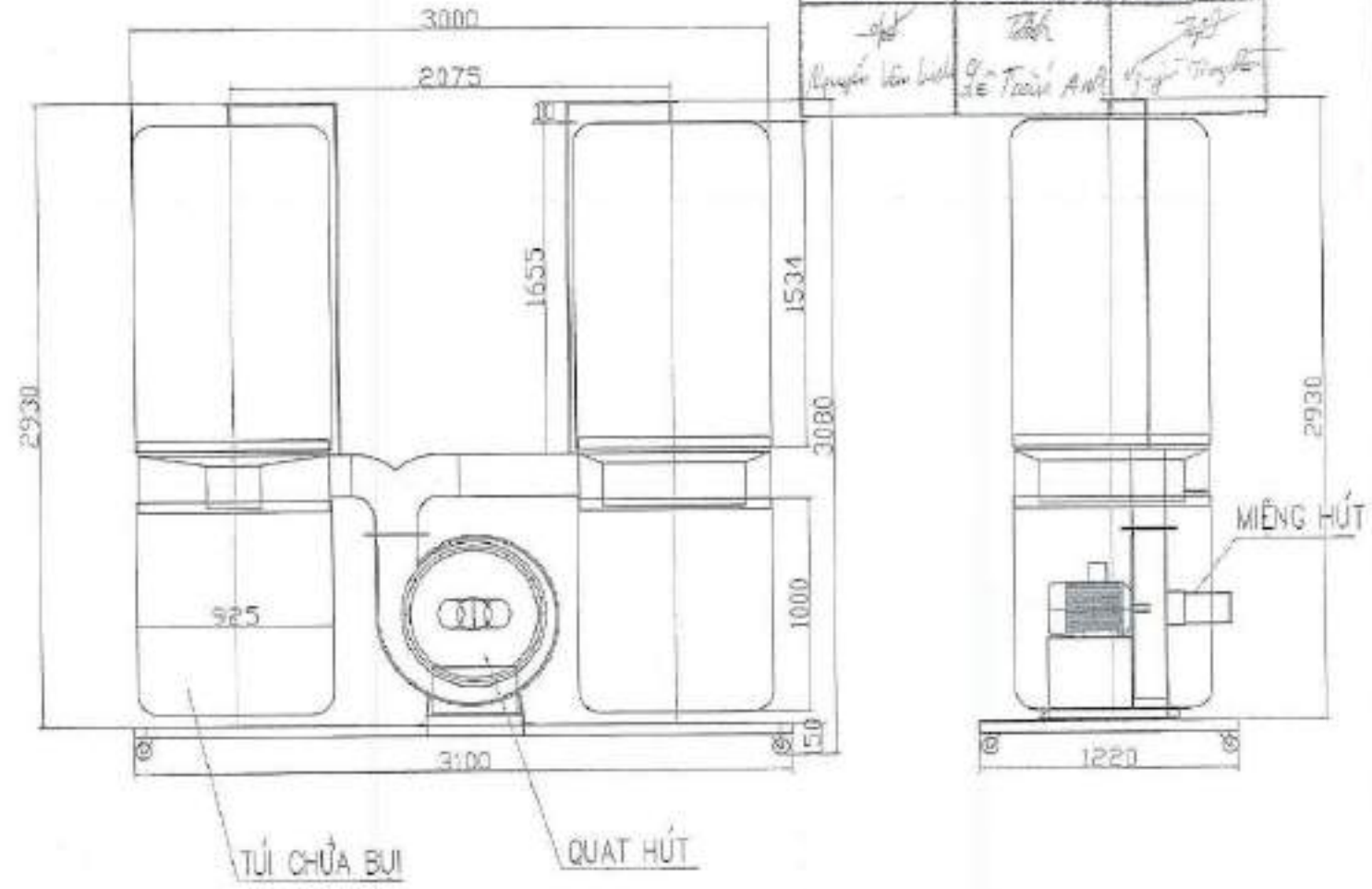

TÂN HUY HOÀNG

THIẾT BỊ THU BỤI SỐ 1

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát thi công
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	

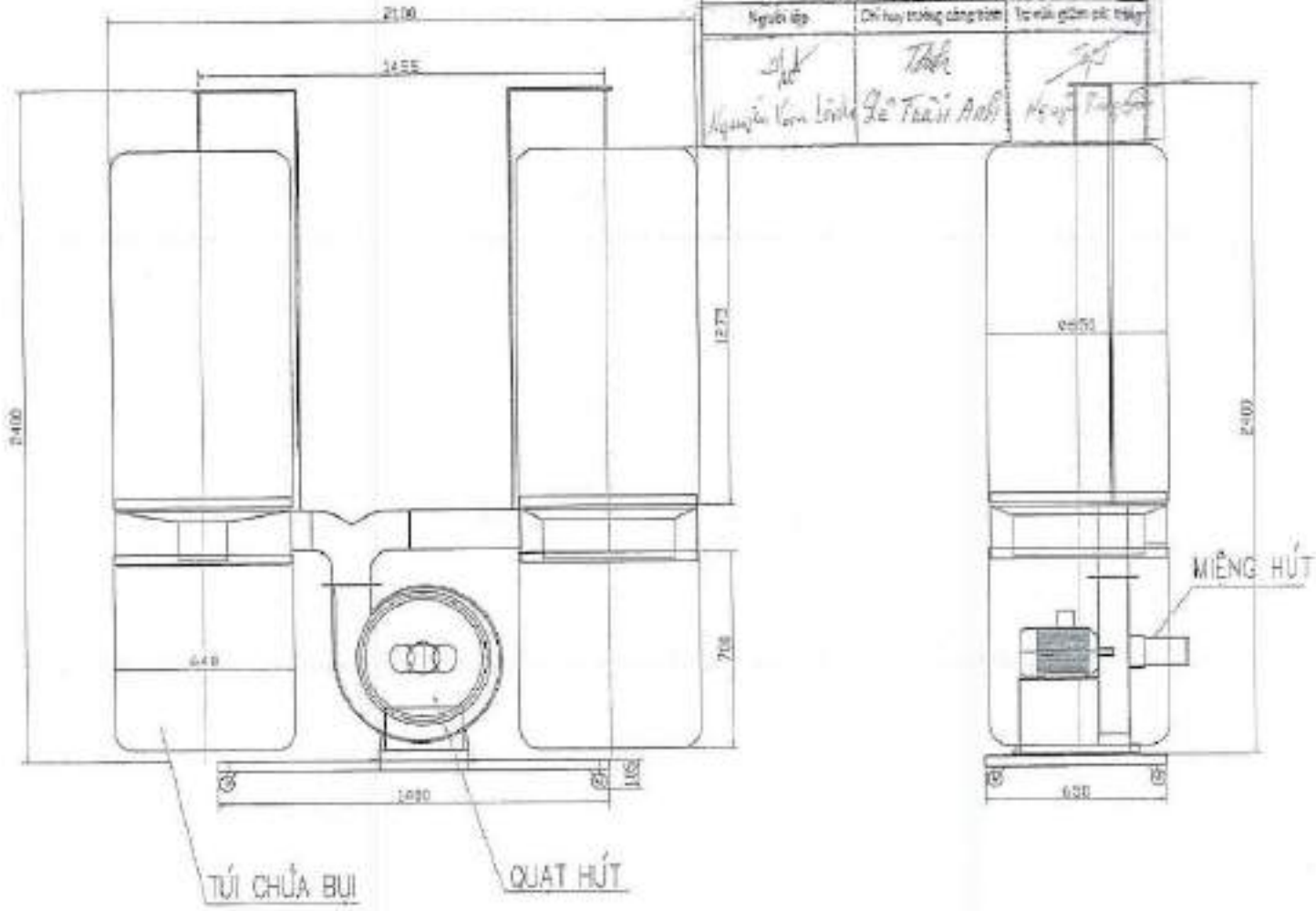

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

THIẾT BỊ THU BỤI SỐ 1

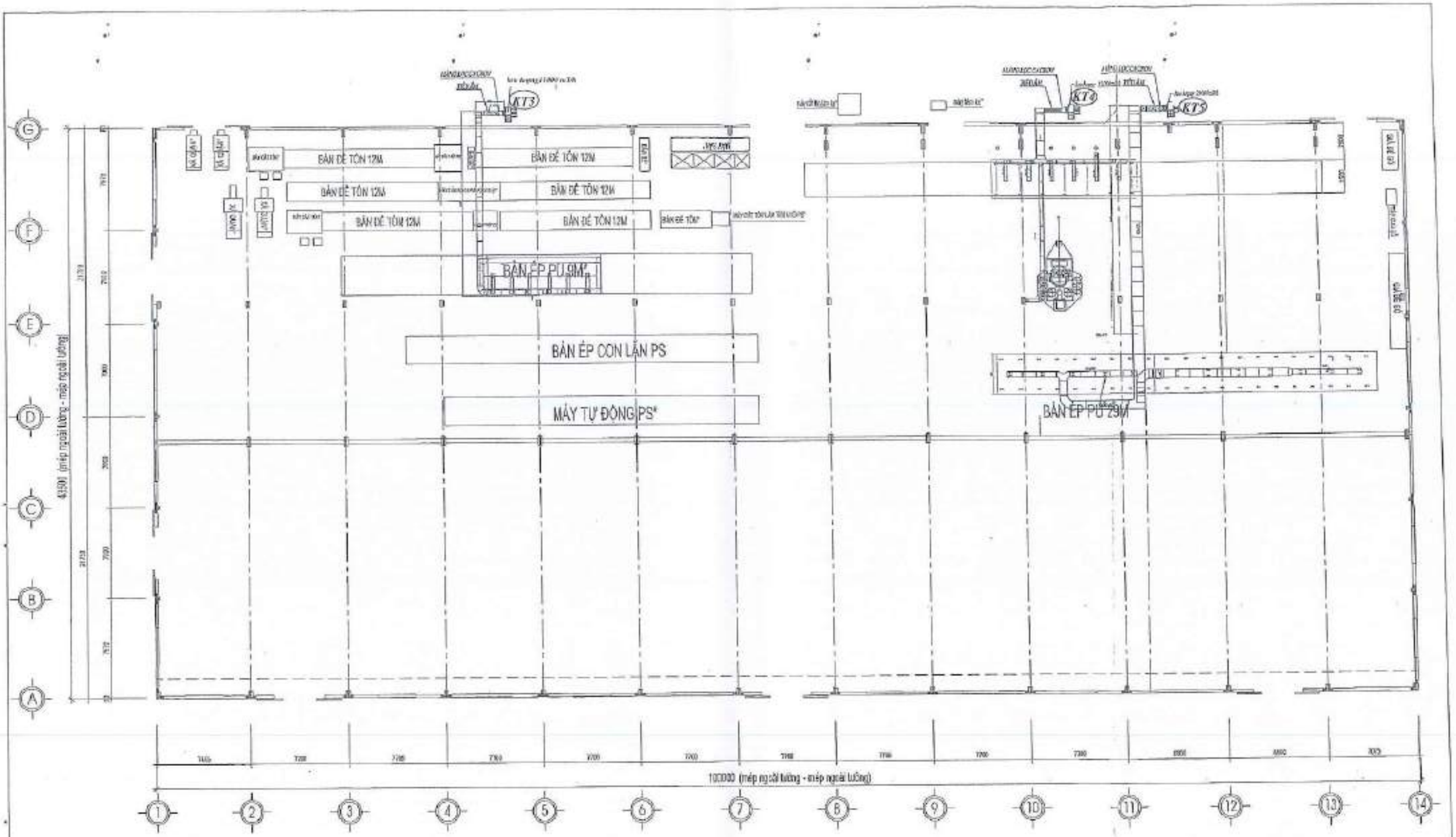

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG ĐỊA CHỈ: CỤM CN-TTCN THẮNG BUỆ-AN BƯỜNG-SP			HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI XƯỞNG SẢN XUẤT PANEL	VẬT LIỆU: SUS304 SỐ LƯỢNG : 01
GIÁM SÁT THI CÔNG	NGUYỄN TRUNG ĐOÀN		TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI XƯỞNG SẢN XUẤT PANEL	NGÀY HOÀN THÀNH 30/07/2020
NGƯỜI THI CÔNG	NGUYỄN VĂN HUẤN			SỐ BẢN VẼ: 2014/01

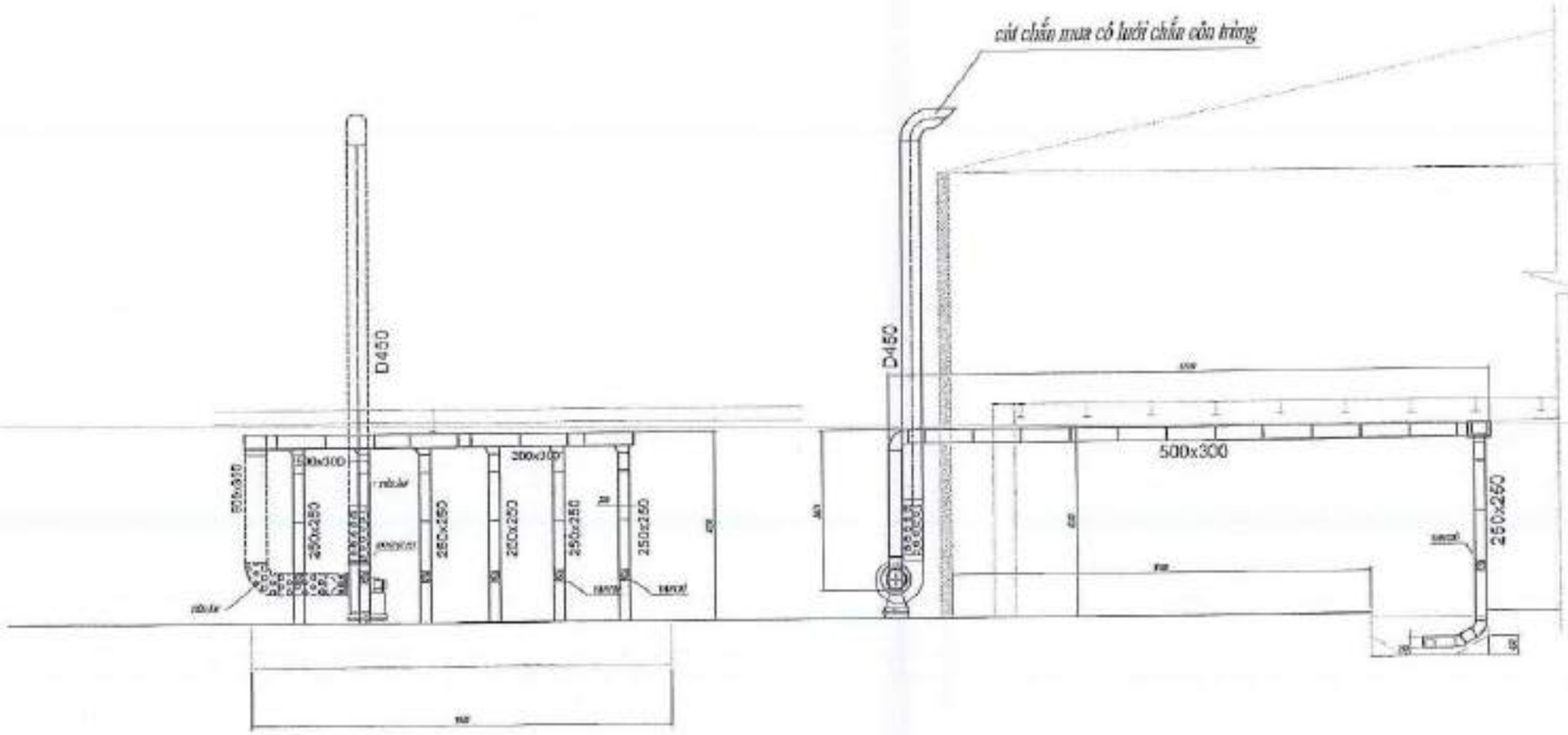

GHI CHÚ - NOTE

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER :

CÔNG TY TNHH
TÂN HUY HOÀNG

ĐIỆN THOẠI - TEL:
FAX:
EMAIL:

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ ĐIỀU HOÀ
SAO VIỆT

ĐỊA CHỈ: SỐ 258 ĐÀ NẴNG - CẦU TRE
NGÔ QUYỀN - HẢI PHÒNG
ĐIỆN THOẠI - TEL: (84-031) 3525619
FAX: (84-031) 3525618
EMAIL: DIEUHOASAOVIET@GMAIL.COM

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

HỆ THỐNG HÚT KHÍ THẢI
NHÀ MÁY

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION

KHU CN THĂNG LONG - HẢI PHÒNG

LẦN SỬA	NGÀY	NỘI DUNG

BẢN VẼ
HỆ THỐNG THÔNG GIÓ
KHU BÀN ÉP 9M

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR	PHẠM QUANG VIỆT
CHỦ TRÌ THI CÔNG - P. MANAGER	NGUYỄN TIẾN ĐẠT
VẼ	NGUYỄN DUY TÙ
TỶ LỆ - SCALE	1/1
NGÀY - DATE	09/2017
BẢN VẼ THAY THẾ SỐ	01

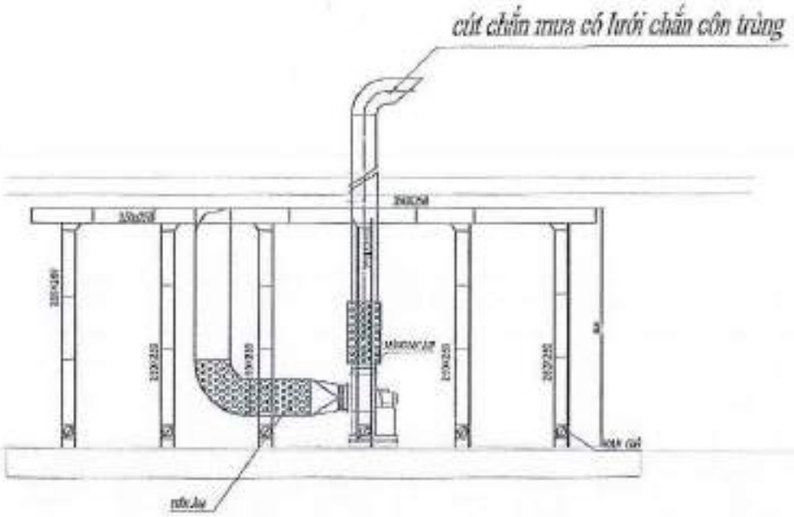

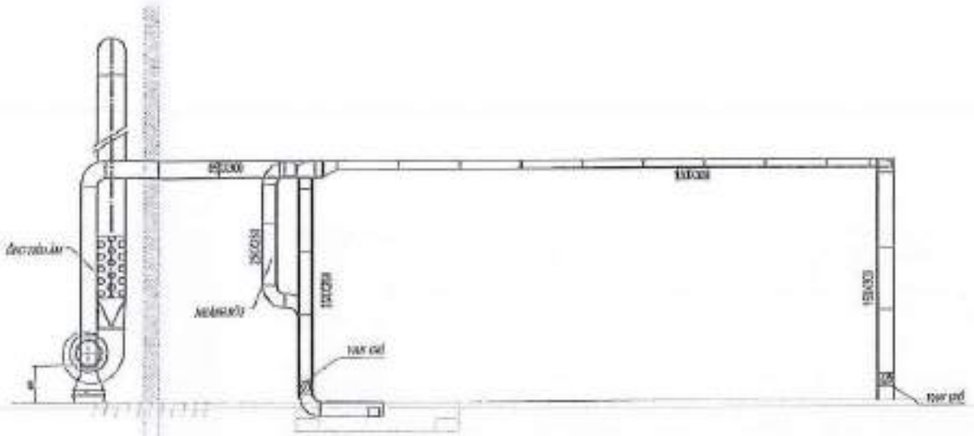

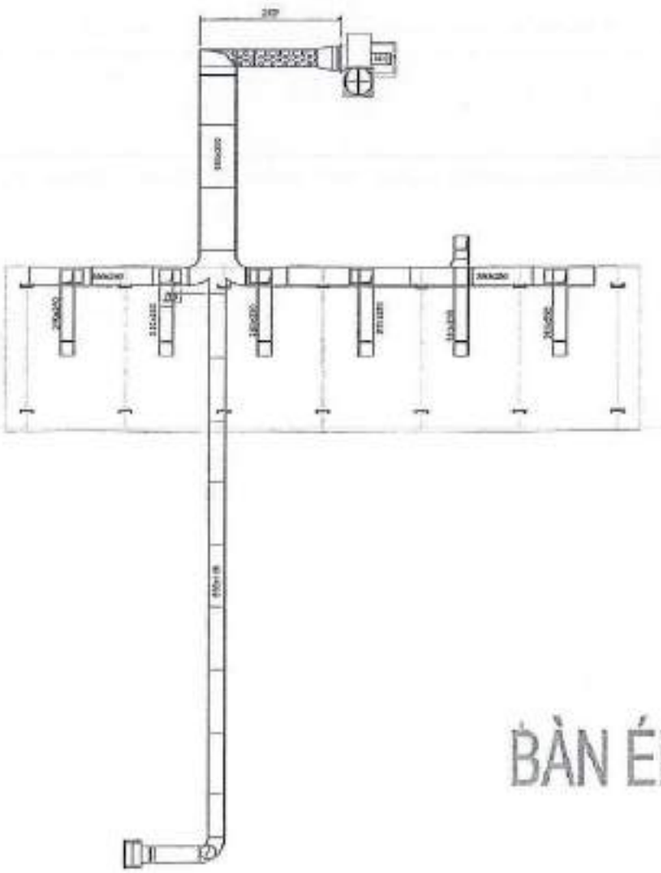

MÀNG LỌC BỤI

BẢN ÉP PU 12M*

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Ngô Trung Đức

GHI CHÚ - NOTE

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:

CÔNG TY TNHH
TÂN HUY HOÀNG

ĐIỆN THOẠI - TEL:

FAX:

EMAIL:

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ ĐIỀU HOÀ
SAO VIỆT

ADD: 262M ĐÀ NẴNG - CẦU TRE
NGÔ QUYỀN - HẢI PHÒNG

ĐIỆN THOẠI - TEL: (84-031)3555619

FAX: (84-031)3555618

EMAIL: DIEUHOASAOVIET@GMAIL.COM

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE:

HỆ THỐNG HÚT KHÍ THẢI
NHÀ MÁY

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

KHU CN TRÀNG DUỆ - HẢI PHÒNG

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG	

BẢN VẼ:
HỆ THỐNG THÔNG GIÓ
KHU BÀN ÉP 12M

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	TRẦN QUANG VIỆT
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ P. MANAGER	NGUYỄN TIẾN ĐẠT
VẼ	NGUYỄN DUY TÚ
TỶ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	
BẢN VẼ DRAWING NO	

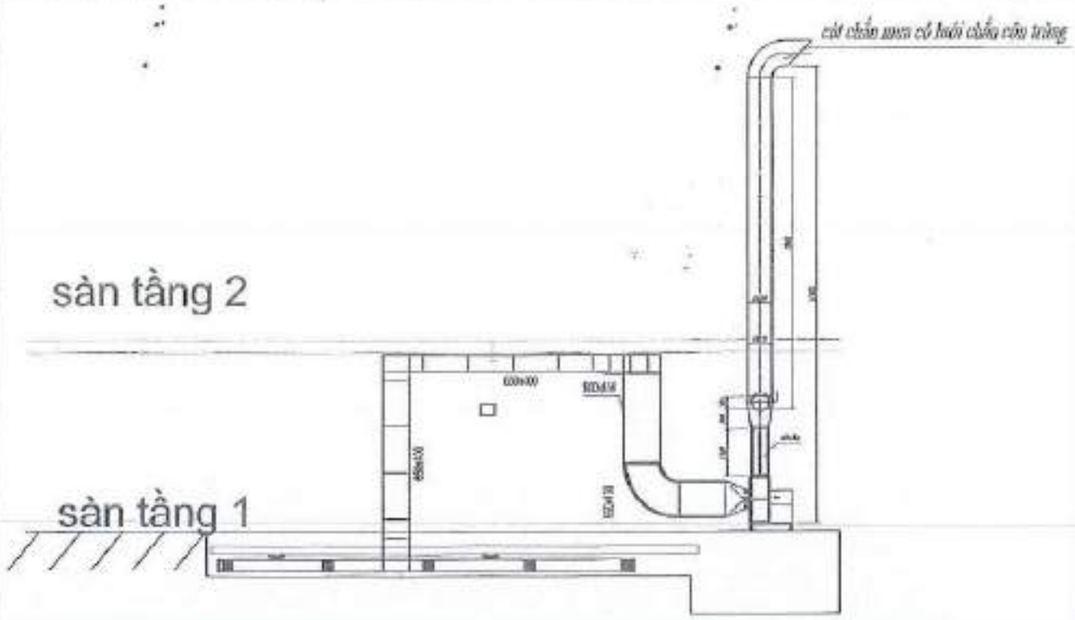

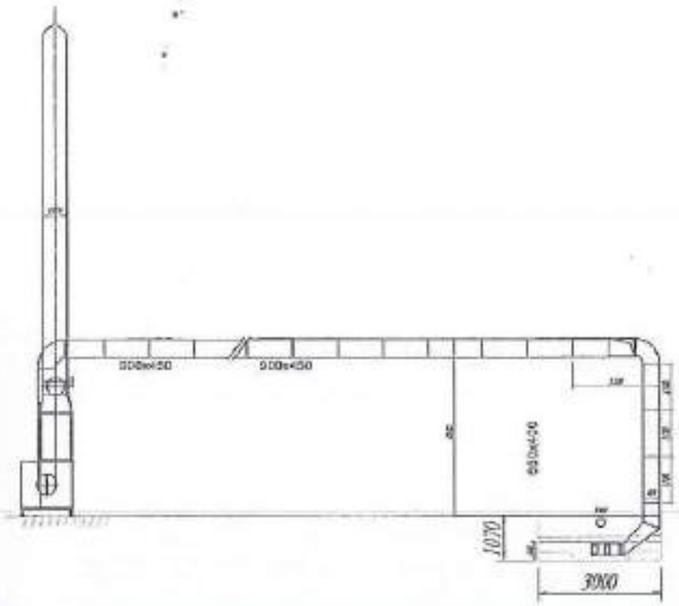

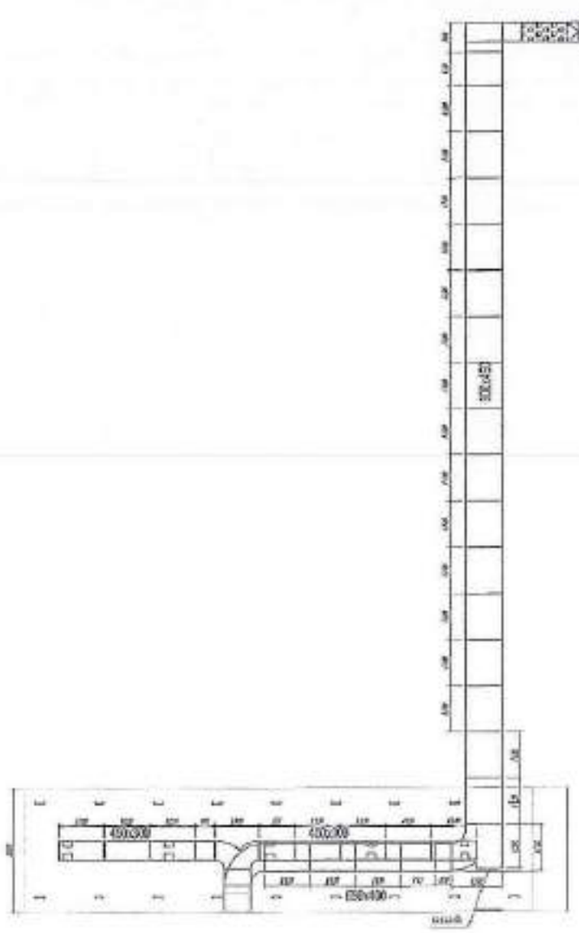

BẢN ÉP PU 12M* mani

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Lập	Lê Tuấn Anh	Nguyễn Trung Đức

GHI CHÚ - NOTE

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:

CÔNG TY TNHH
TÂN HUY HOÀNG

ĐIỆN THOẠI - TEL:
FAX:
EMAIL:

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ ĐIỀU HOÀ
SAO VIỆT

ADD: 58/238 ĐÀ NẴNG - CẦU THE
NGÔ QUYỀN - HẢI PHÒNG
ĐIỆN THOẠI - TEL: (84-031)3555615
FAX: (84-031)3555618
EMAIL: DIEUHOASAOVIET@GMAIL.COM

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

HỆ THỐNG HÚT KHÍ THẢI
NHÀ MÁY

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION

KHU CN TRÀNG DUỆ - HẢI PHÒNG

HIỆU CHỈNH - REVISION			
LẦN THỨ	NGÀY	NỘI DUNG	

BẢN VẼ
HỆ THỐNG THÔNG GIÓ
KHU BÀN ÉP 12 Manini

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR	PHẠM QUANG VIỆT
CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH - MANAGER	NGUYỄN TIẾN ĐẠT
VẼ	NGUYỄN DUY TÚ
TỶ LỆ - SCALE	1/1
NGÀY - DATE	05/2017
BẢN VẼ - DRAWING	01

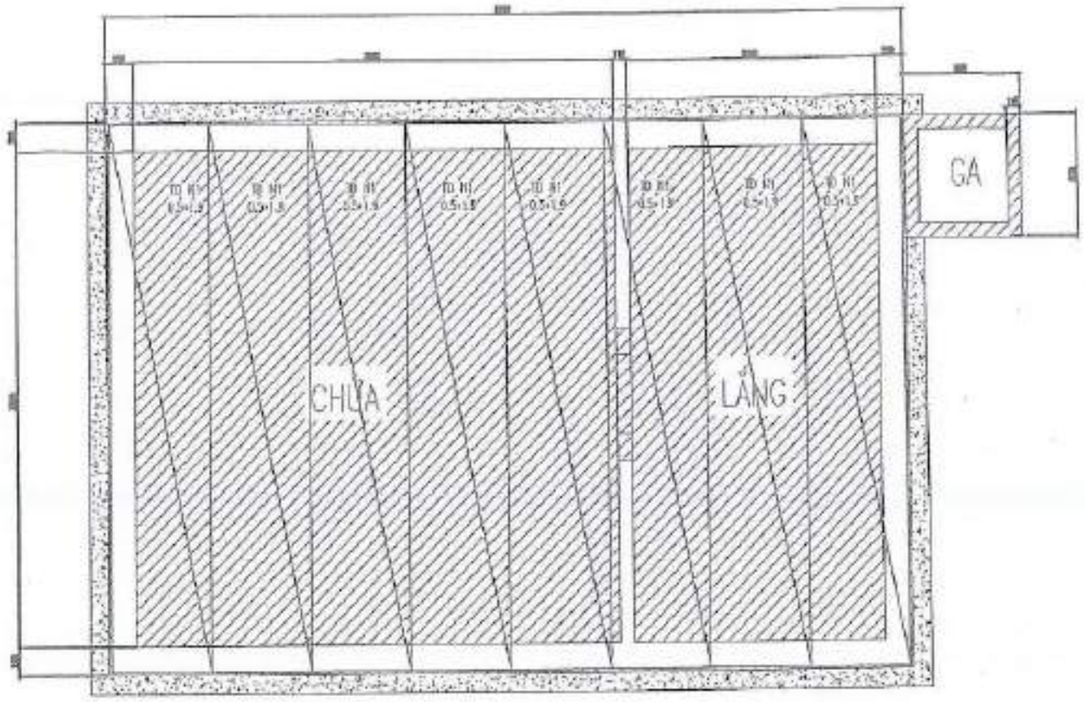

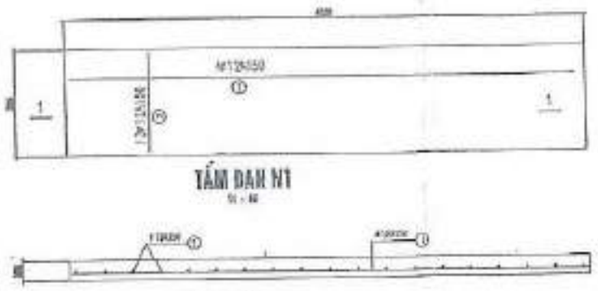

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (MM)	CHIỀU DÀI (MM)	SỐ LƯỢNG 1 CẤU KIỆN	SỐ LƯỢNG CẤU KIỆN	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
TẤM ĐAN	1	300	12	2000	11	1	33.000	29.337
	2	300	12	1900	10	1	34.200	30.303
	3	300	10	1500	4	2	15.000	13.890
		2000	14	3000	4	2	24.000	37.819
	4	170 300	8	900	28	2	50.840	22.428
ĐAI	1	850	12	1850	4	2	44.800	39.844
	2	450	12	430	12	2	30.888	27.546
TỔNG HỢP			Ø (MM)				SỐ LƯỢNG CẤU	KHỐI LƯỢNG (Kg)
			8					71.000
			10				72.7	132.890
			12					
			14					

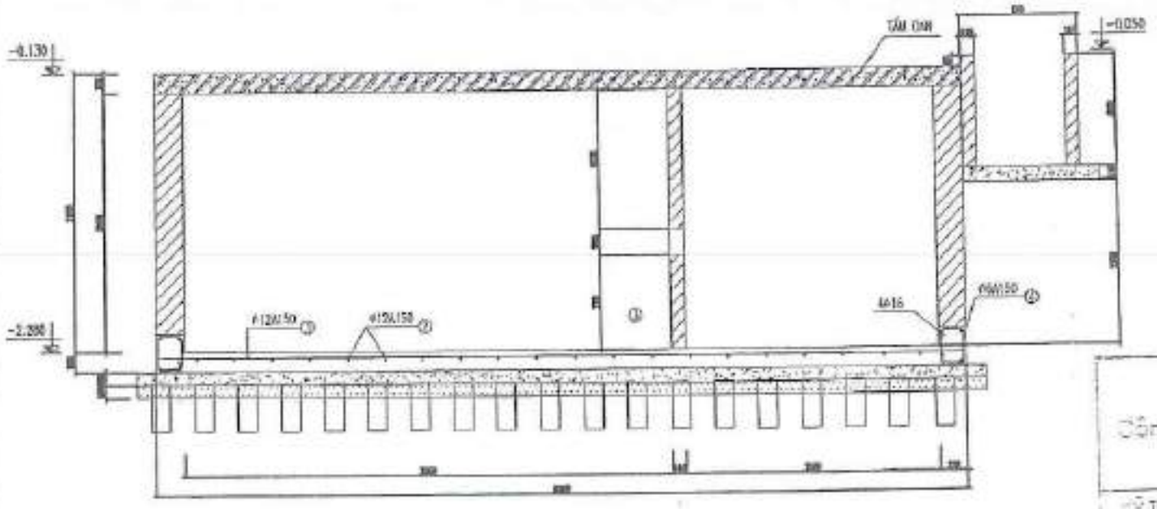

MẶT CẮT A-A

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Công trình:

Ngày 14 tháng 12 năm 2015

KỸ THUẬT A	NHÀ THẦU	KTTC	KTGS
Nguyễn Đình Đoàn	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIÁM ĐỐC		Lê Tuấn Anh

Nguyễn Văn Nam
Đặng Văn Uy

NGÀY	SỬA ĐỔI
A	-/-/-
B	-/-/-

CÔNG TY TNHH VÂN HUY HOÀNG
GIÁM ĐỐC
Đặng Văn Huy

deco
ARCHITECT & ENGINEERING

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ & ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Số 03 Kim Khí - Hoàng Văn Thụ - H.Bằng - HP
Email: deco.jsc@gmail.com - Website: www.deco.vn

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC, NHỰA XỐP VÀ CÁC TẤM CÁCH NHIỆT

VỊ TRÍ - LOCATION

LÔ CN1, KCN VẬT LIỆU XÂY DỰNG, XÃ LÊ LỢI, H.KIẾN THỤY, TP. HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

THS.KTS TRẦN TRỌNG TÂM

CHỦ TRÌ - PROJECT ARCHITECT

THS.KTS TRẦN TRỌNG TÂM

THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KTS MAI THANH

VẼ - CAD BY

KTS MAI THANH

KIỂM TRA KỸ THUẬT - CHECKED BY

KTS ĐOÀN THẾ HIẾU

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BỂ CHỨA VÀ BỂ NẮNG NHÀ WC CÔNG NHÂN

TỶ LỆ - SCALE	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO.
1:2 500	KC-02
TÊN FILE - PATH FILE	
NGÀY GIAO - ISSUE DATE	HS ĐỒ SỐ

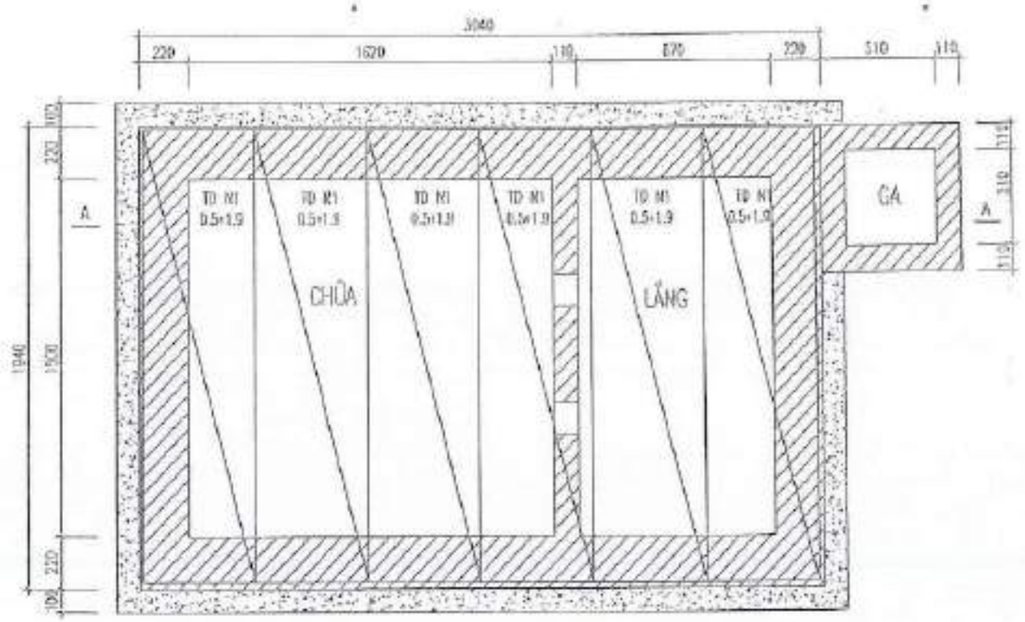

MẶT BẰNG BỂ PHỐT

GHI CHÚ:

- BỂ XÂY GẠCH ĐẶC VỮA MÁC 75#
- MỘT TRONG, MỘT TRÁT VỮA MÁC 75# DÀY 20 ĐÁNH MÀU
- GA CỐ ĐÁY BỂ BẰNG CỌC TRE DÀI 3M

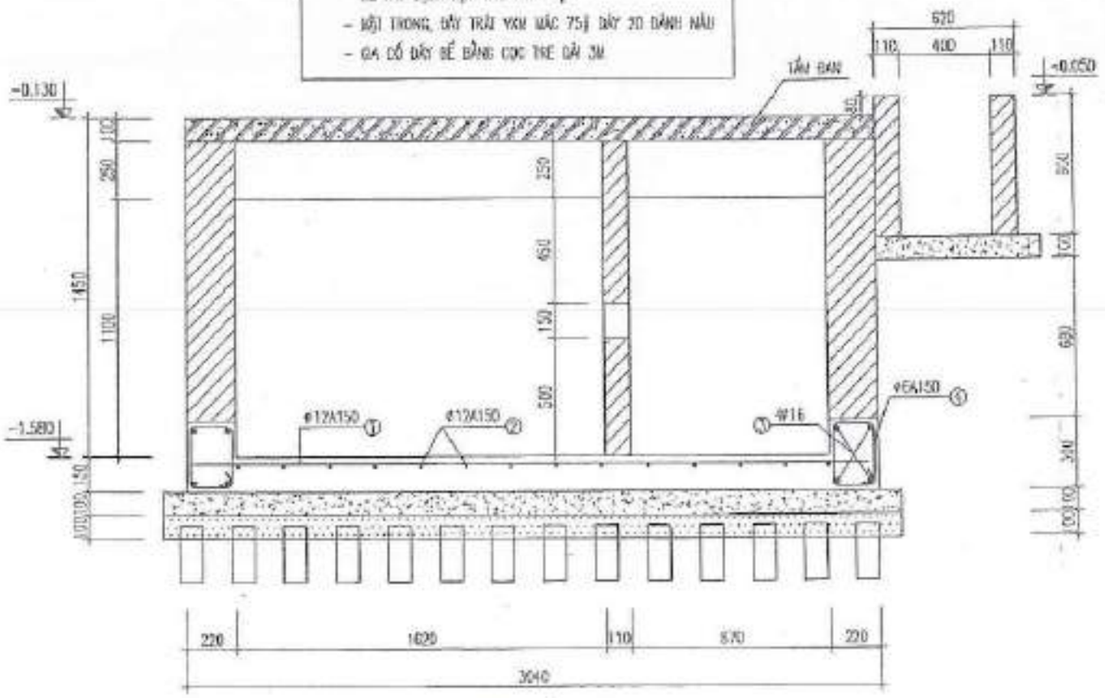

MẶT CẮT A-A

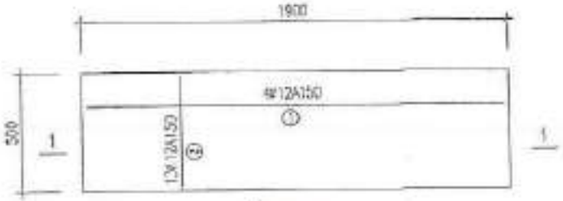

MẶT CẮT 1-1

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	S.LƯỢNG 1 C.K.	S.LƯỢNG C.K.	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (Kg)
ĐÁY BỂ	1	3000	12	3000	11	1	33.000	29.297
	2	1900	12	1900	18	1	34.200	30.363
	3	1900	16	1936	4	2	15.200	23.990
		3000	16	3000	4	2	24.000	37.879
	4	170 220	8	980	23	2	56.840	22.428
TD N1	1	1870	12	1870	4	6	44.880	39.844
	2	470	12	470	13	6	36.660	32.549
TỔNG HỢP		Ø (mm)					S.LƯỢNG CÂY	KHỐI LƯỢNG (Kg)
		8						22.428
		12					12.7	32.050

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Công trình...

Ngày 05 tháng 4 năm 2015

XÍ THUẬT A	NHÀ THẦU	KTTC	KTGS
Nguyễn Trọng Dần	GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Nam		Lê Tuấn Anh

Đặng Văn Uy

NGÀY	SỬA ĐỔI
A -/-/2020	
B -/-/2020	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HUY HOÀNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Huy Hoàng

deco
ARCHITECT & ENGINEERING

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ & ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Số 03 Đinh Khu - Hoàng Văn Thụ - Hồng - HP
Email: khoa.jo@gmail.com - Website: www.kdcc.vn

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC, NHỰA XỐP VÀ CÁC TẤM CÁCH NHIỆT

VỊ TRÍ - LOCATION

LÔ CN3, KCN BẮNG DANH, XÃ LÊ LỢI, H. AN DƯƠNG, TP. HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

THS.KTS TRẦN TRỌNG TÂM

CHỦ TRÌ - PROJECT ARCHITECT

THS.KTS TRẦN TRỌNG TÂM

THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KTS MAI THANH

VẼ - DRAWN BY

KTS MAI THANH

KIỂM TRA KỸ THUẬT - CHECKED BY

KTS ĐOÀN THẾ HIẾU

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MẶT BẰNG BỂ PHỐT NHÀ VĂN PHÒNG

TỶ LỆ - SCALE	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO.
1/100	KC-01
TRẠNG THÁI - PHASE	
THI TUYỂN	
NGÀY BÁO CÁO - ISSUE DATE	HS-TUYỂN
-/-/2020	

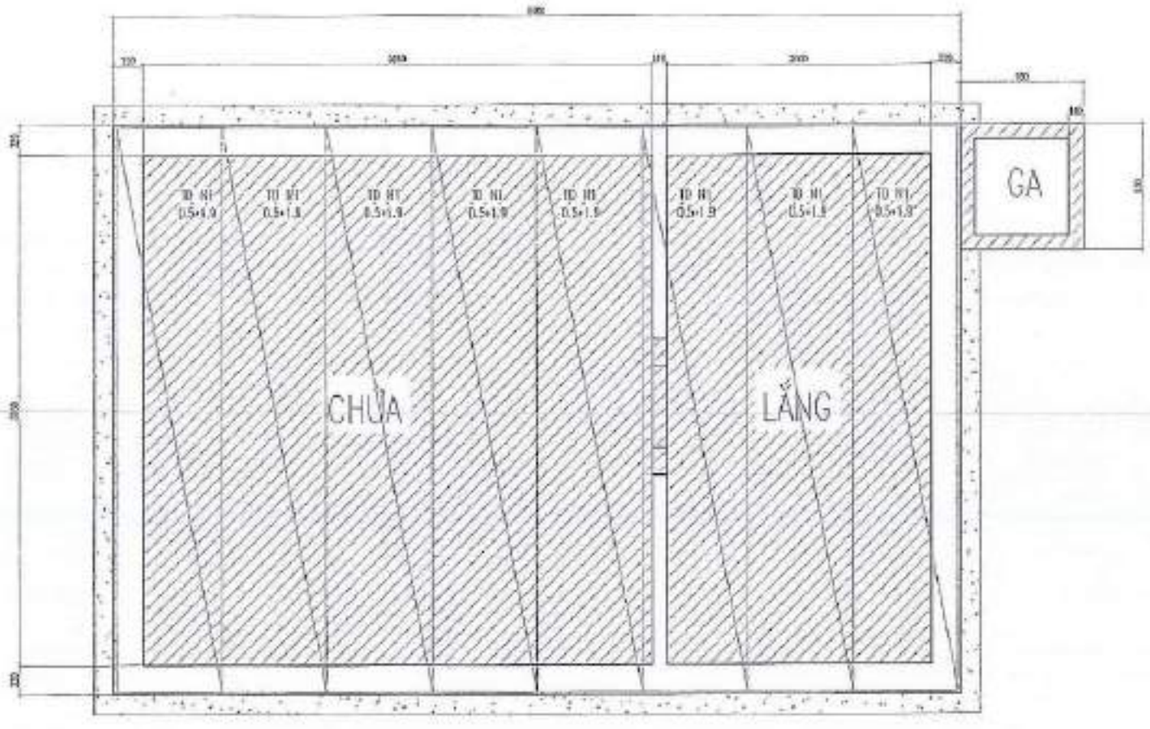

TẤM ĐAN M1

MẶT CẮT 1-1

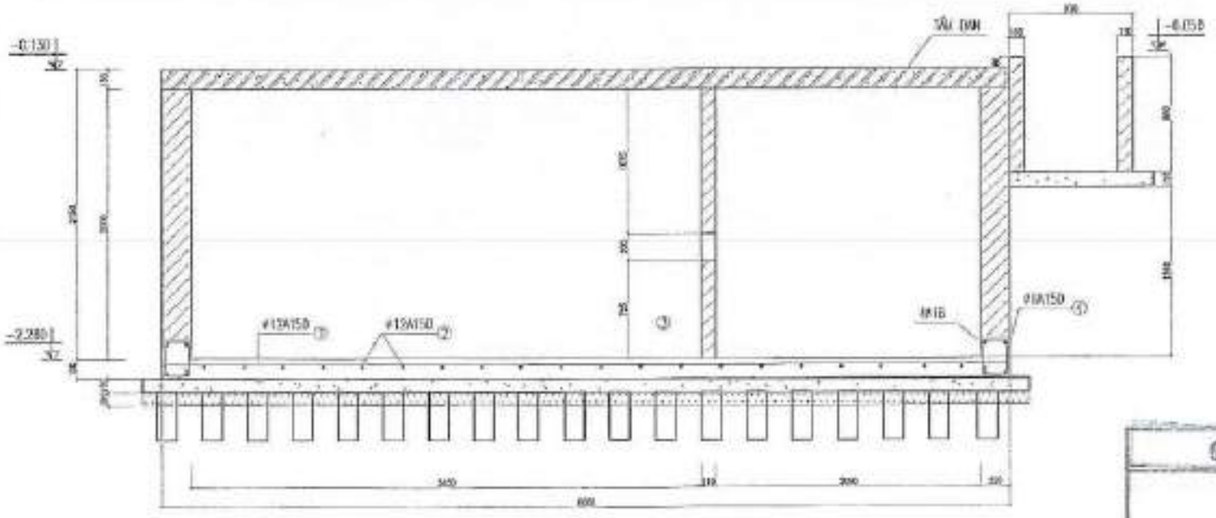

MẶT CẮT A-A

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	S.LƯỢNG/ 1 C.K	S.LƯỢNG C.K	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)
DẦY 200	1	3000	12	3000	11	1	33.000	29.297
	2	1900	12	1900	18	1	34.200	30.363
	3	1900	10	1900	4	2	15.200	23.592
		3000	10	3000	4	2	24.000	37.578
	4	75 170 200	8	980	28	2	56.840	22.438
ĐAN M1	1	1800	12	1800	4	6	44.880	39.844
	2	400	12	430	13	6	33.660	32.648
TỔNG HỢP			Ø (mm)				SỐ LƯỢNG CẤU KIỆN	KHỐI LƯỢNG (kg)
			8					22.438
			12				12.7	132.090

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Nguyễn Trọng Dũng

NGÀY:	SỬA ĐỔI
A —/—/2013	
B —/—/2013	

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

deco ARCHITECT & ENGINEERING

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ & ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

55-58A Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam

Email: deco.jsc@gmail.com - Website: www.deco.vn

DỰ ÁN CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ MÁY EPS TÂN HUY HOÀNG

HẠNG MỤC: THIẾT KẾ PHỤ TRỢ

VỊ TRÍ - LOCATION

QUỐC LỘ 10 KM 19+500 - HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

GIAMDOC

CHỦ TRÌ - MAIN ARCHITECT

CHUTRI

THIẾT KẾ - DESIGNER

THIETKE

VẼ - DRAW

VE

CHỈNH SỬA - CHECKED

CHUT

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

KẾ CHẮN VÀ KẾ LĂNG NHÀ WC XÂY MỚI

TỈ LỆ - SCALE	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO.
SCALE 1/100	KT-01
THÁNG 10/2013	
NGÀY CHỈNH SỬA CUỐI NGÀY/CHỈNH	HS-TK20

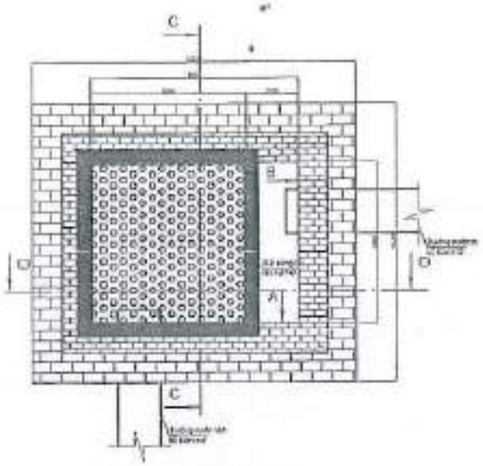

MẶT BẰNG BỂ TÁCH MỠ

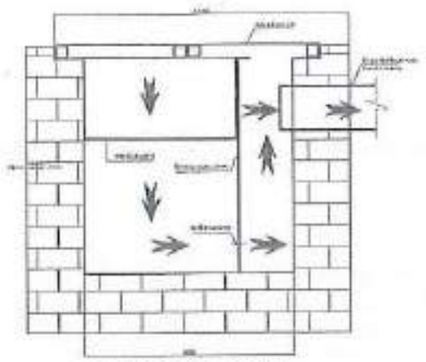

NGUYÊN LÝ BỂ TÁCH MỠ

- Nước thải sẽ theo đường ống nước vào bể . Màng lọc lỗ giữ lại các chất thải và váng mỡ nổi. Nước sẽ thoát qua 4 lỗ Ø110 của vách ngăn và đi đến đường ống Ø168 thoát về khu sử lý nước sinh hoạt

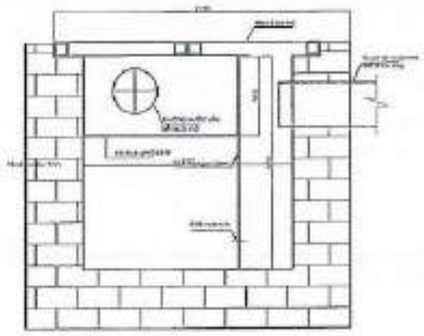

MẶT CẮT D-D

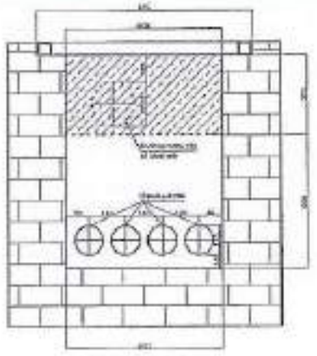

MẶT CẮT C-C

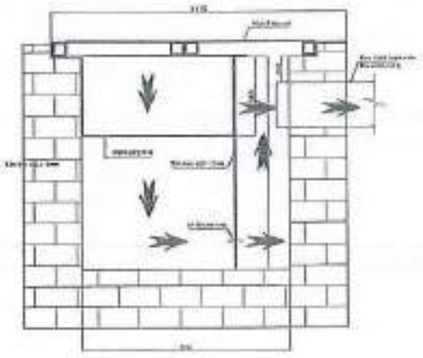

MẶT CẮT C-C

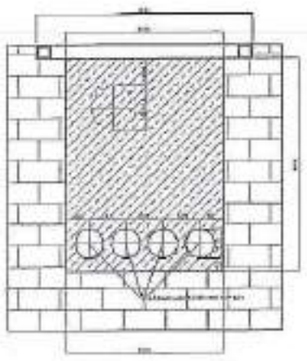

TẤM INOX NGĂN GIỮA

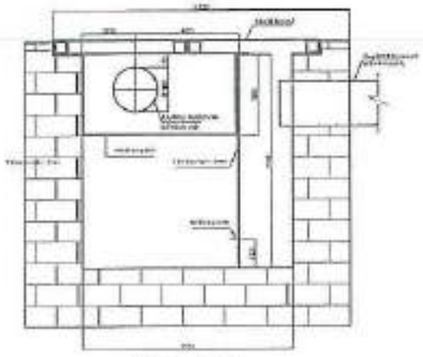

NHÌN THEO A

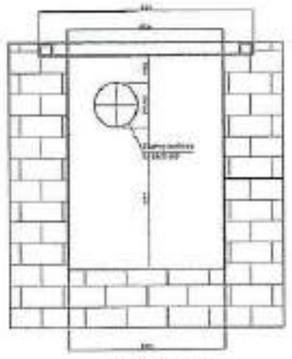

NHÌN THEO B

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Người lập | Chỉ huy trưởng công trình | Tư vấn giám sát trưởng

4			
3			
2			
1			
SỐ NO	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	CHẤP THUẬN APPROVAL

TÊN DỰ ÁN: NHÀ MỚI SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC KHUN XỐP VÀ CÁC TẤM CÁCH NHIỆT

CÔNG TY TNHH CÔNG TY TNHH HOÀNG TÂN HUY HOÀNG

NHÀ THẦU CHÍNH: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MẠNH HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MẠNH HÙNG

TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TỔNG GIÁM ĐỐC: PHAN TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: VŨ VĂN CHÍNH

THIẾT KẾ: VŨ XUÂN THUYẾT

KIỂM TRA: PHẠM VĂN HƯNG

HẠNG MỤC: BỂ TÁCH MỠ

TỶ LỆ SCALE:

NGÀY PHÁT HÀNH DATE: 2021

KÝ HIỆU DRAWING NO:

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI

MẶT BẰNG

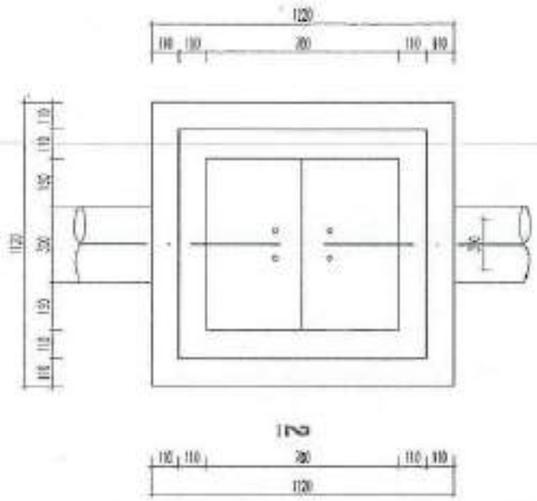

MẶT CẮT

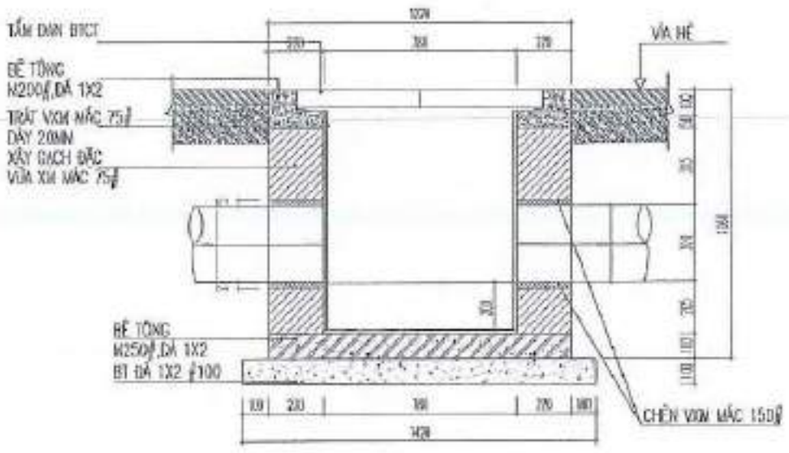

MẶT CẮT

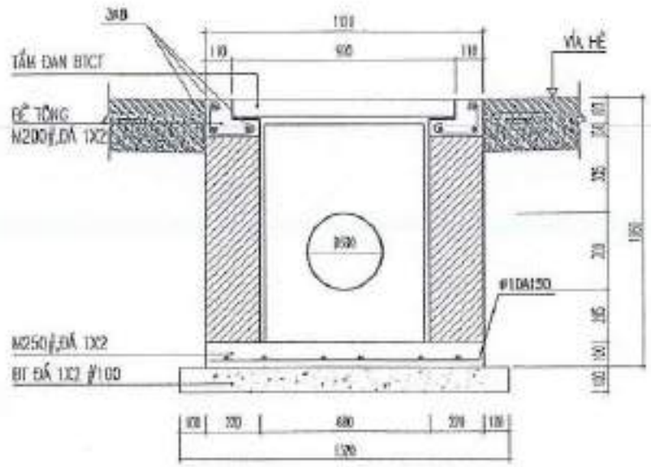

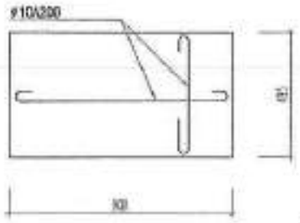

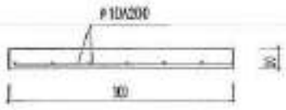

TẤM ĐAN BÊ TÔNG

THEP L80*4

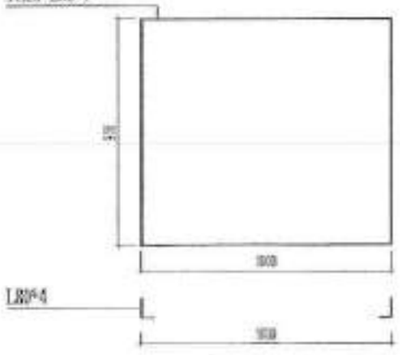

KHUNG VIỀN HỐ GA

THEP L70*4

KHUNG TẤM ĐAN

NOTE :	
HIỆU CHỈNH	REVISION
4	
3	
2	
1	
SỐ NO.	NGÀY DATE / NỘI DUNG DESCRIPTION / CHẤP THUẬN APPROVAL
TÊN DỰ ÁN	PROJECT NAME
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC NHẬN GỐP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾT	
CHỦ ĐẦU TƯ	OWNER
CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG	
NHÀ THẦU THI CÔNG	CONTRACTOR
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẢI LƯƠNG	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	DESIGN COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẢI LƯƠNG	
TỔNG GIÁM ĐỐC	GENERAL MANAGER
PHẠM TIẾN ĐÔNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	PROJECT MANAGER
VŨ VĂN CHÍNH	
THẨM ĐỊNH	INSPECTOR
VŨ XUÂN THUYẾT	
KIỂM TRA	CHECKED BY
PHẠM VĂN HƯNG	
HẠNG MỤC	ITEM
HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	DRAWING TITLE
TỈ LỆ SCALE	
NGÀY PHÁT HÀNH DATE	2021
SỐ HIỆU DRAWING NO	

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Văn Linh	Lê Tuấn Anh	Ngô Văn Dũng

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA

MẶT BẰNG

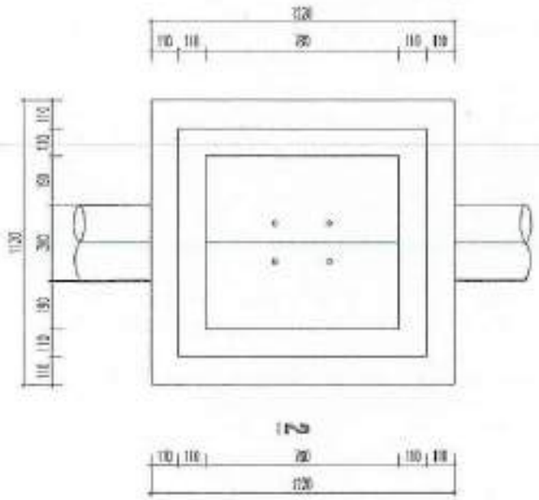

MẶT CẮT

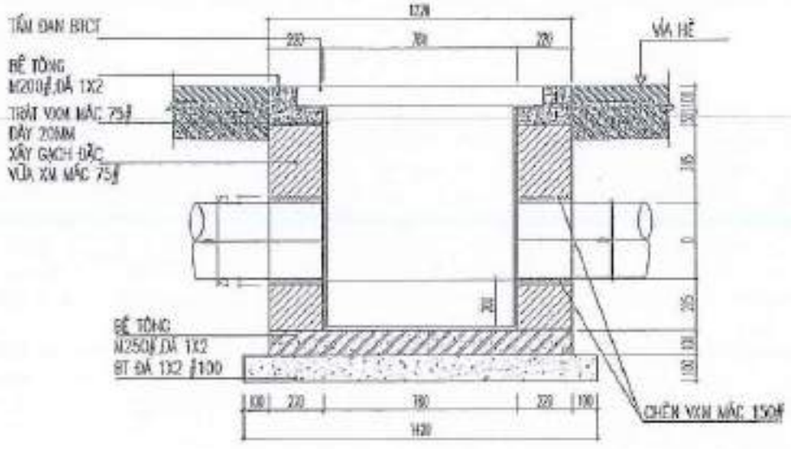

MẶT CẮT

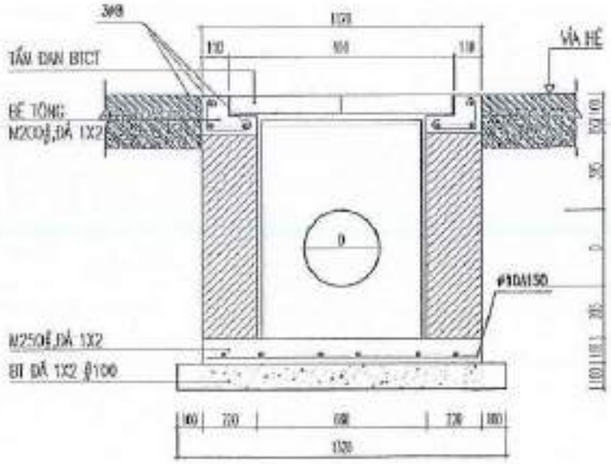

TẤM ĐAN BÊ TÔNG

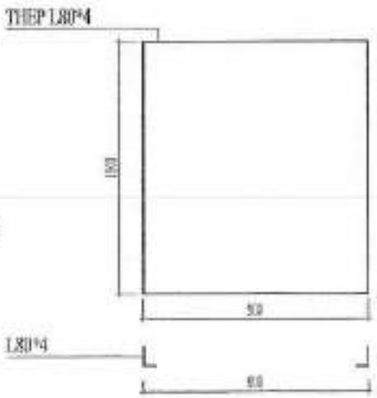

KHUNG VIỀN HỐ GA

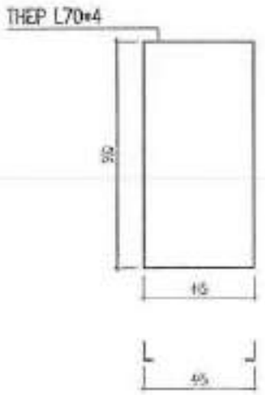

KHUNG TẤM ĐAN

TỶ LỆ SCALE	
NGÀY THIẾT LẬP DATE	2021
SỐ HIỆU DRAWING NO	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ GIẰNG MÓNG

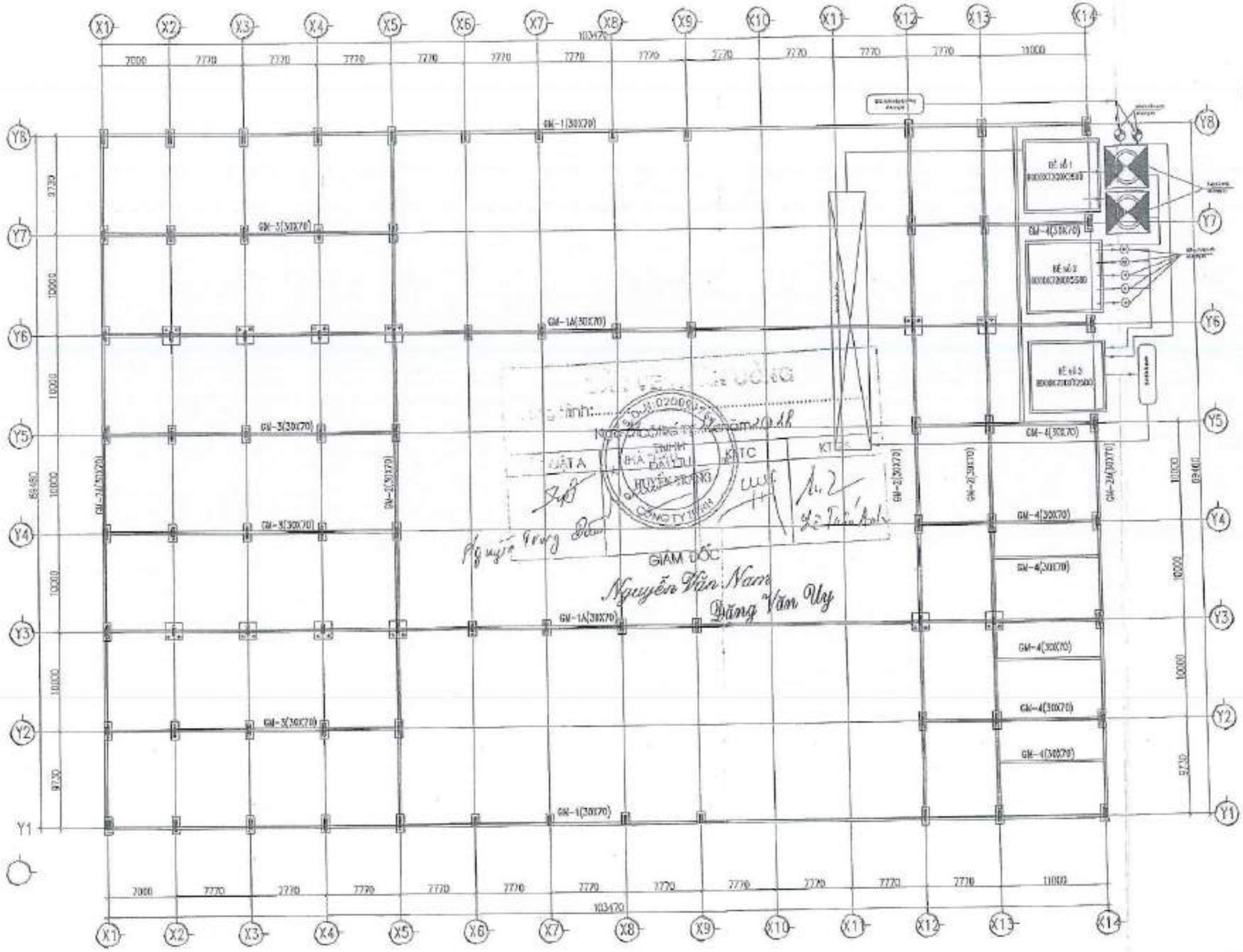

CẤU KIỆN	GM-1	GM-2	GM-3	GM-4
SỐ LƯỢNG	04	04	04	04

NGÀY:	SỬA ĐỔI
A	-/-/-
B	-/-/-

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

GIÁM ĐỐC

Trịnh Huy Hoàng

deco ARCHITECT & ENGINEERING

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ & ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TMB

HS-TKCP

Xưởng sản xuất số 2 (xưởng sản xuất hộp bán tự động)

KHU VỰC CHẤY QUẢY HẠT
KHU VỰC ĐỂ XELO
KHO HẠT
KHU VỰC ĐỂ XELO
KHU VỰC ĐỂ MÁY SẢN XUẤT TỰ ĐỘNG
XƯỞNG MÁY SẢN XUẤT THỦ CÔNG
MÁY ĐÁNH TỔM
KHU VỰC ĐỂ HÀNG SẢN XUẤT
KHU VỰC ĐỂ HÀNG ĐÓNG GÓI
NHÀ SẤY 1
NHÀ SẤY 2
D150
D100
13000
2000
2000
5000
39000
11500
4400
145
10500

HẠNG	SỬA ĐỔI
A	-/-/-

CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG
GIÁM ĐỐC

deco
ARCHITECT & ENGINEERING
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ & ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CHỦ TRÌ - PRINCIPAL ARCHITECT

THIẾT KẾ - DESIGNED BY

VẼ - DRAWN BY

KIỂM TRA KỸ THUẬT - CHECKED BY

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC SẢN XUẤT

TỶ LỆ - SCALE	1/100
TRANG - PAPER SIZE	A2/A1
NGÀY VẼ - DATE	06/2018
BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO.	TMB
	HS-TKCP

Ngày 27 tháng 6 năm 2018

BÊN GIAO A	TVC	KTS -
Nguyễn Văn Nam		Lê Tuấn Anh

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HOÀNG ANH GIANG

Nguyễn Văn Nam

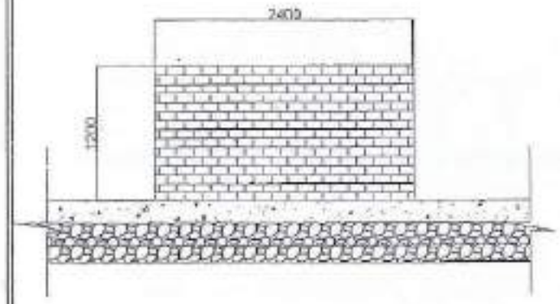

MẶT BÊN

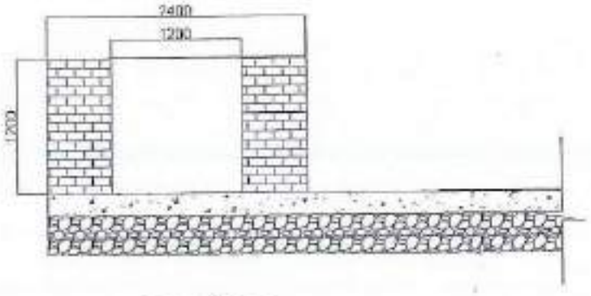

MẶT BẰNG

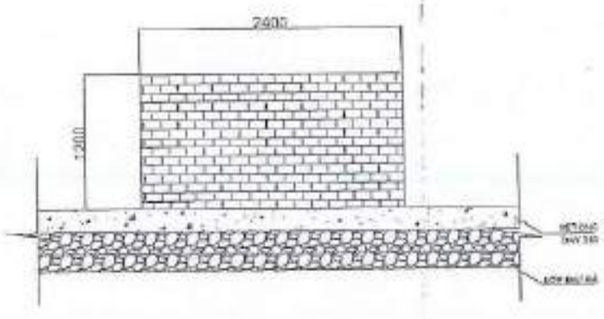

MẶT BÊN

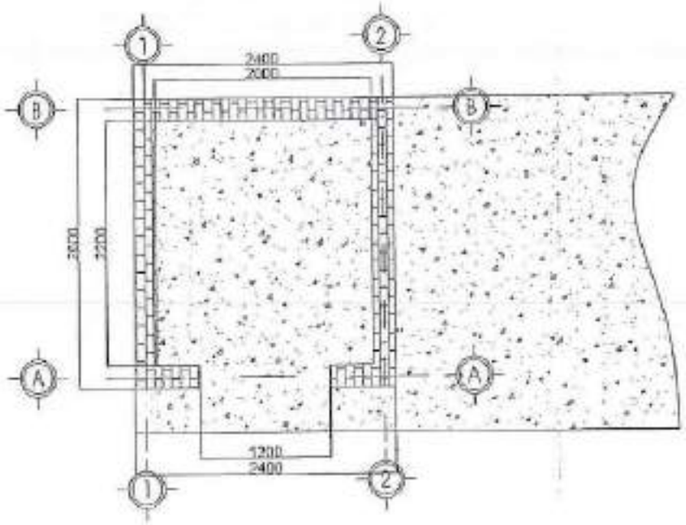

MẶT BẰNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Công trình: .....

Ngày ..... tháng ..... năm 2016

KỸ THUẬT A	CHỦ ĐẦU TƯ	KTTC	KTGS
Nguyễn Trung Thắng	GIÁM ĐỐC		Lê Tuấn Anh

Nguyễn Văn Nam

Đặng Văn Uy

NGÀY:	SỬA ĐỔI
A	
B	

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRẦN HUY HOÀNG

GIÁM ĐỐC

Trần Huy Hoàng

deco ARCHITECT & ENGINEERING

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ & ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

56-60A Trần Quang Khải - Hoàng Văn Thụ - H.Đồng - HP

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ PLASTIC, NHỰA XỐP VÀ CÁC LOẠI TẤM CÁCH NHIỆT

HẠNG MỤC: GA RÁC THẢI SINH HOẠT

GIÁM ĐỐC

CHỦ TRÌ

THIẾT KẾ

VẼ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

GA RÁC THẢI SINH HOẠT

KT-01

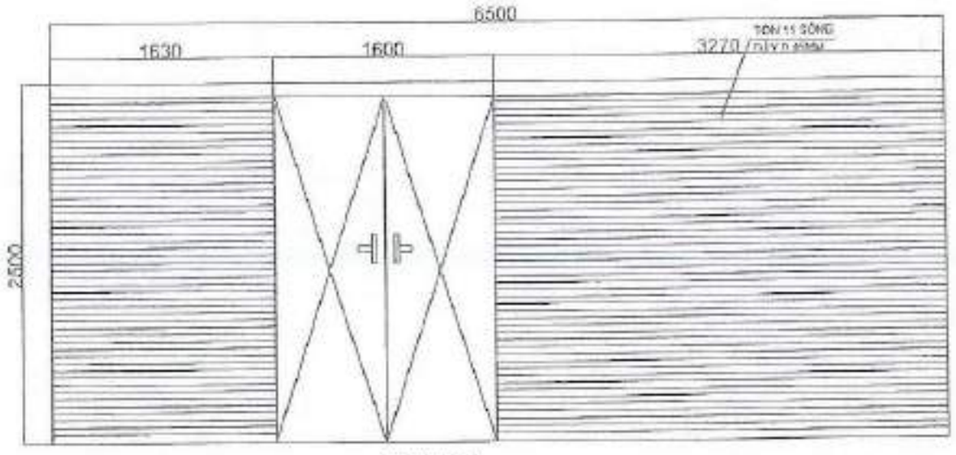

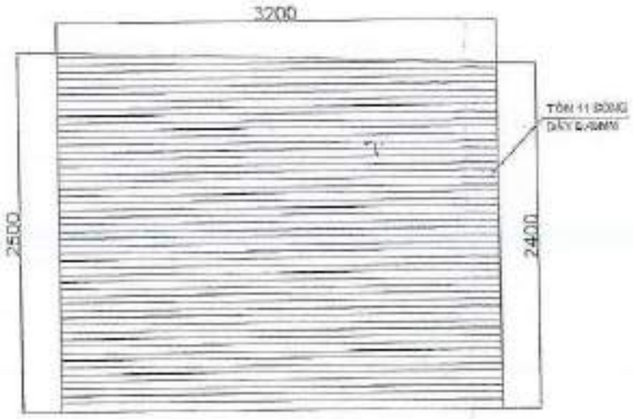

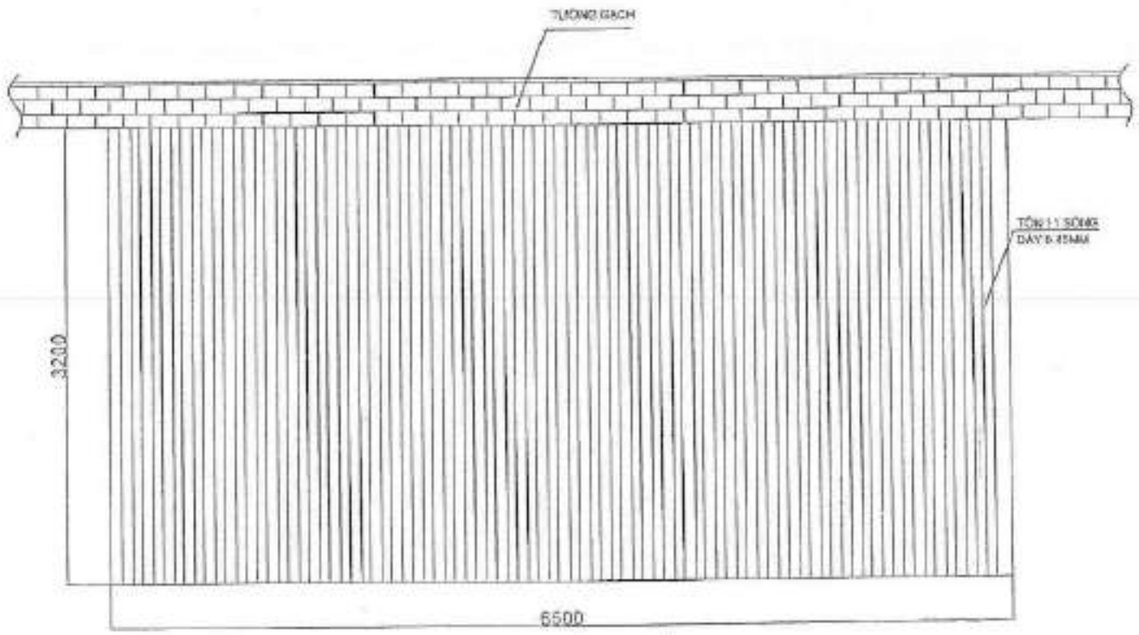

MẶT BẰNG MÁI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(AS-CONSTRUCTED DRAWINGS)
NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2016

ĐD CHỦ ĐẦU TƯ REP. OF THE OWNER	NHÀ THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP BÁI LONG CONTRACTOR: BAILONG CONSTRUCTION JSC., TỔNG GIÁM ĐỐC Phạm Tiến Dũng

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TÂN HUY HOÀNG
TÂN HUY HOÀNG
GIÁM ĐỐC
Trịnh Huy Hoàng

deco
ARCHITECT & ENGINEERING
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ & ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THIẾT KẾ TỔNG THỂ
NHÀ RÁC SX SỐ 2

SCALE:1/100
KT01

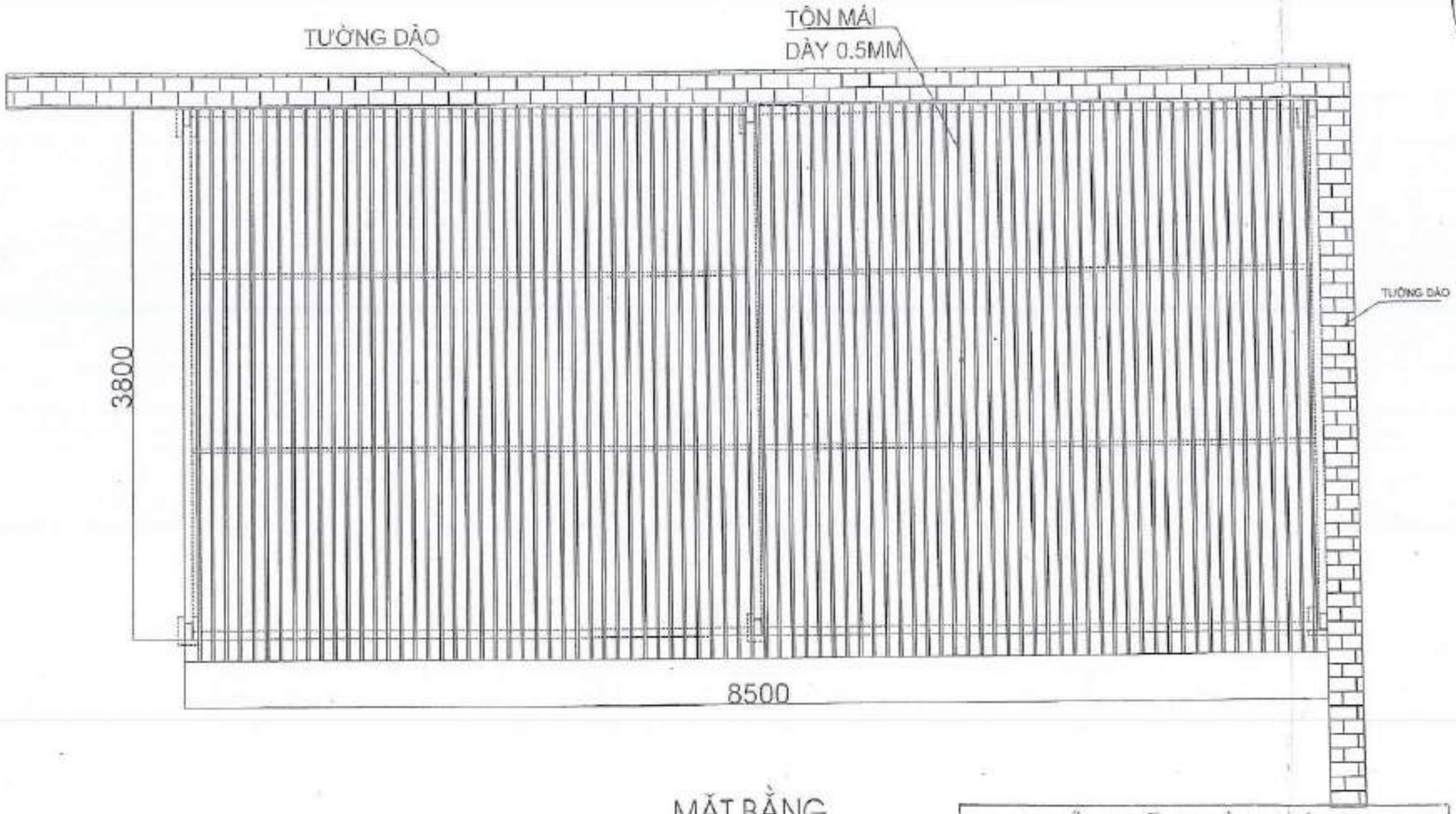

MẶT BẰNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(AS-CONSTRUETED DRAWING)
NGÀY ... THÁNG ... NĂM 20...

ĐD CHỦ ĐẦU TƯ REP. OF THE OWNER	NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẢI LONG CONTRACTOR: HAI LONG CONSTRUCTION JSC.,

NGÀY:	SỬA ĐỔI
A -/-/-	
B -/-/-	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ & ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TÊN CÔNG TRÌNH:

HẠNG MỤC:

MẶT BẰNG

NHÀ RÁC SX36A

TỶ LỆ: SCALE	BẢN VẼ SỐ: DRAWING NO
1/100	KT01
TÊN FILE: FILE NAME	
NGÀY HOÀN THÀNH: DATE	HS-HCP

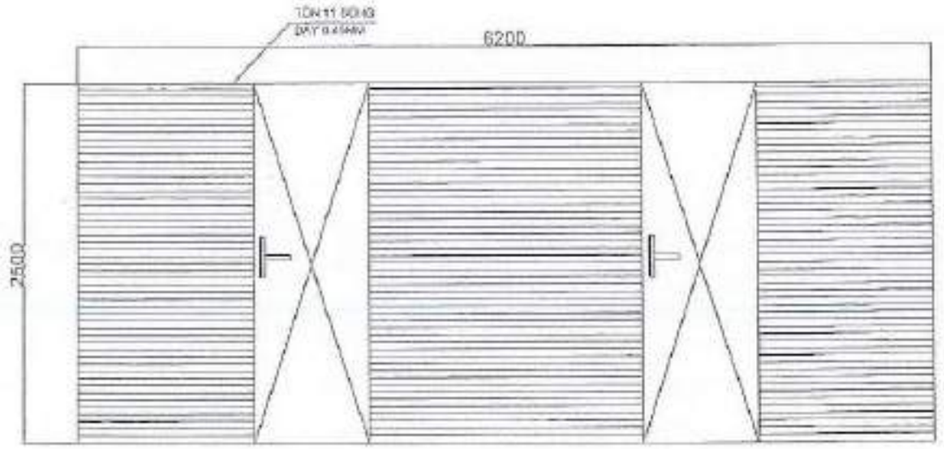

MẶT TRƯỚC

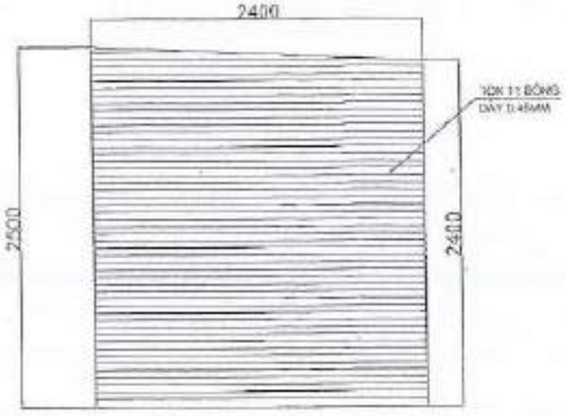

MẶT BÊN

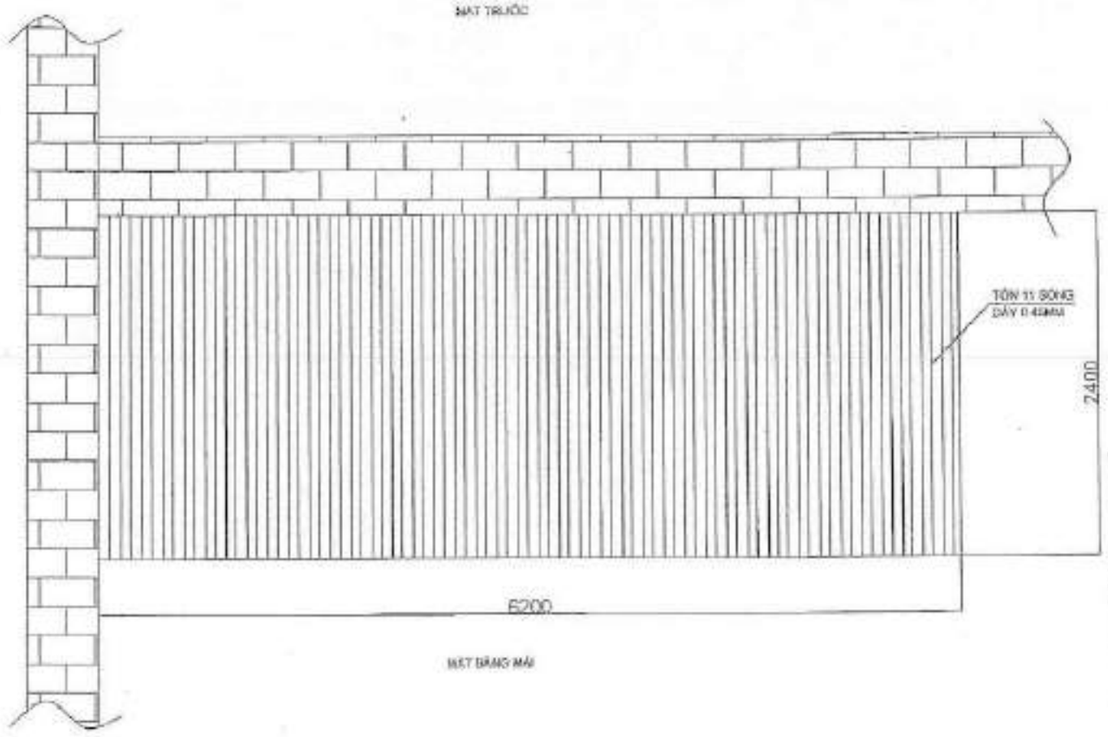

MẶT BẰNG MÁI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(AS-CONSTRUETED DRAWING)
NGÀY... THÁNG... NĂM 2016

ĐD CHỦ ĐẦU TƯ REP. OF THE OWNER	NT: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẢI LONG CONTRACTOR: HAI LONG INVESTMENT CONSTRUCTION JSC., GIÁM ĐỐC Phạm Tiến Dũng

NGÀY: SỬA ĐỔI

A --/--/--

B --/--/--

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN BÙI HOÀNG
TNHH
TƯ VẤN BÙI HOÀNG
GIÁM ĐỐC
Trịnh Huy Hoàng

deco
ARCHITECT & ENGINEERING

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ &
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Số 80A Trần Quang Khải - Thường Văn Thụ - Hồng Bàng - HP
Email: kientrucdeco@gmail.com - Website: www.deco.vn

TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ LÀM VIỆC KHỐI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
NHÀ LÀM VIỆC KHỐI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
NHÀ LÀM VIỆC KHỐI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH

VỊ TRÍ - LOCATION

GIÁM ĐỐC - CLIENT

CHỦ TRÌ - PROJECT ARCHITECT

THIẾT KẾ - DESIGNED

VẼ - DRAWN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECKED BY

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

THIẾT KẾ TỔNG THỂ
NHÀ QUẢC NGUYỄN

TỶ LỆ - SCALE
BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO
KT01

TIẾN ĐỘ - PATH TO
PATH TO

NGÀY HOÀN THÀNH
NGÀY ĐÓNG
HD-TKCP